

**VIỆT NAM**

**Thi nhân  
tiền chiến**

**Quyền Hạ**

**NGUYỄN TẤN LONG**

**VIỆT - NAM**

**THI-NHÂN TIỀN-CHIẾN**

**Quyển Hạ**

## *Bức thư ngỏ*

Kính bạn đọc thân mến,

1968. Xuân Mậu-thân. Một biến cố của chiến cuộc Việt-nam.

Nằm trong lòng lịch sử tang tóc đất nước, chúng tôi cảm thấy mong manh, bị vùn vủ theo cơn trốt của bão lửa.

Quyển *Hạ Việt-nam thi nhân tiền chiến* tượng hình trong hoàn cảnh gian nan, thiếu thốn, trong tình thần căng thẳng, dao động của một con người. Nhưng, vì một con người bé nhỏ trước một khối đại chúng đang mong đợi, vì trót đảm nhiệm sứ mệnh của thể hệ thi ca đã giao phó, chúng tôi không có quyền chối bỏ hay trốn tránh trách vụ hoàn tất bộ *Việt-nam thi nhân tiền chiến*.

Hôm nay, quyển *Hạ* được trình diện dưới mắt bạn đọc là một nỗ lực không ngừng; lẽ dĩ nhiên không tránh khỏi những thiếu sót, vì khói lửa chiến tranh đã cướp đoạt nhiều phương tiện của cá nhân.

Chúng tôi mong quý bạn đọc sẽ cảm thông mà lượng thứ.

**Sọn giả**  
NGUYỄN TẤN LONG

---

## Á - NAM

# TRẦN TUẤN KHẢI

---

**C**Ụ Trần tuấn Khải biệt hiệu Á-Nam; sinh năm 1894 tại làng Quang-xán, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định (Bắc-phần).

Xuất thân là nhà nho nghèo, phụ thân Cụ là bậc danh sĩ đương thời, đậu cử nhân khoa thi Hương năm 1890 và mất năm 1914.

Cụ bắt đầu học chữ Hán với thân phụ từ năm lên 6 tuổi. Thuở nhỏ Cụ đã ưa thích làm văn thơ và mang một tấm lòng thương xót nòi giống. Vì thế, những sáng tác của cụ hàm chứa tính chất bi hùng, gợi nhiều xúc cảm.

Năm 1921, Cụ xuất bản tập thơ thứ nhất Duyên nợ phù sinh 1, chữ Hán đề là Kim, sinh, luy, được nhiều lưu tâm của giới văn học đương thời; qua năm sau, Cụ được mời vào bộ biên tập nhật báo Khai hóa tại Hà-nội. Ngoài ra, Cụ còn viết giúp cho các báo chí Nam, Trung, Bắc.

Năm 1922, xuất bản tập thơ thứ nhì Duyên nợ phù sinh 11 và quyền tiễu thuyết Gương bề dẫu 1.

Năm 1925, xuất bản quyền tiễu thuyết Hồn hoa và quyền văn dịch bộ Mạnh-tử, bộ tiễu thuyết Thủy-hử của Trung-



hoa. Trong thời gian này Cụ còn soạn thảo và dịch nhiều sách khác.

Cuối năm 1926, xuất bản tập Bút quan hoài 1, gồm nhiều bài khích động bi hùng càng được các giới quốc dân hoan nghinh. Vì thế, năm 1927 người Pháp ra lệnh cấm lưu hành và tàng trữ tập văn thơ đó. Lúc bấy giờ Cụ đã thôi việc ở nhà báo Khai hóa, rồi viết giúp cho các báo Vệ nông, Đồng tâm tuần báo, Phụ nữ thời đàm, Đuốc nhà Nam, Văn học tạp chí, v. v...

Năm 1932, xuất bản quyền Chơi xuân, trong đó có nhiều bài lâm ly cảm khái gọi lòng căm phẫn của quốc dân nên bị người Pháp cấm lưu hành và bắt tác giả cầm tù trong mấy tháng. Sau đó, Cụ cho xuất bản tập thơ Bút quan hoài 11.

Năm 1934, xuất bản quyền Ngụ ngôn và quyền văn dịch Tam tự kinh là loại sách rèn luyện đạo học cho thanh niên. Đồng thời, có viết cho Tiều thuyết nguyệt san, Hữu thanh tạp chí; dịch bộ tiều thuyết Hồng tú Toàn đăng trên nhật báo Đông Pháp, dịch bộ Đông châu liệt quốc cho xuất bản.

Khoảng năm 1935-36, xuất bản bộ tiều thuyết Thiên thai lão hiệp, trong đó có ý cổ động công cuộc khởi nghĩa và làm cách mạng.

Năm 1937, xuất bản tập thơ Với sơn hà 1 và năm 1947, tập Với sơn hà 11. Cũng thời gian này, Cụ có giúp việc sưu tầm khảo cứu trong Bộ Quốc-gia Giáo-dục cho chính phủ Việt-nam và sau đây được sung làm giáo sư dạy tại các trường Nam, Nữ Trung-học tại Hà-nội.

Qua năm 1955 di cư vào Nam, cùng gia đình ngụ tại Sài-gòn.

Năm 1959, xuất bản tờ Văn học tạp chí, nhưng được mấy số, vì tài chánh eo hẹp nên tự đình bản.

Từ năm 1960, được sung giúp việc về phần Hán-văn tại Nha Văn-hóa Sài-gòn và hiện nay (1968) giữ việc sưu tầm và nghiên cứu tại Trung-ương Thơ-viện Quốc-gia ở thủ-đô Sài-gòn.



**C**HÚNG tôi sắp sửa nói đến với quý bạn tiếng thơ của một cụ già đây !

Nếu cụ Ưng-Bình Thúc-Giạ Thị được coi như món quà lưu tặng từ hậu bán thế kỷ XIX, thì cụ Á-Nam Trần tuần Khải (1894) đã dùng nghệ thuật thi ca như tiếng đồng vọng của thế hệ Đông-kinh Nghĩa-thục, hay đúng hơn, của những thanh niên có tâm chí trong Phong-trào Đông-du 1905 — 1908.

*Việt-nam thi nhân tiền chiến* có cái tham vọng là giới thiệu với bạn đọc đôi tiếng thơ mà những con mắt phê bình nghiêm khắc sẽ cho là quá ham hố vì đã vượt phạm vi thời và không gian của nó. Người ta sẽ không chấp nhận sự sắp xếp để dài những cụ già bên cạnh lớp người trẻ. Họ sẽ bảo, một sự gương ép như thế thì không còn gì là « tiền chiến » với tất cả ý nghĩa của thời kỳ bột phát phong trào thơ mới.

Nhưng biết làm sao hơn, nhất là các bạn sinh viên, khi ta thuộc lâu lâu thi ca cò vắn trong chương trình học, rồi ta lại biết rạch ròi những sáng tác của thế hệ thơ mới mà không biết một tí gì về nhạc thơ độc đáo của Á-Nam Trần tuần Khải ; đó là một khuyết điểm, nó sẽ lật đổ cái tri thức thi ca của ta. Các bạn còn nhớ chăng, sự không lưu tâm đến tiếng thơ cơ hồ quên lãng ấy đã khiến các bạn ngỡ ngàng khi chạm phải bài thơ *Hai chữ nước nhà* của Á-Nam Trần tuần Khải trong đề thi Tú-tài phần nhất ở niên khóa 1957.

Á-Nam Trần tuần Khải không thuộc lớp người cũ của những Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương v. v... ; cụ cũng không phải ở trong phong trào thơ mới với tư tưởng lãng mạn. Đối thế hệ trước, cụ chưa có ; đối lớp người sau, cụ tỏ ra già nua. Cho nên người ta đã phải băn khoăn khi lựa chọn cho cụ một thế hệ. Rồi như có sự đồng ý, trong *Thi nhân Việt-nam hiện đại* của Phạm-Thanh năm 1959, *Thi ca Việt-nam hiện đại* của

Trần tuấn Kiệt năm 1967, đã đặt đề cụ vào lớp người « hiện đại ». Không ngoài ý nghĩ ấy, chúng tôi xin liệt cụ vào lớp người của thế kỷ này.

Đã an vị, bây giờ chúng ta hãy nói đến tiếng thơ của cụ, nói đến tâm hồn của cụ. Sắc thái dị biệt và độc đáo của những bài *Tiến chân Anh Khóa, Mong Anh Khóa, Gửi thư cho Anh Khóa* chứng tỏ cụ đã tự tạo cho mình một nhạc điệu riêng rẽ và biểu lộ một tác lòng tha thiết với quê hương. Bài *Hai chữ nước nhà* cũng thế, cụ đã thác ngôn Nguyễn phi Khanh nói với Nguyễn Trãi đề dặn dò người trai thế hệ.

Đề bạn trẻ ngày nay ý thức được tầm mức quan trọng do sự hiện diện của cụ trong văn học, chúng tôi xin dẫn chứng lời tự nhận của một người thơ đã say sưa rung động theo tiếng nhạc thơ truyền cảm của cụ, khi ông Trần tuấn Kiệt (1) nói :

*\* Riêng chúng tôi từ nhỏ, lúc còn học ở trường tiểu học Sa-déc, được người thầy dạy vài câu thơ của Á-Nam Trần tuấn Khải, không biết vì sao mà chúng tôi cảm thấy say sưa với những dòng thơ đó :*

*Chốn ai Bắc mây sầu ảm đạm  
Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu  
Bốn bề hồ thét chim kêu*

*Đoái nom phong cảnh như kêu bất bình.*

Rồi Sa-Giang Trần tuấn Kiệt thêm :

*« . . . Thơ ông đã gieo vào lòng chúng tôi một mối cảm thông với hoàn cảnh đất nước. Như một ánh sáng chói lọi mở cho con mắt trẻ trung của chúng tôi nhìn thấy cảnh điêu tàn của quê hương . . . »*

Đâu riêng gì ông Trần tuấn Kiệt sau này khi nghe được thầy dạy đọc năm ba câu thơ của Trần tuấn Khải, mà trước đó, hàng triệu cõi lòng đã nao nao trước cao trào của thế hệ thanh niên đang bừng khí quật khởi, nện mạnh

1) Ông Trần tuấn Kiệt không phải là đồng đời Trần tuấn Khải ; ông tự nhận là người chịu ảnh hưởng từ nhỏ thơ của cụ Trần tuấn Khải mà lấy bút hiệu Sa-Giang Trần tuấn Kiệt, soạn giả bộ *Thi ca Việt-nam hiện đại*.

gót Đông-du, mang theo bên mình một hoài bão to lớn và một bầu nhiệt huyết đối với quốc gia dân tộc.

Chúng tôi tưởng lúc bấy giờ những ai hằng lưu tâm đến vận nước cũng vẫn dành ở cõi lòng mình một nơi ngự trị cho mấy vần thơ « Anh Khóa » (« Anh Khóa » là danh hiệu thời ấy người ta đặt cho Á-Nam Trần tuần Khải, cũng như sau này « con nai vàng » là danh hiệu của Lưu trọng Lư vậy).

Chúng tôi nhận thấy không tối thiết khi phải phân tích những vần thơ của cụ cho thêm rườm rà ; nó không chứa đựng triết lý bí hiểm, tư tưởng cao siêu, nó giản dị như một chân tình, nó rõ ràng như sự phơi bày trọn vẹn cả tất lòng ; người đọc dễ dàng đạt ý và rung động qua trực cảm, vì Á-Nam đã cấu tạo thơ mình bằng nhạc điệu quen thuộc của dân tộc cho nên sức truyền cảm rất bén nhạy.

Khảo sát văn thơ, chúng tôi còn bắt gặp đó đây tư tưởng của cụ đã thành câu châm ngôn, cũng không ngoài gieo vào lòng người một ý chí bất khuất, một hùng khí ngùn ngụt, một nghĩa vụ thiết yếu của con người đứng với danh nghĩa « làm người » của nó.

Chúng ta hãy lược qua dòng tư tưởng của cụ sau đây :

\* « *Linh hồn ta là linh hồn của non sông nòi giống ; thân ta là thân của non sông nòi giống ; ta không được làm càn, không được tự bỏ liều, không được thiện tiện ủy khúc theo ai mà không ai có quyền gì áp chế được.* » (Bút quan hoài)

\* « *Con chim khôn, con hổ mạnh, đã bị nhốt vào lồng, giam vào cũi, sau đấy dù đẻ cái sinh con, chẳng qua cũng lại lọt vào cũi và lồng, còn trốn đi đâu cho thoát.* » (trích trong một bức thơ « Chủ nghĩa cá nhân tự lập »)

\* « *Ý lại người ngoài mà được danh giá là danh giá hão. Ý lại người ngoài mà được hạnh phúc là hạnh phúc vờ. Hạnh phúc vờ, danh giá hão, cũng như ảnh tượng gỗ, ảnh tượng sành, người ta đề lúc nào thì nguy nga lúc ấy, mà đập tan đứt bẻp thì lại hoàn là kiếp vắn kiếp tro. Cho nên làm người quí ở tự lập.* » (Bút quan hoài)

\* « *Đưa đầy tớ của ta cũng là người, ta không nên áp chế nó. Thăng giặc cướp hung bạo cũng là người, ta không nên sợ*

hãi nó. Ta nên trọng công lý mà chớ cho ai phạm được công lý của ta. Đó mới là tinh thần tự lập. » (Bút quan hoài)

\* « Nhà cửa ta ở, tiền của ta tiêu, trước đây không phải nguyên ta sẵn có. Đã không phải nguyên ta sẵn có, thì cũng không phải là riêng một của ta, mà tất có phen sang tay người khác. Vậy của đời ta làm việc đời, can chi mà bo bít cho mang tiếng thàng giặc dư tiền ? » (Bút quan hoài)

\* «Loài súc vật chỉ được no béo lấy thân là ngoe nguýt đặc chỉ với nhau, còn thiết dẫu đến nghĩa vụ với non sông ? Vậy làm người phải nên khác loài súc vật. » (Bút quan hoài)

Ý hẳn độc giả, nhất là những con người thế hệ — ngày mai nên tạc lấy nằm lòng những lời trên đây đề sau này có khi hữu dụng.

Bây giờ chúng tôi xin mời quý bạn hãy đọc những bài « Anh Khóa » đề tự tạo cho mình một nhạc cảm khi rung lại sợi dây tơ của những cõi lòng trong mùa quật khởi của dân tộc.

\* \* \*

## Thi tuyên

### Tiến chân Anh Khóa

Anh Khóa ơi ! Em tiến chân anh đến tận bến tàu,  
Hai tay em đỡ cái khăn trầu em lấy đưa anh.

Tay cầm trầu giọt lệ chạy quanh,  
Anh xơi một miếng cho bõ chút tình em nhớ thương.  
Anh Khóa ơi ! Cái bước công danh ngoắt ngoéo đủ trăm  
đường,

Anh đi một bước tấm gan vàng em xẻ làm hai.

Kìa người ta bè bạn vui cười,

Hai anh em ta thương nhớ chỉ ngậm ngùi mà đứng trông  
nhau.

Anh Khóa ơi ! Cời tu tu tàu sắp kéo cầu,

Đường trần em sắp sửa gánh sầu từ đây.

Trông anh, em chẳng nở rời tay,

Nỗi riêng em dặn câu này anh chớ có quên :

Anh Khóa ơi ! Người ta lắm bạn nhiều tiền,  
 Anh em ta phận kém duyên hèn mới phải long đong.  
 Một mình anh nay bắc lại mai đông,  
 Lấy ai trò chuyện cho khuây lòng lúc sớm khuya ?  
 Anh Khóa ơi ! Chữ tương tư vai em gánh nặng nề,  
 Giang hồ anh sớm liệu trở về kèo nữa em mong.  
 Tính toan sao cho phi chí tang bồng,  
 Ở nhà em cũng đóc một lòng giữ phận thuyên quyên.  
 Anh Khóa ơi ! Cái máy phân ly sinh sịch sắp chia duyên,  
 Thôi anh ngồi lại đề em bước lên trên mạn bờ.  
 Gió hiu hiu nước chảy lờ đờ,  
 Dưới sông con tàu chạy, trên bờ em với trông.  
 Anh Khóa ơi ! Anh ra đi mây nước muôn trùng,  
 Em trở về vô vớ phòng không một mình.  
 Với trông theo tàu ngoắt khúc sông quanh,  
 Sông bao nhiêu nước giọt lệ tình em bấy nhiêu..

Á-Nam soạn năm 1914



### Mong Anh Khóa

(Trong cuốn *Duyên nợ phù sinh I*, có bài *Triển chân Anh Khóa* nay đã trải qua một năm ròng mà chưa thấy tin tức Anh Khóa trở về nên động lòng mong nhớ mà viết bài này).

Anh Khóa ơi ! Lúc đêm khuya em ngồi tựa chõn bùng diều,  
 Một mình em mở quyển Kim-Vân-Kiều em đọc em ngâm.  
 Đọc đến câu « Đã nguyện đôi chữ đồng tâm »,  
 Giật mình tưởng khách xa xăm em lại sầu.  
 Anh Khóa ơi ! Kề từ khi em tiễn chân anh ra đến bến tàu,  
 Lời phân ly em chưa cạn mà con tàu nó đã quay đi.  
 Một mình em vờ vẫn bước ra về,  
 Với trông mây nước trăm bề em những ngồn ngang.  
 Anh Khóa ơi ! Ở trên đời chi hiểm kế giàu sang,  
 Sao anh không luồn cúi đề khuênh khoang cho nó qua đời.  
 Can chi mà nay ngược lại mai xuôi ?  
 Đề buồn không em than thở mà bên trời anh cũng lênh  
 đênh ?

Anh Khóa ơi ! Cái kiếp nam nhi anh gánh vác đã đành,  
 Như em là phận gái dễ xuân xanh được mấy mươi lần ?  
 Mới ngày nào đào hạnh vẫn cười xuân,  
 Mà quỳên kêu ve gọi lần lần cảnh đã sang đông.

Anh Khóa ơi ! Bấy lâu nay xa cách vân mùng,  
 Bên đường em trông ngóng, bên sông em đợi chờ ;  
 Đường vắng tanh, sông nước chảy lờ đờ,  
 Một thương hai nhớ biết bao giờ cho lại gặp nhau ?

Anh Khóa ơi ! Trời cao cao, nước biển sâu sâu,  
 Hỏi rằng trời biển thấu nỗi nhau chẳng là ?  
 Một mình em thu xếp cửa nhà,  
 Dạy con em thay bố, nuôi mẹ già em lại thay con.

Anh Khóa ơi ! Tính đốt tay đã một năm tròn,  
 Ăn sương nuốt gió kè cũng hao mọn cái kiếp con ve.  
 Nghĩ nguồn cơn khuya sớm đi về,  
 Một thân em vò vớ biết hề than thở cùng ai ?

Anh Khóa ơi ! Cuộc phân ly con tạo khéo trêu người,  
 Non cao biển rộng, nợ đời em trả biết bao xong ?  
 Nhớ đến câu « xuất giá theo chồng »  
 Dẫu trăm cay ngàn đắng cũng dốc một lòng với gánh  
 giang san.

Anh Khóa ơi ! Kiếp tài tình đã trót đã mang,  
 Năm chìm bảy nổi xin anh chàng cũng chớ ăn năn.  
 Nửa một mai thiên địa xoay vần,  
 Nụ xanh hoa thắm, gặp ngày xuân ta lại tươi cười.

Anh Khóa ơi ! Đường bắc nam bao xiết nỗi ai hoài,  
 Gạt sầu pha lệ, viết mấy lời tỏ dạ nhớ mong.  
 Nước non xa muôn dặm vắng vùng,  
 Quê nhà đất cũ xin thấu tấm lòng cho ai.

Này hơi anh Khóa em ơi !!!

(1922)



Gửi thư cho Anh Khóa

(Quyển Duyệt nợ phù sinh I có bài Tiền chân Anh Khóa, đến quyển II lại có bài Mong Anh Khóa, tới nay chưa thấy Anh Khóa về. Vậy có bức thư gửi cho Anh Khóa).

Anh Khóa ơi ! Cái cuộc phân ly thắm thoát đã mấy năm rồi ;  
 Em mong, em nhớ, em ngồi, em nghĩ lại thương anh,  
 Trông bốn phương non nước nhưng mộng mênh.  
 Trời Âu, bề Á, một chiếc thuyền tình anh biết ghé nơi  
 nao ?

Anh Khóa ơi ! Em nghĩ thương anh cũng bực anh hào,  
 Ngang trời dọc đất để anh nào đã có chịu thua ai ?  
 Chỉ tiếc thay cho anh sinh chẳng gặp thời,  
 Đề tang bằng nặng gánh, anh phải ngậm ngùi mà bước  
 chân ra.

Anh Khóa ơi ! Em nghĩ thương anh cũng một kiếp tài hoa,  
 Bước đời xô đẩy anh phải xông pha với bước phong trần.  
 Ngọn gió năm châu dào dạt sóng duy tân,  
 Tình nhà, nổi nước, chiếc thân anh lo nghĩ đủ trăm  
 chiều.

Anh Khóa ơi ! Kia con đường vắng mình ai chẳng dập dùi,  
 Riêng anh đây lên giốc xuống đèo thui thối với gánh  
 giang san.  
 Nào những khi : xa trông cơn mây kéo, lúc ngồi tựa  
 bóng trăng tàn,  
 Biết cùng ai bày giải tâm can cho khách giang hồ ?

Anh Khóa ơi ! Trông non sông em lại ngán cơ đồ,  
 Bắc nam anh xuôi ngược, biết bao giờ thỏa chí bằng  
 tang ?  
 Cái cõi phù sinh khen con Tạo khéo đưa đường,  
 Má hồng, mặt trắng, cũng một kiếp đoạn trường ai dễ  
 khác ai ?



Anh Khóa ơi ! Ngắm ngàn xưa hào kiệt với anh tài :  
 Bề dâu chìm nổi, cái bước trên đời ai khỏi gian nan ?  
 Anh nghĩ làm sao cho danh nghĩa được vẹn toàn ?  
 Dề treo gương hào hiệp với giang san sau này.

Anh Khóa ơi ! Nhờ luồng điện trên không em gửi bức tờ mây,  
 Chân trời, mặt biển, cái lá thư này mong đến tay anh,  
 Chốn buồn riêng đây em tưởng nhớ xiết bao tình,  
 Khi vui em muốn khóc, lúc buồn tênh em lại cười !

Anh Khóa ơi ! Em cảm thương anh, em lại giận cho trời ;  
 Bức tranh vãn cầu cái tấn trò đời bày xóa như không.  
 Anh thà như ai cầm điếu đã xong,  
 Chỉ bung tai nhắm mắt mà ôm lấy miếng đỉnh chung nó  
 cũng qua đời !

Anh Khóa ơi ! Thôi, kè bao nhiêu lại càng động mối quan hoài,  
 Gan vàng dạ sắt nguyện có đất trời soi xét cho nhau.  
 Em chỉ nhờ ai xoay lại quả địa cầu,  
 Cho duyên em gặp gỡ, cho non nước khỏi ưu sầu với  
 lúc mưa râm.

Anh Khóa ơi ! Ở trên đời này được mấy bạn tri âm,  
 Trời cao bề rộng, cái mối đồng tâm xin anh chớ hững  
 hờ.

Còn non sông, em đây còn quyết chí đợi chờ,  
 Tàu bay, tàu lặn, đến bấy giờ ta sẽ gặp nhau..

## Hai chữ nước nhà

(Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu).

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,  
 Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu.  
 Bốn bề hồ thét chim kêu,  
 Đối nom phong cảnh như khêu bất bình.

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,  
 Chút thân tàn lãn bước dậm khơi ;  
 Trông con tầm tã châu rơi,  
 Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên :  
 Giống Hồng-lạc, hoàng thiên đã định,  
 Máy ngàn năm suy thịnh đổi thay,  
 Trời Nam riêng một cõi này,  
 Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì !  
 Than vận nước gặp khi biến đổi,  
 Đè quân Minh thừa hội xâm lăng,  
 Bốn phương khói lửa bừng bừng,  
 Xiết bao thảm họa sương rừng máu sông !  
 Nơi đô thị thành tung vách vỡ  
 Chốn dân gian bỏ vợ lìa con,  
 Làm cho xiêu tán hao mòn,  
 Lạ gì khác giống dễ còn thương đau !  
 Thảm vong quốc kè sao xiết kè !  
 Trông cơ đồ nhường xé tâm can,  
 Ngậm ngùi đất khóc trời than,  
 Thương tâm nòi giống lăm than nỗi này !  
 Khói Nùng-lĩnh như xây khói uất,  
 Sóng Long-giang nhường vật cơn sầu ;  
 Con ơi ! càng nói càng đau . . .  
 Lấy ai tế độ đàn sau đó mà ?  
 Cha xót phận tuổi già sức yếu,  
 Lỡ sa cơ đành chịu bó tay,  
 Thân lươn bao quản vũng lầy,  
 Giang san gánh vác sau này cậy con.  
 Con nên nhớ tổ tôn khi trước :  
 Đã từng phen vì nước gian lao,  
 Bắc Nam bờ cõi phân mao  
 Ngọn cờ độc lập máu đào còn giây.

Kìa Trưng-nữ ra tay buồm lái,  
 Phận liễu bồ xoay với cuồng phong,  
 Giết giặc nước, trả thù chồng,  
 Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi.

Kìa Hưng-Đạo gặp khi quốc biến,  
 Vì giống nòi huyết chiến bao phen !  
 Sông Bạch-đăng phá quân Nguyên,  
 Gươm treo chính khí, nước rền dư uy,  
 Cõi lịch sử gương kia còn tỏ,  
 Mở dư đồ đất nọ chưa tan,  
 Giang san này vẫn giang san,  
 Mà nay xẻ ghé tan dần vì ai ?

Con nay cũng một người trong nước,  
 Phải nhắc cân Gia, Quốc đôi đường,  
 Làm trai hồ thi bốn phương,  
 Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc-Hồng,  
 Thời thế có anh hùng là thế,  
 Chữ vinh hoa sá kè làm chi !  
 Mấy trang hào kiệt xưa kia,  
 Hi sinh thân thể cũng vì nước non,

Còn đương độ đầu son tuổi trẻ,  
 Bước cạnh tranh há để nhường ai ?  
 Phải nên thương lấy giống nòi,  
 Đừng tham phú quý mà nguôi tắc lòng,  
 Kiếp lữn cú, đỉnh chung cũng nhục,  
 Thân tự do, chiêm chúc mà vinh.  
 Con ơi ! nhớ đức sinh thành,  
 Sao cho khỏi dè ô danh với đời.

Chớ lẫn lừa theo loài nô lệ.  
 Bán tở tiên kiếm kẻ sinh nhai,  
 Đem thân đầy đọa tới đời,  
 Nhục nhân bêu riếu muôn đời hay chi ?

Sống như thế sống để sống mặt,  
 Sống làm chi thêm chật non sông !  
 Thà rằng chết quách cho xong,  
 Cái thân cầu trệ ai mong có mình !  
 Hưởng con cũng học hành khôn biết,  
 Làm giống người phải xét nông sâu,  
 Tuồng chi gục mặt cúi đầu,  
 Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành !  
 Nỗi tâm sự đỉnh ninh nhường ấy,  
 Cha khuyên con có bấy nhiêu lời,  
 Con ơi ! con phải là người,  
 Thì con theo lấy những lời cha khuyên.  
 Cha nay đã muôn nghìn bi thảm,  
 Nói bao nhiêu tâm khảm càng đau,  
 Chân mây mặt cỏ rầu rầu,  
 Càng trông cố quốc mạch sầu càng thương !  
 Lời cha dặn khắc xương đề dạ,  
 Mấy gian lao con chớ sai nguyên ;  
 Tuốt gươm thề với xương thiên,  
 Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu.  
 Gan tráng sĩ vững sau như trước,  
 Chí nam nhi lấy nước làm nhà,  
 Tắm thân xé với san hà,  
 Tượng đồng bia đá họa là cam công.  
 Nửa mai một giết xong thù nghịch,  
 Mũi long tuyền lau sạch máu tanh.  
 Làm cho đất động trời kinh,  
 Bấy giờ quốc hiền gia vinh có ngày.  
 Nghĩa vụ đó, còn hay chẳng tá.  
 Tính toán sao vẹn cả đôi đường.  
 Cha dù đất khách gửi xương,  
 Trông về cố quốc khỏi thương hồn già,  
 Con ơi, Hai Chữ Nước Nhà . . .



## Tráng sĩ hành

Bắc phong tiêu tiêu hễ Dịch thủy hàn,  
 Tráng sĩ nhất khứ hễ bất phục hoàn.  
 Gió đầu hiu sông Dịch lạnh lòng ghê,  
 Tráng sĩ một đi không bao giờ về.  
 Tay nâng chén rượu già người cũ,  
 Miệng đọc câu ca chân bước đi.  
 Dao tình mài liếc với thanh khí,  
 Chí hùng trung bốt đầy sơn khe.  
 Nghe tiếng đàn trúc rõ réo rất,  
 Mặc cho kẻ hết niềm phân ly...  
 Niềm phân ly !  
 Đã bước chân ra không hẹn kỳ.  
 Đời người bất quá vị tri kỷ,  
 Sống chết nên chẳng ai sá chi ?  
 Túi áo nghênh ngang ba thước kiếm,  
 Bụi hồng giông ruồi đôi bánh xe.  
 Ngoảnh lại thành Yên đầy uất khí,  
 Thấu lòng họa chỉ người tương tri.  
 Người tương tri,  
 Tắm gan bầu mật cùng nhau thề,  
 Thề đem tấm thân tới hang hồ,  
 Giết con cọp dữ rừng man đi.  
 Đời nếu chôn lấp hết công lý,  
 Anh hùng, hào kiệt còn ra chi  
 Phá núi Thái-sơn, lấp Đông-hải.  
 Ấy là phận sự đàn nam nhi,  
 Đàn nam nhi,  
 Chuyển đất, xoay trời thường có khi  
 Khuyên ai chớ học thói khăn yếm.  
 Xa nhau một bước lệ đầm òa,  
 Liếc mắt khắp trông vũ trụ đó,  
 Đâu không là cảnh ta say mê.

*Chénh choáng hơi men bốc chính khí  
Ngâm câu kháng khái mình ta nghe.*

*Gió đìu hiu sông Dịch lạnh ghê,  
Tráng sĩ một đi không bao giờ về...*

(trích tập *Với sơn hà*)



### Tạm biệt báo giới

(Khi thôi việc ở báo *Khái* hóa vào khoảng năm 1929)

*Thẹn mặt tu mi chữa đắng trò,  
Cười chung khóc góp chốc hai thu.  
Bề văn xoay tít thuyền du tử,  
Hồn nước mong hoài bọn sĩ phu.  
Nặng gánh bao khuây tình chùng loại,  
Xót thân chưa trắng nợ giang hồ,  
Năm châu may rộng đường bay nháy,  
Ngọn bút quan hoài mực chữa khô.*

(Bút quan hoát)



### Xem hội Tây

*Nô nức đua nhau hội với hè,  
Văn minh Nam-Việt tiến mau ghê !  
Nhảy đầm, ăn tiệc, ông tây sướt,  
Liếm cháo, leo đu, đứa trẻ mê...  
Trời nắng lợi riêng phường bán nước,  
Bụi lặm khổ chết lũ buôn xe.  
Anh mù nợ biết trò chi cả,  
Cứ bập bùng bung, cứ cỡ ke...*



### Vịnh Thủy-hử

(Cảm vịnh khi dịch xong bộ *Thủy-hử*)

Mưu

*Đội trời đập đất ở đời,  
Anh hùng thấy giữa trần ai mới già,  
Xung quanh vẫn nước non nhà,  
Nỗi niềm tâm sự biết là hỏi ai.*

(Nói)

Có nhiệt huyết mới nên trang hảo hán,  
 Không kiếm cung sao rõ mặt anh hùng,  
 Đã làm người đứng với non sông,  
 Thì nghĩa lớn báo chung ai chẳng có  
 Trí cũng rắp mong xoay vũ trụ,  
 Công danh chi sá vướng cơ mi.  
 Bước giang hồ để đĩnh chữ tương tri,  
 Trong bốn bề thiếu chi người nghĩa hiệp !  
 Chìm nổi phong trần thương nặng kiếp,  
 Ra vào sinh tử phải liều gan.  
 Lò máu thiêng chung đúc một đoàn,  
 Dầu đất lở trời tan thôi cũng kệ.  
 Gái như thế, làm trai như thế,  
 Quyền Tự-do há dễ chịu nhường ai !  
 Vững Lương-sơn trăm tám mặt anh tài,  
 Gương Nghĩa-hiệp đề muôn đời soi tỏ.  
 Nâng chén rượu xem câu kim cổ,  
 Trông giang san sạch nhớ đến người xưa,  
 Trăm năm dù có bao giờ...

\*

## Thu

Lọt cánh rèm thưa một trận may,  
 Giật mình : thu đã đến đâu đây !  
 Thương sen, tiếng quốc thổi hôm sớm,  
 Buồn cảnh, hồn thơ lại tỉnh say.  
 Gọi khách kiếm cung con để khóc,  
 Lạnh người cô tịch hạt sương bay.  
 Chị Hằng chưa biết trần gian khổ,  
 Còn nhớn như chiều với nước mây.

(Vết sơn hà)

\*

**Bến sông, đêm ngồi câu**

*Dập lửa kim ô mở quạt trời,  
Đêm hè ngồi mát thả câu chơi.  
Học nhà đạo đức khi xem nước,  
Thử giống tham ngu lúc đớp mồi.  
Sạch bụi lợi danh cơn gió thoảng,  
Giãi lòng trinh bạch bóng trăng soi  
Có ai thuyền dóng qua sông Vị,  
Gặp bạn câu xưa nhắn mấy lời...*

*(Vết sơn hà)*



**Bên sông chiều đất khách**

*Bảng lảng trời hôm vắng,  
Thế tình cơn gió thoảng,  
Buồn trông mặt sóng khơi  
Trần mộng ngọn triều xuôi.  
Mây khói me lòng khách,  
Giang hồ cảm cảnh chơi.  
Buồn ai qua bến đó ?  
Nước cũ nhắn đôi lời...*

*(Duyên nợ phù sinh II)*





## Tiền bạn đi xa

(Mười)

Bốn phương đâu chẳng là trời,  
Anh hùng phải tính nợ đời cho xong.  
Tiền đưa một chén tang bồng,  
Giang hồ nghĩa nặng xin lòng chớ quên.

(Nói)

Thế chi sở vị nam tử giả,  
Tung hoành hồ hải, tu tương nhiệt huyết, tận phó thủ  
giang san.  
Hương chi là, đường trần thế có ngang thì có dọc, kiếp  
nhân sinh khi hợp lại khi tan.  
Đã gánh vác phải liều gan mà gánh vác.  
Tế tử phong trào, khuyến quân nghị nỗ lực,  
Hà tu uỷ khúc. đờ bác nhất thân vinh.  
Liếc mắt trông trời muôn trùng lồng lộng, bề muôn trượng  
thên thên,  
Cảnh vũ trụ đã riêng dành tay chí khí.  
Phong hội năm châu là thế thế,  
Đường tự do há dễ hẹp gì ai !  
Quản chi Âu Á xa khơi,  
Yêu nhau xin nhớ lấy lời sắt son,  
Chén về hẹn với nước non.

(Bút quan hoài)

## ĐÔNG - HỒ

**S**INH năm Bình-ngọ (1906) tại làng Mỹ-dức, tỉnh Hà-tiên, một tỉnh nhỏ ở cực Tây Nam-Việt, giáp biên giới Cao-miền và hải phận vịnh Thái-lan.

Họ Lâm, nữ danh là Kỳ-Phác (kỳ : lạ ; phác : ngọc còn trong đá), họ tịch chép là Tấn-Phác. Ông bác đặt tiểu tự Quốc-Ti (truyền quốc ngọc tử), lại có tự là Trác-Chi (chữ ở sách Mạnh-tử : Hữu phác ngọc, nghi sử ngọc nhân điều trác chi).

Vì nhà tổ tiên truyền mấy đời, đều ở ven Đông-Hồ ẩn nguyệt, là một thắng cảnh trong Hà-tiên thập cảnh, nên khi bắt đầu biết làm thơ đã lấy hiệu Đông-Hồ, ký dưới các thi phẩm của mình. Rồi «đi hiệu hành» nghĩa là được đời biết tên hiệu đó hơn, không cần biết tên chính, tên tự nữa.

Hà-tiên là miền có nhiều di tích lịch sử và nhiều phong cảnh đẹp. Chính văn phong và danh thắng nơi đây đã có ảnh hưởng nhiều cho người sinh trưởng trong đó.

Sau năm quốc biến 1945, dời nhà lên ở Sài-gòn, lại có biệt hiệu là Thủy-Cổ-Nguyệt (chiết tự chữ Hồ), là Đại-Ân-Am (đại ân ân thành thị), là Nhị-Liễu tiên-sinh (vì khi ở xóm Lan-chi, trước nhà có trồng hai cây liễu).

Bồi sinh trưởng ở nơi cô lậu cùng tịch, nên chữ Pháp, chữ Hán đều được học rất ít. Chỉ chuyên tự học chữ Việt mà thành văn tài, thi tài.

Không được ở Sài-gòn, không được ở Hà-nội, cho nên không chuyên biên tập cho một tờ báo nào, thỉnh thoảng có bài đăng các báo trong Nam, xuất bản ở Sài-gòn như báo : Đông-Pháp thời báo, Phụ Nữ tân văn, Việt Dân, Tự Do (do Phan văn Hùm chủ trương, 1939), Mai.

Ngoài Bắc, xuất bản ở Hà-nội như báo : Nam Phong tạp chí, Văn Học tạp chí, Khai Trí Tiến Đức tập san, Tri Tân.

Có tiếng là từ năm 1923 đến năm 1933, mười năm, viết cho báo Nam Phong xuất bản ở Hà-nội, biên soạn, khảo cứu, ký sự, tùy bút ; trong đó làm văn nhiều hơn làm thơ. Nhân mười năm biên tập báo Nam Phong đó mà các nhà làm Văn-học sử Việt-nam xếp vào văn phái nhóm Nam Phong.

Trong các bài đăng báo Nam Phong, được nổi tiếng có hai bài : một bài nhật ký là bài Linh Phượng tức là Trác-Chi lệ ký tập và một bài cổ văn là bài Phú Đông - Hồ, đều làm trong năm 1928.

Năm 1935, báo Nam Phong đình bản, nghỉ viết báo Nam Phong, tự chủ trương và làm chủ bút tuần báo Sống, tự lực xuất bản ở Sài-gòn, báo Sống không tự túc nội, đình bản.

Từ năm 1936, về Hà-tiên ăn cư cho đến năm 1945 quốc biến. Sau năm quốc biến, trở lại Sài-gòn.

Năm 1953, làm giám-đốc Nhân Loại tạp san, xuất bản ở Sài-gòn để làm cơ quan cho nhà xuất bản Bốn Phương và nhà sách Yiễm Yiễm Thư Trang sáng lập từ năm 1950. Đến giữa năm 1964, cho ngưng hoạt động nhà sách cũng như cơ sở xuất bản, về ở ngoại ô Gia-định cạnh Hồ tắm Chi-lăng.

Mấy năm sau này, vừa làm văn vừa làm thơ, thường viết về văn học, về lịch sử đăng ở các tạp chí xuất bản ở thủ-đô Sài-gòn như Văn Hóa nguyệt san, Bách Khoa, Văn v. v. . . Phần nhiều khảo cứu về văn học miền Nam, đặc biệt là văn học Hà-tiên. Từ niên khóa 1964-65, được mời làm giảng viên trường Đại Học Văn Khoa, phụ trách môn Văn-học miền Nam. Thỉnh thoảng đăng đàn diễn thuyết.

Thành tích văn hóa đáng ghi nhớ hơn hết là từ năm 1926 đến năm 1934, mở nhà nghĩa học trên bờ sông Đông-hồ, lấy tên là «Trí Đức Học Xá», tự mình làm trưởng giáo, chủ trương chuyên dạy toàn tiếng Việt, luôn luôn cố động khuyến khích cho học trò và bè bạn tin ở tương lai Việt-ngữ. Trường này dụng ý theo lối giáo dục đạo học, sống gần thiên nhiên như nhà tịnh xá Santiniketan của thi hào R. Tagore ở Ấn-độ.

Trường mở cả lớp hàm thụ đề cho học trò ở xa Hà-tiên cũng có thể tập luyện tiếng Việt, cho nên, trong mấy năm, đã gây được ảnh hưởng ở miền Nam.

Biểu hiệu của Trí Đức Học Xá, in trên các thư giấy hàm thụ là một ngòi lông thỏ và một ngọn lông chim, tượng trưng cho bút lông và bút sắt.

Tác phẩm đã xuất bản thành sách :

— Thơ Đông-Hồ gồm các bài từ khi mới làm thơ năm 1922 cho đến năm 1932, (Nam-ký thư quán Hà-nội xuất bản, năm 1932).

— Lời Hoa, nhuận sắc các bài tập Việt-văn của học trò Trí Đức Học Xá. Hợp thái trong ba tập : Bông hoa đầu mùa, Bông hoa đũa nở, Bông hoa cuối mùa, (Trí Đức Học Xá Hà-tiên xuất bản, năm 1934).

— Linh Phượng, đã đăng ở Nam Phong tạp chí năm 1928 (Nam-ký thư quán Hà-nội xuất bản năm 1934).

— Cô Gái Xuân, thơ mới, làm trong khoảng 1932—1935 (Vị-Giang văn khố Nam-dịnh xuất bản, năm 1935).

— Những Lời Thường Lầm Trong Sự Học Quốc Văn, biên soạn chung với Trúc-Hà (Trí Đức Học Xá xuất bản, năm 1936).

— Hà-Tiên Thập Cảnh, in chung với Đường Vào Hà-Tiên của Mộng-Tuyết thất tiều muội (Xuất-bản Bốn Phương, Sài-gòn, năm 1960).

— Trình Tráng, thi tuyển, (Xuất-bản Bốn Phương Sài-gòn, năm 1961).

— Truyện Song Tinh, khảo cứu và sao lục Song tinh bất dạ truyện, diễn ca của Nguyễn hữu Hào hồi đầu thế kỷ 18 (Xuất-bản Bốn Phương, Sài-gòn, năm 1962).

— Chi Lan Đào Lý, *tùy bút tâm tình, viết về tình bè bạn và nghĩa sư sanh (trích tạp chí Bách Khoa thời đại, tháng 7 năm 1965).*

— Năm Ba Điều Nghĩ về Truyện Kiều, *thuyết trình nhân dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du (trích Văn hóa nguyệt san, tháng 10 — 11, năm 1965).*

*Sắp hoàn thành biên khảo Văn học miền Nam, Hà-tiên Mạc thị sử, Bội lan hành, Úc viên thi thoại, Đăng đàn.*

\*

**D**ÔNG - HỒ ! Ai mà chẳng bảo là con người thơ của thế hệ cũ, của thế hệ còn yêu chuộng điển tích, còn nghiêm cần giữ gìn cân đối cho câu thơ, còn dựng công đẻo gọt từng chữ theo mô hình thơ Đường-luật ; những chứng tích trên *Nam phong tạp chí* cho phép ta không nghi ngờ gì về điều đó.

Nền học cũ trong mặt thời cũng như tòa cờ tháp sừng sững giữa khung trời tím ngắt, nó bắt đầu báo hiệu triệu chứng tan rã, hoang vắng. Những con kỳ lân, con rồng, con phụng đã biến thành khối gạch màu đen sậm vì in nhiều dấu vết phong sương, vì bị gặm mòn bởi năm tháng.

Hiu quạnh quá ! Người ta tưởng chừng thế giới già nua ấy sắp biến thành một nơi ngự trị của hoang vu.

Tâm hồn Đông-Hồ cũng đang quỵ theo mọi biến chuyển văn học với niềm ngậm ngùi thương tiếc.

Bỗng nhiên, giữa cái u tịch, điều tàn của không gian, chính ngay lúc vận mạng của một con người đang chực lui bước trước luật đào thải ngàn đời, người ta nhắc thấy loé lên thứ ánh sáng rực rỡ của nàng tiên, không, một giai nhân xuất hiện trong chiếc áo tân thời với cốt cách duyên dáng của « Cô gái xuân ». Sự kiện biến đổi đột ngột đã khiến nhà văn Lê tràng Kiều hốt hoảng la lên :

« Nhà thi sĩ Đông-Hồ đã trở lại ! »

mà ông không ngạc nhiên sao được, khi :

« Đọc hết thơ Đông-Hồ, từ quyển Thơ Đông-Hồ, do Nam-ký xuất bản, cho đến những bài thơ rải rác đăng các báo gần đây, ta nhận thấy sự thay đổi lạ lùng — tôi toan nói một cuộc cách mệnh vĩ đại — ở trong tâm trí, ở trong tinh tình, ở cái cách cảm xúc, cùng ở cái cách phổ diễn của nhà thi sĩ. »

Rồi ông Lê trằng Kiêu thêm :

« Nhưng khi ta theo bên cạnh Đông-Hồ, dò xét từng ly, từng tý, những cái triệu chứng phát ra ngoài, ta thấy ngay có sự thay đổi ở trong. Sự thay đổi ấy giống như sự biến hóa của một con tằm. Con tằm Đông-Hồ đã ăn dổi, đã nhả tơ, đã « kéo kén », đã hóa thành « nhộng » và tưởng đã vô dụng rồi. Nhưng không ngờ con « nhộng » ấy, một ngày kia, trên lưng mọc lên những chiếc cánh nhẹ : Nó bay được. Nó là là ở giữa một vùng hoa lá xanh tươi, nhòn nhơ dưới bóng rắng. Nó là con bướm bướm của các cô thiếu nữ thân yêu. »

« . . . Vì Đông-Hồ ngày nay là một người khác rồi ! Đông-Hồ ngày nay là Mùa Xuân, là « cô gái xuân », là con bướm trắng, là « cái hôn đầu tiên », là Tình Yêu. Tình yêu trẻ trung, đẹp đẽ, ngây thơ với bao nhiêu cái đức tính và đặc tính của tuổi trẻ. »

« Bác sĩ Voronoff đã « ghép hạch » cho thi sĩ Đông-Hồ. Bác sĩ Voronoff ấy, chẳng ai khác là cái phong trào mà người ta đã quen gọi là « Thơ Mới ». « Thơ Mới » như một làn khí xuân nhuộm tươi cái huyết đen chảy ở trong toàn thân nhà thi sĩ. »

« . . . Cái quan niệm mới ấy về thi, đã giúp cho biết bao thi sĩ biểu lộ được hết cái tài của mình — nếu như mình quở là người có tài thật. Trái lại, thơ cũ, với những khuôn khổ bó buộc, với một quan niệm hẹp hòi đã đùm biết bao là cái tài. Biết bao thi sĩ đã ngừng đầu không nể dưới cái làn không khí nặng nề ấy. »

« . . . Bảo rằng : Đông-Hồ là một người không có tài, thì thật là vô lý, nhưng bảo rằng cái tài ấy không nảy nở được ở trong cái hoàn cảnh cũ, thì đó quở là một sự hiển nhiên không một nhà phê bình nào, mà ngay cả tác giả nữa cũng không thể chối được . . . »

« . . . Cái tài của Đông-Hồ đến nay mới phát triển, kẻ cũng đã chậm lắm. Nhưng là một sự rất hiếm có ở trong lịch sử thi

ca. Và lại còn thú nào hơn, là khi người ta đã quá thì rồi mà bỗng được « xuân » lại như gái 15, 16. Đó, tôi tưởng là một cách làm cho cái ngày xuân thêm dài, cái ngày xuân biết bao thi sĩ thường hay tiếc . . . »

(Hà-nội báo số 22, 3.6-1936)

Từ tập *Thơ Đông-Hồ* cũ kỹ đến tập *Cô gái xuân* mới mẻ, người ta nhận thấy thoát lốt, một con người thi sĩ đang ở trong thời đại của mình, bỗng nhiên làm một cuộc biến hình. Một cơ thể già nua, lụ khụ trong *Thơ Đông-Hồ* như uống được liều thuốc cải lão hoàn đồng. Nó là điều được chôn giấu sâu kín cho mãi đến ngày 19-1-1967, thi sĩ Đông-Hồ mới vén bức màn bí mật trong bài nói chuyện tại trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn. Ông nói :

« Bài thơ ( bài Mua áo ) mà tôi cho là bài thơ hữu mệnh đó, tôi đã giấu giếm tư tưởng, tôi đã gói ghém suy tư trong đó. Đã hơn ba mươi năm nay, nào tôi đã nói ra lần nào đâu. Bây giờ tôi mới nói. Tôi kể lại câu chuyện Mua áo giữa thi sĩ và Nàng Thơ.»

Kịp nhận thức được trào lưu tư tưởng mới 1932 đang chuyển mình trong thi ca, và nhận thấy sự suy tàn của nền thơ cũ, Đông-Hồ vứt bỏ ngay ảnh hưởng Tống Đường, ly dị những vần thơ mà xưa nay người ta cho « ý tưởng quá hiền lành, tình cảm quá thông thường, lời thơ quá tròn trịa, không có những góc cạnh sắc bén để cảm xúc mạnh người đọc . . . » Đông-Hồ sẵn sàng trang bị cho mình bằng thi tứ lãng mạn cần thiết cho cuộc hòa tấu trong nhịp sống mới đang vươn mình. Đây ta hãy xem ý tưởng bắt đầu mạnh nha :

— Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi  
Em đâu còn áo mặc đi chơi  
Bán thơ, nhân dịp anh ra chợ  
Đành gửi anh mua chiếc mới thôi.

Đã lấy được định hướng thơ ( thơ mới ), người thi sĩ của chúng ta liền chọn ngay « hàng bông mai », biểu tượng của mùa xuân, của tuổi trẻ đang thời nhựa sống căng tràn, của không khí vui tươi ấm áp trong bốn mùa. Đến màu thì hãy lựa « màu biếc » tức màu xanh hồ thủy, màu của hòa bình, của hi vọng :

— *Hàng bông mai biếc màu em thích,  
Màu với hàng, em đã dặn rồi.*

Nhưng đến đây, thi nhân bắt đầu băn khoăn về « thước tắc » (thề thơ) cho chiếc áo mới :

— *Còn thước tắc. Quên ! Em chưa bảo :  
Kích từng bao rộng, vật bao dài ?*

Bỡ ngỡ trước đường hướng mới, chưa biết thế điếu nào cho thích hợp, thi nhân còn đang đắn đo thì được Nàng Thơ mách ngay :

— *Ồ hay ! nghe hỏi mà yêu nhi !  
Thước tắc anh còn lựa hỏi ai.  
Rộng hẹp, tay anh bằng ấm đó,  
Ngắn dài, người mới tựa bên vai !*

Và người thi sĩ đã chọn ngay sự phóng khoáng của thề thơ mới, thoát nhẹ được những ràng buộc nề tâm hồn cõi mở, rung động theo tiếng lòng. Nếu thi bản *Mua áo* đã đánh dấu khúc quanh thì những *Cổ gái xuân*, *Tuổi xuân*, *Bốn cái hôn* v. v... là những chứng cứ hùng biện cho sự chuyển mình ấy.

« *Cô gái xuân* », trong con người mới Đông-Hồ cũng có cái rạo rức ở tuổi dậy thì ; mảnh vườn lòng đang mong chờ sự mơn mẩn của cơn gió lạ :

*Cùng xóm làng trên, cô gái thơ,  
Tuổi xuân hơn hớn về đào tơ.  
Gió đông mơn trớn bông hoa nở,  
Lòng gái xuân kia náo nức chờ.*

*Tưng bừng hoa nở, bóng ngày xuân,  
Rực rỡ lòng cô, hoa ái ân.  
Như đợi, như chờ, như nhớ tưởng,  
Đợi, chờ, tưởng, nhớ bóng tình quân.*

Chờ, mong, tưởng, nhớ cứ mãi băng khuâng, vương vấn đã khiến cô gái mơ gặp ngay bóng tình quân trong...



## Giấc mộng tình

*Gió giật mưa dào bốn mặt quanh,  
Thành Phương mưa gió suốt năm canh.  
Một đêm mưa, gió hai người thú :  
Đã gặp nhau trong giấc mộng tình.*

(Trích toàn bài trong *Cô gái xuân*)

\*

Trong thế giới tiềm thức, « cô gái xuân » đã gặp những gì ? — Nàng thấy :

*Đưa tay, anh đón lấy tay em,  
Trăng mắt lòng tay, ngón dịu mềm.  
Anh hỏi : « Quê xuân ! — Em bảo : Đấy !  
Hôn tay : Tặng vị ái tình em ! »*

Vượt qua những phút bờ ngõ đầu tiên, ái tình của họ càng đi sâu vào say đắm :

. . . . .  
*Gió xuân ôm cánh hồng ân ái,  
Em thấy lòng em phối phối tình.  
Rồi cánh tay tình anh ấm em,  
Chim non trong đáy tò êm dềm ;  
Lòng anh ấm áp em sung sướng,  
Tình ái êm dềm như tò chim.  
Mắt anh âu yếm nét nên thơ,  
Hồi hộp nhìn anh, em ngần ngợ.  
E ấp, môi em kề cạnh má,  
Ái tình ngan ngát vị say sưa.*

Nhưng mộng chỉ là những thoáng thời gian phù du, chóng rã :

*Cùng em sống lại đời xuân trẻ . . .  
Tiếng gọi ! ai làm giấc mộng tan !*

Khi tỉnh ra rồi, « Cô gái xuân » vẫn còn ngần ngợ luyến tiếc :

*Đời, Mộng, than ôi ! cách tuyệt vời,  
Ngần ngợ tiếc Mộng, ngán cho Đời,*

*Bóng người trong mộng nào đâu thấy.*

*Vị ái tình kia cũng nhạt rồi.*

Ái tình mơ mơ mộng mộng ấy, Đông-Hồ còn dẫn chúng ta đi xa đến chỗ thoát tục, trong bài . . .

### Giấc mộng Thiên-thai

*Thơ thần bên hoa gặp một người,  
Người như hoa thắm, đẹp, xinh, tươi.  
Long lanh đôi mắt nhìn âu yếm,  
E ấp làn môi nhòe miệng cười :*

*Cất tiếng oanh rằng : « Hỡi khách thơ !  
Cõi đời mù mịt bụi trần dơ.  
Sao ai mãi miệt còn lưu luyến,  
Mà đề cho ai những đợi chờ ! . . . »*

*Rồi thấy mình ta bỗng nhẹ nhàng.  
Trên đôi cánh bạc, khoác tay nàng.  
Gió đưa, mây đón, hương bay tỏa.  
Đàn sáo tưng bừng, ca hát vang . . .*

*Cung nguyệt lâu mây, ta với ai  
Làm đôi tiên khách ở Thiên-thai.  
Ngàn xuân thu vẫn còn xinh trẻ,  
Cười cợt hoa chiều, giỡn gió mai.*

*Một hôm ai ngã tựa bên mình.  
Ngan ngát hương quen thoảng vị tình.  
Bên gối người yêu se sẽ gọi :  
« Mơ màng chi nữa ! tình thôi Anh...*

*Này cảnh thần tiên, anh với em.  
Cõi trần ta hưởng thú êm đềm.  
Yêu nhau vui sướng là ai đó,  
Cảnh mộng Thiên-thai lọ phải tìm. »*

( Cô gái xuân )



Khảo sát suốt tập *Cổ gái xuân*, chúng tôi không bắt gặp những mảnh tình nào dang dở, chia ly ; không có tiếng nấc nghẹn ngào, những cảnh phụ bạc đau thương. Ái tình trong thơ Đông-Hồ rất hiền lành, bình thản; họa hoàn chỉ gợn lên vài giọt lệ long lanh, nó không phải là cơn mưa lệ khóc cho mối tình tuyệt vọng, nó có thể là những hồi lo âu, thấp thỏm của đôi trai gái đang chờ kết quả của ái tình. Bài *Lệ chiến* đã cho ta thấy tâm trạng của kẻ yêu đương khi va chạm với thực tế :

### Lệ chiến

*Tình trường đem lệ đánh nhau chơi,  
Thánh thốt ngày đêm giọt vẫn dài,  
Hoa cỏ đầm đìa non nước lạnh.  
Khỏi hoàn ai chữa đê cho ai !*

(Trích toàn bài trong *Cổ gái xuân*)



Chúng ta vừa lược qua hai dòng thơ : *Thơ Đông-Hồ* tiêu biểu cho thời kỳ thơ thù tạc (1922 — 1932), *Cổ gái xuân* là biểu tượng cho thời kỳ ái tình sôi động.

Giờ, ta hãy tham khảo dòng *Bội lan hành* của Đông-Hồ. Vào khoảng năm 1942, khi quân đội Nhật đặt chân lên bán đảo Đông-dương là đã gây xáo trộn ngay trong đời sống dân ta. Sự tương tranh ngao cò giữa thực dân Pháp và Phát-xít Nhật đã làm sôi sục bầu không khí chiến tranh đang lúc khắp mặt biển Thái-bình-dương nổi sóng và cả vùng Đông-nam Á phủ trùm khói lửa của đệ nhị thế chiến. Mãi đến tháng 9-1945, Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng-minh. Thừa cơ, toàn dân Việt-nam nổi lên giành lại độc lập. Mùa thu năm 1946, cuộc xung đột Việt-Pháp bùng nổ ; muôn chim Việt lia tồ bay tản mác khắp nơi. Đông-Hồ cũng là một con chim rời đàn đang ăn mình tránh cơn bão lửa, mang tâm trạng khắc khoải ngày ngày mong chờ tin gia đình. Một hôm, ông nhận được thư của Mộng-Tuyệt báo tin sản nghiệp tiêu tan, sách vở mất mát, vàng ngọc không còn. Đông-Hồ xúc động cảm tác thi bản dưới đây :

## Chuỗi ngọc

*Biết đâu Hợp-phố mà mong châu về*

Nhật ngôi sao lạc đêm thanh khiết,  
 Vớt diềm hào quang đáy biển sâu,  
 Hứng giọt bình minh từng lá cỏ,  
 Chàng đưa Em giữ chuỗi minh châu.  
 Hờn hờ tay Chàng rung ánh sáng :  
 Mươi đầu ngón nở ý yêu đượm.  
 Và lòng Chàng nở niềm Âu-yếm,  
 Dem đắp vào Em chuỗi Mến-thương.  
 Em giấu vào lòng sâu kín nhất,  
 Deo vào vòng ngực trắng trinh hơn.  
 Một lần, chỉ một lần hôm ấy,  
 Nghĩ suốt đời Em, ngọc hãy còn.  
 Em có ngờ đâu cơn lửa binh,  
 Cho tràng châu ngọc vỡ tan tành.  
 Ngọc rơi, ôi ! cũng như hoa rụng ;  
     « Đáo địa nhất vô thanh ».  
 Chuỗi ngọc Chàng cho Em, mất rồi !  
 Còn đây một chuỗi Tiếc-thương dài.  
 Và đây, vụn giọt lòng ngưng đọng :  
 Ý ngọc Tình châu chớp mắt rơi...  
 Sao lạc không về, Trời thồn thức,  
 Nước chìm diềm sáng, Biển băng khuâng.  
 Sương tan, Cỏ héo lòng thương nhớ,  
 Ngọc mất. Chàng xa. Lệ ngập ngừng.  
     ( Trinh trắng )



Đây là một trong những sáng tác ông ưa thích và được in vào tập thi tuyển *Trinh trắng*. Ta hãy nghe Đông-Hồ nói về điều sở thích của mình :

« Tôi thích bài thơ này, vì mỗi khi đọc đến thì như thấy lại bao nhiêu hình ảnh loạn lạc năm xưa mà mình đã trải qua.

Những nỗi buồn thương chưa hết ray rứt tâm hồn mà lòng cứ còn thấy bàng hoàng như vừa thấy qua cơn ác mộng. Bài thơ đã nói lên được một đồ võ âm thầm của cá nhân trong muôn nghìn đồ võ chung của xã hội. . . Trong mọi đồ võ tan tành, có một điều làm cho con người thơ vừa an ủi vừa tự hào là còn giữ lại được cái gì thanh cao nhất, tinh khiết nhất trong tâm hồn. Cái còn ngưng đọng đó là « ý ngọc tình châu » của hồn thơ nhân loại. Là một chuỗi ngọc dài không bao giờ tan mất. »

Qua cơn quốc biến, Đông-Hồ trở lại Đê-thành, hoạt động văn nghệ, tiếng thơ của ông cùng rung lên theo nhịp tranh đấu chung của dân tộc. Bài *Chinh chiến* dưới đây phản ảnh cho tâm hồn thi nhân lúc bấy giờ :

### Chinh chiến

Đất mát, trời thơm, sông nhẹ nhẹ  
 Trăng hiền, mưa ngọt, gió vương vương.  
 Đời nhìn âu yếm, cười nhung lụa :  
 Vạn vật ru nhau, giấc ngọc vàng.

Đất giận, trời nghiêm, sông lằng lặng  
 Trăng buồn, mưa xót, gió thê lương.  
 Đời nhìn bẽn lẽn, cười chanh ớt ;  
 Vạn vật đưa nhau đến chiến trường.

Đất lếch, trời nghiêm, sông cuộn cuộn  
 Trăng cuồng, mưa loạn, gió đau thương.  
 Đời nhìn hãn học, cười nanh vuốt ;  
 Vạn vật giành nhau miếng máu xương.

Sợ Chết, giết nhau giành lấy Sống  
 Giành nhau cho được sống huy hoàng.  
 Yêu sống, giết nhau không ngại Chết  
 Giành nhau cho được chết vinh quang.

Ôi ! đến bao giờ Chinh-chiến hết ?  
 — Hỏi làm chi nhỉ ! Chuyện hoang đường !  
 Than làm chi nhỉ ! đời lỵ loạn.  
 Vạn vật từ xưa đã chủ trương.

( Trích trong tập hợp tuyển  
 Thơ mùa giải phóng, 1949 )

Về tư tưởng, ta thấy hiện hiện là một tâm hồn chán ngán cuộc giành giựt chém giết, đau thương trong cảnh máu đổ thịt rơi ; lời thơ có chua xót, u buồn, hàm súc một triết lý chung của vạn vật — luật tranh đấu thiên nhiên — , nhưng về mặt tinh thần dân tộc lại không gây được lòng phấn đấu tích cực trong khi cuộc chiến còn đang diễn biến.

Về hình thức, ông chọn thể mới, nhưng vẫn giữ sự cân đối của câu thơ và hay dụng những từ ngữ cũ, nhất là trong bài *Xuân về lạc lối*, mặc dù trong cảnh khói lửa, xe tăng, thiết giáp đua nhau nhà đạn, ta thấy hồn thơ Đông-Hồ không phản ánh đúng thực trạng đau thương của dân tộc. Hình ảnh nạn nhân quằn quại trong sắt và máu lại vảng bóng, mà ta chỉ thấy :

*Bờ liễu tơ bời xe thiết giáp.  
Ngàn mai xơ xác súng liên thanh.*

Mặc dầu mắt thi nhân cũng nhỏ lệ :

*Xuân ngọt còn đâu mưa mát rợi  
Ngập bờ cay đắng lệ nhân sinh.*

và lòng thi nhân cũng bị thương :

*Nhạc trời, chim cũng thôi lên tiếng.  
Có những lòng xuân khóc chiến chinh.*

Và lại, như mọi người đều biết, Nho học đã tàn tạ ngay từ khi trào lưu tư tưởng mới 1932 — 1940 ; vậy mà mãi đến 1949 Đông-Hồ còn đặt đề những vần thơ chữ Nho làm « hậu thuẫn » cho một sáng tác trong mùa chinh chiến ; sự kiện đã khiến người thưởng thức văn thơ dễ bị cắt đứt ngang luồng rung cảm khi đọc bài...

### Xuân lạc lối về (1)

*Nắng chẳng hồng tươi núi chẳng xanh ;  
Mây chì ngừng đứng lạng bên thành.  
Nhạc trời chim cũng thôi lên tiếng.  
Có những lòng xuân khóc chiến chinh.*

(1) Bài thơ này đã đăng trong tập hợp tuyển *Thơ mùa giải phóng*, 1949, mang tên *Xuân còn dấu nữa*. Nay chúng tôi đăng lại theo bản đã được tác giả sửa và định in trong tập *Bội lan hành*, sắp xuất bản.

Bờ liễu tơ bời xe thiết giáp  
 Ngàn mai xơ xác súng liên thanh.  
 Giao thừa đâu nữa trăm thơm xạ !  
 Nguyên đán ! Về đây gió vẫn tanh !  
 Mây kéo mịt mùng trời bắc tái  
 Sóng dâng cuồn cuộn bề nam minh.  
 Hồng đơn máu chếp lời thơ oán ;  
 Bạch lập lòng sôi ánh kiếm linh.  
 Xuân ngọt còn đâu mưa mát rợi  
 Ngập bờ cay đắng lệ nhân sinh.  
 Đắm nhau trên cạn, xuân bày cảnh  
 Địa ngục trần gian, Tết vẽ tranh.  
 Ôi gấm ! ôi hoa ! ôi chén ngọc !  
 Rượu đào tan hết vị thặng bình.  
 Lầu son khóa cánh tương tư én  
 Vườn thúy cài then tiếc nhớ oanh.  
 Con bướm nhà ai về bờ ngõ  
 Tìm xuân lạc lối, cánh bay nhanh.  
 Phong vũ truyền xuân tín  
 Cô miên mộng vị thành  
 Lạc hoa tương dữ hận  
 Đáo địa nhất vô thanh.

(Trích trong tập *Thơ mùa giải phóng*, 1949)

\*

Đề có một khái niệm chung về thơ Đông-Hồ, chúng tôi xin xếp theo thứ tự những dòng thơ sau đây ;

1. Dòng *Thơ Đông-Hồ* 1922 — 1932. (1)
2. Dòng *Cổ gái xuân* 1932 — 1942. (2)
3. Dòng *Bội lan hành* 1942 — 1952. (3)

1. Dòng *Thơ Đông-Hồ* là công trình thu nhật khá đầy đủ của tác giả từ khi tiếp xúc với Nàng Thơ. Nó bao phủ bởi cái vỏ cũ kỹ của đoạn đời thơ chưa thoát lốt, trọng tâm nhằm vào những câu chuyện thù tạc về nhân thế, sự vay trả trả vay giữa tình cảm. Chúng tôi xin ghi lại nhan đề của một số bài thơ đề quý bạn khai triển đôi chút tư tưởng chứa

(1, 2, 3) Theo sự phân chia thời gian của Đông-Hồ.

đựng ở nội dung, như : *Xem mai độc àm, Tân xuân tức sự, Tiền bạn thơ, Mỹ nhân thập vịnh, v. v...* Toàn tập thơ gồm 199 bài đủ các thể từ ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát, thập vịnh, hát nói, câu đối, phú, tản văn. Trong phạm vi bộ *Việt-nam thi nhân tiền chiến* (đề cập phong trào thơ mới), chúng tôi chỉ trích hai bài vì lý do sau đây :

a) Bài *Khóc Linh-Phượng* đề đánh dấu mối tình giữa Đông-Hồ và nàng Linh-Phượng. Sau tình nghĩa bảy năm, con chim Linh-Phượng vỗ cánh biệt nhà thơ về tiền cảnh để lại thi nhân một cõi lòng tan nát :

*...Mối sầu khôn dãi cùng trời đất ;  
Chén rượu đành khuấy với nước non.  
Nghĩa chốn ái ân loan phượng lờ,  
Tình trong bạn tất trúc lan còn...*

Sự ra đi của Linh-Phượng đang độ ái tình nồng thắm đã gây xúc động mạnh khiến thi nhân đã bật lên thành tiếng khóc trong tập *Trác-Chi lệ ký* đăng trên *Nam phong* 1928.

b) Thứ nữa là bài cò văn *Đông-Hồ phú* mà ông Trọng-Toàn đã giới thiệu trong *Nam phong* tạp chí số 173, tháng 6, 1932 như sau :

*«...có người phê rằng : Đọc bài phú Đông-Hồ như thấy lại trước mắt cái cảnh thiên cò trong vùng gió mây trắng nước khiến người sinh mỗi cảm kích thích thâm trầm ; lời mở thì phẳng phất như bài Xích bích phú của Tô Đông-Pha mà lời kết thì tương tự bài Le Lac của Lamartine...»*

Sáng tác *Trác-Chi lệ ký* và *Đông-Hồ phú* là hai lời giới thiệu hùng hồn tên tuổi Đông-Hồ trên thi đàn lúc bấy giờ.

2. Dòng *Cô gái xuân* là một sự biến hình đột ngột của con nhộng hóa bướm, chớp nhanh đôi cánh như muốn thoát nhẹ chiếc thân nặng nề. Người ta tưởng đâu Đông-Hồ sẽ yên phận với kiếp già nua, cằn cõi, đang chờ từng lớp bụi thời gian phủ mờ, chôn vùi trong ký ức mọi người như hình ảnh thương tâm của ông đồ già đang từ từ lui dần về dĩ vãng ; nào ngờ *Cô gái xuân* đem đến nhựa sống căng tràn, một nguồn yêu rào rạt như tiêm vào huyết quản một mạch sống mới. *Cô gái xuân* đã vận dụng chiếc đũa thần đem cái



ghế ngồi của Đông-Hồ trong trường phái *Nam phong* lỗi thời, đặt lên thi đàn thơ mới của lớp người trẻ. Và người ta thấy Đông-Hồ ngang nhiên tấu lên một bản nhạc thức thời.

3. Dòng *Bội lan hành*, ngoài những thi bản tiêu biểu nhất như *Chinh chiến*, *Xuân lạc lối về...* vừa đề cập, chúng tôi không tìm thấy nét bút nào dũng mãnh hơn của một tác lòng đang bùng ngọn lửa chiến chinh, hoặc một hình hài nào gãy giữa khi chịu phải nỗi thống khổ cực độ trong mùa ly loạn.



Hoài-Thanh — Hoài-Chân đã không lầm khi ghi lại trong *Việt-nam thi nhân* :

« *Nhưng trong tập Thơ Đông-Hồ, lạ nhất là bài Tuổi xuân, người ta có thể tưởng nó đã ở đâu lạc tới. Đến khi tác giả đưa in lại vào tập Cô gái xuân, ta mới thấy nó tìm được hoàn cảnh tự nhiên của nó.*

« *...Ai cũng thấy Thơ Đông-Hồ và Cô gái xuân khác nhau xa. Tuy vậy, nếu trong Thơ Đông-Hồ ta đã thấy khơi nguồn thơ Cô gái xuân thì trong Cô gái xuân vẫn còn lại láng cái buồn những vần thơ cũ.* »

Thật thế, nếu tập *Thơ Đông-Hồ* đã trả lại bài *Tuổi xuân* về cho tập *Cô gái xuân*, thì trong *Cô gái xuân* lại vương phải cái cũ kỹ của những nhan đề : *Nhớ Mai*, *Đưa bạn An-giang*. Mừng ông *Chung-Tử* vào chơi *Phượng-thành...*

Cũng vậy ở *Bội lan hành*. Nói rằng sáng tác trong thời kỳ chinh chiến, ngoài những bài còn được về, chúng ta lại bắt gặp ở đây đường nét cố hữu của Tống Đường ; cũng có sự ràng buộc về điển tích, về lối chen đệm Hán tự, những triết lý cò diền về thể thái nhân tình, về nhân sinh và vũ trụ ; văn thơ bắt buộc người đọc vận dụng nhiều trí não để nhớ lại hoặc có thể không nhớ gì về sự kiện đã xảy ra ở xa xôi bên Tàu. Nhưng ta cũng không nên quên rằng Đông-Hồ cấu tạo thi bản với nhiều suy tư, thận trọng trong việc chọn chữ lựa lời và trau chuốt một cách huê mỹ.

Nói chung, Đông-Hồ là một người thơ đi từ quá khứ đến hiện tại, dùng chân làm một cuộc hòa tấu với bọn trẻ,

rồi ông hay hoài vọng về mảnh đất sơ sinh, nơi ấy, đã nuôi dưỡng tâm hồn ông bằng bầu sữa mẹ Tống Đường. Đọc *Đêm liêu trai*, *Đêm lại liêu trai* ta mới thấy tâm trạng ngậm ngùi nuối tiếc thời ấy :

*Nhớ thương ngập nẻo sầu cô quạnh.  
Xa lắm tiền thân tự kiếp nào.  
Đêm ấy đều đều mưa đêm giọt.  
Ngàn thông rơi tiếng, nước lao xao.*

hay :

*Cánh mộng từ nay thôi khép lại,  
Đêm đêm bút mực bạn ai đây !  
Thời gian dằng dặc dài : Thương nhớ :  
Vũ trụ mênh mông vắng : Đọa đày.*

( Trích *Trình trảng* )

Trước sức vươn mình theo nền văn minh vật chất, theo sự giục giã của cơ khí, tư tưởng và cảm quan của con người đã thay đổi, những vần thơ của Đông-Hồ rồi đây âm hưởng có vang dội trong lòng người thế hệ, họa chăng chỉ còn dòng thơ *Cổ gái xuân* và một ít thi bản trong *Bội lan hành*.

( 12 - 7 - 1968 )

## Thi tuyên

### Đông-Hồ phú

(Vần : Đông-Hồ Một Mảnh Trăng Thu)

*Tình hoài phong nhã ;  
Khí cốt hào hùng.  
Túi lưng trắng gió ;  
Bàn tác non sông.*

*Lặng ngắm thế đồ man mác ;  
Ngảnh nhìn trần hải mênh mông.*

*Chàng lao thì cũng hư, nên đã nhiều phen ưu hoạn ;  
Chàng nhàn thì cũng tục, phải cho có lúc thong dong.*

Cuộc nhàn hảnh đàn nhiều thú ;  
 Nghề chơi âu cũng lắm công.  
 Cửa đất đó, thú vô biên, non xanh nước biếc ;  
 Cửa trời đó, kho vô tận, gió mát trăng trong.  
 Cảnh chọn cảnh mà chơi, cảnh trời cảnh sẵn ;  
 Thú chọn thú mà thưởng, thú trời thú chung.  
 Năm nhâm-tuất qua rằm tháng bảy, thưở nợ ông Đông-Pha  
 Tô-tử cùng các bạn mang hồ rượu ra chơi trăng bến Xích ;  
 Năm mậu-thìn giữa rằm tháng tám, hôm nay tôi Trác-chi  
 Lâm tử cùng các bạn, chở thuyền thơ ra chơi trăng hồ Đông.

Chính là lúc :

Sực nức huệ lan, khí văn chương đang đậm ;  
 Dễ huề giao tất, duyên bút nghiên đang nồng.



Kìa chẳng nghe :

Có thơ « hành lạc » ;

Có chuyện « dạ du ».

Có « Thiên-thai-ký » ;

Có « Đào-nguyên đồ ».

Lại chẳng nghe :

Có kẻ học đạo, tiêu dao trên vườn Quỳnh-lĩnh ;

Có người chơi tiên, lênhên dên qua cửa Thần-phù.

Đó là những cuộc chơi siêu dật ;

Lại còn những cuộc chơi phong lưu.

Hoặc là « tùy ba đái kỹ » ;

Hoặc là « hồ thượng phẩm chu ».

Hoặc là còn nấn ná trong áng trần ai mà gửi tình cùng  
 hoa thảo ;

Hoặc là đã mồi mê trên đường danh lợi mà góp bạn với  
 giang hồ.



Chừng cũng nghĩ :

« Hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc ;

Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu ».

Hướng Đông-hồ nọ :

Nước trời một vũng ;

Trăng gió bốn mùa.

Hồ ở trong thành văn vật, thành là thành Trúc ;

Hồ ở dưới núi linh tú, núi là núi Tô.

Đây đó đều trăng gió cũ ;

Chung quanh vẫn nước non nhà.

Ta há chẳng nên chơi lắm vậy ;

Ta há chẳng nên chơi lắm ru.

✱

Kịp khi ấy :

Trăng sáng một trời ;

Sóng êm muôn đợt.

Khách rượu mời người ;

Thuyền thơ hai chiếc.

Đây bông mái nhẹ, thi tình vô hạn bàng hoàng ;

Nước rộng mây xa, hứng tứ vô cùng hoan hỷ.

Năm dài trăm tuổi, ngày vui không dễ có nhiều ;

Tháng chẵn mười hai, buổi thích biết đâu chẳng một.

Miệng ca tay múa « nhân sinh đặc ý tu tận hoan » ;

Chén cất bầu nghiêng « mặc sử kim tôn không đối nguyệt » ;

Liên ngâm mở cuộc, chấp nối trăm vần ;

Hợp tấu lựa bài, nhật khoan mấy khúc.

Mây bay gió thổi, từng không, tiếng hát vang lừng ;

Dòng chày thuyền xuôi, ngăn nước, cung đàn thánh thót.

Thơ chưa bàn tiên tục, có thơ cứ ép nhau ngâm ;

Rượu chẳng luận thánh hiền, có rượu cứ khuyên nhau rót.

✱

Mặt khách say ngà ;

Lòng trời quang tạnh,

Mây liễm bốn phương ;

Trăng cao một mảnh.

Khách có kẻ :

Ngửa đầu trông nguyệt mà ra về bồi hồi ;

Cúi mặt nhìn sông mà ra chiều thanh lãnh.

Bổng :

Vung chén cúc tàng tàng  
Cất tiếng ca lạnh lạnh.  
Tỏ lời tán tích cho cụu thì ;  
Ra ý cảm hoài vì vắng cảnh.

Như thỏa như vui ;  
Như sầu như chạnh.

Hỏi khách :  
Vì đâu mà vui ;  
Cớ sao mà chạnh ?

Khách rằng :  
Xưa nay phạm di tích  
Các danh lam thắng cảnh.

Hoặc có lịch sử của tay cung kiếm anh hùng ;  
Hoặc có lịch sử của khách yên hà ngâm vịnh.

Đến như Đông-hồ này :  
Vừa là cảnh chiến địa u sầu ;  
Vừa là cảnh tao đàn quang tĩnh.  
Bút gươm dưới nguyệt sâm si :  
Huyết mặc trên dòng sóng sánh.

Nay mắt ta trông ra :

Nếu là phong quang nơi thi xã thì chi xiết vui vầy ;  
Bằng cảnh sắc chốn chiến trường thì vô cùng hiu quạnh.  
Nếu là bóng nguyệt của người hàn mặc, thì bóng nguyệt đẹp  
mà trong ;

Bằng là vẻ trắng của khách cung đao thì vẻ trắng buồn mà lạnh.  
Khiến khách tôi không biết :  
Nên thỏa hay nên sầu ;  
Nên vui hay nên chạnh.

\*

Này thử nhớ lại ;  
Mà biết đó rằng :  
Một các Chiêu-anh  
Một thành Trúc-băng.

Đem huyết hân mà vun bồi cho non nước :  
 Lấy bút nghiên mà tô điểm cho gió trăng.  
 Chiếc thân lang miếu giữa giang hồ, khâm hoài cao khoáng ;  
 Tấc dạ cô thần mà đặt khách, phong cốt lừng tăng.  
 Mây gió Bắc chẳng hẹn duyên hồng hộp  
 Biền trời Nam riêng thỏa chí côn bằng.  
 Người chủ nhân ông ấy :  
 Lẽ ta không nghe đó vậy ;  
 Lẽ ta không biết đó chăng ?

Chừ :

Muốn nhận ra dấu vết tiền triều thì vắng vẻ nước non một sắc ;  
 Muốn nhìn lại hình dung cố quốc thì mịt mù mây khói mấy tầng.  
 Ngọn gió thu phong kia, cò nhân đã từng quen mặt ;  
 Làn nước thu thủy nọ, cò nhân đã từng nhúng chân.

Cò nhân không được biết kim nguyệt ;  
 Kim nguyệt đã từng soi cò nhân.  
 Tranh bích lạc treo chung màu kim cò ;  
 Bóng hoàng hôn, chớp nhoáng cuộc trầm thăng.

Khiến :

Nghĩ những chuyện tang thương mà than nước :  
 Trong những cơ hưng phế mà khóc trăng.

Thì khách tôi :

Ngăn sao được lòng thác mắc :  
 Cầm sao được mối băng khuâng



Trước vẫn biết khách :  
 Đa tư đa lự ;  
 Đa cảm đa ưu.  
 Không cười mà khóc ;  
 Không vui mà sầu.

Bèn mới đặt chén cầm tay mà sẽ bảo :  
 Thế sự nhược đại mộng :  
 Nhân sinh như phù du.

Cổ kim là chung trong vòng tiêu trường ;  
Sắc trường là cùng trong kiếp doanh hư.

Khách thử ngắm xem :

Vầng trăng kia đối với người ngậm vịnh mà khoe màu, trắng  
từ bao thuở ;  
Làn nước nọ đối với cuộc tồn vong mà chau mặt, nước đã  
bao lâu ?

Nhưng :

Vũ trụ tuy bất biến bất cùng ; vẫn là vô trí giác ;  
Nhân sinh tuy tối vi tối tiểu, vẫn là hữu tâm tư.  
Một con tâm ấy, đã quán thông suốt nghìn thuở ;  
Một tấm tình ấy, đã bao quát cả năm châu.

Biết kiên khôn là rộng ;

Biết vũ trụ là to.

Còn trời đất nọ :

Muôn năm mãi mãi ;

Một khối trơ trơ.

Gió cứ đìu đặt ;

Mây cứ phất phơ.

Thì đối với trời đất, can gì :

Mà sầu mưa thấm chác ;

Mà thương hão khóc vờ ;

Hướng chi khách qua chơi đây :

Trước ta đã bao nhiêu người, ta không thề hỏi ;

Sau ta còn bao nhiêu kẻ, ta không thề chờ.

Ngày nay ta khóc cho người đời trước ;

Sau này ai khóc cho ta bây giờ ?

Chi bằng những lúc :

Thắng cảnh lương thần phải buổi ;

Thương tâm lạc sự đang vừa.

Nghiêng bầu hướng với giang san mà say rượu ;

Mài mực đối với phong nguyệt mà chúc thơ.

Một khối vờ ấy, nghìn năm hãy còn phiêu diêu dưới vùng  
tinh nhật ;

Một vết mực ấy, muôn thuở hãy còn bàng bạc trong cõi  
 giang hồ.

Đó mới là vận sự hào hoa, dữ kỳ lục thủy thanh san trường thọ ;  
 Đó mới là công trình tao nhã, dữ kỳ thanh phong minh nguyệt  
 trường lưu.

Chẳng hơn ngồi mà than mà khóc ;  
 Mà cảm mà sầu sông đó dư ?



Lời xong :

Sau trước gỡ mạn thuyền mà cõ võ ;  
 Chủ tân cất chén rượu mà hoan hô.

Cùng đồng thanh hát rằng :

Nước sâu sâu hể non cao cao ;

Thuyền gió trắng hể chở nhẹ chèo.

Nhược thủy bông hồ hể chi phải hỏi ;

Chẳng tiên lúc này hể tiên lúc nào ?

Đã tu thì tu hể cho trót ;

Đã chơi thì chơi hể cho hào.

Mặt biển, triều lên hể bát ngát ;

Ngàn cây, sương tỏa hể mịt mù.

Màu khói hể thấp thoáng liễu ;

Hơi may hể hiu hắt lau.

Trông qua bóng núi hể đá ngang mặt ;

Ngàng lên vàng trắng hể đá xé đầu.

Đêm dẫu tàn hể hứng chữa tận :

Thuyền quày lại hể gởi mấy câu :

Chỉ nước chỉ non hể căn dặn,

Gọi trắng gọi gió hể hẹn hò.

Non Tô một dãy hể cao dựng :

Hồ Đông một vũng hể nông sờ.

Này nước này non, ghi lấy cuộc hôm nay hể cuộc hành lạc ;

Hơi trăng hơi gió, nhớ lấy đêm hôm nay hể đêm  
 hưởng thu !

( Trích tập Thơ Đông-Hồ ) 1932





### Khóc linh phượng

Chấn gởi cùng nhau những ấm êm,  
 Bổng làm ngọc nát bỗng châu chìm.  
 Đầm đìa giọt thảm khăn hồng thấm,  
 Lạnh lẽo đêm xuân giấc mộng tìm.  
 Hình dạng mơ màng khi thức ngủ,  
 Tiếng hơi quanh quần nếp y xiêm.  
 Bảy năm vui khờ, nghìn năm biệt.  
 Sớm gió chiều mưa lấm nổi niềm !

( Trích tập *Thơ Đông-Hồ*, 1932 )



### Cô gái xuân

Trong xóm làng trên, cô gái thơ,  
 Tuổi xuân mơn mớn vẻ đào tơ,  
 Gió đông mơn trớn bông hoa nở,  
 Lòng gái xuân kia vẫn hằng hờ.  
 Lững thững lên trường buổi sớm chiều,  
 Tập tành nghiên bút, học may thêu.  
 Quần đen, áo trắng, khăn hồng nhẹ,  
 Ngọn xõa ngang vai, tóc bỏ đều.  
 Lá rợp cành xoài bóng ngả ngang,  
 Cô em dừng bước nghỉ bên đường,  
 Cởi khăn phầy giọt mồ hôi trán,  
 Gió mát lòng cô cũng nhẹ nhàng.  
 Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,  
 Lòng cô phất phới biết bao tình.  
 Vội vàng đề vở bên bờ cỏ,  
 Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh.  
 Áo trắng khăn hồng gió phất phơ,  
 Nhẹ nhàng vui vẻ nét ngây thơ.  
 Trông cô hớn hử như đàn bướm,  
 Thông thả trời xuân mặc nhớn nhơ.  
 Đàn bướm bay cao cô trở về,  
 Sửa khăn, cấp sách lại ra đi,  
 Thản nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,  
 Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi !

Cũng xóm làng trên, cô gái thơ,  
 Tuổi xuân hơn hớn về đào tơ.  
 Gió đông mơn trớn bông hoa nở,  
 Lòng gái xuân kia náo nức chờ.  
 Trùng bùng hoa nở, bóng ngày xuân,  
 Rực rỡ lòng cô, hoa ái ân.  
 Như đợi, như chờ, như nhớ tưởng,  
 Đợi, chờ, tưởng, nhớ bóng tình quân.  
 Tình quân cô : ấy sự thương yêu,  
 Đằm thắm, xinh tươi, lấm mĩ miều.  
 Khao khát đợi chờ, cô chữa gộp,  
 Lòng cô cảm thấy cảnh đìu hiu.



Một hôm, chợt thấy bóng tình quân,  
 Gió lộng, mây đưa thoáng đến gần.  
 Dang cánh tay tình, cô đón bắt,  
 Vô tình mây gió cuốn xa dần.  
 Gót ngọc phăng phăng cô đuổi theo :  
 « Tình quân em hỡi ! Hỡi người yêu !  
 « Gió mây xin đừng tình quân lại ;  
 « Chậm chậm cho em nói ít điều... »  
 Than ôi ! mây gió vẫn vô tình  
 Cuồn cuộn bay trên ngọn núi xanh.  
 Nhìn ngọn núi xanh, mây khói tỏa,  
 Mắt cô, đôi giọt lệ long lanh.  
 Lá rợp cành xoài bóng ngả ngang,  
 Cô em dừng bước nghỉ bên đường.  
 Cởi khăn phây giọt mồ hôi trán,  
 Gió mát lòng cô những cảm thương.  
 Lùi thúi bên đường, cô ngàn ngơ.  
 Chốn này, đuổi bắt bướm ngày xưa,  
 Cô buồn, cô tiếc, cô ngùi ngậm,  
 Cô nhớ ngày xuân, nhớ tuổi thơ :  
 « Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,  
 « Lòng cô phất phới biết bao tình.  
 « Vội vàng về bờ bên bờ cỏ,  
 « Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh... »

« Đàn bướm bay cao, cô trở về,  
 « Sửa khăn, cặp sách lại ra đi.  
 « Thản nhiên cô chẳng lòng thương tiếc,  
 « Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi !... »

Ái tình nào phải bướm ngày xuân,  
 Tình ái ngày xuân chỉ một lần.  
 Một thoáng bay qua không trở lại,  
 Gái xuân đỏ lệ khóc tình quân !

( Cô gái xuân )



### Tuổi xuân

Kề từ khi quen nhau,  
 Vừa mười ba tuổi đầu  
 Tuổi xuân, tuổi vui sướng,  
 Nào có biết chi sầu.  
 Quen nhau thì yêu nhau,  
 Yêu nhau quấn quít nhau.  
 Quây quần trong một tổ,  
 Như đôi chim bồ câu.  
 Ngày tháng chỉ mong cầu  
 Gắn nhau được dài lâu.  
 Sum vầy lòng những ước,  
 Ly biệt có ngờ đâu.  
 Muốn thề, vẫn được thề,  
 Ai khéo chiều nhau tề,  
 Bao những cuộc vui cười.  
 Cùng nhau cùng chia sẻ :  
 « Anh ơi ! em muốn học,  
 Anh hãy dạy em đọc.  
 Dạy em không ? Hờ anh ?  
 Không dạy em, em khóc.  
 — Em đừng làm nũng chứ !  
 Hãy nói anh nghe thử,  
 Em muốn học chữ gì ?  
 — Em muốn học Quốc ngữ :  
 Quốc-ngữ chữ Việt-nam,

Này thơ em, anh xem.  
 — Anh nghe, em cứ đọc !  
 Thơ rằng : « Anh yêu em !... »

« Em muốn dạy anh thêu,  
 — Yêu em, anh phải chiều,  
 — Chỉ kim, anh thử lựa,  
 Nghe lời em, em yêu.  
 Này ! anh thêu khéo chán,  
 Ngàn mây đôi chiếc nhọn  
 Chắp cánh tung trời bay,  
 Trăm năm cùng kết bạn.  
 — Tươi thắm bức lụa là,  
 Đôi chim nhọn không già,  
 Đời mình âu cũng thế,  
 Ngày xuân ở với ta . . . »

« Này anh ! buổi thư nhàn  
 Em dạy anh học đàn.  
 — Học đàn khó ! — Đâu khó !  
 Chỉ đôi tiếng nhật khoan !... »  
 Khoan nhật đôi đường tơ ;  
 Lay động đôi lòng thơ.  
 Gảy nên khúc tình ái.  
 Khúc dứt, lòng ngàn ngọc...  
 Buông bắt trên tơ trúc,  
 Nhìn em, năm ngón ngọc ;  
 Năm búp măng nở nà,  
 Mãi nhìn đàn chữa thuốc...

« Anh ơi ! Em muốn chơi,  
 Non nước chốn này vui... »  
 Âu yếm, cầm tay dắt,  
 Cùng nhau thưởng cảnh trời,  
 Ngày lặng, màu hoa cỏ,  
 Đêm thanh, thú trắng gió.  
 Cảnh trời với lòng người  
 Biết bao lần gặp gỡ,

« Anh ! Em muốn chơi thuyền,  
 Một ngày ta làm tiên...  
 Buông buồm theo ngọn gió,  
 Sóng nước những triền miên.  
 Trời biển cánh lờng lộng,  
 Đôi tấm lòng rung động.  
 Kề vai sẽ tựa nhau,  
 Chập chờn trong giấc mộng.  
 Bên rùng chiếc lá rơi,  
 Mặt nước cánh hoa trôi.  
 Chòm mây bay tản mát  
 Đàn nhạn rẽ phương trời.  
 Trông cảnh, em ngậm ngùi ,  
 Nhìn em, anh thở dài,  
 Cảm nghĩ chuyện đời đời,  
 Giọt lệ bắt đầu rơi ! . . .

Biết đời từ hôm ấy  
 Tuổi lớn, ngày dần thấy :  
 Chuyện buồn đưa đến thường,  
 Ngày vui không có mấy.  
 Đôi lứa cũng xa nhau;  
 Tuổi xuân còn mãi đâu.  
 Biệt ly nay mới biết,  
 Chi xiết nỗi thương đau.  
 Giọt lệ một lần ứa,  
 Biết bao lần chan chứa ;  
 Một lần khi bắt đầu,  
 Biết bao lần sau nữa !

Chốc, mười mấy năm trời,  
 Trăm nghìn cánh đời đời,  
 Nói đến chuyện gặp gỡ,  
 Sóng ngược lại bèo xuôi !  
 Cuộc đời những lặn lội,  
 Tiếng cười đời tiếng khóc.  
 Nào đâu bạn trẻ thơ,

Cùng ta kể mái tóc ?  
 Buồn nhớ cảnh năm xưa,  
 Lòng riêng những thần thờ.  
 Tóc xanh hồ đã bạc,  
 Lương tiếc tuổi ngây thơ !

( CÔ GÁI XUÂN )

\*

### Bốn cái hôn

« . . . Em nhớ : một sáng ngày mùa đông,  
 Gió bắc ào ào tiếng hải hùng.  
 Theo khe cửa sò, gió thổi rít.  
 Chỉ nghe tiếng gió mà lạnh lòng !  
 Em cuốn mình trong làn chăn đệm,  
 Đệm cỏ, chăn bông em chẳng ấm,  
 Bỗng như có một ánh than hồng  
 Chạm vào trán em chạy vào lòng.  
 Lòng em ấm áp, hơi lạnh tan,  
 Em nằm sung sướng mà bàng hoàng.  
 Sờ tay lên trán em mới biết :  
 Hơi ấm âu yếm mẹ em hôn...  
 ... Em nhớ : một buổi chiều mùa thu,  
 Bấy giờ mẹ em mắt đã lâu.  
 Trông chiếc lá rơi, em ủ rũ,  
 Hơi may hiu hắt, em buồn rầu.  
 Mắt mẹ, em mất tình âu yếm,  
 Lạnh lòng, em thiếu hơi hôn ấm.  
 Đứng tựa bên vườn, em ngần ngại,  
 Trông nước, trông mây, em đợi chờ...  
 Chợt thấy cha em về trước sân,  
 Áo quần lấm láp vết phong trần,  
 Chạy ra mừng rỡ đưa tay đón,  
 Cúi xuống mái đầu, cha em hôn.  
 Từ hôm em được cha em hôn,  
 Đằm ấm lòng em bớt nỗi buồn.

Nhưng cha em mãi bận xuôi ngược,  
Rày đó mai đây việc bán buôn...

... Em nhớ : một buổi trưa mùa hạ,

Buổi trưa nặng nề, trời oi ả.

Tựa cửa lớp học, em rầu rầu,

Nghe tiếng riu rít đàn chim sâu.

Trước sân, bè bạn em nô đùa.

Riêng em buồn cảm thân bơ vơ :

Mẹ mất, còn cha, cha ít gặp,

Một năm chỉ hai lần rước đưa !...

Cô giáo, thấy em đứng một mình,

Đi qua, gọi em hỏi sự tình.

Cầm tay cô dắt lại bàn học,

Ân cần, thương yêu vuốt mái tóc.

Rồi cô âu yếm hôn tay em.

Lộng qua cửa lớp cơn gió nồm,

Bao nỗi buồn bực, gió thổi mát,

Cái hôn như ngọn gió êm đêm...

Nay em đang giữa cảnh đêm xuân,

Gió trăng tình tứ đêm thanh tân.

Trước vòm trời biển cảnh lồng lộng,

Cùng anh trao đổi tình ái ân.

Khoác tay anh đi trên bãi cát.

Cát bãi, trăng soi màu trắng mát.

Nghiêng đầu lơ lửng tựa vai anh,

Lặng nghe sóng bãi đưa rào rạt.

Nước mây êm ái bóng trăng sao,

Say sưa em nhìn lên trời cao,

Buông khúc đàn lòng theo nhịp gió.

Giờ phút thần tiên, hồn phiêu dao.

Một hơi thở mát qua, dịu dàng,

Như cơn gió biển thoảng bay ngang,

Rồi luồng điện ấm chạm trên má :

Ân ái môi anh khẽ nhẹ nhàng.

Nũng nịu, em ngã vào lòng anh,

Ngàn ngơ ngừng lặng giây cảm tình.  
 Tóc em xõa tung, tay gió lướt,  
 Bàng hoàng em nhớ chuyện sau trước :  
 Đời em khoảng hai mươi năm hơn,  
 Được hưởng bốn lần âu yếm hôn.  
 Bốn lần em thấy em vui sướng,  
 Mưa gió đời em đỡ lạnh buồn.  
 Nhưng, từ khi em thôi học rồi,  
 Cùng cô giáo em không gặp gỡ.  
 Mà rồi, từ đó em lớn khôn,  
 Cha em cũng chẳng hôn em nữa.  
 Ba lần hôn kia em mất rồi,  
 Lần này biết có lâu dài được  
 Nước bèo em nghĩ đời chia biệt,  
 Mà lệ sầu em thồn thức rơi !... »

( Cô gái xuân )

✱

### Mua áo

« Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi,  
 Em đâu còn áo mặc đi chơi.  
 Bán thơ nhân dịp anh ra chợ,  
 Đành gửi anh mua chiếc mới thôi !  
 — Hàng bông mai biếc màu em thích,  
 Màu với hàng, em đã dặn rồi.  
 Còn thước tắc, quên ! em chưa bảo :  
 Kích từng bao rộng, vạt bao dài ?  
 — Ó hay ! nghe hỏi mà yêu nhỉ !  
 Thước tắc anh còn lựa hỏi ai.  
 Rộng hẹp, tay anh bằng ấm đó,  
 Ngắn dài, người mới tựa bên vai ! »

( Cô gái xuân )

✱



### Tết còn trinh trắng

Môi dò đào son, má ửng ngà  
 Xuân về áo biếc lụa kiêu xa  
 Kề chi loạn lạc ưu tư cũ  
 Mở đón lòng vui phúc thái hòa  
 Thành bại thăng trầm thôi gác lại  
 Đợi ngày năm cũ sẽ đôi ba  
 Chừ, Xuân đã cuộn, Trầm lên Nhục  
 Hương đã luồn sau nếp áo là  
 Ấu yếm đã dâng niềm quyến luyến  
 Yêu đương đang gọi ý lân la  
 Giao thừa Thương nhớ theo xưa trước  
 Hoan lạc giờ đây nổi khúc ca  
 Nguyên đán bình minh duyên dáng lắm  
 Gương hồ soi bóng mộng xanh xa  
 Khí trời sáng rực bông vông đỏ  
 Bướm ngập đường hương đuổi bước hoa  
 Lên đứng giữa đây lòng Vũ-trụ  
 Chơi vơi mình gửi cánh mây qua  
 Đòi nhiều xuân lắm, Chim lên tiếng  
 Gió nhại lời chim gửi thiết tha  
 Đồi núi chập trùng đồi núi nữa  
 Cây ngàn reo lá nhịp ngân nga...  
 Đây bài thơ Tết còn trinh trắng  
 Mực dậy mùi thơm giấy nỡn nà  
 Muội muội thử nhìn trên nét chữ  
 Triều tuôn sóng chạy biển bao la.  
 (Bội lan hành, Tết 1945)



### Vườn ngự bến thành

Non nước đang chờ xuân độc lập  
 Dừng hồng ấn được Tết huy hoàng  
 Máu đào lênh láng thay hoa pháo

Hơn một mùa Xuân, chịu tóc tang  
 Cả nước đang say mèm khói lửa  
 Văn thơ chinh chiến sừng ngâm vang  
 Nhưng mù, khi đến mùa, xuân đến  
 Chim chuyền lời hoa gửi gió hương  
 Nghìn mối cảm thông bừng một lúc  
 Muôn lòng chung một mối yêu đương  
 Rồi bao quản bút vung tay viết  
 Bao lá hồng đơn trải khắp đường  
 Trang chữ mực in còn nhảnh ướt  
 Lời thơ bay bướm tứ hiên ngang  
 Biết bao châu ngọc rơi trên giấy  
 Như thưở Trần Lê thưở Tống Đường  
 Vườn ngự Bến-thành xuân tấp nập  
 Cúc mai vàng ngập chợ hoa vàng  
 Người buôn xuân sắc, mua xuân sắc  
 Xe ngựa dòng xuân chảy ngồn ngang  
 Hãy tạm quên đi thời loạn lạc  
 Nhắc làm chi nữa chuyện kinh hoàng  
 Quên đi hưởng phúc giờ ân ái  
 Hưởng phút tung bừng, phút nhớ thương,  
 Thôi chớ bàng hoàng đừng thắc mắc  
 Giờ xuân chuông đã đỏ vinh quang  
 (Bội lan hành, Tết 1948)

\*

### Đợi mùa xuân lớn

Mỗi năm ăn một mùa xuân nhỏ  
 Đợi một mùa xuân lớn chữa về  
 Sáu chục ba trăm ngày nặng chĩu  
 Thời gian từng bước kéo lê thê  
 Áo hoa mặc phủ ngoài năm tháng  
 Che đậy lẫn trong lớp áo me  
 Trời đất chiều qua đầy bụi xám  
 Sáng ngày rạng rỡ ánh pha lê

Véo von chim gọi lời ân ái  
 Ngào ngạt trầm dâng khói nguyệt thề  
 Đã bốc lên rồi men đất nước  
 Rượu đời dân tộc uống say mê  
 Quê hương lệ ướt dòng xa vắng  
 Là một vầng thơ rơi cánh lê  
 Đè diềm cho mùa xuân dịu dịu  
 Mùa xuân rục rờ sắc hoa hoè  
 Thương xanh nhớ biếc lòng sông núi  
 Biên bạc hồ lam ôi bóng quê

( Bội lan hành, 1949 )



### Trình trắng

Mơnon đồng thơm lá cỏ non,  
 Hồn đêm chưa có dấu sương mờn.  
 Ao tràn mưa giọt bờ hoang dại,  
 Bèo nở xinh xinh cánh nhỏ tròn.

Chậm chậm triều lui biển xuống rồi,  
 Nởn nường cát ngổ ý xanh khơi.  
 Băng khuâng nhạc sóng không lên tiếng,  
 Dịu dịu bình minh tắm nắng tươi.

Lụa cời đa chiều núi tuyết băng ;  
 Làn sơn phơn phớt hé môi trắng.  
 Thiu thiu khoé mắt sao mơ mộng ;  
 Hồ trải lòng gương nước thẳm băng.

Giấy mở tờ nhung óng mờ gà,  
 Nghiên huyền nhựa mực sánh tinh hoa.  
 Sương đầm ngời thỏ run run nét,  
 Đường Tống hồn xưa ngón nởn nà.

Lối về xóm ấy nhiều đóm đóm,  
 Nhấp nhánh thiên hà ngập bước sao.

Ngỡ lạc tiền thân vào xứ mộng,  
 Lòng tiên, nghe tiếng gọi, nao nao.  
 Bên mái trắng non đêm quá nửa.  
 Muôn hương vườn ngậm cánh mong manh.  
 Gió mơ lá ngủ sương đi lảng,  
 Bên lên hoa quỳnh hé ý trinh.

( Tuyên tập Trinh trắng )



### Thiên địa gian

Ôi ! Trót sanh làm người  
 Sống giữa khoảng Đất Trời.  
 Mệnh mông biển Vũ-trụ,  
 Hạt bụi lửng lơ trôi.

Ôi ! Trót sanh làm người  
 Giữa thế giới tôi đời.  
 Mệnh mông biển Nước mắt,  
 Góp một dòng lệ rơi.

Đem tấm lòng hạt bụi  
 Gối ghém cho Đất Trời.  
 Ngưng một giọt nước mắt  
 Cho biển Đời lệ rơi.

Đất Trời to rộng quá,  
 Một tấm lòng lẻ loi  
 Gối ghém mãi không kín,  
 Gió mưa lòng tả tơi.

Biển lệ sâu vô tận.  
 Nước mắt ngừng, không rơi,  
 Tháng ngày ngưng đọng lại :  
 Sống sông dòng lảng lơi.

( Tuyên tập Trinh trắng )



**Đêm liêu trai**

*Yếm tác nhân gian ngữ*  
Bồ Tùng Linh

Cánh mộng từ nay thôi khép lại,  
Đêm đêm bút mực bạn ai đây !  
Thời gian dằng dặc dài : Thương nhớ :  
Vũ trụ minh mông vắng : Đọa đày.  
Còn nhớ đêm nào đang thuở ấy :  
Ngàn thông reo tiếng, gió lung lay.  
Tơ trắng mảnh rướm sau rèm lá,  
Tay mới cầm tay dậy dẫm say.  
Ngờ ngộ như quen từ kiếp trước,  
Ái ân bừng cảm phút giây này.  
Lòng hoa ngậm kín hồn trinh trắng,  
He hé mùa yêu ngát mái tây.  
Một phút cảm thông tình vạn thuở,  
Song hồ còn vướng gió trắng đầy.  
Qua rồi lạnh lẽo lòng chấn gổ,  
Chờ đợi đìu hiu thánng với ngày.  
Đã thấy lâng lâng niềm giản dị,  
Hồn tan theo nước, ý theo mây.  
(Tuyển tập *Trình trắng*)

**Đêm lại liêu trai**

*Để hay tình lại gặp tình.*  
Tổ-Như

Nhớ thương ngập nẻo sâu cô quạnh,  
Xa lắm tiền thân tự kiếp nào.  
Đêm ấy đều đều mưa đếm giọt.  
Ngàn thông rơi tiếng, nước lao xao.  
Mắt ngừng vơ vẩn trên tờ sách,  
Sửa lại trâm cho khói bốc cao,

Lửa nển run run mờ bóng chữ.  
 Lách mình khe cửa, gió len vào.  
 Một luồng hơi thoảng hương xiêm áo,  
 Ngát lịm mùi thơm tóc trái đào.  
 Vàng ngọc tiếng khua rung khê khê,  
 Nhìn quanh lòng rộn ý nao nao.  
 Gió im, ánh lửa bùng tim sấp,  
 Khép áo, giai nhân chúm chím chào :  
 Đợi mãi nghìn xưa lời hẹn ước,  
 Dường về không một bóng trăng sao.  
 Bụi mưa ướt thấm trên mình lụa,  
 Màn gió rèm sương ngổ đón rào.  
 Băng giá ngoài kia, ôi lạnh lẽo,  
 Đây lò hương sưởi chắt thơ dào.  
 Đôi bàn tay ủ đôi tay ấm,  
 Suối mắt tình cho uống khát khao.  
 Hồng hạnh thơm bùng gò má nóng,  
 Khơi nguồn thông cảm phút lao đao.  
 Ngây thơ thuyền ghé bờ ân ái,  
 Bóng đợi, hình mong, duyên ước ao.  
 Đã gặp rồi đây mùa tường mộng,  
 Men lòng say ngọt ý bồ đào.  
 Yêu đương đâu phải vì non biền,  
 Khặng khít cần chi đến tất giao.  
 Một sợi tóc tơ huyền đủ buộc,  
 Nghìn năm người thực với chiêm bao.  
 ( Tuyển tập Trinh trắng )



### Vội vàng

Lã chã gieo cho lòng giá lạnh  
 Những hòn ngọc ấm hạt châu vui.  
 Cho chiều hoang đảo bông hoa thắm,  
 Cho tối tha hương bóng mặt trời.

Mở mắt đêm liền đêm thồn thức,  
 Tình nhà nổi nước hận tơi bời.  
 Gặp nhau, em hỡi, mừng hay tủi,  
 Hay chỉ còn đây tê tái thôi !  
 Chưa gặp nhiều như gặp thuở xưa,  
 Biệt ly đêm cũ lại bây giờ.  
 Nhìn qua nước mắt trong giây phút,  
 Dằng dặc mênh mông chẳng bến bờ.  
 Gởi cả về đây vạn nhớ thương,  
 Mà lòng chưa vẹn sầu quê hương.  
 Đã đi khắp hết lòng kinh địa,  
 Nhặt hạt châu rơi các nẻo đường.  
 Ôi ! vội vàng Em ! ôi vội vàng !  
 Đâu đây không dè chút dư hương.  
 Sao không lâu nữa, lâu hơn nữa,  
 Buồn lắm phần hoa đất đoạn trường !  
 Mưa gió về đây tự bốn phương,  
 Cho lòng sầu xứ nổi thê lương.  
 Gối chần quán khách cô đơn quá,  
 Đất Chết mờ hoang lạnh thấm xương.

( Tuyền tập Trinh trắng )



### Chuông vàng

Ngân nga hồi chuông chiều,  
 Ngân nga hồi chuông sớm,  
 Chiều sớm chuông ngân nga  
 Gieo khắp không gian hồi thảm đạm.  
 Không gian tràn khắp mênh mang,  
 Mênh mang tràn khắp lòng bi cảm.  
 Chuông tan trong không gian,  
 Lòng tan theo chuông vang,

Lòng tan trong không gian,  
 Lòng tan theo mơ màng.  
 Nhớ thương và nhớ thương,  
 Quê hương và quê hương.  
 Lòng tan theo thương nhớ,  
 Lòng tan theo quê hương.

( Tuyển tập Trinh trắng )



### Vết hận

Rung rinh trái ngọc đôi hoa nở,  
 Nghìn vạn lung linh ánh thủy tinh.  
 Đôi sợi tóc tơ vàng nhẹ vướng,  
 Chân mây rục rờ bóng bình minh.  
 Tay tiên ngoạn lộng loài trần bảo,  
 Da ngọc ngà phô chất phẩm quỳnh.  
 Ói mắt quân vương viên bạch bích,  
 Ngắm nhìn say đắm giá liên thành.  
 Phút giây ngưng đọng hồn mê mẩn,  
 Viên ngọc rời tay.. tiếng mỏng manh.  
 Tiếng khẽ vang trong hồn nức nở,  
 Lệ lòng trên mặt đá long lanh.  
 Vết lông nhẹ rạn trên mình đá,  
 Vết rạn qua sâu đáy ần tình.  
 Cửa kẻ vụng tay nâng hứng ngọc,  
 Thương lòng mặt đá vết không lành.  
 Từ xưa ngọc đẹp nào không vết,  
 Biền đẹp nào không gợn bất bình.  
 Duyên đẹp từ xưa nào lại chẳng  
 Nghìn thu đeo vết hận ba sinh.

( Tuyển tập Trinh trắng )





**Xuân bất tận**

*Không quá khứ, không vị lai,  
Thời gian xuân giữ thắm tươi hoài.  
Từ lâu xanh vẫn mơn cành liễu,  
Và mãi vàng luôn đượm cánh mai.  
Cuộc thế mị thường cơn mộng lớn,  
Nguồn xuân bất tận suối thơ dài.  
Làm chi năm một lần khai bút  
Bút đã khai từ thiên địa khai.*

*(Tuyển tập Trinh trắng)*



## MỘNG - TUYẾT

**M**ỘNG-TUYẾT tên thật là Lâm thái Úc (lẽ ra tên Út vì nữ sĩ có sáu người anh, nên sau này có bút hiệu Thất-tiêu-muội) ; sinh ngày 9 tháng 1 năm 1918 tại làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên (tỉnh này hiện nay đổi thành quận lỵ của tỉnh Kiên-giang (Rạch-giá cũ).

Năm 1926, sau khi học hết bậc Sơ-dãng, nữ sĩ bắt đầu luyện văn ở Tri Đức học xá, (do thi sĩ Đông-Hồ điều khiển), và sáng tác những bài văn nhỏ dưới bút hiệu Thái nữ Mộng-Tuyết, góp lại thành tập Bông hoa đua nở, đăng ở Nam phong tạp chí năm 1930.

Năm 1935, Mộng-Tuyết thường xuyên viết truyện ngắn đăng trên tuần báo Sống (Sài-gòn).

Những năm kế tiếp, nữ sĩ tập làm thơ và gởi dự cuộc thi thơ do Tự lực văn đoàn tổ chức. Tập thơ phần hương rừng được giải khuyến khích năm 1939 (ban Giám-khảo gồm Nhất-Linh, Khái-Hung, Thê-Lữ, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam, Tú Mỡ).

Hai thời kỳ này (1935, 1939), là thời kỳ sáng tác phong phú nhất ; nhưng sau đấy, tự kiểm điểm thấy chưa thỏa mãn vì thi hứng quá nghèo nàn, nữ sĩ mới tìm dịch thơ Tây, nhất là những bài thơ trong tập Les fleurs du Mal của Baudelaire. Lại thì có lạ, nhưng thấy xa hờn mình quá, nữ sĩ bèn nghĩ đến lối viết tùy bút.

*Năm 1943, cùng với nữ sĩ Vân-Đài, Hằng-Phương, Anh-Thơ in chung một tập thi tuyển Hương xuân do nhà Nguyễn Du Hà-nội xuất bản.*

*Sáng tác của Mộng-Tuyết đã đăng trên các báo : Tiểu thuyết thứ năm, Hà-nội báo, Con ong, Đông tây, Trung bắc chủ nhật, Tri tân (Hà-nội), Gió mùa, Ánh sáng, Nhân loại (Sài-gòn) dưới nhiều bút hiệu: Mộng-Tuyết, Hà-tiên cổ, Thất-tiều-muội, Nàng Út, Bách-thảo-sương, Bán-Bán nữ sĩ...*

*Đã xuất bản :*

— Đường vào Hà-tiên (*Bốn Phương, Sài-gòn, 1960*)

— Nàng ái-cơ trong chầu úp (*Bốn Phương, Sài-gòn, 1961*)



**G**IÓ dừng thời mạnh ! Trăng không sáng lắm ! Cảnh vật phải im lìm và mung lung như khung lụa ngà giăng trải khắp không gian !

Phải chăng chúng tôi muốn bày ra khung trời mộng ảo ? Không, đó là quang cảnh của một vườn thơ ! bản sắc của một tình cảm ! Đặc tính của nữ sĩ Mộng-Tuyết.

Nữ sĩ nói :

« Những ý tưởng cảm nghĩ thường đến với tôi trong lúc tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh. Trong những lúc mình thật là của mình, không bị ngoại cảnh chi phối.

Cho nên ở giữa chốn đô thị huyền ảo tôi thấy mình nghèo nàn quá ! Khi nào cầm bút phải rúc vào cái vỏ. Phải tự tạo cho mình một cái vỏ hến — không phải là tháp ngà vì tháp ngà không kín bằng vỏ hến — để chui vào, rồi mới sẽ ghi chép.

Có rất nhiều ý tưởng, cảm nghĩ chợt đến; nhưng mình chưa kịp nhốt mình vào vỏ hến để nghiền ngẫm thì nó đã tan mất ngay. Có khi nó còn lảng vảng mãi trong trí. Rất nhiều khi nó thoáng qua rất nhẹ : một hai khi còn gộp lại. Nhưng mà phần rơi rớt cũng rất nhiều.

Mình chỉ viết cho mình, vì mình không phải nhà văn chuyên nghiệp cho nên đã để trôi qua biết bao nhiêu tình ý vì không cố công đuổi bắt nó, một khi nó lảng vảng đến với mình.

Chỉ ghi lại được những gì đã chín muồi như trái cây non sẫm sấp rụng ; không biết dùng móc bạc mà hái, không biết dùng chấu vàng mà hứng thì e nó chui tuột hết xuống đất. Cảm hứng cũng mong manh, nhất tiếng động và lần trồn như quả non sẫm ».

( Trích lời Mộng-Tuyết trong  
Văn thi sĩ hiện đại của Bàng bá Lân )

Trên đây là lời thò lộ « một vài cảm nghĩ về sáng tác » của nữ sĩ ; nó mong manh và khó thu hoạch như quả non sẫm. Một cử động mạnh có thể làm tan biến ngay luồng tư tưởng, nên mỗi lần sáng tác, nhà thơ phải tự tạo một chiếc « vỏ hến » để ẩn mình cách biệt với thế giới bên ngoài.

Bản chất sáng tạo của Mộng-Tuyết đòi hỏi thể đấy. Chúng ta không thể bước đến ngưỡng cửa tâm hồn của thi nhân bằng tiếng khua động nào, mà phải nhẹ gót chân, đừng làm kinh động, phải triệt để tôn trọng sự im lặng, cái tịch mịch trang nghiêm. Giữa sự quay cuồng âm ĩ của bánh xe cơ khí, sự giục giã của cuộc sống, cần phải tìm chỗ trú ẩn cho hồn thơ.

Nữ sĩ còn cho biết cái « vỏ hến » không phải phải là tháp ngà ; nó là lớp vỏ bảo vệ nguồn thơ, nơi gởi gắm những gì thơ mộng ; và nó chỉ đẹp khi nào những mơ mộng ấy còn nhốt trong dải gương chưa bị đời phá vỡ.

Quay ngược dòng thời gian, tìm gặp hình ảnh nữ sĩ thấp thoáng trong khuê phòng, nơi chứa đựng tâm hồn những trang giai nhân là lướt, mơ mộng, giàu tình cảm, đang nép mình trong lễ giáo nho phong.

Nữ sĩ lại nói với chúng ta :

« Người viết đã dọn mình mà viết, người đọc sao không dọn mình mà đọc, dẫu rằng người đọc không cùng quan điểm với người viết nữa.

Chiếc vòng ngọc thạch rộng, hoặc chật, không vừa cõ tay mình, nhưng nó vừa vặn ở cõ tay người khác, thì mình dẫu

*không đeo nó, mình cũng phải thương thức đúng với cái đẹp của nó ở cở tay giai nhân không phải là mình. »*

Mang một sắc thái nho phong, sinh trưởng nơi nhiều cảnh đẹp mà nữ sĩ thường gọi là « hồ thơ núi mộng », hẳn nữ sĩ là con người đa cảm đa tình. Nhưng đa tình mà không đề cho tình làm hoen ố những ý tưởng thanh cao, đa cảm mà không đề giác quan tràn ra ngoài thể chất.

Lá khô reo ! Mây chiều đọng sắc ! Tâm tình thì mệnh mang nhưng cánh chim không vượt ra ngoài khung trời dài các.

Bầu trời thơ của thi nhân không rộng, nhưng thay vào đấy, thi nhân đã sống trong những trang sách huy hoàng rực rỡ — cõi mộng của người thơ. Cái đẹp ấy, tâm hồn ấy đã đúc thành tiếng thơ thầm kín trong lòng Mộng-Tuyết. Tuy nhiên, là khách đa tình đa cảm, lòng xuân dầu âm ỉ, cũng có lúc chỗi dậy mơ kiếp con tằm, đề rồi vương phải dây tơ.

*Anh ơi ! Em muốn làm thi sĩ  
Vui lòng anh dạy em làm thơ*

Nũng nịu với người yêu, bắt người yêu dạy làm thơ quả là một tình yêu nồng nàn trong thú phong lưu. Nhưng ngộ nghĩnh hơn, nàng lại muốn làm thơ đề trả thù người mình yêu :

*Nhưng không, em muốn học làm thơ  
Đề trả thù anh đã hững hờ :  
Rồi phút say sưa anh có lại  
Hôn em... Em sẽ ày anh ra.*

và nàng nêu lý do sự trả thù của mình :

*Bấy giờ em cũng bảo anh rằng :  
« Em bận làm thơ » anh nhớ chẳng ?  
Hôm nọ bên anh, em nũng nịu  
Lạnh lùng anh cứ mãi nhìn trăng.*

Chúng tôi còn nhớ đạo nào, cô Minh-Thu cũng có làm một bài thơ vừa trách vừa gheo một chàng thi sĩ, người yêu nàng :

*Này này nhà... thi sĩ  
 Ngàng vừng trán kia lên :  
 Phải chăng em điểm lệ ?  
 Em có thiếu chi duyên !*

Thì ra tâm trạng của các cô gái có người tình là thi sĩ thường muốn cợt lầy như thế ư ? Hay các nữ sĩ đã khéo dùng duyên thơ để trừu duyên thăm ?

Mối tình đầu bao giờ cũng đẹp ! Còn cảnh âu yếm nào khi nàng điểm trang, chẳng ngấm làn tóc huyền phản sắc với màu da trắng mịn, buông lòa xòa trên vừng trán. Các vua chúa thời xưa cũng có lắm kẻ biết thưởng thức cảnh thơ mộng này :

*Hờ hững em đưa chiếc lược ngà  
 Chải đôi mái tóc rủ lòa xòa.  
 Bên em lộng lẽ ngời anh ngấm  
 Màu tóc huyền em phản sắc da.*

Từng làn tóc mây phất phơ trước khuôn nguyệt như một vẻ đẹp đang biến hình ; chợt nhận ra nét mỹ miều khả ái khi « mấy cái tóc mai vờn trước trán », chàng vội giữ tay nàng để khỏi xóa đi một bức tranh sống động :

*Bỗng đưa tay giữ cánh tay em :  
 — Em hãy ngừng cho anh ngấm xem  
 Mấy cái tóc mai vờn trước trán  
 Cho vừng trán đẹp, đẹp hơn thêm.*

Nhưng sá gì vẻ đẹp tầm thường ấy ; nàng còn hứa hẹn nhiều nét điểm lệ hơn. Thật là ái tình chứa đựng muôn nghìn sắc diện. Đây ta hãy xem ái tình phô bày màu thăm :

*Nũng nịu giàng tay, em bảo : « Thôi !  
 Cho em soi kính rờ đường ngói  
 Làm cô gái Huế cho anh ngấm  
 Tình tứ nhiều hơn món tóc mai.*

Nhưng, những cô gái khuê môn mặc dù tình yêu tha thiết, cảm giác nồng nàn đến đâu cũng không sao cỏi bỏ được

tính bền lền khi bị phơi bày những gì cần được che giấu. Đó cũng là điều mà tao nhân mặc khách lấy làm thú vị trong yêu đương.

Nữ sĩ đã ghi lại những cảm giác của cô gái dài trang qua bài thơ *Em xấu hổ* :

*Nhớ chuyện đêm qua còn thẹn thùng  
Mặt hồ phẳng lặng ánh trăng trong.  
Bóng trăng cùng với em đang tắm  
Làn nước vờn da em lạnh lùng.*

Một giai nhân tắm chung với bóng trăng trong hồ, còn gì đẹp đẽ và thơ mộng cho bằng. Cũng cảnh trí thế này đã giúp bao đề tài cho thi nhân lưu lại trong văn thơ nhiều nét đẹp nghìn đời.

Nguyễn Du đã ghi đậm nét, huyền diệu và thơ mộng hơn :

*Rỡ ràng trong ngọc trắng ngà,  
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.*

(*Kiều*)

Chàng thi ít được may mắn, vì tự mình đã làm tan vẻ đẹp bởi tiếng hát véo von vô ý thức :

*Giật trúc bờ bên gió phất phư  
Bỗng nghe tiếng hát vắng bay qua  
Giật mình ngơ ngác nhìn... Em thấy  
Sau trúc, trời ơi ! Anh bước ra !*

Có lẽ đây là lần đầu tiên lộ liễu tấm thân ngọc ngà trước cặp mắt khác giống. Nàng đã có phản ứng tự nhiên của người « em xấu hổ ». Nàng tuy kịp thời dựng lên bức tường thành phòng vệ mà tim lòng vẫn chưa hết thẹn thùng :

*Quàng vội khăn bông em chạy vào  
Ngàn ngơ anh hỏi :*

— *Đã làm sao ?*

— *Không làm sao cả nhưng em thấy  
Thẹn thẹn lòng em nó thế nào.*

Đấy, cái duyên dáng chứa đựng trong thơ Mộng-Tuyết bằng những nét trình bạch, ngây thơ của cô gái trăm anh thời xưa. Cô gái ấy hay thẹn thùng, bẽn lẽn. Sợ sệt khi va chạm với yêu đương ; nhưng khi thiếu ái tình thì lại hờn dỗi, trách móc. Và chan chứa trong tình cảm một khát khao mãnh liệt :

*Mấy vần thơ đợi gió  
Lòng xuân thắm đỏ  
Lòng thuyền nhỏ nhỏ  
Đợi nước triều lên...  
Triều đã lên rồi, trăng cũng lên.  
Trăng lên rồi đó. Gió chưa lên.*

Một khung trời bày sẵn như lòng thiết tha chờ đợi của giai nhân. Nước triều lai láng, trăng sáng lung linh, con thuyền đã sẵn sàng tách bến. Chỉ còn chờ cơn gió lộng là buông lái ra khơi cho thỏa mộng thuyền ước ao băng mình trên muôn nghìn gợn sóng yêu đương để lướt về bến bờ ân ái. Thế mà, vì sự trễ tràng của gió đã khiến lòng xuân nôn nả và có ý trách hờn :

*Khi xuân thắm đượm khắp nơi nơi,  
Vạn vật đem xuân trả lại Đời,  
Mà chẳng trả cho thuyền tí gió,  
Đề thuyền thương nhớ những phương trời.*

Mỏi mòn chờ đợi. Lòng thiếu nữ buồn ; không phải cái buồn của ray rứt, khổ đau, mà là cái buồn của sự luyến tiếc xuân hồng đành ôm mộng mãi chờ nơi bến cũ :

*Cắm sào bến cũ buồn lơ lửng  
Chờ mộng muôn phương, mộng viễn trình.*

Ước mơ, khát vọng không thành, lòng giai nhân se thắt ; cảm giác từ từ khép lại trong tiếng thở dài.

Khác với tâm hồn lãng mạn, người khuê nữ mặc dù tình xuân rạo rực đến đâu cũng cố nhốt mình trong đài gương, lấy tiết ngọc giá trong làm vinh dự đối với kẻ chung tình :



*Bên đường qua lại bao nhiêu khách  
 Riêng bề cảnh xuân đưa tặng nhau  
 Sung sướng Giang-nam chèo phới ngựa  
 Tháng ngày bóng liễu rủ tơ sầu.*

Những từ ngữ «bề liễu bên đường», «tơ sầu giăng bóng» biểu hiện sự chung thủy và chờ đợi nhớ mong, tuy có xưa, song rất quan hệ đối với tiếng thơ Mộng-Tuyết khi phải khai thác nỗi lòng khuê phụ.

Trong khung cảnh ấy, chúng ta mới thường thức được những nét u hoài, độc đáo của những nàng con gái khuê môn, yêu đời nhưng sợ tăm tiếng. Cái dáng dấp đoan trang, nghiêm chỉnh ấy chính là chiếc lồng đề giai nhân áp ủ niềm tương tư, mộng ước mà không lúc nào được thỏa mãn :

*Có nghĩa gì đâu một bức thư ?  
 Cho lòng nhẹ vợ nỗi tương tư.  
 Nhưng rồi lại thấy tương tư nữa,  
 Một bức thư sau vẫn đợi chờ !*  
 (Bức thư tương tư)

hoặc :

*Trăng ngập đường đi. Thuở ấy  
 Đôi người so bóng bước song song  
 Rồi trăng từ đó tương tư bóng  
 Cháy ngập tương tư khắp nẻo lòng.*  
 (Bóng trăng tương tư)



Đã yêu rồi, mỗi bức thư là một nguồn an ủi, mỗi tờ mây là một nhịp cầu mở lối tương tư. Ai đã từng yêu hẳn không chối cãi : « Càng nhận nhiều càng thấy thiếu thốn nhiều hơn. » Nữ sĩ Mộng-Tuyết đã tiết lộ sự kỳ quặc của ái tình.

Nếu chúng ta thấy có những cô gái số sảng trên ong, ghẹo bướm, xem ái tình như trò đùa bỡn đến độ sống sượng, lố lửng, tại sao chúng ta không thấy cái đẹp kín đáo, thùy mị trong tâm hồn người xưa.

Gởi sâu muộng theo một chiếc lá rơi, nhìn dòng sông  
 đề phôi pha thương nhớ... Vũ trụ chứa đựng biết bao tình  
 tứ đối với khách đa cảm đa tình. Tại sao chúng ta không  
 chia vui, gởi buồn cùng vũ trụ được. Hòa lẫn cái ta vào  
 vạn vật mới là kẻ biết sống trong tinh thần, nâng cao sự  
 trong sạch, cái tốt đẹp của con người, không đề vật chất làm  
 hoen ố.

Dưới ngòi bút Mộng-Tuyết, chúng ta mới thấy tâm  
 hồn của người đàn bà thời xưa trong tình sử còn sót lại.

Người thơ ngòi trên bờ hồ nhìn đũa bé ngắt mấy chiếc  
 lá làm thuyền ném xuống dòng nước, băng khuâng nhớ  
 đến hai câu cò thi :

*Tằng vãn điệp thương đề hồng oán  
 Diệp thương đề thi ký dư thù.  
 (Nghe trên lá đỏ đề thơ oán  
 Lá đỏ đề thơ biết gởi ai ?)*

Một chiếc lá cũng gởi được lòng tương tư của thi  
 nhân và cũng chỉ cần một chiếc lá, thi nhân đã gởi lòng  
 tương tư của mình qua dòng nước. Thi nhân không tìm  
 được lá đỏ như người xưa, nên đề thơ trên lá xanh :

*Còn nhớ nghìn năm Tàu thuở trước  
 Đề thơ trên lá đỏ tương tư.  
 Sáng nay muốn gởi thơ theo lá,  
 Đợi mãi ! Thu về, chẳng lá khô.  
 Xanh hay hồng, lá vẫn đa tình ;  
 Nhưng, không phải lá trôi dòng Ngự,  
 Lá chẳng hồng nên chẳng mối manh.*

Nhưng cảnh sống êm đềm, mơ mộng của người khuê  
 phụ không miên viễn với thời gian ; đất nước bằng phủ  
 mờ màu chinh chiến :

*Thuở trời đất nòi cơn gió bụi  
 Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên  
 (Chinh phụ ngâm khúc)*

Chúng ta hãy mượn hai câu thơ mở đầu trong *Chinh  
 phụ ngâm khúc* để nói lên tình cảm của thi nhân lúc bây giờ.

Nữ sĩ không làm khách chinh phụ, song không tự đặt mình ra ngoài lẽ cuộc điện, hay dọn sẵn lòng mình một chỗ nằm yên trong những trang tình sử xa xưa được. Nữ sĩ đã đề tâm hồn rung động trước nguy vong của dân tộc.

Năm Ất-dậu (1945), người dân miền Bắc nước Việt-nam ta chết đói hơn hai triệu người vì Nhật, Pháp tranh nhau cướp lúa dân lành chở đi nơi khác nuôi dưỡng chiến tranh và dùng đốt than chạy máy. Thảm họa ấy gieo vào đầu người dân quê đến nỗi trong nhà hết sạch thức ăn mà ngoài đồng lúa còn xanh mơn mớn. Nạn đói hoành hành, mo cau, củ chuối ... cũng không còn sót lại để kẻ đói cầm hơi. Và đến lúc giáp hạt là lúc dân quê chết đói nhiều nhất vì đã quá mòn hơi kiệt sức. Những người cuối cùng đã ngã gục giữa khi lúa bắt đầu vào mùa, đề rồi sau đó lúa chín đầy đồng mà không người gặt hái.

Nữ sĩ xúc động trước cảnh thương tâm ấy, đã viết mười bài thơ cứu đói, lấy tựa là *Mười khúc đoản trường*, gom thành một tập, do Đồng-Hồ trình bày và giới thiệu bằng mấy vần thơ sau :

*Mười khúc đoản trường thơ cứu đói  
 Bốn phương tri kỷ gió đưa duyên  
 Non sông cố quốc lòng đang rộn  
 Sơn phẫn tài hoa nợ chữa đần.  
 Mài mực viết nên thơ thống thiết  
 Đề thơ đem bán chợ văn chương  
 Thử nhìn trên những tờ hoa giấy  
 Mong đợ cho cân giá ngọc vàng.  
 (Đồng-Hồ)*

Có người bình phẩm thơ cứu đói của Mộng-Tuyết có những chỗ không xác thực. Chúng tôi cũng nhìn nhận điều đó, nhưng không với quan niệm khắt khe.

Nữ sĩ Mộng-Tuyết ở miền Nam, nạn đói xảy ra nơi miền Bắc, tin tức không đầy đủ nên không thấu đáo thực trạng. Đem tình cảm đau xót của một đơn vị dân tộc đặt trước nguy nan của một khối dân tộc, tình cảm ấy cũng đã nói lên một giá trị nào rồi. Chúng ta không nên đòi hỏi ở nữ sĩ quá nhiều.

Chúng tôi xin trích ra đây vài đoạn « thơ cứu đói » của nữ sĩ :

*Khép lòng vui lại dề lo âu  
Đói khát bao nhiêu nỗi thảm sầu  
Trời đất chưa tan màu khói lửa  
Anh em đang gặp cảnh đau thương.  
Máu mù tình kia đã bảo ta  
Đưa tay nâng đỡ chị em nhà  
Giống nồi chưa chết, lòng chưa chết  
Non nước hồn vang tiếng thiết tha.*  
(Tin miền Bắc)

*Trạm Bắc đưa về tin xót xa  
Lang thang thê thảm kẻ không nhà  
Đồng quê khốn khó tìm ra chợ  
Bồng bế con thơ dắt díu già.*  
(Những linh hồn bơ vơ)

*Xót lòng máu mù cơn nguy biến  
Xẻ cháo nhường cơm, ai hơi ai.*  
(Xẻ cháo nhường-cơm)

*Xác người xe nhật mỗi ban mai  
Còn bao nhiêu nữa trong quần quai  
Hấp hối chờ cơm, hơi mồn hơi !*

Trong lúc còn đau đớn bởi nạn đói năm Ất-dậu, nữ sĩ lại cảm kích trước phong trào năm 1945 dân chúng cùng đứng lên chống thực dân Pháp và phát-xít Nhật để giành lại độc lập :

*Đất nước từ khi dấy lửa binh  
Hôi tanh vằn đực bụi kinh thành  
Thơm tho dẫu nữa làn sơn phấn  
Mấy độ hoa Quỳnh khép Ý trinh.*

\*

Nói chung, ngoài thi bản *Vì anh Thọ-Xuân* là bài thơ khéo, hàm súc ý nghĩa, bản sắc tiếng thơ *Mộng-Tuyết* nổi bật ở giai đoạn đầu của đời thơ. Những bài *Cô gái Huế*, *Em*

bị cười, Em trả thù cho ta thấy cái duyên dáng, ngây thơ được phô bày tế nhị tâm tình muôn thuở của những cô gái đang dậy mùa Xuân. Lòng họ rạo rức nhưng vẫn còn e lệ khép nép trong chiếc áo nguyên trinh khiến vẻ đẹp của họ càng lộng lẫy. Thậm chí cái lòng « trả thù » của họ cũng khá ái, cho nên kẻ bị trả thù đã không căm hận mà còn tỏ ra yêu thích :

— Nhưng không; em muốn học làm thơ  
 Đề trả thù anh đã hững hờ ;  
 Rồi phút say sưa anh có lại  
 Hôn em. . . Em sẽ ày anh ra.

Nhưng ta phải nhận chân bài *Đợi gió* mới là tiêu biểu nhất tâm hồn của Mộng-Tuyết ; nó chứa đựng cái lãng mạn kín đáo, cái chững chặc của tâm hồn, và được điểm nhẹ những đường nét xưa cũ đã thấm nhuần tinh thần Đông-phương như nét phóng họa trong bức tranh thủy mặc của Tàu.

Đó là những gì đã làm sống Mộng-Tuyết trong văn thơ hiện đại.

( 25 - 7 - 1968 )



## *Thi tuyên*

### Làm cô gái Huế

Hờ hững, em đưa chiếc lược ngà  
 Chải đôi mái tóc rù lờ xòa.  
 Bên em, lộng lẽ ngời anh ngắm  
 Màu tóc huyền em phản sắc da.  
 Bỗng đưa tay giữ cánh tay em :  
 — Em hãy ngừng cho anh ngắm xem  
 Mấy cái tóc mai vờn trước trán  
 Cho vờn trán đẹp, đẹp hơn thêm.

Nũng nịu giằng tay, em bảo : «Thôi !  
 Cho em soi kính rẽ đường ngôi,  
 Làm cô gái Huế cho anh ngắm  
 Tình tứ nhiều hơn món tóc mai.

(Hà-nội báo, số 20, 20-5-36)



### Em bị cười

Mơ màng nghe có tiếng người yêu  
 Réo rất bên hè thời khúc tiêu,  
 Nhanh nhẹn tung chắn, em nhòm dậu  
 Bàn hoàng ngái ngủ, vội em kêu :  
 — Anh ơi ! Anh đợi tí ! Cho em  
 Còn sửa sang qua nếp áo xiêm.  
 Vuốt lại tóc em buông bối rối,  
 Diềm qua lượt phấn, chút hồng thêm...  
 Cửa mở. Em tìm chẳng thấy ai  
 Người yêu em đã phối xa rồi;  
 Bên rào còn để đôi hoa thắm  
 Hờ hững cười em mê ngủ thôi !

(Hà-nội báo, số 22, 3-6-36)



### Em trả thù

— Anh ơi ! Em thích đời thi sĩ  
 Vui lòng, anh dạy em làm thơ ?  
 — Em đừng chúng chúng, cười anh bảo,  
 Thơ thần gì em ? khéo ngần ngờ ! . . .  
 . . . Một nàng tiên nữ đẹp như em,  
 Là một bài thơ, một quả tim.  
 Là áng hồng non, là gió lướt,  
 Là hoa xuân thắm, bóng trăng đêm . . .

... Thi sĩ, em ơi ! đó lại là,  
 Người đi theo đời bóng tiên nga,  
 Ước mơ, yêu thích và ca ngợi,  
 Nhưng cái mà em đã có thừa !

— Nhưng không, em muốn học làm thơ  
 Đề trả thù anh đã hững hờ :  
 Rồi phút say sưa anh có lại,  
 Hôn em . . . Em sẽ ãy anh ra.

Bấy giờ, em cũng bảo anh rằng :  
 « Em bận làm thơ », anh nhớ chẳng ?  
 Hôn nọ; bên anh, em nũng nịu,  
 Lạnh lùng anh cứ mãi nhìn trắng.

(Hà-nội báo, số 17, 29-4-36)



## Dương liễu tân thanh

Trần trọng mặc giao hành khách thủ.

Đoãn trường tình tự kỷ ân cần

Lê-Bích-Ngô

« Dương liễu mười bài » chép gửi anh.  
 Ly hoài ai khéo gọi cho mình.  
 Bích ngô âu cũng lòng thôn nữ  
 Chung với nghìn xưa một mối tình.

« Bên đường, qua lại bao nhiêu khách ;  
 « Riêng bé cảnh xuân đưa tặng nhau.  
 « Sung sướng Giang-nam chàng phối ngựa,  
 « Tháng ngày bóng liễu rũ tơ sầu . . .

« Lả lướt đợi ngày xuân trở lại :  
 « Ngày xuân trở lại, hỏi bao ngày !  
 « Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió,  
 « Ngùi ngậm tàn xuân hoa rụng đầy . . . »

Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm,  
Lời xưa thêm gợi mối từ tâm.  
Biệt ly còn bận đời thi-sĩ ;  
Hương chồn buồng the khách chỉ kim.  
(Phần hương rùng)

\*

### Vì anh Thọ-Xuân

Đề tặng anh Đông-Hồ bộ Việt-Pháp Tự-diễn  
Vì ai, đề tặng sách cho ai ;  
Rồi lại vì ai cảm tạ người ;  
Bởi sợ nhà thơ nghèo đến chữ,  
Yêu nhau, đưa tặng mấy muôn lời.  
Tiếng nhà, cửa sẵn kho vô tận,  
Mặc sức tiêu hoang, mặc sức chơi :  
Mua bốn phương trời mây nước đẹp,  
Mua nghìn năm cảnh cỏ hoa tươi.  
Hãy còn thừa thãi, tiêu chưa hết,  
Mua lấy, trần gian, tiếng khóc cười.  
Trước hết, đã mua rồi một món :  
Thành Phương-hương điềm mối tình dài.  
(Phần hương rùng)

✻



## MƯỜI KHÚC ĐOẠN TRƯỜNG :

## 1. Giá gạo Tràng-an

Nghe nói Tràng-an giá gạo cao  
 Đói cơm cứu hạn khát mưa dào  
 Bà con ta ở miền Trung Bắc  
 Thóc gạo Đồng-nai những ước ao  
 Tờ quốc băng khuâng hồn nghệ sĩ  
 Cô em rủ chị học làm thơ  
 Em vui bề mực đầm ngòi thỏ  
 Chị mái rùng vắn xây lối mơ  
 Cấp báo về đây tự nẻo xa  
 Người đang ngoắc ngoải đợi chờ ta  
 Vốn nghèo biết giúp gì Em nhỉ  
 Ngã mại kỳ vắn nhĩ mại hoa

\*

## 2. Tin miền Bắc

Quốc vận bình minh hằng nắng vàng  
 Mừng vui chưa dứt tiếng reo vang  
 Xa xăm những đợi tin miền Bắc  
 Cơ cần kìa đâu tin bỗng sang  
 Khép lòng vui lại đề lo âu  
 Đói khát bao nhiêu nỗi thảm sầu  
 Trời đất chưa tan màu khói lửa  
 Anh em đang gặp cảnh thương đau  
 Máu mù tình kia đã bảo ta  
 Đưa tay nâng đỡ chị em nhà  
 Giống nòi chưa chết lòng chưa chết  
 Non nước hồn vang tiếng thiết tha

\*

## 3. Hồng-hà không phải sông vô định

Con cháu Rồng Tiên họ một nhà  
 Ai làm non nước chuyện chia ba  
 Cho hồn Tờ-quốc băng khuâng lấm  
 Tai biến nhìn nhau thêm xót xa

Êm ái Nhà-bè nước chảy hai  
 Gạo cơm Cần-đước nước Đồng-nai  
 Hồng-hà không phải sông vô định  
 Mà vẫn bờ sông xương trắng phơi  
 No ấm miền Nam trong lúc này  
 Bát cơm bữa bữa được bưng đầy  
 Ai ơi nghĩ nhớ người đang đói  
 Muỗng cháo cầm hơi đợi phút giây



#### 4. Những linh hồn bơ vơ

Trạm Bắc đưa về tin xót xa  
 Lang thang thê thảm kẻ không nhà  
 Đồng quê khốn khổ tìm ra chợ  
 Bồng bế con thơ đất dúi già



#### 5. Xẻ cháo nhường cơm

Hồng-lạc người chung một giếng nòi  
 Có đâu Nam Bắc đất chia hai  
 Xót tình máu mủ cơn nguy biến  
 Xẻ cháo nhường cơm ai hơi ai  
 Máu chảy ruột mềm đau xót lắm  
 Rách lành đùm bọc lấy cho nhau  
 Trong nhà đang có người kêu đói  
 Xẻ cháo nhường cơm mau hãy mau  
 Nạn đất tai trời đành đã vậy  
 Nhưng mà chị ngã hãy còn em  
 Có rồi nhưng cũng chưa là đủ  
 Xẻ cháo nhường cơm thêm lại thêm



### 6. Hấp hối đợi chờ

Tai mới nghe qua lòng thỏn thức  
 Xác người xe nhật mỗi ban mai  
 Còn bao nhiêu nữa đang quần quại  
 Hấp hối chờ cơm hơi món hơi  
 Gốc rạ cọng rơm vơ một sạch  
 Dây khoai củ chuối món cao lương  
 Vỏ cây dây lá không còn nữa  
 Đất trụi đồng trơ nuốt thảm thương  
 Thoi thóp hơi tàn chờ Cứu-tế  
 Hột cơm khi đục: gói khi no  
 Giàu nghèo ai cũng thừa tâm huyết  
 Nhiều ít nài chi hãy cứu cho



### 7. Cấm yên

Vật uống món ăn đành đã hết  
 Có tiền không gạo biết đâu mua  
 Ruộng vườn trống trải đồng không cỏ  
 Không vụ chiêm không cả vụ mùa  
 Mạ mới gieo xong đã gặt liền  
 Mái tranh không sợi khói vươn lên  
 Thử thì bắt tỉ thanh minh tiết  
 Đề sự trừ trung đã cấm yên



### 8. Ai đắp diêm

Làng mạc đìu hiu cảnh nào nùng  
 Bờ ao lặng ngắt tiếng côn trùng  
 Sân vườn vắng bóng loài gia súc  
 Cửa ngõ lều không ôi lạnh lùng  
 Nhan nhản ngoài đồng xác chết phơi  
 Xôn xao đàn quạ liệng đen trời  
 Mùi tanh theo gió bay lan khắp  
 Hơi sức ai còn đắp diêm ai

*Đồng loại còn thương hương ruột rà  
 Bà con nhau đó có ai xa  
 Dem lòng ta đối thương người đối  
 Thì thấy lòng ta bao thiết tha*



### 9. Đúc chuông

*Nhớ chuyện đời xưa lễ đúc chuông  
 Xa gần góp lại của thiên muôn  
 Có người sốt sắng mua âm đức  
 Bạc nén vàng thoi cũng góp luôn  
 Lửa đỏ nung tan cả vạc đồng  
 Người quặng đôi xuyên kẻ đôi vòng  
 Muốn vo quả phúc cho tròn trặn  
 Gửi cả vào đây vạ ước mong  
 Nay đã gặp rồi mùa Cứu-khò  
 Đúc chuông ngày trước phước về đâu  
 Ai ơi hãy nhớ câu nhà Phật  
 Một mạng người hơn chín nhịp cầu*



### 10. Nạn đói nước Ngô

*Nước Việt ngày xưa muốn phục thù  
 Dem toàn lúa hấp trả về Ngô  
 Thấy là lúa tốt cho gieo giống  
 Năm ấy bên Ngô bị mất mùa  
 Nạn đói làm cho bại nước Ngô  
 Cương kia còn đề tự bao giờ  
 Nay không hấp giống cho mùa mất  
 Đốt thóc thay vì đốt củi khô  
 Giặc đói xâm lăng đất nước mình  
 Hột cơm cứu đói : đạo tình binh  
 Ngày đêm hãy gặp đường ra Bắc  
 Tiếng khải triển vang khúc thái bình*

*Mười khúc đoạ trường  
 (mùa đói năm 1945)*



### Tương tư lá đỏ

Tầng văn điệp thượng đề hồng oán,  
 Diệp thượng đề thi ký dữ thù.

(*Nghe trên lá đỏ đề thơ oán,  
 Lá đỏ đề thơ bết gửi ai?*)

Cổ thi

*Còn nhớ nghìn năm Tàu thuở trước*

*Đề thơ trên lá đỏ tương tư.*

*Sáng nay muốn gửi thơ theo lá,*

*Đợi mãi ! Thu về, lá chẳng khô.*

*Đành phải đề thơ trên lá xanh,*

*Xanh hay hồng lá vẫn đa tình.*

*Nhưng không phải lá trôi dòng Ngự,*

*Lá chẳng hồng nên chẳng mới manh.*

*Lá nói gì đây ? — Chỉ lá thôi !*

*Xanh xanh từ lá vẫn xanh hoài,*

*Tương tư vẫn một màu Mơ-ước*

*Lá đỏ đề thơ thả nước trôi.*

(*Ảnh sáng văn chương, số 153, 6-9-1948*)



### Nguyên tiêu tương tư

*Cương ngọc thiên kim giá đời vừa,*

*Khuôn duyên tròn một quả đèn dưa.*

*Ngồi đây mà nhớ trắng phương đó,*

*Đọc trắng đêm rằm chuyện Ái-cơ.*

(1963)



## BỐN BỨC TRANH XUÂN :

## 1. Chiếc áo tết

*Náo nức tin xuân đến,  
 Năm tàn, đám nghỉ kim,  
 May nhanh chiếc áo tết,  
 Hí hờn mặc chàng xem.*

## 2. Bước tình sương

*Bên đường hoa cỏ lạnh,  
 Ngần ngại bước tình sương.  
 Một tấm lòng băng muốt  
 Xuân ngậm ý yêu đương.*

## 3. Hoa bất tuyết

*Giữa đám um tùm lá,  
 Hoa xuân rụng hết rồi.  
 Trên cành, hoa bất tuyết  
 Vẫn nở : nụ cười ai ?*

## 4. Nón Gò-găng

*Cô gái quê thành Trúc  
 Làm cô gái Qui-nhơn.  
 Mơ màng xuân nghĩ nhớ  
 Sự nghiệp người Tây-sơn.*

(Mộng-Tuyết, Thất-tiều-muội)



## Dưới cờ

*Kết chặt hàng đi dưới bóng cờ,  
 Trời Nam giành lại nước non xưa,  
 Tung bừng vận mới hờn trai trẻ  
 Một khối nghìn thu vững cõi bờ*

Lửa đỏ ấm vui lòng cố quốc,  
 Nắng vàng hanh rạng cảnh biên thù,  
 Phong yên ngút dậy màu quan tái,  
 Gió động xôn xao lá Quốc-kỳ.  
 Nới rộng rồi đây mặt biển trời,  
 Con thuyền Tờ-quốc sắp ra khơi,  
 Một đoàn thù thủ reo hăng hái,  
 Khúc hát bình minh mở cuộc đời.

23-8-45



### Chiếc lá Thị-thành

Đây một tờ thư của Thị-thành  
 Tha về thăm hỏi Chiến-khu xanh  
 Hỡi anh chiến sĩ mùa thu trước  
 Hơn một mùa thu, bận chiến tranh.  
 Lắm liệt rừng thu gió tải về  
 Bao tờ lá đỏ chiến công ghi  
 Bao tờ lá đỏ đề lời máu :  
 « Thề quyết thành công một chuyến đi ! »  
 Đắt nước từ khi đẩy lửa binh  
 Hôi tanh vẫn đục bụi kinh thành  
 Thơm tho đâu nữa làn son phấn  
 Mấy đệp hoa Quỳnh khép Ý trinh.

Thư 1947



### Em xấu hổ

Nhớ chuyện đêm qua còn thẹn thùng ;  
 Mặt hồ phẳng lặng ánh trăng trong,  
 Bóng trắng cùng với em đang tắm,  
 Làn nước vờn da em lạnh lùng.

Giật trúc bờ bên, gió phất phơ,  
 Bỗng nghe tiếng hát vắng bay qua.  
 Giật mình ngỡ ngác nhìn... Em thấy  
 Sau trúc, trời ơi ! anh bước ra.

Quàng vội khăn bông em chạy vào.  
 Ngần ngỡ anh hỏi :

— Đã làm sao ?

— Không làm sao cả, nhưng em thấy  
 Thèn thẹn lòng em nó thế nào !..

( Hà-nội báo, số 18, 6-5-1936 )



### Đợi gió

Gởi Anh-Thơ,  
 Mấy vần thơ đợi gió,  
 Lòng xuân thắm đỏ,  
 Lòng thuyền nhỏ nhỏ,  
 Đợi nước triều lên...  
 Triều đã lên rồi, trăng cũng lên ;  
 Trăng lên rồi đó. Gió chưa lên.  
 Mặt nước hồ nằm say giấc mơ,  
 Lòng gương không vướng gợn mây mờ,  
 Khói chiều đứng thẳng trên quan tái,  
 Hương tỏa hồn hoa ướp cỏ bờ.  
 Cánh gấm bướm ai buông trắng tỉnh,  
 Phơi nền trinh bạch giữa trời xanh,  
 Cắm sào bến cũ buồn lơ lửng,  
 Chờ mộng muôn phương, mộng viễn trình.  
 Trời Bắc bên kia đương ngóng trông,  
 Sông Thương, sông Nhuệ mở đôi lòng.  
 Xuôi chèo Nhâm-tuất theo trăng lạnh ;  
 Mở yến Đào-viên chúc chén nồng.



Gió gác Đàng-vương chẳng thời đưa,  
 Cho thuyền đợi gió đến bao giờ.  
 Cho buồm Vương-Bột trong giây phút,  
 Nghìn dặm bay sang bến đợi chờ.  
 Khi xuân thắm đượm khắp nơi nơi,  
 Vạn vật đem Xuân trả lại Đời,  
 Mà chẳng trả cho thuyền tí gió,  
 Đề thuyền thương nhớ những phương trời !  
 ( Tri tân, số 51, 17-8-1942 )



### Chữ Thập hồng

Có những bàn tay đẹp dịu dàng,  
 Bàn tay không vướng nét kiêu sang,  
 Cũng không tô chuốt màu hồng hạnh.  
 Mà vẫn hồng tươi, vẫn nhẹ nhàng.  
 Bao nỗi niềm riêng dành phôi bỏ  
 Những bàn tay ấy quyết đeo mang  
 Đem bao êm dịu cho đau đớn  
 Hàn vá lành cho những vết thương.  
 Là ngọc ngà đem giữa chiến tràng,  
 Là ngọc ngà đằm khí hiên ngang  
 Là ngọc ngà kết nên đôi nét  
 Chữ Thập hồng tươi ánh nắng vàng.  
 Đây một trời thương phủ chiến công,  
 Nơi đây ve vuốt chí anh hùng,  
 Nơi đây an ủi hồn chinh khách,  
 Trên cánh tay in chữ Thập hồng.



---

## HỒ VĂN HẢO

---

**H**Ồ VĂN HẢO là tên thật ; sinh ngày 14 tháng 2 năm 1917 tại làng Tân-qui-đông, tỉnh Sa-đéc (Nam-phần).

Ông bắt đầu làm thơ từ 13 tuổi và chính thức góp mặt trên thi đàn năm 1933, trong khi còn ở ghế nhà trường Trung-học Mỹ-tho, nhờ sự khuyến khích và chỉ dẫn của thầy học là ông Trần văn Hương, bấy giờ là giáo sư Việt-văn.

Hồ văn Hảo hưởng ứng bài Tinh già của Phan Khôi bằng một loạt bài thơ mới, hoàn toàn mới về dung nội lẫn hình thức, đăng trên tuần báo Phụ nữ tân văn. Hai bài thơ đầu của Hồ văn Hảo (Tự tình với trăng và Con nhà thất nghiệp) được Nguyễn thị Kiềm — tức nữ sĩ Manh-Manh — đem trình bày và phân tích trong một buổi diễn thuyết sôi nổi tại nhà Hội Khuyến-học Nam-Việt.

Năm 1934, ông đỗ bằng thành chung, đồng thời chiếm giải nhất cuộc thi thơ bằng Pháp-văn do Nha Học-chính tổ chức.

Năm 1935, cộng tác với Cao văn Chánh tục bản tờ Phụ nữ tân văn, nhưng ít lâu sau báo bị đóng cửa vì những bài đã kích và châm biếm Phạm Quỳnh, lúc bấy giờ là Thượng-thư ở Huế.

Năm 1936, đỗ thủ khoa kế toán Phòng Thương-mại Sài-gòn, giúp việc tại Đông-dương Ngân-hàng từ đó đến năm 1945.

Năm 1945, ông tham gia kháng chiến và bị Pháp bắt giam ngày 23-9-1945.

Năm 1948, lại bị sờ Mạt-thám Liên-bang quản thúc tại Căm-bốt.

Năm 1950, xuất bản tập Thơ ý. Từ đó về sau, lăn lóc với nghề cạo giấy, đem xáo trộn văn thơ với những con số kế toán, ầu cũng là một trường hợp tương phản hi hữu.

Hiện nay (1968), Hồ văn Hào sống ẩn dật ở đồng quê, vùng Chợ Lách (Vĩnh-long), giữa khung cảnh những ruộng vườn đìu hiu, nơi đã từng làm đề tài cho nhiều bài trong Thơ ý.

Ông đã soạn xong tập Loạn lạc, nhưng chưa xuất bản, trong đó ghi những cảm nghĩ của thi nhân qua các giai đoạn đẫm máu của lịch sử Việt-nam cận đại.



**S**AU bài thơ Tình già của Phan Khôi phát động phong trào thơ mới, ở riêng miền Nam, người hưởng ứng và cổ vũ nhiệt liệt trước tiên là nữ sĩ Manh-Manh ; tiếp đấy, một nhà thơ đã phụ họa phong trào bằng những sáng tác vững chắc ta phải kể là thi sĩ Hồ văn Hào.

Giữa lúc cuộc tranh luận của hai phe cũ, mới đang hồi quyết liệt, các nhà thơ thuộc phái xưa đang viện lý lẽ đề đề bẹp lòng thơ mới, nào là...

*Nghĩa lý vợ rời vẫn vẫn  
Thanh âm ngàn ngàn lại ngơ ngơ  
So với Á-học như dưa đắng  
Sánh với Âu-văn tựa mít sọ.*

Có một con người không thích cái không khí ồn ào náo nhiệt, người ấy là Thế-Lữ, đã âm thầm cấu tạo những sáng tác vượt bậc, chỉ lấy việc làm cụ thể đề minh chứng như một bó đuốc soi đường cho thế hệ trẻ làm mục tiêu tiến bước, và tỏ cho lớp người cũ thấy sức sáng chói lợi của những văn thơ mới.

Thật thế, giữa năm 1934, đang hồi chông chênh của nền thơ mới, sự đả kích lẫn nhau vẫn còn hỗn loạn, thắng bại chưa ngã nghiêng bên nào, những thi tài thơ mới đang nỗ

lực chứng minh cho phái cũ thấy ý thơ của họ không phải « ngo ngoe ngằn ngằn », nó không phải là một thứ « đura đấng » khó nuốt. Thi sĩ Hồ Văn Hảo là một trong số tài hoa của thế hệ, đã phù trợ bạn đường, làm đuối lý dần dà phái thơ cũ ! Thi bản *Ly biệt* là bằng chứng hùng biện.

Nếu một Huy-Cận đã ghi vào văn thơ của mình những câu :

*Thôi đã tan rồi vạn gót hương  
Của người đẹp tới tự trăm phương.  
Tan rồi những bước không hò hẹn  
Đã bước trùng nhau một ngã đường.*

(*Dấu chân trên đường* — Huy-Cận)

Lời thơ đẹp và lắng lắng ở cõi lòng ta như một niềm lưu luyến dấu vết gót chân son của giai nhân đang rã dần trên cát bụi. Sự kiện đã khiến Hoài-Thanh — Hoài-Chân không tiếc lời :

« *Huy-Cận đi lượm lặt những chút buồn rơi rác để rồi sáng tạo nên những văn thơ do não. Người đời sẽ ngạc nhiên vì không ngờ với một ít cát bụi tầm thường thi nhân lại có thể đúc thành bao nhiêu châu ngọc. Ai có ngờ những bước chân đã tan trên đường kia còn ghi lại trong văn thơ những dấu tích hẳn không bao giờ tan được.* »

Như đã « trùng nhau một ngã đường », thi sĩ Hồ Văn Hảo chẳng những đã ghi lại dấu chân mềm dịu của giai nhân, mà còn cả hơi ấm của nàng, làn hương của mái tóc rẽ ngôi, cả tiếng oanh như suối ngọc nữa. Đây, ta hãy nghe tơ lòng rung động của thi nhân trước những quuyến rũ thoàng qua ấy :

### Ly biệt

*Đây còn những dấu chân mềm xinh xắn,  
Đây còn hơi ấm dịu trên ghe ngời,  
Đây dư hương của làn tóc rẽ ngôi,  
Và đây nữa dư âm lời trong suối.  
Người, thì đã như mây ngàn hạc nội,  
Buổi ra đi, trời sao nào thể lương ;  
Ta lắng nghe tim dội bước trên đường ,  
Gió trong lá thì thầm cơn ly biệt ;*

Chim ngừng hót dề chia niềm mến tiếc  
 Chiều buồn buồn rơi nhẹ khắp không gian ;  
 Lòng bị thương mang lấm nổi bàng hoàng  
 Cửa sau giấc mơ hoa đầy ân ái.  
 Kỳ vật nợ, trong phút giây lưu lại,  
 Quá mong manh nên gió đã thổi rời ;  
 Sầu biệt ly như thuyền nặng thả trôi,  
 Không bến đỗ trên tràng giang cô tịch.  
 (15-7-1934)

Ý nghĩ bạn đọc không biết thế nào, riêng chúng tôi cảm như thụ hưởng một thức ăn tinh thần vừa thích khẩu vừa nhẹ tiêu hóa. Thi bản này đã khiến nữ sĩ Vân Đài không đắn đo nhận ngay giá trị nghệ thuật của nó, khi nữ sĩ viết :

« . . . Ông tả ý biệt ly khéo lắm. . . Tất cả bài thơ không câu nào đáng chê. Và nếu kỳ một tên Xuân-Diệu hay Thê-Lữ không phải không xứng đáng . . . »

Trước trào lưu lãng mạn của tư-tưởng mới, Hồ văn Hào là một hồn thơ cũng chịu lắm đau thương trong tình ái. Nếu có những tâm hồn ủy mị đã khóc lóc kêu than khi ái tình tan vỡ, cách ngăn, họ đã tạo ra những vần thơ như những dòng châu lệ lâm ly thống thiết ; khác hơn, Hồ văn Hào tự tìm hiểu nguyên nhân thất bại trong tình trường, thì nhân nhận lấy sự nhứt nhát về phần mình đã dề ái tình đi qua như nét mong manh của cánh bướm. Đây ta hãy xem cái vụng về của chàng trai :

Anh định nói bao nhiêu lời hoa mỹ  
 Như lúc gieo vần đẹp ở trong thơ ;  
 Gặp em đây, lòng bối rối không ngờ,  
 Môi chẳng nhay và mắt nhìn bờ ngõ,  
 Câu tình tự ngập ngừng theo hơi thở,  
 Lời vụng về như trẻ mới nên ba.  
 Em trách anh sao lấm về lơ là,  
 Nhưng anh biết nói gì hơn thế nữa.

Đứng trước đối tượng yêu thì tỏ ra ngờ ngàng như chú Mán, nhưng thi nhân rất hiểu đến lẽ yêu đương. Nếu một Xuân-Diệu đã không cắt nghĩa được tình yêu là gì ; cũng vì nó có thể gây bởi một buổi chiều buồn trống trải

đơn cõi, bởi một vài tia nắng nhạt, một đám mây trôi trên trời rộng, một ngọn gió phe phây mỏng man như nhắc nhở ái tình. Xuân-Diệu đã nói xa vời:

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu ?  
Cố nghĩa gì đâu, một buổi chiều  
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,  
Bằng mây nhẹ nhẹ, gió hiu hiu. . .*  
(Vì sao — Xuân-Diệu)

thì Hồ Văn Hảo định hẳn nghĩa « yêu »

### Yêu

*Yêu là nhớ thẩn thờ qua mây gió,  
Nao nao buồn, cười khóc nổi băng quơ,  
Trông ngày mai đem đến chuyện không ngờ,  
Sợ nơm nớp vì những điều thổ lộ ;  
Yêu là thấy cả người rung tựa lá,  
Môi thiết tha, e ấp chẳng nên lời,  
Mắt ngập ngừng, và lòng ở chơi vơi,  
Tay bối rối, và tia nhìn vội vã ;  
Nâng niu gói đề mơ thềm hơi bóng  
Chút hương thừa, đôi nét chữ vu vơ ;  
Thư dạm trao : người lấm vè bơ thờ, —  
Ôm gói lạnh mân mê tình trong mộng.  
Mắt nhưng đẹp khéo rụt rè lấm bấy !  
Ngại ngừng chi lời ước buổi sơ giao ?  
Đã khó chung cùng một giấc mơ đào,  
Sao khôn đọc ý gì trên trán ấy.*

(Thơ ý)

Như đã nói, chính vì cái tình rụt rè của người trai nên đã gây ra bao thua thiệt sau này :

*Tim rạo rục, nhưng lời không dám ngỏ,  
Ngại ngừng thay ! Xa cách biết bao nhiêu !*

Mùa xuân đang qua như cái vòng luân chuyển của nó tự thuở nào. Thời gian thì thúc giục ; một ngày kia con chim hồng của thi nhân không hẹn đã vỗ cánh bay đi. Mộng tình tan vỡ theo cánh chim vút ở lưng trời. Khoảng không gian trống lạnh ; nơi đây đã ươm giống ái tình, giờ chỉ còn tro

lại một trái tim đau ; nơi đây, tình yêu đang này nở bỗng trở thành ngục thất của tâm hồn. Nhìn lại cảnh xưa chốn cũ, lòng càng bởi đoạn xót xa ; thị nhân chớp kêu đau như con chim bị đạn ái tình :

*Ta mang một vết thương lòng tuyệt vọng,  
Thôi hết rồi ! tình âu yếm thuở xưa.*

Tình đã chết, Lòng người vì đó mà thê lương. Sự kiện đã thúc đẩy thi nhân làm một khúc quanh trong dòng đời. Đó là sự quyết định ra đi. Đi để xa lìa nơi lưu nhiều kỷ niệm đau thương, để khép cánh cửa tim lòng, để dứt khoát với tơ vương, để hàn gắn vết thương tình vừa vỡ lở :

*Rời chàng đi, ôm nỗi buồn chan chứa  
Mối thất tình dầu dãi với phong sương.*

hoặc :

*Từ đây bèo nổi mây chìm  
Đề cho ngày tháng người niếm đau thương*

Chúng tôi quá yêu mến những vần thơ ly hương trong tập *Thơ ý*. Vì ở đoạn đời này, ta thấy ý thơ trở nên thâm trầm, tình thơ lại dạt dào, gợi cảm.

Xin hỏi thật. Các bạn đã có lần nào thất tình chưa ? Nếu chưa, chúng tôi xin lập lại : « Khi đã lụy trong tình trường, nếu những linh hồn quá tôn thờ thần tượng, coi tình yêu là lẽ sống duy nhất ; tình yêu mất, họ không còn đủ sức chịu đựng đau khổ giày xéo tâm can nên dễ sinh tư tưởng bi quan, yếm thế đến giải thoát nợ đời. Một số ít người thần trí kiên cường, họ can đảm chống chọi với lòng đau và coi sự thua thiệt trong tình yêu là lẽ thường của nhân thế . . . »

Hồ văn Hào là một linh hồn đang phân vân giữa đôi ngã :

*Nay là phút lòng tôi chia đôi ngã,  
Bên thì nghe tiếng gọi của Từ-thần,  
Bên gượng cười nấn ná cảnh trời xuân :  
Hoa trong lọ sắp tàn còn rán nở.*

Nói được những lời trên, ta thấy vẫn còn một ý sáng loé lên trong bầu tư tưởng đen đục, trong một cõi lòng vừa bị ngộ độc ái tình. Đây, ta hãy nghe thi nhân biện giải :

*Chết giữa lúc ngày xanh đầy rực rỡ !  
 Chết khi lời chưa trút cạn tâm can,  
 Của ái ân chưa đạo một cung đàn,  
 Của da thịt chưa nếm mùi hương phấn !*

rồi đi đến kết luận :

*Tôi là kẻ đắm thuyền còn ôm ván,  
 Sợ mặt trời tắt hẳn trên đầu tôi ;  
 Sắp xa đời, tôi lại thấy yêu đời.*

Sự cố ghi lẽ sống chứng tỏ thi nhân còn nghĩ đến tình xưa. Trên bước đường dong ruổi, đôi lúc dừng gót giang hồ, đã « hơn một lần, chim lá ở bên đường » nghe được tiếng lòng chàng thồn thức, thấy được chàng còn giữ lại kỷ vật xưa, — mấy bức thư tình, dăm sợi tóc thề — để tìm lại trong ký vãng :

*Hơn một lần, chim lá ở bên đường  
 Đã im lặng nghe tim chàng thồn thức.  
 Tóc dàu sợi với thư tình mấy bức  
 Đính bên lòng như rít vết thương tâm  
 Nhưng máu tươi càng rỉ giọt âm thầm,  
 Và kỷ vật đã hoen màu vĩnh viễn.  
 Giấy nhàu nát dấu phai lời trứu mến,  
 Tóc mây huyền còn gợn phút say xưa,  
 Thuở môi run cố giữ lại hương thừa,  
 Lụa hơi thở trong guồng tơ xõa rối.*

Nhưng chợt nhìn lại thực thề quá tang thương. Thảm thay ! con thuyền đời sau cơn phong ba bão táp, cánh buồm nay tở tả, xác xơ, mạn ván ra chiều uể oải. Ôi còn đâu giây phút hiên ngang lướt sóng trùng dương. Đây, ta hãy nhìn trạng huống nào nề ấy :

*Nhắc chi nữa khi lòng xuân cần cõi,  
 Dương đầu xanh mà má hóp da nhăn ;  
 Hoa ái ân đâu nở được hai lần.*

Những lúc bản ngã của lòng hoài niệm hay quay về dĩ vãng khơi lại mạch sâu, hồn thề thi nhân đau đớn, rã rời như bị ngọn roi vút mạnh vào tim tình làm vỡ toang lại vết thương xưa ; thi nhân vội kêu đau :



*Lòng ta hơi ! chớ trở về dĩ vãng !  
 Người sẽ bơi toàn kỷ niệm đau thương ;  
 Thời vinh quang, ngày tươi đẹp như vàng  
 Chỉ thoáng hiện, mang thêm niềm ngao ngán.*

vì đâu phải chỉ là lần đầu :

*Ta biết lắm ! Đi sâu vào quá khứ,  
 Là để nghe hình phạt của tâm can.*

Và cái hình phạt này đã đầy đọa, ray rứt thi nhân mười mấy năm trời lưu lạc.



Ngoài rung động theo nhịp điệu yêu đương, tiếng thơ của Hồ văn Hảo còn chứng tỏ khả năng ở khía cạnh khác.

Vân-Đài đã có một nhận xét về Hồ văn Hảo : « Nếu ông là người thật yêu thơ, thật hi sinh cho nghệ thuật, ông sẽ đi tới nơi tới chốn đến đài vinh quang của Thơ sau này. »

Tiếc thay, cái « nếu » hoài nghi của nữ sĩ Vân-Đài đã trở thành thực sự. Tiếng tơ réo rất đến năm 1948 thì ngừng bật. Ngoài tập *Thơ ý* đã chào đời, Hồ văn Hảo định ra tiếp tập *Loạn lạc*, nhưng nghệ thuật thi ca không nuôi nổi con người nghệ sĩ, ông đã phải rời thi đàn để tìm kế mưu sinh, mặc dù đã thừa nhận số kiếp mình là do Trời đầy xuống trần gian để làm thi sĩ, nhưng thi nhân không kham với mảnh đất khô khan :

*Trời đã bắt xuống trần làm thi sĩ,  
 Lại đây tôi vào khoảnh đất khô khan,  
 Thu không về, mà xuân cũng dở dang,  
 Đông kém rét ; chỉ thấy toàn Mưa, Nắng.  
 Nắng rơi thấp nên hồn tôi trĩu nặng,  
 Mưa dầm dề, ngày quá đổi thê lương.*

Thế là từ đây, chúng ta không còn nghe được nhạc điệu buồn thương trên dòng đời phiêu bạt, mà chỉ hy vọng thương thức những biến khúc tiếng tơ lòng của con người nghệ sĩ đã cảm nhận được trong mùa « loạn lạc » của dân tộc.



## Ngại ngùng

Gởi Th. L.

*Tim rạo rức, nhưng lời không dám nói,  
Ngại ngùng thay ! Xa cách biết bao nhiêu !  
Nhìn ngay ta, này đôi mắt yêu kiều !  
Đừng e ấp, hơi làn môi thắm đỏ !*

*Gió đông đến, tung bùng chim gọi bạn ;  
Nắng vàng lên, rức rờ bướm tìm hương.  
Lòng cô đơn, như khách lạ qua đường,  
Ta bước mãi trong chiều thu vô hạn.*

( Thơ ỳ, 7-12-1939 )



## Tình không

*Khách lạ, xin đừng bước lãng du !  
Lòng ta mang nặng một trời thu ;  
Bâng khuâng thương nhớ gì xa vắng,  
Ôm khối tình không đến bạc đầu.  
Vì bởi v. Juyên với phần hương,  
Đau thương đành rải gió trắng ngàn ;  
Muôn năm sông núi còn u uất  
Ngậm ý thơ buồn gửi bốn phương.*

*Tìm ai thồn thức chốn xa xôi  
Khi biết lòng ta, đã muộn rồi !  
Có kẻ vô tình, trong khiên hứng,  
Ngâm nga nhắc lại mấy vần thôi.*

( Thơ ỳ, 2-4-1943 )



## Dĩ vãng

*Lòng ta hơi ! chớ trở về dĩ vãng ;  
Người sẽ bươi toàn kỷ niệm đau thương !  
Thời vinh quang, ngày tươi đẹp như vàng,  
Chỉ thoáng hiện, mang thêm niềm ngao ngán.*

Nắng trong quá ! Gió đông vờn mát lạ !  
 Muôn lòng thơ đương hái vụn hoa thơ.  
 Hãy vui đi ! Buông hết chuỗi năm mờ,  
 Gội tím đỏ bằng màu xanh của lá.  
 Ta biết lắm ! Đi sâu vào quá khứ,  
 Là đề nghe hình phạt của tâm can ;  
 Nhưng phải chăng, dù đau đớn muôn vàn,  
 Theo tiếng gọi, lòng ta về quê cũ ?  
 ( Thơ ý, 29-11-1939 )



### Gió bắc

Gió bắc mang về nỗi nhớ nhung.  
 Bờ lau xơ xác dưới mưa phùn ;  
 Nước tràn sông rộng, thuyền không bến.  
 Lòng gửi chẵn bông vãn lạnh lùng.  
 Khi bóng hoàng hôn giục én bay,  
 Hương buồn man mác lướt qua cây.  
 Có ai nghe thấy gì trong gió ?  
 Cả một thời xưa đọng ở đây.  
 ( Thơ ý, 11-1940 )



### Hương

Sắc diễm lệ, hay tiếng cười giòn giã,  
 Món quà ngon do tay dịu kính mời,  
 Ta hình dung còn thoáng đượm êm tươi,  
 Mặc thời khác án mờ như sương tỏa ;  
 Nhưng, Hương phẫn thiêng liêng, không thể tả,  
 Đã lướt qua là mất hẳn dư hương :  
 Dẫu có tìm tưởng gửi lại mùi thương,  
 Hoặc nhẹ nhàng, mơ hồ hay đắm đuối,  
 Ta chỉ cảm, than ôi ! niềm tiếc hối,  
 Muốn lùi chân vào quá khứ xa xăm,  
 Vớt lại hương trong gió quyển âm thầm.

Ngày rục rờ, đầy thơ và ánh sáng,  
 Đính bên lòng nhờ chút vị say sưa,  
 Ta về người theo gió ướp hương thùa,  
 Sau người đẹp rải mùi thơm dĩ vãng.  
 Và từ đây, không bao giờ thỏa mãn,  
 Ta ra đi tìm lại những hương qua,  
 Như chàng Ngưu lưu luyện dài Ngân-hà.  
 Ôi ! Hương phấn gọi tình, trao duyên thắm,  
 Hơi giai nhân tự nghìn xưa say đắm,  
 Dấu mơ huyền còn sót của muôn tiên  
 Vương ái ân rời bỏ động Đào-nguyên.

( Thơ 1, 21-12-1939 )



### Có lẽ nào ?

Qua cửa sổ, gió lùa bao sinh khí,  
 Lá và hoa cợt với nắng hanh vàng ;  
 Chim trên cành vui cất tiếng ca vang ;  
 Không khí hợp chặt gì trong trẻo quá.  
 Nay là phút lòng tôi chia đôi ngã,  
 Bên thì nghe tiếng gọi của Tứ-thần,  
 Bên gương cười nấn ná cảnh trời xuân ;  
 Hoa trong lọ sắp tàn còn rán nở.  
 Chết giữa lúc ngày xanh còn rục rờ !  
 Chết khi lời chưa trút cạn tâm can,  
 Của ái ân chưa đạo một cung đàn,  
 Của da thịt chưa nếm mùi hương phấn !  
 Có lẽ nào ? Trong không gian vô tận,  
 Khi lòng trinh hé nụ với hoa đào,  
 Khi muôn tim hòa khúc nhạc tiêu dao,  
 Muôn lá phôi thắm nhuần qua gió rộng,  
 Tôi cam chịu nghìn năm không cử động,  
 Mồ con con ghì thân lớn lẽ loi,  
 Da thắm tươi sẽ lúc nhúc rơi dòi ?  
 Cả vũ trụ tiêu tan còn chli nữa !

Người chớ bảo : Chết là buông hết nợ,  
 Linh hồn sang một thế giới thần tiên ;  
 Quá tham lam, đòi hạnh phúc nhân tiên,  
 Tôi nâng chén thời gian chưa muốn cạn.  
 Tôi là kẻ đắm thuyền còn ôm ván,  
 Sợ mặt trời tắt hẳn trên đầu tôi ;  
 Sắp xa đời, tôi lại thấy yêu đời.

( Thơ ý, 12-1934 )



### Ngày xưa

Tự chớp mắt, bỗng thoáng qua trí nhớ  
 — Ta đâu ngờ ! — một kỷ niệm xa xôi,  
 Vừa êm tươi, vừa sung sướng nhất đời,  
 Với tất cả mơ hồ trong rục rờ ;  
 Một cảm giác như ru lòng tự ái,  
 Thơm như hoa và trong trẻo như thơ,  
 Đến hôn ta vào những lúc tình cờ,  
 Rồi vụt mất, không dấu gì lưu lại.  
 Ôi ! trí nhớ của người, thô sơ quá !  
 Không tinh vi chày bất những ngày xưa  
 Mà từ đây ta chẳng gặp bao giờ, —  
 Đề thêm hạn sự trầm ngâm vô giá.

( Thơ ý, 23-5-1939 )



### Tiếng nhạc bên lầu

Êm ả rừng xanh nhuộm ráng chiều;  
 Màng mang trời rộng nổi cô liêu.  
 Nhạc trầm vượn hút ngàn dương liễu,  
 Thấp thoáng lầu tây bóng lệ kiêu.  
 Khúc nhạc êm như tiếng thở dài,  
 Không buồn, nhưng gợi nhớ nhung ai.  
 Bâng khuâng, dừng ngựa bên đời vắng,  
 Tráng sĩ mơ màng, nghiêng lẳng tai...

Tương tư nhạc gấm với lầu son,  
 Dặm cỏ xanh xanh, rē lối mòn ;  
 Cửa sô, tay ngà không hé nữa ;  
 Thẩn thờ, người ngựa lẫn trong non.  
 Đã tắt từ xưa khúc nhạc trầm,  
 Lòng còn vương vấn mãi dư âm.  
 Lầu tây đâu bóng người tiên nữ  
 Trời lại giùm ta mấy điệu cầm ?  
 ( Thơ ý, 12-1943 )



### Cung đàn đất khách

Tặng một nữ nghệ sĩ đề kỷ niệm  
 đêm nghe đàn ở Kim-biên.

Nửa đêm lắng tiếng tơ đồng,  
 Nghe hơi sương lạnh, nghe lòng chơi vơi.  
 Thoạt tiên reo một chuỗi cười :  
 Ngón mềm nhún nhảy trên mười sáu dây.  
 Chuông chùa rì rạc đầu dây,  
 Cánh đồng ma quạnh, bờ cây mơ màng.  
 Lên đây nấn lại cung đàn,  
 Vẫn còn đương đạo mấy tràng thủy tinh.  
 Thoảng hơi Vọng-cô, Hoài-tình,  
 Cảm người sơ ngộ, xót mình tha hương.  
 Ai về hỏi bến Tầm-dương ;  
 Nước trắng đã dài trời thương mấy trùng ?  
 Đã qua mấy cuộc tao phùng,  
 Sầu thương mấy độ tơ chùng phím loan ?  
 Hôm nay trắng gác bên sân,  
 Thời xưa sống lại theo đàn ly tao.  
 Đàn lơ, sẽ nhắn tay đào :  
 Nằm nghe từng giọt rơi vào tim say.  
 Tiếng gà rộn rã đầu dây,  
 Biệt nhau, nghĩ đến niềm tây, bồi hồi.  
 ( Thơ ý — Kompong-Châm, 16-8-1948 )



## Tiên thề

*Tiên thề cùng thỏ một trương,  
Tóc mây một nón, dao vàng chia đôi.*

Nguyễn Du

Ói chua chát buổi cùng nhau tái ngộ !  
 Nàng phân trần : Lời hẹn ước năm xưa  
 Ngỡ là bông trong một phút vui đùa,  
 Chàng khờ vụng nên nặng lòng non nước.  
 Người thực nữ đã ôm cầm nhẹ bước  
 Đến một ngày mà tay bế tay mang.  
 Tim vỡ rồi, chỉ còn cách gắn hàn  
 Là đề nó một lần tan vỡ nữa !  
 Rồi chàng đi, ôm nỗi buồn chan chứa  
 Mới thất tình dầu dài với phong sương ;  
 Hơn một lần, chim lá ở bên đường  
 Đã im lặng nghe tim chàng thồn thức.  
 Tóc dăm sợi với thư tình mấy bức  
 Dính bên lòng như rít vết thương tâm.  
 Nhưng máu tươi càng rỉ giọt âm thầm,  
 Và kỷ vật đã hoen màu vĩnh viễn.  
 Giấy nhàu nát dầu phai lời trứo mến,  
 Tóc mây huyền còn gợi phút say sưa, —  
 Thuở môi run cố giữ lại hương thừa,  
 Lùa hơi thở trong guồng tơ xoắn tóc. —  
 Nhắc chi nữa khi lòng xuân căn cõi,  
 Dương đầu xanh mà má cóp da nhăn ;  
 Hoa ái ân đâu nở được hai lần  
 Trong tim héo bởi bàn tay phản trắc ;  
 Thà biết vậy ; khỏi cho chàng thức mắc,  
 Lướt dặm rừng thối bận bịu nhớ nhung.  
 Thảm bao nhiêu cho kẻ đến ngày cùng  
 Còn ngưỡng vọng nơi tình yêu chung thủy !

( Thơ ý, 23-5-1947 )



## Bị đày

Trời đã bắt xuống trần làm thi sĩ,  
 Lại đày tôi vào khoảnh đất khô khan,  
 Thu không về, mà xuân cũng dở dang,  
 Đông kém rét ; chỉ thấy toàn Mưa, Nắng.  
 Nắng rơi thấp nên hồn tôi trĩu nặng,  
 Mưa dầm dề, ngày quá đổi thê lương.  
 Người lạ chi khi thấy kẻ bên đường  
 Đi thơ thần lượm mót từng cảm hứng ?  
 Ấy là lúc ánh dương vừa chín ửng,  
 Một buổi mai, bừng dậy tiếng chim ca ;  
 Gió ngọt ngào phơn phớt rợn làn da ;  
 Tôi ngây ngất nhìn trời qua kẽ lá.  
 Nghĩ tội nghiệp cho linh hồn xa lạ  
 Buồn ly hương, cố níu phút giây vàng !  
 Ca hát mau, kéo giờ thăm tiêu tan,  
 Chiều sê đến, âm u và chán nản.  
 Và đêm nữa, sao lạnh lòng vô hạn,  
 Chẳng làm say mạnh mẽ giác quan ta ?  
 Nằm trong người, ta lắng giữa canh gà  
 Lời huyền bí của lòng ta thổ thê.  
 Sao ít thế, và sao hờ hững thế ?  
 Tìm nũng nần đem gởi chốn thờ ơ !  
 Kề làm chi người đẹp nói trong thơ ;  
 Nàng cũng vậy, vô tình và phẫn trắc.  
 Người trong mộng tạo ra vài khoảnh khắc  
 Đề mà người quạnh quẽ của thời xuân.  
 Đau đớn thay cho kẻ lạc vườn trần,  
 Nhìn ngư ngác, than ôi ! đời tẻ lạnh.  
 Chim còn nhỏ, ai nở nào vanh cánh,  
 Khiến ngăn đôi hồn rộng với không gian.

( Thơ ý, 26-3-1944 )



### Bến tàu

Hỡi khách lạ sắp rời quê hương cũ,  
 Cười trên môi và buồn vẫy nơi tay,  
 Khách phiêu linh hay khách bị lưu đày,  
 Theo tàu ấy thăm đượm màu trăm xứ ?  
 Dù sống với tương lai hay quá khứ,  
 Khách sẽ đi dưới trời lạ mây xa ;  
 Chỉ thương thay cho mấy kẻ nằm nhà  
 Quanh quần với những con đường chán ngắt ;  
 Phải trăm lười vô hình giăng trước mắt,  
 Tầm con người không vượt khỏi ven trời,  
 Hồn tương tư thường thả mộng muôn nơi,  
 Giàu tưởng tượng qua vài trang sách nhật.  
 Tiếng ốc thổi. Dậy tung làn nước bạc :  
 Đây ngần ngợ niềm khao khát không gian,  
 Đây băng khuâng những bước kẻ thừa nhân.  
 Đây thồn thức ngập bao lòng tiễn biệt.  
 Và cứ tiến, rẽ hai bờ sóng biếc,  
 Tàu rung rung qua nước mắt rưng rưng . . .

( Thơ ý, 6-19 9/26-11-1944 )



### Thanh niên

Hỡi năm tháng ! vội vàng chi lắm thế ?  
 Qua đường thơ, hãy chậm bước đôi nơi,  
 Cho thanh niên thông thả hái hoa đời,  
 Chưa nghĩ đến buổi đa nhân đầu bạc.  
 Đây nắng ấm, và đây là gió mát,  
 Đây màu tươi, và đây nữa hương say ;  
 Rượu trời xuân xin hãy rót tràn đầy  
 Cho tuổi trẻ tha hồ nâng chén thừ.  
 Thanh niên yếu đã chìm trong quá khứ,  
 Nhắc làm chi thế hệ của yên hoa ?

Chính hôm nay hăm hở nhạc vui hòa  
 Dương nổi dậy ở vạn lòng son trẻ.  
 Từng lớp học nghiêm trang và lặng lẽ,  
 Nhưng đầu xanh ôm ấp mộng hiên ngang ;  
 Và trên đường ai nhịp gót ca vang  
 Đường khúc điệp khai hoàn muôn chiến sĩ ?  
 Buồng ngực nở không đủ lửa sinh khí,  
 Cánh tay sẵn ; từng thớ thịt đời dào,  
 Người thanh niên nhìn cuộc thế mai sau,  
 Tim hăng hái đập theo chiều trẻ mạnh.

( Thơ ý, 11-1944 )



## Trên đường

Tặng các Hướng-đạo sinh

Vai mang nặng, miệng cười trong ánh sáng,  
 Nhiều thanh niên mạnh bước trên đường xa,  
 Chân không chồn và lòng không ngao ngán,  
 Ngó ven trời sẽ cất tiếng vang ca.  
 Nắng buổi mai tung bừng chen cỏ gấm,  
 Hương muôn hoa nương gió mới trong ngàn ;  
 Không khí loăng thắm qua hồn chậm chậm,  
 Nổi vui gì reo dậy nức không gian.  
 Và chim hót theo nhịp đời an lạc,  
 Và lá tươi khúc khích nhạc sum hòa.  
 Đoàn Hướng-đạo nện giầy lên tiếng hát ;  
 Ánh dương vàng xao động với âm ba.  
 Gió tha thướt uốn mình trên đám mạ  
 Lả ngọn mềm xanh rợn nước trong veo.  
 Bọn cấm trại bỗng ngân lời rộn rã  
 Hoan hô ca ngày chủ nhật yêu kiều.

(Thơ ý, 7-1938)



## Giang hồ

Em hãy về đây kéo gió sương,  
 Hoa tươi đâu dễ hái bên đường.  
 Chạnh lòng nghĩ đến thân lưu lạc  
 Phải bước giang hồ nhạt phấn hương.  
 Ngày vẫn trong veo, lá nỡn nường ;  
 Nhạc đời đang trời khúc yêu đương.  
 Êm đềm tờ ấm chim ca hót  
 Ong phủ càngh lê, bướm ngập vườn  
 — Chớ nói chung tình trong ái ân ;  
 Đã yêu, há chỉ một đôi lần ?  
 Nước bèo đâu quản thân bay nhảy,  
 Chín sợ tình sông động tuổi xuân.  
 Một buổi gần nhau cũng đủ rồi ;  
 Tình duyên ta chỉ bấy nhiêu thôi.  
 Thuyền lòng ước thử neo trăm bến,  
 Trở lại ngày mai với bụi đời.

(Thơ ú, 25-5-1944)



## Thành thị

Đây, không khí chỉ làm bằng khói bụi,  
 Nồng hơi xăng, cồng rác, lẫn hơi người ;  
 Bước giai nhân dù đề phấn hương rơi,  
 Gió không chỗ ấp yêu mùi đắm đuối.  
 Sau dinh thự tôn nghiêm và rục rờ  
 Cát trên mồ im lặng của Đau-thương,  
 Ói ! mùa mai ! còn những xóm u buồn,  
 Người bệnh tật ! kẻ làm than đói khổ.  
 Họ chen chúc trong phố phường âm tối,  
 Hay lang thang tìm mãi miếng cơm ôi,  
 Khi cao lâu hội khách bốn phương trời,  
 Mầm ghê tởm mang theo cùng trao đổi.  
 Về tươi trẻ trong tiếng cười dối trá,  
 Lời diêu ngoa nương dáng điệu muôn năm,  
 Người thanh niên sẽ lẫn bước âm thầm  
 Trong trụy lạc, vẫn không tìm được thỏa.

(Thơ ú, 11-1939)



## Vô tội (II)

Tặng hương hồn  
cháu bé Vũ Đức Minh

Sao im lặng hai lần môi thắm đỏ ?  
 Mắt nhắm đen sao chẳng hé tia cười ?  
 Hơi thở đâu ? Sao lạnh ngắt nơi nơi ?  
 Ai đem trả vào đây nguồn ấm nóng !  
 Mười ngón nhỏ xinh xinh không cử động,  
 Thôi hết rồi lời thỏ thẻ ngây thơ !  
 Ta muốn hôn đôi má đọng hơi thừa :  
 Má lạnh buốt chuyền qua hồn rợn rợn !  
 Nhiều bạn lứa sân ngoài đương nô giỡn,  
 Dậy mà trông ! Ngày vẫn ngát hương thơ.  
 Nhưng hơi ôi ! xác bé đã ngậy dờ,  
 Ta tưởng mới tỉnh choàng cơn ác mộng.  
 Giờ phút ấy, một chút lòng ham sống,  
 Nghĩ mơ màng qua cái chết u minh.  
 Đây, quan tài nhỏ nhỏ ướp thân mình :  
 Đầu cao quá, bớt đi vài cuộn giấy !  
 Khoan đục nắp; để ta còn trông thấy  
 Làn cuối cùng gương mặt xám như trắng.  
 Mặt khuất rồi, dính đóng nhẹ hàng hàng...  
 Nấc tiếng khóc : một linh hồn tan vỡ.  
 (Thơ ú, 11-1943)



## Nguyễn Du

Đất Hà-tĩnh, nơi tinh anh kết tụ,  
 Nơi khí thiêng bằng bạc tự xưa sau,  
 Ấy quê hương của một đấng thi hào  
 Mà sự nghiệp với tên thành bất hủ.  
 Chín mươi chín đỉnh non Hồng ngự trị  
 Còn ghi đâu dấu vết của siêu nhân ?  
 Cỏ hoa thơm và trắng gió xa gần  
 Vương thơ ý ngậm hồn hai thế kỷ.

Là Huyền-diệu, hay chính Thơ huyền diệu ?  
 Một trái tim thông cảm suốt nghìn đời,  
 Người gieo vần như ta thảo văn xuôi,  
 Hương hòa nhạc trong cười hoa, ủ liều.

Hàng gấm thêu và lời lời châu ngọc,  
 Câu thơ thần hàm súc tứ thơ tiên,  
 Mỗi tiếng ngân là hạt chuỗi nối liền  
 Từng ý thấm, như cành xuân này lộc.

Vần kỳ ảo đọc lên, mình rờn ốc,  
 Nghe như hơi huyền bí cõi hư vô,  
 Khi êm như thuyền nhẹ lướt trên hồ,  
 Khi ào ạt như mây vần gió lốc.

Sao lại có một tâm hồn khúc triết  
 Quá đời dào trong hoàn cảnh thơ sơ ?  
 Chấp thời gian, cây Lỗi-lạc không chờ  
 Khi xuân đến nở thành hoa Trác tuyệt.

Ba trăm năm : đã bao người rớm lệ.

Ba trăm năm : chưa một kẻ so tài.

Từ phút này qua thế hệ ngày mai,

Giữa khi đợi một tay thầy đến trẻ,

Người Việt hãy hô to lời ngạo nghễ :

Đây Nguyễn Du, thi sĩ của muôn đời.

(Thơ ý, 10-1948)



### Về thành

Đã chán ghét cảnh thị thành khói bụi,

Thì còn chi mà nấn ná qua đây ?

Phố, nhà buôn lại náo nức trưng bày,

Giơ bộ mặt thách đời trơ trên lạ !

Cũng đông đúc, cũng dập dìu xa mã

Cũng môi son, tóc láng, cũng thời trang ;

Lại hơn xưa vẻ tấp nập huy hoàng

Bên cạnh những hoang tàn và sụp đổ.

Đống sắt vụn chắn ngang nhiều đại lộ,

Những tường vôi còn vết máu thanh niên,

Từng mảnh nhà toang vỡ, dề phơi nền,

. . . . .  
 Xe rần rộ, nhưng là xe hộ tống  
 Của nhà binh ; nào xe (díp) xe (tăng) ;  
 Người như nêm; nhưng người rất kiêu căng.  
 Rất bí hiểm trong mắt đầy ngờ vực ,  
 Giữa ta, họ, có một rào cách bức.  
 Đến bạn thân cũng dè dặt đắn đo.  
 Ngăn ngùi thay khi gặp gỡ chuyện trò !  
 Sau chào hỏi là những lời dọ dẫm.  
 Xa lạ quá ! Cánh chim lìa tổ ấm  
 Nhìn đại dương ngợp thắm ý cô đơn ;  
 Nỗi băn khoăn trởng trải chiếm tâm hồn,  
 Đời thiếu mất vẻ thuần lương trứu mến,  
 Cánh đã mỏi nhưng chưa tìm được bến,  
 Phân vân như dòng nước ngã ba sông...  
 (Rút trong tập Loạn lạc)





---

## PHAN VĂN DẬT

---

**P**HAN VĂN DẬT là tên thật. Ông sinh đúng là ngày 18 tháng 8 năm 1907 (1), tại làng Phú-xuân (nay là phường Phú-hội), thành phố Huế. Chánh quán làng Đạo-đầu, quận Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị.

Năm 1927, vừa tốt nghiệp trường Quốc-học Huế, vì gia cảnh, phải thôi học đi làm thư ký Phòng Trước-bạ Đà-nẵng, sau được dời về Huế từ năm 1939 đến 1946.

Năm 1947 đến 1950, được hoán chuyển tại các Nha Tài-chánh, Sở Văn-hóa, Nha Thông-tin và Sở Ngân-chánh Huế, đồng thời đi dạy học tại trường Nữ Trung-học, Đông-Khánh Huế.

Năm 1951, được tái bổ làm Chủ-sự Phòng Trước-bạ Huế, đồng thời dạy học ở trường Quốc-học. Tháng 11, được cử tu nghiệp ở Trường Trước-bạ Quốc-gia tại Lyon (Pháp) cho đến tháng 8-1962.

Năm 1959, được biệt phái sang Viện Đại-học Huế.

Năm 1960, được cử làm Giảng-viên Viện Hán-học, sau kiêm cả chức vụ Giám-học, cho đến năm 1963.

Năm 1964, hời hưa và tiếp tục dạy giờ tại các trường Cao-đẳng Mỹ-thuật, Nông-Lâm-Súc, trường Bách-khoa Bình-dân và Trung-học Tư-thực Đào duy Tì.

---

1) Trong Thi nhân Việt-nam của Hoài-Thanh — Hoài-Chân ghi ngày 17-8-1900 là sai thứ nhỏ ông theo học Hán văn, đến khi vào trường Quốc-học Huế, sự quá hạn tuổi nên gia đình khai trừ sống.



Về phương diện học vấn, ông chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn học tiến chiến Pháp, của cổ văn Trung-hoa và sau này nhuộm phần nào tư tưởng của nhóm Tự-lực Văn-đoàn.

Trên địa hạt văn nghệ, ông chủ trương sự tôn trọng tự do sáng tác, nhưng không vì thế mà xa rời nghệ thuật phục vụ nhân sinh. Ông nghĩ, một nghệ thuật chân chính tự nó đã phải vì nhân sinh; không Chân, không Thiện thì làm gì có Mỹ. Tư tưởng này đã gây sôi nổi khi bài Nghệ thuật nhân sinh của ông đăng trên tạp chí Khuyến học số 15 của ông Nam-Ký Hà-nội. Trên mười tờ báo khắp ba kỳ viết bài đả kích, họ liệt ông vào phái « Nghệ thuật vì nghệ thuật ». Báo Tiếng vang, với bức hi họa một bãi chiến trường dần trập đầy đủ súng ống, một bên là phe « vì nghệ thuật » có Hoài-Thanh, Lưu Trọng Lư, Lê Tràng-Kiến, Thiều-Sơn và Phan văn Dật; một bên « vì nhân sinh » có Hải-Triều, Hải-Thanh, Hải-Vân, Sơn-Trà, Khương hữu Tài và Cao văn Chánh. (1)

Sự sôi động này, ông chỉ coi như một trận giặc danh từ. Văn thơ ông (ký Tiêu-Lang và Thường Nga-Phố) đã đăng trên :

- Thực nghiệp dân báo (Hà-nội, 1926)
- Thần kinh tạp chí (Huế)
- Rạng đông (Sài-gòn)
- Nam phong
- Tràng an
- Cười

Tác phẩm xuất bản :

- Diễm dương trang (truyện dài đầu tay) 1935.
- Bông khuông (thơ), 1935.

Thi phẩm Những ngày vàng lụa (lấy chữ trong thành ngữ Pháp (filer des jours d'or et de soie), gồm những bài thơ sáng tác khoảng thời gian 1939, chưa xuất bản vì tác giả nghĩ trong lúc quê hương đang đắm mình trong khói lửa, thật là một

(1) Xin mời các bạn tham khảo thêm bài Nghệ thuật Việt-nam đi đâu? của Tam Ích và bài Cần bản vấn đề nghệ thuật của Triều-Sơn ở quyển Hạ nơi phần Xuân thu nhà tập.

sự mùa mai khi cho ra đời Những ngày vàng lụa. Vì vậy, những thi bản « mới nhất » của Phan văn Dật đành nằm im lìm trong bản thảo.

Hôm nay, trở lại nhà thơ này, ngoài trừ hai bài Chiều mưa trên mộ địa và Tình sương trích trong tập Băng khuâng, chúng tôi muốn các bạn thưởng thức thuần những món ăn mới lạ của Phan văn Dật.



**Đ**ỌC ba thi bản Phan văn Dật trong *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh — Hoài-Chân : *Tiền* đưa thuật lại lời người đàn bà xưa đưa chồng đi lính ; *Bi-Xuân-Nương* diễn tả tâm trạng náo nê của nàng kỹ nữ ; *Nàng con gái họ Dương* là cái hoa đang hàm tiếu, tỏa hương sắc ngọt ngào làm say mê con ong cái bướm sớm tối rộn rịp đi về, nhưng vẫn chưa sinh vật nào hân hạnh biết được độ ngọt của nhụy hoa. Giá thì còn cao lắm ! Rồi những tháng năm qua. Phải chăng hương đã phai, cánh đã rã, hay sự kiêu kỳ đã làm nản lòng khách yêu hoa ? Cánh cũ giờ đây trông ra vẻ tiêu sọ vắng vẻ. Thế mà vẫn còn một người thợ tọc mạch đến thăm, thấy cây hồng tươi nhuận ngày nào chỉ còn trơ trọi cành khô, lá úa.

Cho dù là tiếng thơ của Phan văn Dật, chúng tôi chỉ hiểu câu chuyện được thuật lại như qua sự phát ngôn của một chứng nhân.

Thế thì còn cái tâm tình, cái cảm xúc, cái nội tâm của thi nhân đâu ?

Luận về một nhà thơ mà mất những yếu tố ấy, chúng tôi tự cảm giác như mình đang đứng giữa ngôi nhà trống không, chỉ trơ bốn bức vách mà bảo phát biểu cảm tưởng về sự ấm cúng thoải mái của kẻ trú ngụ thì thật là vô lý !

Sự thê đã khiến chúng tôi cố tâm đi tìm để nghe tiếng lòng đích thực của thi nhân, và may mắn gặp được tâm tình cũ : *Băng khuâng*, và mới : *Những ngày vàng lụa*.

Đọc và tìm hiểu, chúng tôi thấy tiếng thơ của Phan văn Dật không tập trung vào một chủ đề nhất định. Nó là một tổng hợp. Một ít lòng hoài cổ và hoài niệm, đôi chút ước vọng, một gợn trắng khí, nhiều tình suông mộng mơ, và điểm mạnh nét về ý nghĩa của thời gian, của nhân sinh quan, lắng vàng gần tư tưởng Lão Trang.

Cùng nhịp bước theo trào lưu thơ mới, chúng tôi thấy Phan văn Dật chưa đủ can đảm đến gần ái tình lãng mạn. Mơ mộng đã đành, nhưng thoáng nhẹ hơn Lưu Trọng Lư ; *Dò la, Tình suông, Lạc lõng, Phàm tục, Ngón tay tiên v.v...* trong ấy bóng dáng ái tình chấp chờn như những cánh bướm trong mộng ảo ; xuất hiện rồi tan biến. Dưới đây là đôi nét điềm mình.

Hình ảnh rõ rệt nhất :

*Các cô trinh nữ buổi chiều vàng,  
Tha thướt trên cầu bước rỗi rang,  
Kiểu diêm những đường cong uyển chuyển,  
Da ngà ánh ngọn nắng xuyên ngang.  
Lơ đãng cười duyên mắt đắm say,  
Che nghiêng vành nón níu bên tay ;  
Gió tung tà áo ghì không kịp,  
Bẽn lẽn nhìn quanh mặt đỏ gay.*

(trích *Dáng dấp* trong *Những ngày vàng lụa* )

Hơi nhạt bơn :

### Tình suông

*Thơ thần chiều xuân dạo bước chơi,  
Nhà kia bên cửa ầu hoa mai,  
Một bàn tay trắng đưa ra bé,  
Tròn đẹp yêu yêu như ngọc trai.  
Tôi vội dừng chân, mắt kiếm người,  
Người tiên đóng cửa khóa then rồi ;  
Bâng khuâng tôi tự riêng mình hỏi :  
Mồm mím bàn tay ấy của ai ?*

( *Bảng quảng*, 14-5-1935 )

Mong manh và mơ hồ :

Phàm tục

*Bướm động tình hương dọ ý đào,  
Xuân gầy tóc liễu chằm bờ ao ;  
Ai cho chàng Gió mân mê trộm,  
Tà áo ai phơi khuất cạnh rào.*

( Những ngày vàng lụa )

Chìm đắm hồn trong mộng tưởng mà không bao giờ muốn trở thành thực tế, vì :

*Không buộc ràng chẳng vương vấn hơn sao ?  
Trong băng quơ là tất cả rạt rào.*

Thi nhân quan niệm ái tình chỉ ngọt thuở ban đầu, phút giây say sưa là lúc chờ đợi, cũng như đọc thiên tiểu thuyết, người thích thú trong cơ cấu gây tình ở những trang đầu mà không muốn nhìn cái tan rã tàn bạo ở đoạn kết. Ta hãy xem khía cạnh tư tưởng này của Phan văn Dật :

*Sống say sưa dờn cả ở chờ mong,  
Lật chằm chằm trang sách đầu mới thú.  
Biết như thế nhưng lòng không tự chủ,  
Đọc trang đầu muốn xem nốt trang sau...  
Đang tin yêu sao bỗng lạ lòng nhau ?  
Lời tha thiết ôi sao mà lạ lẽo ?  
Không mưa gió phủ phàng hoa đã héo,  
Vườn hôm qua ai ngờ cảnh hôm nay !  
Sau ngọt bùi, sao phải có chua cay,  
Tình gần gũi lại làm nên gián cách ?  
Đời tôi cũng, bạn ôi, là quyền sách,  
Xem mê man nhưng chỉ ít trang đầu,  
Rất nên thơ hào hứng một vài câu,  
Song chán nản khi muốn tìm hơn nữa.*

( trích Trái ngược )

Phải chăng tư tưởng bi quan này là do sự đúc kết bởi cuộc hợp tan của mối tình chia phối trong *Tiến đưa*, mối tình nào nề nhòem góm trong *Bi-Xuân Nương*, một thi bản đi gần đến tả chân người kỹ nữ đã vọc cuộc đời ê chệ trong tác phẩm *Làm đi* của Vũ trọng Phụng :

*Em là gái giang hồ,  
Hầu hạ người khách du ;  
Vi tiền khách bán thịt,  
Mặc lòng khách dầy vò.*

( trích *Lt.Xuân-Nương* )

Nó cũng có thể là những hình ảnh đang tan rã dần trong ký ức, những kỷ niệm tàn úa với thời gian :

*Tơ lại trong tìm hình ảnh rã  
Bao người thân mến những xuân nao!*

Cho nên, đọc Phan văn Dật, chúng tôi thấy con người thi nhân thích sống trong cõi mộng, vì chỉ cõi mộng, mới cung cấp đủ nếp sống theo ý tưởng. Thực tại là cái gì đáng hoài nghi, đáng chán chường. Thế mà mỗi lần thi nhân thả hồn về giới huyền mơ thì hay bị những vương bận của trần tục lôi kéo về thực tại :

*Thuyền anh mỗi bận tới Đào-nguyên,  
Ngọn gió trần ai bỗng thổi lên,  
Lại phải quay chèo men bến cũ.  
Mang về bên mạn chút hương tiên.*

Có một cái gì giằng co, trì kéo trong đời sống tinh thần của nhà thơ này. Tại sao thi nhân lại thích quay về cõi mộng. Đã hiểu chăng cái lẽ tồn vong của con người, những cuộc tụ tan, những cái phù du bào ảnh ở cõi thế ? Có chán ngán chẳng tán tuồng đời, cái giả trá bề ngoài để che đậy chân tướng. Thi bản *Phút chia tay* là một cuộc viễn hành đi sâu vào tâm hồn của con người. Nơi ấy, không khí tung bừng, có trà rượu, có lời chúc tụng, có tiếng hoan hô, có những tràng vỗ tay ran ; nghĩa là có đủ cả yếu tố để tạo ra cảnh xênh xang, ấm i. Phải nhận xét đây là lời độc nhất trong những tiếng thơ mà Phan văn Dật là người đã bạo dạn vạch trần cái giả tạo sống sượng. Nó là một sự phản bội giữa hình thức và nội tâm.

## Phút chia tay

Kỷ niệm một buổi chia tay tập thể.

Một lần biết đã chắc gì may mắn,  
 Nếu gần nhau là chỉ để xa nhau.  
 Ôi chia ly, giờ phần phúc thương đau,  
 Cượng cườì nói khéo ra tuồng giả dối !  
 Trong không khí đám mây buồn đã nổi,  
 Trà hương bay phảng phất vị tân toan ;  
 Mặt lạnh lòng mà tay cứ nở ran,  
 Câu tiễn biệt đã thành vô nghĩa lý.  
 Ai canh cánh, ai ngậm ngùi suy nghĩ ?  
 Ai thẩn thờ, yên lặng dõi xa xôi ?  
 Hoa đương tươi nhưng lòng đã héo rồi,  
 Cốc rượu rót chưa vơi chờ dịp khác !  
 Khúc đơn ca gió thổi sầu luân lạc,  
 Tiệc không vui vì tình buốt khuê ly.  
 Sắp xa nhau cườì nói nữa làm chi,  
 Màu phượng đỏ không nhen lòng thắm lại !  
 Duyên gặp gỡ những khắc vàng đã hái,  
 Lời thân yêu mới vài chốc lân la ;  
 Tháng ngày đi lưu luyến sẽ phôi pha,  
 Giấy lát nữa đã cách vơi mây nước  
 Phút ngồi rốn mong chậm giờ xuôi ngược,  
 Một tiếng chào thăm thăm đề sắp lụng ;  
 Mắt chơi vơi mà lệ những ngập ngừng ;  
 Hình ảnh cuối mang theo làm kỷ niệm !

(Những ngày vàng lụa)

Chúng tôi còn hẹp lượng gì mà không bảo rằng thi bản *Phút chia tay* là một khám phá mới ; nó tượng tợ cái mới lạ của Huy-Cận khi nhận xét dáng điệu của con người nằm xuôi trong cổ áo quan từ muôn ngàn thế kỷ nay mà chưa ai có ý nghĩ thay đổi kiêu.

Trên đây là một hình thái mặt thực của xã hội. Nhân sinh quan của Phan văn Dật còn trầm tư suy nghiệm nhiều về con người. Trong bài *Chiều mưa trên mộ địa*, khi thấy cuộc đời tang thương thay đổi như con chó biển dặng trên

vùng mây. Giàu sang phú quý mà chi ! Quyền thế lợi danh danh mà chi ! «Nhất đán vô thường vạn sự hư» ; rốt cuộc cũng thả lỏng đôi tay chui vào nắm mộ. Thi nhân tự hỏi :

*Có bận khấn vì mồi danh lợi ?*

*Có hèn hạ vì bả sang giàu ?*

*Có vì thân danh mà lận đận ?*

*Có vì cuồng vọng mà lao đao ?*

*Có lạng thình chịch kẻ đồng thời hất hủi,*

*Có giống gì ta ở những nỗi lo âu ?*

*Trông các người nằm đó,*

*Ta còn biết nghĩ sao ?*

*Bao nhiêu những mộng vàng rực rỡ,*

*Hỏi xem còn nên chút tư hào ?*

*Ta hằng muốn tin đời là vui đẹp, vững vàng mà bước tới,  
Song những chiều như buổi chiều nay, thì lòng chín rầu rầu !..*

Đã nhận chân được ý nghĩa của cuộc sống, cho dù là cảnh mộng, thi nhân cũng vẫn đi tìm một mảnh đất yên ổn cho tâm hồn ; tư tưởng đã phảng phất mùi thoát tục. Một chốn quê hương là chốn quê lý tưởng. Nó không phải là thực tại của cái quê hương đồng ruộng bát ngát, nơi ấy người dân quê đang quần quật với sinh hoạt áo cơm, mà là nơi ẩn náu cho tâm hồn mỗi lần hình hài bị héo hắt, tê mồi :

*Mỗi lần héo hắt nẻo phong sương*

*Lòng nặng hờn tê nỗi chán chường,*

*Tôi lại phân thân về ẩn náu*

*Xa rời nơi một chốn quê hương.*

Và đây là chốn quê hương của thi nhân ; ta thấy mọi cảnh vật như lơ mơ :

*Chợ Mộng, đường Thơ, cầu Gập-gờ,*

*Đình Quên, trạm Nhớ, quán Yêu-dương.*

*Cảnh mây may không vấy tục trần,*

*Còn đâu phiền lụy vướng bên chân ;*

*Gió Hờn chưa thổi làm khô héo*

*Băng tuyết lòng ai giữ trắng ngần.*

Nếu một thực tế quá náo nê, chua chát, ai ngăn cấm thi nhân tìm sinh thú trong cõi mộng.

( tháng 8-1968 )

## Chiều mưa trên mộ địa

Mặt đất đỏ ngầu,  
 Nước sông dâng cao.  
 Gió may thổi vì vụt,  
 Mưa trắng tuôn rào rào.  
 Trông chung quanh là mộ địa,  
 Nhìn xa xa là ngàn dâu.  
 Một cõi mênh mông, hơi mờ tỏa,  
 Tur bề vắng ngắt, trùng lao xa.  
 Không có cây, nhà cửa,  
 Lơ thơ vài bông lau.  
 Không người qua kẻ lại,  
 Một đàn én bay mau.  
 Chốn này xưa là rộng rãi,  
 Nước sông còn chưa lấn vào.  
 Nay mỗi năm đất càng ngày càng lở,  
 Mỗi ngày phô thêm vài năm cô lâu.  
 Đất lở, trơ bờ thẳm,  
 Xương tàn trôi theo nhau.  
 Dù theo dòng sông ra bề cả,  
 Hay dù tan tác đi về đâu,  
 Cũng đều biệt tích,  
 Không trước thì sau.  
 Nhưng ai là người nằm dưới đất ấy ?  
 Biết chăng sự tình như thế mà đau.  
 Kìa ! tiếng chi nghe buồn thảm,  
 Phải chăng ai đứng dậy mà kêu gào ?  
 Trong buổi bình sinh làm gì nhỉ ?  
 Chí nguyện mỗi người như thế nào ?  
 Có bán khoán vì mồi danh lợi ?  
 Có hèn hạ vì bả sang giàu ?  
 Có vì thân danh mà lặn độn,  
 Có vì cuồng vọng mà lao đao ?  
 Có vui theo điều đạo đức,  
 Có hay lòng dạ cơ cầu ?  
 Có lo toan từng manh áo cộc,



Có chạy vạy từng bữa cơm rau ?  
 Có lặng thinh chịu kẻ đồng thời hất hủi ?  
 Có giống gì ta ở những nỗi lo âu ?  
 Trông các người nằm đó,  
 Ta còn biết nghĩ sao ?  
 Bao nhiêu những mộng vàng rực rỡ,  
 Hỏi xem còn nên chút tư hào ?  
 Ta hằng muốn tin đời là vui đẹp, vừng vàng mà bước tới,  
 Song những chiều như buổi chiều nay, thì lòng chĩn rầu rầu !  
 ( 12-10.1935 trích *Bảng khương* )



### Tráng sĩ hành

Nhất kỳ du du vạn lĩnh trần  
 (Dương Cự Nguyên)  
 Tặng Trần Thanh Mại

Ra đi ! Ghềnh sỏi hãy chờ ta !  
 Muôn dặm trùng san tái ngoại xa !  
 Cơm bấu reo vang ngời máu giận,  
 Đất trời say ngắt khí can qua !

Ra đi ! Ngựa thét nhớ hơi ngàn,  
 Thác lũ sườn non trắng ải quan,  
 Cất gió khinh thường sa mạc vắng,  
 Quê nhà đem đợi quây lên an.

Cơm áo ra chi đời chật hẹp !  
 Trần ai mấy mặt dấm xông pha ?  
 Ra đi ! Rượu nóng khà trấm chén,  
 Dập tắt sầu thương chỗ xó nhà.

Hào kiệt trắng xương vùng cát bụi,  
 Há mềm nước mắt khoé thu ba ?  
 Ra đi ! Còn đợi chờ chi nữa ?  
 Tây lung ba canh rộn tiếng gà.  
 Lòng gởi bốn phương chõn bước rào,  
 Vui gì chẵn gởi ừng niên hoa !

Ra đi cho biết mùi sương gió,  
 Tắm gội mưa mai quái nắng tà.  
 Rượu tình khôn xua sầu vụn cở !  
 Anh hùng sao được thấy thân già ?  
 Phi thường ai biết ai tri kỷ ?  
 Mùi thể chau mày khờ hận đa !...  
 Một tiếng pháo ran bày thể trận,  
 Cờ bay phất phất tới lui qua.  
 Gươm thiêng vút mạnh đầu tuôn rụng,  
 Trống giục rền mây sát khí lòa.  
 Tràng tiến ba quân giành thủ cấp,  
 Biên mâu trùng điệp chớp kim sa.  
 Một hồi chiêng giống khao quân sĩ,  
 Ngang chiếc Long Toàn kháng khái ca.  
 Quạnh quẽ đêm khuya lùa gió lạnh,  
 Hồn ai than khóc bãi tha ma ?  
 Tung hoành chi sá niềm khăn yếm,  
 Thề chốn sa trường tóc bạc pha !  
 Võ ngựa hề lên an,  
 Quay tít gươm hề rượt gió ngàn,  
 Ra đi hôm nay hề không ngoái lại,  
 Một sớm tranh hùng hề phá giặc tan !  
 ( Những ngày vàng lụa )



### Dò la

Hoa bươi vườn ai nhủ ái ân,  
 Hương trình tà dượng áo đông quân ;  
 Khách thơ thềm hái đôi chồi mơn,  
 Còn ngại rèm trong có chủ nhân...  
 ( Những ngày vàng lụa )



## Huyền ảo

Tặng Phan thanh Phước

Trời mênh mênh nước mang mang,  
 Non sông dồn cả giàu sang một chiều  
 Bạc vàng trên lá ai gieo ?  
 Dây tơ cũng đẹp cánh bèo cũng xinh.  
 Mơn man gió lạc hương tình,  
 Tuổi như người ngọc bên mình mới qua.  
 Khói chài nghi ngút bến xa,  
 Băng khuâng vương mộng xóm nhà mộ xuân.  
 Nhẹ rơi chấp chới xa gần,  
 Trong mây ai thả đôi vần thơ tiên.  
 Không gian đơm cỏ ảo huyền,  
 Đầy lời ngưỡng mộ dâng lên Muôn Trùng...  
 ( Những ngày vàng lụa )



## Tình mây nước

Tặng Chấn

Trăng ngậm tường vi nhạt cánh sương,  
 Cây trầm ngâm vọng ý đêm trường ;  
 Muôn hương chợt tỉnh : hồn hoa động,  
 Thầm rỉ duyên trần chút vấn vương.  
 Ai biết cho đêm cả nhiệm màu ?  
 Cho tình quê vụng một vườn cau ?  
 Sao ta quên khuấy trời xanh nhĩ !  
 Lại cứ ơ hờ nhớ những đâu ?  
 — Sông lau chiều quạnh bóng đờ đờ,  
 Niềm gió mây si cả bến bờ,  
 Cô lái nhớ chẳng tình một buổi ?  
 Người sang ngang đã có chông chưa ?  
 Ngỡ rậm vườn êm chị hái dâu,  
 Rung rinh nắng lá bỏ qua đầu,  
 Thoáng ai du khách người xa lại,  
 Mắt liếc nòng duyên mận áo nâu.

Lạc bước bên khe nhớ nụ cười  
 Cửa cô hàng quán thắm đôi môi,  
 Mời ai lưng nước ngàn trân trọng,  
 Tình gửi trong tay ý gửi lời...  
 ( Những ngày vàng lụa )



### Ngón tay tiên

Chìm lắng không gian động ý chờ,  
 Thời gian ngừng chảy thoáng hương mơ ;  
 Ngón thon đơm ngọc dịu lưng phiếm,  
 Lạnh buốt hờn ai một tiếng tơ !  
 Dòng thu xanh ngắt đắm vô biên,  
 Vờn mái tóc mun sóng rợn huyền,  
 Mây liếp say sưa môi bật đống,  
 Vươn vươn này khúc nhạc thần tiên.  
 Ôi tình tiêu diệt nhớ mênh mông,  
 Trăng nước tàn thu gửi hận lòng,  
 Mong ước vô duyên chờ đợi hão,  
 Về đây tất cả những mùa đông !  
 Xa rồi ừ nhỉ ! cái hôm qua !  
 Thời khắc thân yêu phút đậm đà !  
 Ai sưởi cho ta đời ghè lạnh ?  
 Cung đàn còn thoảng chút dư ba.  
 ( Những ngày vàng lụa )



### Kỷ niệm

Voilà que ses beaux ans s'envolent tour à tour  
 Emportant l'un sa joie et l'autre son amour.  
*Victor Hugo*  
 Tặng Trần thanh Địch

Ai hay ghi được cái Thời-gian ?  
 Gợi lại vài giây những mộng tàn ?  
 Hay được vui sâu ngày dĩ vãng,  
 Cùng bao phai rụng dưới tâm can ?

Đời lạng lờ đem ta đến đâu ?  
 Sông lòng diệu vợi nước nông sâu ?  
 Phong trần áo ngả màu mưa nắng,  
 Lệ tủi tài hoa hoen má nâu !  
 Mây giạt về đâu bốn phía trời ?  
 Còn đâu hương nhụy buổi đôi mươi ?  
 Phôi pha bến nguyệt thề nhung lụa,  
 Bướm trắng đà bay mộng thắm rời !  
 Tình gửi vào đây một chút thơ,  
 Rồi đây giấy úa chờ lu mờ ;  
 Khóc cười thành bại lòng ta cũng  
 Thêm với thời gian vết gió mưa.  
 (Những ngày vàng lụa)



### Ước vọng

Ước gì khóc ít hơn cười.  
 Ngày vui hơn vạn tuổi trời hơn năm.  
 Trăng soi tròn mãi đêm rằm,  
 Hoa xuân thắm mãi quanh năm một màu.  
 Tóc xanh muôn thuở trên đầu,  
 Môi son đừng chán nói câu ân tình.  
 Ước gì bạn biết làm thính,  
 Đừng điều giận đổi cho mình xót thương.  
 Ước gì ngọn gió xe hương,  
 Sông dâng trà đượm cây vương nhạc thiều  
 Phải duyên đôi lứa điểm kiều.  
 Chàng trai yêu được người yêu của mình  
 Ước gì chim phượng tái sinh  
 Kỳ lân xuất hiện thánh linh ra đời.  
 Điều nhân chợ bán khắp nơi;  
 Cành hoa Hy-vọng trong người nở luôn.  
 (Những ngày vàng lụa)



**Đời cô độc**

Bút lạnh lâu thơ canh nổi canh,  
 Buồn nao nao quẩn mộng không thành !  
 Văn chương khinh rẻ nghề vô dụng,  
 Bạn với kìa ai ? — bóng của mình !  
 Bồi nhọc tài hoa tiếng đục nhiều,  
 Khó khăn nghèo đến cả tình yêu !  
 Hơi thu rét mướt lòng đơn chiếc,  
 Tuổi chín mùa thơ cũng tịch liêu.  
 Lời hẹn đã sai bao tháng năm ?  
 Vương tơ ngày một héo thàn tằm.  
 Có ai cho gửi niềm u tịch ?  
 Khuya quạnh ngoài hiên trăng đến thăm...  
 (Những ngày vàng lụa)



**Về với nàng thơ (1)**

Người mỗi một, trí bàng hoàng ngờ vực,  
 Chấn mọi mũi ta về với nhau đây.  
 Về cùng ai với tất cả đắm say,  
 Hương phấn muện của hoa lòng mấy đóa.  
 Khờ dại mãi ! Bao năm chầy giống giả,  
 Bên sách đèn khô héo ta tìm chi ?  
 Chốn tao đàn ồn cả tiếng thị phi,  
 Còn vợ vẫn trong niềm ân ái hảo !  
 Ôi sáng tạo ! Ta say tìm sáng tạo !  
 Trong cười vui hay trong phút thương đau,  
 Bên cạnh đời cuồng dại bởi lo âu,  
 Ngồi dệt lại bức tranh thần xán lạn.  
 Ta cạn nghĩ đề cho ai buồn nản,  
 Nhưng càng xa nhau càng nhớ nhau hơn ;  
 Không dối hờn ai biết rõ nguồn cơn ?  
 Nàng hiền chứ ! Những điều ta không nói ?  
 (Những ngày vàng lụa)

(1) Theo lời ông Phan Văn Dật, sau khi xuất bản tập *Bảng khung*, tác giả định nghĩ một thời gian rút thêm kinh nghiệm. Không dè lần nữa đọc mãi mà không viết nên, sau ông có ý hồi hận viết tiếp *Những ngày vàng lụa*. Vì vậy tập thơ thứ hai này bắt đầu bằng một bài thơ viết Thay Lời Tựa nhan đề là *Về với nàng thơ*, và kết thúc bằng một bài viết Thay Lời Bạt, nhan đề *Khuya lụa*.

### Khuyên lơn

Lòng sao lạ quá đi thôi,  
 Bao nhiêu chuyện cũ làm rồi lại mang.  
 Tiêu ma ngày lựa tháng vàng,  
 Mộng đào ly gối can tràng cạn không.  
 Xưa kia ừ thể đã xong,  
 Giờ toan lại cứ trong vòng ấy ru !  
 Giật mình đếm cái xuân thu,  
 Nghìn trăm ma chiết công phu thể nào !  
 Lòng ơi, dại mãi hay sao ?  
 Nhớ thương gì nữa, ước ao chi mà !  
 Thôi đi, đừng thiết đừng tha,  
 Đèo bồng mộng ảnh : Người ta với mình...  
 Vãn chương là nguyện bình sinh,  
 Phong tao quê cũ có tình hàn huyên.  
 Thi nhân khóc hã than huyền,  
 Âm thầm nhật ít màu duyên vụn rời ;  
 Ngâm lên những khúc tuyết vời,  
 Dây thơ căng đứt tàn hơi mảnh lòng.  
 Hồn ngây chót vót mênh mông,  
 Say sưa Cao-cả cảm thông Nhiệm-mầu.  
 Trang thơ trắng mãi từ lâu,  
 Áo ào nhảy múa muôn câu điểm kỳ.  
 Ngoan đi, lòng hời, ngoan đi !  
 ( Những ngày vàng lựa )

\*

### Tuổi vàng

Trích tiên hoa nhi xế lạp,  
 Chiết dã thảo dĩ phò nhân,  
 Hấp cam tuyền nhi thẩu xỉ,  
 Tước tùng bá dĩ diên linh.

Phong Thần

Bên ấm trà sen nước mới chuyên,  
 Tờ thơ chớm chớm chữ u huyền;  
 Cả trời xưa lộng trong tâm tự :  
 Triều đại huy hoàng non nước tiên.

Lầu phượng lừng vang tiếng nhạc tâu,  
 Bách quan xiêm áo rờ công hầu ;  
 Phấn son tài tuấn phong xa mã,  
 Cung nữ duyên tà xế ngự câu.  
 Ven rừng suối ngọt cỏ vân xinh,  
 Đạo sĩ trầm tư phép dưỡng sinh ;  
 Mai hội bàn đào tranh hái quả,  
 Quần tiên sau động cọt bình minh.  
 Đồi thái bình đêm cửa chẳng then,  
 Vàng rơi ngỏ vắng chẳng ai nhìn ;  
 Một phen tri kỷ : đầu cho mượn !  
 Nghìn lạng mua cười : của nhỏ nhen !  
 Thi ông cuồng ãn múa trong mờ,  
 Cất chén mời trăng kết bạn hờ ;  
 Cởi tuyết tìm mai xô gió lạnh,  
 Rượu nồng chưa ngấm đã say thơ.  
 Những thời xưa ấy có hay chăng ?  
 Ta có cần chi hỏi chứng bằng ;  
 Những cái ta yêu, ô ! vọng ảnh !...  
 — Chừ này lại nhớ khách cung Trăng !  
 ( Những ngày vàng lụa )



### Lạc lõng

Một nhìn đượm má thuyền duyên,  
 Có chàng thi sĩ bỏ quên tấm lòng...  
 Vô tình đề mắt như không;  
 Lang thang tìm mãi giữa vòng trần ai.  
 Hôm nay mây nước lạc loài,  
 Chờ trăng đợi gió toan bài nhẩn nhe.  
 Lời đi hoa lá ủ ê,  
 Thu nường thôi cũng nào nề ốm đau !  
 Lòng ta lạc mất nơi đâu ?  
 Buồn gieo man mác trong màu cỏ cây.



Cây buồn đọng bóng như ngây,  
 Ta buồn nặng cả muôn ngày buồn xưa.  
 Phong quang xấu tự bao giờ ?  
 Phong quang buồn cái buồn thừa của ai.  
 Ngỡ lòng bụi đóng mờ phai,  
 Mênh mông Thiên Cồ khóc dài Cô Đơn !  
 Nhớ thương chìm lịm suối nguồn,  
 Ôi ! đâu đâu cũng cái Buồn thiết tha...  
 Tay ai mặng bút ngón ngà ?  
 Tình ai xanh ngắt chảy qua lưng tròng ?  
 Tương tư vút ngọn chờ mong,  
 Dừng đừng ai đã mang lòng ta đi ?  
 ( Những ngày vàng )



### Tình quê

Đường lau khuất khuất quanh quanh,  
 So le hoa dại đôi cành thờ ơ.  
 Chiều hôm đứng lặng như mơ,  
 Có cô áo nhuộm đang chờ đợi ai ?  
 Tay lẩn nếp áo chưa phai,  
 Thẹn điều vụng nghì ửng hai má hồng.  
 Mây say vẽ nét cong cong,  
 Tình xuân chớm dậy nghe lòng tí tê.



### Cho địa chỉ

Tăng Ý Lăng

Nhà anh có bến Đợi Chờ,  
 Có đình dựa nguyệt, có thơ nhớ Nàng.  
 Xuân về có gió đông sang,  
 Thu qua có cảnh lá vàng rụng bay.  
 Lâm tuyền có thú đời thay,  
 Có đêm huyền hoặc, có ngày nhớ nhung.

Có giàn hoa lý bên song,  
 Có con đường sỏi đi vòng giếng thời.  
 Món quê qua quả có thời,  
 Tháng giêng có hạnh, tháng mười có cam.  
 Có khi ngồi ngắm trên am,  
 Mây hồng dựng sớm sương lam tỏ chiều.  
 Hư thân có mãi cái nghèo,  
 Tùy lòng ai có muốn theo thì về.  
 ( Những ngày vàng lụa )



### Một chốn quê hương

Triều âm mộc lan chi trụ lộ hề,  
 Tịch xan thu cúc chi lạc anh.

*Khuất Nguyên*

... Il est temps ! levons l'ancre !  
 Ce pays nous ennuit !  
*Baudelaire*

Mỗi lần héo hắt nẻo phong sương,  
 Lòng nặng hồn tê nổi chán chường,  
 Tôi lại phân thân về ăn nầu  
 Xa với nơi một chốn quê hương.  
 Không biết quê tôi ở hướng nào?  
 Bên dòng suối rượu thắm hoa đào,  
 Nắng hồng rải nhụy nuông ong bướm,  
 Nệm cỏ mơ bầy, mai gót cao.  
 Lá óng chiều xanh hương ngát hoa,  
 Nở nà trái ngọt quyến chim ca ;  
 Lưng trời cánh là lòng muôn dặm,  
 Dặm cái ngàn hôm trạo ánh tà,  
 Sơn nhân chiều dận chiếc hài thêu,  
 Lạc bước sừng hươu giống mục tiêu ;  
 Thôn nữ đôi nàng chân thật quá !  
 Thẹn thùng chỉ biết nói : « Tôi yêu » !

Vân nhu ngờ động dáng y thường,  
Tôi hãy tìm đây dưới liều dương ;  
Chợ Mộng đường Thơ cầu Gặp Gỡ,  
Đình Quên trạm nhớ quán Yêu Dương.

Cánh máy may không vấy tục trần,  
Còn đâu phiền lụy vướng bên chân ;  
Gió Hờn chưa thổi làm khô héo  
Băng tuyết lòng ai giữ trắng ngần.

( Những ngày vàng lụa )



---

## ĐÔNG-XUYÊN

---

**Đ**ÔNG-XUYÊN tên thật là Nguyễn gia Trụ, sinh ngày 30 tháng 10 năm Bình-ngọ (tức ngày 15 tháng 12 năm 1906) tại làng Đông-ngạc, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông (Bắc-phần).

Dòng dõi nhà Nho, thuở nhỏ ông học Hán văn; năm 16 tuổi mới chuyển sang học quốc ngữ và Pháp văn đến năm thứ ba Trung-học phổ thông.

Năm 1927, ông xuống Hải-phòng, vừa đi làm sở tư vừa học thêm.

Năm 1929, ông thi đậu thư ký Thương-chính (Quan-thuế) ở Hải-phòng, bắt đầu cuộc đời công chức.

Năm 1931, ông được thuyên chuyển đi Bạch-hạc, rồi sau đấy dời về Hà-nội.

Năm 1954, sau khi ký kết Hiệp-định Genève, ông di cư vào Nam.

Bước chân vào làng thơ tiên chiến với thi bản Buổi chiều sang đò và Thăm chùa Bé đăng trên An - nam tạp chí, ông đã được thi bá Tân - Đà tán thưởng nồng nhiệt trong mục Thi đàn giảng tập (An - nam tạp chí số 13, 14 năm 1930).

Ông bắt đầu làm thơ từ năm 19 tuổi (1925), mà mãi tìm học luật thơ trên Nam phong tạp chí. Sáng tác phạm

đầu tay là Cúc sơn thi tập ; nó bị chết non khi làm được vài chục bài, nhân lúc ông đi chơi vắng, để tập thơ trong phòng sách, thân phụ ông bắt gặp. Lúc về, hỏi Cúc sơn thi tập của ai ? ông phải thú nhận là của mình. Thân phụ ông bảo đem đốt, vì thất niêm, thất luật nhiều quá. Song cũng được phụ thân an ủi : « Nhưng cũng nhiều câu có hồn thơ. Như bài Nhà nghèo có câu :

*Khoanh tay ngồi đó, tiền ai biểu ?  
Thò mặt đi đâu, nợ nó đòi ! »*

Câu khen tặng của lệnh nghiêm, ông coi đó như tia sáng loé lên ở chân trời thi ca. Sau này tác phẩm của ông đã đăng trên các báo : An-nam tạp chí, Nam phong, Phụ nữ tân văn, Văn học tập san, Bách khoa, Sinh lực, Văn đàn, Phở thông, Bru điện thông tin, Văn hóa nguyệt san và Quan thuế nguyệt san.

*Thi phẩm đã xuất bản :*

— Máy vắn thơ (xuất bản năm 1936)

— Thuyền thơ (tập thi tuyển do nhà Nguyễn hiến Lê Sài-gòn xuất bản ngày 25-7-1958 gồm 54 bài thơ sáng tác và 13 bài dịch thơ chữ Hán. Tập thơ này trước kia ông định đề tên là Thần phong (Gió sớm) vì ông thường làm thơ vào buổi sớm, sau nghĩ nó có vẻ Tàu hay Nhật nên đổi lại là Thuyền thơ.)

— Gió nồm (in ronéo khoảng 100 bản để tặng thân hữu, gồm đa số thơ thất ngôn Đường luật và một số thơ dịch).

Ngoài thơ, Đông-Xuyên đã dịch gần bốn mươi truyện Liêu-trai.



**T**Ừ lúc có sự âm thầm sôi động đề khơi ngòi cho cuộc cách mạng thi ca, có một tiếng thơ bắt đầu réo rắt trên *An-nam tạp chí* và nhận được sự tán thưởng: đó là tiếng thơ của Đông-Xuyên.

Thế mà! Đông-Xuyên! Một cái tên, khách yêu thơ cơ hồ quên lãng vì mãi mê theo nhịp điệu tân kỳ khi cao trào thơ mới âm ì dấy động ba đảo ngoài biển khơi. Đó là tại cái tâm lý người đời hay mới chuộng cũ vong. Chứ thật ra lúc bấy giờ những điệu như cò phong (một hình thức thơ mới ngày nay), lục bát, gián thất, Đường thi chưa đến nổi là một món hàng thời rữa đề cho ta khai tử; bằng chứng là mãi ngày nay thể thơ lục bát *Kiều*, gián thất *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm v.v...* vẫn là những ánh đuốc rực rỡ trong văn học nước nhà.

Rộng rãi hơn một Quách Tấn đã bó mình trong thể điệu buồn tênh *thất ngôn bát cú*, Đông-Xuyên nắm giữ được bốn chìa khóa để mở cửa lâu thơ; và từ đây ta thấy một con người say mê nghệ thuật, tận tụy với nòng Thơ suốt bốn mùa tám tiết không bao giờ xao nhãng. Nó đã trở thành một lẽ sống.

Tuy vương phải cái cũ kỹ, nhưng Đông-Xuyên lại là một tâm hồn mới; cái tính chất lãng mạn của người thơ trong mỗi tình chớm nở đã thấm kín yêu một cô gái bán sách ở phố Bonnal là nguyên động lực thúc đẩy mạnh việc sáng tác. Tình yêu âm ì nung nấu ấy đã đẻ ra hai thi bản *Buổi chiều sang dò* và *Thăm chùa Bé* và đã được chiếc vòng hoa danh dự kết bằng những lời khen do thi bá Tân-Đà trao tặng, khiến thi nhân vui điên lên khi người yêu cầm *tạp chí* chỉ cho biết: « *Này! Ông Tân-Đà khen thơ ông đây này!* »

Một lời khen tặng của bậc thầy, một sự lưu tâm của người yêu đã vạch toạc cả tâm tình; thi nhân không còn che đậy niềm vui: « *Tôi cảm động và sung sướng biết ngần nào!!!* » Nó giá trị còn gấp trăm liều thuốc hồi sinh, vì đã gây được lòng hăng hái cho Đông-Xuyên tiến sâu vào đường nghệ thuật. Thi nhân cho biết, đây là thời kỳ lãng mạn và

đẹp nhất trong đời thơ mình. Sau đấy, vì công vụ phải dời đi xa. Rồi, một tin sét đánh : người yêu qua đời ! Trong phút chốc, cõi trần hoàn này bỗng đứng như chừa đứng một con người đang từ một trạng thái vui cực độ, biến sang một thái cực áo não ; một linh hồn dật dờ, ngây dại đang qui đốt nén hương nguyện khóc cho một mối tình chết. Một ánh sao băng ! Một nguồn thơ bị cạn !

Chúng ta ngày nay nhiều người không được đọc thi phẩm đầu tay *Mấy vần thơ* của Đông-Xuyên (*xin đừng lầm lẫn* *Mấy vần thơ của Thế-Lữ*) xem cái tình « lãng mạn và đẹp nhất » của thi nhân đã ghi lại trong văn thơ đến mức độ nào ?

Đường đời của thi nhân, tiếp đấy là những năm khói lửa rơi bời trên đất Việt. Vừa khóc cho tình chết, lại xúc động thêm khi giải quê hương bị đau thương loang lỗ vì bom đạn tàn phá. Trong mùa tao loạn, chúng tôi thấy tiếng thơ của Đông-Xuyên nổi bật hơn lúc nào hết. Những bài như *Thuyền thơ*, *Hạt cát sóng Thao*, *Ta và non nước*, *Đêm sao dóm v. v...* đều sáng tác trong thời kỳ tản cư. Nó là tiếng lòng của thi nhân, đánh dấu cho sự chuyển hướng thơ, nội dung gọi lên nỗi niềm đau xót của người con đất nước trong mùa binh biến. Cho dù tiếng thơ không ghi lại được hành động tích cực đối với quốc gia, nhưng ta vẫn thấy cái sĩ khí của con người bất khuất. Một sự uất tức đang sôi sục tâm can đã khiến trào ra những dòng thơ như giải bày tâm sự :

*Ới tuổi trẻ ! tìm đâu tuổi trẻ ?*

*Mà tài hoa, mấy tí tài hoa !*

*Gương tròn móc túi soi ta,*

*Chưa già, ta thấy ta già hôm nay !*

*Người mảnh khảnh : thân gầy, sức yếu,*

*Phận con con : học thiếu, tài sơ,*

*Giờ đây, Tò quốc mong chờ...*

*Xa xăm tiếng gọi, tiếng thưa vắng mình !*

Nếu không đóng góp được tích cực thì tiêu cực vậy :

*May còn chút Cao Xanh soi xét,*

*Là thân này, một chiếc thuyền không,*

*Sạch trong tự trước theo dòng,  
Báo đến Tờ-quốc, non sông họa là !*

*. . . . .  
Lòng ta thế, tiền nhân có thấu,  
Núi Hùng cao, muôn tấu vua Hùng,  
Sông Thao thăm thăm một dòng,  
Chiều thu mây nước lạnh lòng hiểu ta ! !*

Một chiếc thuyền không bênh bồng trên sóng đời mà không chở tí của cải riêng tư gì cả. Lòng thi nhân thấy sạch láng láng.

Chúng tôi yêu những vần thơ chạy loạn của Đông-Xuyên; ở đây, nỗi lòng được bộc lộ, ý tứ chân thành, lời thơ dễ rung động.

Cũng nên nhắc, sau cái chết của mối tình đầu, hồn thơ bán loạn ; thêm nỗi nước nhà đảo điên, lòng thi nhân hoang mang như kẻ bơ vơ lạc lõng giữa ngã ba đường đời. Thế mà, trên bước đường tình, « trời lại dun rúi » (lời của Đông-Xuyên) cho thi nhân gặp gỡ duyên lành mà giai nhân đã trở thành nguồn thi hứng mới, một mẫu người điển hình cho thi nhân ký thác niềm tâm sự. Những thi bản của Đông-Xuyên chúng tôi lưu tâm như trên là những bài đượm tình nước non trong giai đoạn Việt-nam mền yếu của chúng ta đang giãy giụa trong tiếng gầm thét và tiếng lưỡi hái đang quơ vùn vụt của Thần Chiến-tranh. Ta hãy nghe đôi tiếng lòng thiết tha của Đông-Xuyên :

*Mưa tầm tã, gió ào ào,  
Non sông mưa gió, xiết bao động lòng !*

hay :

*Mưa mưa, gió gió mịt mù,  
Bao giờ trời đẹp, nước trong, hời trời ?*

Và buồn tủi phận mình :

*Trót sinh ra chẳng cây và đá,  
Biết góp gì cho nước với đời ?*

Rời chiến cuộc tạm ngưng, năm 1954, Đông-Xuyên di cư vào Nam. Trong đôi năm, cuộc sống đã ổn định, thi nhân liền hướng vọng về nàng Thơ. Lục soát, bới tìm, góp nhặt



mạch thơ đã rải rác giữa thời gian qua, đúc kết nên tập *Thuyền thơ*. Khi quyết định cho ra đời thi phẩm thứ hai này, Đông-Xuyên ngần ngại, đắn đo, thăm dò mãi ý kiến từ Nguyễn hiến Lê đến Giản-Chi, vì sợ thơ mình cũ đối với thể hệ thơ mới ngày nay.

Chúng tôi đã lấy làm cảm thương cho một người đã cúc cung với nàng Thơ mà vẫn nơm nớp lo sợ không thỏa mãn được khách yêu thơ. *Thuyền thơ* xuất hiện dưới mắt các bạn là tất cả một sự cố gắng lớn lao của người thợ và được sự nung chí của bạn hữu.

Khi thi nhân hỏi : « *Thơ tôi có sợ cũ không anh ?* »

Ông Giản-Chi đáp : « *Vấn đề chính có lẽ vẫn là « hay, hay không hay », chứ không phải « cũ, hay không cũ ». Truyền được nghệ cảm làm cho người thưởng thức rung động cái rung động của người sáng tác, đó là thành công của nghệ thuật, can gì quá đổi bán khoán cũ hay là mới ? Và chẳng anh còn nhớ câu chuyện thi ca mới cũ đề cập trong bài « Cựu bình trang tân từu » của Lỗ Tấn đấy thôi. Cứ gì vẫn gieo thông lịch so le mới là tiến bộ ; khó hiểu, hợm hĩnh vốn không đồng nghĩa với độc đáo, tân kỳ. Lý trường Cát, Mallarmé lừng danh không phải chỉ vì khó hiểu ; Văn nhất Đa, Eluard tân kỳ không phải chỉ vì tự do. »*

Khảo sát *Thuyền thơ* chúng tôi bắt gặp có những chỗ đọc thích thú vì ý tưởng tân kỳ, lời thợ dễ mến. Nếu một Thế-Lữ với câu đã trở thành đầu môi của mọi người :

*Anh đi đường anh, tôi đường tôi,  
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.*

(Giày phút chạnh lòng — Thế-Lữ)

đề chỉ một cái gì bắt đầu phân hóa.

Hoặc diễn tả bước cùng đồ mặt lộ, nổi bi thảm tuyệt vọng, một dấu ngoặc chấm dứt thời đại rục rờ, huy hoàng :

*Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu !*

(Hồ như rừng — Thế-Lữ)

thì Đông-Xuyên cũng có câu :

*Nước mà trong quá, cá không yêu.*

(Than mình)

Ta thấy ý tưởng cao xa ; tâm tác dụng rộng lớn.

Bài *Đề* là một đề tài xã hội, nhận xét tế nhị, ý thơ ngộ nghĩnh, trung thực, cảnh huống tỏ ra chiều đau thương.

Ngoài ra, hồn thơ của Đông-Xuyên còn bằng bạc trong nhiều khía cạnh ; ta phải kể thứ là tình bạn, tôi muốn nói bạn thơ. Chỉ có những tâm hồn giao cảm nhau mới có sự gắn bó trong tình bằng hữu ; mà Đông-Xuyên thì tỏ ra trân trọng với tình bạn thiêng liêng lắm. Mới chỉ đôi ngày xa vắng mà đã nhớ nhung :

### Nhớ Lương-son

*Từ bữa anh về Xuôi,  
 Âm thầm tôi với tôi,  
 Tình đời ngây mặt nước,  
 Tin bạn ngóng chân trời...  
 Trà sớm thơ ngậm lạnh,  
 Đèn khuya râu mọc dài.  
 Súng rền, năm sắp hết,  
 Sông núi rộn lòng ai ! !*

(Thuyền thơ)

Cuộc đời của Đông-Xuyên đạm bạc lắm. Đã không chạy theo bã cơm áo mà còn tỏ ra chán ghét phường nịnh bợ, luồn cúi. Đối với hạng người này, Đông-Xuyên đã dành cho họ đôi vần sáng tác :

### Cười

*« Nó » cười cho mà « nó » vẫn im,  
 Nó im chưa đủ, lại cười thêm !  
 Nhưng quân vong bản quên thì nhớ :  
 Này kiếp phù sinh nổi có chìm !  
 Giống vẹt cũng còn non tắc lưỡi,  
 Loài người đâu mất cả con tim ?  
 Thôi ai có trách chi tuồng ấy ?  
 Cơm trắng ngày ăn với chả chim !*

(1943)

Và đây là giai thoại của các « ngài » khi thường thức văn thơ. Các bạn hãy nghe Đông-Xuyên thuật :

« Thuyền sang mang cả bóng ô sang », đó là câu kết trong bài Buổi chiều sang đò của tôi và cũng là câu được thi sĩ Tân-Đà tán thưởng hơn cả. Ngày tôi làm việc ở sở Thương-chính Hải-phòng, có đọc cho một ông tham tá già nghe. Ông gật gù khen : Hay thật ! Đẹp thật ! Cái cảnh đi qua sông buổi chiều mà che ô thì đẹp thật !

« Tôi phát lạnh người ! Định cười mà không dám cười, vì cụ Tham đó, tuổi đáng bực phụ huynh mình ! »

« Bài Ta và non nước, ngày tôi còn ở hậu phương, có chép tay gửi cho tờ Nội san của Nha Quan-thuế đề dâng. Chữ « Ta », tôi có thói quen viết na ná chữ TQ. Một ông tham tá (cũng tham tá !) phụ trách tờ báo, một hôm gặp tôi, báo cáo : « Bài « Thuế quan và non nước » của bác, tôi dâng rồi đấy ! « Tôi hỏi : « Bài nào là Thuế quan và non nước ? Tôi có bài thơ ấy đâu ? »

« Sau cụ Tham cho biết : bài « TQ và Non nước » ấy mà !

« Tôi choáng cả người : Trời ơi ! chữ « Ta » tôi viết giống chữ TQ mà người ta nêu lên là « Thuế quan và non nước » !!



Thuyền thơ còn những chỗ đáng nói, nhưng chúng tôi không muốn giành riêng cho mình, mà đề các bạn tìm thích thú khi thưởng thức mấy vần thơ Đông-Xuyên trong phần Thi-tuyên.



*Thi tuyên*

**Buổi chiều sang dò**

Bên trời soi chéch bóng tà dương,  
 Giương mắt giang sơn, thú lạ nưường.  
 Mây tỏa đầu non phơi ngọc thạch,  
 Sóng rờn mặt nước nổi kim cương.  
 Cánh diều gió bốc tầng không thăm,  
 Ngàn trúc sương phong típ dậm trường.  
 Trời đất kìa ai xoay chuyển lại?  
 Thuyền sang mang cả bóng ô sang.  
 ( 1929 )



**Thăm chùa Bé**

Mông mênh đồng rộng, gió đưa ngang,  
 Chùa Bé là đây, cảnh cố hương.  
 Giậu đờ, cây trơ, chùa đứng trọi,  
 Làng xa, sư vắng, bụt ngồi suông.  
 Bia tàn nham nhở rêu mờ đá,  
 Hoàn cổ cheo leo chữ nhật vàng.  
 Lặng lạng ngồi nghe con cước gọi,  
 Bực mình muốn rửa cái tang thương.  
 ( 1920 )



**Mừng đẻ Quốc-Bính**

Ba gái, bảy giờ lại một trai,  
 Ô ! Ta làm bố bốn con rồi !  
 Lương Tây trọi được ba đồng bạc,  
 Nước Việt tặng lên một xuất người !  
 Hạnh phúc xây nền theo lối cũ,  
 Nhân tài góp mặt ước ngày mai...  
 Mặc ai tiền vạn, ai quan lớn,  
 Một cậu cu này gấp mấy mươi !!  
 ( 1938 )



### Gửi Phạm gia Phong

Hà-giang-Hà-nội có bao xa.  
 Từ bữa anh đi, nhớ nhớ là...  
 Trăng lặn, ngồi sướng ôm ấm nước,  
 Đèn chong, nằm mồm đếm canh gà.  
 Nào đâu Gia-Quất cung đàn nguyệt ?  
 Còn nữa Hàng Vôi bát cháo hoa ?  
 Nhớ đã cố quên, quên lại nhớ,  
 Đầm ìa cây táo hạt mưa sa... !!  
 ( 1942 )



### Gửi Liên-giang

Bạn đã năm mươi, tôi bốn mươi,  
 Đôi ta, tuổi tác ngọt trăm rồi.  
 Trót sinh ra chẳng cây và đá,  
 Biết góp gì cho nước với đời ?  
 Một bóng ve gầy mơ trước án...  
 Từng cơn gió lốc cuốn ngoài khơi !  
 Ngâm câu thơ bạn, bắn khoắn lăm,  
 Đèn cạn đêm dài... dấy đũa sôi !!  
 ( 1945 )



### Thu buồn

Thu trước Tây về, việc ngõ xong;  
 Thu nay là thế, ới Tiên Rồng !  
 Bay đâu lẻ tẻ con cò bạch ?  
 Gieo mãi bắn khoắn chiếc lá hồng !  
 Hơi gió thì thảo muôn dặm thâm,  
 Lòng ai man mác một trời không !  
 Bao giờ ? lại đến bao giờ nữa ?  
 Xanh ngắt trời xanh, giải nước trong !!  
 ( 1946 )



### Những ngày luân lạc

Lần hồi sớm sớm lại hôm hôm,  
 Một vợ không tiền, một đống còn.  
 Mạnh áo vải nâu, nời bấp luyệt,  
 Ngọn đèn dầu lạc, cuốn thơ nôm.

Bốn bề lạnh lạnh rừng xanh ngắt,  
 Từng khúc nao nao nước đỏ lờm.  
 Ai chốn tao đàn, xa thấy chửa ?  
 Nửa năm trời ấy, béo hay còm ??

( 1947 )



### Thuyền thơ

Chiều xuân dịu, vàng vàng ánh nắng,  
 Nước xuân đầy, trắng trắng làn sông,  
 Thuyền ai biệt bến sông Hồng,  
 Một người thơ thẩn trên sông tiễn thuyền.  
 Mặt trời đỉnh núi nghiêng nghiêng,  
 Gió lên, sóng rợn, con thuyền như say,  
 Thuyền đi đâu thế, hôm nay ?  
 Thuyền say vì nước, ta ngầy vì thuyền !  
 Thuyền đi nhé ! vào miền mây nước,  
 Hồn thơ ta hẹn ước cùng đi,  
 Nước mây tự trước đi về,  
 Lạ gì trôi giạt ? Lạ gì lênh đênh ?  
 Thuyền ơi ! Cùng kiếp phù sinh,  
 Cái phiêu lưu, cái bồng bênh, giống nhau,  
 Phiêu lưu là biết về đâu ?  
 Bồng bênh, trót với Cao Sâu hẹn hò !  
 Thuyền đi nhé ! Tiền đồ đẹp lắm,  
 Vào mệnh mông mà tắm phong quang !  
 Hương rừng, gió thốc đầy xoang,  
 Ráng chiều, bóng rọi huy hoàng trên sông !  
 Giờ, được lúc sông trong, trời tốt,  
 Thuyền đi... đi... mai một lại về,  
 Hồn thơ ta, chờ khi đi,  
 Tình thơ, thuyền đến hôm về, nặng thêm !!



Thoi thóp bóng, đàn chim về núi,  
 Dòng sông xa... trông rớt thuyền xa...  
 Thuyền xa, lủi thủi lại nhà,  
 « Người thơ » đêm mộng « người hoa » dưới thuyền.

( 1948 )



### Hạt cát sông Thao

Mây một sắc, đen ngòm núi Nả,  
Sóng từng cồn, trắng xóa sông Thao,  
Mưa tầm tã, gió ào ào,  
Non sông mưa gió, xiết bao động lòng !



Một hạt cát nằm trong đáy nước,  
Nhìn Cao Sâu xuôi ngược thần thơ...  
Mưa mưa, gió gió, mịt mờ,  
Bao giờ trời đẹp, bao giờ nước trong ?  
Nước vẩn quá ! Trời không thấy cát,  
Và biết đâu những hạt có vàng ?  
Hằng hà sa số muôn vàn..  
Theo chiều lặn lốc... theo làn phiêu lưu...  
Gió có gió, hiu hiu tí nhé !  
Mưa thì mưa, mưa khế lặn tẩn !  
Cho sông, nước đục trong dần,  
Cho lòng cát tỏ với tầng Cao Xanh !  
Giờ tinh khiết một mình mình biết,  
Hạt cát vàng nằm nép lòng sông,  
Mưa mưa, gió gió mịt mù,  
Bao giờ trời đẹp, nước trong, hời trời ?



Mây tiếp tục kéo dài... lên núi,  
Gió càng to, sóng nổi càng cao,  
Mưa tầm tã, gió ào ào,  
Non sông mưa gió, xiết bao động lòng...!  
( 1948 )



### Than mình

Tân khổ từ xưa nếm đã nhiều,  
Chuyến này, tân khổ gấp bao nhiêu !  
Nhà xa, nước loạn, mình thêm yếu,  
Mẹ lặn, con thơ, vợ khó chiều !  
Hoa có đẹp chẳng ? xuân đã muộn,  
Nước mà trong quá, cá không yêu !  
Trăm năm tính số còn chi nhĩ ?  
Liêm khiết đời sau họa chút nêu !  
( 1950 )



**Ta và non nước**

Chòm Hùng-linh, mây phơi vẻ gấm,  
 Làn Thao-giang, sóng chấm vẩy rồng.  
 Chiều nay sông núi lạnh lùng,  
 Gió thu thổi mạnh, cõi lòng nao nao !



Núi ai đắp, núi cao chót vót ?  
 Sông ai đào, sâu hút lòng sông ?  
 Và ai điềm lục, tô hồng ?  
 — Từ xưa công đức cha ông bốn nghìn !  
 Giờ, lũ thú lặn nhìn mây nước,  
 Sức nhớ lời thệ ước non sông,  
 Ó ! Ta cũng giống Tiên Rồng,  
 Có ta nhường cũng như không, bề bàng !  
 Nắng qua cửa, nghìn vàng mặt kính,  
 Hoa rụng thêm, mấy cánh đầu thu,  
 Thời gian không cánh bay vù...  
 Dầu ta chùng cũng sương thu nhuộm đầu !  
 Ói tuổi trẻ ! tìm đâu tuổi trẻ ?  
 Mà tài hoa, mấy tí tài hoa !  
 gương tròn mốc túi soi ta,  
 Chưa già, ta thấy ta già hôm nay !  
 Người mảnh khảnh : thân gầy, sức yếu,  
 Phận con con : học thiếu, tài sơ,  
 Giờ đây, Tò quốc mong chờ...  
 Xa xăm tiếng gọi, tiếng thưa vắng mình !  
 May còn chút Cao Xanh soi xét,  
 Là thân này, một chiếc thuyền không,  
 Sạch trong tự trước theo dòng,  
 Báo đền Tò-quốc, non sông họa là !  
 Trời dẫu có phong-ba mấy nữa,  
 Chiếc thuyền không vẫn nó xưa nay,  
 Hoa rừng, gió thoảng, hương bay...  
 Thuyền không hứng lấy, thuyền đẩy ý thơm !



Lòng ta thế, tiên-nhơn có thấu,  
 Núi Hùng cao, muôn tấu vua Hùng,  
 Sông Thao thăm thẳm một dòng,  
 Chiều thu mây nước lạnh lòng hiều ta !  
 ( 1948 )



### Đêm sao đóm

Đồng lúa chín lập lòe lửa đóm,  
 Tầng không trong lổm đóm chùm sao,  
 Bao la đất rộng trời cao,  
 Diềm vàng không một khoảng nào là không !  
 Nay ai thức mà trông : đẹp quá !  
 Cái đêm nay là cả đêm vàng !  
 Ngày vàng : nắng giãi chang chang,  
 Lại đêm sao đóm, huy hoàng cả đêm !  
 Rừng lặng lẽ, cây nêo cao vút,  
 Hồ trong veo, mặt nước lạnh lòng,  
 Hồ trong sao lộn mấy từng,  
 Đóm bay lấp lánh lên rừng..., ngỡ sao !  
 Ó hay ! tíu trời cao có đóm,  
 Cõi đất này lổm đóm sao rơi,  
 Sao sao, đóm đóm rơi bời,  
 Huy hoàng trời đất, người chơi quên về !!  
 Thơ, hứng đến, toan đề họ Lý,  
 E chùm sao vì thế động lòng,  
 Bắt con đóm đóm trong không,  
 Bỏ vào chiếc túi hồng hồng có thơ.  
 Ngọn gió thoảng, phất phơ cành trúc,  
 Nhớ người xưa bình chúc, bật cười :  
 Đêm vàng sao đóm không chơi,  
 Chơi đêm đốt đuốc, cho đời một thêm !!  
 Giờ, tất cả động viên tác chiến,  
 Việc Nước Non đã chiếm cả ngày,  
 Huy hoàng trời đất đêm nay,  
 Ngang tàng ai cấm lúc này chơi đêm ? !  
 ( 1950 )



## Thơ, giấy

Nhịp chày rộn, đêm trăng già giấy,  
 Ngọn đèn giông, bút máy viết thơ,  
 Thơ bao đoạn,... giấy bao tờ...  
 Ồ thơ ! Ồ giấy ! Lòng tơ bộn lòng !  
 Ai già giấy, chong chong thức giấc ?  
 Ta vì thơ, thức mất trâu canh,  
 Khêu đèn, hỏi ánh quang minh :  
 Đêm nay có thấu tâm tình cho nhau ?  
 Từ bác mẹ chôn nhau, cắt rốn,  
 Trời cho ta cái vốn con con,  
 Lâng lâng, này chút thi hồn,  
 Bao nhiêu năm... với Nước Non mộng dài...  
 « Chuyện nhân thế, câu cười, tiếng khóc. »  
 Bầu thiên nhiên, núi vóc, sông thêu ,  
 Tình tình, cảnh cảnh bao nhiêu,  
 Hồn thơ gửi gắm ít nhiều có ta.  
 Làng hãn-mặc, chưa già cán bút,  
 Đài văn-minh, cao vút loài người ,  
 Có chi mà góp cho đời ?  
 Lấy chi mà đáp những lời tri âm ?  
 Trước án sách, tay rần bút máy,  
 Xóm gà đưa... xướng giấy nhịp chày...  
 Một đèn, một sách, đêm nay,  
 Thơ này biết có lúc này bóng vang ? ?  
 Chày già giấy rộn ràng không dứt,  
 Đêm thu dài, thao thức thêm dài,  
 Giấy ai sản xuất cho đời,  
 Thơ ta viết đặng cho người yêu thơ !!  
 ( Thanh-cù 1950 )

## Xuân nhàn

Một đình trầm hương tốt mới chàm,  
 Ngày xuân ngào ngọt gió đưa trầm.  
 Phật nhìn ảnh đức Vô-Lường niệm,  
 Thơ đối chùm hoa bất-tử ngâm.  
 Thẽ sự muôn vàn khuây một phút,  
 Thiều quang chín chục có bao lăm ?  
 Nàng Thơ hãy đề ta nhàn tỵ,  
 Ta đã bao xuân rồi ruột tằm !!

( 1958 )



## Đề

Ai đến thăm nhà thương,  
 Mới thấy người sinh đẻ,  
 Có người vui được con;  
 Có người buồn làm mẹ.

Lắm bà sinh con ra,  
 Miệng nở nụ cười hoa !  
 Quà cáp bao cam sữa,  
 Thăm nom bao người nhà.

Lắm bà sinh con ra,  
 Ôm con, lòng xót xa,  
 Ủ con, không mảnh lót,  
 Thăm con, không người cha.

Cảnh ấy cũng còn khá,  
 Bao cảnh còn cực nữa :  
 Con đỏ mang đi cho,  
 Mẹ vàng tìm ở vú !

Ói ! Cái đời ở vú,  
 Thân người, kiếp bò sữa !  
 Vắt ruột nuôi con người,  
 Con mình đem bỏ chợ !!

*Cánh đời bao đau lòng,  
 Nỗi đời buồn mênh mông...  
 Sinh con là việc mừng,  
 Mà lắm người không mong !!*  
 ( 1957 )



### Yêu trúc

*Ai quý loài hoa đẹp,  
 Ta yêu cây trúc thanh.  
 Từng khóm sống đoàn kết,  
 Bốn mùa xanh hoà bình.  
 Trắng giải lung linh bóng,  
 Gió đưa rạt rào tình.  
 Cổ hương, ai muốn hỏi ?  
 — Việt-nam làng quê xanh !*  
 ( 1957 )



### Xóm thu điều sáo

*Xóm chiều ai thả chiếc điều xinh ?  
 Vun vút... điều lên... thân nhẹ tênh !  
 Cánh giấy tung trời, cọn bướm trắng,  
 Ngàn cây lộng gió, sắc thu xanh.  
 Không gian sáo vắng, du dương nhạc,  
 Trần thế dây buông, vẫn vút tình.  
 Ở, ví như điều, thơ thả được,  
 Tiếng thơ chắc cũng vắng thiên-đình !*  
 ( 1983 )



### Hoa xuân

... . Dừng vội than van trái đất già,  
 Kính gần hãy ngắm núi sông xa...  
 Có xuân đâu phải riêng nhờ én ?  
 Còn Tết ai mà dám phụ hoa !  
 Tám cõi thơm bay... từ nẻo ấy,  
 Muôn màu trẻ lại cả năm qua !  
 Lúc này lan, cúc, hoa đua nở,  
 Yêu nhất nhành mai, ta nhủ ta.

( 1959 )



### Ra khơi

Săn lá Thuyền Thơ thả cái chơi,  
 Cũng bướm, cũng lái, phóng ra khơi !  
 Sóng đời muôn đợt, rung hồn nước,  
 Gió thời từng cơn, họa tiếng người.  
 Ghềnh đá như theo... ghềnh cát chạy,  
 Bóng vàng cùng lộn bóng mây trôi.  
 Phù sinh tạm lấy đây làm thú,  
 Xứ sở Thần Thơ biết hỏi ai ?

( 1950 )



### Thông cảm

Đáng lẽ là thơ không họa anh,  
 Họa anh, cho vợ nỗi thương mình.  
 Văn chương trò mãi... hàm râu bạc,  
 Non nước xây hoài giấc mộng xanh !  
 Cửa kính hiên tây lòa bóng ác,  
 Ngàn cây chiều tối ngắt mây thành.  
 Trăm trăm ngâm lại câu thơ bạn.  
 Mưa rỏ lâu hoa giọt thủy tinh.

( 1961 )



### Hương

Đốt một lò hương thoang thoảng trong...  
 Mùi hương ngào ngạt, khói qua song...  
 Rờng bay nẻo ấy, làn mây cuộn ?  
 Hoa nở nơi nao, ngọn gió lồng ?  
 Nguồn hứng muôn tầng dâng thượng-giới,  
 Tơ tình một mối nối thanh-không.  
 Thi đàn giờ vọng người kim cồ,  
 Ai chắc cùng ai chung cảm thông...!

( 1962 )



### Cước kêu

Vua Thục ngày xưa thác hóa chim,  
 Chim kêu ra rả suốt ngày đêm...  
 Bảy lâu nước mắt, hồn chưa chết,  
 Bốn cõi người nghe, ruột những mềm !  
 Lữ xá đèn giong, mi ứa lệ,  
 Chiến trường gươm tuốt, máu sôi tim.  
 Đêm qua, cuộc gọi bao xao xuyến,  
 Cơn gió hè lên, bóng nguyệt chìm...!

( 1963 )



### Xuân đi

Trời đem xuân đến, lại đem đi,  
 Người tiễn xuân đi, đứng trước hè,  
 Ngơ ngác tìm hương, vàng cánh bướm,  
 Thẩn thờ giải nắng, trắng hoa lê.  
 Câu thơ hàn-thực quen mồm đọc,  
 Tiếng súng sa-trường nào ruột nghe.  
 Nhấp chén bờ-đào, hỏi thanh-đế :  
 Phỏng bao lâu nữa lại xuân về ?

Tháng 3 Giáp-thìn ( 1964 )



## 60 tuổi tự đề

Tên bay vùn vụt... tháng ngày trôi...  
Bấm đốt, niên hoa sáu chục rồi.  
Đất nước chia đôi, trang sử đọc,  
Mái đầu bạc nửa, bóng gương soi.  
Dành cho xã hội con mười đứa;  
Góp với thi lâm bút một ngời.  
Thời thế nhường này, thân thế ấy,  
Vui ? buồn ? nhấp chén, hỏi hoa mai.  
Xuân Ất.tý ( 1963 )



---

## TRẦN-HUYỀN-TRÂN

---

**T**RẦN-HUYỀN-TRÂN là bút hiệu, tên thật là Trần Kim, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1913 tại Hà-nội (Bắc-phần).

Từng viết giúp cho các báo :

- Phở thông bán nguyệt san
- Tiều thuyết thứ bảy
- Truyền bá
- Ích hữu

— Bắc-hà tuần báo (do Trần-Huyền-Trân đứng chủ bút, Nguyễn-Tổ quản lý, hợp tác với Thâm-Tâm và các bạn).

Theo ông Nguyễn-Tổ, Trần Kim là một trong « bọn ngũ hồ » (Trần Kim, Vũ trọng Can, Thâm-Tâm, Nguyễn-Tổ và Bùi huy Phôn, cả năm người là bạn tâm giao và đều có dòng máu nghệ sĩ giang hồ). Đây, vài nét đơn sơ về con người Trần-Huyền-Trân dưới ngòi bút của Nguyễn Tổ : « Gã thứ nhất (Trần-Huyền-Trân) người tầm thước, da ngăm ngăm, răng vầu, ngoài các tài viết văn, làm thơ, gã ca sáu câu vọng cổ rất mùi, thêm vào đó cái đánh đàn nguyệt... »

Vì hoàn cảnh gia đình, sớm phải lăn lóc bụi đời nên kiên thức của Trần-Huyền-Trân nhờ tự học nhiều hơn là thụ giáo ở nhà trường. Trước cao trào tư tưởng lãng mạn thời tiền chiến, Trần-Huyền-Trân là thi nhân ít ca tụng yêu đương, hay đúng hơn, sau khi mộng tình nuôi dưỡng mười năm bị tan vỡ, Trần-Huyền-Trân đâm ra mỉa mai, chua chát với ái tình. Ông là hình



ảnh của nghèo đói, khổ đau phản chiếu từ một thực trạng xã hội cát lăm đương thời ; những nếp sống cận bã đi qua tiếng thơ của ông như tiếng gọi thiết tha một sự cải tạo thân phận con người.

Ông là nhà thơ nổi danh, lại là một nhà văn có tài nữa. Tác phẩm *Lẽ sống* xuất bản năm 1942 gồm những truyện ngắn tâm lý, tâm tình như : *Lẽ sống*, *Bộ áo rét nhà thơ*, *Tâm lý cá*. Những chiều thu nắng, Lá rụng, Khoa bác cử, Một con cuốc chết, Yêu... đều là những sinh hoạt bé nhỏ thấp hèn mà tác giả cố tâm trình bày với nhiều thiện cảm, nhiều suy tư, mong muốn biến cải những mảnh đời mạt hạng theo chiều hướng thượng.

1945. Tiếng súng cách mạng bùng nổ. Một hồn thơ nặng chất chửa uất hận, bị dồn nén nay có cơ hội giải thoát. Nó dưng mãnh, ò ạt, cuộn cuộn lời cuộn bừa đi như dòng thác lũ để tẩy sạch vết ô nhục của dân tộc đã chịu nhiều đắng cay, cơ cực trong thời nô lệ qua.

Bài *Hải-phòng* 19-11-1946 của *Trần-Huyền-Trần* sừng sững đứng như một tháp chót vót đề đánh dấu hai triệu linh hồn chết oan uổng vì sự cấu kết của thực dân và đế quốc cưỡng đoạt thóc lúa của dân ta, chặn ngang nguồn sống của họ. Nó còn mang ý nghĩa của một kỳ đài đề làm đích nhằm cho những mảnh đời cận bã, khinh hèn của xã hội, bỗng nhiên bừng sống cái quyền làm người của họ.

Cả những gái Pháp kêu « đồ đi »  
 Cả những trai Nhật gọi « lưu manh »  
 Cả những anh « bầu xấu voi xanh »  
 Nửa đêm nay đao bầu gây bầy  
 Đi bắm nát thời nô lệ ấy.



**T**RONG *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh — Hoài-Chân, Trần-Huyền-Trần là kẻ suýt trễ tàu. Hai ông nói : « *Viết đến đây, tôi đã định khép cửa lại đầu có thiên tài đến gõ cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa : Trần-Huyền-Trần.* »

Qua rồi 27 năm luân lưu của dòng ngày tháng (1941 — 1968), một thế hệ gần tàn, những cái nhìn vì đó mà thay đổi ; chúng tôi nhìn Trần-Huyền-Trần có khác Hoài-Thanh Hoài-Chân, bởi lẽ khi nói đến nhà thơ này hai tác giả coi như hành khách đến muộn nên không dành được sự chiêu đãi ưu tiên, hơn nữa :... « *sau khi đọc hoài những câu rất anh anh em em, tôi đã tìm thấy ở đây cái thú của người đi đời gió.* » (lời Hoài-Thanh — Hoài-Chân). Vì sự tiếp đón trễ tràng ấy mà hai ông không kịp nhìn đến bản sắc độc đáo của Trần-Huyền-Trần.

Hôm nay, dưới mắt chúng tôi, Trần-Huyền-Trần khoác cho mình một sắc thái khác biệt, một màu sắc của xã hội làm than, của bơ vơ cô độc, trong ấy long lanh những giọt lệ của kiếp người, một con người rộng tay không vì bị giành giật tất cả mà thiếu thốn tất cả ; thậm chí một chút tình mẹ thương con cũng không có. Trần-Huyền-Trần kể :

*Tôi... từ khi chưa biết gì  
Thân đi lưu lạc, mẹ đi lấy chồng.*

Xã hội loài người đã ném vứt ra giữa dòng đời một đứa trẻ lạc loài từ tấm bé, đã rút bỏ một hòn máu để đi tìm sinh thú bản thân. Trần-Huyền-Trần bắt đầu ngậm vị đời bằng một chất đắng, bằng vị mặn của mồ hôi và nước mắt :

*Lên đường từ buổi chôn làm ngựa,  
Đời ừ bình yên, gửi thất thường,  
Sớm đón nước sông, chiều gạo chợ,  
Giải lòng cho bụi gột mùi hương.*

Cứ thế mà thằng bé lớn dần như cỏ cây ; cho đến một ngày nọ năm 13 tuổi, cái tuổi của dậy thì, cái tuổi của dậy yêu do một sự biến chuyển của cơ thể, đứa bé bắt đầu được

Tạo-hóa trang bị bằng một nhãn quang thâm mỹ khác lạ, bằng một trái tim biết rung động, biết rạo rức yêu đương. Bị vứt bỏ ngoài lề đời quá sớm, thiếu mọi tình thương; từ của người cha, của người mẹ, của cái xã hội nhìn nó bằng đôi mắt khinh bạc. Cô độc ghê lạnh vây phủ. Như những sinh vật mà bản năng bảo tồn hay hướng về sức nóng của mặt trời, đứa bé Trần-Huyền-Trần đang tìm một chỗ ẩn náu cho con tim giá rét, và nó đã gặp được sức ấm áp của tình yêu. Trong những đêm trống trải, nó mơ màng tự hỏi :

*Em ôi ! Đã có đêm nào  
Bóng con chim mộng bay vào màn em ?*

Hay đâu, sự mơ tưởng yêu đương theo lòng mong ước trở thành một món hàng quá xa xỉ đối với thân phận con người đơn bạc ; thi nhân cảm nhận được sự lạnh nhạt của đối tượng yêu :

*Biết yêu thì khổ có thừa.  
Hình dung cho lắm, tương tư lại nhiều !  
Xa em gió thoảng lạnh vèo  
Lửa khuya tàn chậm mưa chiều dồ nhanh.  
Bóng đơn đi giữa kinh thành  
Nhìn duyên thiên hạ, nghe tình người ta.*

Mỗi tình bấp bênh như thế, vậy mà thi nhân đã tăng tiu nuôi dưỡng trót mười năm, đề ngày kia, ở cuối đường mộng, va chạm phải thất vọng ngỡ nề ; ta thấy một cội lòng tái tê, chua xót. Mộng xây dựng ái tình trong « túp lều tranh » đối với thi nhân, giờ chỉ là huyền ảo. Nàng đã cất bước sang ngang để lại một linh hồn vừa bừng tỉnh cơn mê, mới hay mình là con thiếu thân vì lao vào ngọn lửa yêu mà bị cháy cánh. Đọc thi bản dưới đây ta mới thấm thía nỗi buồn đau :

### Mười năm

*Biết nhau từ thuở đại khờ,  
Giờ đây cát bụi đã mờ mắt trong.  
Nhánh hồng em chiết bên sông  
Đã mười xuân rụng, mười bông hoa cười,*

Con chim bạc má già rồi  
 Mỏ vàng đã nhạt hết lời thơ xanh.  
 Còn gì nữa ở lầu tranh,  
 Ở lòng em, ở lòng anh, còn gì ?  
 Tương phùng là đề biệt ly,  
 Biệt ly là một người đi qua lòng.  
 Giờ đây em đã sang sông.  
 Anh nhìn khói sóng ngỡ trông mây đèo.  
 Mười năm mới hiểu tình yêu,  
 Một nguồn hương nhẹ, mây chiều gió đưa.

Ngoài những miếng trần gian cay đắng trong cuộc vật lộn để sống còn, sự thua thiệt ở tình trường đã là ngọn roi phủ phàng vút mạnh làm tắt lịm niềm tin yêu vào lẽ sống của con người. Nếu một Thế-Lữ tự cười vì đã chuốc đại chạy theo vật chất vẫn mình trong bài *Tự trào* thì Trần-Huyền-Trần đã vẽ nên mẫu người chua chát, mỉa mai, khinh nhân ngạo thế vì đã lắm lần bị đuổi xua, gạt bỏ ra ngoài rìa xã hội. Dưới đây là bức tranh sống thực của con người Trần-Huyền-Trần :

### Một người đã sống

Có ai thấy ngang tàng trong Hà-nội,  
 Sống một anh chàng biếng cười, biếng nói,  
 Bạn với loài người : một con chó bông,  
 Với chiếc mũ tàn, bộ áo mùa đông.  
 Có lẽ gia đình, bạn bè không hết,  
 Với các thứ tình lòng anh đã chết !  
 Nên những chiều, khi Hà-nội tro giăng,  
 Anh hiện ra đời, đất chó tung tăng.  
 Đời đã cười anh một thằng ngu ngốc  
 Không biết đưa chen, gian ngoan, luồn lọc;  
 Rồi đời gọi anh :  
 « — Ở một thằng điên  
 Đi sợ tiền tài, danh vọng, tình duyên. »



*Anh đã nhìn qua những lời thiên hạ,  
Anh càng thấy anh xa người ta quá ;  
Có phải vì chung thất bại nhiều phen  
Ở với đời anh chết cả niềm tin !*

*Rồi một chiều kia có người theo dõi  
Bóng anh trở về nẻo đường tăm tối,  
Vào một túp lều ăn nấu ngoại ô  
Bồng chớ mà cười sang ngâm thơ.*

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 233, 12-11-38)

Khảo sát đa số thi bản của Trần-Huyền-Trần, chúng tôi nhận thấy mỗi bài thơ là một niềm u uẩn của con người, một khía cạnh liên hệ đến cuộc sống hiện hữu của xã hội. Thi bản *Một người đã sống* đã nói lên đầy đủ ý nghĩa sự cô độc ghê lạnh, hắt hủi, ruồng bỏ, đã khiến một con người uất ức này sinh ý nghĩ tạo cho mình một lối sống ngoại hạng đầy khinh miệt và cưỡng đại.

Thất vọng trên đường tình, nã nẽ trong cuộc sống, chán ngán với tình đời, lòng thi nhân tê dại, chai đá trước mọi sinh thú ; đã có một lần thi nhân mĩa mai từ chối sự chiếu cố của thần Cupidon (1) mà thi nhân đã chua chất gọi « bà ».

### Thư bà

*Hay gì bà hỏi đến tôi,  
Khóc thì trái thói, mà cười vô duyên.  
Vị đời nhấp mãi thành điên,  
Nên ngày loạn lạc ngỡ đêm thanh bình.*

*Tim tôi, chiếc lá dâu xanh  
Tăm đời ăn dỗi, trơ cành cò chi !  
Tôi... từ khi chưa biết gì,  
Con đi lưu lạc, mẹ đi lấy chồng.*

1) Thần Ái-tình của người La-mã, cũng như Eros là thần Ái-tình của người Hy-lạp.

*Thuyền hờn chờ một khoang không,  
 Bao lâu giạt sóng trên dòng cô đơn.  
 Kinh thành mây đỏ như son,  
 Gió lòng eo hẹp giam con chim trời.  
 Tôi là... là chi thể thối,  
 Thưa bà, đây có phải người bà mơ ?*

Đến bài thơ dưới đây lại có một nguyên ủy. Trần-Huyền Trân và Thâm-Tâm là đôi bạn tâm giao. Thâm-Tâm có người yêu là đào nương tên Yến ; vì say theo bóng sắc mà xao nhãng văn thơ, Trần-Huyền-Trần khuyên can bạn, nhưng Thâm-Tâm lại gây sự. Tức giận Trần-Huyền-Trần đấm sừng mắt Thâm-Tâm, Thâm-Tâm giận bỏ đi. Vì việc này, Trần-Huyền-Trần đã giải bày nỗi đau buồn trong thi bản :

### Gởi Thâm-Tâm

*Ó ví ta cười xé mắt người  
 Là lòng đau xót cố nhân ơi,  
 Khi người gói ghém mang hài cốt  
 Một ả ca nhi bước xuống đời.  
 Ta biết tình trường sóng gió êm,  
 Mà người sóng gió một con thuyền.  
 Nhớ nhau bút giấy ngày lên mốc  
 Chấn chiếu tình trai giọt sáp hoen.  
 Ví mẹ xa con, vợ nhớ chồng,  
 Cũng là ta núi với người sông.  
 Hỡi ơi ! vắng vẻ trời tâm sự  
 Đâu chuyện dẫn gươm hắt má hồng.  
 Đè oán cho đời người với ta,  
 Làm thân vàng đá đất trắng hoa.  
 Bút dăm biên mực chưa thành sóng.  
 Đã phải cầm lòng khóc chán ta.  
 Đành ngả nghiêng cười nói ngàn ngơ  
 Đang tay tâm huyết đón hương thừa.  
 Trời ơi ! Đến gái đời mưa gió  
 Mà cũng vô tình trải gió mưa !*

Như một con người nhất sinh là tấm bia hứng chịu ngay cảnh bơ vơ, lạc lõng, cay đắng với mùi đời, tâm hồn thi nhân được nuôi dưỡng bằng khổ đau trong cuộc sống, khuynh hướng thơ của Trần-Huyền-Trần vì đó mà thường nghiêng về đề tài xã hội. Bài *Mẹ con* dưới đây là cảnh huống thương tâm, một hình ảnh sống thực, một bài toán nan giải :

### Mẹ con

Đẻ ra trong đói khổ,  
 Váy mẹ làm áo con  
 Miệng khát sữa cào vú  
 Nào hay già thiếu cơm.  
 Lớn lên vào xưởng thợ  
 Bán sức cho người buôn  
 Bếp lạnh thường không lửa,  
 Mẹ con nhìn trời sông.  
 Một chiều mẹ nước nở  
 Con ngồi thương núi non  
 Rồi sương trùm tóc mẹ  
 Rồi bụi cuốn đời con.  
 Vào Nam con thiếu áo  
 Ra Bắc mẹ thêm cơm  
 Từng lớp người rau cỏ  
 Lặn một khối đau buồn.

Và càng thảm thương hơn cho khối dân tộc bé nhỏ cam chịu thân phận trùng để quần quai dưới gót giày chà đạp của bạo lực :

Nhớ lại gót giày đinh Pháp Nhật  
 Tranh nhau xé xác nô cưỡi  
 Lửa sống từng ngày leo lét  
 Mẹ gánh con đem bỏ chợ đời  
 Chồng giết vợ giành hơi cháo loãng  
 Đời vớt nhau không có gì nuôi  
 Địa ngục gông cùm thể thâm ấy  
 Thực dân sắp mở cửa ngày mai.

(trích *Hải-phòng* 19-11-1964)

Trần-Huyền-Trần đã vẽ lên bằng tiếng thơ đề phôi bày hình ảnh thống khổ, căm hờn của dân ta đã bị chết đói mà hàng triệu con người ngã gục như cây rừng. Nó không phải vì tai trời ách nước mà lại do sự cấu kết thâm độc của thực dân Pháp và đế quốc Nhật đã ra tay thu góp thóc lúa của dân chúng cất vào kho lẫm để nuôi dưỡng quân viễn chinh hoặc làm than chạy nhà máy. Sự uất hận dâng lên tràn ngập sông núi này ; kịp đến khi Nhật-bản đầu hàng Đồng-minh, tiếng súng cách mạng bùng nổ ở Việt-nam, Trần-Huyền-Trần vội vã « từ biệt Lê văn Trương » lên đường mang theo một nỗi niềm, nó đã trở thành một hoài bão to lớn :

*Thôi thế anh về yên xóm cỏ,  
Cố buồn khêu lại ngọn tàn đăng.*

. . . . .

*Thôi anh về đi tôi đi đây  
Chim nào có cánh không thêm bay ?  
Cây nào có gió không buồn lay ?  
Lòng nào có máu không thêm say ?*

. . . . .

*Tôi sẽ giẫm lên nguồn huyết mạch,  
Mà lau nguồn lệ chúng sinh rơi.*

*Tôi đi, thực đấy, dù gian khổ,  
Đời có như người tướng bị thương  
Một tối rừng mình lau máu mũi  
Cũng không khép mắt đóng sà trường.*

(trích *Từ biệt Lê văn Trương*)

Bóng dáng của con người Trần-Huyền-Trần đi qua trong cuộc chiến đấu chung của dân tộc, ta thấy cũng cam go, thiếu thốn, nhưng vẫn không mất cái khí ngang tàng, cao ngạo. Đề thiên khảo luận thêm phần sống động, chúng tôi xin trích lại một đoạn văn của ông Tân-Hiến ghi lại trong bài *Trường hợp nào Trần-Huyền-Trần viết bài « Độc hành ca »* (Phổ thông, số 205 ngày 15-12-1967), ông viết :



« ... Một đêm tôi còn nhớ, trời rét như cắt thịt, ... tôi bỗng nghe ngoài rào tre có tiếng gọi khẩn cấp. Tôi nghĩ bụng :

— Quái ! Giờ này, ai còn lăn mò về đây tìm mình ?

. . . . .

Mở cửa, thấy hai tướng : Trần-Huyền-Trân, Võ việt Thi.

...hai chàng bạn hữu phương lai, giữa một đêm trời giá như băng, tương nhi chi hà ? Rượu không, nhắm làm sao đây ! Dẫu bạn vô nhà, dựng vợ con đây ; vác gậy ra đi khua chó xóm gần om sòm vay được nửa chai hoạnh tửu. Nhưng nhậu với gì ?

Đang lúc bán khoán, bỗng có tiếng kêu lục cục sau bếp, Huyền-Trân reo lên :

— Có gà ! Sao không đem giết !

Tôi lắc đầu :

— Gà chọi ! Gà Cóc-để đại vương, dai hơn thịt trâu, ăn sao được.

— Được !

— Được ! Cứ cắt tiết, nấu cháo. Còn hơn uống rượu không !

Bữa rượu thịt gà chọi ấy, đúng như câu thơ của thi sĩ Nguyễn Tố cháu của Tân-Đà tiên sinh :

Rồi có một chiều, ngọn gió thu

Thời đâu về mấy gã đầu bù.

Đảo cây rượu bỏ rồi sang sáng

Con cái ngậy người lẳng nhạc thơ.

Ba chàng, trời rét hừng lên, mà có nửa cây, sao đủ ! Rượu ít, nhưng tâm trạng kẻ « tại đào » mang mang muốn sự. Thằng trốn phòng nhì Pháp, thằng tránh hiến binh Nhật, thi nhau chửi đồng chán rồi, Trần-Huyền-Trân hồ « văn phòng tứ bảo ». Bút giấy đem lại, nhà thơ Huyền-Trân ngà ngà say đã thảo bài Độc hành ca, lời thơ khi thơ khác tất cả những vần điệu « thoán, nã, ti, ta, » từ trước tới nay :

## Độc hành ca

Đêm nay cùng đờ bụi giầy  
 Miệng cười há há, thơ mầy rượu tao,  
 Say đời uống lẫn chiêm bao,  
 Thơ ra miệng đại, sâu vào mắt diên.  
 Đầu bù khí núi đang lên,  
 Sá gì bóng tối đắp trên thân còm.  
 Gặp thời xô xát nước non,  
 Ta trôi, người chảy, lòng còn ngó theo.  
 Đưa nhau qua bữa cơm nghèo,  
 Đứa sầu gào rượu, đứa nheo mắt cười.  
 Thế rồi thí bỏ rũi may,  
 Đứa giam cũi bụi ; đứa đầy rừng sâu !  
 Vai cày chẳng quản làm trâu,  
 Dong xe chẳng quản tốc râu lấm bờm !  
 Nẻo về chật chội áo cơm,  
 Dặm đi chắc rụng từng cơn lá rừng.  
 Lòng ta không sống, không dừng,  
 Thơ vana lại vướng mấy từng cửa quan.

Bài Độc hành ca ấy đánh dấu một khúc ngoặt trên cuộc đời tâm tưởng của Trần-Huyền-Trần, người thơ của yêu đương và đau khổ.

Từ đây, con họa mi « xơ xác » trong túp lều không còn hát những khúc trữ tình nữa. Lời thơ của Huyền-Trần từ đây đượm màu sắt lửa, tóc tang của một tinh thần bừng sôi trước những va chạm lớn lao của lịch sử... »

Chúng tôi xin mượn đôi lời trên đề kết thúc về Trần-Huyền-Trần, con người thơ của thân phận bọt bèo, của những mảnh đời cơ cực đang chờ đợi một sự cải thiện của xã hội.



# Thi tuyên

## Tha hương

Lên đường từ buổi chôn làm ngựa,  
 Đời rữ bình yên, gửi thất thường,  
 Sớm đón nước sông chiều gạo chợ.  
 Giải lòng cho bụi gột mùi hương.  
 Từng nhăng mưa đời vắng vất đêm,  
 Sầu lên le lối nhánh hoa đèn,  
 Thân như sông nhỏ vào khơi rộng  
 Dâng hết tình theo bão sóng lên.  
 Hẹn mộng xanh ngời mái tóc xanh,  
 Cười theo chim há mỏ trên cành,  
 Chiều nay lòng chợt nhìn sum họp,  
 Chạnh thấy mênh mang vẫn một mình.  
 Kính thành riu rít nở nghìn xuân.  
 Nghìn cánh sông vân mộng dò dẫn,  
 Trong bụi nghìn màu theo gió loạn,  
 Chân mình vẫn lạc dấu nghìn chân.  
 Đứng lặng trông vời xứ nhớ thương  
 Nghe mây vờ vờ rõ thành sương,  
 Chao ôi ! Hồn nặng sầu trong xác  
 Sầu đời cô đơn bóng xuống đường.  
 Ôi xót nhện gầy phong cánh song  
 Đời phen đông bão rách tơ lòng,  
 Có còn nhớ chủ trong lều cũ  
 Hay gió đầy ra mấy khúc sông !  
 Ôi xót chim già nấu mái tre,  
 Suốt thời đông ắp lạnh mong hè,  
 Với dăm xóm kiến nường khe cửa,  
 Mấy độ mưa rào có đuổi đi ?  
 Gió nhớ rưng rưng thẩn xuống lòng  
 Lệ người đầu bạc lúc sầu đông,  
 Đêm nay thao thức ngoài thiên hạ,  
 Nào biết cùng ai lắng giọt đông !



### Khúc hát tương tư

Em ôi ! Đã có đêm nào  
 Bóng con chim mộng bay vào màn em.  
 Mở hiên thỏ thẻ ưa duyên :  
 Sao hoa dạ hợp từng đêm ngậm sầu ?  
 Phải đây mùa nhớ thương nhau  
 Chim ngoài ngọn gió, hoa đầu cành mưa,  
 Biết yêu thì khổ có thừa  
 Hình dung cho lắm, tương tư lại nhiều !  
 Xa em, gió thoảng lạnh vèo  
 Lửa khuya tàn chậm, mưa chiều đỏ nhanh.  
 Bóng đơn đi giữa kinh thành  
 Nhìn duyên thiên hạ, nghe tình người ta.  
 Đêm dài, chợp cánh thiên nga  
 Vo chấn mấy bận vẫn là chiêm bao !



### Có dăm cánh lá

Nơi tôi vườn nhỏ cây nghèo  
 Có dăm cánh lá đã theo tay người  
 Người là du khách qua thôi  
 Áo đi, rũ lại bụi đời lên cây.  
 Nắng đem mưa, tối đem ngày  
 Lá đi dề vốc cây gầy nhớ thương  
 Lá ơi từ độ lên đường  
 Áo xanh đã mấy mùa sương bạc rồi !  
 — Có ai thấy lá vườn tôi  
 Đốt giùm cho khói lên trời tôi trông.



### Em là...

Em là tiên nữ trên ngàn,  
 Vui chân đi rắc hoa vàng cho Xuân.  
 Anh là du khách dưới trần,  
 Lần xem hoa nở là lần tương tư.



## Những cánh thơ vàng

Đời tôi — Em hỏi làm chi ?  
 Đời tôi là chuyến tàu đi không người.  
 Sông tràn bao ngã ngược xuôi,  
 Đã vắng cái bến lại dài con sông.  
 Tình tôi — Em hỏi làm chi ?  
 Tình muôn ngàn lối, tôi đi một mình,  
 Một mình dốc chén ly sinh,  
 Men day dứt mãi, lòng mênh mông buồn.  
 Duyên tôi — Em hỏi làm chi ?  
 Mây năm trái hướng, gió đi sai chiều,  
 Nước bèo nào được bao nhiêu  
 Tuy giàu gặp gỡ, nhưng, nghèo yêu thương.  
 Lòng tôi — Em hỏi làm chi ?  
 Lòng rờ dại ấy còn gì nữa đâu !  
 Hình như nó chết từ lâu,  
 Bời thương, bời nhớ, bời sâu, bời vui.  
 Thơ tôi — Em hỏi làm chi ?  
 Một nguồn hương dại đi về ngàn ngõ.  
 Thơ người là trái chín vừa  
 Thơ tôi là trái không mùa không tên.  
 Kìa em ! Đừng hỏi nữa em,  
 Chim lồng đã vụt, theo lên gió ngàn  
 Kung lòng : lá động, chiều tan  
 Nhặt đi, Em, « cánh thơ vàng » đang rơi ! !



## Đàn tôi

Đàn tôi mười sáu dây đồng,  
 Có nàng Tô ở trong lòng tiếng tơ  
 Đàn mang tang tóc từ xưa  
 Chợp xuân nửa giấc, sầu thu nửa vời  
 Lòng đau khôn nói nên lời  
 Dành gieo tâm sự trên mười ngón tay.



## Hết cố nhân

Lên thang nghe gió nhũ mưa thăm,  
Gác trọ không đèn hết cố nhân !

Ta trở về đây không gởi chẵn  
Một mình ly rượu rét cầm cầm,  
Không là lính thú sầu biên ải  
Cũng thấy lòng chia dưới cát lăm !  
Nhớ lại mùa mưa những thuở nào,  
Rượu rồi nâng cổ áo lên cao.  
Đăm ba mỗi thuốc đi chung bóng,  
Lòng chếp cho lòng bao chiêm bao !  
Đây mấy vai kề bên giáng tiên,  
Say còn ngựa cõ rút men duyên.  
Kia đăm còn tóc mây thu đậu  
Khớ thuốc đưa lời như lữ diên  
Gió bụi không nương lại chiếu hồng,  
Nhà như cõ mộ một thây lòng.  
Gia đình đắp đời người thiên hạ  
Cho hết không còn nước mắt trong !  
Lên thang nghe gió nhũ mưa thăm ?  
Gác trọ không đèn, hết cố nhân !  
Nhắc chén nghĩ khinh người chiến quốc,  
Phù hoa thường đời mất tri âm !  
Giới mãi đêm dài lên bút giấy,  
Dong đèn cho cạn giọt tâm tư.  
Đời như quán rượu khi tàn khách  
Rối khắp tường vơi bóng tóc bù !  
Nào biết mộng người đi những đâu  
Chả buồn qua lại cánh song nhau !  
Một, hai, ba, bốn ngày nay nữa  
Cây cỏ lòng hoang đến bạc đầu.



### Từ biệt Lê văn Trương

Thôi thế anh về yên xóm cỏ,  
 Xứ nghèo đã cõi gốc yêu dương.  
 Nhớ nhau vấy bút làm mưa gió.  
 Cho đống xương đời được nở hương.  
 Thôi thế anh về yên xóm cỏ,  
 Có buồn khêu lại ngọn tàn đăng.  
 Chứ tôi bệnh trẻ khôn than thở,  
 Với chiếc đầu lâu không nói năng.  
 Thôi anh về đi, tôi đi đây  
 Chim nào có cánh không thềm bay ?  
 Cây nào có gió không buồn lay ?  
 Lòng nào có máu không thềm say ?  
 Tôi đi gậy thánh đón tay tôi.  
 Quỷ cũng ôm chân rú lấy cưỡi  
 Tôi sẽ giảm lên nguồn huyết mạch,  
 Mà lau nguồn lệ chúng sinh rơi.  
 Tôi đi, thực đấy, dù gian khổ,  
 Đời có như người tướng bị thương  
 Một tối rùng mình lau máu mũi  
 Cũng không khép mắt đóng sa trường.  
 Thôi đợi mùa kia trái chín lành,  
 Tóc này về rúc với râu anh,  
 Bấy giờ hắt toẹt ba chung rượu,  
 Mà kê tâm tình thưở tóc xanh.

### Lòng chiến sĩ

Kính tặng hương hồn Phạm Ngũ Lão

Bao lâu xông xáo rừng hình lửa,  
 Vó ngựa đêm nay cuốn bụi về,  
 Trong gió thanh bình lòng điệu nhạc  
 Rung lòng tráng-sĩ động hồn quê.  
 Thưở ấy ra quân lớp lớp dài  
 Mẹ già dứt áo hẹn tương lai...  
 Lòng con nặng giục mầm hoa nở  
 Gió bốn phương về lộng chí trai.

Đốc gươm, cương ngựa gọn trong tay  
 Từ đây, đưa đông bão tháng ngày  
 Từ đây, cầm hờn say mắt tía  
 Khoa đao, máu giặc đỏ râu mày.

Nhưng khi đèn đắp cõi lòng son  
 Đắp nước non — thì một nước non  
 Lòng ngóng tay già đan rỏ ấy  
 Lòng già liú ríu mãi tình con.

Bữa chẳng no lòng, giấc chẳng yên,  
 Một mình lằm cằm ngó trong đêm,  
 Đêm nào, đêm nào, đêm nao nữa  
 Bóng mặt trời đâu chẳng thấy lên !  
 Đè đến đêm qua trời nổi gió;  
 Lá vàng khôn níu lấy cành xanh,  
 Người đàn bà ấy, trong mong nhớ  
 Bước vội qua đời một bước nhanh.



Mặt trận đêm nay mừng đắc thắng  
 Rượu nồng say máu đỏ — Ó hay !  
 Men buồn nhẹ bốc trong lòng vắng  
 Thoáng bóng ai trong cốc rượu đầy.  
 Trong trướng bắn khoắn cũng có lần  
 Thở dài bên giấc ngủ ba quân,  
 Binh thư ngừng giở, bào quên cõi  
 Đền nhớ mong ai bắc lỵ dẫn !  
 Đâu đây cây cỏ chuyện lao xao  
 Chim rúc ru con tận xóm nẻo.  
 Bình tĩnh cả trong lòng chiến mã  
 Đuôi mừng phui sạch bụi binh đao.  
 Buồn bực nâng râu đứng ngóng trời  
 Ngây nhìn thoi thóp vệt sao rơi,  
 Chạnh lòng tráng sĩ vùng lên ngựa  
 Trong gió rên dài : Hỡi mẹ ơi !



Áo bào quạt ngựa bay phân phất  
 Lối cũ băng qua rạt lúa đồng.  
 Má ướt sương đêm hay nước mắt ?  
 Mà lòng sao cuộn tựa lòng sông !  
 Kia bóng cau già, đứng xác xơ ;  
 — Ờ, đây dấu vết của thời xưa :  
 Năm ôm gốc gạo lều dăm mái  
 Cánh liếp che sương hé đợi chờ...  
 Lòng sầu tráng sĩ tối như mây  
 Vội vội gò cương, đờ bóng gầy  
 Vội vội xô phen, kêu vội vội :  
 — Mẹ ơi ! Con đã trở về đây !  
 Nhưng lời kêu gọi đờ ai nghe  
 Mây xé, trời chệnh, gió nặng nề.  
 Trăng lạnh dòm song, màn rủ lạnh  
 Nhà hoang thoi chằng đắp ai về.  
 Người mẹ già kia cũng thể thoi !  
 Lời mong nhớ lắm đã câm lời.  
 Lòng mong nhớ lắm cho lòng chết  
 Mắt lóa chờ con khép chặt rồi !  
 Này khô, này giáp, này đao mã  
 Này hốt, đai, hia, mảnh ấn hầu.  
 Tất cả mẹ ơi ! Đây tất cả  
 Làm sao đòi được tấm tình sâu ?  
 Làm sao đòi được một lần thoi  
 Mạnh áo ngàn xưa ủ chút hơi,  
 Khi uống say trong bầu vú mẹ  
 Cận nguồn sống ấy — mẹ hiền ơi !

\*

Chao ôi binh lửa ! Ôi binh lửa  
 — Ai dẹp lòng ta trận giặc này ?  
 Chao ôi binh lửa ! Ôi binh lửa  
 Đây một hồn thiêng chết nửa đây !

Tiền thuyết thứ bảy số 325, ngày 7-9-1940



### Giao thừa

Gió ngọt khua lau dưới gậm cầu,  
 Người về xóm lạnh bước thối mau.  
 Ngỡ hoang đã nở dăm màu bướm  
 Đây lúc đôi mùa đưa tiễn nhau.  
 Ấy lúc hồn hoa trở gót về,  
 Thả đàn chim mộng xuống đêm khuya.  
 Tôi nghe xa lắm làn mây bạc,  
 Rồi bóng kinh thành lờng thừng đi.



### Ngõ trúc

Mưa bay trắng lá rau tần,  
 Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa.  
 Có người về khép song thưa,  
 Đề rêu ngõ trúc tương tư lá vàng.



### Hải-phòng 19-11-1946

Nở súng rồi !  
 Nở súng rồi  
 Hải-phòng ộc máu phun ra bề  
 Nước mặn đồng chua thêm máu người  
 Còi ga rên rỉ  
 Xe Liên kiếm hết hơi  
 Miệng Lamy ngọt bên tiếng súng  
 Bao nhiêu bơ sữa reo cười  
 Gió thu lồng lộng  
 Ngó hút mù khơi  
 Ngoài kia,  
 Dòng Thái-bình ngoi tim bề rộng  
 Dòng Thái-bình vọt sóng  
 Đang tung lưới nhà Chài  
 Đang vác bàn tay lưu động  
 Vết phù sa cày luống ngô khoai  
 Dòng Thái-bình gieo lên sức sống  
 Tiếng ngàn xưa phi ngựa thúc voi

Dòng Thái-bình đánh nhau với người  
 Này đây máu vữa, thịt vôi  
 Sáu Kho lên xương cốt  
 Đống kê xây đập  
 Chặt vật ngày đêm một giống nòi  
 Này đây xóm Lạc-viên làm lợi  
 Ngủ với chuột, ăn với ruồi  
 Cha gục xuống rồi; con bước nổi  
 Áo hở da, cơm tưới mồ hôi  
 Cánh tay lao động rên đêm tối  
 Đều đúc hôm sau đỏ mặt trời  
 Này đây Chợ Con Chợ Sắt  
 Những nguồn lực mới nuôi đời  
 Những nguồn lực mạnh chồi lên đất  
 Giữa mùa thu mạnh máu hồng tươi  
 Nhớ lại gót giày dinh Pháp Nhật  
 Tranh nhau xé xác nô cưỡi  
 Lửa sống từng ngày leo lét  
 Mẹ gánh con đem bỏ chợ đời  
 Chồng giết vợ giành hơi cháo loãng  
 Đời vút nhau không có gì nuôi  
 Địa ngục gông cùm thể thảm ấy  
 Thực dân sắp mở cửa ngày mai  
 Ngày mai  
 Khoanh tay mai lại sống đời tối đen  
 Mắt ngược lên  
 Hải-phòng ghê gớm !  
 Hải-phòng xưa Pháp treo cờ trắng  
 . . . . .  
 Hải-phòng chẳng bố tay đau đớn  
 Hải-phòng tràn cõi bề Đông  
 Hải-phòng !  
 Này lửa trong lòng Nhà Hát lớn  
 13 quyết tử cưỡi hơn hớn  
 Còn viên đạn cuối cùng

Nhà hát rung  
 Cong veo cầu Ca-Rông  
 Ga An-dương bẹp dí  
 Máy rú găm không khí  
 Bom rơi đây đồng  
 Dem về vườn trống nhà không  
 Gây đồ hiện lên chiến sĩ  
 Cạch vụn hiện lên anh hùng  
 Cả quán Bà Mâu, cả Cảnh Gà, cả Hạ Lý  
 Cả những gái, Pháp kêu « đồ đi »  
 Cả những trai, Nhật gọi « lưu manh »  
 Cả những anh « bấu xấu » voi xanh  
 Nửa đêm nay dao bầu gậy bẫy  
 Đi bắm nát thời nô lệ ấy  
 Minh băng lên đại lộ .....  
 Ôi những người chiến sĩ vô danh  
 Nò súng rồi !  
 Nò súng rồi !  
 Máu đã sôi lên chữ hòa bình  
 Tin ước bay vèo ngọn lửa  
 Lửa ! Lửa !  
 Lửa nghi ngút từ lòng tham vô độ  
 Từ Tây Âu, chủ băng, chủ mỏ  
 Đốt qua lòng đại bác liên thanh  
 Lửa nghi ngút từ tiệc hoa nháy múa  
 Từ cặp môi, từ cặp vú  
 Đốt qua lòng mê muội lính cuồng chinh  
 Lửa ! Lửa !  
 Lửa reo, lửa thét !  
 Lửa Việt-nam cả dân tộc bất bình  
 Lửa xuống cửa ga, xe tăng giấy chết  
 Lửa vào Cát-bi máy bay tan tành.  
 Hải-phòng khu bẫy ôm tay lửa  
 Mỗi mái nhà thiếu một đại binh  
 Suốt ngày. Từng loạt liên thanh

Máy bay đuổi quét gia đình tân cư  
 Nâng cao vòm trán thủ đô  
 .....thăm mặt tâm tư sáng ngời  
 Hải-phòng ộc máu phun ra bề  
 Nước mặn từ nay thêm máu người  
 Hải-phòng ộc máu phun ra bề  
 Giặc Pháp mang thêm tội giết người.

Hải-phòng 12-46



### Một chiều mưa

Gửi Việt-Châu

Chiều loạn mây rời, gió vút lên  
 Một sông đôi bến dờ con thuyền  
 Mặc đời pha bụi, vàng pha cát  
 Lá trúc thôi ngâm sách thánh hiền  
 Ta đây kẻ sĩ nằm trong đao  
 Tình bạn kẻ đầu nghe gió mưa  
 Xót cội đời ghêo hương chẳng đậu  
 Trong rừng chính khí để giao thơ  
 Nghĩa lớn như sung « rụng xuống chiều  
 Lạc loài hoa lá biết bao nhiêu »  
 Song ngoài có lạnh không muôn dậm  
 Mưa có hay tình nước mắt theo.



### Khóc Tản-Đà

Đêm kia sao rụng trên trời  
 Cõi trần lạnh lẽo mắt người bạn thơ.  
 Nước non này mảnh dư đồ  
 Mà hồn non nước bây giờ tìm đâu ?  
 Lấy gì, trời đòi cho nhau  
 Người sương gió nhuộm mái đầu bấy nay ?



Bao lâu tình tình say say  
 Say say tình tình lẫn này mà thôi !  
 Chiều nay tám chín phương trời  
 Muôn ngàn người có một người đi qua.  
 Dở dang này những ngày xưa :  
 « Người non nước hẹn thế cờ nước non.  
 Khởi tình lớn, khởi tình con,  
 « Khởi tình bốp bẹp vo tròn lại nguyên. »  
 Lòng thơ lấy rượu làm duyên  
 Hồn thơ xuôi ngược con thuyền « An-nam ».

Nào nùng chớp bề mưa ngàn  
 Thuyền nan hồn sóng thuyền nan trở về.  
 Mai mai, một một, kia kia,  
 Cảnh rầu rĩ cảnh, lòng tê tái lòng !  
 Hôm nao vút cánh chim hồng  
 Mình không then bóng, bóng không then mình.  
 Giờ sao thui thui gia đình  
 Rượu cay càng gởi bất bình càng cay.  
 Mịt mù Nam, Bắc, Đông, Tây  
 Đã đầy mộng lớn, đã đầy mộng con !  
 Còn gì là tấm lòng son !  
 Thân tàn một kiếp, chí mòn bốn phương. »  
 Rồi... gió sương trả gió sương  
 Nét thơ xóa « sò đoạn trường » ra đi !



Giờ đây, kẻ ở người về  
 Thương nhau tôi biết lấy gì khóc nhau.  
 Lệ lòng tôi hết từ lâu  
 Gạn lòng gọi có mười câu chân tình.

Trần-Huyền-Trần  
 (9-6.39)

(Tao đàn, số 6-10, 16-7-1939)

✻

### Khi đã về chiều

(Sau lần vào thăm Tân-Đà)

Mờ mờ mưa tưới vườn dưa,  
 Mưa thưa trong nắng mờ mờ, chiều nay,  
 Lòng say rớt nốt chén say,  
 Bỗng dung tôi nhớ một ngày cùng ai...  
 Một ngày lòng ấy, lòng tôi  
 Bên sông chia sẻ những lời tri âm.  
 Người là một kiếp thi nhân  
 Tóc tơ nhuộm đã mấy lần biên dâu.  
 Nhà người tôi nhớ như đầu  
 Lạnh lùng bên mấy hàng cau lạnh lùng.  
 Hồn thơ về ăn bụi hồng  
 Quyên vàng, tóc bạc năm chung một lều  
 Có đàn con trẻ nheo nheo,  
 Có dăm món nợ eo sèo bên tai.  
 Chừng lâu rượu chẳng về chai  
 Nhện giăng giá bút một vài đường tơ.  
 Nghiên sơn lớp lớp bụi mờ  
 Một ôn từ lại từng từ cở thi,  
 Chạnh lòng, tôi nghĩ mai kia,  
 Chim ham sương gió quên khi chim già.  
 Nhìn tôi, người bỗng cười khà :  
 Đời là thế ấy — Ta là thế thôi ! >  
 Tôi giờ ngược ngược xuôi xuôi,  
 Rót vào lòng khắp tình người thế gian.  
 Chiều nay, chiều dẹt mưa vàng  
 Tôi buồn trông bóng nắng tàn trong mưa...

(Tao đàn tạp chí, số 8, ngày 16-6-1939)

✻

### Thơ của Em

*Có những tình thơ tha thiết lắm  
Không kêu ra tiếng, viết ra câu  
Tháng ngày nung nấu trong lòng vắng  
— Có phải tình thơ đề tặng nhau ?*

*Có những lời thơ không có tên  
Làm luôn thồn thức một bên tim  
Buồn trong ánh mắt, cười trên miệng  
— Có phải lời thơ đề tặng em ?*

*Có những mùa thơ lạnh rất nhiều  
Nhưng mùa thơ giục bao em bé  
Rộn ràng đang vội tắm tình yêu.*

*Có những mùa thơ lạnh rất nhiều  
Nhưng mùa thơ động lòng thi sĩ  
Từng giọt tâm tình đợi nắng gieo.*

*(Tiểu thuyết thứ bảy, số 232,  
ngày 5-11-1938)*





## Nhớ mùa đông ấy

Ta nhớ một mùa đông giá trước  
 Đọc đường ngủ đờ quán hàng cơm  
 Nửa đêm mưa dột lòng ta ướt  
 Em trải giùm ta chiếc đờ rơm

Rồi lúc gió hờn lau bãi sậy  
 Đưa thuyền ngư phủ giặt về đông  
 Giặt mình người khách chinh phu dậy  
 Soi được nhìn ra mặt nước sông.

Thấy vút trời sương nổi bóng sào  
 Sông vừa thức giấc, sóng lao xao  
 Chinh phu chống gối cưỡi trên chõng  
 Thời lửa say sưa khốc thuốc lao

Đêm ấy bây giờ xa lắm lắm  
 Lăn về ta lại ghé lên sông  
 Nhưng lều lau vắng, hơi may vắng  
 Rụng nốt lòng ta lá cuối cùng.

Em ơi ! Người khách chinh phu ấy  
 Ngồi sưởi chiều nay dưới nắng tà  
 Nắng lạnh làm sao buồn dậy dậy  
 Sao mùa đông động mãi lòng ta

(Bụi gió Hà-nội)

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 238,  
 ngày 17-12-1938)



### Giao mùa

Gió ngọt khua lau dưới gằm cầu  
 Người về xóm lạnh bước thôi mau  
 Ngõ hoang đã nở dăm màu bướm  
 Đây lúc đôi mùa đưa tiễn nhau

Ấy lúc hồn hoa trở gót về  
 Thả đàn chim mộng xuống sương khuya  
 Tôi nghe xa lắm làn mây trắng  
 Rồi bóng kinh thành lững thững đi

Tôi nhớ làm sao mấy bữa này  
 Khi mùa sum họp vang đâu đây  
 Dăm chàng nghệ sĩ như mây ấy  
 Lòng ghé phượng nào, rợp có say

Tôi biết trong sương có những người  
 Từng quên mùa rét hẹn hoa mai  
 Thả lòng lạc mãi trời tư tưởng  
 Chợt tỉnh mơ vàng, tóc đã phai.

(Tiền thuyết thứ bảy)



### Mộng uống rượu với Tàn-Đà

Cụ hâm rượu nữa đi thôi,  
 Be này — đã cạn hết rồi còn đâu !  
 Rồi lên ta uống với nhau,  
 Rót đau lòng ấy vào đau lòng này —

— Say đâu ? Lòng chưa được đầy  
 Cái đau nhân thế thì say nỗi gì ?  
 Đường xa ư cụ ? quản chi ;  
 Đi gần hạnh phúc là đi xa đường.

— Tôi là nắng — Cụ là sương  
 Tôi bừng dậy sáng, cụ nương bóng chiều.  
 Gió sương tóc cụ đã nhiều  
 Lòng sao nặng mãi bao nhiêu khối tình ?

— Mất trông, môi thắm, đầu xanh,  
 Đời tôi trăm thác nghìn ghềnh còn đi...  
 Có gì thắm thía say mê,  
 Lòng chưa tê tái chưa tê tái đời.

— Rót đi, rót... rót đi thôi,  
 Rót cho tôi cả năm mươi tuổi đầu,  
 Nguồn đau cứ rót cho nhau,  
 Lời say sưa mới là câu chân tình.

(Viết trong một lúc say)  
 (Tiểu thuyết thứ bảy, số 258)



~~~~~  
**YẾN - LAN**  
~~~~~

**Y**ẾN - LAN, còn bút hiệu nữa Xuân Khai, tên thật là Lâm Thanh Lang ; sinh năm 1918 tại làng An-ngãi, phủ An-nhon, tỉnh Bình-định.

Ông đã đăng thơ trên các tạp chí :

- Phụ nữ
- Nghệ thuật
- Tiểu thuyết thứ năm

Là một nhà thơ đồng thời với Thế-Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân-Diệu, Huy-Cận v. v..., nhưng ông không hoạt động mạnh về thi ca ; ông tỏ ra là một nhà thơ tài tử hơn nhà nghề.

Thi phẩm của Yến-Lan chưa xuất bản : Bến My-lăng.



**T**I Ế NG thơ Yên-Lan mang một nỗi niềm xa vắng ; tơ lòng mà thi sĩ họ Lâm ký thác là một thứ chất liệu mơ hồ, mung lung ; hồn thơ có vẻ huyền ảo xa vời. Đọc Yên-Lan, giới yêu thơ bị lôi cuốn vào thế giới suy tư, một cõi im lặng, một sự trầm mặc nhẹ nhàng, nhưng bao hàm ý nghĩa của sự sống, của cuộc đời.

Hình ảnh ông lão trên bến My-lăng không phải là một lão điếu ngư sống nhờ bọt nước, cũng không phải là ông già chèo đò tầm thường chú trọng vào sinh hoạt áo cơm.

Đêm trăng hôm nay đã khiến lão mơ màng về đêm trăng ở dĩ vãng, làm cho lão nhớ lại chiều nào trên con đường ở ven rừng, bao chiếc lá rơi trong mùa thu vàng rụng, chim hít cô buông ra trong làn không khí rừng êm những tiếng kêu luyến tiếc, náo nùng. Ông hoài tưởng, cũng một đêm trăng muôn thuở của đất trời, nhưng ngày tháng thì phôi pha lắm rồi ; lão đã trò chuyện tương đắc với một chàng trai trẻ.

Một người nối nghiệp hào hùng ?

Một thế hệ kế tiếp một thế hệ bất khuất ?

Một Kinh-Kha kiên cường của Thái-tử Yên-Đan, vượt bờ Dịch-thủy với sứ mạng tiêu diệt Tần-vương sớm chấm dứt cuồng vọng thôn tính chư hầu ?

— Mọi hình sắc dũng khí đều có thể tắt cả. Nói chung, chàng trai ấy là nguồn sống tiềm ẩn bất diệt của lòng lão ; cho nên đêm trăng hôm nay lão làm bài tựa hỏi :

*Ừ sao không nhớ người trai trẻ,  
Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng.*

Họ, một già một trẻ, đã nói những gì ? — Nào biết ! Ta chỉ biết rằng sau khi tan hội, họ đi nhau đến cuối làng, thì thăm, khuyên nhủ, đề rồi sau đó chàng trai trẻ như lãnh hội, liền đứng lên trên cầu « buộc lại dải khăn » ra đi :

*Đêm qua tan hội trong làng cuối,  
Khi đứng bên cầu buộc dải khăn.*

Đến đêm trăng này, lão buồn, neo chiếc thuyền không trên bến vắng, ngồi chờ đợi cố nhân. Bầu rượu đã vơi, ánh trăng vàng rơi rụng trên lá sách ; lão thần thờ thả hồn về giải trắng xưa, mặc cho làn gió tinh nghịch mơn man râu lão.

Cho mãi đêm kia, có chàng kỵ mã gọi trăng ruid ngựa đến bến My-lăng, rồi :

*Chàng gọi dò, gọi dò như hỏi hỏi  
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.*

nhưng :

*Ông lão vẫn say trăng, đầu gối sách,  
Đề thuyền hồn bơi khỏi bến My-lăng.*

Sự im lặng của lão càng làm cho chàng kỵ mã nôn nả :

*Tiếng gọi dò, gọi dò như oán trách,  
Gọi dò thôi run rẩy cả ngành trăng.*

Vắng lặng, tịch mịch ! Tiếng gọi vang động ánh trăng ngà, âm ba vượt khỏi vùng bến nước, chìm dần trong khoảng không vô tận của âm thanh, và ông lão vẫn :

*Bến My-lăng còn lạnh, bến My-lăng  
Ông lái buồn đợi khách suốt bao trăng.*

Thế thì ông lão chờ ai ? đợi ai ? Thật là ông già kỳ bí ! Ta cứ ngỡ sự xuất hiện của chàng kỵ mã sẽ đáp ứng được lòng mong đợi của lão. Nhưng không, lão vẫn buồn chờ người trai trẻ năm nào. Cũng phải. « Tiếng gọi dò » của chàng kỵ mã đã đánh giá ông lão ngang hàng như một người lái đò độ nhật tầm thường thì ông lão làm sao xem người kỵ mã là chàng trai lão mong đợi.

Hoài-Thanh nói : « Xem thơ Yến-Lan tôi mơ màng như đi trong mây mù. Khi đầu thì cũng hay hay, nhưng dần lâu cơ hồ ngọt thờ. »

Mấy vần thơ của Yến-Lan phong kín tâm tư, ý tứ như khóa chặt, điệu thơ chấp chòn mờ tỏ, lời thơ tựa hồ mâu thuẫn. Người đọc sẽ ngạc nhiên về sự xuất hiện của chàng kỵ mã, gọi dò « run rẩy cả ngành trăng », vậy mà ông lão

không họa tiếng. Thật là một ông già khó hiểu và khó tính !  
 Câu không ra câu. Đọc sách không ra đọc sách. Đưa đồ lại  
 không phải là nghề nghiệp. Lão chỉ chờ đợi một Người ;  
 người ấy, phải chăng như nhà hiền triết Hy-lạp xách đèn  
 đi giữa thành phố Athènes để tìm kiếm một Người ? (1)

(10-1903)




---

1) Khi viết xong phần khảo luận Yên-Lan, chúng tôi tìm được thêm ba thi  
 bản loại tình cảm (*Ngựa qua rừng chuyển, Đường xuân ngập gió, Nghe  
 con dăng chầy*), nhất là bài *Nghe con dăng chầy* lời thơ ngọt dịu, ý thơ  
 chơi vơi ; và bài *Một mối thất tình*, mang một sắc thái khác lạ của  
 Yên-Lan.

## Thi tuyên

### Bến My-lăng

Bến My-lăng nằm không, thuyền đợi khách,  
Rượu hết rồi, ông lái chằng buông câu.  
Trắng thì đầy rơi vàng trên mặt sách,  
Ông lái buồn đề gió lén mơn râu.

Ông không muốn run người ra tiếng địch,  
Chờ mãi hồn lên tấm bến trắng cao.  
Vì điều hiu, điều hiu, trời tĩnh mịch.  
Trời vỡ vàng, trời thiếu những vì sao.

Trôi quanh thuyền, những lá vàng quá lạnh,  
Tơ vương trời, nhưng chỉ giải trắng trắng.  
Chiều ngui ngút dài trôi về nẻo quanh,  
Đề đêm buồn vây phủ bến My-lăng.

Nhưng đêm kia có một chàng kỳ mã,  
Nhúng đầy trăng màu áo ngọc lưu ly.  
Chàng gọi đò, gọi đò như hơi hả,  
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.

Ông lão vẫn say trăng, đầu gối sách,  
Đề thuyền hồn bơi khỏi bến My-lăng.  
Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách,  
Gọi đò thôi run rẩy cả ngành trắng.

Bến My-lăng còn lạnh, bến My-lăng  
Ông lại buồn đợi khách đã bao trăng.

(Bến My-lăng)



## Nhớ

Một buổi trong rừng chim < hít cô >  
 Dịu dàng buông nhẹ xuống hư vô  
 Nhưng trăng ngọc tiếng lãng trong gió,  
 Theo những dòng mây chảy lộng lờ.

Tôi nhớ trên đường bao vẫy lá,  
 Mà thu vàng rụng giữa ngày khô !  
 Ừ sao không nhớ người trai trẻ,  
 Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng ?  
 (Đêm qua tan hội trong làng cưới,  
 Khi đứng bên cầu buộc dải khăn).  
 (Bến Mỹ-lãng)



## Ngựa qua rừng chuyển

Nàng từ tuổi sánh hoa  
 Không hay chông đá hỏi !  
 Chàng từng bữa đi qua,  
 Yêu mà không dám nói.  
 Trưa hào hoa mình lựa,  
 Thương trời ngựa ngằn xanh.  
 Buồn nghe qua chuyển ngựa  
 Trên giải làng quanh quanh.  
 Gặp thuở trời tháng bảy  
 Mưa ngâu dài trên sông !  
 Đường không xa gì mấy,  
 Lòng ơi, cách chằng cùng.  
 Thuyền từ xa bãi sậy,  
 Cỏ nghẹn sầu cổ nhân.  
 Ngỡ nàng mà quanh ấy,  
 Ngựa chàng đến mấy lần.

Ứ sao mà tương tư ?  
 Thương gì nơi vầng giếng ?  
 Nhớ nào ở hương thu ?  
 Ngựa chàng sang hằng chuyển.

Đàng vắng nao dòng cũ,  
 Ngựa vào bước chân xưa !  
 Áo chàng xanh lam lữ ,  
 Trời ơi, trời đừng mưa !

(Gió mùa, số 4, tuần lễ từ 3 đến 10-1-1912)



### Nghe con đàng chảy

Lòng hơi lòng nghe con đàng lặng chảy  
 Chiêm bao lên, trăng chặm xuống, buồn nhiều,  
 Chiều trong gió thổi qua đầu lau sậy,  
 Thiếp ra xe, chàng tiễn một lòng tiêu ?  
 Thiếp nhìn lại, chàng mơ bên cánh cửa,  
 Tóc thạch huyền và mặt ửng duyên trăng !  
 Đường riu riu chảy rồi, tay bở ngỡ,  
 Rung trên tiêu, trao kín những băng khuâng.  
 Đây là cả Ô-giang trong tỉnh mịch,  
 Hồn Ngu-Cơ than khóc ở ven lau.  
 Qua đầu ngực, thiếp nhìn non cô tịch,  
 Chảy theo đàng như một khối khô lâu  
 Xe lạnh lẽo — trơ vơ lòng viễn khách —  
 Trôi gập ghềnh trên dòng cát phiêu lưu.  
 Tay trên ngực, ở ngoài tay : trắng bạch,  
 Đây ngoài trắng suốt động dưới chân hươu.  
 Chàng đã khuất : bóng đen trên cửa sò,  
 Ánh đèn lu còn ửng ở sau đêm !  
 Sông vắng lặng, trăng không thuyền xuống bến,  
 Ghé trên lòng xanh thăm liễu bên cầu.  
 Xứ thương nhớ, nghìn đời e khó đến,  
 Trán thiếp buồn dề tóc kết sương thu.

*Đường ơi đường, trong cuộc trôi mãi mãi,  
 Có cùng chặng vớng theo bánh xe lăn.  
 Một ít nhớ của những người hồ hải,  
 Theo lá vàng rải xuống những băng khuâng.  
 Và cả những tiếc thương người ở lại,  
 Có cùng đường theo chảy nhớ lằng lằng.*

*. . . . .  
 Lời kỳ nữ trôi trên đàng thưng lững,  
 (Lòng hào hoa du khách lớt yêu đương).  
 Như những khúc tiêu buồn trôi ngập ngừng,  
 Không nơi về, tản mác khắp nghìn phương.*



### Đường xuân ngập gió

*Cây vươn cao lên, nắng tỏa gần,  
 Vàng bay vào lá ý băng khuâng  
 Chập chờn như lạt vào ân ái,  
 Mây lửng tìm mây cánh trắng ngần.  
 Đường trải lời thơ ngập bánh xe.  
 Người nghiêng nghiêng hứng gió qua khe  
 Tàn tàn pháo nổ trong xa vắng,  
 Giờ rớt xuân chang những gốc chè.  
 Đường chảy dài ra, ngựa cứ theo ;  
 Lòng yêu hơn giếng nước trong veo.  
 Người qua bến cát như qua lựu,  
 Chùng ngủ đêm nay giữa gió vèo !  
 Giữa cõi trời tươi như cõi mơ,  
 Người đi dày ải tuổi ngây thơ,  
 Biết rằng xa lắm, tình xa lắm,  
 Đã cách người trong vạn đợi chờ.  
 Tôi thấy người đi trong thảng giêng,  
 Vàng phai, phai ở cuộc tình duyên.  
 Giao thừa năm ấy hoa chờ ngõ,  
 Không nở tung ra những sắc hiền.*

Đêm nay cũng có tiếng xe đi,  
 Đường cũ cong cong ngỡ ý gì ?  
 Chỉ thấy bàn tay người khớp ngựa.  
 Dừng roi chậm xéo cánh hoa bay.

Và liễu bên đường sống phút mơ,  
 Xếp hàng nhau như vụn trang thơ  
 Đợi bàn tay lạ, bàn tay gió,  
 Lật giải tung ra tờ lại tờ...

Những kẻ ngồi xe như bánh xe  
 Vô tình rộn rã chẳng im nghe  
 Lờ chim trái lựu trong âm điệu,  
 Và kết vàng trên sóng « tốc thề ».

( Tiểu thuyết thứ năm, số 19,  
 Giao thừa, tháng hai 1939 )



### Một mối thất tình

Bề dày sóng và lòng ta đầy giận,  
 Đời dang xuân nhưng óc chẳng còn xuân,  
 Yêu một đêm mà ghét lại trăm tuần,  
 Ta hung dữ như những ngày nắng dậm.

Hồn chặt chội toàn bao lời ngăn cấm,  
 Biết làm sao thoát được ý thanh cao ?  
 Thờ mặt trời và lạy cả muôn sao,  
 Chờ ánh sáng trùng trùng tuôn thấu sợ.

Hoa có một mà vương bao nhiêu gió,  
 Bao nhiêu trắng và biết mấy muôn sương,  
 Như tình ta chỉ đến một nẻo đường,  
 Mà chờ đợi biết bao là sóng mắt !

Đường thẳng quá gió hằng bay phăng phắc,  
 Trời hằng sao và ánh sáng hằng tuôn.  
 Xuân hồn ta theo nhịp những điệu cuồng,  
 Xuân của óc, xuân của tim, của phổi.

*Ta hằng cười trước linh hồn hấp hối,  
Cười mênh mông không một phút ưu lo.  
« Cái ta » ta từ những thuở ban sơ,  
Một lần cảm đã một lần lo sợ.*

*Xuân-Khai (1)*

*(Tiểu thuyết thứ năm, số Giao-thừa, 1939)*



---

1) Một bút hiệu khác của Yên-Lan tiêu biểu một lối thơ khác.

## THÁI-CAN

**T**HÁI - CAN sinh ngày 22 tháng 10 năm 1910 tại Văn-lâm, phủ Đắc-thọ (Hà-tĩnh, Bắc-phần).

Thuở nhỏ ông học ở trường phủ, rồi trường Vinh, trường Bảo-hộ, trường Thuốc Hà-nội; tốt nghiệp y khoa bác sĩ năm 1940.

Khoảng 1941, ông ở nhà học chữ Hán và làm thơ chữ Hán; vì lẽ ấy, có nhiều người liệt Thái-Can vào phái thơ cổ. Trong câu chuyện với nhà văn Lê trảng Kiêu, Thái-Can nói: « Ấy là họ chưa hiểu chữ « mới » đó thôi! »

*Thơ Thái-Can phần nhiều đăng trên các báo :*

- Phong hóa
- Hà-nội báo
- Tiểu thuyết thứ bảy
- Văn học tạp chí 1945

*Những bài thơ đầu ký bút hiệu Th.C.*

Năm 1934, Thái-Can cho in tập thơ Những nét đan thanh, do Ngân sơn tùng thư Huế xuất bản.

Hiện nay (1968) ông là Bác-sĩ mở phòng mạch tại thị xã Đà-nẵng.

**C**ánh cửa mở rộng, mời khách vào, nhưng khách đứng tần ngần không cất bước. Đem một đóa hoa màu tươi sặc sỡ tặng khách thì khách lại nhìn xuống đất với vẻ u buồn. Vào một phòng trà, tiếng nhạc tưng bừng, khách bảo : « Ồ ! yên lặng quá đến khó chịu ! » Bình minh còn chói rực, khách đã vội bỏn chôn như kẻ lữ hành trước bóng hoàng hôn.

Chúng ta cho đó là hiện tượng quái lạ của con người, nếu không muốn nói là của kẻ mất trí. Nhưng thực ra chúng ta chưa hiểu họ. Càng khó hiểu hơn khi người khách ấy lại là một thi sĩ khác thường như Thái-Can.

Tại sao khác thường ? Bởi vì trước mắt thi nhân vạn vật đều tương phản. Khi nhìn những đụn mây đang xây thành trên nền trời, thi nhân tiên cảm đến sự tan rã ngay trong chốc lát. Trông thấy đóa hoa hàm tiếu, thi nhân bất gặp trước mắt bỗng hiện lên một tàn tạ, thê lương.

Cảm giác như vậy, hẳn thi nhân không còn thấy trong đời có gì đẹp chẳng ?

Không, chúng ta không thê nghĩ như thế ! Thi sĩ là người rất chuộng cái đẹp, và chính vì tâm hồn thâm mỹ ấy nên người thơ của chúng ta đã đau buồn, thất vọng, bi quan.

Đối với thi nhân, mọi vật trong đời đều tiến dần đến chỗ bi đát, thì cái đẹp là gì nếu không bảo là tiền thân của cái xấu. Thi nhân không nhìn mọi vật bằng hiện tại mà bằng tương lai, bằng thực trạng diễn biến của nó.

Trong lúc người ta say sưa ngắm đóa hoa chớm nở trên cành, thì thi nhân lại buồn nghĩ đến hoa kia sẽ tàn tạ rơi xuống đất, để lại trên cành một khoảng trống không

Vậy, tất cả đều là mộng ảo ! Và đời người cũng chỉ là một giấc mộng mà thôi !

Quan niệm đời là mộng gắn với thi sĩ Lý Bạch, Thái-Can đã có lần lên tiếng khen họ Lý là nhà thơ « mộng » và người đời thích Lý cũng chỉ vì cái « mộng » ấy.

Đây, chúng ta hãy nghe mấy vần thơ ngông của Lý Bạch được Thái-Can tán thưởng :

*Xử thế nhược đại mộng  
 Hồ vi lao kỳ sinh ?  
 Sở dĩ chung nhật túy  
 Đồi nhiên ngoa tiền doanh,  
 Giác lai miện đình tiền,  
 Nhất điều hoa gian minh.  
 Tá vấn thủ hà nhật ?  
 Xuân phong ngữ lưu oanh.  
 Cảm chi dực thán tức,  
 Đối chi hoàn tự khuynh.  
 Hạo ca đái minh nguyệt,  
 Khúc tận dĩ vong tình.*

(Xuân nhật túy khởi ngôn chí)



*Nghĩa là : Ở đời như giấc mộng lớn, thì làm chi lao tâm lao lực vì sự sinh nhai ! Cho nên suốt ngày ta cứ say li bì, rồi ngã lăn ra nằm trước cột, tỉnh dậy bỗng thấy mình nằm trước nhà ; lắng tai nghe chim hót trong hoa. Thủ hỏi rằng : « Ngày này là ngày nào m.. chim oanh đã hót lín lo ? » Ta cảm xúc mà than thở, rồi lại gục xuống. Rồi cứ hát ngao mãi tới trắng sáng, hát xong mà chẳng biết mình đã hát những gì...*

(Trích trong bài *Thân oan* cho Lý Bạch và *Khuất Nguyên* của Thái-Can, *Tri tân* 7-9-1949)



Mặc dù thích Lý Bạch nhưng Thái-Can không đến nỗi ngông như họ Lý suốt đời say sưa đề rồi cuối cùng vợ tay ôm lấy bóng trắng dưới dòng sông Thái-thạch mà chết. Thái-Can chỉ mới là kẻ khác thường thôi — cái khác thường như chúng tôi đã nói ở trên.

Với thi nhân, xuân đã dành, mà mùa thu cũng là mùa đẹp, là thơ mộng, là nguồn giao duyên của những Nàng Thơ, nhưng Thái-Can nhìn mùa xuân cũng như mùa thu, đều chất chứa những gì tan tác :



*Một ngày là một đóa hoa tươi,  
Sớm với bình minh mỉm miệng cười.  
Theo bóng tà dương chiều đã tạ,  
Trong thời gian mãi lừng lơ trôi.*

Thời gian như một dòng nước chảy xuôi, vạn hữu chỉ là những chiếc lá khô rơi trên mặt sóng, lơ nhô rồi bị cuốn trôi đi về nơi tuyết cùng nào đó, hay tan biến trong hư không. Loài người đau thương yêu, luyện tiếc cũng không thể biến đổi thực tại, bắt dòng nước chảy ngược về nguồn. Vậy tại sao phải khóc, phải than, phải băng khuâng trước thân phận bi đát của vạn hữu? À ! thì ra loài người là sinh vật yếu hèn, đa sầu đa cảm. Họ khóc than để chứng tỏ cái bất lực của họ. Nếu họ có liều lĩnh, rún rầy, tỏ những cảm nghĩ phi thường cũng chỉ để phản đối những trái ngang trong đời sống của họ.

Xin đừng ai bắt thi nhân phải làm theo ý muốn của mình. Đừng bắt họ phải gằn gủi với nét huy hoàng giả tạo trước mắt.

Khi Thái-Can đứng trước một chiều thu :

*Hoa hồng rũ cánh rơi đầy đất,  
Trôi nặng sương thu mấy khóm lan.  
Mỹ nhân lững thững xem hoa rụng,  
Ta ngỡ Hằng-nga nấu Quảng-hàn.*

Một mỹ nhân đứng trước vũ trụ mùa thu, phong quang ấy còn gì rực rỡ hơn. Với khoẻ mắt long lanh, với rèm mi nhấp nháy, với dáng điệu uyển chuyển, thướt tha, với thân hình như gợi nguồn tình ái...., ngần ấy sinh lực không đủ tỏ điếm cho sắc thu huy hoàng, lộng lẫy ư ? Thế mà Thái-Can chỉ thấy những cánh hoa hồng rơi là tả, những giọt sương thu đè nặng trên khóm lan. Và, lạ lùng hơn nữa, mỹ nhân không vui với hoa nở, lại đi tìm thăm hoa rụng :

*Mỹ nhân lững thững thăm hoa rụng  
Trâm ngọc không cài, tóc bỏ rơi.  
Sương tỏa bên mình như khói nhẹ  
Xiêm y tha thướt mái hiên ngoài.*

Hỡi Mỹ-nhân ! Xin người đẹp đừng bày trò trêu như thế. Hãy sửa lại dung quang, cài lại mái tóc. Vạn vật đang có mầm u tối, nàng đừng đồng lõa với vạn vật mà làm thêm trầm trệ. Hãy góp vào trời thu những mầm sống miên man. Nàng là tượng trưng cho cái đẹp, cho sức sống, cho yêu đời, cho nhân thế... tại sao lại đi tìm thú tiêu khiển trong tàn tạ, thê lương ? Hay là Nàng muốn trêu nhà thơ của chúng tôi.

Phải ! Chính vì cử chỉ ngộ nghĩnh của Nàng đã khiến nhà thơ Thái-Can, con người khinh đời ngạo vật kia đã phải một lần đề con tim rung lên với nhịp sống thường tình của nhân thế.

Một bóng sắc đi qua ! Những tưởng người thơ đã định lòng gác bỏ sự đời, thì bỗng nhiên tâm hồn liền quyến theo chân ngọc của mỹ nhân lạ lùng ấy :

*Ta đứng bên hiên kiểm ý thơ ;  
Mỹ nhân vô ý bước đi qua,  
Cánh hồng quyến luyện trên chân ngọc  
Như muốn cùng ai sống phút thừa.*

Hỡi những nhà thơ chán đời ! Đừng tưởng con tim mình khi đã nguội lạnh, không còn một nguồn lực nào có thể sưởi ấm được lòng ! Đừng tưởng khi tâm hồn đã trở thành sắt đá, không còn một sức mạnh nào làm rung chuyển nổi. Chính nhà thơ Thái-Can đã từng tự hào khinh ngạo :

*Cười đời bạc bẽo, khinh thế gian  
Cho biết rằng ta chẳng phải hèn  
Ta sống vì chưng ta quả quyết  
Đạp bằng muôn vạn nỗi gian nan.*

Nhưng oái oăm thay, những kẻ chán đời thường lại bị đời trêu chọc, những con tim ngạo nghệ với tình đời thường bị tình đời mai mỉa. Thì... chiều thu ấy, hình ảnh người « mỹ nhân xem hoa rụng » chính là nhất búa đập vào quả tim sắt đá của Thái-Can, làm nhà thơ nao nao cả lòng đang giá lạnh, bồi hồi, xao xuyến cả tâm thần.

Cánh hoa hồng kia còn biết luyện gót mỹ nhân, lòng người sao nỡ đứng đưng, hờ hững? Dù cho tình đời có phụ bạc, nhưng vẻ đẹp kia nào có tội tình gì? Vậy thì hãy thử đề cho Nàng phá vỡ mặc cảm sâu bi, đánh tan nỗi chán chường cuộc thế, xem sao.

Mà quả thật! Sự thử thách cuối cùng đã được thi nhân chấp nhận bằng cách thả lỏng ước mong :

*Chẳng được như hoa vương gót nàng  
Cởi lòng man mác giá như sương.*

Chỉ một cuộc viếng thăm của mỹ nhân, chỉ buông một cái nhìn đoái hoài đến thân phận héo úa, cánh hồng đã sống lại như được truyền sinh lực. Cánh hoa rụng không còn là vật tàn tạ khi được mỹ nhân chiếu cố đến. Mỹ nhân đã đem sức sống của mình chuyển vào cái chết, để cái chết vươn lên trong ý sống. Hơi nóng từ cánh hoa rụng đã truyền vào tâm khảm thi nhân ; và, cũng như hoa hồng, con tim thi nhân bỗng bừng dậy :

*Ta về nhật lấy hoa thu rụng  
Đặng giữ bên lòng nỗi nhớ thương.*

Thế rồi, mùa thu ấy, thi nhân không còn thấy xác thu gầy úa, không còn chứng kiến những cánh hoa hồng là tả rụng. Một cái gì huyền diệu đang chỗi dậy trong nhân gian :

*Đêm ấy trăng thu giải bóng xanh  
Phất phơ tơ liễu tỏa bên màn,  
Bên cành liễu úa Nàng in bóng,  
Phảng phất — Ó kìa ! dáng tuyệt xinh.*

Thi nhân cơ hồ quên mình đang sống trong bầu vũ trụ mới. Mùa thu này không còn như những mùa thu trước, mùa thu mà thi sĩ thường vẽ bằng những nét chết, xám xịt như màu tang. Mùa thu biến đổi vì lòng thi nhân chuyển thay. Thi nhân lại thử nhìn đời bằng đôi mắt lạc quan :

*Chàng lại bên hiên, cạnh đóa quỳnh,  
Hoa vừa mới nở lúc bình minh.  
Nhẹ nhàng tay hái cành hoa ngọc,  
Cành ngọc còn phong nhụy ái tình.*

Bè hoa tặng người đẹp dưới ánh trăng ! Ồ ! cảnh sắc ấy còn gì tuyệt diệu cho bằng :

*Lén bước chàng đi đến tận Nàng,  
Nàng còn mãi ngắm bóng trăng trong.  
Bên nàng để lại cành hoa biếc  
Cùng với hình chàng tựa tuyết trong.*

Nhưng giá những kỷ niệm êm đẹp ấy cứ đọng mãi trong lòng thi nhân ; cánh hoa hồng kia giữ được mãi tươi nhuận thì có gì đáng buồn chán cho đời ! Như thi nhân đã nói với chúng ta : « *Đời chỉ là giấc mộng, vạn hữu chỉ là hư vô !* » Sự thử thách rồi cũng đến thất bại. Mỹ nhân đánh thức tình cảm thi nhân cũng chỉ để trao thêm cho kẻ chán đời một vết thương lòng. Ngày ấy, mỹ nhân ra đi, để lại một khung trời trống lạnh :

*Từ đó Bắc, Nam người mỗi ngả.  
Bên vườn hoa hạnh bóng trăng soi . . .*

Hỡi những người đẹp ! Có phải các người định gieo rắc vào lòng đời những liều thuốc độc, những chán nản, buồn thương ? Có phải các người đã tàn nhẫn giết chết những con tim yêu đời kia không ?

Không ! Trong ly biệt, thi nhân thân nhiên không hờn trách, vì cả hai chỉ lập lại một lần nữa định luật hợp tan của vũ trụ :

*Chẳng phải vì anh, chẳng tại em :  
Hoa thu tàn tạ rụng bên thềm.  
Ái tình sớm nở chiều phai rụng ;  
Chẳng phải vì anh chẳng tại em.*

Không phải tại lòng người, chỉ tại cuộc sống đầy dọa kiếp người, bắt con người chịu đựng thế thôi. Đã thấy cuộc đời là bạc bẽo, vô vị, nên lúc biết Nàng ra đi không trở về, thi nhân vẫn giữ được lòng bình thản :

*Anh biết em đi chẳng trở về  
Dặm ngàn liễu khuất dưới sương che.  
Em đừng quay lại nhìn anh nữa ;  
Anh biết em đi chẳng trở về.*

Mầm ly biệt, kết quả cuối cùng của luyện ái, đã làm đỏ bao nhiêu nước mắt của người đời. Từ ngàn xưa đã mấy ai không một lần ly biệt. Nhưng Thái-Can không khóc vì đã thấy cái lẽ tồn vong đương nhiên của vạn vật nên thi nhân đem nghị lực an ủi người yêu :

*Em nhớ làm chi tiếng ái ân.  
Đàn xưa đã lỡ khúc dương cầm.  
Dây loan chẳng đượm tình âu yếm,  
Em nhớ làm chi tiếng ái ân.*

Ta chỉ tiếc ! Con tim đã giá lạnh với tình đời, cố một lần trời dậy hòa trong hơi ấm ái tình ; ái tình rồi cũng nhạt phai khiến thi nhân ân hận :

*Bên gốc thông già ta lỡ ghi  
Tình ta âu yếm lúc xuân thì.  
Em nên xóa dấu thề non nước  
Bên gốc thông già ta lỡ ghi.*

Ân hận ! Phái ! Con người khác thường ấy bỗng nhiên làm cái chuyện tầm thường là định đem cái ái tình mong manh thử lửa thêm một lần nữa với cái vô cùng của trời đất. Nhưng bây giờ thì không còn nghi ngờ gì khi nhận chân rằng, với thời gian, núi kia cũng mòn, bể cũng cạn, sao cũng mờ thì cái ái tình bé nhỏ của con người nào có nghĩa lý gì ! Thi nhân xác nhận :

*Bề cạn, sao mờ, núi cũng tan.  
Tình kia sao giữ được muôn vàn. . .  
Em đừng nên giận tình phai nhạt :  
Bề cạn, sao mờ, núi cũng tan.*



Khảo sát Thái-Can, chúng tôi thấy mảnh đời của ca nhi, vũ nữ đã chiếm nhiều hồn thơ, mang đến cho thi nhân đề tài mới lạ làm chuyện hân mạch thơ từ chỗ khách quan nhìn vạn hữu như hư ảo ; trở đời lại bạc bẽo, đảo điên. Khinh mạn, ngán ngàm, thi nhân định gác thân mình ngoài vòng đua chen danh lợi. Thế mà chỉ vì những tiếng kêu thương bi

thiết như lời hấp hối của những linh hồn lầy lụa, như nhớp đang đắm chìm trong vũng bùn sa đọa đã đánh thức sự lãnh đạm của nhà thơ để nghe các nàng kể lại thân đời từ cái thuở còn trong trắng :

*Vui về lòng em mặc sớm trưa,  
Nâu sòng thêm đượm về ngày thơ.  
Khi nhìn trắng bạc trên đầu núi  
Hoặc ngắm hoa tàn trước độ thưa.*

Nếu dòng đời cứ bình thản trôi thì có gì đáng nói ! Sóng gió bỗng nổi lên làm vùn đục đời nàng. Dem cái ngậy thơ hồn nhiên của gió núi, mây rừng va chạm với cái lừa đảo, điêu ngoa của nhân tạo, các nàng đã lạc nẻo ngay từ khi vừa cất bước đầu tiên trên đường đời :

*Nhưng một ngày kia lỡ bước chân,  
Theo người bất hạnh đến trầm luân.  
Trước thân « mây trắng » ngày đêm nguyện  
Cho về hồng nhan đượm bội phần.*

Thôi ! Thế là cái gì đẹp đẽ nhất của người đàn bà bắt đầu đổ vỡ. Lìa bỏ hồn nhiên, họ trang bị ngay cho mình bằng một cái vỏ hào nhoáng, loè loẹt bên ngoài ; họ bắt đầu hủy hoại tâm hồn, đầu độc bản chất bằng những ngón giả trá, lọc lừa phải có, để thích ứng với nghề nghiệp.

Nghề nghiệp ? Ôi, mĩa mai, chua chát làm sao ! Nhưng đời bảo thế ! Nàng phải giả cười khi muốn khóc, vờ yêu khi lòng dửng dưng, miệng thốt ra những lời được trau chuốt bóng bẩy và lập lại một cách máy móc trước thế lực đồng tiền. Những cái trái ngược như thế là hình phạt đầy đọa tâm hồn, là phản lại thiên tính. Lắm lúc các nàng rghĩ lại xác thân :

*Đời em từ đó trụy sa dần  
Như cánh hoa tàn rụng trước sân  
Bùn lấm càng ngày càng thêm lấm,  
Đọa đày, em nghĩ ngán cho thân.*

*Khách đến chơi nhiều tiếp rước luôn,  
Cười trắng cợt gió nghĩ thêm buồn.  
Ân tình chẳng quá ba thìa rượu,  
Hát xướng, than ôi, quá trận đòn.*

Càng nghĩ thân, càng thấm hiểu lẽ đời. Nó như trò huyền hóa ; mấy giờ trước đây, cơ thể nặng như trung tâm diêm ái tình, tha hồ cho con ong cái bướm tranh nhau hút nhụy ; giờ đây đã tàn cuộc thì..

*Canh khuya khách mới chịu ra về,  
Lạnh lẽo em ngồi tựa cửa nghe  
Tiếng dế khóc sương ngoài nội cỏ,  
Canh gà xào xạc ở xa kia.*

Bao nhiêu linh hồn đắm say bên nhan sắc của nàng ; họ vờ duyên, họ hứa hẹn nhiều lắm những lời hoa mỹ của ái tình. Nhưng vì quá nhiều mà trở thành hư không. Tâm trạng nàng đã phân vân khi chọn chỗ đặt tình yêu ; nhưng..

*Biết đâu mà gửi lòng thương nhớ  
Mà biết cùng gửi gì nhớ thương ?*

Càng đi sâu vào nghĩa đời càng chua xót cho tình nhân thế ; thêm buồn tủi thân mình. Lương năng con người bị dồn đầy đến cùng đồ mới bùng dậy. Nàng vừa tiếp nhận được vài tia sáng chiếu rọi vào chỗ sâu thẳm của tâm hồn đen tối. Bất giác nàng kêu lên :

*Ra đi gió lạnh tạt ngang mình,  
Nghĩ đến đời em, em khiếp kinh,  
Kinh khiếp vì đời như vực thẳm  
Xui em truy lạc, hỡi trời xanh !*

Nàng làm một cuộc so sánh thân phận con người :

*Than ôi ! Em có được như người :  
Hoa tạ lìa cành trước gió lơi  
Lặn lốc cát lấm hoen cánh ngọc  
Đem thân làm thú vạ muôn người.*

Sa chân vào hố truy lạc, giã giũa trong đồng bùn nhơ. Thức tỉnh ra, tấm thân trót nhớp nhúa không sao gột rửa được. Nàng chỉ còn than trời, trách oán xã hội đã đưa đẩy đến chỗ tuyệt vọng :

*Trời đất này ! hãy chứng minh !  
 Vì chúng xã hội quá bất bình.  
 Thân em thật đã bần than lắm  
 Lòng tuyết, em còn giữ tiết trinh.*

Cái trinh tiết của nàng là gì ?

— Phải chăng là lẽ đời mà nàng vừa chột hiểu, là cái lương tâm vừa thức tỉnh của nàng ?

Quá đau đớn trong ý nghĩ đen tối ; nhìn lại xác thân, hình thê mong manh của con người không còn chịu đựng nổi sự dày dò tâm tư, cào xé thê xác ; nàng lấy ngay một quyết định :

*Ôi thôi ! Em quyết chí quyên sinh,  
 Quyết bỏ trần gian, bỏ ái tình.  
 Trong một gian phòng thuê buổi tối  
 Đau buồn em uống thuốc quyên sinh.*



Hỡi xã hội loài người ! Tôi muốn ca ngợi công trình tiến hóa của các người ; tiếc thay, cơ trí các người quá nặng thiên về việc cải tạo vật chất mà quên hẳn việc cải tạo tâm hồn. Tại sao lại phải giả dối bày ra cảnh rục rờ, huy hoàng để chứa đựng bên trong những xấu xa, như bần ? Loài người càng hướng đến chỗ duy mỹ càng tạo cho cuộc sống những đọa đày ! Thi nhân đã vạch trần bộ mặt được che đậy của xã hội, chỉ cho những ai sống với lớp vỏ bên ngoài thấy những hình ảnh khốn đốn, sa đọa.

Cho nên, nói đến Thái-Can, chúng ta không thể tách rời tính chất xã hội qua nét bút của thi nhân. Cuộc sống của ca nhi, vũ nữ xuất hiện trên tiếng thơ Thái-Can như những tiếng uất ức, nghẹn ngào. . .

*Em chỉ nói rằng : «Đời em buồn»,  
 Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.*

Nó không nói lên được vì uất nghẹn ; nhưng ta phải hiểu sự cảm lạnh ấy là tiếng gào vỡ họng,... run rẩy phản đối những hình ảnh tươi đẹp giả tạo của cuộc sống. Nó muốn đập đổ những gì bất công trong xã hội phong lưu...

Cái lãnh đạm, khinh đời của Thái-Can cũng vì lẽ ấy.

(9-1968)





# Thi tuyển

## Dưới bóng trăng tà

Biết đâu mà gửi lòng thương nhớ  
Mà biết cùng ai gửi nhớ thương ?

*Nương bóng ngày xanh dưới mái tranh,  
Ngây thơ đâu biết thú Kinh-thành.  
Hoa lan mọc ở trong hang tối  
Sực nức hương nồng đám cỏ xanh.*

*Vui vẻ lòng em mặc sớm trưa,  
Nâu sòng thêm đượm vẻ ngây thơ.  
Khi nhìn trắng bạc lên đầu núi  
Hoặc ngắm hoa tàn trước đậu thưa.*

*Ríu rít vườn sau mặc cái oanh,  
Em không thắc mắc với tơ tình.  
Lòng em tựa nước hồ im lặng,  
Trong lúc trăng tàn tỏa bóng xanh.*

*Nhưng một ngày kia bước lữ chân,  
Theo người bắt hạnh đến trầm luân.  
Trước thần < mây trắng > ngày đêm nguyện  
Cho về hồng nhan đượm bội phần.*



*Đời em từ đó trụy sa dần  
Như cánh hoa tàn rụng trước sân.  
Bùn lấm càng ngày càng thêm lấm,  
Đọa đày, em nghĩ ngán cho thân.  
Khách đến chơi nhiều tiếp rước luôn,  
Cười trĂNG cợt gió nghĩ thêm buồn.  
Ấn tình chẳng quá ba thìa rượu,  
Hát xướng than ôi, quá trận đờn.  
Canh khuya khách mới chịu ra về,  
Lạnh lẽo em ngồi tựa cửa nghe  
Tiếng dế khóc sương ngoài nội cỏ,  
Canh gà xào xạc ở xa kia.*

Mù mịt xa xa dưới bóng sương,  
 Em nhìn mê mãi dấu quê hương,  
 Biết đâu mà gửi lòng thương nhớ,  
 Mà biết cùng ai gửi nhớ thương ?

Cha mẹ sầu em lánh cõi đời  
 Anh em chán nản chốn xa xôi  
 Bỏ em khốn khổ nơi thành thị  
 Tìm kẻ sinh nhai mãi xứ người.

Vườn cũ e còn mấy khóm hoa.  
 Em từng vun bón lúc ngây thơ.  
 Năm nay bỏ vắng hoa sỡ sặc  
 — Mà tấm thân này cũng lấm dơ.

Đứng dưới bóng trắng hoa khóc sương  
 Biết bao lạnh lẽo cánh đêm trường  
 Em đây một cánh cùng đau khổ,  
 Nước mắt đem hòa với hạt sương.



Em nhớ năm em mới trường thành,  
 Mơ màng em ngắm đám mây xanh,  
 Chàng đi qua cửa dừng chân lại,  
 Chạm chứa lòng em mối cảm tình.

Rồi chàng lững thững bước đi qua,  
 Phong lưu dáng điệu nếp con nhà,  
 Vời trông em thấy chàng quay lại,  
 Mím miệng em cười dưới ánh hoa.

Chàng đi từ đó em đau lòng,  
 Tựa cửa mơ màng em đứng trông  
 Ngày một ngày hai xuân lại hạ.  
 Thu về sương nhuộm : nhạt sang đông.

Cho đến ngày em lỡ bước đi,  
 Trăm luan thân thể có ra gì !  
 Đau lòng mỗi lúc trăng thu lạnh,  
 Nhớ đến tình chàng dạ tái tê.

Em ước đem thân hóa bóng trắng  
 Đêm đêm văng vặc dọi theo chàng,  
 Theo chàng trong chốn xa xôi mộng.  
 Mộng đuổi tình em, nổi bề bàng.

(Hà-nội báo, số 1, 1.1-36)



### Trên sông Hương

Ngày ngày em đi học  
 Vui bạn với chị em,  
 Nô đùa quên trưa sớm  
 Ngày xuân, ngày êm đêm.  
 Tan học cùng ra về,  
 Dắt tay cười hả hê,  
 Áo quần xanh, đỏ, tím,  
 Phấp phới bên đường lề.  
 Sông Hương dòng phẳng lặng,  
 Xanh xanh nước thủy triều  
 Qua sông đò sắn đỏ  
 Vui vẻ biết bao nhiêu !  
 Vui vẻ ! các em bé  
 Đi đò qua sông Hương  
 Mây trời bay dưới nước  
 Nước sông trong tựa gương !  
 Nghiêng đầu xem gương nước  
 Phấn chiếu nét thanh xuân,  
 Ai ngờ bóng dưới nước  
 Cười nói : « Đẹp muôn phần ! »  
 Mùa hè, trời nóng nực,  
 Các em muốn rửa chân  
 Ấy chết ! chớ chơi thể,  
 Sông sâu nguy đến thân !  
 Các em tuổi còn bé,  
 Ngây thơ biết gì đâu !  
 Dưới sông nhiều hiếp sĩ  
 Gửi xác khinh công hầu.

Các em tuổi còn bé,  
Ngây thơ biết gì đâu !  
Kìa kìa kẻ yếm thế  
Nuôi thân bằng cần câu !

Các em tuổi còn bé,  
Ngây thơ biết gì đâu !  
Kìa kìa nhà thi sĩ  
Trên sông ngâm thơ sầu !

Các em nô đùa đi !  
Ngày xuân được mấy khi  
Chốc lát thuyền đến bến,  
Đi bộ có vui gì ?

Chợ bắt chước chị Tùng  
Đi dò chi ngồi trông,  
Trông mây rồi trông nước  
Trông bè trôi trên sông.

Ô hay ! đã đến bến,  
Rộn rịp các em lên.  
Khoan ! khoan ! vội gì thế ?  
Xô nhau, ấy không nên !

Con dò quay trở lại,  
Cắm sào chờ bên sông  
Gió chiều lên vùn vụt,  
Bên mạn sóng bập bồng.

Các em lũ năm bảy  
Vịn vai nhau cùng đi  
Chuyện to rồi chuyện nhỏ  
To nhỏ nhưng chuyện gì ?

Vui chuyện quên đường xa,  
Đèn điện đã sáng lòa.  
Đông đúc trước đường phố,  
Qua lại những người ta.

Tán tác, người một ngã  
 Các em về đến nhà ;  
 Trước cửa còn mong đợi,  
 Anh chị với mẹ cha.

Hôn em, em chăm chỉ.  
 Chăm chỉ học suốt ngày,  
 Cơm canh chờ sẵn đó,  
 Mời em lại ăn ngay.

(Hà-nội báo, số 8, 26-6-36)



### Mấy vòn huyền diệu

Đêm ấy trăng thu giải bóng xanh  
 Phất phơ tơ liễu tỏa bên mình,  
 Bên cành liễu yếu nàng in bóng,  
 Phảng phất — Ô kìa ! dáng tuyết xinh.

. . . Chàng lại bên hiên, cạnh đóa quỳnh,  
 Hoa vừa nở lúc bình minh  
 Nhẹ nhàng tay hái cành hoa ngọc  
 Cành ngọc còn phong nhụy ái tình.

Lén bước, chàng đi đến tận Nàng.  
 Nàng còn mãi ngắm bóng trắng trong  
 Bên Nàng để lại cành hoa biếc  
 Cùng với hình chàng tựa tuyết trong . . .

Ngoảnh lại . . . chàng đi cách biệt rồi.  
 Vội vàng Nàng lấy đóa hoa tươi.  
 Biết rằng hoa ấy người yêu tặng  
 Ấu yếm hôn hoa, mỉm miệng cười.

(Hà-nội báo, số 11, 13-3-36)



## Tây-Thi giặt lụa

Triều vi Việt-khê-nữ  
Mộ tác Ngô-vương-ky.  
Cổ thi

Gió quuyến mây cao, rờn bóng xanh.  
Muôn hoa cười cợt lá chim cành !  
Tây-Thi đắm đuối cùng mây gió  
Bồng bột ngày xuân với tuổi xanh.  
Vớ hoa, vớ gió, vớ ngày xuân  
Lộng lẫy Tây-Thi, tỏa nét thần,  
Nước biếc rờ ràng in mỗi nét  
Của người thiếu nữ lóa lờ thân.  
Xiêm lụa tay nâng, ngắn tóc dài  
Quanh mình rủ xuống tợ sương phai.  
Gió xuân âu yếm hôn mình ngọc,  
Hoa lá trong gương nước, mím cười.

Yêu điệu tay tiên xả lụa đào  
Nghiêng mình vớ lấy nước mây cao,  
Say sưa nàng thấy mình trong nước  
Như ảnh bình minh diềm bóng chiều.

(Viết tại Trường Thuộc, 5-1935)



## Bên hồ

tặng L.T.L.  
Mạc đất vô hoa không chiết chi.  
Đỗ thu Nương

Bên hồ cảnh liễu buông tơ lạng,  
Trong liễu hoa đào đỏ tợ mưa,  
Cô đứng bên hồ cô thồn thức,  
Bao ngày xuân thấm rụng theo hoa !  
Một ngày là một đóa hoa tươi,  
Sớm vớ bình minh mím miệng cười,  
Theo bóng tà dương chiều đã tạ,  
Trong thời gian mãi lửng lơ trôi.

Khuyên với cô em vít lấy cành  
 Hái dài hoa thắm lúc còn xinh  
 Sớm qua chiều lại e tàn nhụy,  
 Chẳng được vì cô hường Ái-tình.

( Hà-nội báo, số 47, 25-11-36 )



### Thuyền mơ

Xin rước cô em bước xuống thuyền.

Lưu Trọng Lưu

« Sông Hương nước chảy lờ đờ. »  
 Thuyền ai một lá đợi chờ giai nhân  
 Đầy thuyền rải cánh hoa xuân,  
 Xin mời cô hãy bước chân xuống thuyền.  
 Mời cô bước xuống thuyền hoa.  
 Kìa bên Vĩ-dạ trắng ngà đã lên.  
 Rộn ràng đàn địch u uyên  
 Dưới vừng trăng bạc con thuyền nhón như.  
 Trong thuyền ngào ngạt hương lan,  
 Bóng đèn huyền ảo tiếng đàn du dương,  
 Mơ màng ánh nước sông Hương  
 Bằng đâu nét mặt mơ màng của cô.  
 Kìa xem bên bến Phú-Vấn  
 Dưới hoa một cặp giai nhân chuyện trò,  
 Tôi xin chọn mấy vần thơ  
 Cung đàn lựa phẩm cho cô đỡ buồn.  
 Ước sao lựa được mấy vần  
 Thần tiên đề tặng dấu chân ngọc ngà  
 Mơ hồ trăng giải bóng xa  
 Bên người ngọc nữ trên hoa đuổi mình.  
 Trên hoa người ngọc đuổi mình  
 Lắng nghe ca khúc Nam-bình du dương  
 Trắng xanh giỡn nước sông Hương,  
 Đèn xanh huyền diệu, mùi hương ngọt ngào.

Con thuyền lặng lẽ trên sông  
 Như thời khắc chầy trong dòng Hư-vô  
 Trong sương tôi ước cùng cô  
 Mê man hát khúc tình ca tuyệt vời.  
 (Hà nội báo, số 41, 14-10-36)



### Cảnh đó người đâu

Gặp em thơ thần bên vườn hạnh,  
 Hỏi mãi mà em chẳng trả lời.  
 Từ đó Bắc Nam người một ngã ;  
 Bên vườn hoa hạnh bóng trắng soi.  
 (Những nét đầu thanh)



### Chiều thu

Hoa hồng rũ cánh bay đầy đất  
 Trôi nặng sương thu mấy khóm lan.  
 Mỹ nhân lững thững xem hoa rụng  
 Ta ngỡ Hằng-nga nấu Quảng-hàn.  
 Mỹ-nhân lững thững thăm hoa rụng,  
 Trâm ngọc quên cài tóc bỏ lời.  
 Sương tỏa bên mình như khói nhẹ ;  
 Xiêm y tha thướt mái hiên ngoài.  
 Ta đứng bên hiên kiểm ý thơ ;  
 Mỹ nhân vô ý bước đi qua,  
 Cánh hồng quyến luyến trên chân ngọc  
 Như muốn cùng ai sống phút thừa.  
 Chẳng được như hoa vướng gót nàng,  
 Cõi lòng man mác giá như sương !  
 Ta về nhặt lấy hoa thu rụng  
 Đặt giữ bên lòng nỗi nhớ thương.  
 ( Phong hóa )





## Trông chồng

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu  
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lầu.  
Hối kiến mạch dầu dương liễu sắc  
Hối giao phu tử mịch phong hầu. (1)*  
Vương-Xương-Linh

*Chinh phu ruồi ngựa lên miền Bắc.  
Tiếng địch bên thành thổi véo von.  
Mây bạc lưng trời bay lững thững,  
Chim trời tan tác bóng hoàng hôn.  
Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc,  
Tuyết sương lạnh lẽo giá rêu mờ !  
Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ,  
Ngựa hí vang lừng trận gió may.  
Đứng tựa bên thành xiêm áo lệch,  
Kìa ai trông ngóng ải Phiên ngoài,  
Bóng cờ phấp phới xa xa, lạt...  
Tình cũ xin nguyên chẳng lạt phai...  
Mang ấn phong hầu khi trở lại,  
Rõ ràng chính phụ nét cười tươi.*

(Phong hóa)




---

1) Bản dịch Trần Trọng San :  
Thiếu phụ phòng khuê chẳng biết sầu  
Ngày xuân trang điểm bước lên lầu.  
Chợt trông sắc liễu bên đường thắm  
Tiếc đã khuya ai kiếm tước hầu.

### Anh biết em đi

Anh biết em đi chẳng trở về  
 Dặm ngàn liễu khuất với sương che,  
 Em đừng quay lại nhìn anh nữa :  
 Anh biết em đi chẳng trở về.

Em nhớ làm chi tiếng ái ân.  
 Đàn xưa đã lỗi khúc dương cầm.  
 Dây loan chẳng đượm tình âu yếm,  
 Em nhớ làm chi tiếng ái ân.

Bên gốc thông già ta lờ ghi  
 Tình ta âu yếm lúc xuân thì  
 Em nên xóa dấu thề non nước  
 Bên gốc thông già ta lờ ghi.

Chẳng phải vì anh, chẳng tại em !  
 Hoa thu tàn tạ rụng bên thềm.  
 Ái tình sớm nở chiều phai rụng :  
 Chẳng phải vì anh, chẳng tại em.

Bề cạn, sao mờ, núi cũng tan.  
 Tình kia sao giữ được muôn vàn...  
 Em đừng nên giận tình phai nhạt :  
 Bề cạn, sao mờ, núi cũng tan.

Anh biết em đi chẳng trở về  
 Dặm ngàn liễu khuất với sương che.  
 Em đừng quay lại nhìn anh nữa :  
 Anh biết em đi chẳng trở về...



## Cảnh đoạn trường

*Em chỉ nói rằng : « Đời em buồn »,  
Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.*

( Tâm sự một cô gái nhẩy )

*Anh nhớ năm xưa trong yến diên  
Hợp mặt ba kỳ, trăm sinh viên,  
Rót chén rượu nồng cùng vui chơi  
Trước khi chia tay người mỗi nơi.  
Điềm vui yến tiệc bọn ca nhi.  
Ba bảy mai kia đương vừa thì.  
Hoa khô hôm ấy là em đó,  
Liếc mắt đưa tình đá cũng mê.*

*Hôm nay nức nở sầu ảm đạm  
Kề lại đời em nghe thâm thắm :  
Không quê, không quán, không mẹ cha,  
Như cánh bèo trôi không chỗ bám.  
Em phải dẫn thân vào hồng lâu  
Lụy từ nô bộc đến công hầu.  
Rồi lại giạt trôi trường khiêu vũ  
Hết lòng chiêu khách, lại chiêu chủ.  
Liều bờ sức vóc được bao nhiêu  
Dạ gió dày sương thực đến điều.  
May thay em gặp khách phiêu lưu  
Cảm thấy tình em thấm đậm nhiều,  
Nhặt cánh hoa tàn rơi dưới đất  
Chung tình trong một mối thương yêu.  
Khách nhớ quê xa gót trở về.  
Đêm trường nhớ khách dạ đê mê,  
Cảm thấy đời em buồn, lạnh, tẻ,  
Ngoài đường sương lạnh bước đi.  
Ra đi gió lạnh tạt ngang mình,  
Nghĩ đến đời em, em khiếp kinh,  
Kính khiếp vì đời như vực thẳm.  
Xui em trụy lạc, hơi trời xanh !*

Nếu cũng như ai có mẹ cha,  
 Buồng xuân rủ gấm với phong là  
 Thời em ngày tháng cùng vui sướng  
 Hớn hờ nô đùa với cỏ hoa.  
 Rồi ngày đào lý nở nhành bông  
 Em cũng như ai có tấm chõng  
 Quyền cả chức cao trong xã hội  
 Êm đềm chia ngọt sẻ bùi chung.  
 Than ôi ! em có được như người :  
 Hoa tạ lìa cành trước gió rơi  
 Lấn lóc cát lăm hoen cánh ngọc  
 Dem thân làm thú vạ muôn người.  
 Lỡng thừng em đi bên vệ đường,  
 Âm thầm buồn bã ; gió cùng sương  
 Ướt cả áo xiêm, em chẳng biết...  
 Lòng em mang nặng đau đau thương.  
 Chấn nản quay đầu em lại nhìn  
 Cuộc đời quá khứ tựa đêm đen.  
 Tương lai bước tới chân chồn mỗi,  
 Một bước đau lòng, một bước thêm !  
 Lầu các, kìa ai vợ với chõng  
 Êm đềm trong giấc phụng loan chung  
 Riêng em lững thừng bên hè vắng  
 Khóc mãi, mắt em úa đỏ hồng.  
 Ôi thôi ! Em quyết chí quyên sinh,  
 Quyết bỏ trần gian, bỏ ái tình,  
 Trong một gian phòng thuê buổi tối  
 Đau lòng, em uống thuốc quyên sinh.  
 Khinh thay ! những gái tiếng con nhà  
 Vì tính buông tuồng phải trụ sa  
 Vào chỗ bùn lầy nghề kỹ nữ ,  
 Nhưng em... nào phải muốn trắng hoa.  
 Trời đất này ! hãy chứng minh :  
 Vì chung xã hội quá bất bình.  
 Thân em thật đã bùn than lấm  
 Lòng tuyết, em còn giữ tiết trinh.

Mang tấm lòng đan xuống suối vàng,  
 Ai người nhân thể chạnh lòng thương ?  
 Ai người biết được em đau khổ ?  
 Đêm lạnh... than ôi ! cảnh đoạn trường.  
 Cõi đời dần tối, giấc âm thầm  
 Hình ảnh ngàn xưa cũng xóa dần,  
 Sau rớt cảm nghe như mẹ ẵm  
 Và lời ân ái khách xa xăm.  
 Sáng sớm người ta vào buồng ngủ,  
 Thắt dải kính hồn người la rú  
 Vội vàng đưa em đến nhà thương,  
 Đề em lạnh lẽo nằm trên giường.  
 Hời lâu thuốc thang em tỉnh dậy  
 Mở mắt, lạ lùng, nhìn thế gian :  
 Bất giác hai hàng lệ em tràn.  
 Chung quanh em, những người săn sóc  
 Gạn ghẽ dò là hết cõi gốc  
 Em chỉ nói rằng : « Đời em buồn »,  
 Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.  
 — Anh cũng như em chán cõi đời,  
 Nhưng mà quả quyết sống mà chơi  
 Đời càng bạc bẽo cùng mình lắm  
 Mình cũng yên vui, cũng nói cười !  
 Cười đời bạc bẽo khinh thế gian  
 Cho biết rằng ta chẳng phải hèn  
 Ta sống vì chưng ta quả quyết  
 Dẹp bằng muôn vạn nỗi gian nan.  
 Đứng dậy, em ơi ! sống cõi đời.  
 Đời đầu khổ nhục đến mười mười,  
 Em nên điềm phấn tô son lại  
 Ngạo với nhân gian một nụ cười.  
 Ngày mai ở mãi chốn chân trời  
 Trong cảnh gia đình ấm áp vui  
 Một phút trầm ngâm anh sẽ khấn  
 Cho em trở lại được tươi cười.

( Hà-nội báo )

Thân oan cho Lý Bạch và Khuất Nguyên  
 Lý Bạch và Khuất Nguyên có phải nịnh  
 thần không ?

Thái-Cán viết :

Trong quyển *Thượng cổ sử Ai-cập*, trang 179, ông Nguyễn đức Quỳnh viết : « Đọc những bài tán dương uy danh các vị Pirâoui, ta chẳng khỏi nhớ đến những thiên tuyệt bút của « *bọn nịnh thần như bọn Khuất Nguyên, Lý thái Bạch ở Trung-quốc* » !.. » Không ngờ hai nhân vật sống cách nhau gần 800 năm đã bị họ Nguyễn dè chung vào một bị : *nịnh thần*.

Trường hợp Lý Bạch : — Tôi nghe rằng Thái Bạch là một thi sĩ «ngông» chứ chưa hề nghe rằng Lý là một «nịnh thần». Cái «ngông» của Lý Bạch có thể sánh với cái «ngông» của Tần Đà chẳng hạn, nhưng cái tài của Lý thì cao hơn cái tài của Tần-Đà muôn trọng. Các vương công đời Đường có bao dung Lý Bạch, cũng chỉ là ưa cái tài của Lý, chứ không phải vì cái văn thù tạc, nịnh hót của Lý. Nếu muốn tìm thi sĩ nịnh hót thù tạc thì thiếu gì thi sĩ khác trong văn thơ Tàu, mà ông Quỳnh lại chọn lấy Lý Bạch, là đại biểu cho cho hạng thi sĩ «ngông» ! Xin nghe :

*Xử thế nhược đại mộng,  
 Hồ vi lao kỳ sinh !  
 Sở dĩ chung nhật tuý,  
 Đồi nhiên ngoạ tiền doanh.  
 Giác lai miện đình tiền,  
 Nhất điều hoa gian minh.  
 Tá vấn thử là nhật ?  
 Xuân phong ngữ lưu oanh.  
 Cảm chi dực thán tức,  
 Đới chi hoàn tự khuynh.  
 Hạo ca đái minh nguyệt,  
 Khúc tận dĩ vong tình.*

( Bài Xuân nhật tuý khởi ngôn chí )

Nghĩa là : « Ở đời như một giấc mộng lớn, thì làm chi lao tâm lao lực vì sự sinh nhai ! cho nên suốt ngày ta cứ say li bì, rồi ngã lắn ra nằm trước cột, tỉnh dậy bỗng thấy mình nằm trước nhà ; lắng tai nghe thì chim hót trong hoa. Thử hỏi rằng : « Ngày nay là ngày nào, mà chim oanh đã hót liú lo ? » Ta cảm xúc mà than thở, rồi lại gục xuống. Rồi cứ hát ngao mãi tới trắng sáng, hát xong mà chẳng biết mình đã hát những gì ! »

Bài thơ ấy là biểu hiệu cái «ngông» của Lý, và cả của một phái thơ ; mà người thích Lý cũng thích vì cái «ngông» ấy. Còn các thi sĩ nịnh hót thù tạc thì đã lâu rồi không ai thèm đếm xỉa đến tên tuổi của họ. Theo một thuyết, thì cái chết của Lý cũng đặc sắc : một hôm, Lý say rượu, muốn ôm vầng trăng dưới sông, nhờ sầy chân xuống nước mà chết ! Cái chết ấy thực là «ngông» đến tột bậc. Lý Bạch suốt đời nghèo nàn. Lý Bạch đâu được no cơm ấm áo mà sống, chết như một hạng giá áo túi cơm chỉ lấy văn chương mà « làm đi » với đời. Và chẳng một thi gia đương thời đã biểu dương cái tự do phóng khoáng của Lý bằng mấy câu thơ bất hủ :

*Lý Bạch nhất đầu thi bách thiên,  
Tràng-an thị thượng tửu gia miên.  
Thiên-tử hồ lai bất thượng thuyền,  
Tự xưng : « Thần thị tửu trung tiên.»*

Nghĩa là : « Lý Bạch uống một đầu rượu làm được một ngàn thiên thơ ? Ngủ ở chỗ Tràng-an, trên quán rượu ; nhà vua gọi lại mà không chịu lên thuyền, tự xưng mình là « tiên trong rượu » ! Xem đó thì biết : Lý Bạch là một kỳ tài « ngông nghênh » ; chứ không phải là một nịnh thần, chỉ biết làm thi ca đề thù phụng, ca ngợi kẻ quyền quý ! Người ta có thể lấy bài « Thanh bình tam thủ » nói Lý nịnh Dương phi, nhưng không, đó cũng là loại thơ « mê gái » của một thi sĩ «ngông», như loại thư gửi cho tình nhân của Tần-Đà đó thôi. Còn các bài khác đều là giọng «ngông» suốt cả.

Trùng hợp Khuất-Nguyên : — Còn Khuất-Nguyên ? Theo ý ông Nguyễn đức Quỳnh, thì Khuất-Nguyên cũng là một « nịnh thần » đã làm những bài văn tuyệt bút v. v. ...

(L.N.S. Chúng tôi xin tóm tắt thân thế và sự nghiệp của Khuất-Nguyên theo Tư mã Thiên :

Khuất-Nguyên tên là Bình, cùng họ với vua Sở, giúp vua Sở Hoài-vương. Biết nhiều, chí rộng, sáng suốt về việc trị, loạn. Có tài nên bị Thượng quan đại-phu dèm siểm. Vua xa lánh. Ông ưu sầu làm ra Ly-Tao. Ly-Tao là gì ? Là bị xa vua, không làm được việc nước nên ưu sầu. Ly-Tao là Ly-ưu vậy. Văn của Ly-Tao ngắn; lời của Ly-Tao nhiệm, ý của Ly-Tao trong sạch, hành vi trong Ly-Tao liêm chính. Tuy văn xưng ra thì nhỏ, song cái ý chí thì cực lớn ; tuy nói thì cực gần, song sự xét thấy thì cực xa, cái chí trong Ly-Tao trong sạch, cho nên các vật dẫn trong Ly Tao đầy vẻ thơm tho ; sự hành vi ở Ly-Tao liêm chính, cho nên lúc chết mà Khuất-Nguyên không xa lạ ! Như con ve chưa lột xác phải sống trong bùn lầy, mà lột xác ra thì thanh khiết, bay liệng ngoài vòng trần ai, không hề nhuộm bụi bặm của trần thế. Thực ở bùn mà chẳng bị lấm bùn vậy. Suy chí ấy ra, thì mặt trời mặt trăng tranh nhau ánh sáng cũng phải.

Sau vì Sở Hoài vương nghe lời nịnh thần mà phải chết ở đất Tần.

Tuy bị phóng lưu, nhưng Khuất-Nguyên vẫn một niềm nghĩ đến nước Sở. Chỉ mong vua (con trưởng là Sở Hạng Trương-vương lên nối ngôi, em Trương-vương là Tử-Lan thì làm chức lệnh doãn. Người nước Sở cũng như Khuất-Nguyên ghét Tử-Lan đã khuyên Sở Hoài-vương qua Tần mà phải chết) biết hối hận và quần thần biết cải cách. Nhưng Khuất-Nguyên thất bại với ý muốn của mình.

Sau này, lệnh doãn Tử-Lan nghe Khuất-Nguyên ghét mình mới xui người vu cáo Khuất-Nguyên với Trương-vương. Trương-vương giận, bèn đày đi. Khuất-Nguyên làm bài phú *Hoài sa*, rồi mang đá, tự gieo mình xuống sông Mịch-la mà chết ».



Cả một bài lịch sử Khuất-Nguyên đó, Tư-mã-Thiên đã «cải họ» cho Khuất-Nguyên khỏi bị tiếng oan «nịnh thần» dưới ngòi bút của ông Nguyễn đức Quỳnh. Trái lại Khuất-Nguyên là một trung thần, hơn nữa, Khuất-Nguyên là biểu hiệu cho hạng trung thần, cũng như Lý-Bạch là biểu hiệu cho hạng thi sĩ «ngông».

Bộ *Tân-văn-hóa* ý tưởng thiên về duy vật, biên dịch kẻ cũng công phu lắm. Nhưng hình như biên dịch một cách cấp bách quá, không khỏi cái họa «dục tốc» được ! Và chẳng học giả xứ ta có một cái thông bệnh : đã sở trường về cụu học thì sai lầm về cách diễn giải có trật tự quy tắc của đám tân học ; đã sở trường về tân học thì cở học lơ mờ, suy luận bừa bãi chày cối về những sự vật và nhân vật thời xưa. Hai cái khuyết điểm đó thực là đáng tiếc.

Thái-Can (Paksé)

(*Tri tân* 7-9-1914)



## ĐỖ HUY NHIỆM

**ĐỖ HUY NHIỆM**, trước họ Hồ, sau đổi ra họ Đỗ ; sinh ngày 16 tháng 3 năm 1915 tại Nam-định, chính quân người Phú-yên (Trung-phần).

Thuở nhỏ học trường tỉnh Nam-định đỗ bằng Thành-chung, sau lên Hà-nội học đỗ Tú-tài.

Khoảng năm 1941, Đỗ huy Nhiệm vào làm Sở Trưóc-bạ Hà-nội.

Ông viết giúp hầu khắp các báo trong nước :

Phụ nữ thời đàm (hồi ông Phan Khôi chủ trương), Tân thiếu niên, Tiến hóa, Văn học tạp chí (1935), Hà-nội báo, Tiểu thuyết thứ năm, Trào phúng, Đông thanh, Đông Á, Tin mới...

Mượn danh một thi sĩ đời Đường (Trung-hoa) là Đỗ-Phủ (712-770) và tên tập thơ của Đỗ-Phủ là Đỗ Thiếu-Lãng tập, thi sĩ Đỗ huy Nhiệm thường ký bút hiệu Đỗ-Phủ hay Thiếu-Lãng.

Thi phẩm đã xuất bản :

- Khúc ly tao (1934)
- Thiên diễm tuyết (1936).
- Tiền kiếp (tiểu thuyết về thần linh học, trình bày hiện tượng về siêu hình, tài liệu khoa học, Tam kỳ thư xã Hà-nội xuất bản)

## Điêu hieu

*Cơn gió điêu hieu lướt mặt hồ,  
 Thời rơi xuống nước chiếc hoa khô.  
 Giật mình, làn nước cau mày giận,  
 Tan cả vừng trắng tỏa lừng lờ.*

(Hà-nội báo, số 16, 15-4-1936)



Hai thế kỷ trước đây, nhà thi hào Nguyễn Du (1765 — 1820) đã đem thuyết « tài mệnh tương đố » dựng lên truyện Kiều, trách trời già độc địa đố kỵ hồng nhan ; ngày nay, nhà thơ Đỗ Huy Nhiệm không trách trời, nhưng lại trách gió, hồn hoa.

Hỡi cơn gió điêu hieu ! Hỡi chiếc hoa khô chết ! Trăng nước đang mơ màng phẳng lặng dưới khung trời bát ngát, thơ mộng, tại sao các người không biết kính trọng vẻ đẹp thiên nhiên ? Các người là hiện thân của tàn tạ, của buồn bã, các người ganh tỵ những gì tươi đẹp của thế gian ? Hồ trong veo đang say mê ôm sâu tận lòng đáy nước mảnh trăng vàng, phản chiếu mình nước trong suốt như gương, thế mà vì tính đố kỵ của các người đã làm tan vỡ giấc mộng giao hòa khiến mặt nước cau mày giận các người đấy !

Xã hội loài người có như cơn gió điêu hieu, như chiếc hoa khô kia chăng ?

Nhìn thấy mặt nước cau mày giận chiếc hoa khô đã phá tan gương nước, thi nhân chợt nghĩ lại lòng đời không hơn gì, cũng chứa đựng những xấu xa, ganh tỵ, phá phách, đưa tươi đẹp đến đổ vỡ.

Nhưng có phải vì thế thi nhân chán ngán mà lánh đời chăng ?

Không, sinh ra tự lòng đời, trưởng thành trong cái buồn vui của nhân thế, đề rồi tàn tạ chết khô như chiếc hoa kia. Phải chăng kiếp người riêng chịu đựng một định luật khắc khe của Tạo-vật ?

Cũng không, vũ trụ vẫn vô tình chu tuần theo cái lẽ sinh hóa bất diệt. Vạn vật vô hình trung đều chịu một định luật trong Trời-đất. « Hoa nở đê mà tàn, trăng tròn đê mà khuyết, bèo hợp đê chia tan, người gần đê ly biệt ». Từ thế giới vô tri đến thế giới tri giác đều phải « sống » dưới sự tàn nhẫn của định luật sinh diệt. Cho nên, dù có khóc than cũng chẳng được tích sự gì. Vậy hãy sống theo cái lẽ thiên nhiên của vạn hữu.

Ý niệm được thế, người thi nhân của chúng ta mới trầm mình vào lòng nhân thế, ôm đàn lựa phiếm gảy lên những điệp khúc buồn vui theo nhịp sống của lòng mình :

*Buồn vui đều một tiếng đàn,  
Vui ca cảnh đẹp, buồn than mộng hờ.*

Vui buồn không do ý muốn của con người. Đã là một đơn vị của thế nhân thì phải chấp nhận những vui buồn của nhân thế. Những vui buồn này sẽ tích tụ, chùng chất mãi nếu không có cơ hội giải tỏa. Nhưng, Tạo-hóa quả là xảo diệu ! Người đã đặt đê vào thế nhân những nhà nghệ sĩ. Tạo-hóa riêng trang bị cho họ một linh giác bén nhạy, họ cảm nhận dễ dàng nỗi vui buồn trong thiên hạ :

*Thi nhân có chiếc đàn tiên  
Trời cho đê khảy những thiên hận đời.*

Tiếng tơ ấy có réo rất, diu dặt, êm ả.. hay ai oán, não nùng... đều không phải nhất thiết của thi nhân. Thi nhân chỉ là một nhạc sĩ đem phổ diễn lên cây đàn mình những âm thanh sẵn có trong xã hội :

*Em hơi ! Nhưng bài thơ em đọc  
Vì nụ cười, tiếng khóc lựa nên.*

Đời người thì ngắn ngủi mà sự đời thì vô cùng. Đã trót sinh là nghệ sĩ, con người của tình cảm ấy chẳng khác nào một tấm bia hứng chịu bao nhiêu hờn tủi, buồn vui của nhân thế ; người nghệ sĩ đã quá khổ tâm khi tiếp nhận dồn dập tiếng lòng từ những trạng huống trái ngang đã khiến thi nhân mất hẳn bản chất thiên nhiên ; cười khóc, khóc cười như điên dại :

*Em ạ ! khờ là đời thi sĩ  
 Vì cõi trần bao vị đắng cay.  
 Thi nhân từng nhấp cốc đầy  
 Đè lặn lộn khóc, đề say rờn cười.*

Ta cũng đừng lấy làm lạ về trạng thái bất thường ấy. Người nghệ sĩ là tấm gương phản ảnh cuộc đời đủ mọi hình thái.

Hỡi bạn trẻ ! Các bạn bắt đầu vào đời bằng tuổi thơ, tâm tính hồn nhiên, có bao giờ các bạn luyện tiếc những giây phút hồn nhiên ấy chẳng ?

Đến nay, đã nhập thế cuộc, ắt hẳn các bạn không tránh khỏi nhấp phải đôi chén đắng cay của rượu đời. Sự va chạm với chân tướng của thực tế sẽ khiến các bạn hay hồi tưởng mà luyện tiếc thuở hồn nhiên khi chưa nhuộm mùi đời :

*Còn nhớ năm nào tôi với bạn  
 Lòng xuân hơn hớn, chỉ vui cười.  
 Tuổi thơ non nớt, nào đâu biết,  
 Những nỗi chua cay của cuộc đời.*

Phải ! Chúng ta làm gì nếm được mùi chua cay khi hương đời chưa lên men ? Chúng ta chỉ «thường thức» được nó khi nó đã trở thành mùi rượu nồng, nghĩa là nó đã làm cho chúng ta biến chất, không còn là tuổi thơ nữa.

Một thiếu nữ trẻ đẹp, dưới bầu trời xuân, cùng chúng ta hái hoa bắt bướm, chúng ta cảm thấy gì trong tuổi thơ ? Thi nhân bảo :

*Nhớ những chiều xuân bạn với tôi,  
 Dưới trời xanh thăm hái hoa mai.  
 Dưa nhau nhét chặt hoa đầy túi,  
 Rồi lặng nhìn nhau, tủm tỉm cười.*

Chỉ thế thôi ! Và nếu có một trưa hè nào đó, người con gái kia cùng thi nhân tắm chung trong một hồ sen, thì thi nhân lúc tuổi thơ cũng chỉ là một đứa trẻ ngáy ngồ :

*Tôi nhớ trưa hè trời nắng gắt,  
 Bạn cùng tôi tắm dưới hồ sen,  
 Thân ngà lồ lộ bên hoa lá,  
 Cảnh đẹp nhưng tôi chưa biết nhìn.*

Thời gian ! Phải, chính thời gian là mầm ung độc đã bám vào xương tủy của tuổi thơ, giết chết dần mòn những ngày vui hồn nhiên, tạo trong tâm hồn ta một khoảng cách xa xôi với những kỷ niệm tươi đẹp của hoa xuân.

*Ngày lại, ngày qua, năm tháng trôi.  
 Rồi tôi với bạn cách đôi nơi.  
 Cúi đầu, yên sống theo số phận  
 Nào biết lòng ai kẻ góc trời.*

Tàn khốc hơn, nó còn định hủy diệt nốt cái nụ đời, cái mầm sống trẻ, cái kỷ niệm ám êm nhất trong lòng người :

*Chợt một ngày kia tôi được tin  
 Bạn cùng người kết mối lương duyên.  
 Lòng tôi thồn thức. Tôi mơ tiếc  
 Hình ảnh người xưa. Rỡ hão huyền !*

Đấy, ở ngưỡng cửa đời, các bạn vừa bước chân vào là đã nhấp ngay mùi chua chát. Người ta đã khó khăn khi phải chỉ định ranh giới của tuổi thơ, thi nhân cũng là người vương phải thác mắc ấy :

*Đôi phen muốn hỏi cùng mây nước  
 Rằng tự bao giờ mất tuổi thơ ?*

Rồi các bạn luyện tiếc :

*Và hỏi bao giờ lúc thiếu thời  
 Đầy hoa, đầy mộng, thú vui chơi ;  
 Sẽ quay trở lại cho tôi, đề,  
 Đề tưởng mình đang độ chín mười.*

Tuổi thơ à ?

Nó ở cái tuổi hoa niên, khi mà con người còn sống theo bản tính thiên nhiên, tâm hồn tinh khiết, tâm tinh chỉ phản ánh trung thực từ ngoại giới mà chưa biết sử dụng nội tâm. Mầm ưu tư chưa len lỏi vào tâm linh ; niềm vui thì dậy nở miên man trong trí tưởng. Mắt ngây thơ nhìn đời như một trường hoa mộng...

Chúng ta muốn biết tuổi thơ chúng ta bao giờ mất à ?

Vậy thì hãy trở lại cái lịch sử tan vỡ của nó :

*Hôm qua xem cá đớp trắng vàng,  
Em thân thơ ngồi tựa gốc lan.  
Anh lại bên em ngồi ghé cạnh.  
Đôi ta chung sống phút mơ màng.*

Đấy là thời gian của tuổi trẻ đã bắt đầu lên men, và hương đời tỏa ra bằng chất ngọt ngào chưa pha trộn.

Đẹp chứ ! Còn cảnh nào thơ mộng, say sưa bằng một giai nhân nũng nịu bên người yêu với những câu tình tứ :

*Anh thử trông, xem có ngộ không ?  
Mảnh trăng hấp tấp chạy theo dòng,  
Tung tăng cá đuổi theo sau đớp,  
Có khác chi anh dơi bóng hồng ?*

Hỡi những cô thiếu nữ diễm kiều trong thiên hạ ! Có bao giờ các cô nghĩ rằng tuổi thơ các cô đã mất khi mà các cô bắt đầu biết nũng nịu với tình nhân chăng ?

Một cô gái bất tình nhân phải kể chuyện thần tiên cho nàng nghe mới chịu thêu tặng khăn hồng không phải là cử chỉ nũng nịu ư ? Rồi như có ý định, nàng đã :

*Vội vàng em bỏ cả xem trăng,  
Vội vã về phòng, vội lấy khăn.  
Hấp tấp em tìm kim với chỉ  
Thêu mau cho kịp sáng mai xong.*

Tại sao khi người con gái đang yêu lại có cử chỉ lạ lùng ấy ? Nàng muốn được nghe chuyện thần tiên chăng ? Không ? Cử chỉ ấy chính là sự biến thể của tuổi thơ. Thời

gian bắt đầu làm dậy men trong cơ thể nàng để tạo hương vị đời. Sự lên men ấy khiến người con gái có những thái độ mâu thuẫn, vừa nũng nịu, vừa chiều chuộng, vừa hờn giận, vừa thiết tha mong chờ :

*Hôm sau em đến gốc lan ngồi,  
Chốc chốc sờ khăn chỉ sợ rơi...*

Đấy, chúng ta thấy hương đời tỏa ra ngạt ngào giữa bầu trời xuân, bắt nguồn từ sự tan biến của tuổi thơ. Đời tình nhân ấy say sưa chệnh choáng với chén rượu đầu tiên :

*Gần anh, em thấy : Ôi sung sướng !  
Kề má hồng em, má bạn thân.  
Hơi anh đều đặn, ấm lòng em.  
Em thấy quanh em, cảnh ngả nghiêng,  
Như cũng giống em say đắm vị  
Ái tình man mác, phút êm đềm.*

Thời gian trôi không ngừng. Sự tan biến của tuổi thơ không chỉ khoảnh khắc. Nó tiếp tục nung đốt cho đến lúc cháy hẳn cái chất ngây thơ, hồn nhiên của tuổi trẻ. Thời gian ấy thì như «hãy hương đời ngùn ngụt bốc lên trong người con gái :

*Hôm nay em đến bắt đền anh  
Đã đề cho em ngủ một mình ;  
Trong giấc mơ màng bao sợ hãi,  
Quờ anh chỉ thấy bóng trăng thanh !*

Hiện tượng «nhiệm đời» của người con gái, ta thấy từ cái cảm giác mê mẩn trong thực tại, cho đến cái cô đơn, thiếu thốn trong giấc mơ, tâm hồn tỏ ra ưa thích, chìm đắm trong cái thú lảng lảng, nhẹ nhẹ của ái tình :

*Em giận con gà gáy sáng ran  
Làm em trót tỉnh giấc mơ tan.  
Anh ơi, khe kéo rèm the lại,  
Nối lại cho em giấc mộng vàng.*

Đối với người trai, trong thời gian «nhiệm đời» cũng không khác mấy. Tâm hồn họ cũng buồn rười rượi khi thấy



cảnh trời thu vắng vẻ, ánh thái dương không còn sưởi ấm lòng người. Những buổi sương đông làm giá lạnh con tim. Trong cái quạnh quẽ của cảnh vật, cái trống trải của tâm hồn, họ hay hướng về sức ấm áp của tình yêu :

*Em hân như anh, hân thấy buồn,  
 Nhưng chiều thu vắng lúc tà dương !  
 Như anh, em thấy lòng hiu quạnh  
 Những buổi đông về lác đác sương.  
 Em hân như anh, hân thấy vui,  
 Nhưng chiều hè đẹp, sáng hè tươi.  
 Những đêm xuân sáng, hương say đắm,  
 Bất ngát hồn em với cảnh trời.*

Đừng lấy làm lạ, hỡi lòng trẻ ! Thời gian ngự trị nhân gian ; không từ bỏ một ai, nó tước đoạt chậm chậm và êm ái tuổi thơ của mọi người bằng sức quyến rũ của hương vị vật dục cho ta mảng vui mà tìm thụ hưởng, rồi dần dà tiến đến bờ hư không theo sự khát khe của định luật sinh diệt. Đây, ta hãy xem linh hồn của họ buồn vui như nhau trước luật thiên nhiên :

*Mà nhi, em ơi, cách bức màn,  
 Sao hồn em cảm giống hồn anh,  
 Cũng buồn man mác cùng sương giá,  
 Nao nức khi mai trắng diềm cành.*

— Buồn ư ? Vui ư ?

Còn gì đắn đo khi đã chấp nhận ngồi vào bàn tiệc. Hãy nâng ly lên ! Phải uống, và càng uống say, ta càng bắt gặp nhiều mùi vị khác lạ. Đến lúc ngà say vị thể, ta hãy ôm lấy chiếc đàn, so dây, lựa phím, gảy lên những khúc nhạc buồn vui của tình đời :

*Anh đã ngắm trời đông ủ rũ,  
 Cảnh tiêu điều như ngủ giấc mơ,  
 Cây rùng cành lá lơ thơ,  
 Chim bay xao xác, núi lờ mờ sương.  
 Anh đã thấy xuân sang rực rỡ  
 Với búp non xanh nở tung bùng*

Đầy trời chim hót vang lừng  
 Gọi hồn thi sĩ lên từng mây cao.  
 Anh đã thấy bên ao, con cuốc  
 Gọi vào hè, tiếng lướt ngàn lau.  
 Trời cao soi nước sáng lâu,  
 Con cò trắng diêm trên màu cây xanh.  
 Anh từng tả những tình cảm đẹp,  
 Nắm sầu vui, ghi chép nhớ mong.  
 Đã từng mượn tiếng tơ đồng  
 Hiến đời những điệu đờn lòng ni non...

Hãy bỏ thêm thời gian vào cốc: rượu cho men đời sôi lên, cho vị đời thêm đậm. Các bạn có tìm thấy thời gian chẳng? Kìa, bên trời cánh én liệng quanh, báo hiệu thời gian bay vun vút.

Những cánh én ấy đã nói lên những gì?  
 Nó nhắc cho ta tuổi thơ qua rồi, những ngày vui sắp hết.

Xuân ấy cùng ai họa tiếng đàn,  
 Mà nay đàn thoảng với không gian;  
 Im ...m ngày tháng đưa nhau chạy,  
 Văng vẳng buồng khuê tiếng tiếc than.

A! Thì ra những cánh én đã đem thời gian bỏ thêm vào cốc rượu đời để tạo nên mùi ly biệt! Vậy thì cứ uống, rồi hồi tưởng tuổi hoa niên:

Xuân ấy cùng ai dưới nguyệt mờ,  
 Má ai mơn mớn vẽ đào tơ,  
 Mà nay xuân đến. Xuân ai mất  
 Tiếc tuổi xuân quang những thương thờ.

Đi vắng không tìm lại được cũng như một khi rượu đời đã pha trộn không thể tách rời ra từng hương vị! Nhưng đã thôi đâu! Cánh én vẫn còn dật trên khung trời, thời gian cứ trôi thì rượu biệt ly vẫn còn đượm thêm mùi thương nhớ:

Đã bốn năm rồi tôi biệt Lan,  
 Tình Lan vui về lại nông nàn.  
 Lan yêu những buổi chiều thơ mộng  
 Nhưng ghét giang hồ cảnh hợp tan.

Nếu tình đời không trái ngược thì rượu đời sẽ thiếu hẳn mùi cay đắng ! Vậy khi đã nâng ly nhấp chén đời thì cũng đừng trách người đẹp bày ra cảnh phụ bạc :

*Vẫn biết tôi, Lan, chẳng hợp nhau  
 Vì Lan mê hám cảnh sang giàu,  
 Còn tôi trốn hẹn cùng trăng gió  
 Dẫn bước giang hồ tới mãi đâu ?*

Đã nếm mùi đời thì cũng phải trốn nâng ly, ai lại vô tình từ chối bao giờ :

*Tuy chẳng hợp nhau vẫn cứ yêu.  
 Mượn văn tìm lấy thú cao siêu.  
 Xa Lan, tôi viết bao thơ lệ.  
 Đề tặng Lan coi một buổi chiều*

Đây chỉ là trạng thái ngà ngà say thôi. Càng đi sâu vào tình nhân thế càng thêm vị chua nồng. Ta thử vén lên bức màn lòng bắt đầu đời đang :

*Một buổi chiều kia, tôi dạo chơi  
 Chợt nghe sau thấy tiếng Lan cười.  
 Tôi quay đầu lại, lòng vui sướng ;  
 Khiến nỗi Văn-Lan đã lạ rồi !*

Hỡi kẻ đang chênh choáng rượu đời ! Trước khi nhấp tiệc, ắt hẳn các người cũng đã từng nghĩ đến say sưa. Tuy thế, nhưng các người vẫn tham dự ; vậy nay có bị say thì cũng đừng trách cứ :

*Lan đã lạ tôi cũng chuyện thường  
 Bởi vì Lan đã được yêu đương,  
 Lan cùng người mới yêu duyên mới  
 Còn nhớ làm chi kẻ chí phượng*

Cái gì đã làm cách biệt giai nhân với khách giang hồ ? Sự giàu sang ? Phải, ái tình mà bỏ thêm vào kim vị thì dễ biến chất đến khó uống, khiến ăm khách ngạc nhiên :

*Riêng tôi, tôi chẳng hiểu làm sao  
 Lan đã gặp tôi chẳng hỏi chào !  
 Có phải đâu phùng trăng gió cũ,  
 Vườn hồng Lan sợ bước ong vào ?*

Cần nhắc thêm cho khách giang hồ, yếu tố thời gian cũng là mầm độc cho ái tình. Nó dường như quá ngắn đối với kẻ phiêu bạt đang rao gót trên đường đời, nhưng nó lại quá dài cho người chờ đợi. Ái tình mà chờ mãi thì cũng biến chất :

*Hỡi gian ! nào phải có gì lâu !  
Mới có ba thu chàng gặp nhau.  
.....  
Mà nghi trách gì con én liệng  
Dưới trời xuân thắm đẹp muôn màu.*

Hỡi những cánh én mùa xuân ! Các người đừng tự phụ là đã đem cảnh xinh đẹp cho taé gian ! Chính các người đã thúc đẩy thời gian qua mau khiến người tình quân chưa kịp về ; các nàng khuê phụ đang nguyên rủa các người đấy !

Các người không tin à ? Vậy thì hãy nghe :

*Trên cây dương liễu trước màn,   
Con oanh cũng đã rời cành bay xa.  
Ngoài hiên chỉ thấy bóng nga !  
Nàng Lan nhìn bong trắng tà băng khuâng.  
Bao lần chàng hời ! bao lần,  
Bao giờ oanh giục, tình quân chàng về.*

Người khuê phụ oán trách thời gian, nguyên rủa những cánh én kia là ai ? Thi nhân cho chúng ta biết cũng là nàng Lan, người giai nhân đã đem thời gian hòa vào cốc rượu đời đề thể nhân ném mùi cay đắng, rồi cũng chính nàng lại phải ném vị đắng cay ấy.

Ghét cảnh hợp tan giang hồ. Yêu thích mơ mộng, ham chuộng giàu sang, xe duyên cùng kẻ khác, nhưng cũng không tránh khỏi « kiếp gió mây » :

*Năm nay cũng một chiều hè  
Nàng ngồi bên gốc cây hoè đưa thoi.  
.....  
Chàng còn mãi bước giang hồ,  
Gót kỳ khu hiết bao giờ dừng đây !*

Lâu xưa Hoàng-hạc, mai gầy,  
 Bao giờ lại thấy đầu giày cổ nhân ?  
 Xuân qua, xuân lại làn lãn,  
 Sao chàng chẳng nhớ ái ân thuở nào ?  
 Dương cầm này khúc tiêu tao  
 Nàng buồn lại thấy lòng thao thức buồn.  
 Trên mi thoáng diêm hạt sương,  
 Nàng Lan khóc bóng người thương xa vời.

Đừng than khóc ! Đừng trách trời ! Đừng bảo « tạo hóa  
 đổ hồng nhan » ! Vì, không riêng ai cả, mọi mơ màng, say  
 sưa, hờn tủi, đồ vỡ chính là những bản nhạc đời dành cho  
 diễn viên trên sân khấu.

Khi rượu đời đã lên men, tơ đàn đã so phím, còn chờ  
 gì mà không hát lên, phò vào lòng đời những khúc quan hoài ?

Vâng ! Chính nàng đã hát. Chúng ta lắng nghe :

*Năm xưa băng lảng chiều trời  
 Nắng hè dần khuất sau đồi thông xanh.*

*Lòng nàng với cánh lãng lãng,  
 Nàng buồn tiếng hát lên tầng mây cao.  
 Hát rằng : « Theo ngọn trúc đào,  
 Hồn em phấp phới bay trào thiên nhiên,  
 Khác nào cung Quảng bầy tiên  
 Ướt mình theo điệu xuân thiên nào nùng.  
 Ngày xanh phai thắm má hồng,  
 Các thùy vi đề lạnh lòng riêng ai ! »  
 Giọng nàng tiếng gió ngân dài  
 Nghe xa như điệu tuyết vời trên không.*

Hỡi những cánh én kia ơi ! Thôi ! Các người đừng điên  
 cuồng đưa thời gian nữa ! Chúng bây hãy dừng lại !  
 Đừng giục giã thời gian dè loài người có đủ thì giờ ca lên  
 những khúc tâm tư của họ !

Hỡi những người trẻ tuổi trong thế gian ! Các người  
 đừng quá sớm ham mê mà bị thời gian tước đoạt tuổi thơ  
 hồn nhiên của các người :

*Vườn xuân bao rực rỡ,  
Bướm với hoa đua nở  
Bầy nên cánh muôn màu  
Khiến mọi lòng hớn hở.*

*Đó : em thấy trời vui,  
Vì trăm hoa đều tươi.  
Em hẳn nghĩ : có lẽ,  
Ai ai cũng như trời.*

*Nhưng em hãy chịu khó,  
Bới tìm trong làn cỏ.  
Âm thầm dưới chân em,  
Biết bao lệ dấu đó.*

*Hắn em sẽ chẳng ngờ,  
Cỏ kia gió phất phơ.  
Dưới trời xuân tươi tắn,  
Lại có lệ bao giờ.*



Mượn những dòng thơ trên để giải bày tâm tình của mình, hay họ Đỗ muốn đặt một nhân sinh quan cho lớp người trẻ, đang ở trong thời kỳ tuổi thơ hồn nhiên của họ.

(9-1968)



# *Thi tuyển*

## Say

Buồn ở đâu theo tới xuống rồi,  
 Đã tràn u ám cả hồn tôi  
 Đang ngồi say khướt bên ao vắng  
 Thơ thần nhớ người không nhớ tôi.

Viết vội mấy dòng kéo ý tan  
 Đang khi hồn ở chốn mơ màng  
 Đề mong ân ái vài giây phút  
 Giữa lúc say say tưởng cạnh nàng.

Viết được mấy dòng rất những : em  
 Thế rồi khoa chén uống huyền thiên  
 Bởi vì mai tỉnh, giờ vui hết  
 Nàng sẽ quay về ở chốn tiên.

Người ở tiên cung vốn lạnh lùng  
 Có bao giờ bận với yêu mong  
 Mà tôi yêu lắm, tôi mong lắm,  
 Nàng có bao giờ biết thế không ?

Chẳng lẽ suốt đời trong mộng tưởng  
 Chỉ say mời dấm ngò yêu Nàng  
 Lòng ơi ! gió đã về bên ấy  
 Còn đợi bao giờ nhắn ý sang.

Qua đã say rồi, nay lại say,  
 Rượu vui, buồn vẫn lẫn đâu đây.  
 Nghiêng hồ tôi rót cho đầy chén  
 Đề giữ người yêu hết trọn ngày.

Nàng chỉ thăm tôi những lúc buồn,  
 Khi hồ đầy rượu, buổi hoàng hôn,  
 Lúc hồn chuyển choáng say say ấy  
 Rồi lại quay về tận cuối thôn.

Nàng về thôn nào thôn nao ấy,  
 Sau núi nghiêng nghiêng đá trập trùng  
 Những buổi chiều vàng, sau nắng lạt,  
 Theo chiều lại đến với yêu mong.

Chiều nay nàng đến trong ly rượu  
 Tôi uống vui với hết cả nàng.  
 Tôi uống đặt dè tàng hớp một,  
 Sợ mai nàng bận chẳng buồn sang.

Trăng đã lên cao. Rượu cạn rồi,  
 Cá nàng đã dằm cả hồn tôi.  
 Ngày mai rượu hết nghiêng hồ rộng  
 Vết chút hương còn ép sát môi.

( *Điều thuyết thư năm* )



### Xuân hoài

Xuân ấy cùng ai họa tiếng đàn,  
 Mà nay đàn thoảng với không gian  
 Im lìm ngày tháng đua nhau chạy  
 Vắng vắng buồn khuê tiếng tiếc than.

Xuân ấy cùng ai dưới nguyệt mờ  
 Má ai mơ mơn vẽ đầu tơ  
 Mà nay xuân đến. Xuân ai mất  
 Tiếc buổi xuân quang những thấn thờ.

Xuân ấy ngắm ai mớ tóc xanh  
 Tóc xanh buông tỏa biết bao tình  
 Mà nay xuân quá. Xanh hồ bạc  
 Tơ liễu trên ai rủ trước màn.

( *Hà-nội báo, số 15 15-4-36* )





### Vạn vật

Anh đã nhắn trăng và gọi gió,  
 Đến làm thi tứ viết cho em.  
 Nhưng khi em đọc thơ anh viết,  
 Em có hay chăng những nỗi niềm  
 Của khách yêu thơ, lại ít tài,  
 Nhớ em, muốn viết những thiên dài  
 Dâng em những bức tranh đậm thắm  
 Của ngọn trào lòng lúc lóng lai,  
 Mà chỉ vịnh trăng cùng tả gió,  
 Không trăng, không gió, chẳng ra văn  
 Dành đem thờ lộ cùng sông núi  
 Tình của đôi ta truyện ái ân.  
 Dù biết núi sông hay mách lẻo  
 Chim hằng riu rít, suối hằng reo.  
 Nhưng không sông núi, đâu thi tứ  
 Đâu có văn thơ tả tấm yêu?

(Hạ-nội báo, số 17, 29-4-39)



### Lửa lò

Trời trong như tấm the đào.  
 Trăng non khê ghẹo bông đào trên cây.  
 Vườn xuân gió rắc hoa đầy  
 Trên hoa song sóng vết giầy Nàng in.  
 Thướt tha như điệu đàn tiên  
 Êm đềm Nàng đếm bước trên cánh hồng.  
 Lả lơi mấy tiếng tơ đồng  
 Nhặt khoan theo gót sen hồng Nàng đi.  
 Ánh trăng xuyên khóm tường vi  
 Rồi tan theo tiếng trúc ti tuyết vời,  
 Hương xuân nao nức bầu trời  
 Say sưa phảng phất như lời nước mây.

Nhẹ như thoáng ngọn heo may  
 Êm như gió lạc ngàn cây bên rừng.  
 Hoa đêm trắng rợn chập chùng  
 Gió xuân hây hây tung từng cánh bay.

Mơ hồ, trong cánh hoa bay  
 Lãng lơ Nàng tựa bên cây lũa lờ.  
 Trắng trong vượt tấm thân ngà  
 Thẹn thùng Nàng lấy lá, hoa che mình.

(Hà-nội báo, số 42, 21-10-63)



### Đôi ta

... Mà nhĩ, em ơi cách bức màn  
 Sao hôn em cảm giống hôn anh.

Có những chiều thu, cánh vắng teo,  
 Ánh vàng leo lét ẩn sau dèo  
 Rừng thu xơ xác, chim ngơ ngầu,  
 Rền rĩ cây ngàn tiếng lá reo.

Có những trưa hè ánh nắng ran  
 Nắng hè đốt cháy bụi tre vàng  
 Bờ ao, nước lặng, ngàn lau yếu,  
 Ủ rû khô vàng dưới bóng dương.

Có những đêm xuân nguyệt lừng lờ  
 Ngang màn dương liễu rủ buông tơ  
 Say sưa gió quyện hương xa lại  
 Như gọi cho ai nổi ước mơ.

Có những ngày đông trống rỗng buồn,  
 Sập sùi, mưa lệ rủ nhau tuôn  
 Âm thầm vườn vắng, trăng thôi lại,  
 Đè mặc tàu tiêu khóc gió sương.

Em hân như anh, hân thấy buồn,  
 Những chiều thu vắng lúc tà dương!  
 Như anh, em thấy lòng hiu quạnh  
 Những buổi đông về lác đác sương!

Em hẳn nhự anh, hẳn thấy vui,  
 Nhưng chiều hè đẹp, sáng hè tươi  
 Nhưng đêm xuân sáng, hương say đắm,  
 Bất ngát hồn em với cảnh trời.  
 Mà nhĩ, em ơi, cách bức màn  
 Sao hồn em cảm giống hồn anh  
 Cũng buồn man mác cùng sương giá,  
 Nao nức khi mai trắng diềm cành.  
 Thế còn những lúc tựa bên lầu,  
 Đàng đẵng ngày dài chẳng thấy nhau,  
 Em có cùng anh chung ý tưởng  
 Ai xui ai vãng để ai sầu ?

(Lưu-nội báo, số 18, 6-5-36)



### Kiếp gió mây

Nàng Lan khóc khách phương trời,  
 Dặm ngàn còn vắng những lời nước mây.



Ngang trời một áng mây bay,  
 Lững lờ như tấm tình ngây, mơ màng,  
 Ngô đồng rụng kín giếng vàng.  
 Trong mây thoáng có tiếng đàn bắt buông.  
 Dưới hồ rơi mảnh trăng suông,  
 Mảnh trăng năm trước còn vương trên cành,  
 Trên cành dương liễu còn xanh.



Trên cành dương liễu còn xanh  
 Con oanh đã giục trước màn bao phen,  
 Nàng Lan vội lỏng buông then,  
 Tung bưng dọn tiếp khách quen xa về.  
 Tay ngài vén bức rèm the.  
 Yêu đương nhìn khách ngoài hè vẫy tay.

Lũ chim khúc khích ngàn cây,  
 Bảo nhau cười gái thơ ngây đa tình.  
 Trên cây dương liễu bông manh,  
 Con oanh cũng đã rời cành bay xa.  
 Ngoài hiên chỉ thấy bóng nga !  
 Nàng Lan nhìn bóng trắng tà băng khuâng  
 Bao lần chàng hỡi ! bao lần,  
 Bao lần oanh giục tình quân chẳng về.  
 Năm nay cũng một chiều hè,  
 Nàng ngồi bên gốc cây hò đưa thoi.  
 Gió chiều thổi lá tàn rơi.  
 Nàng Lan đệt lụa dưới trời trong xanh  
 Trên cây dương liễu bông manh  
 Con oanh như hót khúc tình líu lo  
 Chàng còn mãi bước giang hồ  
 Gót kỳ khu biết bao giờ dừng đây !  
 Lâu xưa Hoàng-hạc, mai gầy,  
 Bao giờ lại thấy dấu giày cổ nhân ?  
 Xuân qua, xuân lại lần lần,  
 Sao chàng chẳng nhớ ái ân thuở nào ?  
 Dương cầm mấy khúc tiêu tao  
 Nàng buồn lại thấy lòng thao thức buồn  
 Trên mi thoáng điểm hạt sương  
 Nàng Lan khóc bóng người thương xa vời.



Năm xưa bằng láng chiều trời.  
 Nàng hè dẫn khuất sau đôi thông xanh,  
 Nàng Lan hớn hử sau manh,  
 Gió chiều mơn trớn tơ tình gái xuân  
 Lòng nàng với cảnh lằng lằng,  
 Nàng bông tiếng hát lên tầng mây cao  
 Hát rằng : « Theo ngọn trúc đào,  
 Hồn em phấp phới bay trào thiên nhiên,

Khác nào cung Quảng bầy tiên  
 Ướt mình theo điệu xuân thiên nã nùng.  
 Ngày xanh phai thắm má hồng,  
 Gác thúy vi đề lạnh lũng riêng ai. »  
 Giọng nàng tiếng gió ngân dài  
 Nghe xa như điệu tuyết vờ trên không.  
 Tiếng ai bỗng nói qua sông :  
 « Xin chào thiếu nữ má hồng, ngây thơ ».  
 Nàng Lan đỏ mặt ngàn ngơ.



— Phút hương say đắm bao giờ nàng quên.  
 Sau màn, một gã thanh niên  
 Nghiêm trang đứng ở ngoài hiên chờ nàng.  
 Nàng Lan cặp mắt mờ màng,  
 Thẹn thùng về giải áo vàng, lặng thính.  
 Thiếu niên se se nghiêng mình,  
 Cúi chào Lan, biết bao tình yêu đương :  
 « Thưa nàng, bóng đã tà dương,  
 Ánh vàng thôi nhuộm ngàn đưng mái ngoài,  
 Trăng treo trên ngọn trúc dài  
 Tôi còn đứng ngựa chưa rời quý trang.  
 Bởi vì nghe rõ tiếng nàng,  
 Khách giang hồ thấy bàng hoàng nổi riêng,  
 Tưởng chừng như gặp nàng tiên,  
 Giữa đường ngàn dặm kết duyên hải hồ,  
 Rồi thưa nàng, chốn bụi mù,  
 Ngựa hồng nhẹ gót vân du vô chừng.  
 Riêng tôi ôm ủ trong lòng,  
 Trăm năm một mối tình không, âm thầm !  
 ... Lợn đời một khối tình câm !  
 Mà hay đâu khách xa xăm yêu mình !  
 Đành đem giải mối u tình,  
 Biết người đẹp chốn non Quỳnh có hay.

Thừa nàng bóng đã về tây,  
 Tôi còn dùng đấng đứng đây chưa về,  
 Ngựa hồng hí gọi ngoài hè.  
 Bóng trắng đã xế ngàn lê bạc đầu. »  
 Nàng Lan nét mặt rầu rầu  
 Băng khuâng nhìn bóng trắng thấu qua rèm :  
 — « Thừa chàng, cái phút êm đềm  
 Chiều nay em đứng ở bên cạnh chàng,  
 Suốt đời em sẽ mơ màng,  
 Đề luôn nhắc đến tình lang xa vời.  
 Đau lòng hơi, bạn tình ơi !  
 Theo sau chàng đến góc trời, ven mây.  
 Mẹ già tuổi sắp đến ngày,  
 Em còn thơ dại, ai thay cho mình !  
 Đòi chương đành ủ mối tình,  
 Đợi chàng vin liễu bẻ cành năm sau.  
 Thêm ba, mặc khách công hầu,  
 Đình ninh đợi kẻ áo bào bụi phong ».  
 — « Nàng ơi ! vó ngựa vô chừng,  
 Mà thân hổ hải, lá rừng khác chi !  
 Thôi !... đành rút áo ra đi.  
 Trăm năm gặp mặt là kỳ hôm nay !  
 Mai kia, rêu phủ dấu giày,  
 Mà tình duyên cũ theo ngày tháng trôi.  
 Tôi buồn vò võ phương trời,  
 Nàng thơ thần nhớ bóng người năm nao ».



Thiếu niên lẳng lạng cúi chào  
 Ngoài hè, cỡi ngựa, xốc bèo lên yên.  
 Vó câu dong ruổi trong đêm,  
 Trăng mờ soi cảnh êm đềm rừng khuya.  
 Vườn xưa trắng vẫn đi về  
 Lẳng lơ trắng vẫn dòm kẻ bên song

Nàng Lan vò vớ cô phòng.  
 Khách giang hồ thấy vân mòng nơi đầu.  
 Cành dương tơ rủ rầu rầu,  
 Con oanh réo gọi mái lầu ngàn ngơ  
 Mặt hồ, trắng tỏ lừng lờ  
 Dấu giày năm trước, năm giờ rêu phong.  
 Trời xa thăm thẳm mây lồng  
 Tìm đâu thấy bóng ngựa hồng cố nhân !  
 Hẹn đâu có hẹn lẫn khôn  
 Bể bàng xuân đến... rồi xuân theo mà !  
 Chân trời tí tắp nẻo xa...  
 Ngựa ai in thẳm, giải là ai bay ?  
 Hay chàng chán kiếp gió mây  
 Nhớ lời hẹn cũ mà quay ngựa về ?  
 Chàng ơi ! dạ thiệp tề mê,  
 Vắng chàng thiệp thấy buồng the lạnh lùng !  
 Mau lên ! gạt đám bụi hồng,  
 Mau lên ! thúc ngựa cho lồng gấp lên !  
 Trời ơi ! đặng đặng bao niên,  
 Mau lên ! thiệp rải tình riêng chút nào !



Rặng tre gió thổi xào xào  
 Mà người cõi ngựa phải nào khách xưa.  
 Khách qua đường vẫn hững hờ,  
 Mặc nàng buồn sống những giờ quạnh hiu.  
 Tà tà, bóng ngựa về chiều  
 Mây xanh mấy áng tiêu điều lững lơ.  
 Mặt hồ nước phẳng lặng tờ,  
 Như hờn giận khách giang hồ biệt tin.  
 Vườn xưa, lối cũ rêu in.  
 Thềm hoa năm trước cỏ chen mọc đầy,  
 Nàng Lan nhìn áng mây bay,  
 Ngậm ngùi oán kiếp gió mây bạc tình.



Tiếc gì những bóng chim xanh,  
 Một ngày xuân đã lướt mình bay ngang !  
 Oán gì những kiếp ngang tàng  
 Mãi vui mây nước, lơ lửng tơ duyên  
 Như chim vui cảnh thiên nhiên  
 Khách giang hồ cũng lãng quên má hồng.  
 Vẫn cười ngạo nhẽ non sông,  
 Hay đâu đã đề nát lòng cho ai !



Nàng Lan khóc khách phương trời  
 Dặm ngàn còn vắng những lời nước mây.  
 (Hà-nội báo, số 21, 27-5-36)



### Tuổi thơ

Còn nhớ năm nào tôi với bạn  
 Lòng xuân hơn hẳn, chỉ cười vui.  
 Tuổi thơ non nớt nào đâu biết,  
 Những nỗi chua cay của cuộc đời.  
 Tôi nhớ trưa hè trời nắng gắt,  
 Bạn cùng tôi tắm dưới hồ sen,  
 Thân ngà lồ lộ bên hoa lá  
 Cảnh đẹp nhưng tôi chưa biết nhìn.  
 Nhớ những chiều xuân bạn với tôi  
 Dưới trời xanh thăm hái hoa mai.  
 Đua nhau nhét chặt hoa đầy túi  
 Rồi lặng nhìn nhau, tím tím cười.  
 Rồi bạn xa tôi tới Bắc-thành  
 Đề tôi thơ thần chốn vườn xanh.  
 Bạn tuy xa vắng. Nhưng tôi chẳng  
 Cảm thấy lòng tôi thối mắc tình.



Bởi vì : bạn hơi ! tuổi ngây thơ  
 Dâu biết tình thương, nỗi đợi chờ !  
 Tôi mến bạn vì tôi với bạn  
 Nhiều lần đuổi bướm khắp vườn hoa.  
 Ngày lại, ngày qua, năm tháng trôi.  
 Rồi tôi với bạn cách đôi nơi.  
 Cúi đầu, yên sống theo số phận  
 Nào biết lòng ai kẻ góc trời.  
 Chợt một ngày kia tôi được tin  
 Bạn cùng người kết mối lương duyên.  
 Lòng tôi thồn thức. Tôi mơ tiếc  
 Hình ảnh người xưa. Rỡ hao huyền.  
 Lăn lăn ký ức điếu qua tôi  
 Những ảnh hình xưa đề ngậm ngùi,  
 Đề ngậm ngùi than thời dĩ vãng  
 Thời xuân : lòng chỉ biết yên vui !  
 Tôi chẳng hiểu sao đã ước mơ  
 Mối tình xa thắm, nợ duyên hờ.  
 Đôi phen muốn hỏi cùng mây nước :  
 Rằng tự bao giờ mất tuổi thơ ?  
 Và hỏi bao giờ lúc thiếu thời  
 Đầy hoa đầy mộng, thú vui chơi,  
 Sẽ quay trở lại cho tôi, đề,  
 Đề tưởng mình đang độ chín mười.  
 Là độ hoa cười với gió đông  
 Vườn xuân xanh, diềm ánh dương hồng  
 Hồn nhiên, chỉ biết yêu hoa cỏ  
 Chưa đề tình yêu bợn tới lòng.

(Hà-nội báo, số 28, 15-7-36)



## Con én liệng

Đã bốn năm rồi tôi biết Lan  
 Tính Lan vui vẻ lại nũng nàn.  
 Lan yêu những buổi chiều thơ mộng  
 Nhưng ghét giang hồ cảnh hợp tan.  
 Biết Lan âu cũng truyện tình cờ  
 Còn nhớ chẳng Lan « một bức thơ »  
 Chỉ thế ! Trớ trêu tay trẻ tạo  
 Mà tôi hận mãi đến bao giờ !  
 Lan ơi ! Lan có biết lòng tôi !  
 Thì hẳn vì tôi phải ngậm ngùi  
 Tôi chỉ mơ màng ngẫm vịnh hão  
 Mượn văn tìm tạm nỗi yên vui.  
 Nào có dám đâu ước lợi danh !  
 Dám đâu ao ước chuyện chung tình  
 Rút tim lựa lấy văn mơ mộng  
 Rồi chỉ mình nghe bạn với mình.  
 Dám đề đâu thơ bạn tới Lan,  
 Khiến Lan vợ vờ chuyện mơ màng  
 Ngờ đâu tiếng địch trong đêm vắng  
 Đã gọi Lan xa, họa tiếng đàn.  
 Vẫn biết tôi, Lan, chẳng hợp nhau  
 Vì Lan mê hám cảnh sang giàu,  
 Còn tôi trót hẹn cùng trăng gió  
 Dẫn bước giang hồ tới mãi đâu ?  
 Tuy chẳng hợp nhau vẫn cứ yêu.  
 Mượn văn tìm lấy thú cao siêu.  
 Xa Lan, tôi biết bao thơ lệ  
 Đề tặng Lan coi một buổi chiều.  
 Mơ ước của tôi, chỉ thế thôi  
 Mà Lan đâu có hiểu, than ôi !

. . . . .

Ba năm hoàn cảnh xui tôi vắng  
 Trở lại thì Lan : đời khác rồi !  
 Một buổi chiều kia; tôi dạo chơi  
 Chợt nghe sau thấy tiếng Lan cười

Tôi quay đầu lại, lòng vui sướng  
 Khốn nỗi Vân-Lan đã lạ rồi.  
 Lan đã lạ tôi cũng chuyện thường  
 Bởi vì Lan đã được yêu đương,  
 Lan cùng người mới yêu duyên mới  
 Còn nhớ làm chi, kẻ chí phương.  
 Riêng tôi, tôi chẳng hiểu làm sao  
 Lan đã gặp tôi chẳng hỏi chào  
 Có phải đâu phùng trăng gió cũ  
 Vườn hồng Lan sợ bướm ong vào.  
 Mà chẳng phải Lan thẹn nỗi gì,  
 Thẹn gì đối với bạn cầm thi,  
 Với người buổi trước bao nhiêu bạn  
 Sánh bước cùng nhau dưới ruộng quê.  
 Rồi tôi chợt nghĩ đến lời Lan  
 Thử thi bên tôi tựa tiếng đàn :  
 « Hồng ả ! duyên vẫn bền mãi mãi,  
 Trơ trơ đề ngạo lại thời gian. »  
 Thời gian ! Nào phải nói gì lâu !  
 Mới có ba thu chẳng gặp nhau.

.....  
 Mà nghĩ trách gì con én liệng  
 Dưới trời xuân thắm đẹp muôn màu.

(Hà-nội báo, số 43, 28-10-36)



### Nhớ

Em ả ! khờ là đời thi sĩ  
 Vì cõi trần bao vị đắng cay  
 Thi nhân từng nhấp cốc đầy,  
 Đè lặn lộn khóc, đề say rờn cười.  
 Rồi trước những cảnh trời lồng lộng  
 Hay là sau giấc mộng kê vàng  
 Buồn vui đều một tiếng đàn  
 Vui ca cảnh đẹp, buồn than mộng hồ.  
 Em hỡi ! Những bài thơ em đọc,  
 Vì nụ cười, tiếng khóc lựa nên

Thi nhân có chiếc đàn tiên  
 Trời cho đề khây những thiên hận đời.  
 Em ạ ! cũng sống đời thi sĩ,  
 Anh thường đem ý nghĩ trời trao  
 Lựa thành những khúc tiêu tao,  
 Đề ca những cảnh làm nao nức lòng.  
 Anh đã ngắm trời đông ủ rũ :  
 Cảnh tiêu điều như ngủ giấc mơ  
 Cây rừng cành lá lơ thơ,  
 Chim bay xao xác, núi lờ mờ sương.  
 Anh đã thấy xuân sang rục rờ  
 Với búp non xanh nở tung bùng  
 Đầy trời chim hót vang lòng  
 Gọi hồn thi sĩ lên từng mây cao.  
 Anh đã thấy bên ao, con cuốc  
 Gọi vào hè, tiếng lướt ngàn lau  
 Trời cao soi nước sáng lâu  
 Con cò trắng diềm trên màu mây xanh.  
 Anh từng tả những tình cảm đẹp,  
 Nếm sầu vui, ghi chép nhớ mong  
 Đã từng mượn tiếng tơ đồng  
 Hiến đời những điệu đàn lòng nỉ non...

Nghĩ từ độ nước non cách trở,  
 Xa nhau chi đề nhớ cho nhau ?  
 Nhớ em mượn bút nhiệm màu  
 Diềm tô rõ thảm cái sầu biệt ly !  
 Anh đã mượn cầm thi đề tả  
 Tình nhớ Em với cả non sông  
 Nhưng cầm bút viết nổi lòng  
 Chỉ nên hai chữ « nẻo nùng » mà thôi.

(Hà-nội báo, số 19, 13-5-36)



## Truyện thần tiên

Đôi tim rung động  
dưới trăng mờ...

Hôm qua xem cá đớp trăng vàng,  
Em thần thơ ngồi tựa gốc lan.  
Anh lại bên em ngồi ghé cạnh.  
Đôi ta chung sống phút mơ màng.  
Em vỗ tay cười khẽ bảo anh :  
— «*Này anh thử ngó bóng trăng thanh*  
*Ai đùa, đem thả trên dòng nước,*  
*Đàn cá đua nhau đuổi rập rình,*  
*Anh thử trông, xem có ngộ không ?*  
*Mảnh trăng hấp tấp chạy theo dòng*  
*Tung tăng cá đuổi theo sau đớp.*  
*Có khác chi anh rời bóng hờng ? »*  
Anh tát yêu em : «*Chỉ nhằm thôi,*  
*Chỉ hay đặt truyện đề trên người !*  
*Sao không thêu nốt khăn đưng dờ,*  
*Khéo mắt thì giờ, nhưng mãi chơi !*  
*Mau lên, đứng dậy, lấy khăn thêu,*  
*Ngoan ngoan, rồi mai, đến buổi chiều,*  
*Đợi lúc trăng vàng soi ngấn nước*  
*Yêu em, anh kể chuyện cho nhiều. »*  
Vội vàng em bỏ cả xem trăng  
Vội vã về phòng, vội lấy khăn.  
Hấp tấp em tìm kim với chỉ  
Thêu mau, cho kịp sáng mai xong.  
Hôm sau em đến gốc lan ngồi,  
Chốc chốc sờ khăn chỉ sợi rơi. . .  
. . . Theo bóng trăng vàng anh đã lại,  
Rồi anh lơ lả ngắm em cười.  
Em lấy khăn đào rở đề khoe :  
«*Hôm nay anh hẳn hết đường chê.*  
*Vì mong nghe truyện nên em gắng,*

Thì chuyện anh đâu có những gì ? >  
 Giơ tay anh chỉ rặng soan đào,  
 Cành lá um tùm mấy ngọn cao.  
 « Ta lại gốc soan ngồi nói chuyện,  
 Vì đây, cá động, nước lao xao ! »  
 Anh bảo bên anh xích lại gần,  
 Nghe gần, truyện lắm mới chiều xuân. . .  
 Gần anh em thấy — ôi sung sướng ! —  
 Kề má hồng em, má bạn thân.  
 Hơi anh đều đặn, ấm lòng em.  
 Em thấy quanh em, cảnh ngả nghiêng,  
 Như cũng giống em say đắm vị  
 Ái tình man mác, phút êm đềm.  
 Giây lâu nũng nịu bắt đền anh. . .  
 . . . Tùm tùm nhìn sương đọng giọt cành,  
 Anh chỉ cười hoài mà chẳng kè,  
 Cho em, chuyện thú dưới trăng thanh.  
 — « Nàng tiên xinh đẹp của anh ơi !  
 Yêu bạn anh đâu có tiếc lời,  
 Những truyện bên em vừa kể đó  
 Sao em đã vội lãng quên rồi ? »  
 — « Nào anh đã nói truyện gì đâu ?  
 Mà bảo em quên. Rỡ kéo sầu !  
 Từ nãy dưới trăng em chỉ thấy :  
 Đôi ta lẳng lặng tựa bên nhau ».  
 — « Thì người đẹp hơi phút êm đềm,  
 Anh ngả vào em, tựa vào em,  
 Dưới ánh trăng mờ vườn bát ngát,  
 Còn hơn gấp mấy truyện thần tiên.  
 Vì, em hẳn biết, có bao giờ,  
 Ta được cùng nhau — họa lúc mơ —  
 Ta được cùng nhau, nghe rộn rập,  
 Đôi tim rung động dưới trăng mờ. »

( Hà-nội báo, số 22, 3-6-36 )



### Hoa tử

Vườn xuân, nắng mới, hoa đang đẹp.  
 Em lạnh lòng qua, chẳng đỏi hoài.  
 Em hỡi ! Vô tri hoa biết tử ;  
 Dầm dìa châu lệ hạt sương mai.

( Thiên diễm tuyệt )



### Bắt đèn

Hôm nay em đến bắt đèn anh  
 Đã đề cho em ngủ một mình  
 Trong giấc mơ màng, bao sợ hãi,  
 Quờ anh chỉ thấy bóng trắng thanh !

Phòng vắng, sương reo, gió lạnh vào  
 Tìm chấn, chấn đã biến nơi nao.  
 Lạnh lòng em muốn anh ôm ấp  
 Đề cõi lòng em ấm chút nào.

Em giận con gà gáy sáng ran  
 Làm em trót tỉnh, giấc mơ tan.  
 Anh ơi, khe kéo rèm the lại,  
 Nói lại cho em giấc mộng vàng.



— Em hỡi, xa em anh khắc khoải,  
 Năm canh vò vớ, đợi cùng trông.  
 Muốn gần em đề ru em ngủ,  
 Khổ nỗi ta đâu phải vợ chồng.

( Hà-nội báo, số 47, 25-11-36 )



## Khóc thầm

Tặng Thái-Can

Vườn xuân bao rực rỡ  
 Bướm với hoa đua nở  
 Bầy nên cảnh muôn màu  
 Khiến mọi lòng hớn hở.  
 Đó : em thấy trời vui,  
 Vì trăm hoa đều tươi.  
 Em hẳn nghĩ : có lẽ,  
 Ai ai cũng như trời.  
 Nhưng em hãy chịu khó,  
 Bới tìm trong làn cỏ.  
 Âm thầm dưới chân em  
 Biết bao lệ dấu đó.  
 Hẳn em sẽ chẳng ngờ,  
 Cỏ kia gió phất phơ.  
 Dưới trời xuân tươi tắn,  
 Lại có lệ bao giờ.  
 Cõi đó, em Thanh ơi !  
 Đời đâu lại toàn vui  
 Như em tưởng. Giữa những  
 Tiếng cười, giọt lệ rơi.  
 Vì đời rộn rịp quá.  
 Nên làm che lấp cả,  
 Những tiếng khóc lâm ly.  
 Chưa bút nào từng tả.  
 Thấu chẳng em Thanh hơi !  
 Những nguồn cơn những nỗi,  
 Của bao kẻ khóc thầm.  
 Mà chưa ai biết tới.  
 Họ cũng như làn cỏ,  
 Âm thầm mọc trong xó,  
 Óm dấu lệ trong lòng.  
 Đề gượng đùa với gió.

( Hà-nội báo, số 26, 1-7-36 )







---

# PHẠM ĐÌNH BÁCH

1910 - 1968

---

**P**hạm đình Bách là tên thật, biệt hiệu Hoa-sơn, sinh 12 tháng 9 năm Canh-tuất ( 1910 ) tại làng An-tây, huyện Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam.

Thuở nhỏ ông học chữ Hán với phụ thân ; sau đi bút lông ra bút sắt, thi vào trường Quốc-học Huế, theo học được hai năm, rồi cùng vài người bạn tổ chức cuộc bãi khóa vào năm 1926, bị bắt giam ba tháng. Sau đấy lại hoạt động cho đảng Tân Việt, cũng bị bắt giam lần nữa cùng với Đào duy Anh... vào năm 1928.

Sau một thời gian, ông được phóng thích, liền ra Hà-nội học trường Albert Sarraut, thi đậu bằng Tú-tài toàn phần Pháp năm 1934 ; tiếp tục học trường Luật một năm rồi phải bỏ học vào Sài-gòn vì lý do chính trị. Nơi đây ông viết giúp cho báo Tranh đấu của nhóm Thạch — Tào — Thâu (Trần văn Thạch, Nguyễn văn Tào, Tạ thu Thâu) và báo Sống của thi sĩ Đông-Hồ.

Rồi ông lại trở về Huế giúp việc cho chính phủ Nam-triều.

Biến cố năm 1945, là người dân Việt, ông bị chìm ngập trong những ngày đen tối của đất nước. Mãi đến năm 1954, hiệp định Genève được ký kết, ông về Huế tiếp tục văn nghiệp và dạy học để sinh sống.

Tác phẩm của ông gồm có :

- Chưa đong (thơ trữ tình), xuất bản năm 1954.
- Chuyện đất thiêng (viết đề sánh với quyển sách Légende des terres sereines của Phạm Khiêm), xuất bản 1958.

Hai tác phẩm trên lẽ ra được xuất bản trước thời kỳ tiền chiến, nhưng thực dân Pháp không cho phép vì ông hoạt động chính trị.

- Văn thơ tiền hội, xuất bản năm 1955.
- Màu thời gian, xuất bản năm 1956.
- Văn thơ cò kính, xuất bản năm 1961.

Ba tác phẩm sau này sáng tác sau thời kỳ 1945.

Ngoài ra, Hoa-sơn Phạm đình Bách hiện đã hoàn thành nhiều bộ sách. Ông định sẽ in ra trước thi phẩm Chinh Nam, gồm 100 bài Đường thi sáng tác từ năm 1945 cho đến nay. Tác giả nghĩ với tập Chinh Nam sẽ đóng góp ích lợi cho văn học hơn tập Văn thơ cò kính vì nội dung phản ánh được tình trạng nước nhà trong những năm tao loạn.

Năm 1968, Phạm đình Bách mà cuộc đời là cả một dòng chiến đấu liên tục, đã bị chết thảm thương trong biển cỏ Xuân Mậu-thân và được an-táng tại Đà-nẵng.



«Xin hai ông Thanh-Tĩnh và Phạm đình Bách cho biết địa chỉ để chúng tôi gửi tặng báo và Mandat.»

Trên đây là lời ghi chú dưới hai thi bản được đăng trên Hà-nội báo số 5 ra ngày 5-2-1936 đề nhân tin hai thi sĩ đã chiếm giải nhất về cuộc thi thơ tháng Hai do báo ấy tổ chức.

Đọc hai tác phẩm và lời ghi chú, chúng tôi thấy như sau : Hai thi sĩ đều chiếm giải nhất đồng hạng. Xét theo thứ tự trong ghi chú, tên Thanh-Tĩnh đặt trước, tên Phạm đình Bách sau ; nhưng ở vị trí đăng thơ, thi bản Từ đây của Phạm đình Bách trước, Lời cuối cùng của Thanh-Tĩnh

sau. Chúng tôi nghĩ: Tòa soạn *Hà-nội báo* một mặt làm vừa lòng cả hai thi sĩ, một mặt vẫn trung thành được ý muốn sắp xếp của mình. Bài *Lời cuối cùng* (hay *Lời trời*) của Thanh-Tĩnh gợi ta hình ảnh rõ rệt và tứ thơ gây được nhiều rung cảm, nhưng *Lời cuối cùng* lại là thi bản phỏng tác bài thơ *Et s'il revenait un jour* của thi sĩ Bỉ Maurice Maeterlinck. Trái lại *Từ đây* là một thi bản sáng tác của Phạm đình Bách. (1)

Sự kiện cho ta một nhận định: Tiếng thơ của Phạm đình Bách có giá trị sáng tác; còn của Thanh-Tĩnh có giá trị truyền cảm.

Sự nghiệp thi ca của Phạm đình Bách bắt đầu đi vào quảng đại quần chúng bằng bước chân danh dự ấy.

Nếu ở quyền Thượng các bạn đã rung động theo tiếng thơ của Thanh-Tĩnh qua bài chiếm giải nhất — *Lời cuối cùng* — ở đây chúng tôi xin giới thiệu thi bản đồng hạng của Phạm đình Bách :

### Từ đây

*Gặp em ở dưới góc trời xanh,  
Em đứng nhìn anh lưu luyến tình.  
Từ đây ngày đêm anh qua lại,  
Nhà em vắng vẻ gió lay màn.*  
*Năm tháng bay qua, bên nhà em,  
Vẫn thấy bóng anh đứng tựa rèm.  
Mà em nào biết anh vợ vẫn,  
Dưới trướng em thường giấc mộng êm.*

1) Chúng tôi tưởng cũng nên ghi lại đôi chút thể lệ cuộc thi thơ lúc bấy giờ để các bạn hiểu qua trong lúc ngọn triều thơ mới đang lên đầy động, các báo đua nhau tổ chức các cuộc thi văn thơ như thế là đã trực tiếp giúp phong trào bánh trướng mạnh, khuyến khích những mầm thơ mới lên, tạo được số lượng thi nhân ngày càng phong phú.

Sự tưởng thưởng những thi tài mới nổi của *Hà-nội báo* như sau: Giải nhất 10 đồng, nhì 5 đồng, ba và tư một năm báo (= 1 đ. 30).

Để các bạn định được tầm giá trị quan trọng của giải thưởng, chúng tôi xin mạn phép làm một bản thống kê sơ lược sau đây:

Năm 1936: Báo 32 trang giá: 3 xu

Năm 1968: Báo 32 trang giá: 10 đồng.

và các bạn hãy chịu khó làm bài toán nhỏ

Một đêm lặng lẽ anh kê đầu,  
 Qua cửa trông vời bốn bề sâu.  
 Anh thấy trăng lên soi quạnh quẽ,  
 Bóng em tha thướt dưới tơ sầu.  
 Em đứng rồi em đưa mắt trông;  
 Hai người bở ngỡ ý chưa thông.  
 Gặp nhau chẳng dám lời han hỏi,  
 Thồn thức anh quên ngỏ chút lòng.  
 Từ đây ngày đêm anh vẫn qua,  
 Nhà em vắng vẻ đượm sầu pha.  
 Mỏi trông cửa kín, tường cao cấm,  
 Chờ lúc đêm tan bóng nguyệt tà.  
 Ra về phủi áo giọt sương rơi.  
 Tờ đũa con chiên mển Chúa Trời.  
 Qua chốn mộ tàn tìm dấu cũ,  
 Dặm đường trở lại dạ đầy vơi.  
 Nhớ bóng xa xăm trong tắc gang,  
 Anh đi ngừng lại. Phút mơ màng,  
 Thấy em tựa cửa đương theo dõi,  
 Người khách điêu linh, bước lơ làng.  
 Tường tượng chưa tan, ngọn gió mai,  
 Rung màn ảo mộng, lá lay rơi.  
 Lìa cây vàng úa, gieo đường vắng,  
 Phút chốc lòng anh cũng rã rời.  
 Đến nay chán nản hết trông mong.  
 Ôm ấp tình xưa trong khối lòng.  
 Anh đã gieo thân vào cát bụi,  
 Tuyết vời mây nước kiếp mênh mông. (1)

(Giải thưởng Hà-nội báo, 2-1936)

Khảo sát, chúng tôi thấy thi bản *Từ đây* của Phạm đình Bách vắng vắng cung điệu *Tiếng gọi bên sông* hay *Giấy phút chạnh lòng* của tác giả *Mấy vần thơ*. Từ hình ảnh người

1) Chúng tôi ghi chép theo bản đã được tác giả sửa chữa ngày 4-11-1967.

chính phu của Thế-Lữ đang « dẫn bước truân chuyên khắp hải hồ » và cũng đang « cười phen thất bại khinh nguy hiểm », lại còn kiêu hãnh tự hào :

*Trong thuở bình sinh đôi mắt ta  
Không hề cho đắm lệ bao giờ.*

(Tiếng gọi bên sông — Thế-Lữ)

thế mà chỉ vì đôi câu hát réo rắt bên kia sông đã khiến khách chính phu mềm lòng, tê tái ; cho được quân binh lại trạng thái sinh hoạt bình thường, người chính phu của Thế-Lữ đã phải bậm gan :

*Đau lòng rút mối tơ vương vẫn,  
Nước mắt đầu tiên đã chảy rơi.*

(Tiếng gọi bên sông — Thế-Lữ)

bởi vì :

*Chí nặng bốn phương trời nước rộng  
Từ nay thêm bận nỗi thương ai.*

(Tiếng gọi bên sông — Thế-Lữ)

Trái lại, người khách giang hồ của Phạm đình Bách đã vấn vít tơ vương rồi mới cất bước lưu ly. Hai cảnh huống trái ngược. Ta thấy con người giang hồ của Phạm đình Bách ý chí sắt đá hơn.



Nhận xét tiếng thơ Phạm đình Bách, chúng ta có thể phân chia hai dòng : Tân và Cựu.

Giờ, hãy nói dòng « Tân » trước.

Hòa với nhịp bước rập rờn của thề thơ mới, Phạm đình Bách đã cấu tạo thi bản như *Lâu đài trên không* và *Hồ tinh tâm v. v...* chứng tỏ thi sĩ Hoa-Sơn là một tín đồ của phái mộng mơ, triển miên theo dòng thơ dể dặt ; mỗi thi bản là một chuyện tâm tình được phò nhạc thơ, lời cuốn hồn thơ quỵện theo từ một quá khứ đến hiện tại. Một hiện tại của u buồn, trống rỗng gần như cô độc của một người thơ ngồi mãi dưới ánh trăng chênh mong tìm gặp lại bóng hình ngày nào của người con gái mến yêu. Thời gian nhẹ cánh bay như gió thoảng, có cái xuân hồng nào bẽn gan chờ đợi

thi nhân đề sánh bước quanh hồ ngắm mùa sen nở đề phải túi hồ với hoa. Kiếp hoa và kiếp người nào khác chi nhau, nở đề rồi tàn tạ.

Ba mùa đã rụng, ngày tháng đủ dài cho đôi chim vành khuyên sinh nở mấy lớp chim non. Vậy thi nhân hãy « bình lòng » ngồi lại bên hồ « Tĩnh tâm » mà suy nghiệm lẽ sinh sinh hóa hóa của vạn vật.

Trong *Lâu đài trên không*, thi nhân đã dệt một giấc mộng tình. Thi nhân muốn xây đắp cho người yêu một lâu đài « nguy nga, rực rỡ » trên chín tầng thượng giới ; nơi đó đôi tình nhân sẽ say đắm trong hạnh phúc nghìn đời ; nơi đó hồn và thể thoát nhẹ khỏi phiền lụy khi nghe khúc tiên ca. Thi nhân còn vẽ lên những cảnh với người yêu :

*Ta sẽ về những nơi rực rỡ, nguy nga,  
Anh đã vì em trang hoàng lộng lẫy.  
Rồi trên lầu hồng, gác tía lặng nhìn lửa cháy,  
Của mặt trời phun đốt các ngôi sao ;  
Em cùng anh liếc mắt nhìn vào,  
Những thế giới mệnh mông trong không gian vô hạn.*

Quả là một cảnh huyền mơ, nhưng người yêu của thi nhân từ chối, vì :

*Cảnh Bồng-lai của anh trên tiên giới,  
Em điềm nhiên chẳng dám mơ màng,  
Vì anh nhọc lòng xây đắp trên không.  
Em chỉ sợ gió qua, liền đổ nát  
Như lâu đài chúng ta một hôm trên bãi cát.*

« Nhưng những cái hữu hình mà em cho là thực ở trần giới nào có hơn gì :

*Ôi ! bao nhiêu cảnh huy hoàng nơi thượng giới,  
Em không muốn cùng anh vui tới,  
Lại ham điều tục lụy của trần gian.  
Nhưng trước mắt em, muôn vật vẫn rơi tàn. »*

*Lâu đài trên không* mà ý nghĩa chung cuộc cho ta rút một tinh lý : Mộng và Thực ở cõi đời này chỉ là một ; nó là cái không sắc, sắc không của nhà Phật.



Bây giờ chúng tôi xin luận qua dòng thơ Đường của Phạm đình Bách. Sau khi tấu lên những hồi nhạc thơ theo cung điệu tân kỳ và được lắm khách yêu thơ ái mộ, Phạm đình Bách liền quay lại bến đò xưa, tỏ một lòng thủy chung cùng thơ Đường luật.

Nếu một Quách Tấn đã nói : « *Đối với thơ, tôi không tách biệt « mới » và « cũ ».* Tôi lựa thể Đường luật vì thấy hợp với tâm hồn mình. »

Thì Phạm đình Bách nhận xét rằng : « ... hiện nay thấy người đời ai nấy cũng theo đòi cái mới ở phương Tây và quên mất cái cũ ở phương Đông. »

và vì :

« *Đường thi lại còn là cái tinh hoa của sông núi, cái khí hạo nhiên của vũ trụ, một thứ bông thơm cỏ lạ đã nảy nở lần đầu tiên trong thời kỳ trung cổ ở trên bờ sông Hoàng-hà và Dương-tử-giang.* »

Thì nhân chỉ « tiếc cái gia sản của Tồ-tiên » nên noi theo sự nghiệp chó không có cao vọng như đã nói trong *Thay lời tựa của tập Văn thơ cổ kính* :

« *Bỉ nhân không bao giờ có cái tham vọng tiến tới những chỗ siêu việt trong nghệ thuật làm thơ, cũng không cưỡng đại gì mà tưởng rằng mình sẽ có thể đạt tới cái đỉnh cao nhất trong dãy Hy-mã.* »

Tiếng thơ Đường luật của Phạm đình Bách cũng mang một cung điệu buồn thương gần với tác giả *Mùa cỏ diên hạc* Quách ở giai đoạn thơ từ 1945, nhưng đề tài của họ Phạm rộng rãi hơn.

Trong hồi khói lửa của nước nhà, hai nhà thơ ôm chung một nỗi niềm u ầu, buồn đau, lắm khi uất nghẹn ; hồn thơ của họ chảy ra trên nền giấy ta tưởng chừng như dòng lệ lòng của những nạn nhân quân quại trong hành động điên rồ và bi đỗi của nhân loại.

*Giữa phố nhà nghiêng còn gương gạo,  
Mấy hàng lữ đứng trơ vơ.*



Đạp đò, bắn phá, giết chóc, máu đã chảy loang lòng đất.  
 Nhìn lũy sắt trơ vờ, ngôi nhà xiêu vẹo như những tang vật  
 tổ cáo một mùa sắt và máu :

*Binh lửa mười năm tan gối mộng ;  
 Nước non một phút hóa dâu cồn.*

đã khiến cho :

*Cô em ra đứng bên thềm vắng;  
 Nhìn bóng tang thương dạ thẫn thờ.*



Lược qua hai dòng thơ của Phạm đình Bách, dòng lãng mạn ta hãy coi đó như tiếng phụ họa cho nền thơ mới, dòng Đường-thi mới là tiếng lòng đích thực mà thi sĩ Hoa-Sơn đã ký thác trọn vẹn nỗi niềm của một kiếp đời đối với bản thân cũng như đối với quốc gia dân tộc.



## *Thi tuyển*

### Lâu đài trên không

Những buổi bình minh sáng rạng,  
 Anh muốn vì em xây đắp một tòa lâu,  
 Ngụy nga, rục rờ đủ muôn màu,  
 Trong không gian tuyết vờ xa thẳm.  
 Rồi bên trời chúng ta say đắm :  
 Cùng nhau ta chấp cánh cao bay,  
 Như sợi lông hồng trước gió lung lay,  
 Và như chiếc quỳên thẳng đường bay bằng,  
 Cùng nhau ta vượt trời lồng lộng ;  
 Đắt tay nhau ta qua chín tầng mây ;  
 Dưới chân ta gió nhẹ hây hây,  
 Thời nhạc trầm đờ đưa em về tiên giới.  
 Ta trông chừng muôn vạn người ra đứng đợi,  
 Bên Ngân-giang mà nhảy khúc thần tiên,  
 Đề cho em phai nhạt nỗi ưu phiền.  
 Và những khi vui cười hơn hở,  
 Cùng nhau bên trời ta vờn gió ;  
 Ta bay đi, bay tít tận mù xa ;  
 Ta sẽ về những nơi rục rờ, ngụy nga.  
 Anh đã vì em trang hoàng, lộng lẫy.  
 Rồi trên lầu hồng, gác tía lặng nhìn lửa cháy,  
 Cửa mặt trời phun đốt các ngôi sao ;  
 Em cùng anh liếc mắt nhìn vào,  
 Những thế giới mênh mông trong không gian vô hạn.  
 Em say đắm... Phút thần tiên lãng mạn,  
 Bên tai em, anh sẽ nói dịu dàng,  
 Đề nhắc cho em những phút mơ màng,  
 Lúc cùng nhau âm thầm nơi hạ giới,  
 Tiếng sóng vỗ ghềnh đà kêu gọi,  
 Trong lòng ta bao vẻ đẹp thiêng liêng.  
 Cửa vũ trụ kia bắt đi, bắt diệt miên miên.

Nhưng buổi bình minh sáng rạng,  
 Anh muốn vì em xây đắp một tòa lâu,  
 Nguy nga, rực rỡ đủ muôn màu,  
 Nhưng lạnh lùng với bao nhiêu điều ao ước,  
 Trước màn hình, trên lá thu rơi, em tha thướt.  
 Rồi lặng nhìn nhau, em sẽ nói ngợ ngàng,  
 Giọng khô khan như tiếng thờ nhẹ bên đàng  
 Của người bị thương lim dim trong giấc mộng :  
 « Anh ! Mới ngày nào anh còn muốn sống,  
 « Sống cho em quên những giờ đau đớn đã qua.  
 « Nay anh mơ màng những trời lộng lẫy, xa hoa  
 « Trên chín tầng mây tuyết vời, man mác.  
 « Anh còn nhớ phút thần tiên trên bãi cát ?  
 « Tiếng sóng vỗ ghềnh ầm ầm lúc canh tan ?  
 « Dưới trăng rằm vắng vặc anh lệ làng,  
 « Vì em xây đắp bao lâu đài rực rỡ,  
 « Nhưng lần sóng vô tình liền xóa bỏ,  
 « Bao công tình hồ hải, lúc canh khuya. »



Những lúc bình minh sáng rạng,  
 Anh muốn vì em xây đắp một tòa lâu,  
 Nguy nga, rực rỡ đủ muôn màu,  
 Nhưng than vãn bên tai anh, em vẫn nói :  
 « Cảnh Bồng-lai của anh trên tiên giới,  
 « Em điềm nhiên chẳng dám mơ màng  
 « Vì anh nhọc lòng xây đắp trên không.  
 « Em chỉ sợ gió qua, liền đổ nát  
 « Như lâu đài chúng ta một hôm trên bãi cát. »  
 Rồi lạnh lùng ta gượng đứng bên người,  
 Lòng tiếc thương bao nhiêu cảnh tuyết vời  
 Ta trông thấy trong không gian khi tưởng tượng.

Nay ta không mong cùng em sung sướng,  
 Cảnh tượng bừng mới mẻ khoáng trời xa.  
 Ta không nghe tiếng rơi muôn vạn sao sa,  
 Lúc đêm tối vạch tấm màn sáng đỏ.  
 Ta không biết khúc đàn du dương, to nhỏ  
 Nhưng đêm trường thánh thót chốn cung mây,  
 Cửa muôn nghìn tiên nữ lệ làng bay.  
 Ôi ! bao nhiêu cảnh huy hoàng nơi thượng giới,  
 Em không muốn cùng anh vui tới,  
 Lại ham điều tục lụy của trần gian.  
 Nhưng trước mắt em, muôn vật vẫn rơi tàn.  
 (Hà nội báo năm 1936)



### Hận không gian

Ở chốn sao Hôm em cách biệt,  
 Trần gian buồn bã viết đôi câu.  
 Bữa nay gió thổi nơi trời Việt,  
 Dem lại hương nồng Nhạc-dương-lâu.  
 Anh còn mãi miết ngoài biên trấn,  
 Hôm sớm vui buồn chẳng có ai.  
 Anh nhớ em ôi trời nước Tấn,  
 Với mây bên Sở, núi bên Tần.  
 Anh theo Lưu Bang vào Ba-thục,  
 Ngồi trên Vu-giáp ngắm Tiêu-tương.  
 Anh nhớ một hôm chơi Ngũ-nhạc,  
 Tìm núi Thái-sơn ta lộn đờng.  
 Mà nay em vắng, anh xa vắng,  
 Sao Hôm le lói một phương trời.  
 Nhân gian náo nhiệt, không gian lạnh,  
 Gặp gỡ bao giờ hờ em ơi ?  
 Anh ngồi mỗi sáng chờ cơn gió,  
 Dem sóng không gian đến cả phòng.  
 Anh đợi tin em nhưng chẳng có,  
 Anh buồn em hơi biết hay không ?

Mùa thu năm 1934

(Viết khi lưu trú tại Long-châu)

## Hồ Tĩnh-tâm

Có những bữa em Chi không sai hẹn,  
 Tôi lại vào chơi cảnh Tĩnh-tâm.  
 Có chiều xuân, trời dương nắng lâm lâm,  
 Nàng cùng tôi giang hồ trong quăng vắng.  
 Tiếng cuộc gọi hè, tiếng tiêu xa vắng,  
 Muôn hoa sen đua nở rộn bên đường.  
 Cảnh trung bình phút chốc đội yêu đương  
 Giữa lòng tôi sớm mai còn trong trẻo.  
 Tôi còn mãi theo dấu chân chim sáo,  
 Đoàn le le, vịt nước ở quanh hồ.  
 Nơi xa xăm mảy hòn đảo nhấp nhô,  
 Có một sãi cầu tre nằm im phất.  
 Nàng liền hỏi : « Suốt từ Nam chí Bắc,  
 « Còn cảnh nào đẹp đẽ tựa Thần-kinh ?  
 « Và cảnh nào lộng lẫy lúc bình minh,  
 « Hơn mặt hồ nằm im trong nắng mới ? »  
 Rồi mãi nhìn nhau, chúng tôi đi tới,  
 Một con đường cỏ rậm inọc nghênh ngang.  
 Trong sương mai, cảnh lộng, gió chưa sang.  
 Hàng tre ngủ, lòng người thêm lặn đặng.  
 Khắp quanh hồ có tường cao ngăn chắn,  
 Như Trường-thành đứng ngự mọi Hung-nô.  
 Tôi theo nàng trong những bước quanh co ;  
 Chân vướng phải dây bìm bìm chẳng chịt.  
 Nơi góc tường có bầy chim riu rít,  
 Bỗng tung lên ca hát điệu buồn thương.  
 Nàng bảo tôi đứng lại. Giữa cảnh sương  
 Có một tò vò vành khuyên vừa mới đống.  
 Rồi thời khắc bay qua như chong chóng,  
 Ba năm sau tôi trở lại chốn Đẽ-đô ;  
 Nàng về đâu không thấy dạo mặt hồ ;  
 Và chim nở đã chuyển bay đâu mất.  
 Chi rặng liễu đông về buồn hiu hắt ;

Nghe sương qua rũ áo đứng chờ tang.  
 Và chim le sợ lạnh xếp từng hàng,  
 Dương lướt sóng vẫy vùng trên mặt nước.  
 Tôi lặng lẽ một mình theo dấu bước :  
 « Đây chỗ nàng ngồi, nàng đứng năm xưa.  
 « Nhưng nàng đâu hỡi ngày tháng đây đưa ?  
 « Hãy trả lại với mặt hồ im lặng. »  
 Tĩnh-tâm ôi ! Nơi muôn năm cay đắng,  
 Nàng về đâu, người có biết cho chẳng ?  
 Đề ta buồn ngồi mãi dưới cung trăng.

Mùa thu năm 1935



### Chim họa khoang

Đây là chuyện mẹ tôi kể lại,  
 Những chiều đông, ngồi nhóm lửa sáng.  
 Thời xưa ở đôi bên sông Ngân,  
 Có tiếng thoi đưa đều răn rãc.  
 Nàng Chức-nữ, con vua Thượng-đế,  
 Dừng tay tiên ngắm gã Nguru-lang.  
 Trên bãi xanh trâu lướt nhịp nhàng,  
 Vài tiếng sáo bên trời vắt vẻo.  
 Rồi từ đấy lòng nàng khô héo :  
 Nàng tương tư, nàng nhớ, nàng mong.  
 Vua Ngọc-hoàng biết thế không xong,  
 Cũng sớm liệu cho nàng gả nghĩa.  
 Một buổi tối mây về gác tía,  
 Chàng Nguru-lang, Chức-nữ kết duyên  
 Nhưng từ đây lại bật tiếng huyền,  
 Nguru-lang cũng theo đòi Chức-nữ,  
 Xua ánh nguyệt hai người khép cửa,  
 Đề tháng ngày trôi nổi ngoài sông.  
 Trên xa quay nhện dệt tơ lòng,  
 Trâu dưới bãi đi về lêu lổng,

Đấng Cửu-trùng đòi phen gặt gồng,  
 Khiến hai người phải tạm ly thân.  
 Nhưng mỗi năm lại gặp một lần,  
 Xong đôi lứa lui về chốn cũ.

Tiết tháng bảy quạ đen rời tổ,  
 Lên sông Ngân bắc chiếc cầu Ô.  
 Giữ lời thề Chức-nữ thươt tha,  
 Ra Ngân-hán bên cầu giáp mặt.  
 Lời chưa dứt, đôi bên tạm biệt,  
 Trở về cung, Chức-nữ băng khuông.  
 Còn ba canh, giọt lệ khôn ngăn,  
 Nguru-lang cũng sụt sùi to nhỏ.  
 Hai dòng máu rơi về quá khứ,  
 Khắp nhân gian đều có mưa Ngâu.  
 Đôi uyên ương từ thưở xa nhau :  
 Kẻ Giang-tả ngời quay chỉ thắm,  
 Chàng mục tử bên đồng đứng ngắm,  
 Vùng trắng khuya khuy khuyết từng cơn.  
 Đoàn chim Ó từ độ tắm Ngân-giang,  
 Đêm thất tịch vội rời tiên cảnh.  
 Trên cò thấy hiện dẫn khoang trắng,  
 Chim bay về đậu khắp đê con.  
 Quạ khoang về, trời đã sang xuân.

Mùa xuân năm 1936



### Thu tứ

Hoa ần bên tường, nguyệt chửa xâm,  
 Mười năm ly loạn, khách thương tâm.  
 Bốn phương tiếng cuốc còn ngân mãi ;  
 Muôn thưở lòng ve vẫn xót thềm.  
 Nửa giấc canh tàn, mơ phấn điệp ;  
 Một chiều hoa tạ, nhớ viên âm.  
 Nghe chuông bảy tiếng, sầu năm kiếp,  
 Lỡ một đò ngang, mây xác tằm.



Thu cảm

Bảy năm len lỏi chốn rừng sâu,  
 Ngoảnh lại non sông đã nhuộm màu.  
 Sự nghiệp chỉ còn thơ nửa túi ;  
 Giang hồ đã vắng chuyện năm châu.  
 Đôi hàng hoa lệ, duyên năm trước ;  
 Nửa nếp phong y, nợ buổi đầu.  
 Phưởng phất mây chiều lên đỉnh núi,  
 Trông vờn cố quốc, mấy ngàn đầu.



Khứ lưu vj định

Di không ra lối, ở không yên,  
 Bèo giạt, mây trôi, nước tủi phiền.  
 Núi dựng mịt mù, ngườì một nẻo ;  
 Chiều lên vì vút, gió thổi miền.  
 Bồn chồn nửa kiếp, tình ngư thủy ;  
 Lặng đặng mười năm, cảnh trích tiên.  
 Ngoảnh lại Trường-an, sương khói tòa,  
 Chiếc gòn ngườì đây chạy liên miền. (1)



Xuân tác

Năm nay tứ đã chẵn năm mươi,  
 Thành bại, dinh hư tứ vẫn cười.  
 Ngày lụn xem sao, mơ Chức-nữ ;  
 Tháng tròn khép cửa, giả dười ươi.  
 Thiên văn học mãi, nhân không sáng ;  
 Chính trị xem rồi, quả chẳng tươi.  
 Xuân nhật ngồi trông hoa pháo nở,  
 Mắt xanh chẳng để lọt bao ngườì.



1) Xe «gòn» là xe không có đầu máy chạy trên đường rầy, do nhân viên sử  
 Hòa-xa đẩy và dùng để chở hành khách.



### Thu hoài

Trăng vừa qua núi biết thăm ai,  
 Bèo nổi, mây trôi, nước chảy hoài.  
 Giặc đến bốn phương sầu tử biệt,  
 Người tan mấy nẻo hận sinh lai.  
 Sông Tiên bao độ thương mình cúc ;  
 Núi Nhón đòi phen tuổi vóc mai.  
 Từ thuở chiến khu thừa bóng nhận,  
 Canh trường mài lệ chép thư trai.



### Đòi mùa

Thu về trên lá liễu  
 Đình chiến vẫn cơn mơ.  
 Lưng đeo tháp gác triền miên ngủ  
 Nẻo vắng đồn hoang nhện kéo tơ.  
 Giữa phố nhà nghiêng còn gương gạo,  
 Mấy hàng lũy sắt đứng trơ vơ.  
 Thời xưa chính chiến hoa người rụng,  
 Nay lại chiều thu gió ỡm ờ,  
 Vài đóa ti-gôn vừa chớm nở,  
 Diêm đầu lô cốt tỏa hương thơ.  
 Cô em ra đứng bên thềm vắng,  
 Nhìn bóng tang thương dạ thẫn thờ.



### Hương-bình tức cảnh

Một thuở chàng đi khuất nẻo xa,  
 Có người nằm đợi dưới trăng tà.  
 Thơ sầu mấy bức ; thuyến đi lại ;  
 Lệ thấm đôi dòng ; nước chảy qua.  
 Cắm nổi sông Hương cơn gió tấp ;  
 Thương tình núi Ngự lúc sương pha.  
 Từ phen người biến thành sông núi.  
 Thơ vẫn theo dòng, lệ vẫn sa.



### Thất thủ

Một bữa Trường-an bị vết như,  
 Cỏ cây, sông núi cũng đen mờ.  
 Người về nẻo phố tiêu điều cảnh ;  
 Sầu lại cung môn phẳng lặng tờ.  
 Nước cũ ngậm ngùi trông áo mới ;  
 Quyên già thoi thóp khóc con thơ.  
 Bốn phương từ đấy nghe chinh chiến,  
 Máu chảy hoen đồng, rỉ phiếm tơ.



### Thần thức

Mái rèm thôn thức khóc thương ai,  
 Giọt lệ năm canh cứ nhỏ hoài.  
 Đất tử duyên xưa khi lẻ một ;  
 Trời buồn phận cũ lúc hòa hai.  
 Tiếng tiêu đã dứt niềm trăng gió ;  
 Câu chuyện còn ghi cảnh trúc mai.  
 Nhớ thuở tương tư nên rướm lệ,  
 Kim-đồng, Ngọc-nữ khóc Thiên-thai.





## ĐOÀN VĂN CỪ

‘**Đ**OÀN văn Cừ trước sau đăng báo chỉ có sáu bảy bài thơ. Bài nào cũng hay. Cũng có bài đăng *Ngày nay* số thường, nhưng nghĩ đến Đoàn văn Cừ là tôi lại nghĩ đến Tết. Cái tên Đoàn văn Cừ trong trí tôi đã lẫn với màu bánh chưng, mùi thuốc pháo, vị ớt gừng. Cứ mỗi lúc xuân về người lại gọi trên báo một chuỗi cười nụ sắc. Tiếng cười ta còn nghe văng vẳng thì người đã biến đâu rồi và ta đành chờ mùa xuân khác. Thế rồi báo chết, tăm tích người cũng mất. Cho đến hôm nay, viết mấy lời giới thiệu thơ Đoàn văn Cừ, tôi vẫn chưa biết gì thêm về con người ấy.’  
(Hoài-Thanh — Hoài-Chân trong *Thi-nhân Việt-nam*).

*Khi viết về thi nhân này, Hoài-Thanh đã cố công tìm kiếm, hỏi thăm nhiều người, mãi sách in ra dành đề khuyết về phần tiêu sử. Đến khi sách tái bản, Hoài-Thanh cũng vẫn chưa có tin tức đề ghi đôi dòng về thân thế nhà thơ.*

Vì lẽ đó, khi luận về Đoàn văn Cừ, ông *Thế-Phong* trong *Lược sử văn nghệ Việt-nam* đã có ý nghĩ ngộ nghĩnh gọi Đoàn văn Cừ là « nhà thơ tìm kiếm » của *Hoài-Thanh*. Hồ hướng, không phải là người cùng thời với thi nhân, chúng tôi không làm sao hơn được ; thành thật xin nhận cái bất lực của mình mà cũng gọi Đoàn văn Cừ là « nhà thơ tìm kiếm » vậy. Sự kiện khiến chúng tôi tự hỏi đã có biến cố đột ngột nào xảy ra trong đời thi nhân chăng ?

**C**HÚNG tôi nghĩ rằng, cũng đồng một thi phái đồng quê, phong tục, nếu Anh-Thơ đã gây dựng cho mình một sự nghiệp thi ca đáng kể, thì Đoàn văn Cừ tất phải làm hơn, vì tiếng thơ của Đoàn văn Cừ sống động, dồn dập, không khí vui tươi, thể thơ không bị đóng khuôn ; điềm khéo là Đoàn văn Cừ biết gởi một ít cảm xúc của mình, nhất là ở đoạn kết, nó có cái hậu.

Đọc *Chợ Tết*, ta đề thị quan, thính quan phiêu lưu rộng rãi ở ngoại cảnh, say sưa theo dõi đoàn người vui vẻ kéo từng hàng trên đường quê. Từ thàng bé chạy lon xon theo mẹ, cụ già lồm khồm trên chiếc gậy, đến những cô áo lòng thắm như nở hoa, rồi nào gánh, nào gồng, nào lợn bò lủ lượy kéo về hướng chợ. Tuy chưa phải là nơi họp mà ta đã thấy không khí vui tươi, nhộn nhịp của hoạt cảnh. Đến núi, đồi xưa nay vẫn im lìm trong muôn nghìn thế kỷ, cũng nôn nao uốn mình dậy choàng vợi chiếc thảm cỏ xanh, thoả lên làn sơn thắm của ánh bình minh.

Dưới mắt thi nhân, Đoàn văn Cừ đã khéo nhân cách hóa sự vật đề hỗ trợ hoạt cảnh thêm tung bừng.

Vào đến chợ, thì cả một cảnh tượng ồn ào, tấp nập, kẻ qua người lại, tới lui ; người, vật, hàng quán chen lấn, xô bồ xô bộn, thế mà Đoàn văn Cừ còn đủ cái trầm tĩnh để nhận thấy :

*Cụ đồ nho dưng lại vuốt râu cằm,  
Miệng nhâm đọc vài hàng câu đối đỏ.*

Thoát khỏi thành phố của ồn ào, của xe cộ quay cuồng, của hơi sáng và bụi mù, hướng về quê ; từ xa xa nhìn, các bạn đã có lần nào bắt gặp một mỹ thuật tự nhiên rất nên thơ của một mái nhà nóc đỏ tường ngà phỏ mình « nổi bật » trong một vùng xanh um của vườn tược cây trái, nơi ấy không khí trong lành, cảnh vật yên tịnh, hoạt động nhàn nhã ?

Chúng tôi muốn nói đến cái vẻ đẹp hai câu thơ của Đoàn văn Cừ đã «cần» một cách tuyệt diệu vào bài thơ *Chợ Tết* như tô điềm một màu sắc ấm áp vào bức tranh quê.

*Bà cụ lão bán hàng bên niêu cồ,  
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.*

Trong khi đó, cảnh chợ vẫn giữ vẻ náo nhiệt như thuở nào của nó mà còn nhộn nhịp hơn là khác vì đây là «*chợ Tết*»; cũng vẫn mãi chen lấn đã khiến cụ Lý tung cả chiếc khăn đầu; cảnh người mua kẻ bán, mà cả khen chê. Mặc tất cả! Đám trẻ con bị thu hút bỏ cả hồn thề ngây nhìn những bức tranh con gà, con lợn, một thềm mỹ nghìn đời của dân quê:

*Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà  
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.*

Đoàn văn Cử quả có cái nhìn bao quát và tinh tế. Không bỏ sót những hình ảnh bé bỏng của trẻ con để cấu tạo hai vần thơ ngộ nghĩnh, duyên dáng và sống động.

Phiên chợ tung bừng họp đến trời đêm; từng người, từng đoàn dần dần tan tác trên khắp nẻo đường quê trở về làng hẻo lánh xa xôi. Đoàn văn Cử đã kết thúc bằng bốn câu:

*Trên con đường đi các làng hẻo lánh,  
Những người quê lũ lượt trở ra về.  
Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,  
Lá đa rụng rơi bời quanh quán chợ.*

Tan một buổi chợ, rụng những đời lá, tắt lịm một vầng dương được đồng diễn; Đoàn văn Cử đã có một bố cục chặt chẽ và đầy đủ ý nghĩa của một cuộc tụ tan.



Bài *Chợ Tết* có thể làm điển hình cho lối thơ Đoàn văn Cử. Khảo sát, chúng tôi thấy «*Tết*» là hình ảnh được ghi đậm nét nhất, là kỷ niệm khôn phai thời thơ ấu của tác giả. «*Chợ Tết*» hay «*Đám hội*» là những hoạt cảnh rộng lớn, tác giả có thể nhìn vào với cặp mắt khách quan; đến bài thơ *Tết*, không gian được thu hẹp trong cảnh gia đình, tác giả đã sống bằng một vai chủ động nên không thể đề tâm tình thờ ơ, lạnh nhạt; Đoàn văn Cử đã sống nhiều với nội tâm:

Trời lất phất mưa sa,  
 Giờ lâu tràng pháo chuột  
 Đì đẹt nổ trên hè ;  
 Con gà màu đỏ chót  
 Sợ hãi chạy le te.  
 Cây nêu trồng ngoài ngõ  
 Soi bóng dưới lòng ao.  
 Chùm khánh sành gặp gió  
 Kêu lình kình trên cao.  
 Từ khi ông tôi mất,  
 Bà tôi đã qua đời ;  
 Tôi mỗi ngày mỗi lớn  
 Nên chẳng thấy gì vui.

Đoàn văn Cừ chẳng những nói lên tiếng nói của lòng mình mà cho tất cả những ai còn giữ ít nhiều kỷ niệm vui buồn thời thơ ấu, làm chứng nhân trước những biến đổi gia đình, những cảnh tử biệt sinh ly. Còn đâu hình ảnh già nua hiền từ của ông bà, những cử chỉ chăm nom thân mến các cháu. Những ai đã từng đọc qua bài *Bà yêu cháu* trong quyển *Quốc văn giáo khoa thư* ta mới thấy cái tình máu mủ yêu thương đậm đà của những tâm hồn già trẻ, của những cội tre già bên cạnh búp măng non. Thôi rồi ! Tất cả đều qua ! Họ tất cả đều thuộc về con người của quá khứ, ra đi mang theo giọng nói chậm rãi thân yêu khi gọi ta, mang theo những bàn tay gầy guộc từng vuốt ve triu mến mái đầu xanh, thường trao cho ta từng món quà nhỏ nhỏ như dốc tất cả tình thương còn sót đọng trong tim khô ; cho nên Đoàn văn Cừ đã buồn đau :

Tết đến tôi càng khờ  
 Tôi nhớ bức tranh gà,  
 Chiếc phong bao giấy đỏ,  
 Bánh pháo tếp ba xu.

Hỡi những tấm lòng ưu ái cái tình cò ! Hãy đọc Đoàn Văn Cừ, rồi đón lấy hình ảnh ghi đậm thêm tâm tình về một buổi «Chợ Tết», một «Đám hội», một «Đám cưới mùa xuân» ở thôn quê.

Có lẽ xã hội ta rồi đây sẽ thâm nhiễm nền văn minh vật chất, quay cuồng theo trục của bánh xe cơ khí ; lại thêm chiến họa cướp mất đi những hình hài chứa đựng những tập tục cò truyền ; ở thế hệ tương lai bọn trẻ sẽ ngỡ ngác về quá khứ của một dân tộc, lúc bấy giờ muốn tìm lại bóng dáng ngày xưa họa chăng cũng chỉ còn sót lại mấy vần thơ của Đoàn Văn Cừ.





# Thi tuyên

## Chợ Tết

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi  
 Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh.  
 Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,  
 Người các ấp tung bừng ra chợ Tết.  
 Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc,  
 Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon.  
 Vài cụ già chống gậy bước lom khom,  
 Cô yếm thắm che môi cười lạng lẽ.  
 Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,  
 Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.  
 Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau,  
 Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa.  
 Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,  
 Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,  
 Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.



Người mua bán ra vào dầy còng chợ  
 Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,  
 Đè lắng nghe người khách nói bô bô.  
 Anh hàng tranh kiu kịt quảy đôi bờ,  
 Tìm đến chỗ đông người ngồi dờ bán.  
 Một thầy khóa gờ lưng trên cánh phàn,  
 Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.  
 Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,  
 Miệng nhàm đọc vài hàng câu đối đỏ.  
 Bà cụ lão bán hàng bên miếu cờ,  
 Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.  
 Chú hoa-man đầu chít chiếc khăn nâu,  
 Ngồi xếp lại đống vàng trên mặt chiếu.

Áo cụ Lý bị người chen sẵn kéo,  
 Khăn trên đầu dương chít cũng tung ra.  
 Lũ trẻ còn mãi ngắm bức tranh gà  
 Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.  
 Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,  
 Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.  
 Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha,  
 Thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyết,  
 Con gà sống màu thâm như cục tiết,  
 Một người mua cầm căng dốc lên xem.



Chợ tung bừng như thế đến gần đêm.  
 Khi chuông tối bên chùa vắng vắng đánh,  
 Trên con đường đi các làng hẻo lánh,  
 Những người quê lũ lượt trở ra về.  
 Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,  
 Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.  
 (Ngày nay)



### Tết

Sáng hôm mừng một Tết  
 Đèn nền thấp xong rồi,  
 Bà tôi ngồi trong ở  
 Mặc áo đỏ cho tôi.  
 Ông tôi vừa thức dậy  
 Năm ngón cổ trông ra  
 Trên ngọn cây đèn bóng  
 Trời lất phất mưa sa  
 Giờ lâu tràng pháo chuột,  
 Đì đẹt nổ trên hè  
 Con gà mào đỏ chót,  
 Sợ hãi chạy le te.

Cây nêu trồng ngoài ngõ  
 Soi bóng dưới lòng ao  
 Chùm khánh sành gặp gió  
 Kêu linh kính trên cao  
 Từ khi ông tôi mất  
 Bà tôi đã qua đời,  
 Tôi mỗi ngày mỗi lớn.  
 Nên chẳng thấy gì vui  
 Tết đến tôi càng khờ,  
 Tôi nhớ bức tranh gà,  
 Chiếc phong bao giấy đỏ,  
 Bánh pháo tếp ba xu.

(Văn hóa Ngày nay tập 8 Giai phẩm Xuân)



### Trăng hè

Tiếng võng trong nhà kéo kẹt đũa,  
 Đầu thêm con chó ngủ lơ mơ.  
 Bóng cây lơ lá bên hàng giậu,  
 Đêm vắng người im, cảnh lặng tờ.  
 Ông lão nằm chơi ở giữa sân,  
 Tàu cau lấp lánh ánh trăng ngân.  
 Thằng cu đứng vịn bên thành chõng,  
 Ngắm bóng con mèo quyện dưới chân.  
 Bên giếng dăm cô gái xứ quê,  
 Từng đàn vui vẻ rủ nhau về.  
 Trên vai nặng trĩu đôi thùng nước,  
 Kéo kệt đi vào lối cổng tre.  
 Trong xóm giờ lâu quá nửa đêm,  
 Tiếng chày giã gạo đã ngừng im.  
 Trăng tà hạ xuống ngang đầu núi,  
 Đom đóm bay qua dãy nước đen.

Tiếng ốc trên chòi rúc thiết tha,  
 Gió lay cốt kết rặng tre già.  
 Sao trời từng chiếc rơi thành lệ,  
 Sương khói bên đờng ủ bóng mờ.  
 ( Ngày nay )



### Đám cưới mùa Xuân

Ngày ửng hồng sau màn sương gấm mỏng,  
 Nắng dát vàng trên bãi cỏ non xanh.  
 Nhịp cầu xa lững bóng nước long lanh,  
 Đàn cò trắng giăng hàng bay phấp phới.  
 Trên cành cây, bỗng một con chim gọi,  
 Lữ người đi lí nhí một hàng đen  
 Trên con đường cát trắng cỏ lam viền.  
 Họ thong thả tiến theo chiều gió thổi,  
 Dưới bầu trời trong veo không mây bụi,  
 Giữa cánh đồng phơn phớt tựa màu nhung.  
 Một cụ già râu tóc trắng như bông,  
 Mặc áo đỏ, cầm hương đi trước đám.  
 Năm sáu cụ áo mền bông đỏ sẫm,  
 Quần nâu hồng, chống gậy bước theo nhau.  
 Hàng ô đen thong thả tiến lên sau.  
 Kế nhưng chiếc mâm đồng che lỵa đỏ.  
 Bọn trai tơ mặt mày coi hơn hờ,  
 Quần lục chùng, nón dứa, áo sa huê.  
 Một vài bà thanh lịch kiêu nhà quê.  
 Đầu nón nghệ, tay cầm khăn mặt đỏ.  
 Bà cụ lão lom khom bên cháu nhỏ,  
 Túi đựng trầu chằm chằm giữ trong tay.  
 Thằng bé em mẹ ẵm, má hây hây,  
 Đầu cạo nhẵn, áo vàng, quần nâu sẫm,  
 Cô bé đề cút chèo, người xắm mắt,  
 Đi theo bà váy ltnh, dép quai cong.

Một chị sen đầu đội chiếc khăn hồng  
 Đặt trên cái hòm da đen bóng lộng  
 Người cô dâu hôm nay coi choáng lộn,  
 Vành khuyên vàng, áo mới, nón quai thao.  
 Các bạn cô bằng tuổi cũng xinh sao,  
 Hai má thắm, ngây thơ nhìn trời biếc.  
 Dăm bảy cô phủ mình trong những chiếc  
 Áo đồng lắm, yếm đỏ, thắt lưng xanh.



Một lúc sau đi tới chỗ vòng quanh,  
 Nếp chùa trắng in hình trên trời thắm.  
 Thì cả bọn dần dần cùng khuất lặn  
 Sau trái đồi lấp lánh ánh sương ngân.  
 Chỉ còn nghe vắng vắng tiếng chim xuân  
 Ca ánh ỏi trên cành xanh tằm nắng.

(Ngày nay)



### Đám hội

Mùa xuân ấy, ông tôi lên tận tỉnh  
 Đón tôi về xem hội ở làng bên.  
 Suốt ngày đêm chuông trống đánh vang rền.  
 Người lớn, bé mê man về hát bội.  
 Những thằng cu tha hồ khoe áo mới  
 Và tha hồ nô nức kéo đi xem.  
 Các cụ già uống rượu mãi gần đêm,  
 Tò tôm điếm chơi đều không biết chán.  
 Những con bé áo xanh đòi chị ẵm  
 Dề đi theo đám rước lượn quanh làng.  
 Các bà đồng khăn đỏ chạy loăng quăng,  
 Đón các khách thập phương về dự hội.  
 Một chiếc kiệu đưng đi dừng bước lại,  
 Rồi thành linh quay tít mãi như bay,  
 Một bà già kính cần chắp hai tay,

Đứng vái mãi theo đám người bí mật.  
 Trên bãi cỏ dưới trời xuân bát ngát,  
 Một chị đứng đu ngựa tít trên không.  
 Cụ lý già đứng lại ngừng đầu trông,  
 Mắt hấp háy nhìn qua đôi mục kính,  
 Mấy cô gái nép gần hai chú lính.  
 Má đỏ như bèn lên đứng ôm nhau,  
 Chiếc ô đen lẳng lặng tiến ra cầu.  
 Tìm đến chiếc san màu bay trước gió.  
 Bác nhà quê kiểng chân nhìn ngấp ngó,  
 Rồi reo lên cho ai nấy cùng trông  
 Đoàn trái dài vùn vụt giữa dòng sông.  
 Người lớ nhớ chèo trên làn nước lạnh.  
 Bọn đô vật trước đình thi sức mạnh,  
 Minh còi trần gân cốt nổi như lươn ;  
 Tiếng reo hò khuyến khích dậy từng cơn  
 Lấn tiếng trống bên đường khua rộn rã.  
 Bên mấy chiếc khăn vuông hình mở quạt,  
 Đứng chen vào chiếc mũ trắng nghênh ngang.  
 Bọn trai quê bá cổ cạnh cô hàng  
 Vờ mua bán đề tìm câu chuyện gẫu.  
 Một chú xăn dạo đàn bên chiếc chậu,  
 Mắt lơ mờ nghe ngóng tiếng gieo tiền.  
 Thăng bé em đòi mẹ bế lên đèn  
 Xem các cụ trong làng ra cử tế ;  
 Tiếng chiêng trống chen từng hồi lạng lẽ,  
 Những bóng người trịnh trọng khê đi lên,  
 Những cánh tay áo thụng vái mơ huyền,  
 Đang diễn lại cả một thời quá khứ,  
 Mà đất nước non sông cùng cây cỏ  
 Còn thuộc quyền sở hữu của Linh-thiên  
 Khi tế xong một cụ đứng trên thềm,  
 Giơ bánh pháo cho người kia lại đốt.  
 Bọn trai gái đứng xem đều chạy rạt,  
 Một thằng cu sợ hãi khóc bi bè.



Người đi xem nhiều bọn đã ra về...  
 Trên đường vắng lá dề rơi lác đác,  
 Ốc xa rúc từng hồi trong xóm mạc,  
 Trời đỏ hồng sau những trái đồi xanh,  
 Đàn chim hôm nhón nhác gọi trên cành,  
 Vệt tháp trắng in dài trên đồng vắng,  
 Tiếng chuông tối nhạt khoan trong yên lặng,  
 Lấn trống chèo vắng vắng phía làng xa,  
 Cửa đám dân nỏ nước dưới trăng tà...

(Ngày nay)



### Ngày xuân chơi đồng quê

Tặng anh Nguyễn Văn Vịnh

Ngày xưa rạng, vàng son lộng mặt nước,  
 Trời theo mây, núi tím nắng phun hừng.  
 Cây xanh rờn sương nạm ngọc kim cương,  
 Dòng nước biếc lượn như dòng ngọc chảy.  
 Đàn chim sẽ nấp mình qua kẻ sậy  
 Tia nắng hồng đốt cháy hạt sương trong.  
 Đám mây vàng lơ lửng lướt trên không,  
 Bóng trôi xuống dòng nước trong sâu thẳm.  
 Vài tia khói trên nóc nhà nâu xám  
 Như những đường phấn trắng tỏa liu diu.  
 Trên đồng xanh vài ngọn tháp chuông cao,  
 Bóng nổi rõ trên nền trời hồng nhạt.  
 Ngôi miếu nhỏ bên đường hương khói lạt,  
 Như bức thành văn hóa bị tàn vong.  
 Con trâu đen chúm mũi đứng bên đồng,  
 Cứ liếm mãi nắng vàng trên cỏ biếc.  
 Bên đường cái, dưới giàn đa xanh murốt,  
 Một bà hàng đặt chõng bán chè xôi.

Người các làng đi chợ gánh trên vai  
 Những thúng nặng khoai lang màu tím đỏ.  
 Từng quãng hiện sau bức tường đất lở  
 Một túp nhà trong một màu vườn xanh.  
 Đây, cây đề tấp rợp bóng rung rinh,  
 Nâng lên lối tìm chim trong kẽ lá.  
 Kia, rải rác bên chùa đám tầm đá,  
 Dấu thời gian còn lại vết rêu mờ.  
 Dưới chân đồi, trong những ruộng trồng dưa,  
 Qua khe lá hoa vàng chen lấm tẩm.  
 Những cồn mía lá non, mình tím sẫm,  
 Vạch lên trời một nét uốn thanh thanh.  
 Vài ba cô yếm đậu, thắt lưng xanh,  
 Giơ gáo dội trong những vườn cải biếc.  
 Mấy cô khác vai mang đôi nôi nước,  
 Từ cổng làng lưng thưng gánh đi ra.  
 Bên vệ thờ tịch mịch dưới cây đa,  
 Nằm lẫn lóc những bình vôi sứt mẻ.  
 Trên luống cỏ, dưới cây bàng lặng lẽ,  
 Con cò nằm theo đuôi giấc mơ trưa.  
 Từ đằng xa vắng vắng tiếng chim cu  
 Làm sóng sánh cả bầu không khí biếc  
 Vài chiếc quán bên đường che cánh liếp,  
 Khói đầu nhà theo gió uốn mình bay...  
 Ngày chiều về, vàng tím trộn chân mây,  
 Trắng sao bạc thêu màn trời gấm đỏ,  
 Hơi lam tím phủ mờ trên lá cỏ,  
 Một đàn bò thấp thoáng bước trong sương.  
 Ngày tắt dần theo nhịp tiếng chuông vang...

Trích tuyển tập

« Tác phẩm đầu xuân »

in xong ngày 10 — 12 — 1944







---

## NAM - TRÂN

---

**N**AM-TRÂN là bút hiệu, tên thật Nguyễn Học-Sỹ, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1907, tại làng Phú-thứ thương, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng-nam. Ông học chữ Hán từ lúc nhỏ đến năm 12 tuổi, theo lối văn trường ốc. Sau ông học trường Quốc-học Huế (Thừa-thiên), rồi ra Bắc tiếp tục ở trường Bảo-hộ Hà-nội, đỗ bằng Tú-tài bản xứ. Vào làm tham-tá tòa Khâm-sứ Huế, sau được cải bổ vào chính phủ Nam-triều, giữ chức tá-lý bộ Lại.

Thơ ông đã được đăng trên các báo An-nam tạp chí, Phong hóa, Tràng an.

Thi phàm Huế, Đệp và Thơ được xuất bản đầu tiên vào năm 1939 liền được ông L. nhận xét và giới thiệu trong Tao đàn số 3 ngày 1 tháng 4 năm 1939 như sau :

« Quyền sách có cái đề mới và ngộ ấy là một tập thơ đầu của một thi sĩ Huế : ông Nam-Trân Nguyễn Học-Sỹ. Một tài năng còn lưỡng lự bằng khoảng trước hai lối thơ cũ và mới. Nhà thi sĩ tuy đa tình nhưng không đủ can đảm, đủ tàn nhẫn để phụ người vợ tào khang, và đề trọn vẹn theo người tình mới. Chàng đã tìm được một cách giải quyết tựa hồ như giản dị mà vô cùng rắc rối ; chàng đã cưới vợ lẽ đầu chính có lúc chàng đã nói bởi miệng Tú-Mỡ :

*Lấy vợ không nên lấy vợ nhiều  
 Một bà thôi cũng đủ thương yêu.*

« Lối « thơ mới » đối với ông chỉ là một người vợ lẽ và cũng chỉ là một người vợ lẽ mà thôi. Sự chàng ràng ấy đã làm những đứa con khác mẹ trở nên xung khắc nhau. Từ bài thơ này đến bài thơ kia, nhiều khi ta thấy có sự đột ngột đến bực mình.

« Vừa ở đây, ta còn say với một cái hương vị cò kính, âm u, thì đã thoáng hiện một mùi vị khác mới mẻ, phóng khoáng của lời thơ tự do.

« Nhưng khi nào suồng sã với người vợ lẽ, hay khi âu yếm với người vợ tào khang, nhà thi sĩ cũng không để mở cái bản sắc của mình. Một sự say mê trên hết những sự say mê khác của thi sĩ, ấy là Huế, với tất cả cái đẹp của nó.

« Huế, ở đây, không phải là Huế của Nam-ai, Nam-bường, ở đây không phải là cái nảo nuột kéo dài ra như một budi ly biệt ở trên bờ sông xưa...

« Ở đây không có cái điệu sầu thâm thân yêu của cô lái ở bến Vị-gia.

« Ở đây, Huế hiện ra dưới một sắc diện mới : vui và ngộ như một thiếu nữ ở phương Nam. »



**T**A có thể xếp Nam-Trần cùng thi phái tả cảnh với Bằng bá Lân, Anh-Thơ, Đoàn văn Cừ. Nếu những thi nhân sau có cái nhìn tổng quát, ghi lại trong văn thơ của mình những hoạt cảnh, phong tục, nhất là ở đồng quê mà không bị giới hạn một địa phương nào trên đất nước, thì Nam-Trần đứng hẳn ra đề vẽ lên cảnh thơ mộng của riêng miền sông Hương núi Ngự, nói lên tâm tình của xứ Huế. Cho ra đời thi phẩm *Huế, Đẹp và Thơ*, Nam-Trần như xác định điều đó.

Những ai đã một lần là du khách thăm viếng cố đô sẽ sống lại một lần nữa với những cảnh sắc chưa phai mờ trong tiềm thức khi đọc lại mấy vần thơ của Nam-Trần.

Đọc Nam-Trần ta thấy dường như có một người thơ siêng năng theo dõi mọi hoạt cảnh, từng nhịp sống của đế đô. Từ cô gái Kim-lương yêu điệu khua mái chèo trên bến nước Hương-giang mà thi nhân tưởng chừng như sóng lòng của mình cũng xao động theo nhịp đầy đưa :

*Đăm đăm mắt mới vì chèo,  
Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng.  
Biết không ? cô hơi, biết không ?  
Chèo cô còn quấy, sóng lòng còn xao ?*

Sinh trưởng tại Quảng-nam, theo học trường Quốc-học Huế, mến yêu vẻ đẹp huyền mộng của xứ Huế, ta có thể lấy Nam-Trần làm điển hình cho những chàng sĩ tử đất Quảng :

*< Học trò trong Quảng ra thi,  
Thấy cô gái Huế chân đi không đành. >*

Thật ra, đâu riêng học trò đất Quảng, mà phải kể những ai đã đặt chân đến cố đô, thăm viếng được danh lam thắng cảnh, khi ra về ta không khỏi vương tình mến tiếc. Ta lưu luyến bức cờ thành vẫn còn sừng sững đứng trong lớp rêu phong như kiên trung bảo vệ uy quyền thuở nào của các vị vua chúa. Ta băng khuông xa rời vùng Nam-giao ; ngậm ngùi từ biệt công trình kiến trúc qui mô những lăng tẩm, tiêu biểu cái di sản cuối cùng của vương đế.

Đâu đã hết. Ngọn núi Ngự ở xa xa vẽ lên nền trời một đường cung quyển rủ như chiếc vòng cầu đang mời mọc bước chân khách du. Ta lại thích triều sông Hương êm đềm chảy như lắng đọng được tâm tư, phả gương nước trong veo như muốn đón nhận mọi hình sắc ở trần gian. Ta ưa nhìn trong đôi khắc mà sinh hoạt cổ đồ như ngừng lại để nhường cảnh nhộn nhịp của từng đoàn nữ sinh túa ra từ trường Đồng-khánh, mang theo những tà áo trắng thướt tha tung bay theo chiều gió cuốn như cánh bướm chập chờn trên chiếc cầu Trường-tiền, trên khắp nẻo phố phường xứ Huế.

Ngàn ấy cảnh sắc độc đáo của Huế nghìn xưa đang ra sức chống chọi với cái vươn mình theo nhịp sống mới mà giờ đây đôi nét đã bị trôi về quá khứ. Sự an ninh đôi hỏi của thời chiến đã xóa mất ít nhiều thú vị của thị dân. Còn đâu những đêm hè oi bức ra đứng ngắm :

*Ba nhịp cầu Trường-tiền  
Đứng đây người hóng mát ;  
Ngọn gió Thuận-an lên,  
Áo quần kêu sột sạt.*

Còn đâu dưới ánh trăng ngà, từng làn gió hây hây lướt nhẹ trên gương nước, lấp lánh gợn lên muôn nghìn vảy bạc ; những chiếc thuyền đan dọc đan ngang trên dòng Hương-thủy, từ đấy vọng lên trong bầu không khí êm ả của trời đêm, tiếng đàn và điệu ca Nam-ai, Nam-bình, những nhạc khúc buồn thương :

*Dùng đỉnh chiếc thuyền nan  
Qua, lại bến sông Hương...  
Tiếng đàn chen tiếng hát,  
Thánh thót điệu Nam-bường.*

Cũng lạ ! Bỏ một đoạn đời sống nơi miền sông Hương núi Ngự, Nam-Trân đã để tâm hồn hòa vào khung cảnh của bến đò Kim-lương, ngôi chùa Thiên-mụ, những buổi nắng thu, những ngày hè, đêm hè ở Huế ; thậm chí cả mùa đông cũng được dệt thành tiếng thơ trong thi phẩm của mình.

Trước mắt thi nhân, Huế là hiện thân của đẹp, của thơ ; chỉ riêng điệu Nam-ai, một nhạc khúc sâu bí là người không tra mà còn tỏ ra giận ghét khi nghe nói đến ; người trách :

*Ôi Nhạc-sĩ ! thật anh người thậm tệ :  
Quan hoài chi những lối hát mê ly,  
Những câu ca không Đẹp lại không Thi  
Của kỹ nữ vọc cuộc đời ê chệ ?*

và kêu gọi :

*Hãy đứng dậy ! Vứt chiếc cùm áo nã !  
Tôi cần nghe những khúc nhạc rất hùng  
— Thét ngựa lồng phi mãi chẳng chồn chân —  
Sáng như gươm tuốt, mạnh như luồng bão*

Sinh trưởng tại Thừa-thiên, những thi nhân như Phan văn Dật, Thanh-Tĩnh, Thu-Hồng, Mộng-Huyền, Nguyễn đình Thư v. v... ta thấy trong sáng tác phẩm không ghi đậm hình ảnh xứ Huế, có lẽ những nhà thơ này sống trong lòng cái đẹp, vì quá quen thuộc mà xem ra thường chẳng ? Có phải cảnh đẹp Huế như danh thắng của tỉnh Giang-tây bên Tàu, phải chờ Vương-Bộ trong chuyến vượt bè thăm thân phụ, ghé viếng mà cảm đề bài *Đề-vương các bát hủ*. Mới hay cảnh đẹp cũng kén lắm hồn thơ.



## Thi tuyên

### Đẹp và Thơ

(Cô gái Kim-luông)

Thuyền nan dùng đỉnh sau hàng phượng,  
 Cô gái Kim-luông yêu điệu chèo.  
 Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết  
 Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo.  
 Thuyền qua đến bến ; cô lui lại,  
 Vầy chiếc chèo ngang : giọt nước gieo.  
 Đăm đăm mắt mới vì chèo,  
 Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng.  
 Biết không, cô ơi, biết không ?  
 Chèo cô còn quấy, sóng lòng còn xao ?

(Huế, Đẹp và Thơ)

### Huế, ngày hè

Lửa hạ bùng bùng cháy,  
 Làn ma trốt trốt bay.  
 Tiếng ve rè rè mãi.  
 Đánh đờ giấc ngủ ngày,  
 Đường sá ít người đi,  
 Bụi cây lấm kẻ núp.  
 Xơ xác quán nước chè,  
 Ra, vào người tấp nập.  
 Phe phầy chiếc quạt tre,  
 Chú nài ngồi đầu voi.  
 Tỉnh thoảng gơ tay bẻ,  
 Năm ba chùm nhãn còi.  
 Hoa phượng, như giọt huyết,  
 Nhỏ xuống, phủ lẽ đường.  
 Mặt trời gay gay đỏ,  
 Nhuộm đỏ góc sông Hương.

(Tao đàn, số 3 1-4-1939)

## Huế, đêm hè

Trời nóng băm bốn độ,  
 Đèn, sao khắp để dờ.  
 Mặt trăng vàng, tròn trên,  
 Nấp sau nhánh phượng khô.  
 Ba nhịp cầu Trường-tiền,  
 Đứng dày người hóng mát.  
 Ngọn gió Thuận-an lên,  
 Áo quần kêu sột soạt.  
 Đùng đình chiếc thuyền nan,  
 Qua, lại bến sông Hương.  
 Tiếng đờn chen tiếng hát.  
 Thánh thót điệu Nam-burong.  
 Hai tay xách hai vòm,  
 Một vài mụ le te.  
 Tiếng non rao lãnh lối ;  
 Chốc chốc : « Ai ăn chè ? »

(Huế, Đẹp và Thơ)



## Mùa đông

Cảnh đồng An-cựu

Lá bàng  
 Như lá vàng  
 Rụng.  
 Ối ! điều hiu  
 Cảnh chiều  
 Đông !  
 Ruộng ngập : mênh mông  
 Nước phẳng.  
 Cò bay, yên lặng  
 Quanh đồng.



*Thi tứ viên vông ;  
 Thần Tượng-tượng  
 Như đàn cò đôi lượn  
 Đồng không.*

*(Huế, Đẹp và Thơ)*



### Trước chùa Thiên-mụ

*Êm dềm dòng nước Hương-giang chảy,  
 Xúm xít thuyền con chỗ ba, bảy.  
 Tiếng hát ngư ông đắm bóng cây  
 Như luồng khói, nhẹ, lên, lên mãi.  
 Tháp cao dòm nước : vết meo trôi ,  
 Đồi thấp sừng trắng đôi đôi soi.  
 Mờ ớ xa xa gà gáy sáng...  
 Trong chùa cảnh cảnh tiếng chuông hồi.*

*(Huế, Đẹp và Thơ)*



### Giận khúc Nam-ai

*Đừng kè nữa những mảnh tình tan tác.  
 Hãy đứng lên, Nhạc-sĩ, với tôi, đi !  
 Tôi ghét anh mê giọng hát sầu bi.  
 Và tung mãi tấm hờn thừa truy lạc.  
 Hãy đứng dậy ! vút chiếc cầm ảo não !  
 Tôi cần nghe những khúc nhạc rất hùng  
 — Thét ngựa lòng phi mãi chẳng chồn chân —  
 Sáng như gươm tuốt, mạnh như luồng bão.  
 Ôi Nhạc-sĩ, thật anh người thậm tệ :  
 Quan hoài chi những lối hát mê ly,  
 Những câu ca không Đẹp lại không Thi  
 Của kỹ nữ vọc cuộc đời ê chệ ?*

*Hãy cung kính nhượng các ngài tuổi tác  
 Những bản đờn, nhịp hát thiếu tình thần.  
 Hãy ra nghe sóng vỗ, ngắm mây văn.  
 Rồi sáng chế cho tôi vài điệu khác.*

*(Huế, Đạp và Thơ)*



### Nắng thu

*Hát bài hát ngô nghê và êm ái,  
 Bên sườn non, mục tử cỡi trâu về.  
 Nắng chiều rây vàng bột xuống dân quê,  
 Lúa chín đỏ theo gió nồm sắp mái.  
 Trên suối nhỏ, chiếc cầu tre hẻo lánh  
 Tốp người qua, lầy bầy vượn thanh ngang  
 Lũ trẻ con sung sướng nờ cười vang  
 Đùa với bóng chảy theo dòng nước lạnh.  
 Dãy núi tím bồng thay màu xanh ngát  
 Rồi ố lẽ trong giây khắc nhá nhem.  
 Âm thầm cánh vật vào Đêm :  
 Vết rắng đỏ, tiếng còi xa cùng tắt.*

*(Huế, Đạp và Thơ)*



### Núi Ngự-bình

*Trên núi Ngự-bình  
 Chim cười, gió hát  
 Gió xui, em hát  
 Chim giục em cười  
 Hơi chàng công tử kia ơi !  
 Lòng em khao khát những lời ái ân.*



*Trên núi Ngự-bình  
 Gió chiều hiu hắt  
 Nhạc thông díu dặt  
 Như khúc phong cầm  
 Cô em vừa tuổi cài trâm  
 Nẻo sim lững thững đi tìm xác hoa  
 Ngây thơ đâu nữa mà vờ.*  
 (Tao đàn, số 3, 1-4-1939)



### Hồ Tĩnh-tâm

*Trên mặt hồ thu  
 Chuồn chuồn đập nước  
 Con sau, con trước  
 Vẽ bức hội vắn  
 Lững chững chị Hằng  
 Sấp rơi xuống nước.*  
 (Tao đàn, số 3, 1-4-1939)



### Núi Ngự, sông Hương

(Thơ gửi cho một người bạn Nam-kỳ)

*Anh đã đến Huế rồi,  
 Anh đã biết Huế chưa ?  
 Ví đã biết Huế rồi  
 Thì đã hiểu Huế chưa ?  
 Hiểu rồi cũng ngỡ là chưa,  
 Mà chưa nào biết rằng chưa hay rồi.  
 Ra đi, lòng những bồi hồi,  
 Biết chẳng ? chẳng biết rằng rồi hay chưa.  
 Huế tôi, cảnh đẹp như mơ,  
 Đẽ-đô là một bài thơ muôn vắn.  
 Tay tiên dù nắm bút thần  
 Cũng đành bỏ quá lăm phần thanh tao.*

Ngự-bình như thấp, như cao,  
 Nhật màu mây mốc, đượm màu cỏ hoa.  
 Gió dờn, thông nhịp, chim ca,  
 Họa vắn thoang thoảng một và khúc tiêu.  
 Hương-giang : cô gái mỹ miều,  
 Tấm thân bay bướm láy chiu nhờn nhờn,  
 Trời xuân rải bóng dương tà ;  
 Dưới hoa óng ả một và tiêu thơ.  
 Đêm thu trắng tỏ, nước mờ,  
 Chiếc thuyền bé tí bên bờ cỏ hoen ;  
 Điệu dờn vút tận cung tiên,  
 Ung dung tỏa nhẹ xuống miền nhân gian  
 Ru hồn một giấc mang mang  
 Em như mặt nước mơ màng biếng trôi.  
 Anh tìm cảnh lịch đến chơi  
 Thì anh đã hiểu Huế rồi hay chưa ?



### Sống bạc tình

Kính tặng ông và bà Phan đình Chi

Khách du vớt được mảnh giấy nhỏ  
 Bình bồng trên mặt sóng Hương-giang ;  
 Bức thư tuyệt tình ; lòng ai oán,  
 Thiếu nữ vô danh khúc duyên tàn.  
 Nửa năm về trước một đêm thanh,  
 Sóng nước Hương-giang dọn sóng tình,  
 Câu chuyện nước non thừa gấn bó. . .  
 Trước thuyền trắng bạc rọi đầu xanh.  
 Thơ tàn một bức mong manh,  
 Nước chao những nét mực xanh chưa lờ.  
 Duyên xưa sao khéo đượm đà !  
 Mà nay tình lại phôi pha cõi lòng ?



## Huế, Đẹp và Thơ

Ai gieo thơ xuống mặt sông ?  
 Phóng cho gió đầy với dòng nước đưa ?  
 Biết ai mà hỏi-bây giờ ?  
 Giải trường giang vẫn lơ dờ về Đông. . .  
 Nếu ta hiểu được dòng Hương-thủy,  
 Tâm sự còn bao khúc nào nùng !  
 Tọc mạch, trắng non mờ đáy nước,  
 Mĩa mai dòm tận mặt tình chung.



## Ngại ngừng khi bước chân ra

Trả lời Hán-Thu

Bạn ơi ! chớ ngại đường xa,  
 Đường xa nhưng cũng có ta cùng mình.  
 Cám ơn bạn tặng bức hình  
 Với thơ một mảnh đượm tình chi lan.  
 Đồng thanh tương ứng,  
 Vì xa xôi nên luống nhớ nhung.  
 Bước chân đi xin chớ ngại ngừng  
 Thì muôn dặm, nghìn trùng xem cũng gần.  
 Khách Hương thủy trách ai đo đản;  
 Trời Thần kinh cười tở hững hờ.  
 Vắng tri âm cận sạch nguồn thơ,  
 Đờn Bá-tư còn chờ Chung tri kỷ.  
 Chí quở quyết treo non là sự dễ.  
 Cứ vào đi ! đi ! cứ vào đi !  
 Thênh thênh đường cái. . . lo gì ?



# NGUYỄN ĐÌNH THƯ

**NGUYỄN ĐÌNH THƯ** là tên thật, sinh ngày 1 tháng 2 năm 1917 tại làng Phước-yên, huyện Quảng-diên, tỉnh Thừa-thiên (Trung-phần).

Thuở nhỏ học trường Queignec ; sau đấy theo học trường Quốc-học Huế. Có bằng thành chung rồi đi làm thư ký Khoa-bạc Huế.

Những thi bản sau đây được trích trong tập Hương màu, chưa xuất bản.



Nhận xét tiếng thơ Nguyễn đình Thư trước cao trào lãng mạn của nền thơ mới, tác giả tập *Hương màu* chưa đến mức độ say sưa đắm đuối trong tình ái. Nguyễn đình Thư chỉ phổ diễn cái tâm tình muôn thuở của những chàng trai đang nao nao rung động khi đối diện với những cánh hoa đào mơn mớn xinh tươi. Tiếng lòng này là tiếng nói chung của những cơ thể đang vào mùa dấy động xuân tình ; họ phát biểu trung thực định luật sinh lý thiên nhiên, tâm hồn dễ dàng quyện theo bóng sắc như đôi hạt uyên ương thạch (1) tìm nhau trong điều kiện thuận tiện.

---

1) Uyên ương thạch là loại đá nhỏ bằng đầu ngón tay, hình dáng như nửa quả cam bò dòi, đem đặt vào hai đốm cách xa trong một cái đĩa đựng dấm ; chỉ chốc lát, chúng sẽ « bò » tìm gặp nhau.

Đây ta hãy nghe một cõi lòng đang thì thầm trước một nhan sắc :

*Xinh đẹp ngây thơ nhiều thiếu nữ  
Lòng nghe sao lạ mặt quen thân,  
Tuồng như độ trước — khi nào ấy —  
Có gặp nhau đâu đã một lần.*

Khi lòng đã ra, nó cố moi lại quá khứ gần đây, hay xa hơn ở cõi ba sinh, hoặc thăm thăm của thời gian từ vạn kỷ như một Huy-Cận đã bắt quang nhạn diện người em gái mình yêu :

*Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ  
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa.  
(Tình tự — Huy-Cận)*

Nếu trí nhớ thì nhân không lầm thì đôi gái trai này đã một lần chia tay ở khúc rẽ ngã ba đường nào đó, hay cùng nhau tạm trú mưa dưới một mái hiên, hoặc chung ngồi bên mạn thuyền trong một chuyến sang sông. Họ nhớ mang máng đã vấn vương tình trong vài cánh chớp của thời gian ở những trường hợp như thế ; rồi họ giả từ nhau mang theo nỗi niềm lưu luyến :

*Nước non đây chỗ chia đường  
Tương tư mở lối đoạn trường cũng đây.*

Hoặc giả đôi khi họ vượt khỏi giới tuyến băng khuâng rạo rức, đến bên bờ của một tấm tình si được bạo dạn bộc lộ, không mây may giấu diếm nhưng cũng không cắt nghĩa được tại sao :

*Tôi yêu là bởi tôi yêu,  
Cầm tay cô hỏi, hỏi nhiều làm chi ?*

Bài *Đến chiều* của Nguyễn đình Thu đã lột trần tâm lý của hai chủng tính nam nữ : Khi bắt đầu yêu, người con gái dọ dẫm, hỏi han đối tượng yêu, họ cần thấu đáo chân hay giả để đặt tình yêu thành vấn đề chung cuộc.

Trái lại, ai còn lạ gì cái tinh khí bông bột của trai trẻ. Họ lao vào yêu đương theo nhục cảm. Ta hãy nghe họ tự thú :

*Hướng hồ yêu tự khi nào.  
Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay.*

Người trai còn hứa hẹn nhiều nữa đề gán bó thêm tình yêu :

*— Một thương là sự đã liều  
Thì theo cho đến xế chiều chứ sao ?*

Nếu tinh ý nhận xét lời nói trên, ta sẽ thấy sự dè dặt của phái nữ là hữu lý. Luyến ái quan của họ là chung thủy, là thiết thạch, không phải là « sự đã liều ». Họ tinh tế ở đó, nhưng lại khuyết điểm là dễ tin yêu đến vấp ngã vào lưới tình :

*Nhớ bữa ra đi anh dặn dò,  
Nhưng là chờ đợi chờ buồn lo ;  
— Đừng đau em nhé ! Thư luôn nhé !  
Không có, phương trời anh héo khô.*

Và đây là sự mềm yếu của linh hồn :

*Nghe nói, than ôi ! xiết thắm sâu  
Trăm nghìn những muốn chết theo nhau !  
Lệ không cầm nữa, tơ duyên tưởng  
Vấn vít đôi ta đến bạc đầu.*

Tình yêu của họ, ta ngỡ đâu sẽ đưa đến cuối đường mộng, ấy thế mà lại gieo rắc tủi buồn. Ta hãy nghe nàng tâm sự trách hờn :

*Phụ phàng chi lắm thế anh ơi  
Em gửi thư sao chẳng trả lời !  
.....  
Ai dè anh bỏ em đành đoạn,  
Ôi lá hoa cùng trăng gió quen.*

Những ái tình chợt tự rồi chợt tan trên sông bến, giờ đây nàng mới hay chỉ là cánh bướm vờn hoa :



*Tình anh như nắng thu đông ấy  
Lưu luyến nhân gian chả mấy ngày.*



Đọc Nguyễn đình Thư ta thấy tác giả đã soi sáng lên một vùng ần náu của lòng trai, nơi đây tiết ra hương vị ngọt ngào của tình yêu, nơi đây lý trí tỏ ra khách quan, đề mặc cho tình cảm vương vấn hương tình. Nếu là không gian, chỗ gặp gỡ của họ có thể là bờ bến của con đò, có thể là ngã ba đường rẽ ; hoặc, nếu là thời gian, có thể là một buổi xế chiều ; và rồi cuối cùng đôi trai gái cũng phải chia tay. Lòng họ buồn, buồn nhẹ nhàng, rười rượi như dòng nước lạnh đang chảy lững lờ, hoặc như lòng người khi ngùi ngùi trông chiếc đò trở lái sang ngang, chỉ còn phía bến bờ này một mảnh lằm lũi chiếc thân đờn trên đường dài dưới ánh tà dương.

Những nỗi niềm sâu man mác như thế thường xuyên có đọng trong thơ Nguyễn đình Thư.

(28-9-1968)



## Thi tuyên

### Đến chiều

Tôi yêu là bởi tôi yêu  
 Cầm tay cô hỏi, hỏi nhiều làm chi ?  
 Khi yêu không đắn đo gì  
 Phân phó chừ biết nói vì cớ sao ?  
 Hưởng hồ yêu tự khi nào  
 Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay.  
 Cạn gùng mong cạn phôi bày  
 Họa chẳng có một điều này đơn sơ :  
 Thuyền tình đã gặp người đưa,  
 Giọng khời không lẽ đôi giờ rời thôi.  
 Tin nhau ai nói bằng lời,  
 Và mai ai biết xa vời bao nhiêu ?  
 — Một thương là sự đã liều  
 Thì theo cho đến xế chiều chừ sao !  
 (Hương màu)



### Sang ngang

Lòng tôi như chiếc thuyền lan,  
 Tình cô như khách sang ngang một chiều  
 Thu nào quá đổi cô liêu,  
 Bờ hun hút lạnh nắng hiu hiu buồn...  
 Qua rồi thôn cách bến sương,  
 Phất phơ áo nhạt mắt đường lau không-  
 Vô tình đâu biết trên sông  
 Có người ngang lái còn trông dõi mình.  
 (Hương màu)



## Tống biệt

Mênh mông muôn lớp sóng dồn  
 Vè lau trắng gió bãi cồn khói sương.  
 Nước non đây chỗ chia đường  
 Tương tư mở lối đoạn trường cũng đây.  
 Cách vời trước biết bèo mây  
 Chung đôi xưa nở sum vầy làm chi,  
 Đề giờ lụi thú người đi  
 Mai chiều quạnh quẽ tà huy tôi buồn,  
 Vô vàng đứng bến giang thôn  
 Thuyền người nững bề mây nguồn biết đâu !  
 — Cầm tay chừ hẹn chi nhau  
 Sầu chia nước chảy bên nào xa hơn.  
 (Hương màu)



## Thiệt thà

Phụ phòng chi lắm thế anh ơi,  
 Em gửi thư sao chẳng trả lời ?  
 — Dẫu chẳng ra chi duyên phận ấy,  
 Cục lòng em chịu dám hờn ai —  
 Nhớ bữa ra đi anh dặn dò,  
 Nhưng là chờ đợi chớ buồn lo ;  
 — Đùng đau em nhớ ! Thư luôn nhớ !  
 Không có, phương trời anh héo khô.  
 Nghe nói, chao ôi ! xiết thăm sầu,  
 Trăm nghìn những muốn chết theo nhau ;  
 Lệ không cầm nữa, tơ duyên tưởng  
 Vắn vít đôi ta đến bạc đầu.

Cui cút ra vào em với em  
 Lời kia cắn đặng dăm sai quên ;  
 Ai dè anh bỏ em đành đoạn,  
 Ôi lá hoa cùng trắng gió quen !  
 Em có hay đâu có sự này,  
 Nửa chừng nửa đổi chịu chua cay ;  
 Tình anh như nắng thu đông ấy  
 Lưu luyến nhân gian chả mấy ngày. . .  
 Chắc hẳn anh chừ đã lửng nhau,  
 Vui bề gia thất ấm êm sao ?  
 Tình cờ nếu gặp em đâu đó  
 Không biết lòng anh nghĩ thế nào ?  
 (Hương màu)



### Vương tình

Xinh đẹp ngây thơ nhiều thiếu nữ  
 Lòng nghe sao lạ mặt quen thân,  
 Tưởng như độ trước — khi nào ấy —  
 Có gặp nhau đâu đã một lần.  
 Có lẽ khi là khách viễn phương  
 Nhân cơ rẽ một ngã ba đường,  
 Hay chừng dậm gió xang mưa chướng  
 Cùng lánh hiên người đôi phút hương ;  
 Hay buổi trưa nào trở bến sang  
 Tình cờ chung mạn chuyển đò ngang,  
 Tới nơi người đời vùng mây trắng  
 Kẻ tải lăm xăm hướng bụi vàng. . .  
 Rồi đó không hề tưởng nhớ nhau,  
 Phương trời ai có biết ai đâu !  
 Đời cầm như nước đôi dòng lạ,  
 Mây khói mệnh mang sầu lạc sầu. . .

*Nay gặp không ngờ chẳng ước mong,  
Môi e đáng nỡ gọi tao phùng,  
Không vồn vã lắm, nhưng may đề  
Gây chút tươi êm bớt ngược ngùng ;  
Lặng lẽ nhìn nhau chẳng thoáng tình  
Người ơi tôi thấy quá buồn tanh ;  
Và đây chia cách không đưa tiễn  
Mắt với trông theo nghĩ chẳng đành.  
(Hương màu)*



---

## BÍCH-KHÊ

---

**B** Í C H - K H Ê (1) tên thật là Lê quang Lương, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1916 tại xã Phước-lộc, quận Sơn-tĩnh, tỉnh Quảng-ngãi.

Thuở bé Bích-Khê đã tỏ ra là người thông minh và có một trí nhớ mạnh. Năm 13 tuổi, ông học lớp nhất trường Pháp-Việt Đồng-hới, và 1929, đậu bằng Tiều-học Pháp-Việt.

Ông tiếp tục sự học của mình tại trường Pellerin Huế và hoàn tất chương trình Trung-học vào năm 1932.

Sau đấy, ông ra Hà-nội theo ban tú tài triết học ở một tư thục. Tại Hà-nội, ông kết bạn với một người đồng môn và cũng đồng châu tên Đ... Đ... Cả hai sau này cùng với người chị thứ tám của Bích-Khê vào Phan-thiết mở trường tư lấy tên Hồng-Đức năm 1934.

Năm 1936, chị thi sĩ Bích-Khê bị mật thám Pháp bắt giải về giam tại Quảng-ngãi vì tình nghi hoạt động chính trị. Trường thiếu người đảm nhiệm; thừa cơ người bạn Bích-Khê bèn xoay sở biến tư thục Hồng-Đức thành ra của mình.

---

1) Tài liệu chúng tôi căn cứ tập san VĂN 14, ngày 15-8-1967, số tưởng niệm thi sĩ Bích-Khê.

Chán tình đời, Bích-Khê bỏ vào nương nấu nơi chùa Ông Rau trên núi Tà-cú (Mũi Né) lấy câu kinh tiếng kệ, cùng trời nước mệnh mông khuấy khỏa chuyện nhân tình.

Bốn tháng sau, Bích-Khê trở về Thu-xà (một quận cách tỉnh lỵ Quảng-ngãi 10 cây số) trước sự ngạc nhiên của mẹ ; nhưng Bích-Khê cố giấu sự thật. Lúc bấy giờ người chị được thả ra. Bích-Khê lưu lại quê nhà để đọc sách và viết văn. Được một thời gian, Bích-Khê nghe rang ngực vì phôi yếu, phải vào nhà thương điều trị hơn một năm.

Cuối 1937, Bích-Khê dọn phòng học về ở trên núi Thiên-ân, rồi lại dời xuống bãi biển. Sau đây, về nhà xin mẹ cho vào một ngôi chùa ở Phú-thọ để nghiên cứu triết lý Phật và làm thơ. Chẳng bao lâu lại bỏ chùa vì cho rằng tiếng chuông mõ và giới luật không lợi cho sáng tác văn chương và ràng buộc tâm hồn phóng túng. Bích-Khê tiếp nối cuộc đời mình trên chiếc sông bình bằng khắp mặt nước Trà-khúc, bến sông Phú-thọ, Xóm dừa, Cờ-lẫy, Sa-kỳ...

Năm 1938, Bích-Khê cùng chị lại trở vào Phan-thiết mở trường Quảng-Thuận do ông Lạc-Nhân làm giám-đốc (Lạc-Nhân tên thật là Nguyễn quý Hương, chồng của một người chị Bích-Khê tên Lê ngọc Swong). Nhà trường quy tụ những người có tâm huyết, lấy việc « khai dân trí » làm tôn chỉ. Học sinh ngày càng đông, gây nhiều tin nhiệm với nhân dân địa phương khiến thực dân Pháp đề ý và ra lệnh đóng cửa. Nhờ ông Lạc-Nhân có chân dân biểu ra sức bênh vực ở nghị trường ; nhà trường trước sau hai lần đóng cửa, rồi lại mở cửa.

Cuối 1939, trường bị đóng cửa lần thứ ba, Bích-Khê không cho ông Lạc-Nhân vận động. Ông cùng chị trở về Thu-xà.

Năm 1941, người chị thứ tám đi lấy chồng, Bích-Khê ra Huế dạy học ở trường Phú-xuân.

Năm 1942, bệnh phôi tái phát, Bích-Khê phải vào điều trị tại bệnh viện Pasquier Huế 8 tháng, rồi về nhà chạy chữa thuốc Nam, song vô hiệu. Sức khoẻ ngày càng giảm.

Tháng Giêng năm 1946, cảm thấy mình không thoát khỏi tay tử thần, Bích-Khê gọi người chị thứ sáu ghi lời di chúc, nội dung như sau :

1. Khi chết không được khóc.
2. Chết xong liệm liền, chôn liền.
3. Liệm rất giản dị, một tấm vải trắng đắp thi hài, một cái hòm thường, và đám tang không có kèn trống.
4. Bà con bạn hữu đến phúng điếu, không nhận tiền.
5. Ngày giỗ chỉ đốt hương, trà và cắm hoa ; không được đặt đồ ăn trên bàn thờ.
6. Các tập thơ, chị Ngọc-Sương và người anh rể là Lạc-Nhân mang quyền xuất bản.

Cái đêm tang tóc của gia đình Bích-Khê là đêm 17-1-1946. 11 giờ 30, nằm thềm thiếp trên giường bệnh, Bích-Khê vẫn còn đủ tinh thần lắng nghe những hồi kinh vĩnh sinh. Thời khắc nặng nề trôi, 11 giờ 45, Bích-Khê lo ngại tự nhủ : « Tôi chết đêm nay mà. » Đúng 12 giờ khuya đêm 17-1-1946, thi sĩ chỉ còn là một hình thê bất động, hơi thở quá mong manh, rồi cuối cùng chấm dứt hẳn để khép cánh cửa đời một thiên tài của nền thi ca đất nước.

Sự nghiệp văn chương của Bích-Khê gồm có :

- Tinh huyết, thơ, do Trọng-Miên xuất bản năm 1939. Tựa của Hàn-Mặc-Tử ; Bạt của Trọng-Miên. Tập thơ gồm có 4 phần :
  - Nhạc và Lệ, tặng Hàn-Mặc-Tử (trang 23 đến trang 38)
  - Đẹp và Dâm, tặng Trọng-Miên (trang 41 đến trang 54)
  - Cuồng và Ánh-sáng, tặng hai anh Thoại và Hường (trang 57 đến trang 81)
  - Châu (trang 85 đến trang 105).



- Tinh hoa, thơ, (1938 — 1946), sắp xuất bản.
- Đẹp, thơ, 1939, chưa xuất bản.
- Ngũ hoành sơn, thơ, chưa xuất bản.
- Lột trường, tự truyện, chưa xuất bản.
- Máy dòng thơ cũ, thơ, (1931 — 1936), không xuất bản.

*Thi bản của ông đã đăng trên các báo Tiếng dân, Tiều thuyết thứ năm, Người mới lấy bút hiệu Lê-Mộng-Thu, hay Bích-Khê.*

*Ông đã cùng một người bạn dịch quyển Retour de L'URSS (Ở Nga về) và ôm mộng xuất bản quyển sách này.*



**H**ÀN-MẶC-TỬ đã có cái nhìn quán xuyên thế giới thơ của Bích-Khê khi ông ghi lại những dòng sau đây trong bài Tựa tập *Tinh huyết*.

« Ta có thể sánh văn thơ của Bích-Khê như đóa hoa thần dị. Và đem ra phân chất, ta sẽ thấy thơ chàng gồm có ba tính cách khác nhau :

1. Thơ tượng trưng,
2. Thơ huyền diệu,
3. Thơ trụy lạc. »

Hoàng trọng Miên cũng đồng quan điểm, nhưng lại vẽ đậm nét sắc thái thứ ba (thơ trụy lạc) :

« Tinh huyết vang dội một nỗi đau khổ tuyệt vọng phủ qua màu sắc trụy lạc òạt như muốn chảy tràn vào đường gân, mạch máu của tôi.

Bích-Khê phổ bày trần trụi những cơn ham mê, khoái lạc dảo táp cuồng loạn trong tâm hồn, xác thịt ra trên mặt giấy trắng tinh, nên nhiều vần điệu dính đầy máu tủy.

Sắc dục bay tỏa trong thơ chàng mãnh liệt, mùi hương nồng đượm tài hoa. Những đau đớn, tuyệt vọng, oán hận, điên cuồng nung nấu máu huyết chàng tràn ứ ra những lời thơ đam mê, khát khao, bùng bột, chói rực lạ thường. »



Khi bước chân vào dòng đời, Bích-Khê đã ghi ngay tâm tư của mình cho hậu thế trong bài *Năm mộ* và *Đề bia trước mộ*.

Đó là nhân sinh quan của nhà thơ. Một đời mà đang đối diện với thực tại của cuộc hiện sinh :

*Nhân sinh tự cổ thù vô tử ! (Cổ thi)*

Tự ngàn xưa, ai đã sống mà không chết : Sớm muộn gì cũng chỉ là :

*Trăm năm còn có gì đâu ?*

*Chẳng qua một năm cỏ khô xanh rì !*

(Đoạn trường tân thanh)

Nếu quan niệm « sinh ký tử qui » là đem cuộc sống thả vào dòng thời gian, phó mặc cho định mệnh ; họ chấp nhận sự sinh tồn theo luật đương nhiên của vũ trụ. Tinh thần của họ vì vậy mà bình thản trước cái Sống và cái Chết.

Với nhà thơ Bích-Khê, chúng ta thấy thi nhân đã làm chủ cái Sống và cái Chết của mình. Khi sống thi nhân đã hưởng thụ tất cả những gì mà người cho là nguồn sống, và lúc chết, thi nhân lại gửi vào cõi sống những tâm tư của mình, để nguồn tâm tư ấy sống mãi trong lòng nhân thế.

Vậy thì đối với thi nhân chết không có nghĩa là mất, mà chỉ là làm một chuyến « tiêu dao » rồi cũng vẫn trở về với lòng nhân thế. Ta hãy nghe thi nhân đưa ra ý niệm ấy :

*Mây tuyết thời gian bay tợ nhạc  
Hồn tôi đã thoát để tiêu dao.*

(Năm mộ)

Đời người là một thoáng thời gian mà thi nhân hình dung như một đám mây trắng trôi trên khung trời xanh, chấp chùng như điệu nhạc, trong đó gói ghém đủ sắc thái tâm tư.

Điệu nhạc thất tình lục dục của con người, ai cũng đều trải qua trên đường tơ thời gian ấy. Nó là biểu tượng cái tinh thần đã sống của con người ! Khi bản nhạc đời chấm dứt là lúc chúng ta phải rời khỏi phòng nhạc.

Tuy nhiên, khi vừa rời phòng nhạc, dù muốn dù không cũng đã mang trong người ít nhiều cảm giác. Thi nhân là người đã trao lại cho kẻ đến sau những cảm giác ấy. Đám mây rời tan, điệu nhạc rời dứt, nhưng cảm giác tồn tại trong lòng thời gian :

*Những tờ thơ nát đầy hơi hám,  
Tay khách đã tình sẽ chuyển trao.*

(Năm mộ)

Hỡi người đời ! Ai đã từng bảo kiếp người là « phù thế », là « bóng cầu », là « tên bản », hãy đến trước mồ thi nhân xem những dòng đã ghi trên mộ chí, do thi nhân tự tay đề cho mình trước khi chết :

## Đề bia trước mộ

*Thân bệnh : ngô vàng mưa lá rụng :*  
*Bút thần : sông lạnh ánh sao rơi !*  
*Sau nghìn thu nữa trên trần thế,*  
*Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi.*

(Tư tuyệt)

Trang-từ nằm mơ thấy mình hóa bướm, khi tỉnh dậy chưa biết mình là Trang-từ hay là bướm. Đòi người là cõi mộng ? Phai ! Nó là cõi mộng, nhưng theo thi nhân, trong cõi mộng ấy lại có cõi thực ! Kế nào sống với những gì mất mát tức là sống với mộng, và cũng có nghĩa là họ đang chết ! Kế nào sống với những cái vĩnh cửu tức là họ sống với thực, và chẳng chết bao giờ !

*Ngô đồng nhất điệp lạc*  
*Thiên hạ cộng bi thu.*  
*(Ngô đồng rụng một lá*  
*Thiên hạ buồn thu qua.)*

Lá ngô đồng rụng đề tiền biệt một mùa thu, không có nghĩa là tình thu bị tiêu diệt. Mùa thu qua, tình thu vẫn còn đọng lại. Một vệt sao rơi trên dòng sông lạnh, vệt sao mất, nhưng hình ảnh rực rỡ trước khi tắt của ánh sao vẫn lưu lại với dòng sông.

Vậy thi người đời nên thấy cái gì tạm bợ, cái gì bất diệt để phân định đâu là mộng, đâu là thực.

Bích-Khê đã tìm cõi sống nghìn thu, cõi sống ấy ở ngay trong trần thế ! Bởi vì có ai dám quả quyết rằng sau nghìn năm nữa, ở thế gian này không có một kẻ nào ngồi dưới bóng trăng mà ngậm lên những tiếng lòng, những cảm giác của thi nhân đã lưu lại trên « những tờ thơ nát đầy hơi hám » kia ! Nếu có kẻ làm như vậy, ai dám bảo Bích-Khê đã chết ?

Mùa thu này, thi nhân cảm thấy ý sống mình đang tràn dâng, và muốn trải sức sống ấy vào lòng nhân thế :

*Rời một mùa thu vô hạn thương  
 Trở về dưới biển chập chờn hương  
 Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ  
 Muốn thời tiêu vãng giữa khói sương*

( Năm mộ )

Nghìn thu trước và nghìn thu sau ai bảo là xa cách khi tâm hồn cùng rung lên một nhạc điệu ? Không ! Tâm tư con người vượt ra ngoài thời gian và không gian để trường cửu. Nghìn thu trước lá ngô đồng rụng tiễn thu, khói biển xây thành, rặng liễu khóc sương, thì nghìn thu sau vẫn với lá ngô đồng rụng tiễn thu, khói biển xây thành và rặng liễu khóc sương. Những cái đó không thay đổi, tại sao không có một thi nhân ngồi giữa trời thu thổi lên tiếng tiêu hòa theo gió như một thi nhân nghìn thu trước đã làm ?

Hỡi thi sĩ của nghìn đời ! Cái gì ngăn cản được dòng tâm tư của chúng ta ! Kia, mùa thu đã về ! Hãy nâng chiếc tiêu lên họa cùng hơi gió :

*Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh  
 Về chốn thôn già viếng mã tôi  
 Đầy cỏ xanh xao mây lớp phủ  
 Trên mồ con quạ đứng im hơi.*

Mây thu buồn trĩu thấp, thảm cỏ úa xanh xao là biểu tượng một mùa thu ; và con quạ đen ngòm đứng trên nấm mồ kia phải chăng đang chứng kiến tâm tư con người âm i sống giữa thời gian và không gian, một nguồn sống muôn thuở của người không bao giờ chết ?

Phải chăng những suy tư trên đây đã ảnh hưởng đậm vào luyện ái quan và thi nghiệp của Bích-Khê sau này ?



Bây giờ chúng ta hãy bước vào dòng tâm tư của thi nhân.

Nhiều người đã đem so sánh cuộc đời thơ Bích-Khê và Hàn-Mặc-Tử — đôi bạn gần gũi nhau cả cuộc sống lẫn cõi chết — chúng ta không thể phủ nhận điều đó.

Nếu Hàn-Mặc-Tử xem sự vật trên đời chỉ là biểu tượng của tâm hồn, và những Mộng-Cầm, Mai-Đình, Thương-Thương... (trong *Thơ Hàn-Mặc-Tử*) là những hình bóng đề thi nhân dựa vào đó khai thác những cảm nghĩ say sưa của tâm hồn; thì với Bích-Khê như Song-Châu, Bích-Thủy, Ngọc-Kiều (trong *Tinh huyết*) cũng chỉ là những thê chất tượng trưng cho cái đẹp trong tâm hồn mình.

Thi nhân tìm cái đẹp, nhưng không thuần túy ở thê chất. Cái đẹp ấy từ thê chất bốc ra, chuyển sang cảm giác, rồi vươn lên một bậc đề biến thành cái đẹp của tâm linh.

Hàn-Mặc-Tử đã nói về Bích-Khê :

« Sự phát triển bông bột quá, đời dào quá, sẽ đưa linh cảm chàng đến một địa hạt siêu thần hơn; thơ chàng cũng như hồn chàng, sẽ qua hết những không khí nhiệm màu, bay cao đến tột cùng của Nước Trời hay chìm đắm xuống đáy sâu Địa-ngục.

« Sự điên cuồng ấy uyên nguyên ở một phần thiên tài, và ở một phần của «Đau khổ». Chàng là người đã « sống ». Những tình cảm sâu xa dù là ở cõi tiềm thức đi nữa, cũng đã hơn một lần nảy nở rồi... »

(Trích lời Tựa *Tinh huyết*)

Nhận xét của Hàn-Mặc-Tử quả đúng với trạng thái tâm thần của Bích-Khê, con người từng sống qua một thứ tình cảm đã ăn sâu tận tiềm thức.

Hình tượng bên ngoài kích thích cảm giác, thi nhân liền đưa hình tượng ấy vào tiềm thức để khai sinh cho hình tượng một sắc thái mới: sắc thái tượng trưng. Cho nên các nhà thơ tượng trưng không tìm cái Đẹp ở thực thê, mà đi tìm cái Đẹp siêu việt trong thực thê.

Hàn-Mặc-Tử nói :

« ...Tình cảm càng giàu sang bao nhiêu, tâm hồn chàng càng thanh thoát bấy nhiêu. Tư tưởng vì thế nhiều khi biến đổi bất

thường, tin tưởng đó rồi lại ngờ vực liền. Với thời gian, trí tuệ sẽ tiến hóa, đi tới một mức quá khích, lay chuyển hết các sợi dây thần kinh trong người thi sĩ, xô đẩy thi sĩ đến những bến bờ xa lạ của cảm giác, đắm chìm sa ngã vào sự khoái lạc của thần hồn cũng như của thể xác. Ở những miền thú vị chưa khai phá thi sĩ sẽ nhờ sức truy lạc đưa đẩy tới. Là vì luôn luôn, thi sĩ khát khao hoài vọng cái mới cái đẹp, cái gì rung cảm hồn phách chàng đến tê liệt, đại khờ, dù là cái đẹp ấy là cao cả, hay dễ tiện, tinh khiết hay như bùn, miễn là có tính chất gây nên dễ mê, khoái lạc...»

(Trích lời tựa *Tinh huyết*)

Với nhận xét trên, Hàn-Mặc-Tử đã thấy rõ yếu tố căn bản của nhà thơ Bích-Khê là vay mượn cái đẹp của hình thể, dùng cái đẹp của hình thể kích thích tâm linh để thoát ra ngoài hiện hữu.

Cho được rõ ràng hơn, Hàn-Mặc-Tử thêm :

«Thi sĩ Bích-Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất ảo, nhìn vào thực tế thì sự thực sẽ thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu...»

Như thế có nghĩa là Bích-Khê đã sống bằng sự rung chuyển của tâm linh qua sự va chạm tuyệt đối của cảm giác.

Khi nhìn người yêu có đôi mắt đẹp, thi nhân vượt lên cái đẹp hiện hữu, đưa cảm giác mình vào cõi mộng đến độ lúc nào cũng bắt gặp đôi mắt ấy ẩn hiện trong mây, trong gió, trong hoa, trong lá, và bàng bạc khắp ngoại giới, bao trùm cả vũ trụ tâm linh.

*Bỗng đôi mắt hiện hình — Đôi mắt ngọc*

*Ôi đôi mắt ! — Toàn thân tôi rợn ốc !*

*Toàn thân tôi trần ngấm vị say sưa*

*Và cảm giác và khoái lạc, xô bờ*

*Làm rung động cả tinh thần khí phách !*

(Đôi mắt)

Sự truyền cảm hình ảnh của đôi mắt quá mãnh liệt, đưa thị nhân đến một trạng thái hỗn độn. Người rùng mình trước sự xuất hiện đột ngột của ánh mắt, nhưng khi hình ảnh được lọc qua cảm giác, tức là khi cảm giác nhận chân được hình tượng hằng mơ tưởng, liền tỏa dần ra một khoái cảm say sưa. Các dây thần kinh rung chuyển đến mức độ không còn thấy thực thể bên ngoài nữa, nó đã biến thành một thứ ngọc thạch, một thứ ánh sáng thiên thần, một thứ âm thanh trong suốt, những thứ ấy tác động mạnh ở tâm linh giới, đến độ tiềm thức không còn nhận được chân thân của nguyên thể :

— Hỡi đôi mắt ! nơi người là ngọc thạch  
 Nơi giếng người phản chiếu ánh thiên thần  
 Nơi suối người giữ kín uểng châu ngân  
 Nơi triều lăm cả một bầu tiến động  
 Nơi rung rinh cả một trời thơ mộng  
 Người là ai ? người hỡi ! người là ai ?

( Đôi mắt )

Khi hình bóng đã bước vào địa hạt tâm linh thì không còn là thực thể nữa. Đôi mắt không còn là một cặp nhãn cầu vật chất của nhà giải phẫu, mà nó trở thành một ảo hình liên tục quay cuồng làm lệch lạc sự nhận thức bình thường của cảm giác, dẫn đến một trạng thái tâm thần chơi vơi như lạc vào cõi hư vô.

Những cảm giác bàng bạc trong tâm linh tỏa ra muôn hình, vạn ảnh, tràn ngập trong tưởng tượng người thơ :

Nhạc khiêu vũ đâu đây làn sóng mùa  
 Tôi tưởng chừng... da thịt biến ra thơ  
 Những đầu lâu rã hết khí xanh dờn  
 Những xiêm áo bay rờn trong cánh mộng  
 Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hồng  
 Bẩn tinh ra trợn trạo giữa nguồn hương.

( Đôi mắt )



Chúng ta còn làm sao hiểu nổi trong tâm linh giới của thi nhân, khi mỗi cử động của đôi mắt đều khua dậy một nhạc điệu. Nghệ-thường làm tan biến cả thề xác, áp đảo mọi hình bóng đang chờn vờn trong vùng ảnh hưởng của nó buộc hình ảnh ấy phải nô lệ cho cái đẹp nhất của tâm linh.,

*Hỡi đôi mắt châu báu của muôn đời  
Cho lòng ta ấp yêu nguồn suối lệ  
Hồn ta say trong nhạc vàng kẻ lẽ  
Tình ta dâng trong gợn sóng thu ba  
Cả máu đào, tuyết trắng với xương ma  
Cùng tinh loãng là bao nhiêu bảo vật  
Đề xây đắp bàn thờ cao chất ngất  
Lút mấy xanh là lút cả thiên thai.*

( Đôi mắt )

Đừng tưởng. Những máu đào, tuyết trắng, xương ma không còn là những thứ làm cho người ta ghê rợn nữa, đối với thi nhân, nó đã biến thành bảo vật quý báu cần cho sự cấu tạo cái Đẹp đáng phụng thờ kia.

Qua lăng kính tượng trưng, những thực thể kinh tởm được chuyển thành cái Đẹp mà thực thể chỉ còn là hư không.

*Bỗng đôi mắt rung rung dương rớm khóc  
Nhưng cười nụ trong mùa hoa ánh ngọc  
Ta là Châu ! Thi sĩ ! Ta là Châu !*

( Đôi mắt )

Đôi mắt chực khóc, thi nhân không cảm nhận u buồn mà lại thấy nó đang cười nụ trong ánh sáng của màu châu ngọc, con người vật chất của thi nhân bỗng biến thành châu ngọc để hòa tan trong ánh sáng long lanh của giọt lệ.

Những thề xác thường tình, những bóng sắc hiện hữu đã được thi vị hóa đến độ không còn hình ảnh rõ rệt. Chúng ta chỉ thấy lò mờ trong hào quang — chúng tôi muốn nói thực thể bị bao trùm trong tượng tượng của thi nhân — tỏa ra ngàn vạn sắc hương :

*Dường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới  
 Cửa lời thơ lóng đệp — Hạt châu trong —  
 Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng  
 Trăng âm hưởng như chiều thu sóng nắng  
 Trong vòm xanh — Màu cưỡi màu, bình lặng;  
 Gây phương phi : chiếu sáng ngả sang mờ  
 Vì hình dung những sắc mát, non, tơ,  
 Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một  
 Hoàng hôn — Oi, đàn môi, chim báu tốt :  
 Chữ biến hình ảnh, mới lúc trong ngâm,  
 Chữ điêu khắc, tía nghệ thuật sâu câm,  
 Dầy thâm mỹ như một pho thần tượng.*

Ví dụ, xuất hiện một chiếc sọ người, chúng ta chưa kịp rùng rợn vì hàm răng nhe như tinh ma, những lỗ hồng sâu ngòm góm ghiếc, thì thi nhân đã vội báo chúng ta đây là bình vàng chen ngọc, chứa đầy chất ngọt ngào say sưa, uống vào ngất lịm người đi, cả chất óc đều thơm tho, ngào ngọt.

*Ôi khối mộng của hồn thơ chéng choáng !  
 Ôi buồng xuân hơ hớ cánh đào sương !  
 Ôi bình vàng ! Ôi chén ngọc đầu hương !  
 Ôi hồ nguyệt đọng nhiều trăng lấp loáng !  
 Ôi thần tình ! Người chứa một trời hương !  
 Người yên tĩnh nhưng người đi muôn dặm,  
 Mây thu thanh hòa âm nhạc thơm tho !  
 Miệng yêu kiều mơn ánh sáng say no !  
 Nguồn trinh tiết gây hồng tươi xanh thắm !*

(Cái sọ người)

Chúng ta không còn thấy cái sọ người ở đây nữa. Nó không còn gieo cho chúng ta ý nghĩ rùng rợn của chết chóc, những cảm giác hãi hùng kinh tởm, một chứng tích tàn phá của thời gian, mà nó biến thành khối mộng, buồng xuân, hồ nguyệt. Nó thơm tho, tinh khiết, cao quý đến nỗi khiến chúng ta muốn nút hết chất vị ngọt lịm ở miệng, những gì mát mát ở mắt, ở những lỗ hồng chứa đầy trăng sao...

Ở một bức tranh lụa thê, sự trần trụi, dâm dăng không còn là thứ khả ố làm chúng ta xốn mắt, khó chịu ; thi nhân đã biến những sắc thái ấy qua ý vị của thơ, của hương, của nhạc, của tuyết, của ánh sáng :

*Dáng tà xuân uốn trong tranh Tố-nữ.  
 Ó tiên nương ! Nàng lại ngự nơi này ?  
 Nàng ở mô ! Xiêm áo bỏ đâu đây ?  
 Đến triền lãm cả tấm thân kiều diễm.  
 Nàng là tuyết hay da nàng tuyết diễm ?  
 Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?  
 Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường ;  
 Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.  
 Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc,  
 Vài chút trắng say động ở làn môi.*

(Tranh lụa thê)

Bài *Tranh lụa thê* của Bích-Khê trích trên đây đã được Hàn-Mặc-Từ nhận xét :

« *Trực giác của thi sĩ mạnh quá đến nỗi thấy nhan sắc lên hương, thấy cá bóng nghệ thường đương nao nao gọn, và so sánh hai hàng nước mắt trong trắng của Nàng là hai chiếc đũa ngọc. Và thấy mái tóc u huyền xinh như một mùa thu mươn mướt, thi nhân bảo đấy là đêm đang ngủ mơ...*

*Nếu chẳng phải là một nghệ thuật siêu thần, thi nhân làm sao đưa đến một nguồn sống phong tình mà thanh khiết cho giai nhân ? Đề có cái ma lực huyền diệu cảm dỗ được ngũ quan của người trần...*

*Sự say mê, tìm kiếm những nguồn hoan lạc vô biên đã dần dần dầy thi nhân vào bờ bến của Huyền-diệu. Ở đây, sự mừng tưng của thi nhân lại dồi dào hơn nữa, người ta chỉ gặp toàn âm thanh đương ngã ngón, với muôn thứ xạ hương bay lảng lơ trong lồng nhạc, trong khi có hăng hà sa số là ánh hào quang va vào hồn hoa, chạm nhằm không khí lạ. Không có sự say đắm nào ở phương xa, hay sự mong nhớ nào cách biệt mà không đến đây đề sum vầy, gây nên cảnh tượng đoàn viên của một mùa thơ, mùa trăng bát ngát... »*

Mặt khác, chúng tôi lại thấy thi nhân chẳng những chỉ đưa cảm giác vào tâm linh, biến thực thể thành mộng ảo, ca tụng cái Đẹp, mà còn lẫn xả vào cái Đẹp để thụ hưởng một cách say sưa, cuồng nhiệt.

Đây, ta hãy nhìn thi nhân qua sự điên dại, kiệt quệ của thân xác :

*Hơi đôi mắt ! hơi hộp ? hay yêu thương ?  
 Hay sầu hận ? hay điên cuồng ? chán nản ?  
 Người hiện ra để hình dung ánh sáng  
 Chụp hồn hoa háo hức giữa đêm thu ?  
 Chụp hồn ma than vãn giữa đêm thu  
 Người có biết lòng ta đương chết điếng  
 Mưa dòng thơ tràn lan như sóng biển  
 Là trong đây tất cả phàm trần sinh  
 Đều đau rên trong vạn trạng thiên hình ?*

(Đôi mắt)

Thụ hưởng những cảm giác say sưa cuồng loạn ấy thi nhân tưởng chừng như muốn gào thét lên vì không còn chịu nổi những cảm kích chực nổ tung trong người. Thi nhân bị cảm giác dồn ép đến độ phải tràn ra ngoài những gì tinh túy nhất — cái tinh túy ấy là thơ, là nhạc, là tiếng rên, là giọng cười, là tất cả những gì chất chứa quá độ của một kẻ cuồng nhiệt.

Chưa hết, khi tâm hồn thi nhân bị sức đam mê thúc giục mãnh liệt đến ngây dại :

*Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ  
 Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc  
 Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mát  
 Mộng ? Thiên-tài ? — Trên hồn độn khóa thân  
 Đẹp tí mi, hơi Rung-động truyền thần,  
 Ròng âm nhạc của lòng trai ấp mái.*

(Duy tân)

Còn cảm giác nào làm rung chuyển con người hơn thế nữa ! Thi nhân đã đưa sự khao khát của tâm hồn đến cực

độ như muốn chụp vò, ôm ghì, riết chặt, vò lẫn lộn, rồi buông ra xé nát, phá tan những hình ảnh tươi đẹp đang hiện ra trong tâm tưởng mình.

Với sức hủy hoại hình ảnh đề thụ hưởng, thi nhân đã run rẩy như người ngạt thở, ngắt ngư bằng một nhịp thơ dứt quãng :

*Người họa diệu với thiên nhiên, ân ái  
Buồn, và Xanh trời. Tôi trôi với bờ  
Êm biếc — khóc với thu : lời úa ngô  
Vàng. . . Khi cách biệt — giữa hồn xây mộ —*  
( Duy tân )

Càng dùng cảm giác đi tìm cái Đẹp, thi nhân càng đến gần bờ xác thịt. Hàn-Mặc-Tử đã phân chất và cho đó là những cảm giác trụy lạc :

*Không gian tơ — không gian tơ gợn sóng ;  
Âm thanh gì sắp sửa, Ngọc-Kiều ơi !  
Hay hơi thở của hoa hồng mơ mộng ?  
Nhịp chèo dâu đưa hồn rời xa khơi.*

( Mộng cầm ca )

Cũng như Song-Ngọc trong *Đôi mắt*, Ngọc-Kiều trong *Mộng cầm ca* cũng làm cho thi nhân đề mê đến độ xuất thần :

*Nú cho ta, cho ta muôn yến nguyệt  
Ngọc-Kiều ơi ! — Đây khúc Lạc-mai-hoa.  
Sưởi tóc mát xuống một vườn sương tuyết,  
Xuống một vườn sương tuyết của trắng hoa.*

( Mộng cầm ca )

Đi tìm cái đẹp trong thể chất, và thể chất đã đưa cảm giác thi nhân đến cuồng loạn :

*Đâu đôi mắt mùa thu xanh tợ ngọc ?  
Vú non non ? Da dịu dịu, êm êm ?  
Đâu hang bấu cho người ta phải khóc ?  
— Trên môi son ta liếc lưỡi gươm mềm !  
Người cho ta một thanh gươm rất sắc ?*

Ó vung lên . . . cắt mạch nguyệt vàng xanh !  
 Xẻ mạch trời — mây xô sao năm sắc !  
 Phăng mạch đêm — hương vờ ứa ngậm tinh !  
 Người cho ta một thanh gương rất sắc ?  
 — Ta điên rồ . . . múa giữa ánh bình minh.

( Mộng cầm ca )

Chưa thôi, tính chất truy lạc cuồng nhiệt cứ lần lần đưa thi nhân tới bến bờ xa lạ, và thi nhân càng say mê đắm chìm trong chân trời dâm đãng ấy :

Ôi cặp mắt đa tình ngời sắc kiếm !  
 Một bàn chân ve vuốt một bàn chân !  
 Mát làm sao, mát rượi cả châu thân  
 Máu ứ lại, máu dồn lên giữa ngực.  
 Ôi ! Thớ thịt có đàn lên cung bực.

( Bàn chân )

Dù với tính chất sa đọa, với màu sắc hoang dâm, chúng ta không thể phủ nhận những âm điệu rung cảm kỳ dị trong thơ Bích-Khê. Những vật tầm thường như cặp mắt, bàn chân, châu thân, ngực, thớ thịt được thi nhân phỏ vào đấy những cảm giác ly kỳ, khiến đôi mắt ngời sắc kiếm, bàn chân biết ve vuốt, mơn man, châu thân mát rượi như được ngâm vào bầu khí quyền thoát trần, các thớ thịt rung chuyển bần bật như « có đàn lên cung bực ».

Và đây là màu sắc hoang truy đậm đà hơn :

Tôi vờ người như một miếng mồi ngon.  
 Miếng ngâm hờn riết chặt lấu môi son,  
 Mát đồ lừa lờm qua làn sóng sắc. . .  
 Tôi giật nảy rồi cười lên sằng sặc  
 Hai tay cào đôi vú trắng như bông . . .

( Xác thịt )

Đi lần vào địa hạt dâm cuồng này, chúng ta không còn thấy màu sắc thi vị trong tâm tưởng thi nhân. Nếu trước kia, thi nhân đã dùng cảm giác để trừu tượng hóa những hình bóng gợi tình, thì đến đây chúng ta chỉ còn thấy những

gì kinh tởm, gớm ghiếc của cảnh trần trường khả ố. Thi nhân từ địa hạt tâm tưởng — đem cảm giác đi tìm cái đẹp — bước dần đến hưởng lạc, rồi bị nhục dục mê cuồng đưa tới tận cùng sa đọa. Cuồng vọng trong nhục dục chưa đủ, thi nhân còn dấn sâu vào « địa ngục », đem cân não tâm chất ma túy, đem rượu mạnh ngấm vào mạch máu :

*Còn đây ! còn đây ! tiếng rượu hú ma —  
 Từ thuốc phiện thu nhập khí mờ hoa ;  
 Ứ, tội chi ta không vào địa ngục  
 Đặng xin nốt ngọc oan ương thề thốt,  
 Giam chung thân mà sáng quá thiên đường  
 Đặng ngủ nhờ một đêm với Xuân-Hương  
 Baudelaire ! Người là Vua Thi-sĩ !  
 Cho xin trộm bao nhiêu mùi thi vị  
 Phà hơi lên, truyền nhiễm thấu trần ai.*

( Ăn mày )

Xuong đến cõi tốt cùng sa ngã, chúng ta ngỡ đâu tâm hồn Bích-Khê đã giam hãm mãi ở đấy. Nhưng không, sau khi tìm tòi cảm giác cuồng nhiệt qua thề chất, thi nhân thấy đó là chốn bệnh hoạn nên đã trở về với cái Đẹp của tâm tư. Sự quay gót ấy, thi nhân đã đánh dấu trong « Người say rượu » :

*Rạng mai có kẻ đi về đấy !  
 Ôi ! Người say rượu chết nằm queo !  
 Ngọc sương nức nở tan thành lệ !  
 Hơi rượu say nồng vẫn quyện theo !*

Cái đẹp trường cửu, bất diệt không phải ở trong thề chất ! Thề chất chỉ là biểu tượng của cái đẹp trong tâm tư ! Thi nhân khi thấy rõ lẽ màu nhiệm ấy nên đã hồi đầu. Và chúng ta lại thấy những Nhạc, Lẽ, Ánh-sáng, Màu-sắc, thi nhân ghép thành những trang thơ thuần túy của tâm tư :

*Vàng sao nằm im trên hoa gầy  
 Tương tư người xưa thôi qua đây  
 Ôi ! nàng năm xưa quên lời thề  
 Hoa vừa đưa hương gầy đê mê,*

Tôi qua tìm nàng vay du dương  
 Tôi mang lên lầu lên cung thương  
 Ôi tôi bao giờ thôi yêu nàng  
 Tình tang tôi nghe như tình lang.  
 Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi  
 Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi  
 Dâu tìm đào nguyên cho xa xôi  
 Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi.  
 Buồn lưu cây đào xin hơi xuân  
 Buồn sang cây tùng thắm đông quân  
 Ó ! hay buồn vương cây ngô đồng  
 Vàng rơi ! vàng rơi ! thu mênh mông.  
 ( Tỷ bà )

Đây cả một trời yêu đương đa diết, một-trời tương tư, một trời âm hưởng chứa đựng sức sống thanh cao, thoát ra ngoài sự đam mê cuồng nhiệt của nhục dục. Bắt đầu từ đây, thi nhân kéo chúng ta đi lướt thướt trong cõi u hoài, trong thế giới hào quang, gây cho ta nghe những điệu đàn hòa dịu, ngọt ngào, vô cùng cảm khoái...

Ói ! nắng vàng thơm . . . rung rinh điệu ngọc,  
 Nhưng cánh hồng đơm, — những cánh hồng đơm  
 Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương ;  
 Màu trắng không gian như gợn gợn sóng,  
 Từ ở phương mô nhận mang thơ về,  
 Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu,  
 Dây dây trinh bạch khóc mướt trong mơ ;  
 Dây hồn ngọc thạch xanh xao như tờ ?  
 Ó, côi lầu mây ánh gì kim cương,  
 Áo nàng thơ ngậy nao nao nghe thường,  
 Thơ bay ! thơ bay vô bàn tay ngà,  
 Thơ ngà ngà say ! thơ ngà ngà say !  
 Nàng ơi ! đừng động . . . có nhạc trong đây,  
 Nhạc gảy hoa mộng, nhạc ngát trời mây ;  
 Nhạc lên cung hường, nhạc vô đào động,  
 Ó nàng tiên nương ! — Lớp nhạc đầy hương.  
 ( Nhạc )



Toàn bài thơ là một điệu nhạc tân kỳ, một biểu tượng đặc sắc, thanh âm xao gợn, nổi trôi, nhấp nhô nhưn nhầy như muôn hoa lá bị cơn gió lùa :

Hàn-Mặc-Tử nói :

« Ở địa hạt Huyền-diệu, ta thấy thi nhân chú trọng về âm thanh và màu sắc. Trong khi nói đến nhạc, thi nhân nghĩ ngay đến những cung cầm chơi với, âm điệu rung động cả không gian. Và bởi mê man với sự « nhẹ nhàng, nhịp nhàng thờ đều trong sương », thi nhân đã sáng tạo được rất nhiều bản ca thần tình diễm ảo. Và nhạc lúc bấy giờ cũng không còn là nhạc nữa. Nó đã bay ra hương, ra hoa, ra thơm, ra mát, ra ngọt, ra ngào, ra gì mê tơi, run rẩy, hay âm thầm nức nở, lạnh lạnh như giọng cười, mơn man như ân tình đời đời... »

( Trích lời Tựa Tinh huyết )

Từ thế giới thể chất tội lỗi, thi nhân trở lại với tâm tư tinh khiết thuở ban đầu. Qua một thời khủng khiếp đắm hồn trong trụy lạc, những đam mê sa đọa như theo vật dục thoát ra ngoài con người ; giờ chỉ còn lại những gì thanh tao của tâm linh, — chúng tôi muốn nói tâm hồn thi nhân đã thoát tục để đi vào thuần túy khuynh hướng tượng trưng.

Vườn thơm khuia sắc mát ;  
 Rừng uồn vóc từng cong ;  
 Áo bạch mai khoát khoát ;  
 Mồi đào chờ khoái lạc...  
 Hồn tôi như đỉnh hương  
 Bốc lên mình thánh giá !  
 Ý xuân mát đến xương  
 Ngậm tuyết phun lá chã !

( Xuân tượng trưng )

Ở địa hạt tượng trưng, Bích-Kê đã đạt được một thành công đáng kể, và giá trị tác giả *Tinh huyết* cũng chỉ ở trường phái này. Tuy nhiên, không vì thế mà thi nhân không đi sâu thêm một bước nữa. Cuối cùng, chúng ta thấy tâm hồn thi nhân bước dần đến lãnh vực siêu tượng. Thi nhân đã nói lên bằng trạng thái yên tĩnh của tâm hồn mình :

*« Ta là thơ ! Phàm tục hãy qui y  
Ta sống suốt chiều ra màu Phật tánh. »*

Với bầu tâm tư yên tĩnh ấy, những khúc nhạc « Nghê thường » trở thành những khúc nhạc mẫu nhiệm :

*Ô ! trời hôm nay sao mà xanh !  
Ngọc trắng xây vàng trên muôn cành  
Nhưng mây tê ngời sao kim cương ;  
Dạ lan tê ngời say men hương ;  
Lầu ai ánh gì như lưu ly ?  
Nụ cười ai trắng như hoa lê ?  
Trống xóa bên kia vừng Phan-thiết ?  
Thủy tinh ai để long gương hồ ?  
Không gian xa cừ hay san hô ?*

( Nghê thường )

Với màu sắc và nhạc điệu trong lãnh vực này, thi nhân quả đã thoát tục. Chúng ta không còn thấy vương bận những gì đê mê của thế xác, hay khao khát đắm đuối của tâm hồn. Nó thanh thoát, trong vắt, sáng ngời và rất thanh tịnh.

*Lam nhung ô ! màu lưng chùng trời ;  
Xanh nhung ô ! màu phôi nơi nơi.  
Vàng pi : nằm im ôm non gầy ;  
Chim yên eo mình nương xương cây.  
Đấy mùa Hoàng-hoa, mùa Hoàng-hoa ;  
Đồng nam mây dùn nơi thành xa. . .*

( Hoàng hoa )

Bích-Khê là người đã sống, đã đụng chạm thái cực : tội lỗi và thanh cao, vật dục và tinh thần. Tiếng thơ Bích-Khê là tổng hợp của tất cả những xao xuyên, thắc mắc giữa tâm hồn và thế xác. Thi nhân đã từ cảm giác đi đến truy lạc, sa đọa, rồi lại vươn lên ở địa hạt truyền thần, trước khi kết thúc ở lãnh vực siêu vương.

Ngày nay, Bích-Khê đã tiêu dao nơi thế giới khác, nhưng thơ Bích-Khê còn đọng mãi trong lòng đời, và nói đến thơ Bích-Khê là nói đến một thành công lớn lao trong lãnh vực thơ tượng trưng, một cường độ cực cao trong nghệ thuật diễn tả hình ảnh của thực thể.

(10 - 1968)

## Thi tuyên

### Nắm mộ

Mây tuyết thời gian bay tợ nhạc  
 Hồn tôi đã thoát đề tiêu dao  
 Những tờ thơ nát đầy hơi hám  
 Tay khách đa tình sẽ chuyền trao  
 Rồi một mùa thu vô hạn thương  
 Trở về dưới biếc chập chờn hương  
 Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ  
 Muốn thời tiêu vàng giữa khói sương  
 Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh  
 Về chốn thôn già viếng mã tôi  
 Đầy cỏ xanh xao mây lớp phủ  
 Trên mồ con quạ đứng im hơi.



### Cuối thu

Đêm nay hồn lặng làm sao !  
 Cánh thu ôm cả chiêm bao vào lòng.  
 Sao xanh lợt phím tơ đồng,  
 Gió ơi là gió buồn đông thổi về.  
 Không gian mưa lệ dầm đìa :  
 Đầy sân trắng toát hoa lê đầu mùa.  
 Trời lam ứ đặc tình thu,  
 Ó kìa ! mây bạc nặng lùa về tây.  
 Hồn sao không động mà say !  
 Chà đôi chim khướu nó bay tung trời. . .  
 Nhạc đâu bỗng vớt từng khơi,  
 Hồn theo với nhạc, hồn ơi là hồn  
 Buồn thôi như rượu thấm đờn,  
 Lên men nồng khướu, xoay tròn trên không.



## Nghê nhò lán giềng gáy đờn

(Thoát ý bốn câu sau bài Văn gia lán  
lý tranh của Từ An Trinh đời Đường)

*Khúc xong lương tưởng cau mày  
Lại e điệu rục lạnh tay ngọc liền  
Mấy tầng khóa bạc nghe im,  
Thôi thà về ngủ đề nhìn trong mơ.*



## Hàn - Mặc - Tử

*Bóng nào nhợt như ma  
Khắp châu thân hờn hèn  
Huyền hồ nhìn không ra  
Luu luyện dưỡng thiết tha  
Chờm chờm trên giường bệnh  
Bóng nào nhợt như ma  
Khắp châu thân thấp thènh  
Huyền hồ nhìn không ra ?  
Hay là tôi hóa hai  
Đã chết đi một nửa  
Hay là trời ban mai  
Bị mù sương vây bủa  
Làm buồn ngập hoàng hôn  
Ảnh hưởng tới linh hồn  
Tiêu tụy !*

*Hiện ra hình ủy mị ?*

*Bóng nào trắng dần ra  
Trên đầu đơm vòng hoa  
Khắp thân in màu tuyết  
Tỏ tỏ gần như nguyệt  
Biếc biếc gần như thu  
Đều quy trên nét mặt*

— Hoàng hôn mai mờ sắc  
 Buồn ban mai trắng ra  
 Ôi, ôi không là ma  
 Đừng nhìn trong ý tứ  
 Quạnh quẽ nhìn không ra  
 Gãn rồi không còn xa :  
 Hàn-Mặc-Tử

Châu lệ thấm tình say  
 Gặp gỡ có hôm nay  
 Chiêm bao ngày liền ngày  
 Ngoài mình ai mà hay !  
 « Anh ơi từ đâu đến  
 « Em buồn em đang bệnh  
 « Anh ơi sao ra hai  
 « Huyền hồ trong phôi thai  
 « Hóa thân trong phương phi  
 « Người em rày mệt quá  
 « Mà nay gặp cố tri  
 « Hai tay đây rả rả !  
 « Diu lấy cùng nhau đi.

Lời nức ra hơi hương  
 Diu dịu tỏa trong buồng  
 « Anh ơi tôi mới đến  
 « Là hiện thân của bệnh  
 « Quặn quại đau xót xa  
 « Máu mủ nhìn không ra !  
 « Giờ phương phi phương phi !  
 « Là hình thơ tinh vi  
 « Là hình thơ quy y  
 « Mướt trong màu tuyết vẽ !  
 « Hai ta đều quạnh quẽ  
 « Đứt ruột nhớ thương nhau  
 « Nấn ná sẽ ãa nhau  
 « Chiêm bao còn thấy nhau ! »

Rùng mình ta nhìn ra  
 Huyền hồ đã như ma !  
 — Ói không phải là ma,  
 < Gần sao mà còn xa ?  
 < Lại đâu là quê nhà  
 < Hàn-Mặc-Tử ! Hàn-Mặc-Tử :  
 < Quy-hòa ! Quy-hòa ! >



Với cả tình hấp dẫn vị bằng trinh  
 Với cả tình thôi miên trí óc mình  
 Ói ! ngây ngất trong nguồn sương khói mộng  
 Thần kinh hệ muôn dây chiều rúng động  
 Đều van lơn niềm lệ khóc không ngừng  
 Nơi cõi lòng đầy đặc ứ muôn xuân  
 Nơi khí rã tinh sầu và tủy lạnh  
 Nơi khí rã tinh sầu và máu lạnh  
 Tôi dường nghe trong một phút mê man  
 Hồn thanh thiên cho đến phách dương gian  
 Đều vờ lơ cho rung rinh thần thức  
 — Một thể giới mờ đi trong sáng đục  
 Và im hơi cho xuất khí âm hư...  
 Sao ? màu vàng vẫn vít lấy màu thơ  
 Với tình tiết và tên hoa vô thương  
 Với đôi mắt đẹp cam trong sắc tượng  
 Biến ra châu nguyên vẹn cốt thiên đàng  
 Nên thiên tài đang tắm ở suối vàng  
 Theo trục giác bay lên nguồn ngọc lệ  
 Cho đã khát trong đê mê huyền bí.  
 Ánh tiên tri nức nở sóng anh linh  
 Đường kinh tuyến hút nhiễm chất vô hình  
 Dẫn địa ngục đi vào đôi giếng loạn ?



## Duy tân

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới  
 Của lời thơ lóng đệp — Hạt châu trong —  
 Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng  
 Tràn âm hưởng như chiều thu sóng nắng  
 Trong vòm xanh — Màu cưỡi màu bình lặng  
 Gây phương phi : chiếu sáng ngả sang mờ  
 Vì hình dung những sắc mát, non, tơ  
 Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một  
 Hoàng hôn — Ôi, đàn môi, chim báu tốt :  
 Chữ biến hình ảnh mới lúc trong ngâm,  
 Chữ điêu khắc, tủa nghệ thuật sâu cam  
 Dầy thắm mỹ như một pho thần tượng  
 Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng,  
 Múa song song : khiêu vũ giữa đêm hồng  
 (Những con cừu tim trẻ mướt như lông  
 — Men da thịt lên làn sa lụa mỏng  
 Môi con cừu bốc lên men hy vọng...)  
 Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Thơ —  
 Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ  
 Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc  
 Bằng hơi mộng hàm răng, tản mát  
 Mộng ? Thiên tai ?

— Trên hỗn độn khóa thân

Đẹp tỷ mỹ, hơi rung động truyền thần  
 Ròng âm nhạc của lòng trai ắp mái,  
 Người hoa điệu với thiên nhiên, ân ái  
 Buồn, và xanh trời. (Tôi trôi với bờ  
 Êm biếc — khóc với thu : lời úa ngó  
 Vàng — Khi cách biệt — giữa hồn xây mộ —  
 Tình hôm qua — dài hôm nay thương nhớ,  
 Im lặng nhìn bông ý, lặng lẽ lên  
 Những dáng hình thanh khí...) Giữa mộng mênh  
 Đường nhiếp ảnh, sắc khua màu — Tiếng thờ,

Hỡi hội họa, đến muôn đời, nức nở !  
 Ta nhíp nhàng ý nhị nhíp theo ta  
 Lời nói lời bỗ thí lột tinh hoa  
 Cửa âm điệu mơ màng run lay bày,  
 Một hỗn độn đẹp xô bồ say dậy  
 Bằng cảm tình bằng hình ảnh yêu thương  
 Và mới mẻ — trên viện cò đồng phương  
 (Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật ?)  
 Thơ loa thề ! Giai nhân tuần trăng mặt,  
 Nữ thần ơi ! ta nô lệ bên người.



### Làng em

Nơi đây : làng cũ buồn thu quạnh !  
 Anh có khi nào trở lại chưa ?  
 Ngày đi chậm lắm, dòng sông biếc  
 Hừng sáng trong trời sợi sợi mưa  
 Nơi đây : thành phố đời ngưng mạch  
 Mấy nàng lai khách vẫn buồn mơ  
 Đường lên hội quán sương khuya xuống  
 Dâu mấy chàng trai rời nhớ hồ ?  
 Anh có khi nào còn trở lại  
 Chờ lúc hoàng hôn trăng đã lên  
 Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy  
 Khóm lan thơm nặng khí ưu phiền  
 Là lúc đêm về trên mái ngói  
 Những nhành nhãn muộn cánh dơi bay  
 Em đang nời bệnh trong phòng vắng  
 Tình đậm theo trăng sáng sáng đầy...





### Tiếng đàn mưa

Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng  
 Mưa xuống lâu, mưa xuống thêm lan,  
 Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn  
 Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân  
 Lầu mưa xuống, thêm lan mưa xuống  
 Cùng nước non mưa rụng hoa xuân  
 Mưa rơi ngoài nội trên ngàn  
 Nghe trong ý khách giọt đàn mưa rơi  
 Đầm mưa xuống, nẻo đời mưa xuống  
 Bóng dương tà... rụng bóng tà dương,  
 Hoa xuân rơi với bóng dương,  
 Mưa trong ý khách, mưa cùng nước non.  
 Rơi hoa hết mưa còn rả rích,  
 Càng mưa rơi càng tịch bóng dương,  
 Bóng dương với khách tha hương  
 Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.



### Xuân tượng trưng

Hơi lời ca man dại  
 Điệu nhạc thờ hơi rừng  
 — Đêm nay xuân đã lại  
 Thuần túy là tượng trưng —  
 Nâng lên núm vú đời  
 Sữa trắng nhi nhi giọt  
 Bay qua cụm liễu khơi  
 Những cườm tay diềm hột  
 Sương phất phơ lau lách  
 Khẽ uốn mình giai nhân  
 Đường non khéo điêu khắc  
 Những dáng hình khỏa thân  
 Lụa mây này vàng chạm

Tía ngọc bén màu ngân...  
 Chủ xuân đang triển lãm  
 Lời ca như hạc theo  
 Gió lên tình múa reo  
 Những điệu vàng châu báu  
 Đường có con chim báu  
 Rìa cánh trên ngai lòng  
 Lẻ xẻ màu lông công  
 Vườn thơm khua sắc mắt  
 Rồng uốn vóc từng cong  
 Áo bạch mai khoát khoát  
 Mồi đào chờ khoái lạc...  
 Hồn tôi như đỉnh hương  
 Bốc lên mình thánh giá!  
 Ý xuân mát đến xương  
 Ngậm tuyết phun lá chã.



### Gỗ bôn

Liêu trai trở lại lánh vòng trần  
 Mà phật mơ hồ mộng với thân  
 Mắt ngọc bên trời tan bóng nguyệt  
 Mình ta trước cửa thưng hoa xuân



Gỗ bôn chẳng thấy ai tao khách  
 Cách núi khôn tìm bóng cổ nhân  
 Một tiếng trên không trong ác lặn  
 Hạc kêu bay lặn đám phù vân.



## Tỳ bà

Nàng ơi ! tay dẽm đương giăng mềm  
 Trắng đản qua cãnh muôn tơ êm  
 Mây nhung pha màu thu trên trời  
 Sương lam phơi màu thu muôn nơi.

Vàng sao nằm im trên hoa gầy  
 Tương tư người xưa thôi qua đây  
 Ói ! nàng nằm xưa quên lời thề  
 Hoa vừa đưạ hương gầy đê mê.

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ  
 Dây đàn yêu đương run trong mơ  
 Hồn về trên môi kêu : em ơi  
 Thuyền hồn không đi, lên chơi vơi.

Tôi qua tìm nàng vay du đương  
 Tôi mang lên lầu lên cung thương  
 Ói tôi bao giờ thôi yêu nàng  
 Tình tang tôi nghe như tình lang.

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi  
 Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi  
 Đâu tìm dào nguyên cho xa xôi  
 Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi.

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu  
 Sao tôi không màng kêu : em yêu  
 Trắng nay không màng như trắng thiêu  
 Đêm nay không màng như đêm hiu.

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân  
 Buồn sang cây tùng thắm đông quân  
 Ói ! hay buồn vương cây ngô đồng  
 Vàng rơi ! vàng rơi ! thu mệnh mông.

### Mộng cầm ca

Đây bát ngát và thơm như sữa lúa  
 Nhựa đường lên : sức mạnh của lòng thương ;  
 Mùi Tô hợp quỳên trong tơ trắng lụa ;  
 Đây dạ-lan-hương, đây đỉnh trầm hương ;  
 Không gian tơ — không gian tơ gợn sóng ,  
 Âm thanh gì sắp sửa, Ngọc-Kiều ơi !  
 Hay hơi thở của hoa hồng mơ mộng ?  
 Nhịp chèo đâu đưa hồn rời xa khơi.  
 Náu cho ta, cho ta muôn yển nguyệt  
 Ngọc-Kiều ơi ! — Đây khúc Lạc-mai-hoa  
 Suối tóc mát xuống một vườn sương tuyết,  
 Xuống một vườn sương tuyết của trắng hoa.  
 Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng  
 Cửa gương hồ im lặng tựa bài thơ  
 Đêm âm nhạc — một trời thu phiêu lãng  
 Dẫn hồn thu đi lạc ở trong mơ.  
 Đâu đôi mắt mùa thu xanh tựa ngọc ?  
 Vú non non ? Da dịu dịu, êm êm ?  
 Đâu hàng bầu cho người ta phải khóc ?  
 — Trên môi son ta liếc lưỡi gươm mềm !  
 Người cho ta một thanh gươm rất sắc ?  
 Ở vung lên... cắt mạch nguyệt vàng xanh !  
 Xé mạch trời — mây xô sao năm sắc !  
 Phăng mạch đêm — hương vỡ ứa ngấm tinh !  
 Người cho ta một thanh gươm rất sắc ?  
 — Ta điên rồi... múa giữa áng bình minh.



### Ảnh ớ

Anh thấy mơ màng trong ảnh ớ  
 Người em lãng mạn quá đi thôi,  
 Anh nhìn trần trời, anh tơ tưởng,  
 Anh ngờ là em đứng đấy rồi.

Anh tính ôm chăm lấy mắt mơ  
 Lấy môi — lấy má, .. lấy ngây thơ  
 Đề anh nút ớn mùi hương ấm  
 Của một tình yêu giận hờn hờ !  
 Anh tính — kể tay lên trái tim  
 Ta đời nóng hồi với say im  
 Nhưng chao ! sao chỉ không gian lạnh ?  
 Không bóng ! không hình ! — không có em !  
 Anh ghì lấy ảnh. Những đau thương  
 Thấm tận lòng anh khổ chán chường.  
 Anh úp mắt vào đôi mắt ấy,  
 Rồi không ngăn được, lệ anh tuôn..  
 Nước mắt tràn trên đôi mắt ấy,  
 Nào hay anh khóc, phải em đâu !  
 — Đời mô em khóc vì anh khóc,  
 Cho lệ lòng anh bạc vế sâu !  
 Anh không rời nữa ảnh thơ ngây  
 Và trở nên người dễ khóc lây,  
 Anh khóc... mắt anh trong mắt ấy  
 Đề rằng : — Em khóc với anh đây !



### Hoàng hoa

Lam nhung ô ! màu lưng chùng trời ;  
 Xanh nhung ô ! màu phơi nơi nơi.  
 Vàng phai nằm im ôm non gầy ;  
 Chim yên eo mình nương xương cây.  
 Đây mùa Hoàng-hoa, mùa Hoàng-hoa ;  
 Đông nam mây dùn nơi thành xa . . .  
 Oanh già theo quỳên : quên tin chàng !  
 Đào theo phù dung : thư không sang !  
 Ngàn khơi, ngàn khơi, ta, ngàn khơi :  
 Làm trắng theo chàng qua muôn nơi ;  
 Theo chàng ta làm con chim yên ;  
 Làm mây theo chàng bên nhung yên.

Chàng ơi ! Hồn say trong mơ màng,  
 — Hồn ta ? Hay là hồn tình lang ?  
 Non Yên tên bay ngang muôn đầu...  
 Thâm khuê oan gì giam xuân sâu ?  
 — Ai xây bờ xanh trên sương người ? !  
 Ai xây mờ hoa chôn đời tươi ? !



### Đôi mắt

Tới hôm nay mùa thu đang ón nỡ  
 Trong gió rên và trong lá vàng bay  
 Mỗi tơ trắng run rầy một đường say  
 Mỗi hơi thơ hoa hồng vang nức nở  
 Và trời đất quạnh mang sầu vạn cổ  
 Lặng cô liêu xuống tận vạn hồn đau  
 Muôn ưu phiền đầy đặc ứ trong đầu  
 Muôn sầu hận xây mờ ngay giữa phổi  
 Tôi ngây ngất trong bề lòng sôi nổi  
 Đề hồn mê trôi giạt cõi xa mơ  
 Minh lặng ngồi trên tảng đá trơ vơ  
 Tình khóc mướt trong đêm thu ập ú  
 Nhạc khiêu vũ đâu đây làn sóng múa  
 Tôi tưởng chừng... đã thật biến ra thơ  
 Những đầu lâu rã hết khí xanh dờn  
 Nhưng xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng  
 Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hồng  
 Bẩn tinh ra trộn trạo giữa nguồn hương.

Nhưng nhiệm màu ! trước mắt ánh trắng hường  
 Bay lá tả — muôn hoa đều nín thở  
 Một sắc động ? một mùi hương mới vỡ ?  
 Một màu son phản phất ý mơ màng ?  
 Không, từ trong không khí dội hương vang  
 Bỗng đôi mắt hiện hình — Đôi mắt ngọc  
 Ói đôi mắt ! — Toàn thân tôi rờn ốc !

Toàn thân tôi tràn ngấm vị say sưa  
 Và cảm giác và khoái lạc, xô bồ  
 Làm rung động cả tinh thần khí phách !  
 — Hơi đôi mắt ! nơi người là ngọc thạch  
 Nơi giếng người phản chiếu ánh thiên thần  
 Nơi suối người giữ kín tiếng châu ngân  
 Nơi triền lãm cả một bầu tiên động  
 Nơi rung rinh cả một trời thơ mộng  
 Người là ai ? người hơi ! người là ai ?  
 — Nhưng đôi mắt lờ lạng và mê say  
 Nhìn đắm đuối không một lời nào nức.

Nhạc khiêu vũ đầu dây làn sóng múa  
 Tôi tưởng chừng... da thịt biến ra thơm  
 Nhưng đầu lâu rã hết khí xanh đờn  
 Nhưng xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng  
 Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hồng  
 Bắn tinh ra trộn trạo giữa nguồn hương.  
 Hơi đôi mắt ! hồ thủy tinh trong suốt  
 Soi trần gian, địa ngục, vạn đời ma  
 Hãy nói tên than bí của muôn hoa  
 Hãy kể hết nhiệm màu muôn thế giới  
 Nhưng bí quyết khi nhạc lên vời vợi  
 Nhưng màu thiên khi đau khổ lên cao  
 Nhưng thơm ngào phối hợp giữa trăng sao  
 Những khoái trá truyền qua hai xác thịt  
 Bằng hơi điện — bằng hơi điện tha thiết  
 Người là ai ? người hơi, người là ai.  
 — Nhưng đôi mắt lờ lạng và mê say  
 Nhìn đắm đuối không một lời nào nức

Nhạc khiêu vũ đầu dây làn sóng múa  
 Tôi tưởng chừng... da thịt biến ra thơm  
 Nhưng đầu lâu rã hết khí xanh đờn  
 Những xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng

Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hồng  
 Bắn tinh ra trộn trạo giữa nguồn hương  
 Mỗi màu thu ôm ấp một niềm thương  
 Trong thanh khí, trong đêm hường mơ ảo  
 Muôn hoa hồng thở ra hơi kín đáo  
 Lá vàng bay vờ vật lá vàng bay  
 Vỡ toang rời ý vị của trắng say  
 Mùi truyền nhiễm tận cùng bờ bến lạ  
 Hơi đôi mắt ! hơi hộp ? hay yêu thương ?  
 Hay sâu hận ? hay điên cuồng ? chán nản ?  
 Người hiện ra để hình dung ánh sáng  
 Chụp hồn hoa háo hức giữa đêm thu ?  
 Chụp hồn ma than vãn giữa đêm thu  
 Người có biết lòng ta đang chết điếng  
 Mưa dòng thơ tràn lan như sóng biển  
 Là trong đây tất cả phàm tràng sinh  
 Đều đau rên trong vạn trạng thiên hình ?  
 Người hãy đề cho tiếng lòng thồn thực  
 Nhưng lờ lạng không một lời nào nức  
 Đôi mắt nhìn đắm đuối và say mê

Nhạc khiêu vũ đâu đây làn sóng múa  
 Tôi tưởng chừng da thịt biến ra thơm  
 Những đầu lâu rã hết khí xanh dờn  
 Những xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng  
 Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hồng  
 Bắn tinh ra trộn trạo giữa nguồn hương

Hơi đôi mắt châu báu của muôn đời  
 Cho lòng ta ấp yêu nguồn suối lệ  
 Hồn ta say trong nhạc vàng kẻ lẽ  
 Tình ta dâng trong gợn sóng thu ba  
 Cả máu đào tủy trắng với xương ma  
 Cùng tinh loãng là bao nhiêu bảo vật  
 Đề xây đắp bàn thờ cao chót ngất



Lút mây xanh là lút cả thiên thai  
 Người là ai ? người hỡi người là ai ?  
 Bỗng đôi mắt rưng rưng đương rớm khóc  
 Nhưng nụ cười trong mùa hoa ánh ngọc  
 Ta là Châu ! Thi sĩ ! Ta là Châu !

Nhạc khiêu vũ đâu đây làn sóng múa  
 Tôi tưởng chừng da thịt biến ra thơ  
 Những đầu lâu rã hết khí xanh dờn  
 Những xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng  
 Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hồng  
 Bẩn tỉnh ra trợn trạo giữa nguồn hương.



### Nghê thường

Ồ trời hôm nay sao mà xanh !  
 Ngọc trắng xây vàng trên muôn cành  
 Nhưng mây tề ngời sao kim cương ;  
 Dạ lan tề ngời say men hương ;  
 Lầu ai ánh gì như lưu ly ?  
 Nụ cười ai trắng như hoa lê ?  
 Trắng xóa bên kia vừng Phan-thiết ?  
 Thủy tinh ai đề long gương hồ ?  
 Không gian xa cừ hay san hô ?  
 Ta ôm hờn ta chơi phiêu diêu  
 Bất gặp nàng thơ diện yêu kiều ;  
 Man mác cho nên nhớ chị Hằng  
 Hai ta nhịp nhàng lên cung trăng . . . . .  
 Ồ là ngọc thạch hay trân châu ?  
 Mỡ não hay là hồ phách đây ?  
 Cung thiềm vắt vẻo cỡi lên mây  
 Tiên nữ ra chào tình ngây ngây . . .  
 Này muôn ngọc nữ ngớp y thường  
 Tóc quyện bay mùi tô hợp hương  
 Ướt mình say lượn sóng xiêm nghê

*Khúc Phụng Cầu Hoàng say mê  
Điểm lệ, Hằng Nga bước xuống đền ;  
Điệu ca thần điệu vắng đưa lên. . . . .  
— Chúng ta lạc giữa mộng như gà  
Ngỡ vướng vào muôn tơ lụa sa. . . . .  
. . . . Hai ta vừa ghé bến sông Ngân :  
Ồ ! nàng Xuân Hương ngược đê trần  
Ngâm bài « Vãn nguyệt » tiếng trong ngần  
Nhìn xuống nhân gian cười như điên.*





## XUÂN - TÂM

**X**UÂN-TÂM là bút hiệu ; tên thật là Phan Hạp, sinh ngày 1 tháng 1 năm 1916 ở làng Bảo-an, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam (Trung-phần). Ông đã học qua các trường Chaigneau, trường Quốc-học Huế. Sau khi lấy được bằng Thành-chung, ông ra làm việc tại sở Kho-bạc Đà-nẵng.

*Thơ ông đã đăng trên các tạp chí :*

- Tân văn
- Sông Hương

*Thi phẩm Lời tim non xuất bản năm 1941.*



Mãi đến lúc sắp sửa viết về thi sĩ Xuân-Tâm mà trí tưởng của tôi cứ đình ninh tiếng thơ này già nét phong trần. Thi ra tôi đã lầm ! Tôi lẫn Xuân-Tâm với Xuân-Việt, tác giả hai tập *Sơ tư* và *Tao phùng* (1).

Giờ thì không còn vấn đề lầm lẫn nữa được. Tiếng thơ của Xuân-Tâm quá trẻ, quá phấn chấn, một sắc thái gần như tương phản. Có thể nói Xuân-Tâm là biểu tượng phần ảnh trung thực cái tâm lý của trẻ con, hay đúng hơn, của những trò trai nhỏ bé ở cái tuổi ham chơi, coi lớp học như chốn tù hãm, ràng buộc bước chân. Qua rồi một thời gian phải «chầu» chín tháng của niên học, cho đến giờ cuối cùng, những trái tim non rạo rực lòng vui, vì chốc nữa đây sẽ là ba tháng bãi trường ; thật chẳng khác nào được cấp giấy phép một cuộc tháo cũi sổ lồng dài hạn :

---

1) Thi sĩ Xuân-Việt có thư ngày 11-3-1967 yêu cầu «chước cho việc trích thơ vì một lẽ riêng». Chúng tôi xin tuân ý mà không để cập trong tuyển tập này một tiếng thơ có sắc thái lạ ở thời tiền chiến. Mong bạn thơ hiểu cho.

## Nghĩ hè

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết,  
 Đoàn trai non hớn hờ rủ nhau về.  
 Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê,  
 Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ !  
 Một nét mặt, trăm tiếng cười rộn rã,  
 Lời trên môi chen chúc nối nghìn câu.  
 Chờ đêm nay ; sáng sớm bước lên tàu.  
 Ăn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.  
 Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ,  
 Nhớ làm chi. Thầy mẹ đợi, em trông.  
 Trên đường làng huyết phượng nở thành bông,  
 Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.  
 Kiểm soát kỹ, có khi còn thiếu sót ;  
 Rượu chật rồi, khó nhốt cả niềm vui.  
 Tay bắt tay, hờn không chút bụi ngùi,  
 Các bạn ơi, trời mai đầy ánh sáng.

( Lời tim non )

Lời thơ thật hồn nhiên, trong như thủy tinh, sạch như băng tuyết. Đọc Xuân-Tâm tôi cứ ngỡ như chính mình vừa phát thanh lên tiếng nói của lòng mình ; và có lẽ của đa số các bạn đồng cảm giác khi chúng ta hồi tưởng tuổi học sinh. Cứ thẳng thắn nhìn nhận, đừng dối lòng, cũng đừng tỏ ra là con người tận tụy với đèn sách. Tâm và ý tưởng của trẻ con không tội lỗi gì đâu. Nó ngây thơ, chân thật, ít khi nào giấu giếm được ý nghĩ phản bội lại lòng mình.

Cho ra đời tập thơ *Lời tim non*, nó không phải là lời đại khờ trong tình ái. Xuân-Tâm cho ta thấy đã hướng mạnh ý thơ về thế giới trẻ con, gần với tư tưởng của nhà thực hiện phim hoạt họa Walt Disney.

Ở thi bản *Xa lạ*, ta thấy ước vọng của một lòng trẻ đang nhắm mắt thả hồn vân du trên muôn nghìn cánh lạ của đất trời khi mà điều kiện thực tế không cho phép. Ai

cắm đoán thi nhân mộng mơ ! Chỉ đôi bức tranh treo tường, những hình ảnh màu trên lá sách, mùi giấy mới thơm tho tỏa hương ngào ngạt quyện say hồn mơ về những chân trời xa lạ. Từ con tàu rẽ sóng trùng dương mang một trái tim đã bao ngày ly cách về cho một trái tim yêu đang mong chờ nơi hải cảng. Đây là vùng tuyết băng giá phủ, con đường rộn rịp của ba mùa trước đã trở thành hiu quạnh dưới lớp vùi lấp của băng đông ; những mái nhà, những tàn cò thụ đội lên đầu một màu trắng xóa như mang chiếc màn tang. *Xa lạ* còn cho ta thấy thêm nhiều cảnh sắc nên thơ : những tượng Đế-Thiên Đế-Thích đã bao ngày tháng dài dầu với gió mưa vẫn còn sừng sững đứng trong cái thế kiêu dũng chiến thắng được thời gian :

*Thời gian thử gọi phai màu cầm thạch  
Nhưng thời gian khuất phục muốn xin hàng.*

Tôi muốn ngắt tiếng thơ Xuân-Tâm ra để phân tích nhưng không nỡ, vì, *Nghĩ hè* là một chuỗi cười dòn tan của những tim non đang dậy nở niềm vui. Tôi không muốn giết chết một nụ cười đang dở dở. *Xa lạ* là lời thuật chuyện đều đều của một người đi du lịch mới về, ấn tượng cảnh sắc còn đậm, lòng vui còn tràn đầy, nét mặt còn đượm vẻ yêu đời. Tôi không muốn cắt ngang luồng cảm hứng ; thế mà cũng đã làm sứt mẻ vì hai câu thơ trích trên.

Đến *Nhở neo*, tâm hồn thi nhân tỏ ra phóng đạt, tư tưởng cao xa, rộng rãi như muốn xóa bỏ không gian để xích lại gần cái tình nhân loại. Đại dương kia mệnh mông bát ngát mà còn muốn thu khoảng cách đối bờ, sá gì sự phân chia màu sắc trắng đen. Đọc *Nhở neo*, tôi thấy có một người đang bút rứt vì bị « nhốt » vào một không gian bé nhỏ, đang thêm khát nhiều chân trời mới lạ và muốn vạn tình thân. Nó đã trở thành một hoài bão to lớn.

( 10 - 1968 )



## Thi tuyên

### Xa lạ

Chân gần quá không đi cùng trái đất,  
 Đè mắt nhìn cảnh lạ trái bên đường.  
 Hay bằng lòng tấm tranh đóng trên tường,  
 Và hình ảnh muôn màu in lá sách  
 Mùi giấy mới thơm tho và trong sạch ;  
 Thở hương hoa ngào ngạt chốn xa vời.

Đây con tàu lướt sóng giữa mù khơi,  
 Mang với nó vui mừng hay chán nản ;  
 Nơi quê cũ đứng trên bờ hải cảng  
 Có tình lang trông ngóng quả tim yêu  
 Mỗi chầm đen là hy vọng ít nhiều  
 Mỗi làn gió là một trời luyến ái

Đây băng tuyết, giữa mùa đông tê tái.  
 Rơi, rơi, rơi . . . và bao phủ đồng quê  
 Con đường làng hiu quạnh ngủ say mê,  
 Cây trắng xóa cửa nhà đều trắng xóa  
 Người ta tưởng lạc loài vào đồng mã  
 Chung quanh mình vây kín bức màn tang . . .

Đây hoàng hôn. Vài tia nắng gần tàn  
 Còn sống sót trên đời cây xanh đậm.  
 Lũ xe gỗ nặng nề bờ chậm chậm  
 Chở nho về. Mấy thiếu nữ xinh tươi  
 Chân bước theo và môi nở nụ cười,  
 Đôi má chín hơn buồng nho chín thắm.

Đây dòng suối reo cười. Đua lội tắm  
 Đoàn tiên nga đề lộ tắm da gà  
 Nước hôn chân . . . Sương thoa phấn màu da,  
 Hoa cỏ mơn trạnh nhau cài mái tóc ;  
 Cặp ngỗng trắng xinh xinh như bạch ngọc,  
 Ngàng cổ nhìn, say đắm đẹp thần tiên.

Đây nghiêng ngang pho tượng đá Đẽ-Thiên  
 Lăn tròn mắt tròn xoe, đang đờ thách,  
 Thời gian thử gỏi phai màu cảm thạch  
 Nhưng thời gian khuất phục muốn xin hàng.  
 Mưa không tuôn, gió lạnh, sấm không vang.  
 Trời nhạt nhạt, sắp buông lời thân thiện.

. . . Bao cảnh ấy trong trí tôi hiền hiện,  
 Nỗi bật lên trước mắt nhắm lờ mờ.  
 Mỗi khi thêm xa lạ tôi ngồi mơ  
 Và mở cửa thả hồn đi du lịch. . .

( Lời tim non )



### Hận Nguyễn Trãi

Biên thù, đây bước chia phôi,  
 Móc gieo quạnh quẽ ngăn đôi hai trời.  
 Ngập ngừng vó ngựa bỏ lời,  
 Buồn treo ngọn ải, lệ rơi gặm cầu.  
 Khuôn lòng khép lại mấy câu,  
 Cha già khuất bóng sau màu non xanh.  
 Bơ vơ ép mối thâm tình,  
 Núi cao trùng điệp, quanh mình mộng lung.  
 Thù chưa trả, hận khôn cùng (1)

Giang sơn gấm vóc, anh hùng phương nao ?

( Tuần báo Thanh niên, số 35

ngày 13-5-1944 )



(1) Câu này vốn bị kiểm duyệt khi đăng báo.



### Nhờ neo . . .

Đồi hẹp lắm, nên hờn không sung sướng,  
 Đứng ven bờ muốn vượt mấy trùng dương  
 Nhờ neo mau thôi, xuôi gió lên đường  
 Trời xanh thăm ấy trời đầy hy vọng . . .  
 Đây Bắc-băng-dương ? Hay đây xứ nóng ?  
 Người không quen nhưng mong mới từ lâu.  
 Bao mến yêu rải rác khắp hoàn cầu,  
 Chân chưa đến mà lòng đã quyến luyến.  
 Cứ thong thả nhắm mắt trời thẳng tiến,  
 Cây làm nhà và cỏ lót chiếu chẵn.  
 Bến xa xôi là những giải đất bằng,  
 Núi cao cả, hay là chòi quanh quẽ.  
 Phong cảnh mới, ôi trăm ngàn bức vẽ :  
 Người trắng đen, ôi muôn vạn tình thân !  
 Bạn đôi nơi mỗi bước nổi thêm gần,  
 Hương xa lạ ướp đầy hai lá phổi . . .  
 Chân giục bước đi : hờn trai vô tội ;  
 Sao giam mình giữa bốn bức tường cao ?  
 Thế giới xa không biết vác ngăn rào,  
 Và thiên lý lộ không mòn hết lối . . .  
 Nhờ neo mau thôi, cho lòng phấn khởi . . .

( Thanh niên, số 19, 8-1-44 )



### Lời tim non

Tôi đời hai mai lấy một chiều  
 Đề tìm trong ấy ít lời yêu.  
 Ban ngày sáng quá, ban đêm tối,  
 Tôi sợ, không mơ tưởng được nhiều.



## Tiễn đưa

Nhưng chiếc khăn tay với giữa trời ;  
 Nhưng lời âu yếm chết trên môi ;  
 Nhưng lòng ý tưởng trao chưa hết ;  
 Nhưng lệ không lau lạng lẽ rơi . . .  
 Chẳng hiểu con tàu vụt cách xa ,  
 Người còn theo dõi, kẻ trông ra . . .  
 Sau làn khói xám đang lưu luyến  
 Hình ảnh thân yêu lớp lớp mờ . . .  
 Hạnh phúc hôm qua sót lại gì ?  
 Bạn đi và đã gói mang đi ;  
 Tưởng chừng lâu lắm không chung sống,  
 Vẫn nhớ, vẫn buồn, vẫn biệt ly . . .  
 Rồi đến bao giờ mới gặp nhau ?  
 Ngày mai có phải của ta đâu !  
 Đêm nay trông thấy giường bên vắng,  
 Có kẻ cô đơn khẽ gục đầu . . .



## Đêm nay

Tặng Phan văn Dật

Đêm nay trăng đêm em ơi,  
 Nền trời lớt với những lời ái ân . . .  
 Rặng thông say đứng tần ngần,  
 Sương mờ giăng nhẹ mấy vần thơ trong.  
 Sông Hương im chảy. Trên dòng  
 Con thuyền lặng lướt, bóng lồng bơi theo.  
 Triều thương lên đứng nhịp chèo,  
 Hồn trôi, trôi xuống chân đèo Miên Man . . .  
 Em, anh thức đến canh tàn,  
 Niệm lòng rán hiểu ánh vàng xôn xao.



### Chiều về

Tặng Xuân-Diệu và Huy-Cận

Ánh nắng ngày thu đã tắt dần,  
 Hàng tùng không bóng. Rụng ngoài sân  
 Hồn đêm nhẹ nhẹ giang đôi cánh  
 Bao phủ làng xa đến xóm gần...  
 Chiều về man mác, chiều về đó;  
 Đường vắng quên mình giữa lớp sương;  
 Có gì ẩn nấp bên hoa cỏ,  
 Xao lãng lời thỏm những khóm hương...  
 Thấy chiều hơn hở tôi ra đón  
 Như đứa trẻ con thấy mẹ về.  
 Chiều buồn, chiều đẹp, chiều mơn trớn,  
 Chiều ru êm ái khúc lòng tê...  
 \*

### Xa xa

Tặng Trần thanh Mai

Anh chỉ muốn nhìn em ở xa,  
 Ánh lơ tha thướt giữa trăng gà,  
 Hay trong bóng mát đang ghen nắng  
 Em đứng nghiêng mình đón gió qua...  
 Cũng như anh thích gặp trong mơ  
 Hình dáng giai nhân nửa tỏ mờ  
 Và ngắm cảnh trời khi sắp tối  
 Sương chiều bao phủ một màn thơ...  
 Em hãy lui ra chớ lại gần,  
 Anh không ưng dựa thân kề thân;  
 Mùi da xác thịt làm sôi nổi  
 Cảm giác điên cuồng; giết ái ân...  
 Ái tình là một thứ hương hoa,  
 Một bức tranh tiên, một bản ca;  
 Phải lắng tai theo cơn gió nhẹ;  
 Phải nhìn, phải thở cách xa xa...  
 \*

## MỘNG - SƠN

**M**ỘNG-SƠN tên thật là Vũ thị Mai-Hương, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1920 tại làng Trung-lao, tỉnh Nam-định (Bắc phần).

Học lực cũ Trung-học, nhưng lại là người đàn bà thông minh, đọc sách rất nhiều.

Từng hợp tác với các báo : Đông phương, Phụ nữ thời đàm, Bắc-hà, Tiến bộ, Đông tây, Mai, Tân Việt-nam, Việt-nữ, Tri tân, Bạn đường, Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Thanh nghị, Văn học tạp chí... Lúc đầu lấy bút hiệu Sơn-Tiên, sau đổi là Mộng-Sơn.

Nữ sĩ là người đàn bà không ưa đùa cợt với ái tình, không dễ tình cảm lẫn át lý trí : chủ trương đem lòng đa cảm của phụ nữ phụng sự tình yêu dân tộc.

Năm 1936, nữ sĩ cùng Nguyễn Vỹ, Trương-Tửu thành lập Tao đàn Bạch Nga.

Năm 1937, đảm nhiệm chủ bút báo Việt nữ của ông Bùi Xuân Học.

Năm 1939, Mộng-Sơn tham gia chính trị, có tư tưởng chống Đế-tam Quốc-tế.

Năm 1940, kết bạn với nhà văn Nguyễn uyền Diễm, cộng tác với báo Đàn bà (do Thụy-An chủ trương) giữ mục « Đàn bà đọc sách ».

*Năm 1944, xuất bản quyển Văn học và triết học.*

*Cộng tác với báo Thời cuộc (1948-1949), Tiểu thuyết thứ bảy (1949-1950), Tinh hoa (1950-1951)*

*Năm 1952, xuất bản tập bút ký Vượt cạn, thuộc loại phê bình và khảo cứu về phụ nữ.*

*Năm 1953 trở về sau, Mộng-Sơn chuyên viết loại triết học và văn học sử.*

*Ngoài thơ, Mộng-Sơn còn những sáng tác như sau :*

- Vượt cạn (bút ký, đăng trong Tiểu thuyết thứ bảy năm 1949)
- Gửi khách chinh phu (T.T.T.B. số 19)
- Mộng cũ (T.T.T.B. số 20)
- Đá mong chồng, Loạn ly, Chiều (T.T.T.B. số 25)
- Vài tác phẩm Việt-nam dưới mắt một người đàn bà (Đại-học thư xã Hà-nội xuất bản)
- Luận về phụ nữ Việt-nam (Quốc học thư xã Hà-nội xuất bản)
- Văn học và triết luận (Đại-học thư xã Hà-nội xuất bản năm 1944) v.v...



**X**Ã hội gieo khờ cho đời người, hay đời người gieo khờ cho xã hội ?

— Cả và hai, vì nó là một sự tương quan ; nhất là một xã hội nằm trong vùng thực dân địa lại càng thâm tệ hơn. Người nữ sĩ khá ái Mộng-Sơn đã sống trong cái thời và không gian ấy.

Mơ mộng, yêu đương, chán ngán, buồn đau, liêu lĩnh, tàn bạo..., bao nhiêu hình ảnh ấy diễn biến mãi trong đời sống loài người, tự ngàn xưa vẫn chưa hề thay đổi.

Phải chăng chỉ vì thời gian ?

Thời gian hạn định đời người, thời gian làm tan biến mọi vật, cướp đoạt mọi thứ. Trắng non đề rồi già ! Xuân đến đề rồi qua ! Hoa tươi đề rồi tàn tạ !.. Sợ mất, loài người tranh nhau thụ hưởng, gieo tang tóc cho xã hội ?

Loài người vì thời gian mà đấu tranh, nhưng thời gian không vì sự tranh đấu của loài người mà chờ đợi.

Nữ sĩ Mộng-Sơn là một nhà thơ thiên hướng về triết học đã nhìn thời gian với tầm quan trọng của lẽ sống :

*Hơi rừng ! Hơi núi ! Hơi thiên hương !*

*Khoan ! Cánh thời gian chớ vội vàng !*

*Đói rét muôn người ngâm giá lạnh.*

*Tật nguyên vạn kẻ giải trắng sông.*

Ôi ! buồn tẻ thay cho cuộc sống ! Ôi ! đau khổ làm sao cho đời người ! Nhất sinh đã mang ngay trong kiếp đời sự bất hạnh, tật nguyên đã giết chết lần mòn niềm tin yêu vào cõi đời tươi đẹp ; ý nghĩ hắc ám chòn vòn như ác mộng, lại thêm vì giành giật mà đói rét, thê lương. Cõi sống họ chưa kịp hưởng thụ, thế mà thời gian đã vội lôi họ vào cõi chết !

Thời gian ! Tại sao mi cứ lạnh lùng trôi mà chẳng chút đoái hoài ?

— Ai có quyền phép gì níu chân thời gian chẳng ?

— Than ôi ! Thú thật, ta cảm thấy hèn mọn, bé nhỏ, yếu đuối, bất lực đề ngăn chặn !

Đã không giữ được thời gian thì tại sao ta không xây dựng lại đời người, cải tạo lại xã hội ? Nữ sĩ đã nhìn sự tranh đoạt bằng đôi mắt đuối xưa :

*Hòa bình ! mau ! Lại màu hoa gấm !  
Chinh chiến ! thôi ! về bóng tịch dương.  
Ta xót thương ai người nước Kỳ,  
Trời xuân man mác, sử hoang mang...*

Đem tình cảm cá nhân hòa vào tình thương nhân loại, nữ sĩ đã nuôi một hoài bão lớn lao. Đó cũng là nhân sinh quan của nữ sĩ.

Là một lòng xuân đang trỗi dậy, nhưng không ưa đùa cợt với ái tình, không đề bản năng làm chủ lý trí ; nữ sĩ Mộng-Sơn dần bước vào đường đời với một tấm lòng bao la, chấp nhận để đãi mọi hy sinh cho hạnh phúc dân tộc.

Nhưng tại sao thế nhỉ ? Động lực nào đã thúc đẩy một nữ lưu thông minh, duyên dáng, một đóa hoa hương sắc chói ngời trong vườn xuân lại từ bỏ mọi khát khao, mơ mộng, yêu đương ?

Đời ? Phải, chính là cõi đời ; chính là sự sắp xếp hỗn loạn của xã hội con người !

Một cô gái vừa trưởng thành, mang tất cả ước vọng đặt đời mình trong hoa gấm uyên ương. Thế mà, bao hoài bão thiết tha vào cuộc sống bỗng trở thành ảo tưởng, và người con gái ấy phải mượn mấy câu thơ *Chinh phụ hành* trong cổ thi để nói lên hoàn cảnh cô đơn của mình :

*« Mới năm mười tám lấy mình  
Mà năm mười chín đứt tình ra đi !  
Hai mươi, anh vẫn chưa về,  
Giờ hai mươi một trăng thề còn soi... »*

Lấy chồng vừa được một năm, chồng vội lìa gia đình ra đi theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc. Nàng bỗng nhiên trở thành người chinh phụ. Chúng tôi muốn nói đến một thiếu phụ đôi mươi, khoảng thời gian mà con tim đang rạo rực, tình yêu đang dào dạt dâng lên, tâm hồn như được ấp ủ bởi muôn ngàn lẽ sống. Thế mà. . .

Hỡi những người con gái đang yêu ! Chính các người hiểu biết nhiều hơn chúng tôi ! Chính các người mới hình dung nổi những khắc khoải chờ mong, những đau đớn xót xa ; chỉ các người mới khám phá được cái vũ trụ cô liêu trống lạnh trong lòng người chinh phụ sơn trê. Chúng tôi xin nhường lại sự suy cảm ấy cho các người.

Tuy nhiên, nếu chỉ một đầu xanh trở thành chinh phụ thì sự thương tâm chưa đến nỗi làm cho tâm hồn người con gái kia đau khổ lắm. Nó đòi hỏi đến sự liên hệ gia đình. Nó đòi hỏi đến mọi tác động. Ta hãy nghe nữ sĩ Mộng-Sơn trình bày hoàn cảnh :

*Bề hoạn lánh xa, cha đứng dậy,  
Tắm thân hồ hải từ năm ấy.  
Ném bút, ra đi, ngày lại ngày,  
Cùng ai xông vào nơi lửa cháy.*

Lìa xa bề hoạn, cắt đứt một đường mây, ta thấy vẽ lên hình ảnh người sĩ phu chí khí. Người cha ấy đã ra đi khi nàng còn là một cô gái thơ ngây. Người cha ấy đã hy sinh gia đình cho dân tộc, vất bỏ một đứa con yêu trước ngưỡng cửa đời bơ vơ như một cánh chim sa trong khung trời rộng.

Quả xứng đáng là một nguồn máu hãnh diện cho dân tộc ! Giữa cơn sóng gió dỗi đập con thuyền bé gia đình, người ta thấy, một chiều kia, một kẻ lại nổi gót theo tiếng gọi sục sùi của tổ quốc :

*Quên nhà bác vợ bước chân ra,  
Dem mình chống với trận phong ba.  
Ầm ầm sóng gió thuyền nan giạt,  
Cửa bề chiều hôm bóng ác tà,*

Dem rường cột gia đình quỳn góp vào rường cột quốc gia. Dưới mái gia đình nàng thiếu hẳn những bàn tay vững chãi đề chống chọi với phong ba bão táp.

Hỡi những người trai của nghĩa vợ ! Hẳn các người cũng đau buồn lắm khi phải rời bỏ mái nhà thân yêu, xa lìa tổ ấm, ngăn cách con thơ, từ chối những vui thú cá nhân để lo cho sự nghiệp dân tộc, tất cả người cũng đã nghĩ đến gia cảnh xác xơ :



*Nghiep hết, nhà tan, người mỗi ngã,  
Thu sầu, cảnh vắng; gió mênh mông.*

Nhớ ngày ra đi, cái buồn ly cách tuy vẫn đượm, nhưng trắng khí không vì thế mà giảm suy. Một hồi còi tàu thét lên xé tan bầu không khí vấn vương đề người ra đi mạnh dạn lên đường. Quang cảnh biệt ly, người ta chỉ còn ghi nhận được hình bóng ngậm ngùi của kẻ ở lại, đang dõi mắt về phía chân trời, nơi tí mù xa thẳm ấy, họ đặt một niềm tin, và họ hãnh diện sống với niềm tin ấy.

Họ là những người còn lại : một bà cụ già, một chinh phụ, một người con trai, một người con gái bé.

Thời gian qua ! Nhưng rồi, một ngày nọ, người con trai duy nhất còn sót lại trong gia đình lại tiếp-tục ra đi, nối gót cha trên đường nghĩa vụ. Ngày ấy là ngày họ lại . . .

### Chia tay

*Biết nói gì đây, lúc tiễn anh,  
Lá thu rơi rắc mái ly đình.  
Bốn phương mây vẫn sầu biên ải,  
Một áng hồn say mộng viễn trình.  
Chưa tạnh cơn ba đường bụi trắng,  
Còn mưa tâm sự ngọn đèn xanh.  
Ra đi, có nhớ lòng sông Nhị  
Đang nổi ba đào trận gió tanh ?*

(1949)

Sứ mạng chưa thành, những người con yêu của tổ quốc vẫn còn tiếp nối.

Thế là từ đây, người cô phụ lại ôm sầu khác khoải dưới mái tranh xưa, sớm tối ra vào nhìn mẹ già tóc càng điểm bạc, nàng lại càng nhận thêm lấy trách vụ của người con thảo. Lắm lúc thu về, nàng nhìn trời thu với nỗi nhớ nhung :

*Mây sâu ủ mặt rừng thu,  
 Gió heo lạnh núi, sương mù dội khơi.  
 Sông the, trời ánh trắng rồi,  
 Hỡi non ! đứng sững phương trời mong ai ?*  
 ( Tú thu - tứ tuyệt )

Hoặc nàng gởi gắm lòng buồn vào...

### Thuyền trăng

*Một chiếc thuyền trăng nhẹ nhẹ trôi  
 Theo dòng nước bạc chảy lên trời.  
 Trăng xưa lẻ bóng, hồn hoa lạnh,  
 Trăng xóa bên sông bãi cát bồi . . .*  
 ( Tri tân , 29-7-1943 )

Sầu, khổ, nhớ, mong, người cô phụ chỉ còn biết gởi vào mây nước. Nhưng, quái ác thay ! Cảnh vật như trêu người ; đôi lúc nàng nhận thấy nỗi buồn kia cứ lảng lảng qua cảm giác :

### Sớm

*Ngày tới. Non ngàn tỉnh giấc mơ.  
 Đàn rừng, chim gầy khúc say sưa.  
 Vườn mây tươi đóa, cười trắng lặn,  
 Hương núi bay cành, gọi gió đưa.  
 Đầm ấm sương yêu, hoa đợi nắng,  
 Miên man suối mộng, nước dâng bờ.  
 Đôi uyên chấp cánh tung làn biếc,  
 Về trắng phương trời một nét thơ.*

Hỡi Tạo-vật ! Xin Người đừng đem đến cho nàng những cảnh sắc huy hoàng, rực rỡ mà nàng không có quyền hưởng thụ ! Những cảnh « hoa nằm đợi nắng », « gió rủ sương bay » chỉ làm cho lòng nàng thêm sầu khổ. Cái mà nàng đang mơ ước là được chấp liền đôi cánh uyên ương, cùng bay về một phương trời nào đó để về lên một nét thơ, dù nét thơ ấy bằng máu lệ !

Phải ! Đối với nàng chỉ có thể dùng máu lệ vẽ nên thơ, chứ không thể dùng những giọt sương mơ đề trên lá thắm. Nàng đã viết :

*Máu pha nước đỏ loang sông lạnh,  
Xương bốc mây đen ngắt khí sầu.  
Bãi nguyệt nằm sương nghe gió hét,  
Chuông chùa đồn sóng réo canh thâu.*

Nàng ao ước ra đi ! Ra đi như những người trước đã làm ! Nhưng, mẹ già kia thì sao ? Nàng còn đang gánh một nghĩa vụ gia đình. Thật là :

*Nhà tranh, ngõ trúc, nền xưa vững,  
Tình hiếu hai vai một gánh đầy.*

Gia đình nàng chỉ còn một mẹ già, một cô em chồng. Nàng không thể giao trách nhiệm đề tạo thêm một cảnh biệt ly. Nhưng người mẹ già không nghĩ thế. Chiều theo chí hướng đầu con, bà dốc trọn nghị lực còn sót đọng trong lòng già rồi giục nàng cất bước đổi bóng chinh phu, nhưng không quên đôi lời khuyên nhủ :

*Nhớ lấy lời này, con nhớ lấy :  
— Con đi cho thấy một ngày mai.*

Cái ngày mai ấy là ngày gì ? Phải chăng là ngày tươi sáng của đất nước, ngày vinh quang của dân tộc, ngày đoàn tụ của gia đình, ngày mà bọn xâm lăng bị xua đuổi ra khỏi biên thùy ?

Rồi người ta lại thấy tái diễn cảnh chia ly :

*Hồn con đã hện bốn phương rồi,  
— Lạy mẹ. Con đi. Mẹ gắng vui !  
Nhân loại thiếu chi bà mẹ khổ,  
Con đi cho thấy một ngày mai.*

Lại từ biệt ! Lại ra đi ! Dầu đã bao người từ biệt, bao kẻ ra đi, cảnh đã diễn lại lắm lần, nhưng không vì đấy mà trái tim con người trở thành sắt đá. Lần này chỉ còn sót lại một mẹ già, một cô em chồng. Nàng cắn răng cố nén tim đau để khỏi bật lên thành tiếng nức nở :

*Dem ánh hồn xưa luyện trái tim,  
Con đi gió bụi biết đâu tìm.  
Từ nay mẹ lại đêm đêm thức,  
Rừng khuya nghe lá rụng thâu đêm.*

Còn gì buồn bã, héo hắt hơn một sương phụ mòn mỏi trông con :

*Thâu đêm mẹ lại đếm canh dài,  
Con một phương trời, mẹ một nơi.*

Bịn rịn, vẩn vương, nhưng rồi cũng phải ngậm ngùi trước cảnh phân kỳ. Gởi mẹ già lại cho cô em đề khách má hồng dệt nốt tấm mộng tình :

*Lần theo bóng cũ, dấu xưa,  
Người trong mơ ấy bây giờ là ai ?*

Mặt đất thì bao la. Tiếng gọi con tim bị chầm trong tiếng gọi to tát của nghĩa vụ. Có mấy ai dễ gì tìm được cánh chim phiêu bạt ở cuối trời để chấp liền đôi cánh, kéo lại những đường tơ vương mong dệt thành khung trời thơ mộng ?

Con chim non vừa lìa tổ đã phải cất lên giọng bi ai trong thảm họa :

*Vừa biệt ly em được mấy ngày,  
Đâu ngờ vĩnh biệt đã hôm nay.  
Chia tay em vẫn cười trong mộng,  
Mộng giả hay là mộng thực đây.  
Bên hồ phẳng phất giấc hôm mai,  
Bỗng được tin em lạnh toát người.  
Vừa mới ngày nào em với chị,  
Mà nay thiên cổ chép tên ai !*

Cô em chồng đã chết ! Kề thay nàng gánh lấy trách nhiệm gia đình không còn nữa. Người mẹ già tóc diềm sương kia rồi đây biết trông cậy vào đâu ? ! Sự thề đã đưa nàng cô phụ đến tuyệt đỉnh lo âu. Thật là buồn đau ! Nhưng biết làm sao khi con người chỉ là một sinh vật nhỏ bé của vũ trụ. Nàng ghi vội tâm tình động lệ vào trang thơ :

Em ơi ! Trời mưa gió,  
 Thương em, bối rối, chị trông trời.  
 Áo ào lá trút rừng thu lạnh,  
 Em đâu, em đâu, em đâu rồi ? !

. . . . .  
 Đêm thâu chị ngắm chòm sao lặn,  
 Đèn lụn, canh tàn, ngồi tựa án.  
 Nhật thừa dom đóm soi mờ mờ,  
 Hồn em về chẳng bay tản mạn.

Khi con người quá khổ đau, dù can đảm đến đâu cũng khó cảm được chua xót lòng mình. Xã hội bất công, nàng đi tìm lẽ công bằng đem về cho xã hội. Còn vũ trụ bất công thì sao ? Nàng đành thở dài, kêu trời !

Mưa lá hiên ngoài là tả rơi,  
 Nghe mưa, chị cắt tiếng kêu « trời ! »  
 Trời đâu ! Trời đâu ! Trời im lặng !  
 Gió lên ! Lá bay ào ! Em ơi !  
 Rừng khuya hiu hắt gió rung cây,  
 Lá rụng, sương đêm, rụng rụng đầy.  
 Ruột chị phượng trời thôi muốn đứt,  
 Đường về kinh Bắc. . . Ít chân mây.

Kẻ ra đi còn có ngày về ; người thiên cò không bao giờ gặp lại ! Thôi, thế là hết :

Nước reo sông Nguyệt, tuôn hàng lệ,  
 Đá chất non Yên ngậm khối sầu,  
 Em hơi thu về mưa gió thế  
 Tìm em trong mộng biết tìm đâu !

Đau lòng vì kẻ chết, nàng lại xót thương người sống. Nàng trông đến cảnh mẹ già tóc bạc phơ phơ, một mình một bóng tựa cửa trông con. Nàng ước mơ một ngày đoàn tụ ! Ngày ấy đối với nàng hẳn còn gì sung sướng cho bằng :

Nhớ lại trời thu, gió biệt ly,  
 Thuyền trôi, trôi cả bóng mây chia.  
 Nay về bến cũ dòng sông vắng,  
 Du tử, bồi hồi rảo gót đi. . .

Ta hãy nghĩ đến nỗi vui mừng của một kẻ xa quê được trở về viếng thăm cảnh cũ. Nàng tưởng tượng :

*Rồi bỗng dừng chân đứng trước thềm,  
Kề trăng lấp lánh lá buông rềm.  
Mẹ già chợt thấy, rưng rưng lệ,  
Quên cả ngoài song mấy tiếng chim.  
Mấy tiếng chim khua mới giật mình,  
Reo mừng người cũ khách phiêu linh,  
Sống thừa, về túp lều tranh cũ,  
Đốc chén say sưa cạn bất bình.*

Nhưng đây chỉ là mộng tưởng để nàng sống lại đôi phút giây tình cảm gia đình. Nghĩa vụ còn nặng mang, lẽ đâu dám nghĩ đến chuyện giũ áo phong sương :

*Dương buổi gió mưa đầu hện về !  
Trời đất bao la sầu dật dật,  
Canh dài, đêm vắng nặng hờn quê.*

Giả sử có được gặp nhau trong phút chốc thì cũng chưa phải lúc đoàn tụ, yên vui, mà chỉ tỏ gieo cho mẹ già thêm nỗi nhớ thương khi lại chia tay :

*Con về, lát nữa lại ra đi,  
Nước lặn non cùng điệp bóng khuya.  
Con biết mẹ giờ đau khổ lắm,  
Sum vầy bên cạnh phút chia ly !*

Vậy thì, thà cứ nhớ nhau trong mơ tưởng :

*Mười mấy năm sương những đợi chờ,  
Mẹ già mái tóc bạc phơ phơ  
Trời Nam một sáng tin đưa lại,  
Con có về đâu ! . . . Tiếng gió thu !*

Phải ! Đứa con của người mẹ già ấy không về ! Nếu có những tiếng động bên ngoài khung cửa thì đó cũng chỉ là tiếng lá thu rơi :

*Những đêm lạnh lẽo đếm canh dài,  
Đút nôi rừng sâu, biết tiếng ai ?  
Cửa sài, mẹ tưởng tay con gỡ,  
Vội mở, này thôi ! Vãn lá rơi !*

Càng mơ tưởng càng xót xa thêm cảnh mẹ trong những canh dài buồn nhớ đứa con chót đã bỏ mẹ ra đi, đi vào cõi chết. Nàng quặn lòng đau khi nghĩ đến tre già phải úp mặt khóc măng non :

*Nhớ đêm chuông báo giờ thệ tuyết,  
Tóc mẹ em ngờ mây núi tuyết.  
Khóc rằng : mẹ sống còn bao năm,  
Mà lúc này thương con vĩnh biệt !*

Nàng lại càng ân hận vì không làm tròn trách vụ gia đình đối với người bạn tình đã cậy trông :

*Anh đi lòng vương nợ giang hồ,  
Đã mấy thu rồi lại mấy thu !  
Em vẫn ở nhà nuôi được mẹ,  
Nhà nay lạnh lẽo bóng trăng xưa.*

Nhưng không phải vì quên lời ủy thác của tình quân mà nàng ra đi, cũng không phải vì không thương mẹ già mà nàng không về. Chính vì cuộc đời đã lấy hết ý nghĩa sống của nàng, hay rộng ra, của một đại thế, nên nàng đang đi tìm, và càng tìm, lẽ sống nàng càng bị thu hẹp :

*Còn gì đâu ? Anh ơi !  
Đêm về, hạt mưa rơi.  
Nhà tôi, nhà canh gác,  
Hồn tôi, hồn giam rồi !*

Người ta đã bắt con chim bơ vợ kia giam vào lồng sắt. Người ta đã đập tan mộng ước của nàng mong chấp liền đôi cánh chim tung bay khắp bốn phương trời :

*Còn gì đâu ? Anh ơi !  
Đường tôi, anh ngăn đôi.  
Ngược xuôi người ngơ ngác,  
Tìm nhau khóc hay cười ?*

Tiếng hót của con chim lồng ngắt nghẹn trong đau thương :

*Còn gì đâu ? Anh ơi !  
Sương thu dăng dầy trời.  
Bóng đêm bùng mù mịt,  
Sao tàn loáng thoáng rơi . . .*

Càng đi sâu vào đường đời người cô phụ càng thấy cô đơn ; càng nuôi hy vọng càng gặp nhiều thất vọng.

Thời gian trôi, dòng đời buông lửng, con thuyền đã bao phen chống chọi với phong ba vẫn chưa tìm thấy bến, mà mạn thuyền đời càng tả tơi theo tháng ngày. Nàng nhìn mảnh trăng thè, chạnh ngao ngán nổi lòng :

*Tóc sương thôi đã phơi màu,  
Trăng thè còn đứng ngang đầu soi ai ?  
Vân vờ nước biển, mây trời,  
Càng đi, càng thấy cõi đời vắng tanh !*

( Tóc sương, tứ tuyệt,

Tiền thuyết thứ bảy số 42, 14-1-1950 )

Bất giác, nàng thảng thốt kêu lên :

*— Hỡi ai trên bến, đang âm ỉ  
Ta thấy hoa tàn vất vờng trôi ;  
Chàng nở vò thêm, không nở nữa  
Mà . . . chỉ thương chung « cái kiếp người ».*



Lược qua, chúng ta thấy cá tính Mộng-Sơn đã phản ảnh trung thực vào văn thơ, hay ngược lại.

Mộng-Sơn nằm giữa lòng cái lãng mạn, tình của Mộng-Sơn cũng dào dạt, thiết tha, nhưng không thè tự do tung hoành trong thè chất. Nó đã bị chế ngự bởi lý trí. Một sự khắc phục cam go, vì sự chống đối đã diễn ra trên cùng một cá thè. Thế mà lý trí chiến thắng được tình cảm, ta phải kể Mộng-Sơn là một chiến sĩ can trường và bản lĩnh. Sự chiến thắng của lý trí đã biến cái tình yêu ích kỷ cá nhân thành một thứ tình yêu cao đẹp : đó là tình yêu tổ quốc và dân tộc. Và nữ sĩ Mộng-Sơn đã say sưa sống trong ý nghĩa cao đẹp ấy.

( 10 - 1968 )





## *Thi tuyên*

### Lòng mẹ

Nhớ lại trời thu, gió biệt ly,  
 Thuyền trôi, trôi cả bóng mây chia.  
 Nay về bến cũ dòng sông vắng,  
 Du tử, bồi hồi rào gót đi . . .  
 Rồi bỗng dừng chân đứng trước thềm,  
 Kề trăng lấp lánh lá buông rềm.  
 Mẹ già, chợt thấy, rưng rưng lệ,  
 Quên cả ngoài song mấy tiếng chim.  
 Mấy tiếng chim khuya mới giật mình,  
 Reo mừng người cũ khách phiêu linh,  
 Sống thừa, về túp lều tranh cũ,  
 Đốc chén say sưa cạn bát bình.  
 — « Con từ, ném bút, bước ra đi,  
 « Dương buổi gió mưa đâu hẹn về !  
 « Trời đất bao la sầu dặt dặt  
 « Canh dài, đêm vắng nặng hờn quê.  
 « Con về, lát nữa lại ra đi,  
 « Nước lặn non cùng điệp bóng khuya.  
 « Con biết mẹ giờ đau khổ lắm,  
 « Sum vầy bên cạnh phút chia ly. »  
 Mười mấy năm sương những đợi chờ,  
 Mẹ già mái tóc bạc phơ phơ.  
 Trời Nam một sáng tin đưa lại,  
 Con có về đâu ! . . Tiếng gió thu !  
 Mấy đêm mừng một với mừng hai,  
 Một mảnh trăng liềm nhạt nhạt soi,  
 Mẹ ngồi án sách xem người cò  
 Tựa cửa chờ con có những ai ?

Từ đêm mười bốn đến hai mươi,  
 Một tấm gương vàng dịu dịu soi.  
 Mẹ ngồi pha nước đầy trắng uống,  
 Trắng tan, con vẫn một phương trời.  
 Rồi đêm hăm chín lại ba mươi,  
 Ba gian nhà trống gió than dài.  
 Mẹ ngồi tưới lệ tràn thơ rượu,  
 Rửa cái ly sầu mấy chén vui.  
 Nhưng đêm trăng sáng như đêm nay  
 Ngoài song, mẹ ngắm buông đầy,  
 Xa xa còn thấy non Yên Tử  
 Dem cái sầu lên nổi áng mây.  
 Những đêm lạnh lẽo đếm canh dài,  
 Dứt nổi rừng sâu, biết tiếng ai,  
 Cửa sài, mẹ tưởng tay con gõ.  
 Vội mở, này thôi ! Vỡ lá rơi,  
 Đêm đêm mưa gió lại đêm đêm,  
 Mẹ già gan héo lệ tràn mi,  
 Đường đời mưa gió. Con ! Dừng lại !  
 Đành cái bằng tang lỡ một thì.  
 « Hồn con đã hẹn bốn phương rồi,  
 « Lạy mẹ. Con đi. Mẹ gắng vui !  
 « Nhân loại thiếu chi bà mẹ khổ,  
 « Con đi cho thấy một ngày mai. . .  
 Dem áng hồn xưa luyện trái tim,  
 Con đi gió bụi biết đâu tìm.  
 Từ nay mẹ lại đêm đêm thức,  
 Rừng khuya nghe lá rụng thâu đêm.  
 Thâu đêm mẹ lại đếm canh dài,  
 Con một phương trời, mẹ một nơi.  
 Nhớ lấy lời này. Con nhớ lấy  
 « Con đi cho thấy một ngày mai . . . »

Tri tân, 21-10-43



## Chiều về

Mái rùng nghe vọng tiếng chim kêu,  
 Sông vắng, thuyền ai lặng lẽng chèo,  
 Trên ánh mây thu bay nhạt nhạt,  
 Gió chiều hiu hắt lá chiều gieo.

Tri tân 29.7-43



## Lá thu

(Tặng hương hồn em chồng tôi)

Vừa biệt ly em được mấy ngày,  
 Đâu ngờ vĩnh biệt đã hôm nay.  
 Chia tay em vẫn cười trong mộng,  
 Mộng giả hay là mộng thực đây.  
 Bên hồ phảng phất giấc hôm mai,  
 Bỗng được tin em lạnh toát người.  
 Vừa mới ngày nào em với chị,  
 Mà nay thiên cổ chếp tên ai.  
 Em ơi ! Trời mưa gió,  
 Thương em, bối rối, chị trông trời.  
 Áo ào lá trút rùng thu lạnh,  
 Em đâu, em đâu, em đâu rồi.  
 Mẹ già lã chã lệ khôn cầm,  
 Nhắc lại chuyện trước ba mươi năm.  
 Ngày ấy, chưa làm dâu họ Nguyễn,  
 Chị nghe, thồn thức nỗi thương tâm.  
 Quên nhà bác vợ bước chân ra,  
 Dem mình chống với trận phong ba.  
 Ầm ầm sóng gió thuyền nan giạt,  
 Cửa bè chiều hôm bóng ác tà.  
 Bề hoạn lánh xa, cha đứng dậy,  
 Tắm thân hồ hải từ năm ấy.  
 Ném bút ra đi, ngày lại ngày,  
 Cùng ai xông vào nơi lửa cháy,

Bác một lòng, cha cũng một lòng,  
 Tháng ngày những đợi nước sông trong,  
 Nghiệp hết, nhà tan, người mỗi ngã,  
 Thu sầu, cảnh vắng, gió mênh mông.

Anh đi lòng vương nợ giang hồ,  
 Đã mấy thu rồi lại mấy thu.  
 Em vẫn ở nhà nuôi được mẹ,  
 Nhà nay lạnh lẽo bóng trăng xưa.

Nhớ đêm chuông báo giờ thệ tuyết,  
 Tóc mẹ em ngờ mây núi tuyết.  
 Khóc rằng : mẹ còn sống bao năm,  
 Mà lúc này thương con vĩnh biệt !

Nhưng gương cười, mẹ nhủ em ngay  
 « Từ con xuất giá đến hôm nay,  
 « Nhà tranh, ngõ trúc, nền xưa vững,  
 « Tình hiếu hai vai một gánh đầy. »

Bảy năm xuất giá ; xuân như mộng,  
 Một phút từ trần sắc hóa không.  
 Họ Trần mất một nàng dâu thứ,  
 Giang sơn trở lại chiếc mũi bằng.

Đêm thâu chị ngắm chòm sao lặn,  
 Đèn lụn, canh tàn, ngời tựa án.  
 Nhật thừa đóm đóm soi mờ mờ,  
 Hồn em về chững bay tản mạn.

Mưa lá hiên ngoài lá tả rơi,  
 Nghe mưa chị cắt tiếng kêu « Trời ».   
 Trời đâu, trời đâu, trời im lặng,  
 Gió lên. Lá bay ào ! Em ơi !

Rừng khuya hiu hắt gió rung cây,  
 Lá rụng, sương đêm rụng rụng đầy.  
 Ruột chị phương trời thôi muốn dứt,  
 Đường về kinh Bắc... ít chân mây.

*Những buổi qui ninh tuần bát tuyết,  
 Những ngày kỳ lạ, tháng xuân thiên  
 Mơ màng chị đón người xa lại,  
 Chỉ thấy đêm về ! Dâu bóng em.*

*Nước reo sông Nguyệt, tuôn hàng lệ,  
 Đá chắt non Yên ngậm khối sầu,  
 Em hơi thu về mưa gió thế  
 Tìm em trong mộng biết tìm đâu !*

(Tri tân, 23-9-1943)



### Ai đứng bên sông ?

Tặng những kiếp hoa điều đứng

*Kìa ai — muôn tiếng đã im mơ  
 — Còn đứng bên sông — đứng thẩn thờ,  
 Vắng vẻ, chuông khuya, đưa giục khách,  
 Còn đứng im hoài — đứng ngàn ngơ ?  
 — Ai đây ? Sương bay, đêm khuya khoắt  
 Ta hái chùm thơ tung réo rắt...  
 Còn đứng mê man giấc mộng sầu ?  
 Bỗng tiếng bên sông đưa thồn thức :  
 — « Trong làn nước lạnh, bóng mây im  
 Thiếu nữ người ơi ! Tiếng lệ chìm...  
 Hóa lệ sương lan... theo gió tủi,  
 Ta đứng âm thầm với nước im.  
 « Đè bỏ trong khi rộn rã cười,  
 Nghiến răng nuốt lệ bởi, than ôi !  
 Khóc than đời sẽ chề mai mìa.  
 « Dem lệ sầu thương đè dối đời ! »  
 « Hơi kẻ bên sông đang hỏi đờ,  
 Người được cười vui, được khóc sầu.  
 Riêng ta trong kiếp hoa mưa gió,  
 Phải chịu cầm hờn chẳng được đau !*

« Dời ta những cảnh rõ ràng tươi,  
 Suốt sáng thâu đêm — đó — cợt cười !  
 Ai đấy ? bên sông đưa tiếng hỏi  
 Ra kiếp — thương thay — kiếp bán cười !  
 « Kia ánh ven sông đang lấp ló  
 Người buồn yêu cảnh mộng nên thơ.  
 Riêng ta vụn kiếp hoa mưa gió  
 Muốn mộng, than ôi ! Mộng hững hờ ! »  
 Thương thay khóm liễu về bờ phờ,  
 Trường kiếp đau buồn chỉ khách thơ  
 Trọn đời yêu giấc êm vui mộng...  
 Rồi bóng chiều qua... lại thừng thờ !  
 Hay đâu trong nước bóng mây im,  
 Gọt giọt sương lan tiếng lệ chìm  
 Còn kẻ yêu mơ không được ước...  
 Mà lệ tuôn tràn phải giấu im !  
 — Hỡi ai trên bến, đang âm ý  
 Ta thấy hoa tàn vất vờng trôi  
 Chẳng nở vò thêm không nở nữa  
 Mà... chỉ thương chung « cái kiếp người ».

Việt Nữ, 1937



### Tình xuân

Hời rùng ! Hời núi ! Hời thiên hương.  
 Khoan ! Cánh thời gian chớ vội vàng !  
 Đói rét muôn người ngâm giá lạnh.  
 Tật nguyên vụn kẻ giải trắng sông.  
 Hòa bình ! mau ! Lại màu hoa gấm !  
 Chinh chiến ! Thôi ! Về bóng tịch dương.  
 Ta xót thương ai người nước Kỳ,  
 Trời xuân man mác sứ hoang mang...

(Tri tân, 1-2-45)



## Chiều

Tặng em Vân Nga

Chuông réo ngày tàn gió réo thông,  
 Đường chia đôi ngã, ánh sương rung.  
 Mây bay về lối đầu non bạc,  
 Buồm chạy theo chân lớp sóng hồng.  
 Chiều rủ sàu đi qua khép cánh,  
 Đêm mang tình lại khói tràn sông.  
 Giấc mơ năm trước còn trong mộng  
 Thuyền đã theo ai chảy lạc dòng...  
 (Tri tân, 10-8-44)



## Sớm thu

Ngày tới. Non ngàn tỉnh giấc mơ.  
 Đàn rùng ; Chim gáy khúc say sưa.  
 Vườn mây tươi đóa cười trắng lặng,  
 Hương núi bay cành gọi gió đưa ;  
 Đầm ăm sương mai hoa đợi nắng,  
 Miên man suối mộng nước dâng bờ.  
 Đôi uyên chấp cánh tung làn biếc,  
 Vẽ trắng phương trời một nét thơ.  
 (Tri tân, 5-9-44)



## Qua đền Kiếp

Vạn-Kiếp trầm hương tỏa miếu lâu.  
 Ôi ! Hồn chiến sĩ bây giờ đâu ?  
 Máu pha nước đỏ loang sông lạnh,  
 Xương bốc mây đen ngắt khí sầu.  
 Bãi nguyệt (1) nằm sương nghe gió hét,  
 Chuông chùa (2) dồn sóng réo canh đầu.  
 Hồn ba quân dậy như nghìn ngựa,  
 Nhạc trận, gươm thiên cuốn Lục-Dầu !  
 (T. T. T. B số 27 — 1-10-49)



(1) Nguyệt bản

2) Khổng-Lộ

## Giỗ mẹ

(Nguyên hán văn của Nguyễn Quyền làm từ 1936)

Mồ cô cha sớm, mẹ gần đây.  
 Hăm tám năm sương bị bắt đây.  
 Riêng hồ Tùng-Âm (1) thua vẫn sống !  
 Còn tang Mã-Chí mặc chưa thay. (2)  
 Chiến tranh tới đắp thương đời mặt,  
 Kinh tế liền vô tình giấc say ;  
 Thăm thăm trời Nam lòng muốn báo,  
 Lạy về non Bắc khúc trông mây !



## Ca rừng

Tiếng dâu như rót lưng đời,  
 Rừng thông im bật nghe người tiên (3) ca.  
 Gió chiều chìm lắng suối hoa,  
 Sương hôm đứng lặng, bóng tà tà soi !



## Nhớ tù Côn-đảo

Nước non thất giải sô gai,  
 Đề tang hờn khóc những ai bên trời !  
 Hỡi anh đánh cá ngoài khơi !  
 Bèo trôi, anh có nhớ người áo xanh ?  
 (Tiểu thuyết thứ bảy số 34, ngày 19-11-1949)



(1) Cát-Điền Tùng-Âm, người Nhật, thua trận liền mổ bụng tự tử chết.

(2) Mã-Chí-Ni là âm của Mazzini, người Ý suốt đời lo cho nước.

(T. T. T. B số 30 ra ngày 22-10-1949)

(3) Người đẹp.



### Còn gì đâu ?

Còn gì đâu ? Anh ơi !  
 Đêm về hạt mưa rơi.  
 Nhà tôi, nhà canh gác,  
 Hồn tôi, hồn giam rồi !  
 Còn gì đâu ? Anh ơi !  
 Đường tôi, anh ngăn dối.  
 Ngược xuôi, người ngư ngác,  
 Tìm nhau khóc hay cười ?  
 Còn gì đâu ? Anh ơi !  
 Nơi đây, anh đóng rồi.  
 Sớm chiều lo chạy gạo,  
 Người người chết đói thời !  
 Còn gì đâu ? Anh ơi !  
 Chúng tôi tay không rồi.  
 Ngoài ô mù khói lửa.  
 Hận chim lồng bao nguôi !  
 Còn gì đâu ? Anh ơi !  
 Tiếng súng gầm bên tai :  
 Anh bảo : « Đời vui quá !  
 « Nói lên ! Yêu nhau rồi ! »  
 Còn gì đâu ? Anh ơi !  
 Sương thu dâng đầy trời.  
 Bóng đêm bùng mù mịt,  
 Sao tàn loáng thoáng rơi...

(Đêm tàn thu Kỹ-sử)

(Tiểu thuyết thứ bảy số 40, ngày 31.12-1949)



### Trong mơ

Yêu đời tha thiết là tôi,  
 Mà tôi chỉ nhớ một người trong mơ.  
 Làn theo bóng cũ, dấu xưa,  
 Người trong mơ ấy, bây giờ là ai ?



### Nhớ nhà

Tiếng chim xào xạc bên đời,  
Giật mình lại ngỡ tiếng người dưới hoa.  
Đường xa, rừng vắng bóng tà,  
Khói lên nghi ngút thấy nhà ta đâu !



### Tóc sương

Tóc sương thôi đã phơi màu,  
Trắng thề còn đứng ngang đầu soi ai ?  
Vân vơ nước biển, mây trời,  
Càng đi, càng thấy cõi đời vắng tanh ?  
(Tiền thuyết thứ bảy số 42, ngày 14-1-1950)



### Chinh phụ hành

Thập bát giá lang quân,  
Thập cửu lang quân xuất.  
Nhị thập, bát qui lai,  
Kim niên nhị thập nhất !  
(Cổ thi)

Dịch :

### Lời chinh-phụ

Mới năm mười tám lấy mình,  
Mà năm mười chín dứt tình ra đi.  
Hai mươi, anh vẫn chưa về,  
Giờ hai mươi một trắng thề còn soi !



### Bạc Tàn-hoài

Yên lung hàn thụ, nguyệt lung sa.  
Dạ bạc Tân-hoài, cận tửu gia.  
Thương nữ bất tri vong quốc hận,  
Cách giang do xướng Hậu-đình-hoa !  
( Đổ-Mục )

Dịch :

## Đổ bến sông Hoài

Mây mặt nước, nguyệt đầu ghềnh,  
 Bến Tần vui chuốc chén quỳnh đêm thanh.  
 Gái « đêm » quên sóng khuynh thành,  
 Bên sông hát khúc Hậu-đình-hoa chơi !

(Tiểu thuyết thứ bảy số 44, ngày 28-1-1950)



## Vọng phu

Ánh đông tắt phía non Tây,  
 Nhắc nàng nhớ lại những ngày chia ly.  
 Buồm thuận cánh chèo đi... đi biệt !  
 Gió đông đưa than tiếc ngày yêu.  
 Ôm con nàng dựa bên lầu ;  
 Hoa rơi rầu rĩ, chim kêu lạnh lùng ?  
 Làn cỏ biếc sương đông phủ kín,  
 Hạt sương rơi như tiếng thở than...  
 Sương bay hòa lẫn lệ nàng,  
 Đêm đông nghe tiếng cây ngàn ní non.  
 Nàng sầu thảm ru con tha thiết,  
 . . . Bỗng gió bay chạm bức màn thưa.  
 Vui mừng nàng lắng tay chờ...  
 Nhưng trong giây lát hết ngờ nàng đau !  
 Nàng ôm con tựa đầu non biếc,  
 Thăm phương trời xa tí nàng trông ;  
 Buồm bay ẩn bóng sương hồng,  
 Sóng reo lúc ấy... đưa chèo nàng đi.  
 Nàng tính lại ngày ly thánng biệt :  
 Bày thu qua tan nát tâm hồn,  
 Trái tim thồn thức lệ tuôn,  
 Phương xa vẫn bóng sương buồn mờ che !  
 Cánh buồm trắng không về, đi mãi !  
 Dợn chân trời, nước dãi màu xanh.

Mơ màng nàng gọi : < Hỡi Anh ! >  
 Nhưng chim tha thiết trên cành lá tươi.  
 Gió ầm ầm nhắc người chinh phụ ;  
 Bầy thu qua đã hết êm vui.  
 Giật mình nàng ngắm chân trời,  
 Chua cay, nàng sẽ mỉm cười, lệ sa.  
 Bầy thu đi, trong nhà vắng tiếng,  
 Người thương yêu, nàng thiết gì vui ;  
 Ngày xuân rục rờ, than ôi !  
 Đáy lòng tan nát, nàng ngồi sừn non.  
 Mắt trông cõi... xác mòn hồn rữ,  
 Trái tim khô ộp ủ tình thương.  
 Bụi bay gió cuốn trên đường,  
 Hết ngày lại đến đêm trường thấy dấu.  
 Nước lặng lẽ soi màu ly biệt,  
 Lá ngàn xanh tha thiết lời ru,  
 Chim đưa hòa tiếng vọng phu,  
 Ngày qua, nàng vẫn non mù đứng trông.  
 Thời gian phủ nét mơ màng,  
 Đã in lệ thấm, thấy chông về đâu.  
 (Văn học tạp chí, số 4, 8.6-1935)



### Chim lặn ngàn xanh

Năm xưa ta bước bên ngàn,  
 Gặp cô gái núi dưới làn mây đông.  
 Hoa tươi đượm giọt sương hồng,  
 Chim muôn tiếng hát bên lòng < yêu đương >  
 Trái tim hòa điệu Nghệ-thường,  
 Bây giờ nàng đã trên đường rudi dong.  
 Hoa bay dưới ánh chiều đông,  
 Lá cây hiu hắt — lặng trông mây trời.  
 — Thiết tha ta gọi < Em ơi ! >  
 Song miền sơn dã vắng người yêu thương !

Lạnh lùng lá rụng bên đường,  
 Trả lời ta gọi, chim buông tiếng sầu ! !  
 Trời đông gió lạnh nhắc câu...  
 Ta đi hằn vết thương đau trong lòng.  
 Nhưng đường xa tít vô cùng . .  
 Ngàn xanh chim lẫn mịt mùng thấy đâu ?  
 Sương reo trên đám cỏ rầu,  
 Lau miề non nước, ngậm sầu phiêu linh ;  
 Mỗi khi ta thấy lá xanh  
 Cảnh hoa tươi rữ là tình đau thương.

(Văn học tạp chí  
 tập mới số 9, 13-7-1935)



### Hỡi linh hồn thi sĩ !

Người không được sống trong cảnh yên vui rục rờ tầm thường,  
 Linh hồn luôn luôn phải lưu ly trong ánh sáng sầu thương,  
 Gọi tằm lần mưa cay đắng.  
 Và bao nhiêu năm kiên tâm đưa gót trên đường đời,  
 Yêu người — trên con đường xa xăm lạnh vắng ấy — than ôi !  
 Chỉ có gió sương, mưa nắng !



Thi sĩ hỡi ! Nỗi đau xót qua rồi, mặc gió đưa tuôn.  
 Người hãy lặng yên mà giờ tay ngửa đón ánh sương buồn,  
 Không nên xót xa đau tủi  
 Giữ lòng vui nghị lực của tâm hồn bát ngát trẻ trung,  
 Tuổi thanh xuân, người sẽ thắm tươi và rục rờ vô cùng.  
 Người chớ mong ai an ủi.



Tấm tình yêu dấu của thi nhân, chân thật và nồng nàn.  
 Người hãy quyết đi ! Đem linh hồn dâng tặng hiến Ly-tao.

Nàng thơ nhân từ êm ái

Sẽ nâng niu người — khi quạnh hiu vắng vẻ bước trên đường  
 Sẽ ủi an — mỗi buổi sớm, chiều chim hót vắng trong sương  
 Gợi tấm lòng người tê tái.



Rời đây, trên con đường dài thăm thẳm gió mưa,  
 Dừng bước bên sông — người trông hoa thắm hững hờ  
 Trôi đi, trôi theo nước biếc.

Hay những ngày xa xăm gió đuổi bụi trên đường  
 Những đêm vắng vẻ vô cùng — Lá giận hồn sương  
 Ôi ! ngao ngán lời tha thiết !



Thi sĩ ơi ! Dẫn mình nơi xa vắng tiêu điều,  
 Người hãy cam tâm, đề tìm lý tưởng cao siêu.  
 Dẫu lòng người đang nức nở,  
 Hãy cất tiếng ca cho chuyền động khắp không gian  
 Tạo hóa sẽ phải nhường người vũ trụ ngang tàng.  
 Hỡi trái tim hay tiếc nhớ !



Khi đang viết — thấy tiếng chim trời ngát tiếng đưa ru...  
 Ta cầu xin, « người đi trong thế giới mịt mù,  
 « Gội ánh linh thiêng chói lọi.

« Tâm linh người một mai không héo hắt khô tàn. »

Cần gì « ai » đưa đến lời dằm thắm ủi an ?  
 Mặc đời kiêu — thi sĩ hỡi !

(Văn học tạp chí, tập mới số 8, 22-6-1935)



## Viếng mồ lữ khách (1)

Hoa tươi còn đượm lệ bình minh,  
 Tôi đặt cành hoa viếng mộ anh.  
 Trước gió hoa vời hiu hắt gọi  
 Bao nhiêu hoài cảm với u tình !

*Luôn luôn rời bước phiêu lưu, anh là một khách chinh phu ;  
 Trái bốn phương, tâm hồn anh đã lạnh lẽo với sương mù !  
 Tôi gặp anh buổi chiều đông, ánh lờ mờ trên sông núi  
 Nhuộm một màu chết tiêu ma trong lòng người, ngoài gió bụi.  
 Ngồi bên anh, tôi nghe anh làm bầm những tiếng cuối cùng ;  
 Tôi thương anh, vì tôi cũng đi tìm những cảnh mêh mông,  
 Tôi cũng muốn sống một cuộc đời phiêu linh như mây gió,  
 Để nghe tiếng khóc thì thầm của những cõi lòng đau khổ.*

*.....  
 Kia khóm tre ngàn xanh ngắt, anh ơi, sương rụng gió rung,  
 Lặng đứng trước mồ anh, nhớ anh tôi cảm động vô cùng ?  
 Hỡi Vong-hồn Lữ-khách, nào đâu buổi chiều xưa rục rờ,  
 Anh ngồi xem say sưa ngọn gió vờn bông hoa hớn hờ ?  
 Ánh nắng xanh rờn thồn thức trên tảng đá, trên rêu xanh  
 Đã chết, đã hai lần chết, trên nấm cỏ phủ mồ anh ?*

*.....  
 Tôi đến đây, Lữ-khách ơi, lòng quạnh hiu như bóng xế,  
 Tôi sẽ còn đến đây với những cành hoa đượm lệ,  
 Để tôi nghe khóc hồn anh lâm ly suốt chảy bên đời,  
 Để tôi nghe khóc hồn anh những giọt lệ suốt lòng tôi... ?*

( Văn học tạp chí, số 13 - ngày 10-8-1935 )



1) Dưới đây là thể thơ 12 chân của Mộng-Son trong Tao-dán Bạch Nga

---

## MỘNG - HUYỀN

---

**M**ỘNG-HUYỀN là bút hiệu, tên thật là *Nguy Như Ban-mê-thuật* vì sinh ở *Ban-mê-thuật*, cũng như anh là *thạc sĩ Nguy Như Kontum* vì sinh ở *Kontum*, nên các bạn bè thường gọi là *Nguy Như Kontum-Em* (cả hai đều là con của ông *Nguy Như Bích, Thư-ký Bru-điện hồi hưu*).

*Mộng-Huyền* sinh năm 1919 tại *Huế (Trung-phần)*, tốt nghiệp *Cao-dẳng Tiều-học*, làm thư ký *ngạch Tòa Sứ Trung-kỳ*. Ông có làm việc ở *Tòa Sứ Sông Cầu*.

Đã từng đăng thơ trên các báo *Tràng-an, Sông Hương*.

Thi phẩm gồm trong tập thơ *Rung động, chưa xuất bản*. (1)



---

1) Về tài liệu *Mộng-Huyền*, chúng tôi có gửi thư hỏi thân mẫu và bà chị của thi sĩ hiện nay (1968) ở tại 181 đường *Bạch-Đẳng Huế*, nhưng cả hai đều không biết gì về văn thơ của con và em mình.

Chúng tôi mong mỗi quý vị bạn đọc nào có tài liệu về *Mộng-Huyền*, xin gửi về 30 Phạm ngũ Lão Sài-gòn để kỹ sách tái bản sẽ được đầy đủ hơn. Chân thành cảm tạ trước.



*Sợ làm kinh động sầu xưa cũ  
 Ân nấp mình trong bụi cỏ vàng.*

**D**ẤY là lời tự nhủ của Mộng-Huyền khi thi nhân quay gót về thăm mảnh vườn xưa, nơi ấy, một ngôi nhà với cây lá xum xuê, chồi lộc non mơn đằm mạnh khỏi thân cây mẹ, nơi ấy một tình yêu chớm nở với thi nhân, những ngày vàng vấy bọc đời son trẻ, tim lòng khắc ghi nhiều kỷ niệm âm êm.

Nhưng than ôi ! Tình đã tắt lịm một chiều xưa. Người con gái vội lìa đời hoa mộng ; sự ra đi của nàng như nhát dao rạch vào lòng trống lạnh của thi nhân một vết thương tình.

Chính hôm nay, đặt bước lại vườn cũ, thi nhân đã phải nén tim tình cho khỏi bật thành tiếng lòng thồn thức.

Mới chỉ mấy xuân mà :

*Rào xiêu, hoa héo, cây gầy.*

Nhà đã vắng, vườn hoang, cảnh vật xác xơ, tiêu điều như không kham với sự phôi pha của ngày tháng. Thế mà còn một hình bóng yêu đương ngày nào âm thầm trở lại chốn cũ, nhớ lại người xưa :

*Hình em còn ở hờn tôi,  
 Sầu em lần quất bời hời đâu đây...*

Như vậy cũng đủ tỏ một tấm tình son sắt có thể làm mất nguyện tình người đã khuất.

(10 - 1968)

## *Thi tuyên*

### Vườn hoang

Hôm nay trở lại vườn xưa,  
 Nén tim rộn rã ngỡ ngàng nhớ thương.  
 Cỏ lan mặt đất bên đường,  
 Cành cây nghiêng gửi mùi hương bay rồi.  
 Hình em còn ở hỡi tôi,  
 Sầu em lần quất bởi hồi dâu dây...  
 Rào xiêu, hoa héo, cây gãy,  
 Em từ trần vội một ngày năm xưa.  
 Vườn hoang, nhà vắng, cây thưa,  
 Lòng tôi sầu tủi đã vừa mấy xuân !  
 Ngày kia tôi sẽ từ trần,  
 Vườn hoang liêu lại mấy lần hoang liêu...

(Rung động)





---

## HÀN-MẶC-TỬ

---

**H**ÀN-MẶC-TỬ (I) là bút hiệu, tên thật là Nguyễn Trọng Trí, (tên thánh là Pierre François), sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 tại Lệ-mỹ (Đồng-hới — Trung phần), con của ông Nguyễn Văn Toán và bà Nguyễn thị Duy. Tờ tiên họ Phạm ; ông cố là Phạm Nhưong ; ông nội là Phạm Bồi, vì liên can quốc sự nên trốn vào Thừa thiên và đổi ra họ Nguyễn. Anh Nguyễn Trọng Trí là Nguyễn bá Nhân, hai chị là Như-Nghĩa, Như-Lễ và hai em là Nguyễn bá Tín, Nguyễn bá Hiếu.

Nguyễn Trọng Trí bắt đầu đến trường tại Quảng-ngãi. Sau khi cha chết, bà mẹ dờn nhà về ở với anh chị tại Qui-nhơn. Ở đây, Trí bắt chước anh làm thơ Đường luật lúc 15 tuổi, lấy biệt hiệu Minh-Duyệt-Thị.

Muốn tránh cho con khỏi ngấm vịnh đê lo học hành, bà mẹ mới gởi Trí ra Huế, học tại trường Nhà Dòng Pellerin. Có thể chăng, nơi đây đã là nguyên nhân gây ra cuộc tàn phá hình hài nhà thơ sau này ? Ta hãy nghe ông Trần thanh Mại nói :

---

1) Tài liệu tiểu sử chúng tôi dựa cứ vào quyển: Thân thế và thi văn Hàn-Mặc-Tử của Trần thanh Mại và bài của ông Quách Tấn đăng trên tạp chí « Văn » đặc biệt số 73-74 ngày 7-1-1967.

« . . . Nhưng than ôi ! bà sương phụ hiền lành ấy đã tính sai mất rồi ! Bà cũng đã có cái khôn của người mẹ ông Mạnh Kha đấy, nhưng bà lại rui ro hơn. Vì thử bà Mạnh-mẫu có cái mỹ ý tránh cho con những sự bất chước xấu xa để tiện, đã muốn « trạch lân xử » cho ông Mạnh Tử, mà lại vô tình lựa phải chỗ chợ búa cướp bóc mà ở, thì còn biết nói làm sao ?

« . . . Công việc đầu tiên của Nguyễn trọng Trí khi đến chỗ phồn hoa đô hội, một chợ người hỗn độn ở trọ ở ngay giữa những nước non cực kỳ thanh tú, là đổi cái biệt hiệu của mình cho hợp chỗ đất hơn. Từ nay, chàng tự gọi mình là Phong Trần. »

*Trí cũng lại làm thơ và đăng trên các báo Phụ nữ tân văn, Saigon, và các phụ trương văn chương của những nhật báo.*

*Lúc bấy giờ nền kinh tế Đông-dương bị khủng hoảng ; phần đông thanh niên tân học hy vọng sẽ ra làm việc nhà nước, đều chán nản. Riêng Huế, đã nảy ra phong trào vào Sài-gòn làm báo. Trí cũng bỏ học, về nhà. Lúc bấy giờ, Trí đổi bút hiệu Lê-Thanh (do chữ đầu của sinh quán « Lê-mỹ » và chính quán « Thanh-tân » ghép lại) và chiếm giải nhất cuộc thi do một thi xã tổ chức. Bút hiệu Lê-Thanh được nổi tiếng từ đây.*

*Khoảng 1934-1935, Trí được báo Saigon mời giữ mục văn chương ; sau đấy Trí chủ trương mục Công-luận văn chương và viết giúp các báo Trong khuôn phòng, Tân thời.*

*Có người nói bút hiệu Lê-Thanh nghe nó « yều điệu thực nữ » quá. Trí lại đổi bút hiệu lần nữa ., Hàn-Mạc-Tử. Hàn-Mạc là « rèm lạnh ». Trong một cuộc viếng thăm nhà thơ Quách Tấn, Trí bị Quách Tấn trêu :*

« Kề cũng ngộ thật ! Tránh kiếp phong trần, lại đi làm khách hồng nhan. Sự kiếp hồng nhan đa truân, lại đi làm kiếp rèm lạnh. Tránh lờ chui vào lưới. Sao mà lẩn thần quá thế ?

Từ đâm khùng :

— Anh này thật đa sự ! Không biết đặt « cái dếch » gì cho vừa lòng anh ?

Tôi cười :

— Đã có rèm thì thêm bóng nguyệt vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng ?

Từ hội ý, cầm bút vạch thêm « vành trăng non » trên đầu chữ A của chữ Mặc, thành ra hiệu « Hàn-Mặc-Tử ».

Chỉ thêm một dấu « 丿 » mà đổi hẳn ý nghĩa cả khóm chữ.

Chữ « Hàn » trước kia nghĩa là « lạnh », nhưng đi kèm với chữ « Mặc » là « mực » thì thành chữ « Hàn » là « bút ».

Hàn-Mặc-Tử là anh chàng bút mực (có nghĩa là khách văn chương). (*Lời thi sĩ Quách Tấn*).

Và từ đây, Trí giữ bút hiệu « Hàn-Mặc-Tử » cho đến chết.

Trước khi sang địa hạt thơ mới, Trí đã góp thơ Đường luật thành một tập cho mang tên Lê-Thanh thi tập, gồm những bài được cụ Phan Sào-Nam khen tặng như Chùa hoang, Gái ở chùa, Thức khuya.

Năm 1932, bài Tình già của Phan Khôi mở màn cho phong trào thơ mới, nhiều thi sĩ đã thành công trong lãnh vực này.

1936. Hàn-Mặc-Tử cho xuất bản tập thơ đầu tiên Gái quê (lúc đầu định đề tặng Hoàng-Cúc nhưng sau có điều bất tiện lại thôi), đánh dấu sự chuyển hướng của nhà thơ Đường luật Hàn-Mặc-Tử.

Trần thanh Mai nói :

« . . . Gái quê của Hàn-Mặc-Tử như khoảng vườn trùm trong một bầu sương lam nhạt, chứa một nhạc điệu mơ màng mà lối ngũ ngôn cổ phong còn lưu chưa dứt khoát . . . Sự rung cảm ở Gái quê là một thứ rung cảm dịu dàng, chất phác của một tâm hồn chưa muốn thoát khỏi lũy tre xanh và hình ảnh của một cô gái quê hiền lành . . . Bao nhiêu hình ảnh trong Gái quê đều là những hình ảnh mơ mộng, êm ái như những sợi tơ trời về mùa thu bay lửng bồng giữa đồng không bát ngát, và người con trai trong tập thơ làm những cử chỉ tưởng tượng nhiều hơn thiết thực, những cử chỉ tình thật chưa từng làm và không bao giờ làm. Có người con trai nào lớn lên mà không qua một thời kỳ lãng mạn ? Có cái văn chương nào phát triển mà khỏi cái thời đại huyền ảo ấy ? »

Cuối năm 1936, Hàn-Mặc-Tử đi chơi Huế, Đà-lạt, Nha-trang và Phan-thiết, rồi định vào Sài-gòn tiếp tục chủ trương tờ báo văn chương, bỗng tự mình cảm thấy dấu hiệu chứng bệnh ghê gớm. Người nhà cho rằng Trí bị nhiễm bệnh thổ còn làm Sở Đạc-diền Qui-nhơn, phải đi qua những bãi tha ma trong lúc mưa dông. Khi biết mình mắc bệnh phung, Hàn-Mặc-Tử bỏ nhà đi thuê một chòi tranh ở Gò-bởi cách Qui-nhơn 15 cây số và bắt đầu tuyệt giao với bạn bè.

Đến đây là thời kỳ biến chuyển của một hồn thơ bị dày vò đau đớn bởi cơn bệnh. Ta hãy nghe Tử nói nỗi đau thương :

« Mỗi lần tôi làm được một bài thơ, là héo hắt đi một ít ở tâm hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi. Khi nào tôi òa lên khóc, hay gào thét như người điên, lúc bấy giờ tôi mới làm thơ được. »

Cuối năm 1937, Hàn-Mặc-Tử gom góp ngót 50 bài thơ làm trên giường bệnh mà Trí gọi là Thơ Điền (gồm ba tập ; Hương thơm, Mặt đấng, Máu cuồng và hồn điên) cho nó mang nhan đề Đau thương để tặng mẫu thân đã « đau thương » vì thấy nỗi « đau thương » của con. Đau thương dành hơn một nửa nói về trăng, hơn một nửa phần ba kia nói về hồn, còn một số ít về đề tài khác.

Những tập thơ tiếp nối là Xuân như ý (góp xong 1939), Thương thanh khí (góp xong 1940) cũng nói về trăng và hồn.

Trần thanh Mai giới thiệu :

« Xuân như ý là tập thơ ca tụng cái xuân thơm tho tốt đẹp của trời đất, không phải là cái xuân tầm thường chán nản của hầu hết các thi nhân Đông-phương xưa nay, mà là cái xuân màu nhiệm, phương phi, như chưa bao giờ ai từng thưởng thức . . . »

Một nửa phần Xuân như ý và hầu hết Thương thanh khí đều làm bằng một lối thơ bí hiểm khó mà suy nghiệm cho ra nghĩa. Thổ sinh thời Hàn-Mặc-Tử, đã có người nêu lên cái vấn đề không hiểu thơ ấy và mượn chính tác giả cắt nghĩa giùm, Hàn-Mặc-Tử trả lời : « Giải nghĩa văn thơ, thật là một vấn đề to lớn và phức tạp quá, và cứ theo như

lời thơ tôi làm đó, thì phải giảng giải đến bao nhiêu trang giấy mà rốt cuộc chưa chắc người ta đã hiểu được tí gì ! Nói như anh, thấy một cành hoa mà mượn tượng ra một mùi hương, thấy một làn trắng tinh mà hình dung được cái gì thanh sạch ở thế giới khác, thế là đầy đủ rồi. Vì tất cả thi vị là ở đấy . . . Và như thế, sự cắt nghĩa đối với thơ là vô ích. Người ta cảm biết một cách tự nhiên. »

*Phê bình lời Hàn-Mặc-Tử nói trên, Trần thanh Mai viết :*  
« Có một sự sai lầm to tát trong quan niệm làm thơ như trên.

Mặc dầu một tư tưởng có cao siêu đến đâu, nó đã ở trong một óc người mà ra, tất phải có một cái gì liên lạc đến người, ít ra cũng phải nằm trong phạm vi lĩnh hội của người thì tư tưởng ấy mới là chân chính, có giá trị. »

*Mùa hạ 1938, chứng bệnh ngày càng bạo phát, gia cảnh thêm sa sút, sau bảy lần do dự, Hàn-Mặc-Tử quyết định vào Bộ-thí-viện (Trại hải) Qui-hòa (Qui-nhơn) để tránh cho gia đình gánh nặng.*

*Với một giọng buồn, Hàn-Mặc-Tử nói với Quách Tấn :*

« Tôi có lời nguyện rằng vào Qui-hòa, nếu Chúa ban phước cho tôi lành mạnh, tôi sẽ đốt tập Thơ Điền. »

Cũng nên nhớ, trong đời Hàn-Mặc-Tử có ba người đàn bà đã đi qua. Đó là Mộng-Cầm, Mai-Đình và Thương Thương. Họ gieo ảnh hưởng sâu đậm trong thi thơ họ Hàn. Họ là nguồn thơ phong phú của Hàn-Mặc-Tử. Tình đậm đà, tha thiết hơn, ta phải kể là Thương Thương, vì « nàng tiên » này xuất hiện trong năm cuối cùng của Hàn-Mặc-Tử (1940) đang lúc cơn bệnh tung hoành tàn bạo trên thể xác họ Hàn. Hàn-Mặc-Tử tập trung tình thương yêu để xoa dịu tâm hồn. Có lần Tử định góp thành tập thơ cho mang tên Thương Thương, nhưng vì một câu chuyện lời thổi nhỏ, sau phải đổi là Cầm châu duyên.

Ngoài ra, còn phải kể một giai nhân đã trước tiên thoáng nhẹ qua đời Hàn-Mặc-Tử là Hoàng-Cúc (ở phố Khai-định Qui-nhơn) đã ảnh hưởng trong những sáng tác phẩm : Vành hoa cúc, Trồng hoa cúc, Đầy thôn Vỹ-dạ, Phan-thiết ! Phan-thiết ! v. v.. Hoàng-Cúc đã song hành với Mộng-Cầm chiếu vào đời tình ái của Hàn-Mặc-Tử.



Lại còn một bóng hồng nữa là Lê thị Ngọc-Sương, chị ruột của thi sĩ Bích-Khê ; nhưng ái tình này chỉ gọn lên như một đợt « sương » mỏng và song hành với tình của Mai-Đình (xin xem bài của Quách Tấn trong tạp chí Văn số 73 — 74 trang 105-106).

Sáng tác phẩm Hàn-Mặc-Tử, ta còn phải kể thêm hai kịch thơ : một là Duyên kỳ ngộ, hai là Quần tiên hội (xin xem phần trích tuyên, Trần thanh Mai nói qua về hai kịch bản này).

1940 là năm cuối cùng đời Hàn-Mặc-Tử, định mệnh tàn bạo đã giẫm nát hình hài nhà thơ vẫn số (28 tuổi). Diễn lại hình ảnh đau thương ấy, Trần thanh Mai viết :

« Lúc bấy giờ, trông thân thể nhà thi sĩ thật là thảm thê. Tuy mặt mày chàng không bị chứng bệnh tàn phá đến nỗi nhàu nát hay hóa nên quái gở, nhưng da thịt bám tím lên hết thảy, « hai mắt nằm lọt vào hai lỗ hũm sâu hoắm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ có da bọc xương, chân tay thì co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối trết lại từng vè, trong ấy nhô nhúc những chỉ là chỉ ! » (Thư của ông Nguyễn văn Xê, đề tại Qui-hòa ngày 25-3-1941).

Rồi trưa ngày 11 tháng 11 năm 1940, Hàn-Mặc-Tử đi vào cõi chết trong bàn tay nâng đỡ linh hồn của các Thánh.

*Một ánh sao băng ! Một cánh cửa thiên tài đã khép !*

Năm 1944, ông Trọng-Miễn chọn một số thơ của Tử cho xuất bản thành sách nhan đề Thơ Hàn-Mặc-Tử, (gồm những thi bản rút trong các tập Thơ Đường-luật, Gái quê, Đau thương, Xuân như ý) và sau này cho tái bản do nhà Tân Việt Sài-gòn ấn hành năm 1959.



**T**RƯỚC đây hai mươi bảy năm (1941 — 1968), trong quyền *Thi nhân Việt-nam*, Hoài-Thanh — Hoài-Chân đã ghi cảm nghĩ của mình đối với Hàn-Mặc-Tử :

«...Không có bao giờ tôi thấy cái việc phê bình thơ tàn ác như lúc này. Tôi nghĩ đến người đã sống trong một túp lều tranh phải lấy bì thư và giấy nhật trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến người không sao nuốt được vì ăn khổ quá. Cảnh cơ hàn ấy và chứng bệnh kinh khủng đã bắt người chịu bao nhiêu phủ phàng, bao nhiêu ruộng rẫy. Sau cùng người bị vứt hẳn ra ngoài cuộc đời, bị giữ riêng một nơi, xa hết thấy mọi người thân thích. Tôi nghĩ đến bao nhiêu năm người bó tay nhìn cả thế phách lẫn linh hồn cùng tan rã. . . . Một người đau khổ nhường ấy lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ mất rồi ta xúm lại kẻ chê người khen. Chê hay khen tôi đều thấy có gì bất nhẫn.»

Đó chính là một lời thú tội, một sự ăn năn hối hận. Nhưng kẻ có tội là ai ? Là Hoài-Thanh — Hoài-Chân ? Là lớp người đương thời của thi nhân ?

Không ! Nhì rộng hơn, chúng ta thấy kẻ có tội là nhân thế, nạn nhân không phải chỉ một Hàn-Mặc-Tử mà còn có những tâm hồn, nhiều thiên tài bị ruộng rẫy, hát huì trong niềm chua xót, khổ đau, để rồi họ trở thành những kẻ vô danh, chết như cỏ cây mục rã.

Cho nên khi chúng ta hối tiếc vì đã bỏ rơi một thiên tài trong buồn tủi, chúng ta lại được an ủi phần nào đối với Hàn-Mặc-Tử khi thấy tên tuổi và tình cảm của thi nhân bừng sáng trong lòng thế hệ.

Thơ Hàn-Mặc-Tử đã được nhiều nhà phê bình và ca tụng. Dĩ nhiên sự phê phán ấy có những khác biệt trên nhiều khía cạnh của mỗi quan điểm.

Có kẻ chiêm ngưỡng thơ Hàn-Mặc-Tử như một tâm hồn cảm xúc, đầy âm nhạc và màu sắc. Có kẻ mượn tâm phân học mò xè thơ Hàn-Mặc-Tử bằng kết tinh của nhân vật bệnh

hoạn. Có kẻ ca tụng thơ Hàn-Mặc-Tử như một sức sống chân thật và mãnh liệt của cuộc đời.

Mọi phê phán ấy đều không sai. Nhưng không phải là đúng hẳn. Bởi khi nhìn vào thi nhân, chúng ta không thể nhìn riêng ở một khía cạnh mà phải nhìn vào tổng quát. Thi nhân biểu hiện một cuộc đời, thi phẩm cũng biểu hiện một cuộc đời. Cuộc đời thi nhân có liên hệ đến cuộc đời của thi phẩm như bóng với hình, không thể tách rời, hoặc cắt đứt ra từng mảnh được.

Trong đặc san *Đại học sư phạm* tập 2 (1961 — 1962), ông Lê Tuyên phủ nhận hai quan niệm nhận xét thơ Hàn-Mặc-Tử, ông cho rằng kẻ nào nhận định thơ Hàn-Mặc-Tử qua tính chất giai thoại là không đúng, cũng như kẻ nào mở rộng vườn thơ của Hàn-Mặc-Tử trong muôn vạn ý sáng tạo đến rợp cả tâm trí cũng không đúng nữa.

Ông nói :

« ... Cái nhìn về hai thái cực ấy của thi ca Hàn-Mặc-Tử chính là những cái nhìn cực đoan, vì đời nghệ không có một trạng thái tạm hòa nào thể hiện thành thơ mà chỉ là giai thoại, cũng không có vườn thơ nào có thể bay bổng đến vô biên, dù cho nhà thơ có muốn. »

Nói như thế, ông Lê Tuyên đã đưa thi phẩm vào cuộc đời thực tại, và gắn liền cuộc đời thi phẩm với đời thi nhân thành một. Theo ông, thơ Hàn-Mặc-Tử biểu hiện một sức sống mãnh liệt, sức sống của con người với ý thức lịch sử của nó.

Ông Huỳnh phan Anh trong tạp san *Văn* số 73 — 74 ra ngày 7-1-1967, sau khi biện luận một số cảm nghĩ về tác dụng phê bình đối với thi thơ, ông nhận xét về Hàn-Mặc-Tử :

« *Thơ Hàn-Mặc-Tử ? Tại sao không nhìn nó như một kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân phận, trong sử tính đích thực của nó ! Thi sĩ đã nói về công việc làm thơ của mình, là « nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng », đã nói tới những « âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồn rền vang dưới ngời*

bút ». Thơ là sự mời gọi tham dự vào chính những cảm xúc, những trạng thái tâm thần, những tình tự, kinh nghiệm của chính người thơ. Thơ trở thành kinh nghiệm tập thể, một kinh nghiệm khởi từ cá nhân để tan vào đám đông được mời tham dự. Kinh nghiệm thơ, từng tiếng, từng hình ảnh. Đọc thơ, chu giải thơ là tìm tới kinh nghiệm nền tảng của thi sĩ. »

Như thế, theo ông Huỳnh phan Anh, thi phạm cũng chỉ là một cuộc đời của tình cảm núp sau cuộc sống hiện hữu.

Tuy nhiên, nếu chỉ lấy cuộc sống hiện hữu làm yếu tố kết tinh cho tình cảm thì thơ thì cũng chưa đủ. Thân phận con người phải gắn liền với cái gì khác biệt mới tạo ra được những xuất sắc. « Cái gì » đó, chúng tôi muốn nói đến thiên tài. Cuộc sống con người chỉ là một mảnh đất, mà thiên tài là hạt giống gieo vào đó để nảy nở những mầm hoa. Hai yếu tố ấy thiếu một sẽ không thành tựu.

Cũng trong tập san Văn nơi trên, ông Nguyễn xuân Hoàng đem thân phận thi nhân đánh giá thiên tài. Ông viết :

« Phải chăng vì biết rằng những buổi chiều « chìm chìm nđi nđi » đang đánh mất dần những buổi sáng rực rỡ âm âm của đời mình ; phải chăng vì biết rằng hồ thắm đã gần, vực sâu đã cận, tuyệt vọng đã rõ mà sự chết bỗng trở thành môi ám ảnh thường trực và bền chặt trong thơ Hàn Mặc-Tử ? . . . »

Trong những lời than vãn của tuyệt vọng đó, người ta tưởng chừng như nghe âm vang từ một phương trời xa nào những tiếng cười rạn rờ và đau xót, tiếng nói thầm thì buồn thảm không phải như một trời trán mà chính là thứ ngôn ngữ của một ý thức sáng suốt, lời vọng âm của một tâm hồn khắc khoải. . . . »

Thiên tài này nằm trong mạch sống, và đưa mạch sống đến chỗ mãnh liệt nhất của tình cảm con người. Chúng ta không thể phủ nhận lời phê bình trên cũng như không thể tách rời thiên tài với cuộc sống.

Trong bài tựa ở một tập thơ, Hàn-Mặc-Tử đã nói với chúng ta :

« Tôi làm thơ ? Nghĩa là tôi yếu đuối quá ! Tôi bị cảm đó. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, mai tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật.

Và nghĩa là tôi đã mất trí, tôi phát điên. Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi?» (Tựa tập *Thơ Hàn-Mặc-Từ*)

Thi nhân đã thừa nhận thực tại, thừa nhận nỗi niềm thành thật của con người muốn sống những nhịp sống chân thành, thừa nhận thiên tại của thi nhân này nở trong nguồn sống.

Tình cảm là sức phản ứng của con người đối với thực tế. Khi tình cảm vươn lên đến độ mãnh liệt tức là nguồn sống con người đã chìm sâu vào lãnh vực đen tối vô biên.

Hàn-Mặc-Từ nói :

« Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của Tình-yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống. (Tựa *Thơ Hàn-Mặc-Từ*).

Đó cũng là sức phản ứng của tình cảm con người. Cảm giác vươn lên tìm ý sống tức là cảm giác đang bị thúc ép vào cõi chết. Nếu không mất mát, chẳng ai đề ý đến việc tìm kiếm ; nếu chẳng khổ đau, không ai mơ ước đến điều sung sướng ; nếu không có cái chết, không ai đi tìm lẽ sống mà làm gì.

Hàn-Mặc-Từ đã đem cả tim, phổi, máu, lệ, hồn. . . đi tìm sức sống, một sức sống mãnh liệt, chân thật của tâm hồn thì cũng có nghĩa là Hàn-Mặc-Từ đang đứng trước một cái chết tàn khốc, mãnh liệt của đời mình.

Cái gì đã đánh Hàn-Mặc-Từ đau quá đến nỗi thi nhân bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú. . . ? Phải chăng đó là sự mất mát ?

Cái mất mát của Hàn-Mặc-Từ chỉ biểu hiện ở phần hai của cuộc đời. Nói cách khác, Hàn-Mặc-Từ chỉ đi tìm lẽ sống trong giai đoạn thi nhân biết mình bị cái chết đe dọa. Những tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... của thi nhân cũng chỉ bật lên ở giai đoạn ấy, và cuộc sống tình cảm của thi nhân cũng chỉ mãnh liệt nhất với giai đoạn ấy.

Hàn-Mặc-Từ nói trong bài tựa *Thơ Điên* :

« Vườn thơ tôi rộng rinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh. . . »

Thật vậy, càng theo tác giả vào sâu cuộc đời, chúng ta càng xa lạ với tình cảm của thế giới thực tại. Những máu, nước mắt trộn với tiếng gào thét, rên than làm cho những hình ảnh bình thường trước mắt chúng ta biến thành một trạng thái dị ảo. Chúng ta ớn lạnh. . . và nhìn tác giả với đôi mắt phi thường. Tác giả đã dẫn chúng ta đến một thế giới tượng trưng. Ánh sáng, màu sắc, tình cảm không còn của thiên nhiên mà đã trở thành của cảm giác, của ảo tưởng.

Chưa hết, tác giả còn dẫn chúng ta đến một thế giới huyền bí màu nhiệm, mung lung mà tác giả dùng làm nơi giải thoát tâm hồn.

Bởi vậy, nếu hình dung tình cảm con người là một cuộc đời, chúng ta sẽ thấy cuộc đời tình cảm ấy cũng diễn biến qua nhiều trạng thái chẳng khác những bước thăng trầm của đời sống con người.

Với nhận xét trên, chúng tôi tạm chia cuộc đời tình cảm của thi nhân làm ba thời kỳ : thời kỳ bình thản, thời kỳ dao động và thời kỳ xoa dịu. Ba thời kỳ ấy đã gắn bó qua tác phẩm từ *Gái quê* đến *Hương thơm*, *Mặt trăng*, *Máu cuồng* và *Hồn điên* để rồi giải thoát với *Xuân như ý*

### 1. Thời kỳ bình thản :

Chúng ta hãy đến với Hàn-Mặc-Tử ở thuở ban đầu.

Không phải bước chân vào đời thi nhân liền bật lên tiếng gào, tiếng rú. . . Hàn-Mặc-Tử vốn con người chịu ảnh hưởng nho phong đi tìm cái đẹp trong trầm lặng, qui phái. Những bài thơ Đường mở màn cho sự nghiệp của thi nhân hẳn đã chứng minh điều đó.

Đành rằng tâm trạng thi nhân có ít nhiều mới mẻ, nhưng cái mới mẻ ấy bắt nguồn trong khuôn phép cổ điển Á-đông.

Mùa thu không đến với thi nhân một cách hỗn độn mà đến với sự âm thầm kín đáo :



## Buồn thu

Áp úng không ra được nửa lời  
 Tình thu bi thiết lắm thu ơi !  
 Vội vàng cánh nhạn bay đi trớt,  
 Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi. . .  
 Nắm gắng đã không thành mộng được,  
 Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.  
 Ngàn trùng bóng liễu trong xanh ngắt,  
 Cảnh sắp về đông mắt lệ rơi.

(Thơ Hàn-Mặc-Tử)

Một chút buồn man mác thoáng qua hơi thu về lên tâm trạng con người trầm lặng yêu đời không có gì ray rết.

Chính Hàn-Mặc-Tử cũng đã tự mình nói lên cái quan niệm nghệ thuật khi tiếp xúc với hồn thơ tân kỳ của Xuân-Diệu. Ông nói :

« Vẫn biết nghệ thuật chuộng ở sự tiến bộ, ở sự hoàn toàn từ tinh thần đến hình thức của một bài thơ. Song le, ta không nên quên rằng thơ ta là thơ quốc âm, ta phải giữ cái tinh thần Việt-nam của ta. Hơn nữa, cái tinh thần Đông-phương mà sự rung cảm tâm hồn người ta là nhờ ở cái đẹp kín đáo, cái tình sâu sắc, cái buồn thâm thía. . . vì thế, cho nên những sáo ngữ : trắng, hoa, tuyết, gió, hay là những danh từ đầy đũa trong khi hành văn (những danh từ rất thường dùng) đều là những luận đề bất tử cả. Mất những danh từ ấy, những sáo ngữ ấy, nghĩa là mất hết tinh thần Đông-phương rồi, mất cái diện lực, cái gân chuyễn tình cảm vào người. »

Với lời phê bình trên của Hàn-Mặc-Tử đối với thơ Xuân-Diệu chứng tỏ tâm trạng Hàn-Mặc-Tử lúc bấy giờ còn ở trong thời kỳ bình thản, chưa bị cuộc sống bi đát làm dao động. Tâm trạng ấy, Hàn-Mặc-Tử đã phô bày trong *Gái quê*.

Sự rung cảm ở *Gái quê* là một thứ rung cảm dịu dàng, chất phác của một tâm hồn chưa bị mất mát :

Trước sân anh thơ thẩn,  
 Dăm dăm trông nhận về ;  
 Mây chiều con phiêu bạt  
 Lang thang trên đời quê ;  
 Gió chiều quên ngừng lại,  
 Dòng nước luôn trôi đi...  
 Ngàn lau không tiếng nói  
 Lòng anh dường dè mê.

(Tình quê)

Đọc những dòng thơ ấy, người ta có cái cảm giác sống một cuộc đời xa xưa, không chút phiền toái.

Cùng một cảm nghĩ, trước đây Hoài-Thanh đã viết :

« Trời đất còn mệnh mỏng hơn bầy giờ, mà mỗi lần người ta đi xa về là hàng xóm leo tường xem mặt và dốt được nói chuyện thâu đêm... »

Tuy nhiên, dù trong trạng thái bình thường, ở Hàn-Mặc Tử cũng đã biểu lộ những đường nét đặc biệt của thiên tài :

### Bẽn lẽn

Trăng nằm sóng soài trên cành liễu,  
 Đợi gió đông về để lả lơi.  
 Hoa lá ngây tình không muốn động  
 Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi !

Trong khóm vi lau rào rạt mãi...  
 Tiếng lòng ai nói sao im đi ?  
 Ó kia, bóng nguyệt trần truồng tắm.  
 Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe...

Vô tình để gió hôn lên má  
 Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm.  
 Em sợ lang quân em biết được.  
 Nghi ngờ tới cái tiết trinh em.

Thật im ả, dịu dàng, không gợi chút gì rên rỉ, đau thương, nhưng ý thơ phi thường khiến người ta phải kinh dị về tài năng.



Khi con người đang sống thì không muốn nói đến cái sống và cũng chẳng đề ý đến cái sống. Lúc này chính là lúc Hàn-Mặc-Tử đang sống với nghĩa sống hoàn toàn cả tâm hồn lẫn thể xác. Sự sống nhịp nhàng với vũ trụ thì tâm hồn chẳng có gì phản ứng, nên thơ của Hàn-Mặc-Tử chỉ gọi lên những nét nhung tơ, những hình ảnh yêu đời, không khác khoáng, không bằng khuâng. Dù tình cảm có rung động, có chín mùi, thì nhân cũng chỉ phụ họa theo nhịp sống :

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan.  
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.  
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,  
Trên thềm thiên lý — Bóng xuân sang.  
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.  
Bao cô thôn nữ hát trên đồi ;  
— Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,  
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.*

(Mùa xuân chín)

Những rung động trên đây là những rung động hưởng thụ. Nguồn sống đang tràn ngập trong tâm hồn thì nhân thì mọi vật như đang nở đóa, vươn lên trong ý sống.

Một chàng thiếu niên, lồng ngực căng phồng sinh khí, bầu máu nóng chảy rần rật trong huyết quản thì tâm trạng và tình cảm không giống một ông già, một kẻ bệnh tật.

Nhưng con người bao giờ cũng bắt đầu từ chỗ hưởng thụ đi đến chỗ mất mát, mà cái mất mát của Hàn-Mặc-Tử là cái mất mát đột ngột và khủng khiếp. Chính sự đột ngột và khủng khiếp ấy là yếu tố căn bản đã gieo vào tình cảm thi nhân một sức phản ứng mãnh liệt — mãnh liệt đến nỗi thi nhân phải gào lên, bật ra những tiếng rú. . .

Đến đây đời thơ của Hàn-Mặc-Tử đã bước vào thời kỳ dao động.

## 2. Thời kỳ dao động :

Bắt nguồn từ *Đau thương*, tình cảm trong thơ Hàn-Mặc-Tử đổi sang một thế giới khác — thế giới của người sắp chết đang thêm thường sự sống.

Cùng nhận định thế, ông Huỳnh phan Anh trong Văn số 73 — 74 viết :

« Có lẽ không phải tình cờ mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nhan đề Đau thương. Nếu cần người ta chỉ có thể tóm thâu thơ Hàn-Mặc-Tử về một ý niệm tương tự, một ý niệm nền tảng. Thơ về nền dung nhan hư hoại của kiếp người. Thơ dào sâu kinh nghiệm thiếu sót, tình cảm bại vong trong hành trình bất ngát của thân phận con người. Hiện tại, ngay cả hiện tại cũng không còn, ngay cả hiện tại cũng không có. Bởi không một niềm vui, một hạnh phúc nào bình yên, vĩnh cửu. Nó già cỗi tự bao giờ, đã vượt khỏi tầm tay, đã rơi vào quá khứ. Thơ không là lời hồn nhiên ca tụng. Thi sĩ đánh mất ngày thơ. Chỉ có quá khứ ngôn ngang đờ võ và tuyệt vọng đề khóc than. Chỉ có những ám ảnh với trăm ngàn sự đờ đón đợi. Con người thất bại vì nhất thiết nó đã hay sẽ bị tước đoạt tất cả, tuổi trẻ, tình yêu, khoái lạc... Tất cả gãy đổ, băng hoại ngay trong dự phóng con người. »

Khi thần kinh kích động mãnh liệt, tình cảm con người trở nên thác loạn. Tình cảm ấy không từ một căn bản nào cả, và cũng không đến một định hướng nào cả. Khi biết mình đã bắt đầu đặt chân ở ranh giới cõi chết, cảm giác của thi nhân chỉ còn là một sức phản ứng — phản ứng trước cái chết đề tìm cái sống. Cho nên, càng nói đến cái sống người ta càng thấy thi nhân đang thú nhận trong tâm hồn, nó tương phản với cái hiện tại của cơ thể đang bị hủy hoại và sắp tiêu diệt.

Ông Nguyễn xuân Hoàng trong Văn 73 — 74 viết :

« Trong thơ Hàn-Mặc-Tử, sự chết hiện diện ở mỗi chữ, mỗi vần. Và cả thân xác chàng, tâm hồn chàng, ngôn ngữ chàng, chính là sự chết ấy. »

Lời nhận xét này không phải nông cạn mà chính đã đạt được một yếu tố tâm lý rõ rệt.

Trần thanh Mại trong quyển Thân thế và thi văn Hàn-Mặc-Tử cũng đã xác nhận ảnh hưởng bệnh tật của Hàn-Mặc-Tử trong thi ca.

Ông viết :

« Cả thơ, cả bệnh dậy lên một lần. Con bệnh hằng chừng nào thì mạch thơ mạnh chừng ấy. Cho nên, người ta không lấy làm lạ mà nhận thấy trong văn thơ Hàn-Mặc-Tử những danh từ, những từ ngữ, những ý tứ về bệnh hủi. Trong tác phẩm của Hàn người ta nhận thấy những chữ « tê dại », « sượng sần », « da diết », « đê mê », « chết điếng », « vô tri » ... »

Nhưng đó chỉ là ảnh hưởng phụ. Ảnh hưởng chính đã làm cho tình cảm thi nhân thác loạn vẫn là sự chết chóc.

Đây, chúng ta hãy nghe thi nhân mô tả nỗi khát vọng của mình :

« Cho mau lên ! dồn ánh nguyệt vào đây ! Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo, tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời, ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi... »

Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm... »

Đưa ra, nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nhũ hương, niềm mộc được !

Vẫn là chưa bưa, chưa đã, chưa người được chỉ muốn sao... »

(Tựa lập Xi án như ý)

Ý tưởng trên đây đây về hồi hải đến cuồng vọng, chúng ta không thể nào không cảm giác sự thiết tha thềm thường của thi nhân đối với cuộc sống. Trong niềm thiết tha ấy, thi nhân đã đem cả máu óc ra để gào thét, an ủi, phỉnh phờ mình. Hay nói cách khác, thi nhân đã đem cả sức mình quờ quạng, bám víu ý sống trong cõi chết.

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút ;  
 Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.  
 Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,  
 Như mê man chết điếng cả làn da.

(Khuôn máu)

Não cân, máu huyết là mạch sống của con người, nhưng thi nhân lại muốn nó trào ra, quay cuồng theo lời thơ, để cho cơ thể mê man chết điếng đi ! Không phải thi nhân muốn

hy sinh thể xác mình cho nguồn thơ, mà chính thi nhân muốn đem cả khối uất hận trong người gởi vào thơ. Đối với thi nhân máu óc không còn là nguồn sống mà đã trở thành một khối hận.

*Cứ để ta ngắt ngư trong vũng huyết,  
Trái niêm đau trên mảnh giấy mong manh ;  
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết,  
Cả lòng ta trong mớ chữ rung tình.*

(Rướm máu)

Thi nhân thấy bầu vũ trụ trước mặt mình không còn cần thiết nữa. Thi nhân ước ao mặt nhật tan thành máu, và tất cả đều tan biến hết.

*Cứ nhắm mắt, cứ yêu nhau như chết,  
Cứ sáng sớm, tê mê và rũ liệt,  
Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang  
Vỡ toang ra từng mảnh, cả không gian,  
Cả thời gian, tự tạo thiên lập địa,  
Đều trộn trộn, điều hòa và xí xóa,  
Thành hư không như tình ái đôi ta...*

(Đôi ta)

Sự sống bao giờ cũng đưa tình cảm con người nhìn về tương lai. Nhưng, với thi nhân, tương lai là một hố thẳm, một cõi hư vô ; lòng ganh tị của con người đã len lỏi vào lòng thi nhân để phá hoại, san phẳng tất cả những gì tồn tại để cho tất cả được công bằng trong đồ võ. Sự hần học của lời thơ phẳng phát cảm nghĩ ấy.

Tuy nhiên, với một tình cảm hỗn loạn trước một thân phận bi đát, những cảm hờn, uất ức không phải cứ chất chứa mãi trong tâm hồn. Có lúc thi nhân cảm thấy cần phải vươn lên, đem sức người tìm cái sống trong cõi chết. Thi nhân đem tình ấy trải ra và cho xâm nhập vào nhưng đối tượng đang ám ảnh là : trăng, hồn.

Trong tập *Đau thương*, gần ngót 50 bài thơ thì hai phần ba tập thơ thi nhân đã nói đến trăng, hơn một nửa phần ba còn lại nói về hồn.

Trăng và hồn có một sức mê hoặc kỳ dị, tác động mạnh trước nhãn giới của nhà thơ. Người ta cũng không lạ gì khi thấy một kẻ quá đau đớn rất cần được bàn tay an ủi vỗ về. Nhưng trong hoàn cảnh của thi nhân, bàn tay vỗ về ấy không có, cho nên thi nhân phải mượn ở vũ trụ cái gì mát mẻ là trăng, cái gì êm dịu là hồn đề quyến luyến, mượn man, xoa dịu niềm đau.

Trăng của thi nhân không phải là trăng tượng trưng cho sự đoàn viên, sự thề nguyện, hay sự huy hoàng, lộng lẫy của Chúa-tề ban đêm. Trăng của thi nhân mang một sắc thái lạ lùng thoát ra từ một trạng thái tâm hồn thác loạn :

*Cả miệng ta trăng là trăng !  
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan ;  
Ta nhả ra đây một nàng. . .*

(Một miệng trăng)

Tương tượng mặt trăng từ trong miệng mình nhả ra đã là chuyện phi thường ; càng phi thường hơn, thi nhân tương tượng mặt trăng kia là một gái hường nhan, đề rồi cảm thấy :

*Bóng ai theo dõi bóng mình,  
Bóng nàng yêu tình.  
Dịp cười như tiếng vỡ pha lê. . .  
Thưa, tôi không dám say mê,  
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến.  
Bây giờ tôi đợi tôi điên,  
Chấp tay tôi lạy cả miền không gian.*

(Một miệng trăng)

Từ chỗ say sưa với trăng đến chỗ sáng sốt, sợ sệt, rở ràng tâm hồn thi nhân thác loạn, ám ảnh trong cõi chết.

Sự thác loạn ấy đôi lúc đưa thi nhân ra ngoài lãnh vực lý trí bình thường, tạo ra một lý trí điên dại, truyền đạt những lời nói vu vơ như đùa cợt :

## Trăng Vàng Trăng Ngọc

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là Trăng ; Trăng, Trăng !  
 Ai mua Trăng tôi bán Trăng cho.  
 Không bán đoàn viên, ước hẹn hò...  
 Bao giờ đậu trạng vinh qui đã  
 Anh lại đây tôi thối chữ thơ.*

*Không, không không ! Tôi chẳng bán hồn Trăng.  
 Tôi giả dò chơi, anh tưởng rằng  
 Tôi nói thiệt, là anh dại quá :  
 Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao đang.*

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là Trăng, Trăng, Trăng !  
 Trăng sáng trắng sáng khắp mọi nơi,  
 Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi.  
 Tôi lặn cho trăng một tròng chuỗi,  
 Trăng mới là trăng của Rạng Ngời.*

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là Trăng, Trăng, Trăng !*

Với sự cầu kết một nguồn thơ như vậy, không thể bảo tâm hồn thi nhân thoát tục, đang đùa giỡn với vô tư. Nó chính là biểu tượng của một sự thác loạn tâm hồn. Hay nói cách khác, nó là biến tướng của sự đau khổ. Khi con người uất ức đến tuyệt đỉnh bật cười lên sáng sặc, ta không thể bảo cái cười ấy là nguồn vui được.

Mặt khác, tính chất thác loạn của tình cảm cũng không vươn lên theo định hướng nào. Có lúc chúng ta thấy ở Hàn-Mặc-Tử những vần thơ như đang thả tâm hồn vào một vũ trụ trắng phau, bạc nhược, với tất cả những nét u buồn, với tất cả những lời năn nỉ :

*Ánh trăng mỏng quá không che nời,  
 Những vế xanh xao của mặt hồ ;  
 Những nét buồn buồn tơ liễu rủ ;  
 Những lời năn nỉ của hư vô.*

(Huyền ảo)

Màu trắng ở đây không còn biểu tượng cho thềm thuông, khát vọng, mà nó biến thành màu trắng nhợt, buồn bã, mong manh như một linh hồn, làm cho tất cả mọi hình ảnh đều chập chờn, tách biệt nhau, không còn gắn bó nữa.

Trạng thái tâm hồn thay đổi theo sức phản ứng của tình cảm. Sau những phút lắng đọng, thi nhân lại thấy bức dọc, muốn phá vỡ những kèm hãm trong tiềm thức của mình, mặc dù đã rõ sức kèm hãm ấy chỉ là sức ám ảnh của thân phận; thi nhân hẳn học phá vỡ đề nếp ấy bằng cách mở tung cả khung trời trước mặt :

*Ôi, ta đã mưa ra từng búng huyết,  
 Khi say sưa với lượn sóng triền miên,  
 Khi nhận lấy trong thâm tâm cay nghiệt,  
 Giọng hồn đau trộm vụn nổi niềm riêng.*

(Biền hồn ta)

Mang một thể xác bị tàn phá, cảm giác bị tê dại, tâm tư bị dày vò, thi nhân muốn trút bỏ cái hữu hình, cái vật chất kinh tởm để vượt ra ngoài một thế giới lạ, thế giới của siêu hình. Những sáng tác phẩm *Biền hồn ta*, *Hồn lia khỏi xác* v. v. . . đã nói lên cảm nghĩ ấy :

*Sóng lòng ta tràn lan ngoài xứ lạ  
 Dâng cao lên, cao tột tới trên trời.*

(Biền hồn ta)

hoặc :

*Ta muốn níu hồn ai đương hiện hiện,  
 Trong lòng và đang tắm máu sông ta.  
 Ta muốn vớt ai ra ngoài sóng điện,  
 Để nhìn xem sắc mặt với làn da.*

(Biền hồn ta)

Thi nhân muốn đưa mình ra ngoài thể xác con người, nhưng vẫn cứ ám ảnh mãi với hình hài bệnh hoạn kia, mặc dù thi nhân không muốn thừa nhận nó :

*Hồn mất xác, hồn sẽ cười nghiêng ngả,  
 Và kêu rêu thảm thiết khắp bao la.*

(Hồn lia khỏi xác)

Tại sao hồn mát xác đã cười nghiêng ngả, lại còn kêu lên thảm thiết ?

Phải chăng hồn đã lưu luyến với cái xác ấy ! Không ! Với cái thề xác bệnh hoạn, nhầy nhụa kia, hồn không lưu luyến, hồn vui khi hồn lìa khỏi xác, rồi hồn kêu rêu thảm thiết khi xót thương cho hồn phải sống với cái xác ấy. Cảm giác xót thương đó chính là cảm giác thi nhân đối với bản thân. Bởi vậy, thi nhân đã ước ao :

*Xác ta sẽ hút bao nguồn trắng loạn,  
Ngắm vào trong cơ thề những hoa hương,  
Và sẽ thở ra toàn hơi thở sáng,  
Đề trên cao hồn khỏi lộn màu sương.*

(Hồn lìa khỏi xác)

Thi nhân muốn thề xác mình trở nên thơm tho quý báu. Đó lại là một ám ảnh nữa. Ám ảnh vì thi nhân cho thề xác mình không lành mạnh, sạch sẽ, và sẽ bị hủy diệt. Với phản ứng ấy, thi nhân tự an ủi với hồn :

*Ôi hồn thiêng liêng không hề chết dạng,  
Làm sao hồn chẳng hiểu nghĩa vô biên.  
Ngày tận thế là ngày tán loạn,  
Xác của hồn, hồn của xác y nguyên.*

(Hồn lìa khỏi xác)

Muốn hồn lìa khỏi xác, rồi lại bắt hồn phải vương vấn thề xác ; sự lẩn quẩn ấy đưa thi nhân đến trạng thái mơ hồ, mất hẳn nhận định sáng suốt :

*Hồn là ai ? là ai ? tôi chẳng biết,  
Hồn theo tôi như muốn cợt tôi chơi.  
Môi đầy hương tôi không dám ngậm cười  
Hồn vội mớm cho tôi bao ánh sáng. . .*

(Hồn là ai)

Hồn đối với thi nhân ở đây là một ảo tưởng, một cứu tinh, một tri kỷ, và có thể cất nghĩa là một người bạn của khổ đau. Người bạn này sinh trong cảm giác của thi nhân, cho nên thi nhân có thể nói chuyện, đùa cợt với hồn :



Tôi chìm hồn xuống một vũng trăng êm,  
 Cho trăng ngập, trăng dần lên tới ngực.  
 Hai chúng tôi lặng yên trong thồn thức,  
 Rồi bay lên cho tới một hành tinh,  
 Cùng ngã nghiêng lặn lộn giữa muôn hình,  
 Đè gào thét một hơi cho rợn ốc,  
 Cả thiên đàng, trần gian, và địa ngục.

(Hồn là ai)

Ngoài những tiếng rên siết với trăng, với hồn, với máu, với ốc... Hàn-Mặc-Tử còn thiết tha, hờn dỗi, đau đớn với tình yêu.

Làm sao có thể yên lặng được khi con người đang sống bỗng dưng bị vất bỏ ra ngoài lề cuộc sống? Tương lai đã trở thành mù mịt thì dĩ vãng là những kỷ niệm đau buồn. Nếu Hàn-Mặc-Tử không mượn những hình bóng xa xưa để an ủi, vỗ về lấy lòng mình thì còn biết bám víu vào đâu. Cho nên càng nhìn vào tương lai đen tối, cô độc, Hàn-Mặc-Tử càng thiết tha với những ngày vui đã tắt :

Nàng hơi nàng muôn năm sâu thẳm,  
 Nhớ thương còn một nắm xương thôi !  
 Thân tàn ma dại đi rồi,  
 Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan.

(Muôn năm sâu thẳm)

Người tình bấy lâu đã bị ngăn cách, thi nhân vẫn mơ tưởng bóng dáng người yêu và nuôi trong ước vọng chung đôi, mặc dù thi nhân biết là ảo mộng :

Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió,  
 Tưởng chừng như trong đó có hương  
 Của người mình nhớ mình thương...  
 Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì.

(Muôn năm sâu thẳm)

Nguồn an ủi của người là tình yêu, nhưng khi đã bị ngăn cách thì tình yêu trở thành tình hận. Mặc dù vậy, thi nhân vẫn mượn mối hận ấy để rên siết cho vơi nỗi đau đớn của lòng mình. Tất cả nỗi niềm đau đớn ấy, thi nhân đã gửi vào thi bản *Trường tương tư* qua một thời nhớ nhung, chưa xót :

Hiểu gì không ý nghĩa của trời thơ.  
 Của hương hoa trong trắng nhơn nhợt bày,  
 Của lời tâm muôn vì sao ấy nấy,  
 Hiểu gì không em hơi ! hiểu gì không ?  
 (Trường tương tư)

Thi nhân muốn bảo người yêu đừng hiểu qua lời thơ  
 mà hiểu qua ý nghĩa của sự yên lặng. Nói cách khác, lời thi  
 nhân nói ra không phải để trách móc mà để cho vui  
 niềm đau :

Anh ngâm nga để mở rộng cửa lòng,  
 Cho trăng xuân tràn trẻ say chơi với,  
 Cho nắng hường vẫn vương muôn ngàn sợi ;  
 — Cho em buồn, trời đất ứa sương khuya.

Tuy nhiên, dù muốn rên la cho đỡ đau đớn, nhưng  
 tiếng rên la ấy cũng không làm thi nhân khuấy khỏa được,  
 trái lại còn tăng thêm u buồn, nức nở :

Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt,  
 Ngó như gần, song vẫn thiết xa khơi !  
 Lau mắt đi, đừng cho lệ đầy vơi.  
 Hãy mừng tượng một người thơ đang sống  
 Trong im lìm, lẻ loi trong dãy động.  
 — Cũng hình như, em hơi ! động Huyền-không  
 Mà đêm nghe tiếng khóc ở đáy lòng,  
 Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa.  
 (Trường tương tư)

Thật u uất ! Một lời nức nở không vang thành tiếng  
 mà như đang chìm vào im lặng của hư vô, đang loảng thành  
 âm u trong đêm tối !

Chưa hết, thi nhân còn bắt người yêu mình tưởng  
 tượng ra một khung cảnh hải hùng :

Em cố nghĩ ra một chiều vàng ủa,  
 Lá trên cành héo hắt, gió ngừng ru :  
 « Một khối tình nức nở giữa âm u,  
 « Một hồn đau rã lãn theo hương khối,

« Một bài thơ cháy tan trong nắng dọi,  
 « Một lời run hơi hóp giữa không trung,  
 « Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng,  
 « Hòa thành vũng máu đào trong ác lặn. »

Thật tàn nhẫn khi bắt người yêu tưởng tượng một hình ảnh đau thương, một hiện tượng khô héo, chết chóc, tan biến, náo nùng như vậy. Nhưng biết làm sao khi tâm trạng thi nhân đang ở trong trạng thái hẫ hững ấy!

Dem những lời rên siết trần át đau khổ trong lòng người, thi nhân lại còn cố tìm một nguồn sống trong sức tưởng tượng của tình yêu. Giai nhân không cần là một xác thịt ! Giai nhân chỉ cần là một cái tên đẹp, một hình bóng lơ mơ, một ảo tượng len lỏi vào cảm giác của thi nhân cũng đủ để thi nhân lấy đó làm tri kỷ :

Chửa gặp nhau mà đã biệt ly,  
 Hồn anh theo dõi bóng em đi.  
 Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió,  
 Lưu luyến bên em chẳng nổi gì.

Khi tình yêu chỉ đến với thi nhân trong tưởng tượng thì đối tượng của tình yêu chỉ là một biểu tượng trong cảm giác của thi nhân, do đó thi nhân đã dẫn hồn thơ mình đến một nguồn thơ tượng trưng, đem sức sống hòa vào khung cảnh ấy. Người yêu của thi nhân có trở thành nàng tiên, trở thành trăng, thành sao, thành mây, thành gió, thành đủ tất cả hình tượng mà thi nhân ưa thích :

Đây Mai-Dinh tiên nữ cửa Vu-sơn  
 Dem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt !  
 Nàng, êm nàng hai tay ta ghì chặt  
 Cả bài thơ êm mắt lạ lùng thay !  
 Ta là người uống muôn hận sầu cay  
 Nàng là mật của muôn tuần trắng mật.  
 Ôi ! khoái trá thắm dần vô thê chặt !  
 Hồn trong sương ảnh hưởng đến mê toi !  
 Quý như vàng, trọng như ngọc trên đời !  
 Mai, Mai, Mai là Nguyệt-nga tái thế. . .

Những say sưa khoái lạc trong cảm giác, trong tưởng tượng chính là nguồn sống của thi nhân cổ tạo nên. Cái mà thi nhân bảo : « Tôi đã sống đầy đủ, mãn liệt . . . » chính là sức sống tưởng tượng ấy. Sức sống ấy đã đưa đến thi nhân một nhận xét : « Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống . . . »

Thật vậy, thi nhân đã tìm một sức sống riêng biệt cho mình :

*Anh đứng cách xa hàng thế giới,  
Lặng nhìn trong mộng miệng em cười.  
Em cười anh cũng cười theo nữa,  
Đề nhấn hôn em đã tới nơi.*

(Lưu luyến)

Yêu đề mà sống, đề mà đèn bù những mất mát trong đời mình, thi nhân không cần ai đáp lại tình yêu ấy, mặc dù tình yêu của thi nhân rất đa diết :

*Bóng đêm nay, trước cửa bóng trăng quỳ,  
Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu.  
Lời nguyện gấm xanh như màu huyền diệu,  
Nào nề lòng viễn khách giữa cơn mơ.  
Trời từ bi cảm động ứa sương mờ,  
Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá  
Trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngã  
Anh đoán chừng cơn ấy em ngắt đi.*

(Hãy nhập hồn em)

Nhưng rồi những phút say sưa riêng rẽ ấy cũng làm cho thi nhân cảm thấy trơ trọi :

*Nhưng qua rồi những phút giây tơ tưởng,  
Anh nhìn trăng lờn lờn đậu ngành cao.  
Phải giờ này đang lúc em chiêm bao.*

(Hãy nhập hồn em)

Cảnh trơ trọi dẫn thi nhân đến những nỗi buồn cô liêu :

Tôi ngồi dưới bến đợi nường Mơ,  
 Tiếng rú ban đêm ran bóng mờ  
 Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng,  
 Rung tăng không khí, hạt vi lô.

. . . . .  
 Chao ôi ! ghê quá trong tư tưởng,  
 Một vũng cô liêu cũ vạ đời !

(Cô liêu)

Những giờ phút cô liêu ấy gieo vào tâm hồn thi nhân cái gì buồn chán. Trong thơ nghe phảng phất giọng hồn tử, mĩa mai :

Lòng ta sâu thẳm hơn mùa lạnh,  
 Hơn hết u buồn của nước mây,  
 Của những tình duyên thương lỡ dở,  
 Của lời rên siết gió nghĩa heo may.

(Sầu vạ cỏ)

Làm sao không buồn chán được khi thi nhân phải đem hết sức mình vùng vẫy trong cõi chết, trong cô đơn để tìm lấy nguồn sống. Rồi cuộc cũng chỉ nhạt được một kết quả bề bàng :

Khoé cười nức nở nơi đầu miệng  
 Là nghĩa, trời ơi, nghĩa héo đơn.

(Vạ cỏ sầu)

Càng đi tìm nguồn khoái cảm, say sưa trong cuộc sống thế nhân, Hàn-Mặc-Tử tự thấy mình càng đau khổ cho thân phận, mặc dù chỉ là cuộc sống trong tưởng tượng. Thi nhân vươn lên, vượt ra ngoài trần gian, đưa tâm hồn tản mát trong vũ trụ :

— Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng.  
 Tấp tới đến ở ngoài kia vũ trụ,  
 Nơi khí tượng bốc ngàn muôn tinh tú,  
 Nơi không cho hồn lai vãng quan chiêm.  
 Sáng vô cùng, sáng lóng cả mọi miền,  
 Không u ám như cõi lòng ma quỷ. . .

(Ngoài vũ trụ)

Đưa tâm hồn ra khỏi thực tại của loài người, gần đến cõi siêu thoát, thi nhân cảm thấy tươi sáng, mát mẻ hơn. Mây, khí, trăng, sao không còn là của tình yêu trần tục, mà biến thành một thiên đàng của sáng khoái, không vương bận sầu thương, mất mát. Thi nhân ghi nhận :

*Ô say sưa trên hết các tục tình  
 Ô thú lạ, những phút giây thanh thoát.  
 Hương cho thơm ứ đầy hương khoái lạc,  
 Máu cho cuồn run giận đến miên man.  
 Hồn hơi hồn, lên nữa, quá thịnh gian.  
 Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực.*  
 (Ngoài vũ trụ)

Bắt đầu không thấy trong người mất mát nữa, tức là bắt đầu đi vào cõi sống. Hàn-Mặc-Tử đã bỏ sự mất mát lại ở cõi thế để vươn lên địa hạt siêu tưởng, giải thoát tâm hồn mình.

### 3. Thời kỳ xoa dịu :

Tập thơ *Xuân như ý* là cánh cửa mở rộng để thi nhân đưa tâm hồn mình vào địa hạt siêu tưởng, một cõi nhiệm màu bao trùm một thứ ánh sáng siêu thoát.

*Một chiều xanh, một chiều xanh huyền hoặc,  
 Sáng bao la vẫy lút cõi thiên không.*  
 (Ra đời)

Một buổi chiều của cuộc đời, nhưng chính lại là một bình minh của tâm thức đi tìm ý nghĩa của hiện hữu :

*Xuất thế gian chưa có tại trong lòng,  
 Muôn ý tứ say chìm nơi bất giác,  
 Hương cảm dỗ mê người trong khoái lạc  
 A ! A ! A !*

*Thiên địa đắm hoang mang. . .*

Một nguồn lạc thú tự nhiên đến với thi nhân khi nỗi lòng không còn đắm đuối trần tục nữa. Không có một nguồn vui nào so sánh nổi, thi sĩ vừa nghe, vừa thấy, vừa nghĩ và cũng vừa va chạm. Tất cả tri giác thi nhân đi vào con đường sáng tạo — sáng tạo ý thức nhân sinh :

*Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc  
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác,  
Rất phương phi, trên hết cả anh hoa.  
Xuân ra đời. . .*

(Ra đời)

Tiếng kêu thất thanh của Hàn-Mặc-Tử như tiếng kêu sung sướng. Mà không sung sướng sao được khi tìm thấy một vùng ánh sáng huyền diệu có thể rọi tan được nỗi đau khổ của mình.

Trong lời tựa *Xuân như ý* thi nhân cho đó là cõi sống « bình an cả và thiên hạ ». Thi nhân thấy từ đó phát ra hơi ấm của cuộc đời, và là điểm khởi đầu của « cứu rỗi ».

Đề ý thức mình đặt lên một căn bản chân lý, thi nhân chỉ cho loài người cùng đi vào nguồn ánh sáng đó :

*Tứ thời xuân ! tứ thời xuân non nước !  
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiếu quang.  
Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước,  
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian.*

(Nguồn thơ)

Và ta hãy xem thi nhân vẽ trong tưởng tượng cái mùa xuân đầu tiên của vạn vật đang vươn mầm sống trên quả địa cầu mới lạ :

*Mai này thiên địa mới tỉnh khôi,  
Gió căng hơi và nhạc lên trời,  
Chim khuyen hót tiếng đầu tiên hết  
Hoa lá hồ nghi sự lạ đời.  
Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm,  
Còn mặt trời kia tợ khối vàng. . .  
Có người trai mới im như nguyệt,  
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn.  
Thuở ấy cần khôn mới dựng nên,  
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên,  
Người thơ phong vận như thơ ấy  
Nào đã ra đời ngọc biết tên.*

(Xuân đầu tiên)

Những tư tưởng cao siêu, thanh khiết đã tạo ra những lời thơ cao siêu thanh khiết ấy phần nhiều do ảnh hưởng ở đạo giáo.

Trong khổ đau, thác loạn tâm hồn, thi nhân đã tìm về cõi đạo và kêu gọi phép tắc mẫu nhiệm của giáo lý để cứu rỗi :

*Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh !  
Run như run thân tử thấy long nhan,  
Run như run hơi thở chạm tơ vàng. . .  
Nhưng lòng vẫn thắm nhuần ơn trứu mến.*

. . . . .  
*Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp,  
Khởi nghiêm trang sê dăng lên trần ngập  
Cả hàn giang cả màu sắc thiên không  
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng.*

(Thành nữ Đổng-trinh Maria)

Ở địa hạt huyền diệu của tôn-giáo này, thực tế thi nhân đã được giải thoát. Điều chắc chắn là thi nhân đã quên hết đau khổ trên thế xác, và cảm thấy tâm hồn tràn đầy an ủi :

*Đã no nê, đã bura rồi, thế hệ  
Của phượng trai mê mẩn khi thanh cao  
Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao  
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa ;  
Đương cầu xin ọc thơ ra đường sừa,  
Ta ngắt đi trong khoái lạc của hồn đau. . .  
Trên chín tầng diêu động cả trần châu. . .*

(Đêm xoàn cầu nguyện)

Nhận xét Hàn-Mặc-Tử về phần ảnh sáng lạ của « Đạo Mẫu » ông Trần thanh Mại có ghi ở quyển *Thần thế và thi văn Hàn-Mặc-Tử* như sau :

« Thi sĩ quá say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trời mới chiêm, nên quên mất lối đi về, con đường nó còn dính lưu với người thế gian. Thi sĩ đã đi lạc đường ra ngoài mức, ngoài trình độ lĩnh hội của người thế gian, nghĩa là ngoài cả



lãnh hội của chính thi sĩ nữa. Như viên phi công trẻ tuổi kia, say sưa vì cái hơi rượu vinh quang, sau khi đã thành công trong một cuộc phi thường mạo hiểm, cứ muốn đi xa hơn nữa, lên cao hơn nữa, cứ muốn chinh phục thêm những trời mới, đến nỗi một ngày kia lỡ trốn mãi không về, mà rồi không ai biết con người tài hoa ấy ra làm sao nữa. »

Những dòng nhận xét trên đây, ông Trần thanh Mại muốn nói đến nguồn thơ siêu tưởng của Hàn-Mặc-Tử. Thế giới siêu tưởng ấy đã gây một cách biệt trong cảm nghĩ của độc giả đối với thi nhân. Ông viết tiếp :

« Mặc dù một tư tưởng cao siêu đến đâu, nó đã ở trong óc người mà ra tất phải có cái gì liên lạc đến người, ít ra cũng phải nằm trong phạm vi lãnh hội của người thì tư tưởng ấy mới là chân thành, có giá trị.

Không có tư tưởng gì mà người đương thời không lãnh hội được mà phải chờ đợi đến những thế hệ sau mới khám phá ra ! Sự cất nghĩa của những người gọi là sấm truyền xưa nay chỉ là một sự lường gạt chưa tổ cáo... »

... Một lời nói là có nghĩa, hay không, thế thôi. Nó đã không có nghĩa thì thời gian không bao giờ cho nó được một cái nghĩa. Người đời sau không thông minh gì hơn người đời trước. Sức lãnh hội của ta không đời nào hơn của người một ngàn năm xưa, và vì thế mà thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ hay Mạnh Hạo Nhiên vào năm 900 đến khoảng về sau năm 1900 cũng vẫn được người ta khen ngợi bằng cái nhiệt độ thước nhà Đường.

Ấy là một điều ngộ nhận mà tưởng rằng người đời sau có thể hiểu thấu một điều mà người đời nay không hiểu. Hàn-Mặc-Tử thường viết : « Những người có tài nghĩa là đi ra ngoài cái sáo cũ và lẽ lối xưa, thường hay đi trước sự tiến bộ. Tác phẩm của họ chỉ làm cho những thế hệ kế tiếp sau xem mà thôi. Chứ ở thời kỳ này, người hiểu thơ cho chín chắn vẫn là một thiểu số ». Ấy là thi sĩ làm. Không có sự tiến bộ ở trong một vấn đề hiểu thơ. Chỉ có sự thay đổi thường thức bài thơ, chỉ có sự người đời sau lấy cục đất mà cho nó thị giá của cục vàng thì lúc

bấy giờ tất nhiên nó phải hóa ra cục vàng. Thơ cũng thế. Tôi không bảo chắc là người đời sau sẽ bài xích lối thơ bí hiểm như lối thơ hiện bấy giờ một số đồng thi sĩ đang hòa theo, tôi cũng nhận rằng người đời sau có thể say mê lối ấy như hiện giờ ta say mê truyện Kiều, như ngày trước các cụ nho say mê thơ khàn khi. Tôi đã nói, đó chỉ là sự thay đổi về quan niệm, một phù khi của thị hiếu, nhưng tôi quả quyết rằng đó không phải là tiến bộ, đó không phải là chân giá trị.

Thiên tài của thi sĩ nằm ở đâu? Hàn là ở chỗ diễn tả ra được rõ ràng minh bạch những điều mà trí óc đã tưởng niệm để cho những kẻ cũng đồng tưởng niệm như thi sĩ, hay là chưa từng tưởng niệm đến, cũng có thể hình dung được các điều ấy...

... Cả một thi phái ở Pháp về cuối thế kỷ thứ XIX, thi phái tượng trưng của Mallarmé, chỉ là sự biểu lộ mối lo ngại vô ngần của thi nhân tự thấy mình không diễn tả nổi những điều trí não tưởng tượng ra. Cái hình ảnh tượng trưng, đẹp đẽ nhất để tiêu biểu cho thi phái tượng trưng ấy là một con bạch nga bị mắc kẹt trong một hồ nước đá, quần quai đau thương hết sức mà không cất cánh cao bay được. Tôi tưởng thi sĩ hoài thai trong bộ óc, cứ bị vương vấn mãi không thể nào thoát vụt lên đến chỗ thuần túy hoàn toàn.

Để kết luận cho quan niệm của mình, phái tượng trưng cho rằng muốn cho thơ lên tới cái mức thuần túy, phải làm cho nó bí hiểm, tối tăm. Ngoài những ý nghĩ kỳ dị phi thường, sự cố ý làm tối nghĩa ấy đã đưa Mallarmé đến lối đời cả mẹo luật, câu không có động từ, mệnh đề cắt hai, ở giữa chen vào vài ba chữ không dính líu gì hết, bỏ cả dấu chấm, dấu phết, đổi cả lối in chữ, chữ hoa không nằm ở đầu câu nữa, mà ở sau chót, hay ở một chữ thứ ba, thứ năm. Tiếng nói bấy giờ chỉ thành những dấu hiệu, những âm nhạc điệu. Người đọc không hiểu chừng nào càng tốt chừng ấy.

Ấy đại khái lối tượng trưng, lối siêu thực của Mallarmé và môn đồ người.

Hàn-Mặc Tử, nói cho đúng, quả không bị ảnh hưởng trực tiếp của Mallarmé hay là của ông Hàn-lâm Valéry, người đã

thừa tự phần hương hỏa của ông thi tở lối thơ bí hiềm trao cho. Hàn-Mặc-Tử chưa đọc Mallarmé hoặc Valéry, hay gián hoặc có đọc thì cũng đọc sơ qua mà thôi.

Có điều này rất ngộ nghĩnh là thi sĩ chính bị ảnh hưởng ở Bích-Khê, tác giả Tinh huyết là người bạn của Hàn-Mặc-Tử và đã tôn Hàn-Mặc-Tử là thầy mình.

Bích - Khê thì thuộc lòng Valéry, đã từng nghiên cứu Verlaine, Rimbaud, và tự cho mình là hiểu Mallarmé lắm... »

Chúng tôi không cho nhận xét của Trần thanh Mại đối với thơ Hàn-Mặc-Tử là sai. Tuy nhiên, Hàn-Mặc-Tử cũng như Bích-Khê là người ở phái thơ cũ chuyển sang lãnh vực thơ mới. Từ địa hạt thi ca có quy tắc, trầm lặng tiến đến thơ mới rồi vượt qua địa hạt tương trưng, vươn lên nguồn thơ siêu thực... Con đường lịch sử ấy đánh dấu một cuộc đời thi ca của thi nhân.

Đối với xã hội, thân phận thi nhân là thân phận bi đát, vượt ra ngoài những gì thường tình của nhân thế. Chính cái phi thường trong cuộc sống đã thúc ép thi nhân tạo ra cái phi thường trong tư tưởng.

Đau khổ, uất ức, hờn giận, thêm thương, mến tiếc... đó là những năng lực đẩy thi nhân từ bỏ thực tại, xa lánh thực tại, ghen ghét thực tại... đi tìm một cái gì khác biệt không phải là của loài người nữa. Thi nhân đã đi vào ngõ bí hiềm, siêu thực.

(28-10-1968)



# Thi tuyển

## I. ĐƯỜNG LUẬT

### Đêm không ngủ

Non sông bốn mặt ngủ mơ màng,  
 Thức chỉ mình ta dạ chẳng an.  
 Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối  
 Gió thu lọt cửa cọ mài chân.  
 Khóc giùm thân thể hoa rơi lệ,  
 Buồn giúp công danh để đạo dần.  
 Chối dậy nôm na vài điệu cũ  
 Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.



### Gói ở chùa

Rừng thiền thấp thoáng dạng quần thoa  
 Khuê các trâm anh cũng rửa à ?  
 Mùi tục chưa chi mà vội chán !  
 Cuộc đời mới thể đã lo xa !  
 Nhặt mùi sơn phấn say mùi đạo,  
 Chán cảnh thiền ba mển cảnh chùa,  
 Di nguyệt trơ trên lòng dạ thiền !  
 Trăm năm nở đê thiệt thời hoa.



### Chùa hoang

Chùa không sư tụng cảnh buồn teo !  
 Cốt phật còn dây chuỗi phật đầu ?  
 Rẻo rắt cành thông thay kệ đọc,  
 Lập lòe bóng dóm thể đèn treo.  
 Hương rầu khói lạnh nằm ngơ ngác,  
 Vách chán đêm sương đứng dãi đầu.  
 Rửa cũng trơ gan cùng tuế nguyệt. . .  
 Quanh thềm khắc khoải giọng quyên kêu.



## II. GÁI QUÊ

## Bẽn lẽn

Trăng nằm sóng soài trên cành liễu,  
 Đợi gió đông về để lả lơi.  
 Hoa lá ngây tình không muốn động  
 Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi !  
 Trong khóm vi lau rào rạt mãi. . .  
 Tiếng lòng ai nói sao im đi ?  
 Ó kìa bóng nguyệt trần trường tắm,  
 Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe. . .  
 Vô tình để gió hôn trên má  
 Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm.  
 Em sợ lang quân em biết được,  
 Nghi ngờ tới cái tiết trinh em.



## Tình quê

Trước sân anh thơ thẩn,  
 Đăm đăm trông nhận về ;  
 Mây chiều còn phiêu bạt  
 Lang thang trên đời quê ;  
 Gió chiều quen ngừng lại,  
 Dòng nước luôn trôi đi. . .  
 Ngàn lau không tiếng nói  
 Lòng anh dường để mê.  
 Cách nhau ngàn vạn dặm  
 Nhớ chi đến trăng thề.  
 Dầu ai không mong đợi,  
 Dầu ai không lắng nghe  
 Tiếng buồn trong sương đục,

Tiếng hờn trong lũy tre.  
 Dưới trời thu man mặc  
 Bàng bạc khắp sơn khê.  
 Dầu ai trên hồ liễu  
 Dầu ai dưới cành lê. . .  
 Với ngày xanh hồ hững  
 Cố quên tình phu thê,  
 Trong khi nhìn mây nước  
 Lòng xuân cũng nào nề. . .



### III. ĐAU THƯƠNG

#### Đà-lạt trắng mờ

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu ;  
 Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ !  
 Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt,  
 Như đón từ xa một ý thơ.  
 Ai hãy làm thình chớ nói nhiều,  
 Đề nghe dưới đáy nước hồ reo ;  
 Đề nghe tơ liễu run trong gió,  
 Và đề xem trời giải nghĩa yêu. . .  
 Hàng thông lấp lánh đứng trong im,  
 Cảnh lá in như đã lặng chìm.  
 Hư thực làm sao phân biệt được !  
 Sông Ngân-hà nổi giữa màn đêm.  
 Cả trời say nhuộm một màu trắng,  
 Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.  
 Không một tiếng gì nghe động chạm,  
 Dầu là tiếng vỡ của sao băng. . .



#### Thời gian

Còn đâu trắng lệ những thời xanh,  
 Mùi vị thơm tho một ái tình.  
 Đỡ kiếm cho ra trong lớp bụi  
 Ít nhiều hơi hám của kiến trinh.

Đừng tưởng ngàn xưa còn phảng phất  
Nơi làn gió nhẹ lúc ban đêm.

Hồn xưa tự ấy không về nữa :  
Ở cõi hư vô dấu đã chìm.

Chỉ có trăng sao là bất diệt,  
Cái gì khác nữa thấy đi qua.  
Tây-Thi nàng hơi bao nhiêu tuổi,  
Vẻ đẹp mê tôi vẫn nỡ nà ?

Tôi lạy muôn vì tình tử tế,  
Xin đừng luân chuyển để thời gian  
Chậm đi, cho kẻ tôi yêu dấu  
Vẫn giữ màu tươi một mỹ nhân.

### Huyền ảo

Mới lớn lên trăng đã thẹn thò,  
Thơm như tình ái của ní cô.  
Gió say lướt lướt trong màu sáng.  
Hoa với tôi đều cảm động sơ.

Đang khi màu nhiệm phủ ban đêm,  
Có thứ gì rơi giữa khoảng im  
— Rơi tự thượng tầng không khí xuống,  
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim.

Tôi với hồn hoa vẫn nín thính,  
Ngắm ngẫm trao đổi những ân tình,  
Đề thêm ấm áp nguồn tư tưởng,  
Đề bóng trời khuya bớt giạt mình.

Từ đầu canh một đến canh tư,  
Tôi thấy trăng mơ biến hóa như  
Hương khói ở đâu ngoài xứ mộng,  
Cứ là mỗi phút mỗi nên thơ.

Ánh trăng mỏng quá không che nổi,  
Nhưng vẻ xanh xao của mặt hồ ;  
Nhưng nét buồn buồn tơ liễu rủ ;  
Nhưng lời năn nỉ của hư vô.

Không gian đầy đặc toàn trắng cả ;  
 Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng.  
 Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu diêu,  
 Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng ?



### Đây thôn Vĩ-giạ

Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?  
 Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.  
 Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc  
 Lá trúc che ngang mặt chữ điền.  
 Gió theo lối gió, mây đường mây,  
 Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay. . .  
 Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,  
 Có chở trăng về kịp lối này ?  
 Mơ khách đường xa, khách đường xa,  
 Áo em trắng quá nhìn không ra. . .  
 Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,  
 Ai biết tình ai có đậm đà ?



### Đôi ta

. . . . .  
 Mà anh hay em trong tim đều rạn,  
 Đều chôn sâu hình ảnh một người mơ !  
 Bây giờ đây quẩn quít, hiện bây giờ  
 Chỉ biết có đôi ta là đang sống,  
 Đang cho nhau ngọt ngào và đang mộng ;  
 Cố làm lơ không biết đến thời gian,  
 Đến bông hoa tàn tạ với trắng ngàn,  
 Đến những tình duyên chung quanh thất vọng ;  
 — Nhiều hành tinh tan đi vì đá lỏng.  
 Ôi muôn năm ! Giấc mộng đã đời chưa ?  
 Lúc ấy sóng triều rền rĩ chưa bura.  
 Cứ nhắm mắt, cứ yêu nhau như chết,



Cứ sáng sớm, tê-mê và rủ liệt,  
 Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang  
 Vỡ toang ra từng mảnh, cả không gian,  
 Cả thời gian từ tạo thiên lập địa,  
 Đều trộn trạo, điều hòa và xí xóa,  
 Thành hư không như tình ái đôi ta. . . . .



### Những giọt lệ

Trời hỡi, bao giờ tôi chết đi ?  
 Bao giờ tôi hết được yêu vì,  
 Bao giờ mặt nhật tan thành máu,  
 Và khối lòng tôi cứng tợ si ?  
 Họ đã xa rồi khôn níu lại,  
 Lòng thương chưa đã, mẫn chưa bura. . . . .  
 Người đi, một nửa hồn tôi mất,  
 Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.  
 Tôi vẫn còn đây hay ở đâu ?  
 Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu ?  
 Sao bông phượng nở trong màu huyết,  
 Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu ?



### Lưu luyến

Chừa gặp nhau mà đã biệt ly,  
 Hồn anh theo dõi bóng em đi.  
 Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió,  
 Lưu luyến bên em chẳng nói gì.  
 Thơ em cũng giống lòng em vậy,  
 Là nghĩa thơm tho như ánh trăng,  
 Mềm mại như lời tơ liễu rủ,  
 Ấm thắm trong áng gió bắn khoản.  
 Anh đã ngâm và đã thuộc lâu  
 Cả người rung động bởi thương đau,  
 Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái,  
 Anh cần lời thơ đề máu trào. . . . .

Lời thơ ngậm cứng, không rền rĩ,  
 Mà máu tim anh vọt láng lai.  
 Thơ ở trong lòng reo chằng ngót,  
 Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi.

Em đã nghe qua, em đã hay,  
 Tình anh sao phải chứng mê say,  
 Anh điên anh nói như người dại  
 Van lạy không gian xóa những ngày. . .

Những ngày đau khổ nhuộm buồn thiu,  
 Những áng mây lam cuốn dập diu,  
 Những mảnh nhạc vàng rơi lả tả,  
 Những niềm run rẩy của đêm yêu.

Anh đứng cách xa hàng thế giới,  
 Lặng nhìn trong mộng miệng em cười.  
 Em cười anh cũng cười theo nữa,  
 Đề nhẩn hồn em đã tới nơi.



### Hãy nhập hồn em

Đừng nhắc nhớ tên anh ngoài lỗ miệng,  
 Vì gió hương nghe được rỉ thềm hoa.  
 — Lộ mất rồi tâm sự của đôi ta  
 Chưa hề nói cho một ai nghe biết,  
 Chưa hề dặn ngày mai rời tiễn biệt,  
 Chưa khi nào đọc đến chữ chia ly.

Bỗng đêm nay, trước cửa bóng trắng quỳ,  
 Sắp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu.  
 Lời nguyện gấm xanh như màu huyền diệu,  
 Nào nề lòng viễn khách giữa cơn mơ.  
 Trời từ bi cảm động ứa sương mờ,  
 Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá  
 Trắng choáng vánh với hoa tàn cùng ngã  
 Anh đoán chừng cơn ấy em ngắt đi.

Khờ lòng chưa, em hỡi ! Mộng tình si  
 Cuồng dại quá, khiến nước mây sương sượng  
 Nhưng qua rồi những phút giây tơ tưởng,  
 Anh nhìn trắng lớn lên đầu ngành cao,  
 Phải giờ này đang lúc em chiêm bao,  
 Vì chính giờ này anh đang yêu thiết,  
 — Em, hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt.



### Sầu vạn cớ

Lòng ta sầu thâm hơn mùa lạnh,  
 Hơn hết u buồn của nước mây,  
 Của những tình duyên thương lỡ dở,  
 Của lời rên siết gió heo may.  
 Cho ta nhận lấy không đền đáp,  
 Ổn trọng thiêng liêng xuống bởi trời,  
 Bằng tiếng kêu gào say chệnh choáng,  
 Bằng tim, bằng phổi nóng như sôi.  
 Và sóng buồn dâng ngập cả hồn,  
 Lan tràn đến bến mộng tân hôn.  
 Khóe cười nức nở nơi đầu miệng  
 Là nghĩa, trời ơi, nghĩa héo đôn.



### Trường tương tư

Hiều gì không ý nghĩa của trời thơ,  
 Của hương hoa trong trăng nhòn nhọt bày,  
 Của lời câm muôn vì sao ấy náy,  
 Hiều gì không em hỡi ! hiều gì không ?  
 Anh ngâm nga đề mở rộng cửa lòng,  
 Cho trắng xuân tràn trề say chơi với,  
 Cho nắng hường vẫn vương muôn ngàn sợi ;  
 — Cho em buồn, trời đất ứa sương khuya,  
 Đề em buồn, đề em nghiệm cho ra  
 Cái gì kết lại mới thành tinh tú ?  
 Và yên ương bởi đâu không đoàn tụ ?  
 Và tình yêu sao lại dở dang chi ?

Và vì đâu, gió gọi giật lời đi ?  
 — Lời đi qua một chiều trong kẽ lá,  
 Một làn hương mới nửa lừng sa ngã,  
 Anh nếm rồi ý vị của làn mơ.

Lệ Kiều ơi ! em còn giữ ý thơ,  
 Trong đôi mắt mùa thu trong leo lẻo,  
 Ở xa xôi lạnh nhìn anh khô héo.  
 Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh.  
 Hãy van lơn ở dưới chân Bàn-thành,  
 Cho yêu ma muôn năm vùng trở dậy,  
 Náo không gian cho lửa lòng bùng cháy,  
 Và đề cho kinh động đến người tiên,  
 Đang say sưa trong thế giới Hào-huyền,  
 Đang trửng giỡn ở trên sông Ngân-biếc...

Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt,  
 Ngó như gần, song vẫn thiệt xa khơi !  
 Lau mắt đi, đừng cho lệ dầy vơi.  
 Hãy mừng tượng một người thơ đang sống  
 Trong im lìm, lẻ loi trong dấy động.  
 Cũng hình như, em hơi ! động Huyền-không  
 Mà đêm nghe tiếng khóc ở đáy lòng,  
 Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa.  
 Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa,  
 Lá trên cành héo hắt gió ngừng ru ;  
 « Một khối tình nức nở giữa âm u,  
 « Một hồn đau rã lãn theo hương khói,  
 « Một bài thơ cháy tan trong nắng đời,  
 « Một lời run hơi hóp giữa không trung,  
 « Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng,  
 (Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn.)

Đấy là tất cả người anh tiêu tán,  
 Cùng trắng sao bàng bạc xứ Say Mơ,  
 Cùng tình em tha thiết như văn thơ,  
 Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.



### Muôn năm sầu thảm

Nàng hỡi nàng muôn năm sầu thảm,  
 Nhớ thương còn một nắm xương thôi !  
 Thân tàn ma dại đi rồi,  
 Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan.  
 Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió,  
 Tưởng chừng như trong đó có hương  
 Của người mình nhớ mình thương. . .  
 Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì.  
 Nhớ lắm lúc như si như dại,  
 Nhớ làm sao bãi hoai tay chân !  
 Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng,  
 Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều.  
 Đau đau đớn vì điều phụ rầy,  
 Nhưng mà ta không lấy làm đều.  
 Trăm năm vẫn một lòng yêu,  
 Và còn yêu mãi, rất nhiều, em ơi.



### Ngủ với trăng

Ta không nhấp rượu,  
 Mà lòng ta say. . .  
 Vì lòng nao nức muốn  
 Ghì lấy đám mây bay. . .  
 Té ra ta vốn làm thi sĩ,  
 Khát khao trăng gió mà không hay !  
 Ta đi bắt nắng ngừng, nắng reo, nắng cháy  
 Trên sóng càn, — sóng áo cô gì má đỏ hây hây. . .  
 Ta rình nghe niềm ý băng khuâng trong gió lạnh,  
 Với là hơi thở nồng nàn của tuổi thơ ngây.  
 Gió nâng khúc hát lên cao vút,  
 Văn thơ uốn éo lách từng mây.  
 Ta hiểu ra rồi, trong một phút,  
 Lời tình chới với giữa sương bay.

Tiếng vàng rơi xuống giếng,  
 Trăng vàng ôm bờ ao . . .  
 Gió vàng đang xao xuyên,  
 Áo vàng hơi chị chưa chồng đã mặc đi đêm.  
 Theo tôi đến suối xa miền,  
 Còi thơ, còi mộng, còi niềm yêu đương . . .  
 Mây trôi lơ lửng trên dòng nước,  
 Đôi tay vốc uống quên lạnh lòng.  
 Ngả nghiêng đời cao bọc trắng ngủ,  
 Đây mình lốm đốm những hào quang . . .



### Một miệng trăng

Cả miệng ta trăng là trăng !  
 Cả lòng ta vô số gái hồng nhan ;  
 Ta nhả ra đây một nàng,  
 Cho mây lạng lờ, cho nước ngắt ngây,  
 Cho vì sao rụng xuống mái rừng say.  
 Gió thổi rào rào như lá đổ,  
 Suối gè trong trăng vẫn đồng trinh.  
 Bóng ai theo dõi bóng mình,  
 Bóng nàng yêu tinh.  
 Dịp cười như tiếng vỡ pha lê . . .  
 Thừa, tôi không dám say mê,  
 Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến.  
 Bây giờ tôi dại tôi điên,  
 Chắp tay tôi lạy cả miền không gian.  
 Hẹn tôi tặng sáng đi tìm mộng,  
 Mộng còn lửng vờng bến xa mơ . . .  
 Tiếng gà gáy rụng trắng đầu hạ,  
 Tôi hoảng hồn lên, giận sừng sờ !



### Trút linh hồn

Máu đã khô rồi thơ cũng khô  
 Tình ta chết yêu tự bao giờ !  
 Từ nay trong gió, — trong mây gió,  
 Lời thăm thương rền khắp nẻo mơ.  
 Ta còn trúa mển biết bao người  
 Vẻ đẹp xa hoa của một trời,  
 Đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng.  
 Ôi ! giờ hấp hối sắp chia phôi !  
 Ta trút linh hồn giữa lúc đây,  
 Gió sầu vô hạn thổi trong cây . . .  
 — Còn em sao chẳng hay gì cả ?  
 Xin dề tang anh đến vạn ngày.



### Biền hồn ta

Máu tim ta tuôn ra làm biền cả,  
 Mà sóng lòng rồn rập như mây trôi.  
 Sóng lòng ta tràn lan ngoài xứ lạ,  
 Dâng cao lên, cao tột tới trên trời.  
 Ôi, ta đã mira ra từng búng huyết,  
 Khi say sưa với lượn sóng triền miên.  
 Khi nhận lấy trong thâm tâm cay nghiệt,  
 Giọng hờn đau trăm vạn nỗi niềm riêng.  
 Ta muốn níu hồn ai đang hiện hiện,  
 Trong lòng và đang tắm máu sông ta.  
 Ta muốn vớt ai ra ngoài sóng điện,  
 Đè nhìn xem sắc mặt với làn da.  
 Ôi nông cuồng ! ôi rồ dại, rồ dại !  
 Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta.  
 Ôi nông cuồng ! ôi rồ dại, rồ dại !  
 Ta cảm thuyền chính giữa vũng hồn ta.



## Hồn là ai ?

Hồn là ai ? là ai ? tôi chẳng biết,  
 Hồn theo tôi như muốn cợt tôi chơi.  
 Môi đầy hương tôi không dám ngậm cười  
 Hồn vội mớm cho tôi bao ánh sáng. . .  
 Tôi chết giả và no nê vô vạn,  
 Cười như điên, sặc sụa cả mùi trắng.  
 Áo tôi là một thứ ngợp hơn vàng,  
 Hồn đã cẩu, đã cào, nhai ngấu nghiến !  
 Thịt da tôi sượng sần và tê điếng,  
 Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên.  
 Tôi chìm hồn xuống một vũng trắng êm,  
 Cho trắng ngập, trắng dồn lên tới ngực.  
 Hai chúng tôi lặng yên trong thồn thức,  
 Rồi bay lên cho tới một hành tinh,  
 Cùng ngả nghiêng lặn lộn giữa muôn hình,  
 Dè gào thét một hơi cho rợn óc,  
 Cả thiên đàng, trần gian và địa ngục.  
 Hồn là ai ? là ai ? tôi không hay,  
 Dẫn hồn đi rờng rã một đêm nay,  
 Hồn mệt lả mà tôi thì chết giấc. . .



## Cô liêu

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi,  
 Trăng ngậm đầy sông, chảy láng lại.  
 Buồm trắng phất phơ như cuống lá,  
 Lòng tôi bát ngát rộng bằng hai.  
 Tôi ngồi dưới bến đợi nường Mơ,  
 Tiếng rú ban đêm rạng bóng mờ,  
 Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng,  
 Rung tăng không khí, bạt vi lô.



Ai đi lẳng lọng trên làn nước,  
 Với lại ai ngồi khít cạnh tôi ?  
 Mơ sao ngậm cứng thơ đầy miệng,  
 Không nói không rằng nín cả hơi !  
 Chao ôi ! ghê quá trong tư tưởng,  
 Một vũng cô liêu cũ vạ đời !



### Sáng láng

Sông Ngân đã im lìm không tiếng sóng,  
 Mà lòng anh rào rạt mãi không thôi !  
 Ở tầng cao khúc Nghê-thường đồng vọng !  
 Nghe gì đâu ; em hơi ! ráng mây trôi-  
 Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt,  
 Đề chấp chờn trong ánh sáng mỏng lung,  
 Đề tìm em đưa hai tay ràng rịt  
 Mảnh tình thiêng ngả ngớn giữa không trung.  
 Anh đã gặp hồn em đương chơi với,  
 Bến Mê-hà trên giải nước mênh mang.  
 Anh đã đón tình em bay phất phới,  
 Như hương trắng dằm thắm cõi không gian.  
 Chúng ta biển, em ơi, làm thanh khí.  
 Cho tan ra hòa hợp với tinh anh  
 Của trời đất, của muôn vàn ý nhị,  
 Và tình ta sáng láng như trăng thanh.



### Hồn lia khỏi xác

Há miệng cho hồn văng lên muôn trượng,  
 Chơi với trong khí hậu chín tầng mây.  
 Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng,  
 Trời linh thiêng ; cao cả gọi nừng say. . .

Vì không giới, nơi trầm hương vắng lặng,  
 Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao,  
 Sóng gió nổi rừng rừng như địa chấn,  
 Và muôn vạn thần phách ngã lao đao.  
 Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh,  
 Hồn trơ vợ không biết lạc về đâu ?  
 Và vướng phải muôn vạn tinh khí lạnh,  
 Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu.  
 Rồi sáng sớm bay tìm muốn tử khí,  
 Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ.  
 Hồn cảm thấy bụi ngùi như róm lệ.  
 Thôi hồn ơi, phiêu lạc đến bao giờ !  
 Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng  
 Là hồn đừng nghĩ ngợi đến hồn trong,  
 Cứ đề mặc hồn ngoài bay lượn vương,  
 Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông.  
 Xác ta sẽ hút bao nguồn trắng loạn,  
 Ngắm vào trong cơ thể những hoa hương,  
 Và sẽ thở ra toàn hơi thở sáng,  
 Đề trên cao, hồn khởi lộn màu sương.  
 Rồi hồn ngắm tử thi hồn tan rã,  
 Bức thành âm khí loãng nguyệt cầu xa.  
 Hồn mất xác, hồn sẽ cười nghiêng ngã,  
 Và kêu rêu thảm thiết khắp bao la. . .  
 Ôi hồn thiêng liêng không hề chết đặng,  
 Làm sao hồn chẳng hiểu nghĩa vô biên.  
 Ngày tận thế là ngày tán loạn,  
 Xác của hồn, hồn của xác y nguyên.  
 Đêm nay ta khắc hồn ra khỏi miệng,  
 Đề cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương.  
 Nhưng khốn nỗi xác ta đành câm tiếng,  
 Hồn đi rồi, không nhập xác thể lương.

## Siêu thoát

Mới hay cõi siêu hình cao tột bực,  
 Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao.  
 Xa lắm rồi, xa lắm, hai đường bao ! . . .  
 Ai tới đó chẳng mê man thần trí,  
 Tòa châu báu kết bằng hương kỳ dị  
 Cửa tình yêu rung động lớp hào quang.  
 Những cù lao trôi nổi xứ mệnh mang,  
 Sẽ qui tụ, thu về trong một mối,  
 Và tư tưởng không bao giờ chấp nối.  
 Là vì sao ? Vì sợ kém thiêng liêng  
 Trí vô cùng lan nghĩ rộng vô biên  
 Cắt nghĩa hết những anh hoa huyền bí.  
 Trời bắt ngát không cần phô triết lý.  
 Thơ lảng lai chấp chửa những hàng châu.  
 Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm mầu ?  
 Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.  
 A ha há ! say sưa chề chán đã.  
 Ta là ta hay không phải là ta ?  
 Có gì đâu, cả thề với cao xa,  
 Như cội rêu của trăm nguồn đạo hạnh.  
 Hớp rượu mạnh, máu càng hăng sức mạnh.  
 Ôi diên rồ ! khoái lạc đến ngất ngư-  
 Thương là thương lòng mình giận chưa nư  
 Hồn vội thoát ra khỏi bờ trí tuệ.



## Ngoài vũ trụ

Lướt Hồng-thủy trời không cho tái lại,  
 Khiến bờ câu bay bổng quá không gian.  
 — Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng.  
 Tấp tới đến ở ngoài kia vũ trụ,  
 Nơi khí tượng bốc ngùn muôn tinh tú,  
 Nơi không cho hồn lai vắng quan chiêm.

Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền,  
 Không u ám như cõi lòng ma quỷ.  
 Vì có đấng hăng Sướng, hăng Ngự-trị,  
 Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp hư linh.  
 Ồ say sưa trên hết các tục tình,  
 Ồ thú lạ, những phút giây thanh thoát.  
 Hương cho thơm ứ đầy hơi khoái lạc,  
 Máu cho cuồng run giật đến miên man.  
 Hồn hơi hồn, lên nữa, quá thình gian.  
 Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực.  
 Mộng là mộng trần trề muôn vạn ước.  
 Tình thơm tho như gắn lệ còn nguyên.  
 Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên,  
 Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.  
 Ca những điệu ngọc vàng cao sang sáng  
 Lời vắng xa truyền nhiễm đến vô song.  
 Bầu hạo nhiên lộng lộng một màu trong,  
 Không rung động bởi tư huyền não nức.  
 Hồn hơi hồn, bay ra ngoài kia mức,  
 Nơi thiên sầu địa thảm giới Lâm-bô  
 Say máu gà, say nữa tới chừng mô  
 Cả vũ trụ tan theo ngày Phán-xét,  
 Là khủng khiếp cả Đất Trời tiêu diệt.



#### IV. XUÂN NHƯ Ý

##### Nguồn thơm

Trí đương no và khí xuân đương khoẻ,  
 Nhạc đương say và rượu vẫn còn thơm,  
 Nên muôn cánh thủy tiên chưa dám hé  
 Trong phút giây trân trọng của linh hồn.  
 Tiếng pháo đi : bao nhiêu kính cầu nguyện  
 Đầu dâng lên cho đến chín tầng mây.  
 Hơi xuân ăm mỹ vì hơn dạ yến,  
 Ta đem ươm trong ý vị đêm nay.

Ta cho ra một dòng thơ rất mát,  
 Mới tinh khôi và thanh sạch bằng hương.  
 Trời như hớp phải hơi men ngan ngát,  
 Đắm muôn ngôi tinh lạc xuống mười phương.  
 Cả trời bỗng diêu diêu như báu võ :  
 Nên tiếng vang thăm dọi đến thâm tâm,  
 Mà ta ngỡ đấng Tiên-tri muôn thuở  
 Giữ đêm nay còn đứng giáng Phúc-âm.  
 Tứ thời xuân ! Tứ thời xuân non nước !  
 Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiều quang  
 Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước,  
 Như triều thiên vờn lượn khắp không gian.  
 Ta há miệng cho nguồn thơm trào vọt :  
 Dường thơ bay sáng lóng như sao sa . . .  
 Trên lụa trắng mười hai dòng chữ ngọc  
 Thêu như thêu rồng phượng kết tinh hoa.  
 Ta cao ngâm giọng vô cùng thanh thoát  
 Khiến châu thân rung động thề tơ trắng  
 Toan ngắt đi trong cơn mê khoái lạc,  
 Mệ đầu yêu liền vội đến tay nâng . . .  
 — « Đây, thi sĩ của đạo quân Thánh-giá  
 Nửa đêm nay vùng dậy đề tung hô,  
 Đề sớt cho ca xuân xuân thiên hạ  
 Hương mển yêu là lộc của lời thơ. »



### Phan-thiết ! Phan-thiết !

Nhớ khi xưa ta là chim phượng hoàng  
 Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất . . .  
 Bay từ Đạo-lỵ đến trời Đâu-suất.  
 Và lùa theo không biết mấy là hương . . .  
 Lúc dâng vãn gặp ánh sáng chận đường.  
 Chạm tiếng nhạc, va nhằm thơ thiên cổ . . .  
 Ta lồi đình thấy trăng sao liền mờ :  
 Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,

Trăng tan tàn rơi xuống một cù lao  
 Hóa đài điện đá rất nên tráng lệ.  
 Ở ngói cao, ngược mắt ra ngoài bè,  
 Phong lưu ghê, sang trọng chẳng vừa chi.  
 Ta mê man như tới chốn Phụng-trì,  
 Ở mãi đây không về Thiên-cung nữa.

Nhưng phép lạ ! có một vì tiên nữ  
 Hao hao như nường nguyệt cõi Đào-nguyên.  
 Ta đắm mê trong ánh sáng trần duyên,  
 Và van lạy xin cô nường kết ngãi ;  
 Mĩa mai thay cho phượng hoàng si dại  
 Là ta đây đương ở kiếp muôn chim. . .  
 Trở lại Trời tu luyện với muôn đêm  
 Hớp tinh khí lâu năm thành chánh quả.  
 Ta trở nên như ngọc dâng kim mã  
 Rấ' hào hoa, rất phong vận : Người Thơ. . .  
 Ta là trai khí huyết ước ao mơ  
 Người thực nữ sinh giữa thời vô thượng.  
 Rồi ngây dại nhờ thất tinh chỉ hướng,  
 Ta lang thang tìm tới chốn Lầu-trang :  
 Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang,  
 Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết. . .  
 Ôi trời ôi ! là Phan-thiết ! Phan-thiết !  
 Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi. . .  
 Ta đến nơi — Nường ấy vắng lâu rồi.  
 Nghĩa là chết từ muôn trắng thế kỷ ;  
 Trăng vàng ngọc, trăng ân tình, chưa phi !  
 Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trắng.  
 Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng,  
 Thơ phép tắc bỗng kêu rêu thống thiết,  
 Hỡi Phan-thiết ! Phan-thiết !  
 Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu ;  
 Mi là nơi ta sầu muôn ngắt ngư. . .

Trần thanh Mại nói trong *Thần thể và thi văn Hàn-Mặc-Tử* :

« Ở một mục trên, tôi đã có nói đến ảnh hưởng của trăng đối với tâm trạng Hàn-Mặc-Tử. Nay xin đan cử ra đây một vài đoạn của một bài văn xuôi của Hàn để chứng tỏ thêm cái sức cảm thụ vô cùng mãnh liệt ở nơi nhà thơ lạ lùng ấy. Bài ấy, nhan đề là Chơi giữa mùa trăng, là một bài văn mới lạ, xưa nay trong văn giới của toàn thể hoàn cầu cũng chưa ai từng nghĩ đến nó, hay đến có thể đề ngang hàng với những bài hay nhất thế giới, cả Đông-phương và Tây-phương. Trích một ít đoạn của bài ấy ra đây, riêng lòng tôi cũng tự thẹn vì đã ham hồ quá chừng, nhưng quả thực vì nó hay một cách lạ lùng, không biết ngừng đến đâu cho khỏi tiếc. »

Dưới đây là sáng tác của Hàn-Mặc-Tử :

### Chơi giữa mùa trăng

...Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những đồng vàng trời trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nát, tiếng cười trong như thủy tinh và thanh khiết lạ thường. Luôn luôn cứ hỏi tôi và đố tôi cho kỳ được : « Này chị đố em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước ? » Tôi ngược mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cũng cười đáp lại : « Cả và hai chị ạ ». Sợng quá, thích quá, chao ôi, hai chị em thỉnh thoảng rú lên cười làm nao động luồng tinh khí của hào nhiên.

Vây chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu, chưa đủ, Nguru-lang và Chức-nữ, chúa của đêm trung thu còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến ; trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa... Thuyền đi êm ái quá. Chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa, và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút, trăng lên mỗi cao, khi hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ,

và mộng và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không khí, sông Ngân-hà trịnh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên : « Đã gần tới sông Ngân rồi ! Chèo mau lên em ! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn-giang ! »

Đi trong thuyền, chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền.

Trên kia, phải rồi, trên kia, in hình có một vì tiên nữ đang kêu thuyền dề quá giang...

Thình lình vùng trời mộng của chúng tôi bỗng về xán lạn. Chị tôi liền chỉ tay về phía bên đò thôn Chua-mo (1) và bảo tôi rằng : « Thôi rồi ! Trí ơi ! con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kia, thấy không ? Nó gỡ mãi mà không được, biết làm thế nào, hở Trí ? » Tôi cười : « Hay là chị em ta cho thuyền đổ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn ? » Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phơi, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân giẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh khiết như mạch nước ngọc tuyền, chồm lên những vầng lá, hể trông đến là kinh hãi vì nó giống con bạch hoa xà như tặc.

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này ? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cở họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng ? Chị tôi làm thình, — mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Động là một thứ hôn non bằng cát, trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, hơn lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh — một màu trắng mà tôi muốn lăn lộn điên cuồng, muốn kề môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát.

Hai chị em đồng đan tay náu ao gương vào nhau dẫn bước lên cao... Thình thoảng mỗi hai đầu gối quá, cả chị liền em

1) Một làng ở hải khẩu tỉnh Quảng-ngãi.



đồng ngã lẩn ra. Lại một dịp cho tiếng cười của chị tôi được nở ra, đôn tan trong không khí. Lên tới đỉnh là hao mòn đi một ít. Nhưng mà ngập quá, sáng quá, hùng trí làm sao? Đây có phải là nước Nhược non Bông, động phủ thần tiên ngàn xưa còn sót lại? Nhìn xuống cát, cố tìm dấu tích gì lưu lại một vết chân của Đào-nguyên Tiên-nữ, nhưng tấm cát phẳng lờ như lụa căng, trịnh bạch làm sao :

Bất tri thử địa qui hà xứ

Tu tỵ Đào-nguyên vấn chủ nhân ?

Bây giờ chúng tôi đang ở giữa mùa trăng, mở mắt ra cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương Phật nữa. Cả không gian đều chấp chờn những màu sắc phiêu diểu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lờ đi vì chói lói. . . Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chớ chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bênh bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngã vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đờ châu báu.

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là bực tinh truyền chí thánh. Tôi muốn sờ sờ quì lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ như thế này. Nước da của chị đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi đặc lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao : « Có phải chị không hở chị ? » Tôi run run khi tôi có cái nghĩ : Chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi vội phì cười và vội reo lên : « A ha, chị Lẽ ơi, chị là trắng mà em đây cũng là trắng nữa ! »

Ngó lại, chị tôi và tôi, thì quả là trắng thiệt. . .



Trần thanh Mại viết :

« Hai kịch thơ, một là Duyên kỳ ngộ, một nữa là Quần tiên hội. Chúng ta không thể bỏ qua mà không xét đến hai tác phẩm tân kỳ có một không hai của văn học Việt-nam. . .

« *Duyên kỳ ngộ* là chuyện nhà thi sĩ Hàn-Mặc-Tử đi tìm một nguồn thơ mới lạ, lạc lối vào một chỗ nước non thanh tú, trong ấy những suối, những chim, và những tiếng tiêu theo hầu chàng, gặp gỡ nhau, chào mời nhau trong những lời thanh tao kiêu diễm, rồi đồng thanh ca ngợi tài hoa của chàng bằng những khúc hát mê ly.

« *Lời Suối reo :*

*Ồ sự lạ ! Đã muôn đời thế kỷ.  
Đất Linh-sơn in dấu vết phàm nhân !  
Ta reo lên với đàn thông rử rì,  
Cho lay bay tình ý ở xa xăm,  
Xin mời chàng tài hoa thi sĩ đó  
Ngồi xuống đây bên thảm ngọc vườn châu.  
Hai tay chàng thử vốc vào nước ngọc,  
Mát tê đi như da thịt nàng dâu. . .*

« *Lời Chim hót :*

*Ơi chàng kia thật ra chiều phong vận,  
Hãy nghe ta cao hát khúc bình an !  
Này mặt nhật tròn vo dương sáng láng,  
Gió dương lên, dương quyện tiếng lòng ngân.*

. . . . .

« *Chàng Thi-sĩ say sưa đáp lại :*

*Nắng càng cao lòng ta càng hừng hực,  
Thơ lên rồi, bay quá giải nhân vân,  
Mùi hương đâu trong lời ca sực nức,  
Giợn hư vô, rung động cả phong trần.*

« Rồi bỗng nhiên linh cảm nhắc cho chàng hay rằng có sự lạ sắp xảy ra tức là có Nàng Tiên sắp đến, chàng kêu :

*Ơi chao ! Mê toàn châu thân khoái cảm,  
Như đêm xuân uống phải rượu Quỳnh-tương !  
Không đâu mà có điều chi vừa chạm !  
Đến tâm linh đề báo hiệu phi thường ?*

Thế là Thương Thương ra. Rõ là một vị tiên nga, một nàng Bạch Tuyết vô cùng ngây thơ, trong sạch ; ngọc ngà như búi xuân đầu tiên trong vũ trụ, nàng tự hỏi :

Mây bay, theo với mây bay,  
 Mình sao ra nước non này mà chơi ?  
 Sáo ơi, đừng dặt khơi khơi !  
 Buông mau âm điệu để rời nhân gian.  
 Nâng cao, ý muốn lan tràn,  
 Ở đây vắng vẻ, cây ngàn tuổi reo.

. . . . .

« Thế rồi hai người gặp nhau. Thế rồi mỗi tình duyên bắt đầu nhóm đượm. Bao nhiêu mê man, bao nhiêu say đắm, bao nhiêu tình tứ thanh thoát cao siêu thay đổi giữa một trời nồng hương âm nhạc, reo lên như châu báu chạm nhau, trong khi cả suối, cả chim đều phụ họa theo, làm một ban hợp xướng vô cùng uyển chuyển.

« Nhưng mà rồi chàng nhớ ngay đến địa vị thất thế của mình, đến cảnh ngộ tuyệt vọng của mình.

Bây giờ đây khóc than niềm ly hận,  
 Hỡi Thương Thương người ngọc của lòng anh !  
 Ta nhìn em với bao lời ta thán,  
 Khiến hoa chim nghe được cũng không đành.

« Thế là chàng vĩnh biệt nàng, mang tiếng tiêu ra đi với một tấm lòng héo don sắp chết :

Anh chỉ ngó say em trong chốc lát  
 Đề hồn thơ rào rạt với mây bay  
 Gần em luôn đề hường bao khoái lạc —  
 Thừa em, không, anh đâu dám mê say !  
 Một mai kia, ở bên khe nước ngọc,  
 Với sao sương, anh nằm chết như trăng,  
 Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,  
 Đến hôn anh và rửa vết thương tâm. . .

« Đại khái ý tứ, lời thơ và nhạc điệu của bản kịch *Duyên kỳ ngộ* là thế.

« *Quần tiên hội* là bản kịch nối tiếp theo chuyện *Duyên kỳ ngộ*. Kịch này viết chưa xong. Nó có phần diễm ảo, « tiên cốt » hơn kịch trước nữa, Nhưng tựu trung vẫn khí và âm

nhạc cũng giống như *Duyên kỳ ngộ*. Cốt chuyện tóm tắt như thế này : Nhà thi sĩ Hàn-Mặc-Tử không chịu đựng nỗi sự chia ly với nàng Thương Thương, bèn cũng đi tu tiên rồi cải trang làm một vị tiên nữ, lấy tên là Huyền-Tiên, nhập vào Quần Tiên Hội là chỗ nàng Quỳnh-Tiên (tức Thương Thương) nhóm họp cùng bạn đồng đạo để cùng nàng nói lại cuộc tình duyên không dứt được. Sau khi dự tiệc hội Bàn Đào và uống rượu Xuất-thần-tửu, do những con vợ non mời dăng, chàng ra đứng xem các tiên nữ xuống tắm ở hồ sen, trong khi riêng chàng không tắm, lấy cớ là say quá. Chàng mê man đứng nhìn Quỳnh-Tiên mà sắc đẹp diễm hồn làm cho tất cả các đồng đạo phải say sưa chọc ghẹo. Chàng nghe nàng tiên Hoa Khôi hát :

*Liên hồ đây, bốn mùa xuân cả bốn,  
Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi ;  
Làn nước mát và chưa bao giờ bợn,  
Vết phong trần đưa lại ở xa khơi.*

(Nàng hái lấy một hoa sen rồi đánh nhẹ vào đôi vú của Quỳnh-Tiên).

*Ghê thay cho cô Quỳnh Tiên diêu động,  
Xuống đây mà đứng sừng dê làm duyên,  
Bao nhiêu cá lặn chìm theo tấm sóng,  
Bao nhiêu hoa thắm sợ về hồn nhiên.*

« Có Thiềm Tiên và Nguyệt Tiên, có lẽ là hai vị tiên đã đứng tuổi, họ tự thấy có bổn phận phải la rầy em út :

« Thiềm Tiên và Nguyệt Tiên (đồng reo lên).

*Đây mùi đạo vẫn còn thơm ngan ngát,  
Mà ai cho các chị nói tình yêu,  
Ai cho thừa bao niềm mong rào rạt,  
Mà ai cho lòng ngọc tỏa phiêu phiêu ?*

« Nhưng mà các vị Tiên non đã quá say sưa với mối tình hoài mới khươi đượm, nào có chịu nghe những lời nghiêm huấn khô khan kia ! Hoa Khôi là nàng tiên yêu quái đã đánh thức cơn rung động ở lòng các tiên nương, đánh phập vào lời can ngăn ấy.

« Hoa Khôi (vỗ tay cười) :

*Đã lâu rồi chúng ta xa trần tục,  
Nỗi thăm thương chôn kín, khổ bao nhiêu ?  
Nên say sưa mơ lòng theo náo nức !  
Yêu nhau đi ! Tình gái, dịu dàng yêu ?*

« Chư tiên đồng vỗ tay tán thành, nhiệt liệt hoan nghênh, rồi đồng thanh ca hát, nô đùa và làm trăm trò nghịch ngợm ở trong hồ. Trên bờ hồ, nàng Tiên không chịu tắm (tức là chàng thi sĩ trả hình) vẫn tần ngần đứng nhìn chị em đồng đạo một cách say sưa mê dại. Đôi mắt nàng có lúc sáng rực lên, có lúc lơ lơ như đám bao khói lạc, khiến cho chim Anh-võ và chim Họa-mi để ý dò từ lâu, sinh nghi.

« Chim Anh-võ bảo Họa-mi :

*Mi ! Mi ! Mi ! Có nghe trong gió thổi,  
Có nghe không tình lạ thoảng mùi trai ?  
Có nghe không, lòng ai ra ấm ấm,  
Không như lòng cô gái ở Bồng-lai ?*

« Họa-mi (gật đầu) :

*Mùi vị ấy, bay từ cô gái ấy.*

(Họa-mi lấy mỏ chỉ về nàng Tiên đứng trên bờ).

« Anh-võ :

*Nên ran ran lòng dạ ở xung quanh.*

« Họa-mi :

*Đề ý xem nước da-cô thấm dấy,*

« Anh-võ :

*Và đôi môi biếu lộ hết xuân tình.*

Bây giờ bóng trăng gà mới lên, các tiên cùng thong thả bước ra khỏi nước. Lại một dịp cho Huyền Tiên say sưa sừng sốt lạng nhìn các tiên nương trang phục. Màu áo tươi mát quá làm nổi bật các tòa thiên nhiên lồ lộ. Ăn vận xong, chư tiên lại rủ nhau biểu diễn một lớp khiêu vũ. Chư tiên mời Huyền Tiên vào dự cuộc, nhưng nàng từ chối, chỉ vì không gặp được người bạn kỳ binh ưng ý. Chư tiên càng ngày càng nghi thêm về loài giống của nàng.

« Hoa Khôi (cười rộ và mĩa mai).

*Chị em ơi ! « chàng » làm duyên thái quá,  
Không hài lòng khi nói đến Tình-yêu.  
« Chàng » giá bộ không ưa trò lơ lả,  
Không ưa nhìn bao vẻ gấm hoa thêu.*

« Nhưng Quỳnh Tiên đã hiểu hết rồi, nàng Quỳnh Tiên mà ngày nay cũng trở nên ranh mãnh, dạn dĩ ra nhiều, nàng thấy cần phải can thiệp để đưa người tri kỷ ra khỏi bước khó khăn.

« Quỳnh Tiên (nói gần như nửa chơi nửa thực) :

*Xin cứ gọi em tôi là thi sĩ,  
Nếp thơ hương hồ dễ sánh giai nhân ?  
Huyền Tiên hơi ! Sao em không hội ý ?*

(Nàng đưa mắt đăm đúi nhìn Huyền Tiên) :

*Đôi ta xưa vầy hiệp nợ châu trần !*

(Các tiên không hiểu được thâm ý của Quỳnh Tiên, phá lên cười như vỡ).

« Huyền Tiên (gật đầu cười) :

*Nương-nương ơi ! biết nhau từ độ ấy,  
Tóc xanh thêm và tình đậm đã nhiều. . .*

« Chư tiên vỗ tay cười vang và kéo Huyền Tiên lại với Quỳnh Tiên, mở cuộc nghệ thường khiêu vũ. Rồi thì cặp nào cặp nấy đeo nhau, múa men xoay lộn, trong khi cả mọi thứ nhạc xanh, nhạc vàng, nhạc điệu, chim Anh-võ, chim Họa-mi, cùng tiếng Tiêu theo hầu chàng thi sĩ đồng nổi lên xướng họa trong một điệu hòa nhạc êm ái mê ly.

« Chim Anh-võ : (hót theo)

*Tao phùng duyên đến bây giờ lại thấy.*

« Họa-mi :

*Lòng nghiêng qua, sóng mắt muốn xiêu xiêu.*

(Trên lùm mây cao, vắng vắng tiếng Tiêu ra)

« Tiếng Tiêu :

*Ta là khúc Phượng-hoàng-cầu năm trước.  
 Dem ân tình rải khắp cả trời duyên  
 Cho Quân Thụy lấy nàng Thôi thuyền duyên,  
 Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phước. . .*

« Đoạn sau cùng là những lời ân ái trao đổi giữa từng cặp, trong khi các tiên nữ ôm nhau quay tít trong trận múa của xiêm áo nghệ thường và trong lời nhịp nhàng của các thứ nhạc, ở trong ấy chư tiên mặc dù đang say sưa, mê luyện, cũng không quên nhắc cho nhau những bước đi khiêu vũ cho đúng phép.

*Thờ nhẹ hơn đừng vội bước chân mau !*

Nhưng mà Huyền Tiên và Quỳnh Tiên vì quá mê man sung sướng không còn biết gì nữa, chỉ riết vào nhau và hôn nhau bằng một cái hôn hầu như không bao giờ dứt. Thế là chàng thí sĩ đã vụng về mà tự tổ cáo sự lộn sòng của mình.

« Kịch chỉ viết được đến đây. Hàn-Mặc-Tử chưa kịp viết tiếp. Nhưng ý định của chàng đã sẵn sàng. Chàng đã nói trước cái luận đề chàng sẽ theo đó mà viết tiếp bản Quần tiên hội.

« Ba đoạn sau tôi tính viết, nó như thế này : bọn tiên xúm lại vây hai người trong vòng vây mà bảo rằng « người con trai » ấy là của trời cho, là « của chung » chứ không phải riêng gì của Thương Thương. Nếu không bằng lòng phải « chia » ra (chia ra 9 phần cả thấy, thế thì còn chỉ người ta nữa ! (nguyên văn của Hàn Mặc-Tử). Thế rồi bọn tiên nổi ghen lên. Hai người ấy phải rủ nhau đi trốn. Bọn tiên hay được liền hè nhau đang đêm « hạ san » tìm bắt cho kỳ được cặp uyên ương ấy, nghĩa là bọn tiên chạy theo tình yêu, trở về thế gian, bỏ lại những động mây bây giờ thành ta hoang vu cô độc. Và những động ấy tui thần than kẻ không biết bao nhiêu mà nói. Với lại, ở động tiên con trai hay tin bọn con gái về thế gian lấy chồng, chúng hẳn cũng dâm ra buồn bực, rồi cũng trở lại đời cả. Và vì thế người ta mới hiểu rằng tại làm sao bây giờ, ngày nay còn dấu tích tiên động mà tiên đực tiên cái thì đi mô hết cả thấy. Ha ! Ha ! » (Hàn-Mặc-Tử)

« Cái gì ngăn cản thi sĩ tiếp tục công việc đã khởi đầu một cách hoàn mỹ như vậy ? Thật là một câu chuyện đau đớn thương tâm chàng đã gặp trong cái đời đen bạc của mình.

« Có ai có thể ngờ rằng câu chuyện chơi của Trần thanh-Địch bịa ra để mong an ủi nhà thi sĩ trong bước mạt lộ của chàng, lại thấu đến tai gia đình người thiếu nữ mang cái tên huyền diệu kia ! Một người anh của cô Thương Thương thật, thấy cần phải lãnh cái nhiệm vụ bảo tồn danh dự cho em út, vội viết thư phân trần cùng Hàn-Mặc-Tử và xin đừng nhắc nhở đến cái tên ấy nữa. Ngoan ngoãn, nhà thi sĩ vâng lời. Đây là cái miếng cuối cùng của Định-Mệnh dành tặng cho chàng, cái quả đấm mà rồi chàng không dậy được nữa. Kịch thơ *Quần tiên hội* thế là mất đứt cái đoạn sau cùng.

« Không biết giận ai, vì không phải lỗi của Trần thanh-Địch, người mà dẫu sau cũng đã cho chàng biết bao là ấm áp, là êm dịu, là rung động khoan khoái, cũng không phải nỗi là lỗi của gia đình Thương Thương, nhà thi sĩ xấu số quay lại giận mình, giận cái tài hoa của mình. Từ nay, nguồn thơ của nhà thi sĩ bị ngưng trệ, đề mà rất hãn, nếu không tìm ta một nguồn cảm hứng khác. Nhưng tìm chưa ra, thì nhà thi sĩ đã kiệt lực nằm xuống, và lần này thì « hồn lìa khỏi xác » thật, ôm luôn theo tận đáy mồ mối hận khôn cùng diễn tả ».



Giai thoại về Hàn-Mặc-Tử do thi sĩ Quách Tấn kể :

« Năm 1931, làm tại Tòa Công-sứ Đà-lạt, tôi (Quách Tấn) thường đọc nhiều bài thơ Đường-luật đăng tải ở tạp chí Phụ nữ tân văn, dưới ký tên là P.T, Qui-nhơn. Những bài thơ ấy có phong vị đặc biệt. Phần thì ưa thích thơ, phần thì thấy tác giả ở nơi quê quán mình, tôi liền viết thư về cho anh Nguyễn Tráp, một người bạn thân lúc ấy làm việc tại Tòa Sứ Qui-nhơn, nhờ tìm giùm xem P.T. là ai.

Ngót bốn tháng trời, anh Nguyễn Tráp gặp ai ưa thích văn chương, cũng đều hỏi thăm « P.T. là ai ? » Nhưng tung tích nhà thơ bí mật kia vẫn chưa khám phá ra được.



Một hôm, nơi bệnh viện Qui-nhơn, anh Nguyễn Trấp gặp một số học sinh đi khám bệnh. Nhân ngồi nói chuyện văn chương, trong khi chờ bác sĩ, anh Trấp vui miệng nói :

— Không biết P.T. là thằng cha nào mà thơ hay « bất nhân » làm cho lão Tấn bắt mình kiếm đá muốn chết mà vẫn không thấy đâu cả !

Anh Nguyễn Trấp vừa dứt lời thì trong đám học sinh, một « trò » nhỏ thò, vóc gầy, tóc mới dưỡng rẽ, đứng lên nói với một giọng rụt rè và cảm động :

— Thưa P.T. là Phong-Trần, và Phong-Trần là, ... là em đây.

Anh Nguyễn Trấp mừng như được của quý. Nhưng để cho thật chắc chắn, anh gạn hỏi về những bài thơ P.T. đăng ở Phụ nữ tân văn mà tôi đã chép gởi. Sau khi nhận thấy quả là người mình tìm, anh Trấp vội hỏi thăm địa chỉ của Phong-Trần rồi tin ngay cho tôi biết.

Từ ấy thư từ qua lại, Phong-Trần và tôi trở thành đôi bạn tâm giao.

Phong-Trần tức là Hàn-Mặc-Từ. »

QUÁCH TÀN



# XUÂN THU NHÃ TẬP

- ✚ ĐOÀN PHÚ TÚ (nông cốt)
- ✚ PHẠM VĂN HẠNH (nông cốt)
- ✚ NGUYỄN XUÂN SANH (nông cốt)
- ✚ NGUYỄN LƯƠNG NGỌC (cộng tác)
- ✚ NGUYỄN ĐỖ CUNG (cộng tác)
- ✚ NGUYỄN XUÂN KHOÁT (cộng tác)

## I. ĐOÀN PHÚ TÚ

Ông sinh ngày 10 tháng 9 năm 1910 tại Hà-nội. Học ở Hà-nội và có bằng tú tài Pháp.

Ông viết văn từ lúc còn học lớp nhất (1925). Văn phạm đầu tiên là những bài từ khúc đăng trên báo Đông pháp. Thỉnh thoảng viết giúp cho các báo Phong hóa. Ngày nay. Năm 1937, ông đứng chủ trương tờ Tinh hoa. Chuyên viết kịch.

Những kịch phạm được xuất bản và trình diễn sau đây : (1)

- Ghen, kịch dài, đăng trong báo Tinh hoa và do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 13-3-1937.

1) Theo tài liệu Nhà văn hiện đại của Vũ ngọc Phau.

- Những bức thư tình, kịch ngắn, do nhà Đời nay Hà-nội xuất bản năm 1937.
- Mơ hoa, kịch ngắn, Đời nay Hà-nội, 1941.
- Lòng rộng không, kịch ngắn, phỏng theo vở kịch Le professeur của Henri Duvernois.
- Chiếc nhận trong sương là vở kịch đầy tình tứ thi vị.
- Con chim xanh, tả đời phóng lãng của một thanh niên.
- Gái không chồng, diễn tả cuộc đời ba cô ngoài 30 tuổi cố làm vui nhưng vẫn buồn tẻ vì thiếu tình ; do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 30-4-1938.
- Sau cuộc khiêu vũ, do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 13-3-37.
- Xuân tươi, do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 30-4-1938.
- Hạn ly tao, một vở kịch đã đưa Đoàn Phú Tứ đến cao độ nghệ thuật.

*Phê bình về Đoàn Phú Tứ, ông Vũ ngọc Phan viết như sau :*

« Người ta có thể gọi Đoàn Phú Tứ là nhà soạn kịch của thanh niên. Hầu hết các vở kịch của ông đều được những sự nồng nàn của tuổi trẻ mới bước chân vào đời mà phải ném ít nhiều cay đắng, đã biết suy nghĩ về những cuộc sống yên lặng, ồn ào và phức tạp.

« Cái đặc sắc trong các vở kịch của Đoàn Phú Tứ ở sự nhẹ nhàng, bay bướm. Đọc ông, ai cũng phải nhận ngòi bút của ông thật là tài hoa. Những việc cỏn con ở đời, những việc không mấy người để ý đến, ông xét nhận rất tinh tế và diễn tả thật tài tình.

« Ông có một tâm hồn thi sĩ, nên người ta thấy ông sở trường về cả thơ nữa. Thơ ông không nhiều, nhưng bài nào cũng kín đáo, gọt giũa kỹ càng, có khi kỹ càng quá, hóa ra mất cả vẻ tự nhiên, kém phần thành thật. Bài thơ trong kịch

*Hận ly tao* của ông cũng cùng một giọng như bài *Màu thời gian* của ông mà Hoài-Thanh trích đăng trong *Thi nhân Việt-nam*. Bài *Hận ly tao* người ta còn có thể hiểu được, không đến nỗi uẩn khúc như bài *Màu thời gian* mà có người đã gọi là « thơ hũ ». Có người lại bảo thơ ông hay cả về nhạc điệu nữa. Sự thực thì cái nhạc điệu mà người ta khen ấy, nếu có, nó cũng không Việt-nam chút nào.»



## 2. PHẠM VĂN HẠNH

*Một cây bút nòng cốt trong nhóm Xuân Thu ; tác giả Giọt sương hoa (Xuân Lượm Lúa Vàng, 1945). Sau 1945, ông vào Nam cộng tác với Chân trời mới ; thường ký bút hiệu Thê-Húc. Người ta biết nhiều đến ông trong nhóm Tam-Ích, Thiên-Giang, Thê-Húc. Phần đóng góp văn nghệ những lúc sau này là những những truyện dịch các văn phẩm quốc tế. Tiếng thơ cũng ngưng bật từ đây.*



## 3. NGUYỄN XUÂN SANH

*Cũng là một cây bút cừ trong nhóm Xuân Thu ; tác giả thiên Nhật ký 1940 — 1941. Ông đăng tiểu luận và nhiều thơ trong Xuân thu nhĩ tập. Nhận xét về thơ Nguyễn xuân Sanh, ông Thế Phong viết : « Là một thi sĩ theo phái bí hiểm của Dadaisme, đôi chút pha Surréalisme cho nên thơ ông trau chuốt kỹ thuật, giàu nhạc điệu mà hồn thơ nội dung rỗng tuếch, bí hiểm. Thơ Nguyễn xuân Sanh phải có Đình gia Trình bên cạnh giải thích cái hay, cái đẹp, mà nghệ thuật lại phải giải thích cái hay cái đẹp tới bao nhiêu lần mà người đọc vẫn chưa thông cảm nổi, tôi không muốn nói rằng đó không phải là nghệ thuật. Thơ Nguyễn xuân Sanh không phải chất thơ lịch lãm của Đoàn phú Tứ, cao hơn lối thơ của Nguyễn Vỹ Bạch Nga. »*




---

1) Một cây bút phê bình văn học trên báo *Thanh nghị*; sắc bén, hơi nghiêm khắc nhưng công minh.

**K**HÁC hơn phần đông thi sĩ đi vào làng thơ từng chiếc thân đơn độc với gói hành trang của mình, Xuân Thu Nhã Tập rần rộ vào làng từng nhóm người mang theo cả chương trình khai sáng một đường lối mới trong thi văn.

Còn gay gắt hơn loại Thơ Triết của Minh-Tuyền, nếu triết thi có những vần thơ dễ hiểu, hiếm nổi tư tưởng cao viễn, khảo cứu phải thâm sâu, dòng thơ lại lê thê, dằng dặc ; thì nhóm Xuân Thu Nhã Tập tạo ra những lời thơ khó hiểu, khúc chiết, tư tưởng kín đáo bí hiểm, thể thơ quá phóng túng.

Họ là những văn nghệ sĩ rất tha thiết với nền quốc văn, muốn tìm con đường sáng tác riêng biệt, đưa ra một quan niệm mới về nghệ thuật ; vì vậy nhóm Xuân Thu Nhã Tập ra đời. Mà Xuân Thu nghĩa là gì ? mục đích ra sao ?

Đấy, ta hãy nghe họ định nghĩa :

« Trong cái « bát nháo » của người, ta tự vạch con đường soi sáng cái đạo thực.

« Trong cái vô ý thức của đời, ta tự thực hiện.

« Tới cái ta thuần túy ; tri thức tuyệt vời, và tuyệt đối. »

. . . . .

« Xuân Thu theo cổ tự : cỏ hoa nảy nở dưới mặt trời, và bông lúa chín. . . Một biên tượng đương nhiên, cái nhịp của cuộc sống vô cùng. Sắc xuân và hương thu. Hai mùa quá độ uyển chuyển trong khoảng cao, trong, nhẹ. . .

« Hai mùa thực hiện Đẹp và Thơ. »

. . . . .

« Xuân Thu kết trong hệ tư tưởng gồm ba mối chính sẽ lần lần giải bằng mọi phương tiện (và khi cần, bằng lạng lẽ) :

Tri thức

Sáng tạo

Đạo đức

« Xuân Thu có một phần tiêu thức.

« Tìm con đường thực, nối liền nguồn gốc xưa với những ước vọng nay.

« Gợi về những tính cách riêng của ta. Không quanh co, lung túng với ảnh hưởng ngoài. »

Cuộc sống của ta phải phát triển trên cái nền móng thực, là ta trước hết.

Ngắn cái họa mất gốc. Hai nghìn câu thơ « Đoạn trường tân thanh » đã cứu sống ta trong lịch sử, cũng bằng hai mươi vạn quân Sát Đát.

Văn chương, tư tưởng lấy quốc văn làm khí cụ độc nhất, đào luyện trong cái đặc biệt của ngôn ngữ Việt-nam. »

Trên đây là những điểm đại cương được nhóm Xuân Thu đưa ra để làm tôn chỉ cho đường hướng sáng tác của mình. Đồng thời nhóm cũng trình bày những mẫu mực sáng tác mới lạ, đã tiếp được tiếng khen tặng hưởng ứng mà cũng bị phản kháng chế diễu.

Dư luận thuận lợi cho Xuân Thu Nhã Tập khi Diệu-Anh (1) viết trong báo Thanh nghị số 22 ngày 1-10-1942 :

« Bài tiểu luận « Thơ » ký tên Đoàn phá Tứ, Phạm văn Hạnh, Nguyễn xuân Sanh là một trong những bài giá trị trong Xuân Thu Nhã Tập, có thể nói là một công trình tư tưởng có ý vị bậc nhất trong thời đại. Bài tiểu luận Thơ phát biểu những quan niệm đề thực hành cái phần tiểu thừa trong chương trình của nhóm thanh niên nghệ sĩ tác giả Xuân Thu Nhã Tập gây một nghệ thuật thơ cho Việt-nam, tìm con đường thực nối liền nguồn gốc xưa với ước vọng nay. Gợi về những cái dòng sống thực của ta. (Quan niệm, trang 12)

Và, Diệu-Anh kết luận :

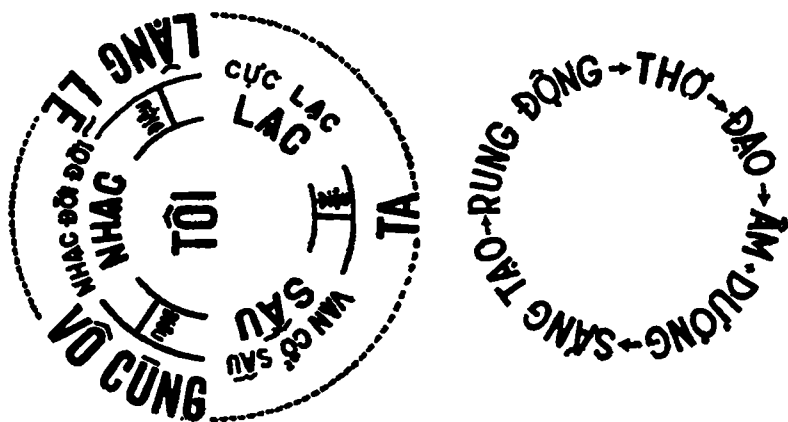
« Xuân Thu Nhã Tập viết với nhiều tâm tình và nhiều nghệ thuật, là một quyển sách khiến kẻ đọc suy nghĩ nhiều. Nay dò mấy trang, mai dò mấy trang, đọc đi đọc lại mỗi bài hai ba lượt, mỗi lượt đọc lại thêm ý vị của một vài tư tưởng, gập mấy quyển sách lại ta thấy trong nó tự nhiên, ta để nó vào một chỗ danh dự trong tủ sách. » (Quan niệm trang 28).

1) Người giữ mục điểm sách mới trên báo Thanh nghị và phê bình văn học.

Nhóm người đã kích cho rằng thơ của Xuân Thu Nhã Tập đọc nghe mù tịt, lối thơ lập dị, hủ nút, rồi người ta bắt chước họ làm những bài thơ tương tự để chế riễu, chọc cười. Có người cho họ định tái lập ở Việt-nam trường thơ bí hiểm của Pháp trong phái *trông trung* (symbolisme) (1), *đa-đa* (dadaisme) (2), *siêu thực* (surréalisme) (3).

Báo *Thanh nghị* đăng lại bà thơ sáng tác của nhóm Xuân Thu, có nhận xét, phê bình với tinh thần cởi mở và xây dựng.

Đề có ý niệm khái quát về thơ văn của nhóm Xuân Thu, chúng tôi xin trình bày vài đường nét phác họa. Các bạn hãy nhìn kỹ hai cái vòng dưới đây là hai trung tâm điểm mà tư tưởng và sáng tác của nhóm Xuân Thu chu tuần.



Bây giờ chúng ta bắt đầu ở khía cạnh Thơ. Dưới đây là quan niệm của nhóm Xuân Thu, chúng tôi xin đúc kết tư tưởng như sau :

1) Một chủ nghĩa mượn ký hiệu hay vật thể khác để diễn ý nghĩa sâu xa không thể nói bằng lời, như lấy hoa hồng làm biểu tượng cho ái tình.

2) Một văn phái xuất hiện khoảng 1916, chủ trương hủy bỏ mọi liên hệ giữa tư tưởng và sự diễn đạt.

3) Một khuynh hướng thực tế, xác nhận con người sinh tồn biệt lập hẳn ý tưởng (đối lập với phái idéalisme (đây tâm thuyết) chủ trương không có gì tồn tại ở ngoài lý tưởng.)

## Quan niệm về Thơ :

Thơ là gì ?

— « Thi tại ngôn ngoại ».

Là cái gì mà ta không thể giải bằng lời ; là (cái gì siêu thoát ngoài ước lệ, trên lý trí, nó rung động theo nhịp điệu vũ trụ), cho nên « cái gì có rung động là có thơ ». « Trong âm nhạc, trong hội họa, trong kiến trúc, nói rộng ra, ở khắp ngành nghệ thuật, và trong cả đạo lý, trong hành động, một khi đã gạt lảng những cạn đục mà còn lại tinh hoa » đấy là thơ. « Một bài thơ là sự phối hợp của âm thanh, chữ, hình ảnh, biểu hiệu theo những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng ». Làm xong một bài thơ người thi sĩ chưa thể gọi đã hoàn tất sáng tác của mình, mà phải chờ đợi một tác giả thứ hai tức là độc giả, nhóm mệnh danh họ là « thi nhân » (người cảm thụ được thơ). Một bài thơ « sống » là bài thơ đủ khả năng mang sứ mệnh bắc nhịp cầu giữa thi sĩ và thi nhân (độc giả) truyền cảm và gây được rung động.

Cụ thể hơn : Mùa thu, trong buổi tà dương, một chiếc lá vèo rơi. Cảnh ấy « nên thơ ». Chiếc lá là « bài thơ ». Người thứ nhất thụ cảm, ghi lại và truyền lan « bài thơ chiếc lá » là thi sĩ. Người đọc bài thơ, rung động do sự truyền lan ấy là thi nhân.

« Thơ » như thần linh : con đồng là « thi sĩ », tạo được « bài thơ cảm thông », nối thần linh với đệ tử là « thi nhân ».

« Thơ » như tôn giáo : giáo sĩ là « thi sĩ » tạo nên « bài thơ giác ngộ » cho tín đồ « thi nhân ».

« Thơ » như tình yêu : « thi sĩ » là người cung nữ thả « bài thơ lá thắm », người vớt lá là thi nhân.

Ở các ngành nghệ thuật :

« Thi sĩ » truyền và ghi được cái rung động tuyệt vời lên bài thơ tranh : ấy là họa sĩ (nếu không, chỉ là họa công). Mà « thi nhân » đấy là người cảm được cái rung động của bức tranh.

« Thi sĩ » Bá Nha đầu tiên cùng rung động với cái non cao nước chảy, trên bài-thơ-đàn : ấy là nhạc sĩ (những người đánh lại khúc Cao sơn, Lưu thủy chỉ là Nhạc-công). Mà « thi nhân » là người tri âm Tử Kỳ. . .



Người làm bài thơ theo nghĩa thông thường, chưa hẳn là thi sĩ hay thi nhân, vì chưa hẳn đã đạt được « thơ ». Hãy gọi riêng là Thi-gia, một danh từ trong nghề.

Là « thi sĩ » nếu thi gia hoặc văn gia đạt được « Thơ ».

« Thơ » là cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu, cái hình ảnh sự khắc khoải bất diệt của muôn vật : cõi Vô Cùng »



### Quan niệm về Sống.

Luận về Sống, Xuân Thu viết :

Cái làm khổ nhất của loài người, tai hại nhất và bi thảm nhất, có lẽ cuộc đời đi tìm hạnh phúc. Cái làm ấy đã làm bao nhiêu cuộc đời trở nên bao nhiêu tấm thảm kịch. Người ta cưỡng đại xô nhau đi tìm hạnh phúc, cái mầm đau khổ.

« Ta muốn quan niệm một cuộc sống không lấy hạnh phúc làm đích. »

Sống, đó là một sự đương nhiên, kẻ hiền giả phải tìm cách sống cho xứng đáng, phong phú, nhịp nhàng với cuộc sống lớn của vũ trụ, cao quý và đường bệ.

« SỐNG, đó là tất cả bí quyết của cuộc sống. Đạt được, an nhàn bao nhiêu. »

Đứng tựa lan can trên tầng cao, buông mắt nhìn xuống cái sinh hoạt động rộn rịp trong ánh sáng. Thiên hạ đang bị ràng buộc quây quần trong cuộc sống. Sự đòi hỏi của cái ăn, cái mặc, cái thú vui ở đời tựa như những chùm dây leo, có dại dây gai góc đang phủ trùm lên tuế giác của con người. Cuộc sống lôi cuốn đến mỗi nhữ, uể oải, liên tục không một phút giây lơ lửng nào cho con người thoát ra ngoài vòng nhân sinh, nhìn lại tốc độ quay cuồng trong cuộc sống. Vượt khỏi hấp dẫn lực ấy, ta mới có thể nói là đã « nghỉ trong khi sống ».



### Quan niệm về VŨ Trụ và Nhân Sinh.

Trời đất bao la, con người chẳng qua như « cỏ nội hoa hèn ». Từ thuở mịt mù nào cho đến ngày không bao sẽ tới, sóng gió không ngừng trong vũ trụ, mà ta chỉ là hình bóng mập mờ của một cát bụi mong manh, tan biến trong một khoảnh khắc thoáng như không.

. . . Trước khi sinh, ta đã có tự bao giờ, trong sức sống vô cùng tận của Tạo-vật, — và ta vô hình tức là ta vô hạn. Từ lúc có hình thể ta đã bắt đầu nằm thu trong cái vỏ nhất định, mỗi ngày một dày đặc cách biệt ta với vạn vật. Và ta đã thành tôi riêng chiếm một khu đời chật hẹp, đối phó với những cái tôi khác, với sự vật bên ngoài. Bao nhiêu nhu cầu, bao nhiêu cá tính đã làm cho những cái tôi khác nhau càng ngày càng cách biệt. Một dòng khí huyết đã tách ra từng giọt riêng cả những anh em cùng cha mẹ đã biệt lập, mỗi người một cảnh đời một cõi sống. Mỗi người một phận, không còn chung lẫn như, hồi thơ ấu ngây dại.

Từ cái thể duy nhất đã chuyển qua cái thể song lập ; Tôi với đối phương là vạn vật, là tất cả những cái gì không phải tôi. Tôi đã tự xây một bức thành bao kín, mỗi ngày một dày, một kiên cố, bung bít mịt mù như một dinh cơ, một nhà phủ hộ quê, như một nhà hầm chôn của — ai có nhớ chuyện người hà tiện trong tiếu thuyết Pháp, một đêm kia chết thảm trong hầm đã tự xây ?

Tôi đã thu gọn trong kén, như một con tâm tự vương mỗi dây oan.

Ồi ! hèn lánh là chừng nào ! hieu quạnh là chừng nào ! mịt mù thảm thiết !

Song con tâm vẫn nhớ ngàn dâu, đã tìm đường thoát kén.

Và trong vòng lao tùng, ta vẫn nhớ cõi vô cùng, và đã tìm cách cảm thông với nguồn đời vô tận. Cái Tôi trần tục, cái Tôi nặng duyên kiếp, còn nằm trong vỏ kín, mà ta đã giác ngộ, đã giải thoát, hòa lẫn với tinh thanh, rung động nhịp nhàng với Nhạc thiên thu, theo Diệu tuyệt với và tuyệt đối.

*Thoát cái tối dày đặc, tối tăm, ta đã sáng suốt vươn tới cõi Vô-cùng bằng Tình Yêu, bằng Thơ, bằng Tin-tưởng.*

*. . . Từ nguyên tử đến tinh đầu, đời là một vũ trụ động đậy. Thời gian chỉ nên xem như ảo ảnh của sự luân chuyển không ngừng.*

*Thề chết là hiện tại. Đời thay là quá khứ. Tỏa lan là chết. Tình tự là Sống.*

*Hoa cỏ, người vật quay theo cái gương Thiên Nhiên. Bao nhiêu đợt sống không hồn trôi quanh con bờ vô tận.*

*. . . Thích-Ca dạy chúng sinh thoát kiếp luân hồi ; Phật là những vị siêu nhân biết đứng lại để sức Mạnh hấp dẫn vạn vật tới con đường sáng.*

### **Quan niệm về Trí Thức.**

*Lược về Trí thức, (trích toàn bài) nhóm Xuân Thu viết :*  
« Trí thức là gì ?

*Thế nào là « kẻ trí thức » ? — Làm sao tới được Trí Thức ?*

*Quan hệ trọng đại của vấn đề.*

*Hình ảnh tốt đẹp và thật nhất của trí thức, là viên ngọc Biện Hòa chứa trong hòn đá. Phải phá hết những chất dày đặc kết bên ngoài, để sáng suốt thu được cả bốn phương xán lạn vào trong mình. Cảm thông với vũ trụ, hội được ý Nhạc của Trời Đất.*

*Sáng và biết sáng.*

*Ta không phải là ngọn đèn soi vào kẽ vách sự vật. Ta đã sáng suốt được sự vật, nằm trong sự vật. Sự vật nằm trong ta.*

*Ta đã ý thức sự vật. Và cũng có thể nói ; Sự vật đã ý thức Ta. — Thần hoa đã hiện, Những đêm Liễu-Trai. . .*

*Trí thức chỉ là Ý THỨC. Bằng CẢM THÔNG.*

*Cần gỡ cái chốt nhất thời. Cần rửa những hạt trai trong nước giếng Trọng Thủy, hầu trở lại vẻ trong sáng muôn đời. Tới cái «Ta Thuần Túy».*

*Trong, Đẹp, Thật. Ba ngôi trời lý tưởng. Chói lọi trong hào quang Nhạc.*

*Trí giả*, ý thức được *Nhạc*, sáng tạo được *Điệu*, thấu tới *Nhạc-đời-đời*. *Thức giả*, cảm được *Điệu*, hội được *Nhạc*, tái tạo mình ra vũ trụ «*Thi sĩ*» và «*thi nhân*». Trong muôn vàn địa hạt.

Trí thức phải là *Sáng tạo*, — dù chỉ là *tái tạo*. Sáng tạo không ngừng. Cho nên không có một «*địa vị*» trí thức, một «*giai cấp*» trí thức chỉ việc đạt tới một lần trong đời rồi bình an tọa hưởng. Trí thức không phải là một «*danh phận*», — cũng như *Ái-Tình* không cứ ở «*duyên phận*». *Duyên phận* là một độ đường cùng, mà *Ái-Tình* là dòng sông không bến.

Kẻ vô học có thể tới bậc trí thức tuyệt vời, mà một ông thầy thuốc, một ông thầy kiện, một ông thầy học thường khi cũng chỉ là «*một ông thầy*», nếu không thoát ra ngoài cái «*học*» để tới được bậc «*trí*», nếu tự mãn ở độ đường cùng : *danh phận*. — Bậc trí thức suốt đời là «*Tình nhân*».

Trí thức không có tính cách «*trưởng giả*». Từng phút, từng giây, cảm thông với nguồn đời vô tận, «*trời với dòng sông không cùng*. . . » Trí thức phải giữ thái độ *tiên phong*.

*Sáng tạo và tiên phong* : nguyên tắc *linh hoạt* của Trí Thức Biết vận vật, giỏi khéo một bề chưa là Trí Thức : Trí Thức có *tinh thần*, và *tinh thần triết lý* «*bao quát, tổng hợp*».

Bằng cấp nọ, học khoa kia, chưa là Trí Thức : Trí Thức ở *sâu* hơn thế, *cao* hơn thế, *rộng* hơn thế.

Thấy rộng nghe nhiều chưa là Trí Thức ; Trí thức là *minh cảm thông* với sự vật, không phải chỉ đứng ngoài sự vật mà «*thấy*», mà «*nghe*».

Trí «*khôn ngoan*» không phải là Trí Thức : Trí Thức không vụ lợi.

Trí Thức không phải là «*tai mắt xã hội*», không phải là «*thượng lưu, quý phái*» ; Trí Thức là *tim óc nhân quần* ; là *cao nhân*, là *tinh chủng*.

Trí thức trái với ngu muội «*dù học rộng tài cao*», trái với theo-đuôi-người «*dù người có hay, có đẹp thật*», trái với chiều thời, trái với *đề hạ*.

Trí thức tức *sáng suốt*, tức *tự do* «*cái tự do toàn vẹn của tinh thần*», tức *biệt lập* «*cái biệt lập của áng danh sơn*», tức *thanh cao* «*cái thanh cao không đời đời của kẻ sĩ, cái thanh cao không vụ ích của ngọc châu*».

Học tới một trình độ nào, « sơ đẳng » hay « cao đẳng » hay cao hơn thế nữa, dù về khoa nào, chỉ được gọi là « học thức » không đáng bậc « trí thức », nếu không có tinh thần tiên phong, tinh thần sáng tạo, không vun trồng cốt cách hiền nhân.

**Trí Thức :** *mình* làm phương tiện cho cứu cánh *mình*, không ràng buộc bởi những điều sơ đẳng, không lúng túng vì những ảnh hưởng ngoài. Học để mà quên LÀ MÌNH, BIẾT MÌNH và TRỌNG MÌNH.

Bậc Trí Thức là kẻ sĩ, người tìm Diệu, người đến Đạo. luôn luôn gắng tìm, và gắng đến. Tạo ra cái « Đẹp », — dù chỉ trong lòng mình, — để ý thức sự « Thật » muôn đời. Bằng một tâm hồn « trong ».

*Tìm đường nhịp nhàng.*

*Đến cõi siêu việt.*

Đạo-lý và Thiên Chức.

Có trí thức mới Sáng-tạo, — dù chỉ tái tạo « Học thức » chỉ có năng lực « phò thông ». Kẻ « học giả » chỉ sống được vì đã có bậc « trí giả ». Muôn nghìn ông nghề trong muôn nghìn đời họa chẳng được công việc gì « có ích », là làm tỏa lan cái ánh sáng « không vụ ích » của một lời Trang Chu, một câu Lý Bạch.

Mà có sáng tạo mới có « sống » và mới có Đạo-lý : cái *phép tắc sống*. Cái « biết » của học thức chỉ là cái biết ngừng một chỗ, có chừng hạn. Của Trí Thức, mới là sống yên chuyển, sinh sôi, vô cùng.

Bạn Trí Thức là người tới cái *biết* của Thơ, — « Thơ là một cách trí thức cao cấp », — là người thắm vào *cốt sự vật*. « *Tĩnh tự* » để sáng suốt : cái tuệ giác tuyệt vời của phút lâm chung. Đột nhiên và hoàn toàn, thấu tới cõi *vô cùng*, trong một giây *Lặng lẽ* của tâm hồn tươi trong. Phút giây siêu thoát : Phá vỡ cái *Tôi* nhất thời để sáng tạo cái *TA* muôn thuở.

Cuộc sáng tạo đầu tiên của trí thức là : TỰ TẠO.

Tự tạo trong một đợt tình trác tuyệt, khi hồn tan trên một nét anh đào.

Tự tạo trong một thế hệ «nhập thiên» trong một «đường thánh giá».

Tự tạo trong một ngọn cỏ gió đùa, trong một cánh hoa nắng giỡn.

Trong một bức tranh, trong một ngọn tháp.

Trong một niềm vĩnh biệt.

Cũng như trong một phút lâm chung.

Cảm xúc. Và cảm thông.

*Tự nhận chân và thực hiện* bao nhiêu công tự tu.

Này nở và vun trồng ngày nay.

TRÍ THỨC : gốc cây *Ta*, dây nhựa *Thơ*, hút nhận. *Nhạc* của đất Trời, đề trở sinh bao nhiêu *Điện*, thấm tưới, những hồng SÁNG TẠO dâng lên bàn thờ ĐẠO LÝ, Lẽ-sống trong Đời.

Làm sao ta đã bản khoán tìm lẽ sống ? Tìm lẽ sống ?

Lẽ sống là Nhịp Nhàng ; siêu thoát ; là nhạc,

Lẽ sống là Trong, Đẹp, Thật là Thơ.

« *Phù Dung* kia chỉ nở một ngày đề ngậm ngội muốn đời *xinh đẹp* »

Trí thức chân chính phải nảy sinh Sáng tạo.

(Nếu không, chỉ là «mọt cách», là «hủ nho» là «trường giả»)

Tinh thần tiên phong. Cốt cách tài tử.

Sáng tạo chân chánh tất nhiên theo Đạo lý.

(Nếu không chỉ là hỗn loạn, là xuẩn động, là vô nghĩa).

Cá tính Độc Lập. Phong độ trượng phu.

Đạo Lý của kẻ « Sĩ ».

Không hề trường giả, nhưng *Vương giả*.

Không lo «thành đạt», nhưng bao giờ cũng «*thông đạt*».

Không làm «*thương nhân*», nhưng làm «*tao nhân*».

## T H O

TRÍ THỨC — SÁNG TẠO — ĐẠO LÝ — NHẠC

*Trí thức* kết từ cá nhân. Vào địa hạt xã hội, là *văn-minh*. Về phương diện thực hành, là *học tnhật*.

Một dân tộc không tự ý thức, tất không có trí thức, không có một nền học thuật, không có tài văn minh.

Tất cả các cuộc xây dựng là một Câu Chuyện Tinh Thần.

Tất cả cuộc sống « cuộc sống lộng lẫy » chỉ là một Vấn Đề Trí Thức.

PHẠM VĂN HẠNH  
ĐOÀN PHÚ TỬ  
NGUYỄN LƯƠNG NGỌC



### Quan niệm về Nhạc.

*NHẠC ĐIỆU (trích toàn bài)*

Nhạc với Điệu có liên quan như lễ với nghi. Lễ phát biểu thành Nghi.

Nhạc hiện ra thành Điệu.

Nghi không hợp với lễ chỉ là nghi dối.

Điệu không hòa theo Nhạc, chỉ là điệu giả.

Con người ta lấy trí mà bày ra Nghi, lấy tài mà đặt ra Điệu. Nếu không hội được Nhạc, không thấu được Lễ, thì càng tài trí bao nhiêu lại càng dối mình và lừa người bấy nhiêu.

Cho nên trí không thực bằng tâm, mà tài không quý bằng tình. Tài trí dễ lừa người xa sự thật hồn nhiên, tâm tình có thể thấu được lễ thực trong trẻo xấu xa.

Hai chữ TRÍ THỨC hiểu theo nghĩa. Cao Đẳng chỉ là Ý THỨC ; ý thức cái Nhạc của Trời Đất, Ý thức cái Lễ trong Nhân-Loại. Ý thức rất thâm thúy, rất mãnh liệt tất nhiên trực giác được cái nghi chân thực, cái Điệu phong phú, Tới bậc Tài Trí cao siêu.

Song, đem Lễ ví với Nhạc, chỉ cốt đem cái liên quan Nghi với Lễ để làm tỏ rõ cái ý nghĩa sâu xa của Điệu có liên quan với Nhạc âm thầm mật thiết chừng nào. Thực ra, Lễ (định phân, cách dị) chỉ là một luật tương đối điều khiển

cuộc sống nhỏ của thế gian, không thể sánh với Nhạc (giao hòa hợp nhất) là cái Luật cao cả chi phối cuộc sống lớn của Vũ trụ. của Tinh-thần.

Lễ Nghi giàn bày trật tự, cần cho cái « Tôi » này đối phó với mọi cái « tôi » khác có lợi cho cuộc sống hẹp hòi. Nhạc điệu làm cho ta nhịp nhàng hòa trong sự tương thân lẫn với cuộc sống vĩnh viễn của Trời Đất, thấu tới cõi Cao Siêu.

*Nhạc* phát sinh muôn ngàn khúc *điệu*, tiết tấu trong vạn vật, trong văn thơ, nghệ thuật, trong tư tưởng, hành vi.

Tất cả lòng mong mỏi, nỗi băn khoăn của ta chỉ là thấu được cái *Nhạc* của trời đất, và đạt được của *Điệu* của Tuyết vời, trong, đẹp, thật.

Tất cả là Đạo Lý.

« Thơ » cái rung động siêu việt trong trẻo, nhịp nhàng của bản nhạc vô cùng. *Rung động* có lan trên cánh *Nhạc* mới thực hiện *Thơ*. Và hồn thơ có lưu thông trên trí *Nhạc* mới theo kịp *Đạo*, cái đệ nhất nguyên lý, cái lẽ phải cuối cùng.

Trong vòng tương sinh *Thơ Đạo*, *Nhạc* vây phủ.

*Thơ* như hào quang trên đầu vị thánh.

Bản nhạc vô cùng rung động thanh *Thơ* ; *Thơ* trong văn chương, trong hội họa, trong kiến trúc, trong Âm-nhạc, trong Hành-vi.

Bao nhiêu *Nhạc* khúc, bao nhiêu *điệu*, một nguồn sinh khí mới ; *Nhạc* thấm nhuần cả Vũ-trụ, giao hòa trong Trời Đất với Người.

Không có *Nhạc* là không có gì hết. Bài thơ sẽ chỉ còn là lời kê lè, bức tranh là những màu tro trên, bản đàn là những tiếng vu vơ, lâu đài, điện các là những khối gạch đá vô dạng những hành vi chỉ còn là những xảo trá hay xuẩn động. Hoa cỏ cũng vô duyên, chim muông cũng lạc loài ngơ ngác.

Một nỗi lòng sương phủ, một thiên tình hận lâm ly, một cảnh diên viên, một bước đường luân lạc, đều có ngụ phảng phất một ý nhạc u uẩn sâu xa. Phải hội được *Nhạc*



kia mới tìm được một đường diễn tả thật nhịp nhàng. Những giọng văn thích đáng mới tạo được một *Điệu* huyền diệu. Thực hiện và truyền diễn được ý *Nhạc* mong manh. Bằng không chỉ còn là những lời than vãn thuật hoài hoặc giải bày, thóc mách, dù bằng văn xuôi, dù bằng văn vần. Nghĩa là lời nông cạn, hời hợt, vô duyên.

Hướng chỉ mượn nỗi lòng gái góa, đặt câu chuyện thất tình đề bình vực một ý tưởng luân lý hẹp hòi, đề mong giải quyết một vấn đề xã hội, tức là những dung tình vụ lợi, đã khuấy tan cái Ý *Nhạc* của sự vật và lòng mình (cần phải trong trẻo, còn đâu là *Nhạc*, còn đâu là *Điệu*, còn đâu là sự cảm thông, thấm thía, sức kêu gọi nhịp nhàng. Chỉ còn là xảo trá, bèn trong giấy lát.

Còn như cửa lòng rộng mở, đón muôn vàn ý gió tình mây, giao hòa với Đất Trời, lên cùng cung bậc với *Nhạc* thiên nhiên, thì dầu « chưa thành khúc *điệu* » mà tiếng đạo bản Tâm-Dương đã thoáng tình ca kỹ, và đã vô cùng gợi cảm trong lòng Tư Mã Giang-châu.

Nói ra, *Tôi yêu anh*, chỉ là tỏ tình một cách sống sượng — mà chưa chắc đã thực tình. Chứ bước chân ngập ngừng của Thôi Oanh Oanh, đã là cả một *Điệu* vấn vít, ca được khúc *Nhạc* bằng khuông, thấm thía vào trong lòng Quân Thụy.

Không hội được *Nhạc*, không thành được *Điệu*, đã đành là suông vậy. Song còn hơn là những *điệu* không hồn.

Không có *Lẽ* mà bày ra *Nghi* ! không có *Nhạc* mà đặt ra *Điệu* ! Đó là *Hư văn*.

Trong phạm vi lễ nghi, biết bao là *hư văn* ! những giọt lệ xã giao, những nụ cười tiếp tế, những dáng rụt rè khúm núm khi không có lòng kính thực, không thực tôn nghiêm mà cũng rục rở uy nghi. . .

Trong phạm vi *Nhạc* *Điệu*, là *hư văn*, khi chỉ lời đẹp mà tứ suông, lòng ủy mị mà giọng hát hùng hồn, tinh thần u uất mà đường vẽ dịu dàng, sắc màu khoáng hoạt. Nghĩa là những *điệu* hào nháng kia chỉ là nước sơn dối — phấn son và nhung lụa !

Một tỷ dụ trong khoa kiến trúc.

Nếu kiến trúc chỉ cốt xây những tòa nhà thiết dụng, hợp vệ sinh và kiên cố, thì chỉ là một kỹ nghệ. Song Kiến Trúc lại là một Nghệ Thuật, nghĩa là cũng có cái hoài bão diễn được những niềm khác khoái, những nỗi hân hoan, lòng tin tưởng hay dạ thơ ngây, theo một *tiết điệu* đặc biệt, hòa theo khúc *Nhạc* âm thầm. « Âm nhạc là kiến trúc bằng giọng thấp cao » (Mme de Staël) thì kiến trúc tức là âm nhạc bằng chiều ngang dọc, bằng khối, bằng hình. Vẫn một sức Rung Động *biến điệu* trong các ngành. Và công trình kiến trúc, cũng như một bản đàn, một bức họa, một câu thơ, một vở kịch, đều chú tạo nên một tâm trạng siêu việt, dị thường, cực phẩm.

Nghệ thuật trước khi thành một kỹ thuật, chỉ là Một Nhịp Chân Thành, — lòng yêu căt cánh.

Nên một tòa Thánh Đường hay Phật đường do một kiến trúc sư không có một tin tưởng gì về tôn giáo xây nên, dù tôn nghiêm đến đâu cũng chỉ là hư vãn. Nhạc tâm thành không có thì làm gì tạo ra được điệu chân thành. — Mà những tháp Angkor tráng lệ đến có thể ngỡ là thần dựng lên một đêm !

Một lầu Ngũ-Phượng, những mái cong cong vượt lên ở xứ Việt-Nam (cũng như hiện nay những dàn « pergola » trên các nóc nhà Hà-nội, những luống vườn « Le nôtre » ở dọc bờ sông Hương. . .) bao nhiêu tiêu biểu buồn thảm của phi trí thức, trong bao nhiêu địa hạt. — Mà đến Không Tử ở Khúc-phụ vẫn là cả một điệu đàn tiết tấu ca khúc *Nhạc Trung Dung* !

Chùa bên Ấn-độ cấu tạo khác chùa bên Trung-hoa mà chùa cổ xứ Việt-Nam lại mang một linh hồn đặc biệt. Người xa còn nặng lòng tin mộ, còn nghe khúc *Nhạc Thích Ca* văng vẳng trong một vùng đất nước cỏ cây, đã tìm ra những điệu chân thực một thời.

« Nước non ngàn dặm ra đi

Cái tình chi. . . »

Chỉ có một « điệu » Nam Bình, một lần đã diễn « nhạc » Huyền Trân.

Điệu, Nhạc tương xứng. Như ý phục với đức. Xe loan cùng ngọc nữ. Dòng sông và nguồn nước.

Muôn dòng riêng xuôi từ một nguồn chung, ôm ấp nhịp nhàng địa thế, tự nhiên tìm lối ra khơi : Làm nghề chèo tức là lối điệu, — và lối Đạo.

Cách ăn mặc, kiểu nhà cửa, giọng đàn, điệu múa, giọng điệu văn thơ. . . chỉ là câu chuyện nhịp nhàng.

Người Phương Đông nghiêng mình chào, nhịp nhàng hơn là bắt tay, hôn hít.

— Và nói tiếng phương mình, nhịp nhàng hơn tiếng nào hết.

Nhịp nhàng ! chiếc yếm nhiều đào, dây lưng lụa bạch, mớ đuôi gà đóm dáng, bộ xà tích ngậy thơ ; khúc điệu Việt-nam thời trước còn âm thầm ngụ bản Nhạc thiên nhiên.

Và « tiếng sáo diều, tiếng vỗ đập đất », cả một vùng cây cỏ của đất nước nghìn năm, còn phảng phất gọi một ít ý nhạc cổ hữu, dù trong lòng kẻ đã mấy đời ly hương đề mưu sinh nơi xứ lạ.

Trong những điệu cũ kỹ, ta còn mong bắt gặp tiếng Nhạc căn bản của lòng ta, để gây thành những Điệu mới : trong, đẹp và thật.

Điệu, sắc thái từng linh hồn, hương vị từng giang sơn, không khí từng thế kỷ.

Khuấy khóa cái Nhạc u hoài.

Sầu của « tôi » tan trong vạn cỏ sâu của « Ta » vị cay trong hồ rươi.

Từ mỗi nguồn Nhạc, phát sinh bao dòng Điệu, đề cùng khuấy khóa trong biển cả Nhạc-Đời-Đời.

Lòng yêu ( — Lòng Tin, — Thơ ) hòa cái nhịp « Tôi » cùng cái nhịp « Ta » — Minh tự vượt mình.

Đạo lớn trong hoàn vũ : NHẠC ĐIỆU.

Từ « Tôi » đến « Ta » có ba vòng tu luyện ;

1. Hội ý NHẠC (Trí thức)
2. Tìm ĐIỆU thật (Sáng Tác)
3. Thấu tới NHẠC ĐỜI ĐỜI (Đạo lý)

Nhịp nhàng trong Siêu Thoát, diu dặt khoảng Đất Trời, — trong trình bạch ở huyền đời đã gấp, nét điểm tình trên chén ngọc chưa tan. ( TA ), VÔ CÙNG, — LANG LẼ.

Đáy biển

Trời sao

Lòng TA

Cùng im lặng, *thanh hư*.

Những tiếng vi vu, chỉ là tiếng dội của Nhạc-Đời-Đời.  
Và khi tai lắng giọng vàng, là lúc hồn chìm Lặng-lẽ.

ĐOÀN PHÚ TỬ  
PHẠM VĂN HẠNH

## *Thi văn trích tuyên :*

---

### XUÂN THU THU LÂU

#### QUAN-NIỆM

Trong cái « bát nháo » của người, ta tự vạch con đường Soi sáng cái đạo thực.

Trong cái vô ý thức của đời, ta tự thực hiện.

Tới cái ta thuần túy ; trí thức tuyệt vời và tuyệt đối.

Ta có là những kẻ trốn loạn nhà Tần, người hiền trong rừng Trú ?

Nhưng ta vẫn dựng xây.

Ta muốn cứu vãn Trí Thức, một niềm phụng sự cái Nhạc-Đời-Đời, thường bị cái nhất thời che lấp.

Một niềm tín mộ, ta muốn tạo thành một Tư-tưởng theo cái nhịp điệu vĩnh viễn, thâm trầm.

Ta gán đặt đến Ta theo những đường nhịp nhàng Văn Chương, Nghệ Thuật, và bao trùm hết cả, Thơ (lòng Yêu — lòng Tin).

XUÂN THU kết trong hệ tư tưởng gồm ba mối chính sẽ lần lần giải bằng mọi phương tiện và khi cần bằng lặng lẽ, :

Trí thức

Sáng tạo

Đạo đức

Triết lý, luân lý, văn chương, nghệ thuật, hành vi đều vươn đến chỗ « trong ».

Tới cái gì không vụ lợi, cao quý, khó khăn.

XUÂN THU linh hoạt một tinh thần tiên phong.

Minh tự vượt mình, đề luôn luôn đến đầu ngọn sinh hoạt : trời với dòng sông không ngừng.

Giấy cái thề quân binh, trong sự phát triển điều hòa. Đây là Trật-tự. Đây là Thái-bình. Đây là Sáng-tạo.

XUÂN THU có một phần tiêu thức.

Tìm con đường thực, nối liền nguồn gốc xưa với những ước vọng nay.

Gọi về những tính cách riêng của ta, để có thể xuôi chảy trong cái dòng sông thực của ta. Không quanh co, lúng túng với ảnh hưởng ngoài.

Cuộc sống của ta phải phát triển trên cái nền móng thực, là ta trước hết.

Ngăn cái họa mất gốc. Hai nghìn câu «Đoạn Trường Tân Thanh» đã cứu sống ta trong lịch sử, cũng bằng hai mươi quân Sát Đát.

Văn chương, tư tưởng lấy quốc văn làm khí cạ độc nhất, đào luyện trong cái đặc biệt của ngôn ngữ Việt-nam.

Nghệ thuật, đạo lý, cũng phóng túng khoáng nở trên nền tảng cố hữu và trong cái thực của ta.

## NHẠC ĐỜI ĐỜI

### Phần đại thừa của XUÂN THU

XUÂN THU theo cò tự : cò hoa này nở dưới mặt trời, và bông lúa chín. . . Một biểu tượng đương nhiên, cái Nhịp của cuộc sống vô cùng. Sắc xuân và hương thu. Hai mùa quá độ, uyển chuyển trong khoảng cao, trong, nhẹ. . .

Hai mùa thực hiện Đẹp và Thơ.

Hai mùa rung động cảm thông Người với Đất Trời, Trời Đất và Người.

Có những tâm hồn hiến cho XUÂN THU. . . .

Biết đâu một bên trời, không có một tâm hồn « Xuân Thu », một tinh thần tiên phong đi cầu Đất Thánh, vị một

Thích Ca đi tìm Giác Ngộ, một siêu nhân làm một thủ đoạn trong trời, một tinh nhân còn biết chết vì một nụ cười.

Ta đã nhận cán bút của XUÂN THU. . .

Ta sẽ trao cho ai. . .

Xuân Thu



## THANH KHÍ

Một điều nghĩ đã ghi trên một mảnh giấy : « Cái làm lỡ nhất của loài người; tai hại nhất và bi thảm nhất, có lẽ là cuộc đời đi tìm hạnh phúc » ; André Gide cũng lầm nốt : « *Que l'homme est né pour le bonheur, certes toute la nature l'enseigne* » (Les Nouvelles Nourritures). Cái lầm ấy đã làm bao nhiêu cuộc đời trở nên bao nhiêu tảm thảm kịch. Người ta cuồng dại xô nhau đi tìm hạnh phúc, cái mầm đau khổ.

Ta muốn quan niệm một cuộc sống không lấy hạnh phúc làm đích.

Sống, đó là sự đương nhiên, kẻ hiền giả phải tìm cách sống cho xứng đáng, phong phú, nhịp nhàng với cuộc sống lớn của vũ trụ, cao quý và đường bệ.

Không còn chút trang trọng gì nữa, không còn vẻ thanh quý gì nữa, cái canh một con người, đáng lẽ đường bệ biết bao ! — quỳ, khóc, kêu, gào, van xin hạnh phúc ở những đẳng chí cao nào trong tâm hồn.

Trong cuộc sống hiền giả trong trời, nhịp nhàng và sáng sủa, tất nhiên lấp lánh bao nhiêu hạnh phúc, như sao trên trời quang. Mà hạnh phúc, thực chỉ nên và chỉ có thể quan như những đốm sao lấp lánh. Tìm một cõi phúc sáng lộng như mặt trời, ôi ào tưởng !

« SỐNG » đó là tất cả bí quyết của cuộc sống. Đạt được, an nhàn bao nhiêu. »

Một điều nghĩ đã bao lâu nay gieo âm thầm trong tâm tưởng; và đã giục tôi tìm người đồng điệu, để cùng dặt tay nhau tìm một nguồn sống «trong trời; nhịp nhàng và sáng sủa».

Tôi đã cùng các bạn tìm thấy con đường tốt đẹp. Đã tan rồi những niềm khắc khoải. Chung nhau cùng một nỗi băn khoăn ; xây đèn Thơ, Nhạc đề điều hòa nhịp sống của tâm hồn.

Tôi và các bạn, — đã bao lâu rồi — tay cầm tay, cùng tha thiết một điều nguyện, cùng ấp ủ một tâm thành.

Đèn đã xây, « thơ » đã bao trùm vũ trụ, « Đèn » đã vẳng vẳng Xuân Thu.

Còn những bạn nào nữa đây, ở những bến trời xa lạ, cùng chúng ta « giữ áo lên Đèn », trong một điệu thanh khí :

ĐOÀN PHÚ TỬ



Đêm về khuya, đèn dần sáng tỏ. Bài vở chấm gần xong như bướm lả kìn bàn ; cây bút chỉ xanh đã lụn cả hai đầu. Công việc hàng ngày mãi đến giờ này mới tạm hết.

Tôi đứng tựa lan can. Vòm gió cuối đông uốn cong bóng sáu bên thềm. Con đường thành phố đang co rụt trong sương. . .

Gần như một mình tôi đứng lại bên bờ trong khi các bạn hăm hở vỗ thuyền nơi sông xán lạn. . . Mới biết cái đời cây cỏ mà bao trùm cả tòa tháp Đế-Thiên, ngọn khói vờn nóc bếp đã làm át bao nhiêu ánh tuệ giác !

Chắc bên trời vào những đêm năm đang ngã màu như bây giờ, còn biết bao tâm hồn đang khắc khoải « nhưng sao »?

Họ và tôi đã đề việc đời ràng buộc. Họ và tôi đã yên cho gai góc trùm cây. Chưa lúc nào chúng ta được nhẩy ra ngoài đề lạng lẽ nhìn thấy chúng tôi quay. Chưa lúc nào chúng tôi đủ nghị lực đề vén lá, bề cảnh, đề lên cao nhìn bốn phương trời. . . Họ và tôi đã nghỉ trong khi sống.

. . . Hôm nay lại theo bạn giảng buồm ra khơi, tôi muốn gọi một tâm hồn nọ một khúc nhạc « tương liên ».

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC





Ta mơ :

Trái nòng say, ly rượu thiết tha đây đưa khúc hát  
mặt trời.

Đường ánh sáng hẹn mở bốn mùa đến bốn nghìn mây.

Đôi hàng mi, giọt lệ nắng, bình hương tóc đương  
nghiêng, trang sách từ ngọn Hằng-Hà-Giang đượm ếp mây  
rừng trầm.

Ta đi vượt cái đang tìm, nên đã biết. Biết nên ta muốn.

Giây phút mến yêu, giàu chút xa. Suối ngọt và đã khát  
tình lại về vì biết đau thương.

Ta hẹn đúng một mùa lặng im để tạc tròn một trái tư  
tưởng. Đưa giác quan hứng cái đẹp mong chờ. Cỏ cây còn  
tâm nhịp rộng của ta.

Xây thế hệ mới cỏ cây, đất này và không khí kia, và  
các tâm hồn nhân thế, chỉ riêng cho cái ĐẸP VÔ-CÙNG được  
mọc, nảy nở, bay hương.

Ta chưa dâng cho mỗi người (người biết cái đẹp) ly  
rượu mới, tòa cái say mới, lùa cái đẹp mới vào lòng người ?

Giờ qua, cho ta hưởng trang sách mới, ôn những bờ  
lạ lòng — trời hoang dại — đựng những tâm hồn chưa  
quen biết (rừng thương ủ kín bấy lâu. . .)

Những tâm sự chưa mến bao giờ ; những con mắt lạ  
nhìn ta sống mộng tràn ngang như thác vỡ !!!

Nghệ sĩ ngày nay phải chịu cái trách nhiệm tạo thành  
những mỹ cảm ngày sau, những xúc động sau, những tuổi  
sau, những vô biên mới, những vĩnh viễn ngày mai.

Đi đường ta. Hơn ta.

Nghệ thuật trộn vào chút đau hay vui, chút lạnh hay  
ấm đều ướp vào sức sống có một mà gấp nhiều, cuộn tròn  
trong các nguồn rung động sâu và tươi.

Hãy là ta ; lâu sẽ thành, duyên sẽ mọc. Buồm rục rở  
mang sự thoát ly ra đến bốn trời.

Là ta, đúc tâm trí bấy lâu. Dựng xây trong Tiếng Ngọc của Người.

Tư tưởng, như cảm tình, cảm xúc, vun trồng dần dī. Vươn đến nơi gió hương giao nhau trong một chỉ mộng màu hương.

Tâm hồn ta mỹ lệ.

Ta yêu, hay tin ?

T H Ơ

T Ì N H Y Ê U

N Ế O Đ A O

ba vòng nhịp điệu, lễ nghi bằng tới cái gì — không — xuống.

Quên cái đã gặp, ngã về cái chưa tìm, nhớ cái sẽ mất, Trí thức đương khác khỏi Tuyết-vời, hay ấy tiếng đời đương khóc ? Là ta, là Người, và lặng lẽ.

Một chùm đời hiển dāng.

Một lời đi ngào ngạt tâm thành.

Một luồng hương.

« Một luồng hương tươi thắm đã qua vạn trời hồn. »

Lâu thơ hiển hiện duyên trắng.

*Dinh Mười, một mùa xuân*

NGUYỄN XUÂN SANH



THIỆN - CHỨC

« Tự giác nhi giác tha. »

(Phật)

Tôi là gì ?

Tôi biết gì ?

Trời đất bao la, con người chẳng qua như « cỏ nội hoa hèn ». Từ thuở mặt mũi nào cho đến ngày không bao giờ sẽ tới, sóng gió không ngừng trong vũ trụ, mà ta chỉ là hình bóng mập mờ của một mây cát bụi mong manh, tan biến trong một khoảnh khắc thoáng như không.

Nhưng khoảnh khắc đã thành, và trong mấy may cát bụi đã có muôn đời sóng gió. Sức sống dào dạt không cùng đã toàn hiện trong thân hình bé mọn ; muôn ngàn số kiếp luân hồi, trong giây phút đã tụ lại để thành TA.

*Phút giây đã gồm thâu vĩnh viễn.*

Và trong « giây phút vĩnh viễn » TA đã là TẤT CẢ, và tất cả đã bừng sáng hoàn toàn trong Ta.

Nhưng Tôi là gì ? Và tôi biết gì ?

Từ cái « tôi » dày đặc, tối tăm, biến trong khoảnh khắc đến cái « ta » sáng suốt, không cùng, đã là một cuộc giải phóng, một sự giác ngộ.

Trước khi sinh, ta đã có tự bao giờ, trong sức sống vô-cùng-tận của Tạo-vật, — và ta vô hình tức là ta vô hạn. Từ lúc có hình thể con người, ta đã bắt đầu nằm thu trong cái vỏ nhất thời, mỗi ngày một dày đặc, cách biệt ta với vạn vật. Và ta đã thành tôi riêng chiếm một khu đời chật hẹp, đối phó với những cái tôi khác, với sự vật bên ngoài. Bao nhiêu nhu cầu, bao nhiêu cá tính đã làm cho những cái tôi khác nhau càng ngày càng cách biệt. Một dòng khí huyết đã tách ra từng giọt riêng và những anh em cùng cha mẹ đã biệt lập, mỗi người một cảnh đời, một cõi sống. Mỗi người một phận, không còn chung lẫn như hồi ngày đại.

Từ cái thể duy nhất đã chuyển qua cái thể song lập : Tôi với đối phương là vạn-vật, là tất cả những-cái gì-không-phải-tôi. Tôi đã tự xây một bức thành bao kín, mỗi ngày một dày, một kiên cố, bùng bit mịt mùng như dinh cơ một nhà phú hộ quê, như một nhà hầm chôn của — ai có nhớ chuyện người hà tiện trong tiểu thuyết Pháp, một đêm kia chết thảm trong hầm đã tự xây ?

Tôi đã thu trọn trong kén, như con tằm tự vương mãi đây oan.

Ồi ! hẻo lánh là chừng nào ! hiu quạnh là chừng nào ! mịt mù thảm thiết !

Song con tâm vẫn nhớ ngàn dâu, đã tìm đường thoát kén.

Và trong vòng lao túng, ta vẫn nhớ cõi Vô-cùng, và đã tìm cách cảm thông với nguồn Đòi vô-tận. Cái Tôi trần tục, cái Tôi nặng duyên kiếp, còn nằm trong vỏ kén, mà ta đã giác ngộ, đã giải thoát, hòa lẫn với thanh thanh, rung động nhịp nhàng với Nhạc thiên thu, theo Điệu tuyết vời và tuyết đối.

Thoát cái tôi dày đặc, tối tăm, ta đã sáng suốt vươn tới cõi Vô-Cùng bằng Tình-Yêu, bằng Thơ, bằng Tin-Tưởng.

Trí khôn vụn vặt, lòng vụ lợi, tính vị kỷ của cái Tôi ti tiểu và ô trọc đã tan trong phút giây ; toàn thân ta chỉ còn là rung động, như chiếc đàn muôn dây và vô vàn cung bậc.

Trên cặp môi bờ ngõ, trong đôi mắt lộng lò chứa cả một trời gió sương ; trong áng tóc não nùng trút muốn đời thương nhớ. Tâm hồn ta đã cảm thấy Cao-siêu, và đã thấm thía được chân lý của Số Mệnh.

« Ngàn mây trăng giang buồn muôn đời »

Và muôn đời đã gồm trong một phút giây nghẹn ngào, thồn thức.

« Một phút hương

Lộng »

Cảnh với tình đã hợp một, Ta với sự vật đã cảm thông trong một làn rung động. Ta đã tan trong Trời-Đất, Trời-Đất đã nằm trong Ta.

Không lý luận, không dò xét, không ngờ vực, không dụng tâm gì cả, Ta chỉ đi thẳng tới lẽ thật bằng con đường nhịp điệu ! Tình-Yêu, Thơ và Tin-Tưởng.

Ta là gì ?

Ta biết gì ?

— Ta là chiếc đàn muôn dây, rung theo nhịp điệu của vô cùng ; và trên cánh Nhạc, ta cảm thông với sự thật của Trời Đất, Sự Thật tuyết đối.

Ta không là gì riêng biệt. Ta là *Tất Cả*.

Tất cả đã rung động trong Ta.

Ta đã là chiếc đàn vắng vắng Nhạc muôn đời. Ta cũng là cánh hoa ngoài đồng nội, nở theo Nhịp sống tuyệt vời.

Và ta đã tự nhiên có một Thiên-Chức :

Thiên-Chức của cây đàn. Thiên-chức của đóa hoa.

ĐOÀN PHÚ TỬ



T H O

(Thi tại ngôn ngoại)

Người ta đã thử và chưa từng giải nghĩa được Thơ. Như Giai-nhân, như Đẹp, như Trời. Người ta cảm thấy một cái gì siêu thoát, ra ngoài ước lệ, ở trên lý trí, nó rung động ta theo nhịp điệu vũ trụ, hồn nhiên, nó hòa hợp Ta trong cái Đẹp và áp ta nằm trong sự Thật. Về man mác của cái đẹp và ý sâu sắc của sự thật. Do trong trẻo gan nết.

Còn lại « cái gì » mà ta gọi là THƠ.

Một cái gì không giải thích được, mà không cần giải thích. Nó chiếm đoạt ta tất nhiên, hoàn toàn, tức khắc. Đột nhiên ta nhảy đến cửa Trời như nhào vô lòng mẹ không xét suy. Bằng con đường thẳng hình ảnh, tiết tấu, lễ nghi. Âm thanh, màu sắc, mùi, giọng được hòa hợp thành những biểu hiệu nhịp nhàng đề kêu gọi những rung động siêu việt của bản nhạc Vô-Cùng. . .

Có rung động là có thơ. Phải cần và chỉ cần rung động ấy.

Áng thơm của hoa, vẻ trong của nước, thần của vạn vật, thơ của nghệ thuật. Trước khi thưởng thức hương, nhận chân sắc, dò hỏi trời, phân tích vui, trước khi dùng những phương thức lý trí, có ý thức, có thống hệ, đề phán đoán, đề hiểu biết, ta đã chịu sức quyến rũ mùi thơm, sự lan tràn của ý thích, ta đã cảm thấy đẹp, đạt được thật, đắm trong thơ, nết bản nghệ thuật.

« Mây Tần khóa kín song the  
Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao. . . »

Ngoài cái nghĩa xuôi câu ấy, và trước khi nghĩ đến nó, ta đã được cảm một cái đẹp trong trẻo gọi nên bởi âm thanh, cách điệu. . . nó mê hoặc ta ngay và đặt ta vào giữa cõi thơ như có thần trợ. Hay nói đúng, một cái gì trên cả âm điệu, không giải được mà chỉ cảm được thôi.

Ta đã bước vào xứ Lê — Nhạc.

Nghĩa xuôi câu thơ, cảnh tả, chuyện thật, hay tình kể lẽ trong ấy, cái gì giải bày, thứ tự, rõ rệt đều không phải cốt thơ, vì không thuần túy, không vượt trên cách thông dụng vụ lợi của trí não ; và ngôn ngữ là lợi khí thứ nhất của trí não.

Những nghệ thuật ngoài văn chương như âm nhạc, ea vũ, hội họa, điêu khắc có thuần túy hơn. Màu, tiếng, vật thể, không phải vào tay ai cũng nảy ra nhịp nhàng, tươi đẹp. Còn văn chương hình như ai cũng tự nhận có quyền vào đây, vì lợi khí là ngôn ngữ ở trong cửa miệng mọi người hằng ngày. Ngôn ngữ lại chính là lợi khí của trí não cần đối phó luôn luôn với sự sống, dùng để trao đổi ý tưởng cho nhau, giải thích sự vật, hiểu biết và hành động, nghĩa là có một chức phận vụ lợi, thực tế, xa bản cốt của Đẹp là thứ rung động xa vời, vô tư lợi, cảm thông với cái vô cùng, tuyệt đối.

Về hình thức, văn vần và văn xuôi là hai thể chính của văn chương xưa nay. Về tinh thần, văn chương có hai tính chất, có thể ở cả trong hai hình thể. Một là tính chất giải bày, thuộc lý trí, vụ ích lợi, nói gộp là tính chất «văn». Hai là tính chất hàm súc, tiềm thức thuần túy, gọi là tính chất «thơ». Quan niệm thật về «thơ» phải suy nguyên ở tính chất này. «Thơ» có thể có trong âm nhạc, trong hội họa, trong kiến trúc, nói rộng ra, ở khắp ngành nghệ thuật, và cả trong đạo lý, trong hành động, một khi đã gạt lảng những cạn đục mà còn tinh hoa. Đi sâu vào là gặp cái tinh túy của sự vật hòa với chân chất nhịp nhàng : một bài tính kỹ hà, một ngụy thuyết, một cái nhìn, một nỗi hận, một múi cam.

Âm nhạc có cái tính chất ấy, không vụ tả tình hay tả cảnh bằng cách nhại lại âm điệu thiên nhiên ; hội họa có tính chất ấy không cần diễn một đầu đề gì ; một mỹ nhân hay một con bò họa chẳng chỉ là cái có nói thác những cái ở ngoài hình ảnh ấy, đời sống có tính chất ấy hà tất băn khoăn về thiện ác, chỉ cảm thấy đẹp do sự thật tươi trong, tức là đến tình trạng tuyệt đích, vượt ngoài ước lệ. Một bài văn chương, không cần liệt vào thể gì, loại gì. Chỉ có «thơ» và «văn» theo nghĩa tinh thần đã định, dù ở trong hình thức nào.

Sự sáng tác không cần phải lúng túng trong những khuôn khổ bất di dịch. . .

Một bài thơ là do sự phối hợp những âm thanh, chữ, hình ảnh, biểu hiệu, theo những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng, để khơi nguồn lưu thông cái run rẩy huyền diệu của thơ. Nó tràn sóng sang người đọc, được rung động theo nhịp điệu của Tuyệt-đối.

Vậy người đọc muốn biết cái rung động ấy, cái đầy đủ trác tuyệt do một bài thơ dội vào tâm hồn, cái thỏa mãn thần bí của sự giao hợp sắp hoàn thành (phút giây, vĩnh-viễn) ít ra cũng phải được lên dây cùng cung bậc với cây đàn, với thi sĩ, với tình nhân. Người đọc cũng phải có *chất thơ*, có *cốt đàn*, có *nỗi tình*. « Thi sĩ » làm xong bài thơ có thể nói : bản đẹp chưa thành. Vì nó còn chờ tác giả thứ hai : người đọc. Cảm xúc truyền tự người thơ sang đọc giả, hòa hợp hai lẽ siêu hình, con sông thơ lộng một trời mới. Người đọc phải là « thi nhân », tái tạo cái vũ trụ bài thơ tạo ra. Có thể khác nhau những vũ trụ ấy. Mà làm sao không khác nhau được. Mà cũng càng nên khác nhau. Nên một bài thơ có thể cảm theo nhiều cách : những khúc hợp tấu vô cùng.

Hãy cùng ngâm :

« Thúy mi thiên phát sinh biệt ly »

và yên cho sóng thơ ngâm vang vào thần kinh hệ.

Thơ chỉ hình dung cái bản ngã thuần túy, cái bản ngã cuối cùng của thi sĩ hay sự vật. Thơ chỉ là một sự nhớ lại, một cuộc trở về của thi sĩ trong cái tôi của mình nằm trong

sự vật. Vì thơ không phải như nghĩa tục, chỉ là một sự làm khoái tai, vừa ý, bằng cách khiêu động người ta, thô sơ, dễ dãi. « Thơ » trước hết phải là sự trong trẻo, sự vô tư lợi, một cử chỉ vô lý do ; không cần chứa cái gì, để làm gì, biết thế nào, tự nó có ý nghĩa, có cứu cánh ở nó ; tự túc, toàn năng ! Và cái gì đẹp là thật. Một chiếc lá, một lời đau, một khước mắt, một nhịp đờn... ai bảo là hư ảo ? Đó là sự thật, ta cảm thông bằng tuệ giác, khi đã nằm trong chiếc lá, trong lời đau, trong khước mắt, trong nhịp đờn. . . Ta đã thấy « Thơ ». « Thơ » chính một cách *tri thức* cao cấp. Nó đã bắt gặp Hình-Nhi-Thượng, đưa đến Tôn Giáo và thực hiện Ái-Tình, nghĩa là Vô Biên.

Thơ, Tình Yêu, Tôn Giáo đều nở bừng trong tuệ giác.

Thi sĩ cùng cung bậc với giáo sĩ, với tình nhân. Mà một lời thơ, một lời cầu, một lời than là lời nói của Vô-Cùng, dấu hiệu của Tuyệt Đối.

Thi sĩ cảm trong một chiếc lá, khi đã nằm hẳn trong chiếc lá, hòa trộn cùng cái lẽ thật muôn đời, là cái tinh-t túy muôn vật, là chất « thơ » muôn nguồn gốc. Thi sĩ từ trong chiếc lá mà rung động ra ngoài và đã chiếm đoạt hoàn toàn chiếc lá, đã cùng nó hợp một ; có một phút thi sĩ *đã là chiếc lá*. Chứ không phải đứng bên ngoài nó, đi vòng quanh mà siêng năng tìm kiếm, xét dần dần những sắc thái, dần dần lĩnh hội được đề mô tả, giải bày, ca tụng một cách vụn vặt, nông cạn, thiếu thốn.

Độc giả cũng phải theo con đường thẳng của thi sĩ, sẽ thấy được « thơ », cái gì thật là « thơ », sẽ thấy trong tuệ giác cái đầy đủ, tuyệt vời.

Không một sự cao quý nào mà dễ dãi tự hiềm bao giờ. Hãy nằm trong thơ, đắm trong nhạc, đừng vội muốn « hiểu » trước khi xúc cảm. Rồi sẽ hiểu, nhất là sẽ « biết » cái biết đầy đủ, trong trẻo, trọn vẹn, nhịp nhàng.

Nhập tâm hết những hình ảnh, âm thanh, cách điệu, lẫn trong sự mờ ám bên ngoài. Lặng lẽ mà chiêm ngưỡng.

« Châu Nam Hải thuyền chìm sông Thúy Ái,  
Sóng Tiền Đường cô áy bến Ô-Giang »



Chúng ta sẽ bước vào Trời, lòng tin đối với điện ngọc, như hạt thơ xanh kia là Trời của thi sĩ, phút ngọc của người. Thi sĩ đã tự giác, còn phần khai giác cho kẻ mười phương. Hai bầu sáng suốt kia sẽ cùng ngào ngạt một hương đàn. . .

Đừng luận lý với thơ, cũng đừng luận lý với người yêu, với giáo điều.

Thấu nghĩa từng chữ rồi những chữ ấy ở cạnh nhau sẽ nảy ra những âm thanh gì, hình ảnh gì, gợi trong trí não một vũ trụ gì *tức khác*, mới mẻ, không phải phân tích, không phải phê phán ; không cần phải tìm cho câu thơ, hay những câu thơ một nghĩa xuôi. Sau khi « cảm » thấy thơ một cách trực tiếp, vẫn có thể tìm « hiểu » những nghĩa xuôi bằng sự suy nghĩ.

Vậy một bài thơ có thể « hiểu » ra nhiều lối, dù có « cảm » một cách duy nhất. Nên đọc giả tùy theo trình độ trí thức mình, mà hưởng thụ ít hay nhiều. Cùng một cảnh trăng, cùng một nụ cười, cùng một tiếng đàn, kẻ dung phu hay người tài tử có lẽ chung một thứ cảm (rung động là rung động) nhưng phong phú không bằng nhau. Nên thi ca cũng phân nhiều bậc. Tiếng « thơ » trong bài này chẳng qua đã hiểu theo nghĩa cao đẳng vậy. Đọc giả lĩnh hội được hay không, tưởng không phải điều quan tâm của thi sĩ. Thi sĩ đi tìm « thơ », tìm « lẽ thật », tìm « mình ». Thật sự chỉ ở đó, nguyên nhân lòng ham mê chỉ ở đó. Và biết đâu mỗi người trong đời không chỉ tự giác ngộ được mình thôi. Và câu :

« Bán hợp quỳnh diên tở hợp hương »

trước khi gió đưa qua hồn chúng ta, đã là nhị hoa của vườn Lý Bạch.

Tính chất của « thơ » tự nhiên đưa đến tính cách hàm súc tinh mạc, tổng hợp ; đặc tính của Á Đông, và tất cả nền văn minh ấy. Ngôn ngữ, cú pháp Á Đông rất thích hợp cho thơ, phát hiện bằng toàn hình ảnh, hương sắc, xếp đặt một cách u ẩn, huyền diệu. Tứ thơ thường ưa đọng lại trong những bài thơ ngắn ( tứ tuyệt, câu đối, rô-bai, hai-cai) cốt gợi

hơn là tả những tình ý đẹp, bằng một vài nét rộng rãi, khả dĩ chứa cả một vũ trụ siêu hình, mở những chân trời bao la, rót vào giác quan bao nhiêu thế giới Lý-tưởng :

«Đầu cảnh quyền nhật, cuối trời nhận thừa...»

Mà lòng ta cũng mang mang một cảm tình vô hạn. Đột khởi ta được ban phước, cái phước thâm trầm, xán lạn, không hẹp hòi.

Ảnh hưởng Phương Tây có thể tốt cho « văn » hơn cho « thơ ». Luận điệu Phương Tây có thể giúp cho lối diễn tư tưởng của ta được có phương pháp, nhưng *không thể và không nên* chen vào lối diễn cảm giác riêng của ta, cái đẹp riêng của ta. Phần trên là phần chung, phổ thông được, phần « văn ». Nhưng phần dưới là đặc biệt từng dân tộc, bình khí từng giang sơn, phần « thơ ».

« Duyên kia ai đợi mà chờ,

Tình kia ai tưởng mà tư tưởng mình. »

Ta biết ngay đó là hơi gió tự phương nào.

Từ cuối thế kỷ trước, thơ Pháp nhờ dòng « tượng trưng » đã gặp thơ Á Đông, ở chỗ uẩn súc, huyền ảo. Hình ảnh Rimbaud, cú pháp Mallarmé, kiến trúc và triết lý Valéry, muốn bỏ lối dẫn giải phân tích, sáng sủa mà đạt thơ bằng sự *trong trẻo*. Họ hết công tu luyện để đến gần sự thật. Cái mà thời nhân có thể cho là hấp thụ của Phương Tây, thì người Á Đông ta, có cái trí cở sơ, trực giác ngay tự lúc đầu, nhờ một ngôn từ đặc biệt. Tìm Thơ Vĩnh-viễn, ta trở về nguồn : Ta.

Có thể nói : Thơ cho ta cảm thông với tuyệt đối bằng những biểu hiệu điều hòa. Nội giới ta, dưới mặt sáng sủa của ý thức (chỉ là phần tương đối, ích lợi, phần « văn ») còn những lớp dày đặc của tiềm thức và vô ý thức, nơi ẩn lữ thật, cái thuần túy, cái « thơ ». Một bài thơ không được hiểu như một bài văn, một cách lộ liễu, nhất định. Phải chứa nhiều sức kêu gọi, ý ở ngoài lời, đúng với sự thật sâu sắc bao trong toàn thể. Chỉ có một đạo lý và một đạo : là THƠ.

Vậy thơ không cần lúc nào cũng rõ nghĩa vì nó không chủ động trong địa hạt ý nghĩa, không phải lúc nào cũng sáng sủa vì nó không vụ phát biểu cái phần sáng sủa của tâm linh nó giữ phần sâu kín, nó giữ phần sâu sắc ; không phải lúc nào cũng theo lý luận, vì nó chịu sức chi phối của những luật vô hình ; không lúc nào cũng đề chỉ bảo một cái gì ; vì nó không vụ ích lợi thực tế. *Thơ là cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu, cái hình ảnh sự khắc khoải bất diệt của muôn vật : cõi Vô Càng.*

« Thơ » là Đạo, cái đệ nhất nguyên lý, sẽ sáng tạo được vạn vật, khi đã chia âm dương. Âm dương phải tương đối mới có sáng tạo, phát huy được cái Đạo nguyên thủy.

Có thể viết thành cái vòng tương sinh :

ĐẠO  ÂM + DƯƠNG  
SÁNG TẠO            RUNG ĐỘNG  
                                 THƠ  ĐẠO



Và điều kiện cần và đủ của cái rung động kia là : Siêu-việt, trong trẻo, nhịp nhàng. (Nó phải cho ta cảm thông với Tuyệt đối, và được truyền diễn một cách thật và đẹp. Như thế THƠ mới bắt kịp ĐẠO, cái lẽ cuối cùng. . .)

Đứng trước một hiện tượng đẹp như nước thu, rặng chiều, một cảnh sắc xinh như khóm mắt, làn môi. . . người ta thường nhầm nhóm khen là : « nên thơ », là « tất cả một bài thơ ».

Nhưng, như trên đã nói, một vật chỉ là « THƠ » khi nào có rung động và chỉ là « BÀI THƠ » khi nào có truyền lan sự rung động ấy.

Người thứ nhất cùng rung động với chiếc lá, đã tạo ra « chiếc lá thơ », và đã là *thi nhân*, như thường nói : người có « hồn thơ » cảm được vật « nên thơ ».

Mà người thứ nhất truyền lan được cái rung động ấy, ghi mãi được « chiếc lá thơ » kia, bằng một cách nào « thật » và « đẹp » — như bằng lời :

« Gió cây trúc lá, trắng ngàn ngậm gương. . . »  
 đã tạo ra « bài thơ chiếc lá », và đã là *thi sĩ*.

Một khước mắt, một làn môi. . . là « thơ » ngụ trong người đẹp, mà người cảm được là « thi nhân ». Người đẹp thành « thi sĩ » ấy là người tiết phụ truyền lan cái rung động bằng đôi hạt nước mắt long lanh ; ấy là gã si tình, dù bằng một sự ghen ngào, thảm thiết. . .

« Bài thơ » đã thành.

Lúc Thôi Oanh-Oanh quay mặt đi, vành trăng lông mày ả vào đám mây tóc. . . Về kiều lệ ấy chưa phải « bài thơ ». Nhưng bước chân nàng in trên cát, khi qua cửa phòng Trương Quân-Thụy dề về phòng mình, lúc đầu còn đều, sau lún xuống như ngập ngừng, bịn rịn rồi vội vã biến mất như e người trông thấy. . . Điệu cao thấp ấy đã là « bài thơ ». Và chàng Trương đọc được tình Oanh-Oanh trên bài thơ Cát, đã là « độc giả » xứng đáng, đã có chất thơ, có cốt đàn, có nôi tình. . . đã là « thi nhân ».

Mà Trương *thi-nhân*, Thôi *thi sĩ* phải chăng « cùng người hội một thuyền dâu xa... » nhờ sào từ một bờ Rung Động ?

« Thơ » sức mạnh đầu tiên, phát sinh muôn nhịp điệu.

Ví như chất điện bằng bạc trong bầu trời. Sự truyền điện là « bài thơ » — « Bài thơ » không phải một cảnh, một vật. « Bài thơ » là một SỰ — Bộ dẫn điện âm dương là « thi sĩ », ngọn đèn điện tiếp thụ được cái sức sáng do dây truyền tới là « thi nhân ». Thơ là nguồn sinh lực ; thi nhân hưởng thụ và thi sĩ truyền lan sinh lực ấy.

« Thơ » như thần linh : con đồng là « thi sĩ », tạo được « bài thơ cảm thông », nối thần linh với đệ tử là « thi nhân ».

« Thơ » như tôn giáo : giáo sĩ là « thi sĩ » tạo nên « bài thơ giác ngộ » cho tín đồ « thi nhân ».

« Thơ » như tình yêu : « thi sĩ » là người cung nữ thả « bài thơ lá thắm », người vớt lá là « thi nhân ».

Ở các ngành nghệ thuật :

« Thi sĩ » truyền và ghi được cái rung động tuyệt vời lên bài thơ tranh : ấy là họa sĩ (nếu không, chỉ là họa công). Mà « thi-nhân » đây là người cảm được cái rung động của bức tranh.

« Thi sĩ » Bá Nha đầu tiên cùng rung động với non cao nước chảy, trên bài-thơ-đàn : ấy là nhạc sĩ (những người đánh lại khúc Cao-Sơn, Lưu-Thủy chỉ là Nhạc-công). Mà « thi nhân » là người tri âm Tử Kỳ. . .

Trong chính địa hạt văn chương, quan niệm « bài thơ » không nệ ở hình thức, ở khuôn vỏ ngoài.

Người làm những bài thơ theo nghĩa thông thường, chưa hẳn là thi sĩ hay thi nhân, vì chưa hẳn đã đạt được « thơ ». Hãy gọi riêng là Thi-gia, một danh từ trong nghề.

Là « thi sĩ » nếu thi gia hoặc văn gia đạt được « Thơ ».

*Là « Bài Thơ », nếu bài văn chương (dù ở thể nào, loại nào) có chất « Thơ », hàm súc cái rung động siêu thoát, phảng phất cái hương vị tuyệt vời. . . và giá trị nó định ở cái lượng hàm súc cùng cái phẩm phảng phất kia, truyền diễn nhịp nhàng trên cánh nhạc, bằng tới chỗ Trong, Đẹp, Thật : Đạo trong nghệ thuật.*

Một trang Bergson, một thiên Trang Tử, một vở Musset, một truyện Bồ Tùng Linh. . . là những « bài thơ » trong hình thể ngôn ngữ, ngang với những câu của Tagore, Nguyễn Du, Valéry. . .

Nhưng,

« Bài thơ » theo nghĩa chặt chẽ (kết bằng những câu có vần điệu, hay những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng) có được trọn vẹn cái lượng và cái phẩm nói trên kia. Nhiều gió và lợi gió. Đi thẳng và tới mau (nên đọc giả, thi nhân, tình nhân, tín đồ đều cùng theo con đường trực giác, mới đạt « thơ », đặc-đạo, cập tình).



Tiêu chuẩn về hình thức « thơ » là tình cách độc nhất.

Đọc xong « bài thơ », ta bị y nguyên những câu, những tiếng của toàn bài chi phối. Hình thể, cùng một lúc với hồn,

sống mãi trong ta (lương tính của thơ). Và ta không thể di dịch một âm thanh, một hình ảnh mà không phản bội và tàn phá.

« Tôi yêu cái-gì-chỉ-có-một. . . » tức là những « bài thơ ». Vì « tôi » là « thi nhân ». Vì « tôi » là người-đến-đạo, vì tôi là kẻ chung tình.

Và « thi sĩ » cũng chỉ tạo cái-gì-chỉ-có-một. Tìm những cách rung động mới, những lối truyền diễn mới, bao giờ cũng ở hàng tiên phong.

Quan niệm « Thơ » ngụ cái ý cần định lại những giá trị bất diệt bằng những khuôn thước *thật*, trở lại cái can hệ của *tinh thần*. Đi về *lối sự vật*. Tạo lại mình và vũ trụ :  
 BÀI — THƠ — MUÔN — ĐỜI. . .

(Trích trong Xuân Thu Nhã Tập)

ĐOÀN PHÚ TỬ

PHẠM VĂN HẠNH

NGUYỄN XUÂN SANH



## SÓNG và VẼ

Tương lai rồi đẹp lắm. Chừng nào ta đỡ thấy bản khoán, nhớ tiếc, thèm muốn một thế giới gì hầu như vẫn có. Chừng nào ta hết bút rứt, như sẵn một nỗi mệnh mang oan uổng không thốt nỗi ra lời. Chừng nào Vẽ và Sóng cùng được hòa theo một nhịp.

Giờ đây quần quại trong cơn mộng dữ. Vẽ rồi vẽ. Mà hồ xong một bức, nhìn lại, đã thấy xa hẳn những đường vẫn nghĩ. Còn chỉ những cảm giác thắc mắc bên lòng muốn ghi chép nổi lên tranh. Muốn, thường đi một đường, mà tay vẽ một nét, vẫn bội phần, đưa ra một nẻo.

Ta sống hằng ngày với bao nhiêu hình dáng thân yêu. Hình dáng đoán được trong cái nhìn quen thuộc, đầu tư ngàn xưa, một cái nhìn làm sống dậy cả một dĩ vãng êm ấm, mịt mù. Một cái nhìn của người mẹ, một cái nhìn của người cha quê chất phác gặp bên ruộng đất. Hình dáng một một giọng ru em, một câu chuyện kể, một lời tâm phúc. . .

Những hình dáng thân thiết đó bao trùm tâm hồn ta, khiến ta nhìn cảnh vật với những đường nét tất phải khác người.

Trừ ra khi nào ta lấy thước đo và kỳ khu ngồi ghi chép từng nét một của cảnh vật, theo những qui củ dạy sẵn ở nhà trường, thì chúng ta mới không vẽ khác nhau cho lắm. Nhưng người cầm bút vẽ, đứng giữa tạo vật, đâu phải chỉ còn là đôi con mắt biết phân biệt và một cái tay biết đặt bút ghi đúng tâm, nhạc, dài, ngắn, một cảnh mình đương ngó. Ta cũng lại không phải chỉ còn khô khan là một khối óc trơ trọi có thể yên ổn tự vết và đưa ra những hình sắc, mà mong rằng sẽ thật hoàn toàn mới mẻ và bền vững lâu dài. Cho cả những khi không ngờ, ta vẫn cứ đủ cả giác quan và hơn thế nữa ta còn là một người bị ràng buộc với bao nhiêu thế hệ, với bao nhiêu hoàn cảnh, trường hợp rất phức tạp, với sự thực. Ta không thể tự cảm động tự nhiên, và rồi, đề rồi nghĩ ngay đến một lối diễn tả thích hợp. Vì đó, đã nên bao nhiêu lối tả trong Mỹ Thuật, mỗi lối mỗi khác. Khác nhau ngay từ khi định tả.

Đừng nói những khi ta vẽ không hề cảm động, những khi làm việc đều đặn như một cái máy, theo những điều đã học. Trong những phút rung động, say sưa, ta thử bình tâm xét lại, cái nhịp điệu của những đường nét thực thà cảm thấy.

Có phải đâu những hình thù vô tư không nhúc nhích, không hòa hợp, và lẫn tẩn, nhiều, đủ, như trong mọi chi tiết của ảnh chụp ? Cái nhịp điệu đắm thắm nhất, cảm thấy trong giây phút đó, lại cũng không thể giống mọi nhịp điệu sẵn có của những tác phẩm đồ sộ khác về Mỹ-thuật đã được phổ diễn ở một nơi nào trên thế giới. Nhịp điệu đó riêng biệt hẳn và chỉ có trong nếp nghĩ và lối diễn tả Việt-Nam.

Những câu ca dao, những ngôi đình cò, những bước chân đi. . . mỗi mỗi thường mang theo ít nhiều dáng dấp của cái nhịp điệu vĩnh viễn ấy khiến ta còn nhận được cái phần sót lại quý báu, dưới mọi nước sơn phủ kỳ quái, và mong mau đạt tới thể kết tinh phong phú, hợp lý và huy hoàng.

Những ai là người đã từng băn khoăn suy nghĩ về cảm giác riêng của mình, cũng phải nhận đây là một điều có thực, cũng đã đều cảm thấy, và sẽ dễ đồng ý với tôi rằng : Thực hiện được Nhịp-điệu đó bằng một cách nào của Nghệ Thuật, tức là có công gây nên cái hoàn cảnh thuận tiện cho sự phát triển hồn nhiên sau này của cảm giác.

Lại ngẫm nghĩ riêng về những tác phẩm Mỹ thuật của mọi hồi cực thịnh trên thế giới, rồi đi lui lại, cho tới những đồ cổ sơ của những dân tộc đó, ta sẽ thấy những hồi thịnh chỉ là những hồi đã tìm được cách phổ diễn, rục rờ và rõ ràng hơn, những mầm gốc tự nhiên có sẵn, mà bao nhiêu những thế hệ trước đã từng ghi chép lại một cách sơ sài.

Mỹ thuật Việt-nam đã trải bao phen bị hủy hoại, bị tàn phá hoặc bị dụng tình đề nén bằng nhiều cách. Kiến trúc và Điêu Khắc lại thường dùng gỗ làm vật liệu chính, thì ở một xứ ẩm thấp như xứ này, lại thêm, luôn luôn, những trận lụt khủng khiếp, những cơn cháy hải hùng, tang thương đã không phải nhỏ. Di tích Mỹ-thuật của ta còn lại ít, ta cũng không nên lấy làm lạ. Mất tích quả đã nhiều, nhưng rải rác sót lại chút nào vẫn thừa duyên đề lưu luyến, yên ủi, về cõi lòng mong mỏi cái Đẹp muôn năm của ta và còn đủ sức khuyến khích ta, thôi thúc ta luôn luôn theo đuổi công việc ấy. Những thời xưa đó sở dĩ đề lại được cho ta những hình dáng quen thuộc mặn nồng và hồn hậu hơn những « bộ tịch » « lai » trong tranh của chúng ta cấu tạo hàng ngày, là vì người xưa đã thực thà hơn chúng ta ngày nay, nên đã ghi chép nổi cái Nhịp-điệu đặc biệt, hàng thân thiết về Hình Sắc của Trời riêng cho Ta cảm thấy.

Không dụng tình phục cớ, tôi chỉ tin rằng muốn tiến thì trước tiên phải thực.

Nhưng thực đối với chúng ta không phải chuyện dễ nên trong chốc lát, mà phải là cả một công trình cố gắng rất kiên nhẫn. . . đề quên, đề thấy. Cố gắng tìm ra thực với ta; thì rồi thật không thoát khỏi sẽ cảm thấy cái phần mà, duyên số ta, đã phải mang tự muôn xưa.



Cho tới nay, tôi vẫn tin rằng vẽ là luôn tìm lối phổ diễn cái Nhịp-điệu thần thiết đó, mà nghĩ đến gột rửa những cặn bã vương óc mình, đã nhằm hấp thụ phải, tức là có chịu hy sinh cùng tận tụy ngõ hầu mong tiến trên con đường sung sướng hiểu biết chân thành sự Sáng-tạo Cao-cả.

Tận tụy mà cầu thì Chân Hạnh-phúc sẽ đến, và mai sau đây mới thực thấy huy hoàng.

NGUYỄN ĐỖ CUNG



## TĨNH TỤ

Từ nguyên từ đến tinh đầu, đời là một vũ trụ *động đậy* Thời gian chỉ nên xem như ảo ảnh của sự luân chuyển không ngừng.

Thề chết là hiện tại. Đời thay là quá khứ. Tỏa lan là chết. Tĩnh tụ là sống.

Hoa cỏ, người vật quay theo cái guồng Thiên Nhiên. Bao nhiêu đợt sống không hồn trôi quanh con bờ vô tận !

Vun lấy một ít thề chết, đứng ra ngoài vòng Tạo Hóa, lập nên một nhịp điệu riêng, vinh thay những đảo sống trên mặt bờ hư vô !

Thích Ca dạy chúng sinh thoát kiếp luân hồi : Phật là những vị Siêu-nhân biết đứng lại đề sức Mạnh hấp dẫn vạn vật tới con đường sáng.

Nghệ sĩ lấy tiếng, lấy dấu, lấy màu chung kết nên bản nhạc có một trên tử sách muôn đời.

Tĩnh yêu níu lấy phút mê ly, mà đá vọng phu còn mãi mãi.

Muốn cứu vớt trí thức, đừng hỗn độn, đừng đề trời, đừng tỏa lan, đừng bắt chước (bắt chước tức là chạy theo guồng máy của người). Hãy tụ tinh thần về một phía, hãy *Tĩnh tâm* đề lữa Trời rơi tới cõi tinh vi.

Hãy có những đêm quân trường Ngũ-Trượng-Nguyên. Hãy khoác áo đen, hãy nhóm ngọn đèn hồn ở sức sáng các vì sao. Đề cảm thông với Trời, đề bắt vạn vật ngừng, đề có lấy sự sống đang muốn trôi đi. Đừng cho thề chết cuồng bạo Ngụy Diên đột nhập tâm hồn.

Hãy có những ngày dưới gốc Bồ-đề. Hãy nhắm mắt với đời đương qua. Hãy vòng tay, cho máu không chảy. Đề sáng suốt, đề tới Đạo. Đừng cho ma quái nhảy múa trên đường Giác.

Tĩnh tụ không hèn kém. Tĩnh tụ không a dua. Sẽ không thấy chung quanh, không thấy mình, sẽ phá dần những vô thành kiến, những lớp văn hóa. Sẽ tới cái « Ta » của muôn đời, và cảm thông cùng vũ trụ.

Sẽ như người tập bắn, nhìn hạt đậu thấy mặt trời. Sẽ như lòng tin chuyển núi lấp sông.

Tĩnh tụ là điều kiện của tri thức, của tiến bộ.

Hơi khác người Phương Tây, tôi muốn như tôi :

« Nathanaël, hãy *nhập thiên* »

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC



## GIỌT SƯƠNG HOA

### I

Chiều đông đất Hậu-giang, sao như chiều xuân Hà-nội !  
mà tôi lại chỉ đành với hiu hắt, — hơi thở mùa thu !

Tôi nhìn lên : mắt cô gái mười bốn. Mà bạn tôi thấy  
có người mắc chứng nan y, ngoài cơn dội, êm hường tia  
ấm nả nùng.

Vài giờ nữa... Vài giây, con mắt, sẽ vẫn —

Màu tan vào sương.

Chúng tôi mãi ngắm trời, qua bãi tha ma không hay.—  
Trong ánh trong xanh, đã chôn bao nhiêu rồi cao vọng ?

### II

*Tôi muốn trang không hề mở  
Sen còn giữ búp*

*— và lòng chưa tràn đầy*

Cạch, cạch... Bàn tay nào mang đến một bó mền  
thương hay bàn tay trộm ?

(Tôi cũng chẳng có của chi, ngoài cái gánh tơ tưởng...)  
Đề tôi thấy lại trong mơ...

Tôi mò hạt mơ trong sách, bẻ trên tay một ý diễm kiều. Tối kia, ra phố. Chuông người tôi ngân vang các ngõ.

Thao thức chờ mặt trời. Hăm hồ lên lầu tuyết, —  
Địch. . . Đêm nay, tôi xây mồ ảo vọng.

Hơi thoảng nhớ lay tôi trên đường Hoa. Cảnh xú lạ, mà sao hết quê nhà. Hồn hồ bước tới, hay êm dịu trở về ?

Cạch, cạch. . . Đề tôi mơ một bài thơ xưa ! Chỉ ngày mai thôi, mặt trời trở lại.

— Cửa bật, gió ùa. Chỉ ngày mai thôi. . . Nhưng lòng tôi đã lạnh.

### III

Mỗi buổi thu tàn lại cuốn theo quãng ngày xanh mà giục ta nghĩ đến những mùa chuyen tới. Thu tàn ở đây cũng nhiều diễm lệ, không phải chỉ màu nắng bạo tàn. Những chiều trong vắt, và những đêm trăng, sáng như điều hoài niệm.

. . . Những ngày mệt mỏi ta nằm giạt trên bãi cát khô, sẵn lòng đợi một buổi mai bụi trắng chôn vùi ; — nhưng kiếp sau. . . có bao giờ tới bến ?

Cám ơn trời ban cho ta sức sống trong thời gian một buổi sớm.

Buổi sớm ngạt ngào mùi sen trên mái tóc đương tơ.

Sao ta không tiêu tán giữa buổi tung bưng ngày hạ.

Phù dung kia chỉ nở một ngày để ngấm ngợi muôn đời xinh đẹp, rồi tàn trong bóng tối ngàn sương. . .

Thu tới làm chi, với rất nhiều mỹ lệ.

Hậu-giang những ngày gió

PHẠM VĂN HẠNH



LNS.— Như đã nói, thi thơ của nhóm Xuân Thu Nhã Tập là những sáng tác hàm súc tứ thơ kín đáo, bí hiểm. Đọc xong, dù những hồn thơ nhạy cảm đến mấy, cũng không dám quyết hẳn đã đạt hết ý thơ. May thay, những ai thích nghiên

cứu phái thơ tượng trưng này cũng còn đòi người giải thích như bác nhịp cầu thông cảm giữa thi nhân và khách yêu thơ. Ta phải kể trước nhất là hai ông Hoài-Thanh — Hoài-Chân chú giải về bài *Màu thời gian* của Đoàn phú Tứ. Thi thơ của tác giả này tương đối dễ hiểu và âm điệu dễ rung cảm hơn. Nhất là bài *Hận ly tao*.

Đây, ta hãy đọc *Màu thời gian* và nghe ông Hoài-Thanh Hoài-Chân bình, chú :

### Màu thời gian (1)

*Sớm nay tiếng chim thanh  
Trong gió xanh  
Địu vương hương (2) ấm thoảng xuân tình*



*Ngàn xưa không lạnh nữa, Tần-phi (3)  
Ta lạng dăng nằng  
Trời mây phẳng phất nhuộm thời gian (4)*



*Màu thời gian không xanh  
Màu thời gian tím ngắt (5)  
Hương thời gian không nồng  
Hương thời gian thanh thanh (6)*



*Tóc mây một món chiếc dao vàng (7)  
Nghìn trùng e lệ phụng (8) quân vương  
Trăm năm tình cũ lia không hận  
Thà nếp mây hoa thiếp phụ chàng (9)*



*Duyên trăm năm dứt đoạn  
Tình muôn thuở còn hương  
Hương thời gian thanh thanh  
Màu thời gian tím ngắt (10)*

(Ngày nay)

**CHỮ** (bài *Màu thời gian*) :

1) Không ai ngờ một cái đầu đề có tính cách triết học như thế lại dùng đề nói một câu chuyện tâm tình.

2) Hãy đề ý cái âm điệu vấn vương của mấy chữ này.

3) Thi nhân mượn sự tích người xưa để giữ vẻ kín đáo cho câu chuyện. Xưa có người cung phi, nàng Lý phu nhân, lúc gần mất, nhất định không cho vua Hán Võ-đế xem mặt, sợ trông thấy nét mặt tiều tụy vua sẽ hết yêu. Cái tên Tần-phi thi nhân đặt ra vì một lẽ riêng.

*Ngàn xưa không lạnh nữa* : Chuyện xưa đã hầu quên nay nhớ lại lòng lại thấy nôn nao.

4) Thi nhân muốn nói dâng hồn mình cho người yêu. Song nói như thế sẽ sỗ sàng quá. Và người thấy mình không có quyền nói thế, vì tình yêu ở đây chưa từng được san sẻ. Nên phải mượn cái hình ảnh *trời mây phảng phất nhuộm thời gian* để chỉ hồn mình. Chữ *nhuộm* có vẻ nhẹ nhàng không nặng nề như chữ *nhuộm*. Chữ *dâng* hơi kiêu cách.

5) Người Pháp thường bảo thời gian màu xanh. Nhưng thi nhân nhớ lại thời xưa, hỏi người đương yêu, cứ thấy màu thời gian tím ngắt vì người riêng thích một thứ hoa tím, và màu hoa lẫn với màu yêu.

6) *Hương thời gian* là hương thứ hoa kia mà cũng là hương yêu, một thứ tình yêu qua đã lâu rồi, nên chỉ thấy thanh sạch, nhẹ nhàng.

7) Nàng Dương quý-phi lúc mới vào cung, tính hay ghen, bị Đường Minh-Hoàng đưa giam một nơi. Nhưng nhà vua nhớ quá sai Cao lực sĩ ra thăm. Dương quý-phi cắt tóc gửi vào dâng vua. Vua trông thấy tóc thương quá, lại vời nàng vào cung.

Đoàn phú Tứ hợp chuyện này và chuyện Lý phu nhân làm một và tưởng tượng một người cung phi lúc gần mất không đề vua xem mặt chỉ cắt tóc dâng, gọi là đáp lại trong muôn một mối tình triu mến của đấng quân vương.

Ở đây không có chuyện cắt tóc nhưng có chuyện khác cũng tương tự như vậy.

8) Chữ « phụng » rất kín đáo, chữ « dâng » sẽ quá xa vời, chữ « tặng » quá suông sã.

9) Ý nói : thà phụ lòng mong mỏi của chàng; còn hơn gặp chàng trong lúc dung nhan tiêu tụy để di hận về sau.

10) *Tím ngát* tả đúng mới tinh diu diu. *Tím « ngát »* sẽ đau đớn quá.

H. T. — H. C.



BÌNH (bài *Màu thời gian*) :

Nói về toàn thể nên chú ý đến điệu thơ. Bài thơ bắt đầu bằng những câu dài ngắn không đều ; âm điệu hoàn toàn mới. Kề đến bốn câu ngũ ngôn cổ phong, một lối thơ cũ mà thi nhân gần đây thường dùng. Bỗng chuyển sang thất ngôn ; điệu thơ hoàn toàn xưa. Lời thơ cũng xưa, với những chữ « *phụng quân vương* » và những chữ lấy lại ở câu Kiều « *tóc mây một món, dao vàng chia hai* ». Nhưng với hai câu thất ngôn ở câu dưới thi nhân đã từ chuyện người xưa trở về chuyện mình. Những chữ « *thiếp phụ chàng* » đưa dần về hiện tại. Rồi điệu thơ lại trở lại ngũ ngôn với hương màu trên kia.

Thành ra ý thơ, lời thơ, điệu thơ, cùng với hồn thi nhân đi từ hiện tại về quá khứ, từ quá khứ gần đến quá khứ xa, rồi lại dần dần trở về hiện tại. Hiện tại chỉ mờ mờ nhạt nhạt, nhưng càng đi xa về quá khứ, câu thơ càng thiết tha, càng rục rỡ. Nhất là chỗ từ ngũ ngôn chuyển sang thất ngôn câu thơ đẹp vô cùng. Tôi tưởng dầu không hiểu ý nghĩa bài thơ người ta cũng không thể không nhận thấy cái vẻ huy hoàng, trang trọng của câu thơ. (1)

Trong thơ ta có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế.

H. T. — H. C.

(1) — Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát có đưa phần bài thơ này vào dàn. Đoạn đầu bài nhạc đi rất mau rồi chậm dần. Đến đoạn thất ngôn nhạc lên giọng majesticoso. Cuối cùng còn một đoạn lấy lại âm mấy câu đầu.

## Tủi

« Vật miob tức tối mọng không xong. »

*Nhắm mắt ôm vùi chiếc gối bông,  
 Băng khuâng tìm giấc phấn hương nồng ;  
 Phấn hương chưa ủ tình yêu lạnh,  
 Em chết ! trời ơi ! anh tủi lòng ! . . .*

Đoàn phú Tứ

(Báo Tinh hoa, số 4, 17-4-1937)



## Ánh trăng

*Mãi miết đường đời đã bấy lâu,  
 Biếng nhìn trăng cũ muốn quên sầu ;  
 Đêm nay bỗng thấy bên song ngõ  
 Một ánh xanh mờ thoáng tự đâu,  
 Leo lét gọi khêu tình quá vãng,  
 Lòng thơ bao xiết nỗi thương đau ;  
 Vung chấn toan rũ màn đen tối,  
 Mắt lệ dờ trong vành ngọc cao.*

Đoàn phú Tứ

(Báo Tinh hoa, số 2, 20 3-1937)



Và đây là chú giải của Diệu Anh về thơ của Nguyễn xuân Sanh và Phạm văn Hạnh trong bài *Độc Xuân Thu Nhã Tập*, đăng ở báo Thanh Nghị.

Nhận định về Nguyễn xuân Sanh, Diệu Anh viết như sau :

« Khi tôi nói đến thơ của ông Nguyễn xuân Sanh với người quen biết, nói vừa dứt tên tác giả, tôi bị vội vã ngắt « *Thơ ấy chịu sao được* ». Người ta kêu ông Xuân Sanh lập dị và người ta công kích không nghi ngại gì cái lối thơ tối tăm, bí hiểm của ông. Thực ra thì trong lối kết án nghệ thuật của ông Xuân Sanh có nhiều công kích vội vàng. Chỉ vì lẽ lý trí không trông rõ ngay trước mắt mỗi giềng tư tưởng trong thơ mà vội chê thơ ấy khô không có giá trị thì kẻ cũng quá sơ sài. Tất cả cái lý thuyết trong bài luận về thơ « *THƠ* » là đề bênh vực cái lý tồn tại của nghệ thuật

thơ trong sự sáng sủa, không cần làm hại cái luận lý của lý trí (logique intellectuelle) nếu áp dụng cái lý thuyết ấy, vị tất đã là dỡ. Nếu ta xét thơ của ông Xuân Sanh theo quan niệm thơ văn được lưu hành thì là thất sách. Phải xét thơ ấy dựa theo quan niệm đặc biệt trong bài « *tiểu luận* » THƠ hoặc nếu ta muốn chê trách cái lối tối tăm của lối thơ ấy ta phải thăm xét lại cái lý thuyết nguyên do và sự thực hành lý thuyết ấy bởi các tác giả . . .

*Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi*

(Buồn xưa. Nguyễn xuân Sanh)

*Hoa quỳnh* (hình ảnh), *chiều* (gây cảm giác) chiều tra dĩ vãng, và buồn. *Nhạc trầm mi* (tiếng nhạc, hương trầm mi mất giai nhân). Câu thơ làm rung cảm các giác quan ta, làm rung cả tâm hồn. *Hoa Quỳnh* ; buổi chiều nhạc êm, hương ngát, mi say đắm. Sau khi ta tìm hiểu câu thơ « *Nhạc trầm mi như động trên hoa buổi chiều. . .* »

*Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi*

*Hồn xanh ngát chở dẫu xiêm y.*

Buổi chiều trong hoa quỳnh, vắng nghe nhạc, người thấy hương trầm, trông thấy mi kỹ nữ của cả một đời xưa, Hồn ta say sưa vì đẹp dĩ vãng « *Hồn màu xanh tươi, ngát hương* » Chờ mang dẫu xiêm y của các mỹ nhân thời xưa múa khúc nghệ thường.

Nếu hai câu thơ ấy ta dùng để định giá trị nghệ thuật của ông Nguyễn xuân Sanh thì chỉ có lợi cho thi sĩ. Hai câu thơ ấy có nhạc điệu và có thực giá trị. Lợi khí là âm thanh, hình sắc. Ta có thể tìm hiểu nghĩa xuôi của thơ nhưng không cần ngay lúc đầu. Có thể nói rằng nghĩa xuôi của câu thơ có khi làm giảm cái độ giàu mạnh của cảm xúc đầu tiên. Trước khi hiểu nghĩa xuôi bao nhiêu cảm giác xảy nên trên hình ảnh « *Hoa Quỳnh* » bao nhiêu xúc động rộng rãi bám vào mình « *Chiều xôn xao về nhạc trầm mi* » khi hiểu nghĩa xuôi, tâm hồn ta chú ý vào nghĩa ấy. Cảm xúc có vẻ thu hẹp lại (Buổi chiều chỉ là buổi chiều trong hoa quỳnh).

Nhưng xét kỹ ra thì thuyết ấy không phải hoàn toàn là vững chắc. Đứng độc lập, những tiếng nhạc, trầm mi, gây



nên cảm giác giàu mạnh tùy theo người. Nhưng cảm giác ấy thực hời hợt và bơ vơ. Như không tìm được chỗ bám víu. Vì tâm lý học đã cho ta biết đời cảm xúc có liên lạc mật thiết với đời lý trí một cảm xúc mạnh và sâu là vì có lý trí và những tưởng tượng (représentation). Những liên tưởng (associations idées d'images) nghĩa là vì có hoạt động của Lý-trí. Không thể tách rời tình cảm ra một bên, chỉ nói chuyện thẳng và gây cảm xúc. Nhạc, nhạc xưa, nhạc Nghệ-thường, nhạc ở đáy thiên cổ, nhạc những giờ ca vui nay đã tắt. Cảm xúc hòa nên đời dào bao nhiêu. « Tóc mây » nó là tóc mây của một giai nhân yếu kiều, hai cảm xúc mạnh khác nhau. Vì vậy câu thơ vẫn cần phải có nghĩa. Tác giả có thể trả lời « Độc giả có thể đọc nhạc sẽ nghĩ đến nhạc xưa » thì dù nhạc Nghệ thường hay một thứ nhạc gì khác cũng được. Nhưng chỉ độc giả không được hướng dẫn ngõ ngách vì sự hội ngộ lạ lùng của tiếng, của chữ, thường chẳng nghĩ gì đến hơn là « Tiếng đàn » những giây cảm xúc không được rung động, đời tình cảm làm việc nghèo nàn bởi chúng không có bám víu vào đời lý trí ».



### Bình tàn thu

*Bình tàn thu vai phấn nghiêng rơi  
 Chén vàng dâng ướp nhạc lòng đời  
 Sương mùa lệ héo dậm đường hương  
 Cung phi dặng bướm buồn Nghệ Thường  
 Sách đàn tay xóa ái-tình-Chương  
 Cỏ mây người nhạc dịu vườn tươi  
 Đa xuân mười tám tuổi buồn người  
 Mì thơm chanh buổi chiều buồn đa  
 Rượu tóc loan thánng đượm mùa ngà  
 Sầu chùm tơ giấy giờ mưa hoa  
 Người ơi người nẻo ngát tường mương  
 Hồn Tương-giang đàn dựa buồn hương*

NGUYỄN XUÂN SANH



**Buồn xưa**

Huyền hoa chiều động nhạc trầm mi  
 Hồn xanh ngát chớ dấu xiêm y  
 Rượu hát bầu vàng cung ướp hương  
 Ngón hường say tóc nhạc trầm mi  
 Lãng xuân

Bờ giữ trái xuân sa  
 Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà  
 Nhài đàn rớt nguyệt vú đôi thơm  
 Tỳ bà sương cũ đứng rừng xa  
 Buồn hường vườn người ai tuổi tươi  
 Ngày này tràng giang buồn muôn đời  
 Mối gọi màu xưa ngực giữa thu  
 Duyên vàng da lộng trái du người  
 Ngọc quế buồn nào gọi tóc xưa  
 Hồn xa chiu sách nhánh say sưa  
 Hiễn dăng

Hiễn dăng quả hờng hường  
 Hoàng tử nghiêng buồn vây tóc mưa  
 Đường tàn xây trái buổi du dương  
 Thời gian ơi tưới hận chìm tường  
 Nguồn buồn lạnh lẽo thoát cung hơi  
 Ngọt ngào nhớ chảy tự trấm phương

NGUYỄN XUÂN SANH



**Mười xuân**

Hãy vớt mai trâm vang nắng gió  
 Đường xuân rồi khép với chiều tơ.

Đường xuân

Lên mùa xe khách vút xe hương  
 Vai nghiêng sưởi trái lạnh hồn đường  
 Gieo trắng dặm thơm đời ngát nẻo  
 Bỏ mùa chân ướp ngấn hoa sương

Ngập ngừng hương ấm bình thanh xuân  
 Tay thơm dâng sóng đậm chiều gần  
 Hồn gặp men chiều xiêu mái đượm  
 Sương người tươi trái duyên riêng thân,

Thế kỷ về xuân hương nước ơi  
 Người xuân liễu thắm nhạc hồn đời  
 Say cuộc nẻo hương hoa thắm bước  
 Hát trầm nhựa chuyền nhánh vượn hơi.

Quay nhịp chiều tươi hương vút cao  
 Tay xuân sưởi rượu thuở xa nào  
 Phơi phới ngày vàng giăng mí tóc  
 Mi ướt rùng mùa sương buổi nao

Xe lá xuân hồn hoa ngón tay  
 Mất nghiêng cánh hạc mộng bờ ngày  
 Hương lộn mi trầm mây biếc biếc  
 Ơi người mùa duyên men bốc say

Chén đàn xuôi trái ước trăng không ?  
 Mỏi ngát trời xưa nhịp thắm hồng  
 Vươn lượn tay nghiêng xây trái cũ  
 Bờ xuân men nhạc múa tơ bông.

Bâng khuâng vai ướt lệ sương người  
 Vòng xuân hoa mướt mộng nơi nơi  
 Nghe mạch hương mùa khua trái giữ  
 Tay nao sương đất hạt lâu đời

Hồn lạnh thời gian đâu buổi xưa  
 Tay ơi bóng ấm đậm buồng dừa  
 Trăng hồng đỏ chín rơi vang bước  
 Hạnh phúc duyên đường nghiêng nhánh xưa

Lên xuân trái nhạc ngủ chiều hương  
 Rừng dựng màu cành xanh bốn phương  
 Nắng gội hồn ngày say góc mát  
 Người hương trái chín nhạc lên đường

Người xuân ngực nở nhịp tuần hoàn  
 Thuyền dào lên sóng nhạc thời gian  
 Mái tóc ngưng hương mùa nước đậm  
 Mi xanh hờn trĩu nhạc thơm ngàn  
 Mai xưa cây ngát thắm hờn rừng  
 Hương tưới lu trầm bốc mướt lưng  
 Lưu thủy ngọn đời tuôn nhánh gió  
 Tròn xuân đất rậm hái tung bùng.  
 Nội tươi gió trái bước rừng mai  
 Người sương bát ngát gọi đường nhài  
 Đi nhạc ngàn xuân lên bước mới  
 Bình trời treo ngọc nét tuôn vai.  
 Mi lồng thánh thốt chở hờn sơn  
 Vai máu lâu sương nhạc đồ tròn  
 Trái chữu nhịp hoa tay chới với  
 Bước hương gieo nhẹ máu rừng non.  
 Lầu người gió vớt nhạc rừng xây  
 Đất thơm lối biếc ngực dâng đầy  
 Xuân đầy vòng thơm buông trái ngọc  
 Thiên hương lúa mướt tóc rừng mây.  
 Nẻo trắng ru hờn mái tóc sương  
 Người hương trái chín nhạc lên đường  
 Đào dạt rây mây đời ủ ngất  
 Lên mùa xuân khách vút xe hương.

NGUYỄN XUÂN SANH

1939-1940

(Trích báo Thanh nghị năm 1945)



## Hồn ngàn mùa

Gió đầy bờ hương Thiên Trúc hải  
Sen diu nhạc đượm Hắc Hà giang  
(Tập Thơ Tudi Nhỏ)

*Hy-mã-lạp-sơn buồn thu đây*

*Thu*

*Tóc xuân bưng đỉnh chiều đầy  
Quy dâng Hình Nhạc nẻo nghìn mây  
Trăm ngàn mùa nghe tóc buông xây  
Hòa hợp màu hương tranh thế gian  
Đất ơi hoa rớt chén trời dần  
Sen tưởng cầu thơm ngói tiếng can  
Rừng ngàn mùa e ấp Dung Nhan  
Đền xanh cửa ngát lạt hoa thương  
Cúi đầu sao khóc bề chán chường  
Quay thuyền Lái Ngọc gửi mười phương  
Hồn ngàn mùa lạnh lẽo tay hương  
Hoàng hôn kinh dậy đất mênh mông  
Trái đẹp sao xưa gợn gió bằng  
Vai sầu chín thuở Đức say Bông  
Người ngàn mùa kiếp trắng nghiêngng Sông*

NGUYỄN XUÂN SANH



## Người có nghe

Tôi dâng nàng  
Một nửa đời tội lỗi  
— Và nàng sẽ cho tôi  
Tất cả tấm lòng bằng !  
(Hoa Hương)

*Người có nghe ru nhánh nhạc gầy  
Dạt dào sóng thấm xóa muôn giây  
Trưa nay gió dị và trong tóc  
Hoa khép đà lên tiếng nước mây*

Đặt điu nhị đám nôi sau xưa...  
 Diệu lá hồn rung ý nhật thừa  
 Rầu rĩ vỹ van đôi ngón mộng  
 Nâng môi hàm tiếu bút say sưa.  
 Gác kín buồn sâu khóa ước mơ  
 Mùa đông ép mãi giữa khăn tơ  
 Kìa trông men bướm bốc lên nắng  
 Phấn lệ còn đây giữ xuống thơ...  
 Ngươi có nghe đưa nhịp nào nề  
 Hương tà dăng nhớ quyến song the  
 Đàn xa cũng mắc sầu này chứ ?  
 — Giọng thắm hơi cao, người có nghe...

PHẠM VĂN HẠNH



### T h ư, T h ơ...

Thư, thơ...  
 Gửi, không gửi ?  
 Viết, sống  
 Vui vợi, hắt hiu...  
 Tới, không tới ?  
 Than thở, tâm thành  
 Một ngày ngọc  
 tới  
 Một phút hương  
 lộng  
 Trăng trong hồn...  
 — Hương Tàn !  
 phương trời  
 Tinh sương  
 Tịch  
 Mịch  
 Nhớ nhung, nhớ nhung...  
 Gió thông  
 tịch tịch —  
 — Chiều...

Nhờ sào  
 bến chi ?  
 Sương khuya  
 (Tên người điếm lệ  
 Tên người rướm lệ)  
 Không bao giờ  
 Bao giờ ?  
 Nói, không nói  
 Trong, trắng trong  
 Trong, trong...  
 Lặng

PHẠM VĂN HẠNH



Một chiều cuối thu, tôi gửi cho các bạn,  
 tự trên rừng...  
 (Các bạn thân, hay chưa thân ; hiểu hay chưa hiểu,  
 có hồn, hay... nhưng mà cái gì không có hồn ? )  
 — Gió Lào, con thú bị thương  
 đang rú...  
 Tiếng khóc đang cơn say !  
 Tôi khép cửa hai lần : Cửa không muốn đóng  
 Rào rào trận mưa không trông thấy,  
 kệt kệt cái gì muốn vỡ  
 Lặng. Vo vo  
 trong mơ  
 hồi nhỏ.  
 Mưa  
 Thật thà, bi thiết...  
 Sờ ra, chùng u hoài !  
 Ngọt và đắng,  
 hiển linh hồn.  
 không khép .., không giận, không cười.  
 Có làm sao, các người nhỉ ?  
 (Ừng nhiều thứ < giết > tôi, kẻ tôi trước tiên ! )  
 — Hào... Hào huyền !

Bả là gió gần tỉnh  
 Trời quang. Tối.  
 Có cánh đại nào tạt trên thêm,  
 run trên lòng?... Cũng sống đời hoa !  
 Một chiều mộ thu, tôi gửi cho bạn,  
 tự trên ngàn...  
 (Tôi viết chi ?)  
 Trăng lần nữa mở trang thơm,  
 Ta cùng đọc những lời thơ không nói  
 Ta cùng nhớ Cái-Gì-Không-Thề-Tối  
 Tôi đi lên cao, tôi có với được gì ?  
 Mây Tần... Còn vương gì trong đôi tay !  
 (Đôi tay chấp muôn đời)  
     « — ... Sơ Sơ ... Lã Oai ... ! »  
 Tôi ngả đầu trên vai nào đây ?  
 Đóa mơ say,  
 Ngày mai ... tạ  
 « ... Sơ Sơ ... là ... »  
 Đôi mắt xưa,  
 Ngày mai ... lạ  
 « ... Sơ Sơ ... »  
 Một chiều tàn thu, tôi gửi cho ai,  
 tự trên nguồn ...  
 (Tôi gửi gì ? )  
 Lòng tôi đã dâng  
 Một chiều Xuân Thu ....

Mừng Theng, một mùa gặt  
 PHẠM VĂN HẠNH





L. N. S.— Nếu nhóm Xuân Thu Nhã Tập đã làm một trong những biến chuyển đường hướng sáng tác của văn nghệ sĩ lúc bấy giờ, chúng tôi vừa trình bày trên những tác phẩm văn thơ của nhóm mà không luận bàn gì về quan niệm nghệ thuật vì chúng tôi thiết nghĩ họ là người của phong trào khởi sáng, hay hay dở, đúng hay sai không gì tốt hơn nhường lời cho người cùng thời tức là luồng dư luận lúc bấy giờ phê phán.

Họ là những người gây dựng đường hướng sáng tác mới. Ảnh hưởng có tốt đẹp hay không? Chúng ta hãy nghe ông Tam Ích nhận định trong bài « *Nghệ thuật Việt-nam đi đâu? Từ những chất nghệ thuật cũ đến vấn đề ý thức hệ của nghệ sĩ* » ta có thể tìm được ở đó một sự phân tích cặn kẽ về ý thức của những con người văn nghệ sĩ trước cuộc chuyển hướng của nghệ thuật đương thời.

Sau đây, chúng ta hãy đọc thêm bài bỏ tấc của ông Triều-Sơn luận về « *Cán bản vấn đề nghệ thuật* ».

Như vậy ta sẽ có đầy đủ cả hai luồng dư luận phê bình và xây dựng về khuynh hướng sáng tác của nhóm Xuân Thu Nhã Tập vậy.



## NGHỆ THUẬT VIỆT NAM ĐI ĐÂU ?

Từ những nghệ thuật cũ  
đến vấn đề ý thức hệ của nghệ sĩ

Bài của TAM-ÍCH

Cách đây mấy năm qua. . .

Năm 1944, người ta hỏi họa sĩ Nguyễn gia Trí về mục đích của hội họa, Trí trả lời : « *Trời sinh ra mình vẽ thì mình vẽ* ». Người ta lại hỏi họa sĩ Lương xuân Nhị về ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội, Nhị trả lời : « *Cũng có, và cũng không. Không là vì nghệ sĩ hành động tự do. . .* ». Rồi người ta lại hỏi Nguyễn đồ Cung về khuynh hướng hội họa, Cung trả lời : « *Hiện giờ tôi đã tìm tôi và suy nghĩ . . .* »

Ba người : một người từ trên trắng rơi xuống, một người lúng túng giữa có và không, và một người đang đi lang thang tìm khuynh hướng.

### Quá trình tiến hóa của cá nhân nghệ sĩ

Nghĩa là thế này : họ không có sứ mạng xã hội. Trời sinh ra đề vẽ thì vẽ, muốn vẽ gì thì vẽ, và muốn theo khuynh hướng nào cũng được. Một mặt thì không biết vai trò của mình trong xã hội như thế nào, một mặt thì tưởng tượng rằng nghệ sĩ thì bao giờ cũng tự do, đứng ngoài những biến chuyển của lịch sử.

Nhưng sự tưởng tượng chỉ có hạn. Một buổi sáng, sức tưởng tượng của nghệ sĩ chạm phải cuộc đời thiết thực. Và họ cảm thấy rằng bản ngã của họ, có một cái gì mất thăng bằng ; chung quanh sự sống của họ, gió bão cuộc đời khách quan và chủ quan đập vào người họ.

Chất nghệ thuật lãng mạn bắt đầu loảng, nghệ sĩ đã bắt đầu thấy khó thở giữa những chủ nghĩa nghệ thuật đã phá sản. Vì vậy Nguyễn Đỗ Cung bắt đầu : « *Tìm lời mà suy nghĩ.* »

Họa sĩ đi tìm xu hướng mới. Thi sĩ đi tìm nguồn thi hứng khác. Văn sĩ bỏ chất văn chương lãng mạn. Nhạc sĩ đào huyệt chôn đàn cò, đàn kìm và những bản nhạc xưa. . . Nói tóm lại, mỗi một nghệ sĩ đi tìm một nghệ thuật mới. . .

Với họ, cần phải có một xã hội mới, một khí hậu văn hóa mới, cần phải có một sự thay đổi.

Người ta không thể lấy mãi cái xấu làm cái đẹp, và những dư âm tiêm tàng kín đáo trong cái xã hội đầy giả dối, đầy thô tục của một giai cấp phá sản không thể nằm nghênh ngang trên tranh, trên sách giữa những vần thơ hay trong một điệu đàn nữa . . .

Nào trái tim, nào tình cảm, nào « cuộc đời bên trong », nào cặp mắt mơ mộng, nào mây nước trắng hoa, bao nhiêu đề tài của chất nghệ thuật cũ đều thành chuyện cũ.

Nhưng bỏ cái cũ thì phải có cái mới. Cái mới tìm ở đâu ? Có người chỉ cho họ : trong sự sống linh hoạt của cuộc đời.

Sự thật thì khác. Họ không trở lại những nơi mà họ thấy thiếu sinh khí nữa, họ tìm một đường khác.

Họ không muốn lệ thuộc vào bất kỳ một giai cấp nào. Họ đi tìm một cái mà họ kêu bằng *sự tự do* của nghệ sĩ, là không thấy rằng sự tự do đó chỉ là một sự trá hình. Và giữa lúc đi tìm sự tự do, họ trở vào bản ngã (*repriement sur soi*) ; không trở về với giai cấp phú hào mà cũng không nhẩy vào những phong trào quần chúng, trốn vào bản ngã cá nhân, và cho đó là một *Thái-độ Cách-mạng* của nghệ sĩ đối với xã hội. . . . , đối với nền văn hóa cũ.

Từ đó họ tìm chất nghệ thuật trong bản ngã ; gồm có ý thức, tiềm thức, v. v. . . Cù Huy-Cận viết « Kinh cầu tự ». Họa sĩ Nguyễn đồ Cung vẽ « Con nai vàng » cho tập thơ « Tiếng thu », vẽ hôn nghệ sĩ như con quỉ « trong tập thơ Tiếng Thu ». Picasso vẽ. . . những bức tranh vô lý. Nhóm Xuân Thu Nhã Tập viết : « *Tới cái ta thuần túy ; Trí thức tuyệt vời và tuyệt đối . . . Thơ, tình yêu, nẻo đạo . . . Ta không là gì riêng biệt. Ta là tất cả . . .* » Nguyễn gia Trí vẽ người, nửa người nửa rắn, trong bức sơn mài : « Mộng đàn bà », một bức sơn mài gần như. . . siêu tả chân.

### Khủng hoảng nghệ thuật

Từ đó, giữa nghệ sĩ và quần chúng có chuyện ly khai. Nghệ sĩ bỏ quần chúng quá xa.

Năm ngoái, (1948) ở Genève có một cuộc hội nghị quốc tế về nghệ thuật. Jean Lescure tuyên bố : « *Ở thời đại mới này có một trạng thái phải đề ý ; là quần chúng đã ý thức được danh dự của họ, nhận thức rằng văn hóa và nghệ thuật cũng thuộc về văn đề danh dự của họ* ».

Có lẽ là quần chúng đã « ý thức được danh dự của họ và nhận rằng văn hóa và nghệ thuật không phải là vật sở hữu của ai. Nhưng một người thợ vẫn chưa hiểu nỗi bức vẽ của Nguyễn đồ Cung ở bìa cuốn « Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du » hay câu thơ « *Hôn ngàn mùa lạnh lẻo tay hương* » của nhóm Xuân Thu Nhã Tập, hay một bức tranh tập thể của Fernand Léger !

Sự ly khai ấy là hình thức của một cuộc khủng hoảng về nghệ thuật. Julien Benda đã phải kêu lên : « *Sở dĩ có sự ly khai ấy là vì loài người đời ở nghệ sĩ những tác phẩm mà họ hiểu được, còn nghệ sĩ thì lại không đếm xỉa gì đến ý muốn của họ.* »

Cù Huy-Cận (năm xưa), Nguyễn gia Trí, Nguyễn đồ Cung, nhóm Xuân Thu Nhã Tập, cho rằng giữa nghệ sĩ và cá nhân xã hội có một bức tường ; nghĩa là nghệ sĩ là một « *đấng* », một thứ người đứng lên trên sự biến chuyển xã hội, chớ không phải hạng người sống giữa cuộc đời có trách nhiệm.

Đứng xa cuộc đời, họ bơ vơ. Cùng với sự bơ vơ của nghệ sĩ, xu hướng nghệ thuật cũng khủng hoảng và không biết tựa vào đâu mà sống, mà đứng vững, mà trường cửu.

Trong những khúc quanh của lịch sử, họ mất thăng bằng. Lịch sử cứ đi, họ lùi lại. Nếu không phải là lùi lại thì có lẽ họ cho rằng mình đi quá cả sự tiến hóa. Nhưng nếu quả đó là một sự « *tiến hóa* » thì họ đã đi quá một vạm dậm và trở nên huyền bí. Tóm lại, *lùi lại hay đi quá*, đều là ly khai.

Nhà nghệ sĩ phải đi sát và đi quá, đi quá một chút để làm nghệ sĩ tiên phong trong văn hóa. Doumier nói : « *Nghệ sĩ phải cần ở trong thời đại của mình* » (il faut être de son temps). Còn Jean Cassou nói : « *Bản chất của nghệ thuật là đi quá.* » (La nature profonde de l'activité artistique est de tendre à un dépassement), (trích Lettres françaises số 224). Chúng ta có thể hòa hợp giữa hai quan niệm của Jean Cassou và Honoré Daumier để làm một *quan niệm duy nhất của nghệ sĩ*.

### Ý thức của nghệ sĩ

Trận đại chiến thứ hai gây ra một sự biến chuyển dữ dội, dựng đầu nghệ sĩ và đánh bật nghệ sĩ qua bên này, qua bên nọ. André Malraux, Jean Paul Sartre, Koestler, đã trở về với giai cấp thống trị bên nọ. Còn bên này Aragon, Eluard đã bỏ phái siêu tả chân từ ngày chưa có chiến tranh. Nguyễn gia Trí đi làm chính trị. Cù Huy-Cận đi làm cách

mạng. Đoàn phú Tứ của nhóm Xuân Thu Nhã Tập đương hoạt động trong hội văn hóa cứu quốc. Phạm văn Hạnh cũng đã bỏ những « Giọt sương hoa » để trở về với cuộc đời...

Dù muốn dù không, họ đã mang màu sắc ý thức hệ mới để tranh đấu cho một ngày mai tươi đẹp. Vô tình hay cố ý họ đã đi tiên phong cho những tư tưởng cách mạng. Loài người đã chia làm hai khu vực tinh thần ; họ không ở bên kia thì ở bên này. Dù không rõ ràng thì cũng đã lờ mờ và chờ ngày kỷ luật hóa. Và họ đã ở bên này rồi vậy.

Và họ sẽ nói như Jean Christophe — của Romain Rolland — nghệ sĩ không phải là người làm những bản nhạc cho một mình nghe, làm những công trình nghệ thuật thông thái cho một số người thông thái hiểu. . . chỉ có nghệ thuật nào đi một nhịp với loài người mới sống lâu ; Beethoven cũng không hề xa quần chúng. . . (trích *Lettres françaises* số 260).

Và trách nhiệm của họ lớn. Nghệ sĩ không phải là một người của hoàng tộc, một tín đồ, một kẻ lang thang, một kẻ giang hồ, một kẻ chỉ tạo ra những cảm giác lạ lùng và những cảm động kín đáo cho những người no ấm. Họ là những kẻ có trách nhiệm. . . trách nhiệm đây là trách nhiệm góp sức vào cuộc tranh đấu của quần chúng để làm lại xã hội (Boris Taslizki — trích tạp chí *La nouvelle — Critique* — số 2).

Và họ không thể tưởng tượng rằng họ có thể có ý thức hệ thứ ba. Ý thức hệ « thứ ba » là ý thức hệ của những nghệ sĩ đối mình và đối người.

Trong quyển « Làm sao ? » (*Que faire ?*) có câu : « Vấn đề phải đặt như thế này : một là theo ý thức hệ phú hào, hai là theo ý thức hệ xã hội (*idéologie socialiste*). Loài người chưa từng làm ra một ý thức hệ thứ ba. Trong một xã hội có sự tranh đấu giữa hai giai cấp thì không thể có một ý thức hệ đứng ngoài hoặc đứng lên trên các giai cấp. »

Sau một cuộc biến chuyển dữ dội như trận chiến tranh vừa rồi, nghệ sĩ bỗng thấy mình đứng trước một tình thế mới và có lẽ con đường biên giới giữa nghệ sĩ và quần chúng đã mờ, cái hố chia rẽ nghệ sĩ và quần chúng đã lấp dần và hai bên sắp xé tờ ly khai.

Nghệ thuật Việt-nam nằm trong cái triển vọng của nghệ thuật thế giới, cũng chờ ở những nghệ sĩ của chúng ta rất nhiều tương lai.

(Trích *Thi văn hiện đại*, số 1, 1-6-49)



## CĂN BẢN VẤN ĐỀ NGHỆ THUẬT

Bài của TRIỀU SƠN

Một buổi bình minh tươi sáng, những tiếng chim ríu rít, một đàn bướm lượn, những tiếng rên rĩ của một người hành khất đói rét nằm trong một quán chợ... đều có thể làm cho tâm hồn người ta rung động. Thực tại của cuộc đời luôn luôn cho tâm hồn con người những cảm xúc, cảm giác, cảm tình vang dậy trong tâm hồn mà người ta gọi là nghệ cảm (hay mỹ cảm). Nhưng không bằng lòng chỉ sống với những nghệ cảm của thực tại đó, con người còn tạo ra những « thực tại » khác đề thường thức, đề có những nghệ cảm mới lạ. Những « thực tại nhân tạo » kia tức là những nghệ phẩm. Một bức tranh, một bản nhạc, một điệu múa, một bản kịch đều là những thực tại do nghệ sĩ đặt ra đề thêm vào cái thực tại thiên nhiên đề tự cho mình và người khác những nghệ cảm mà thiên nhiên không thể cống hiến được.

Nghệ cảm là nguồn gốc tâm lý của nghệ thuật. Nhưng không phải cảm giác, cảm xúc, cảm tình nào cũng là nghệ cảm. Vị giác khi người ta nếm một thức ăn, khứu giác khi người ta ngửi một mùi, nói rộng ra tất cả những cảm giác, cảm xúc, cảm tình chỉ sống trong lúc có thể bị kích thích không có một bóng vang trong tâm hồn, đều không phải là nghệ cảm. Trái lại, niềm cảm xúc trước cảnh vô biên của vũ trụ nhìn qua một đêm trăng sao, mối cảm tình lai láng trước một vị anh hùng hy sinh cho nước, đều có thể là những nghệ cảm vượt qua giới hạn của sự kích thích cơ thể mà vang dậy vào tâm hồn. Vì vậy, một món ăn ngon, một tiếng búa gõ xuống đe, không thể gọi là những nghệ phẩm như một bản đàn hay một bức họa.

Trước khi sản xuất nghệ phẩm, nghệ sĩ đã nhận được những nghệ cảm, do thực tại của cuộc đời đưa đến. Những nghệ cảm này là những tài liệu để xây dựng nghệ phẩm. Các nghệ cảm thâm nhập vào tâm hồn nghệ sĩ, lắng xuống tiềm thức, được lựa chọn, thay hình đổi dạng, nhào nặn biến hóa trong ý thức và vô thức. Gặp điều kiện tâm lý và vật chất thuận tiện, nghệ phẩm này nằm trong tinh thần nghệ sĩ và ra chào đời. Nghệ phẩm sinh ra sẽ không phải là một mớ những nghệ cảm trộn lẫn lộn mà nghệ sĩ đã thu thập được ở cuộc đời. Nó là một toàn thể « bất khả phân tán » giống như một thực tại trong cuộc đời mà chính cuộc đời không công hiến được.

Trong khi tạo các nghệ phẩm, nghệ sĩ có thể có ít nhiều hoặc không có ý thức về cơ cách thực hiện nghệ phẩm và nguyên nhân sự thành công của nghệ phẩm. Có khi một nghệ phẩm được thực hiện gần như vô ý thức đối với nghệ sĩ như trong trường hợp một nhà soạn nhạc soạn một bản nhạc giữa lúc một luồng cảm hứng chiếm đoạt cả tâm hồn. Các nhà tâm lý học ngày nay cho rằng, trong trường hợp này, cảm hứng phát xuất tự vô thức, truyền qua hoạt động cơ thể, mà chỉ huy sự tạo tác không qua ý thức của nghệ sĩ. Nghệ phẩm tạo ra đã có dấu vết cái bản ngã của nghệ sĩ, cái công phu xây dựng đặc sắc của nghệ sĩ.

Nó có tính chất một sáng tác. Không có tính chất sáng tác này, tác phẩm sẽ không phải là một nghệ phẩm. Một bản nhạc là một nghệ phẩm vì nó có tính chất sáng tác. Kẻ biểu diễn bản nhạc đó trước công chúng cũng là một nghệ sĩ vì sự biểu diễn kia có một phần nào sáng tác. Một người làm nghề chụp ảnh thường không phải là một nghệ sĩ. Nhưng nếu một người chụp ảnh, đã dùng tài năng khéo léo của mình để chụp lấy những tấm ảnh mà mình ưa và người khác đều cho là đẹp, đã để một phần nào dấu vết bản ngã trong mỗi tấm ảnh đều có tính chất sáng tác và đều được gọi là nghệ phẩm.

Muốn một nghệ phẩm được sáng tác và thành công dễ dàng, nghệ sĩ cần biết kỹ thuật của nghệ thuật. Kỹ thuật này cần nhưng không đủ để sáng tác nghệ phẩm. Kẻ biết được kỹ thuật của nghệ thuật, nhưng không có cảm hứng đặc sắc, không có thêm tài năng khéo léo đặc biệt để cảm hứng đặc sắc đó ra ngoài không gian, thì cũng không sáng tác được nghệ phẩm.

Một nghệ phẩm không phải một cá nhân sống hoàn toàn biệt lập, riêng rẽ trong xã hội sản xuất ra được. Nghệ sĩ muốn sáng tác phải sống với xã hội đương thời, xã hội to nhỏ mặc dầu. Sống với xã hội không bắt buộc phải lẫn lộn trong xã hội, nhưng phải đề tâm hồn hòa lẫn với tâm lý xã hội. Một anh chàng nghệ sĩ tư bản, có thể sống không lẫn lộn với xã hội, kẻ cả cái xã hội tư bản của anh, nhưng tâm hồn anh đã thấm nhuần trong cái tâm lý xã hội tư bản. Hoàn cảnh sống trong xã hội tư bản luôn luôn cho tâm hồn nghệ sĩ những nghệ cảm đặc biệt. Những nghệ phẩm này là những tài liệu sáng tác tự nó đã mang dấu vết của xã hội tư bản. Nói rộng ra, cái bản ngã của nghệ sĩ cũng đã thấm nhuần cái tâm lý xã hội tư bản. Cho nên khi nghệ phẩm ra chào đời, nó mang cái màu sắc bản ngã của nghệ sĩ mà cũng mang dấu vết tâm lý của xã hội tư bản. Vì vậy, nghệ phẩm thành hình là có cơ thỏa mãn được cái nhu cầu của nghệ cảm của xã hội tư bản.

Nói rộng ra, nghệ phẩm nào cũng phải thỏa mãn một nhu cầu nghệ cảm của xã hội: Cá nhân để ra tác phẩm, những tác phẩm đó có thành nghệ phẩm hay không còn tùy ở chỗ nó thỏa mãn được nhu cầu nghệ cảm của xã hội hay không. Những bức họa của Picasso không thể để ra ở thế kỷ thứ 15 tại Âu-châu hay thời Đổ Phủ ở Tàu. Mà ví dụ nó có thể xuất hiện trong những điều kiện xã hội lịch sử đó, nó cũng chỉ được coi như những tác phẩm của một kẻ điên rồ, không người thưởng thức, nên cũng không gây được phong trào hội họa.

Cái Đẹp, cái Hay, tiêu đích của nghệ thuật, có căn cứ trong tâm hồn người ta, nhưng nó được uốn nắn, hòa theo



xã hội sinh hoạt. Vì vậy, nó cũng tùy nơi, tùy thời mà thay đổi. Nó thay đổi thì các tác phẩm phải thay đổi theo mới thành nghệ phẩm. Cho nên, nghệ phẩm tuy có dấu vết của sự sáng tác nhưng đồng thời cũng bị xã hội sinh hoạt lệ định.

Vì lẽ ấy, nghệ thuật vì nghệ sĩ mà cũng vì xã hội. Nhà nghệ sĩ sáng tác một nghệ phẩm có thể cho là thỏa mãn cái nhu cầu nghệ cảm của riêng mình. Nhưng cái nhu cầu kia của nghệ sĩ đã được xã hội hóa nên nghệ phẩm khi thành hình, đồng thời thỏa mãn được cái nhu cầu nghệ cảm của xã hội. Một nhà văn lãng mạn tìm cái thú ở chỗ chuyên nói về tâm tình của mình. Nhưng văn của ông ta vẫn được những kẻ lãng mạn của thời đại thưởng thức. Những thơ của phái siêu tả chân được gọi là những tác phẩm nghệ thuật vì nó thỏa mãn được cái nhu cầu « nghệ cảm thoát tục » của một số người muốn ra khỏi bằng tâm hồn, tất cả những ràng buộc, những lớp sống tàn bạo của một đời bấp bênh, khủng hoảng.

Sở dĩ nghệ phẩm thỏa mãn được nhu cầu nghệ cảm của nghệ sĩ và của xã hội là vì nghệ sĩ và xã hội đã có bao nhiêu dây ràng buộc, tâm hồn của nghệ sĩ đã hòa nhịp và thấm nhuần cái tâm lý xã hội, nghệ sĩ và xã hội đã có sẵn nghệ cảm và nhu cầu nghệ cảm giống nhau. Nên chỉ nghệ phẩm chính là dây liên lạc giữa nghệ sĩ và xã hội. Một nhạc sĩ Nga hiện đại nói : « Nghệ thuật là một phương tiện để loài người trao đổi ý kiến với nhau. » Hơn thế nữa, ta muốn nói nghệ phẩm là một cái cầu để bàn ngã của một nghệ sĩ thông cảm, tương thân với tâm hồn công chúng. Cho nên có thể nói nghệ phẩm là con đẻ của nghệ sĩ và của xã hội. Nghệ sĩ sống mật thiết với xã hội, nghệ sĩ càng vào sâu được tâm hồn mình bao nhiêu thì nghệ phẩm càng vào sâu được cái tâm lý xã hội bấy nhiêu.

Nghệ phẩm là kết tinh của bao nhiêu nghệ cảm trong tâm hồn nghệ sĩ, trong lòng bàn ngã của nghệ sĩ. Khi thành hình, nó sẽ gọi qua giác quan, những nghệ cảm rạt rào vang dậy trong tâm hồn công chúng. Hình thức của nghệ phẩm bị hạn chế trong không-thời-gian, nhưng với tâm hồn công

chúng, nghệ phẩm sống vượt ra ngoài hình thức cố định của nó. Một họa sĩ nổi danh thời Phục-hưng ở Âu-châu đã đề dưới một bức họa đàn bà: « *Thượng đế tạo ra Người ; Người đã chết. Ta tái tạo ra Người ; Người sẽ bất diệt.* » Câu nói chứa đựng tất cả kiêu ngạo của một họa sĩ giàu lòng tự tin, nhưng nó có thể cho ta thấy sức sống của một nghệ phẩm có giá trị. Một bài thơ đâu có chấm hết khi người ta đọc xong chữ cuối cùng ? Một bản nhạc đâu có phải chỉ nằm vắn vẹo trên mặt giấy ? Cho nên khi sáng tác, nghệ sĩ có thể thấy mình sống rộng rãi hơn, mà công chúng khi thưởng thức nghệ phẩm cũng thấy mình sống dồi dào hơn.

Nghệ phẩm thành công phải nhờ ở điều kiện xã hội. Một vài nghệ phẩm hợp với nhu cầu nghệ cảm của cả một phần lớn xã hội có thể gây được một trào lưu nghệ thuật riêng. Mới đầu một vài nghệ sĩ tiên tiến, sống sâu xa trong tâm lý xã hội sáng tác ra được vài nghệ phẩm thành công. Các nghệ phẩm này lôi cuốn được nhiều công chúng. Trong đám công chúng yêu các nghệ phẩm sẽ nảy ra những nghệ sĩ mới, giúp cho phong trào thêm giàu mạnh bằng những nghệ phẩm mới. Những nghệ sĩ cũng theo trào lưu nghệ thuật này hợp thành một trường nghệ thuật có kỹ thuật đặc biệt của nó. Trào lưu phát triển cho tới khi nào nó còn sản xuất ra những nghệ phẩm thỏa mãn được nhu cầu nghệ cảm của xã hội, do đó còn thu hút mỗi ngày mỗi thêm nghệ sĩ mới. Trào lưu nghệ thuật trong lúc này còn ảnh hưởng mạnh vào nghệ cảm của công chúng, một phần nào nuôi nấng, gây dựng một nhu cầu nghệ cảm riêng. Nhưng nhu cầu nghệ cảm của công chúng còn chịu nhiều ảnh hưởng khác trong xã hội, nhất là ảnh hưởng của những điều kiện kinh tế và chính trị. Khi cái nhu cầu nghệ cảm của một phần lớn công chúng chuyển một bước xa rồi, trào lưu nghệ thuật cũ, với kỹ thuật của nó, không giúp cho nghệ sĩ sáng tác được những nghệ phẩm thỏa mãn nhu cầu nghệ cảm đòi mới của đa số công chúng. Trào lưu nghệ thuật này đã đi tới giờ tàn. Nó đi vào một con đường nghẽn. Nó cần cỗi như một cây không có nơi đất tốt nuôi sống. Nó không giúp được xã hội tiến hóa mà cũng không tự mình ra ngoài được cái ngõ

bế tác. Một trào lưu nghệ thuật sống nhờ ở cái năng lực sáng tác không ngừng của nó. Khi nào nó không ăn rễ được vào cái tâm lý sâu xa của số đông công chúng thì năng lực sáng tác này cạn, trào lưu không còn gì lý do tồn tại nữa ; nó bị đày vào con đường chết. Trong khi ấy, nếu có một trào lưu nghệ thuật nào khác mở đầu bằng những nghệ phẩm hợp với nhu cầu nghệ cảm đa số công chúng, giúp vào sự tiến hóa của xã hội, trào lưu này là một trào lưu nghệ thuật cách mạng sẽ đứng ra thay thế cho trào lưu cũ bị lịch sử đào thải.

Những trào lưu nghệ thuật do sinh hoạt xã hội đẻ ra, nuôi nấng cho trưởng thành. Nhưng chính cái xã hội sinh hoạt kia cũng đóng vai chủ động giết chết các trào lưu nghệ thuật. Điều kiện đại cương xã hội sinh hoạt của nghệ sĩ có thể giống được phần nào nghệ phẩm, nhưng chỉ một phần nào thôi. Và cái phần này chính là phần trào lưu ở trong nghệ phẩm. Và có nghệ phẩm là có sáng tác, là có ảnh hưởng, dấu vết của cái bản ngã thâm kín sâu xa của nghệ sĩ. Cái « ta » của nghệ sĩ là cái lò nung nấu, biến đổi, nhào nặn, tất cả cái gì tiếp nhận được ở ngoại giới để thai nghén sáng tác nghệ thuật, vẫn không vượt được ra ngoài những điều kiện xã hội, lịch sử. Nghệ phẩm là con đẻ của bản ngã nghệ sĩ và điều kiện sinh hoạt của nghệ sĩ tác dụng, ảnh hưởng lẫn nhau vậy. Cho nên những người chui vào tháp ngà, quay hoàn toàn về cái « ta » của mình mà quên hẳn xã hội sinh hoạt là đi tới chỗ giết chết nguồn sáng tác cũng như kẻ đẻ cho tâm hồn tàn nát ra ngoài xã hội sinh hoạt, để không tạo được cho mình một bản ngã phong phú, cái lò nung nấu thai nghén sáng tác nghệ thuật.



Tình trạng hỗn độn, khủng hoảng của nghệ thuật hiện đại có nguyên nhân chính ở tình trạng xã hội sinh hoạt hiện thời đang chứa đầy những mâu thuẫn sai biệt, lệch lạc. Nghệ thuật giới bị xã hội sinh hoạt quy định nên cũng bị lâm vào tình trạng mâu thuẫn, lệch lạc, chia rẽ. Các nghệ sĩ càng đi sâu vào con đường riêng của phái mình bao nhiêu,

càng đi xa các nghệ sĩ khác trên con đường nghệ thuật khác. Ta hãy đặt một bức họa của phái Siêu tả chân ở Âu-châu cạnh một bức tranh lợn, tranh gà ở nhà quê Bắc Việt, ta đủ thấy nhu cầu nghệ cảm của mọi người khác nhau thế nào. Một mặt khác, xã hội hiện thời biến chuyển với tốc độ nước đại càng ngày càng gấp, thì các trào lưu nghệ thuật càng chóng lộn nhào. Nghệ cảm quan của công chúng bước theo nhịp biến chuyển xã hội, nghệ sĩ không theo được nghệ cảm quan này nên không theo kịp thời đại. Nghệ thuật đi đến chỗ bế tắc. Nghệ thuật thành ra lại giúp vào tình trạng mâu thuẫn phân chia, lung lay, lộn xộn của xã hội nghĩa là nuôi thêm cái tình trạng khủng hoảng của xã hội. Càng thế nghệ thuật càng tự hại mình vì mất đất sống. Xã hội hiện đại khủng hoảng thiếu thốn về vật chất, tinh thần cũng lung lay không được vun trồng đầy đủ, nhu cầu vật chất chiếm đoạt cả tâm hồn. Vì vậy, trình độ nghệ thuật chung của xã hội bị sút kém, nghệ thuật không điều có kiện lan rộng và sâu xa trong xã hội nên cũng không có điều kiện phát triển dồi dào, mạnh mẽ.

Muốn cứu vãn tình trạng này, các nghệ sĩ tiên tiến của thời đại vun trồng một nghệ thuật hợp thời và nhiều triển vọng hơn. Thời đại cần một trường nghệ thuật rộng rãi bao la, trong đó cái tự do nghệ cảm, tự do quan niệm, tự do sáng tác sẽ được đầy đủ, như trên kia đã nói, vấn đề sáng tác là một vấn đề sinh hoạt của nghệ sĩ, nghệ sĩ hiện đại phải là nguồn sống lăn lộn với xã hội, làm thân với một bộ mặt của cuộc đời luôn luôn đang thành. Nghệ sĩ phải tạo cái bản ngã nghệ sĩ của mình trong xã hội muốn mặt, hết sức đông của thế kỷ. Khi mà bản ngã kia đã tạo được rồi; lúc sáng tác nghệ sĩ sẽ đặt vào nghệ phẩm dấu vết bản ngã linh động của mình và đồng thời diễn tả được cái bộ mặt phong phú luôn luôn biến chuyển của cuộc đời hiện đại. Nghệ sĩ thỏa mãn được cái nhu cầu nghệ cảm của quần chúng hiện đang sôi nổi háng hái đập đờ trở lực đề xây dựng xã hội mới thì nghệ phẩm sẽ có một sức sống sâu xa, rộng rãi, bao la, mạnh mẽ, một tương lai đầy hứa hẹn chấp tất cả phá hoại vô cùng ác liệt của thời đại.

Nghệ thuật này Tả chân hay Siêu-tả-chân ?

Nghệ phẩm có nhiều ràng buộc với thực tại. Thực tại giúp cho nghệ sĩ những nghệ cảm là những tài liệu sáng tác. Nghệ phẩm thoát thai phải có ít nhiều, xa gần hình ảnh, dấu vết của thực tại. Nếu không, công chúng sẽ không thường thức nó. Vì vậy có thể bảo nghệ thuật có tính chất tả chân. Nhưng nếu nghệ sĩ muốn «cóp» đúng như thực tại một điều không thể được — nghệ phẩm sẽ mất tính chất sáng tác nên mất tính chất nghệ phẩm. Nghệ phẩm phải là cái gì không thấy trong thực tại thiên nhiên, nó phải cho công chúng những nghệ cảm không thể lượm được với thực tại thiên nhiên. Cho nên bảo nghệ thuật có tính chất siêu tả chân. Nghệ sĩ phải biết gần thực tại và xa thực tại, vào thực tại lại ra ngoài thực tại. Nghệ thuật nơi đây vừa có tính chất tả chân cụ thể lại vừa có tính chất siêu tả chân trừu tượng. Tả chân quá đáng, cụ thể đến nỗi nó lệ cho thực tại hay siêu tả chân, trừu tượng quá đáng để xóa bỏ thực tại trong nghệ phẩm cũng đều dẫn tới chỗ giết chết nghệ thuật. Hội họa tiến tới chỗ nó lệ thực tại thiên nhiên để cướp công của nhiếp ảnh tức là đi vào chỗ phản nghệ thuật. Hội họa tiến tới chỗ xa hẳn thực tại thiên nhiên, đi vào con đường của phái trừu tượng hay vô hình dung (abstraction non-figurisme) ở Âu-châu hiện thời cũng là tới một chỗ chết nữa. Nghệ thuật nơi đây tránh hai cái «tử diem» đó.

Có người sẽ mang câu chuyện bàn cãi nghệ thuật xưa ra hỏi : nghệ thuật này theo khẩu hiệu «*nghệ thuật vị nghệ thuật*» hay «*nghệ thuật vị nhân sinh*».

Muốn trả lời câu hỏi này, ta phải đặt những khẩu hiệu kia vào khuôn khổ xã hội, lịch sử của nó.

Ở Pháp trước hồi cách mạng 1789, đã có một luồng gió nghệ thuật mới, chống lại với nghệ thuật phong kiến cũ sống lại từ thời Phục-hưng. Khi cuộc cách mạng nổ bùng, trào lưu nghệ thuật mới được những điều kiện xã hội để phát triển. Trong lúc nó phôi thai, trên đất sống mới, người ta dùng cái khẩu hiệu «*nghệ thuật vị nghệ thuật*» để cho nghệ thuật tiến được cao xa và tinh tế hơn để nó làm hết cái nhiệm vụ lịch sử xã hội của nó.

Rồi nghệ thuật bị đưa tuốt lên tột bậc của lãng mạn chủ nghĩa. Nhưng xã hội tư bản Pháp đã chứa giấu những mâu thuẫn xã hội thành ra khủng hoảng, quần chúng bị khổ sở. Nghệ thuật biến thành sở hữu của một thiểu số đề phụng sự thiểu số ấy. *Nghệ thuật vị nghệ thuật* tiến tới chỗ bế tắc vì mất đất sống, vì vấn đề nhân sinh của xã hội không giải quyết được. Người ta mới đưa ra khẩu hiệu « *Nghệ thuật vị nhân sinh* » để xây dựng một thứ nghệ thuật phụng sự nhân sinh và đồng thời giải quyết những khó khăn, bế tắc của nghệ thuật giới.

Nói tóm lại, hai khẩu hiệu ở hai thời kỳ khác nhau đều đầy cho nghệ thuật tiến kịp trào lưu tiến hóa của xã hội lại giúp vào sự tiến hóa đó. Trong thời kỳ trước *nghệ thuật vị nghệ thuật* thành ra cũng như vị nhân sinh mà ở thời kỳ sau *nghệ thuật vị nhân sinh* thành ra đã vị nghệ thuật rồi.

Một mặt khác, nếu nghệ thuật giúp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội, đề nâng cao mức sống của nhân dân, nghệ thuật sẽ không dành riêng cho một thiểu số mà thành ra một nhu cầu nhân sinh đối với đa số thì nghệ thuật vị nghệ thuật tức là đã vị nhân sinh rồi vậy.

Nói rộng ra, nghệ thuật nói trên tổng hợp mà lại vượt lên trên các xu hướng nghệ thuật trái ngược nhau ; tả chân và siêu tả chân, cụ thể và trừu tượng, cổ điển và lãng mạn, *Nghệ thuật vị nghệ thuật*, *nghệ thuật vị nhân sinh*. Nó cho ta thấy con người trong hành động, con người luôn luôn tự tạo và tự vượt mình trong những điều kiện lịch sử luôn luôn đổi mới. Nó có tính chất cách mạng trong phạm vi nội dung, cũng như hình thức của nghệ thuật trong phạm vi nghệ thuật cũng như trong phạm vi xã hội. Nó hút nhựa sống trong lòng cuộc cách mạng. Nó vừa uốn nắn nghệ cảm quan của công chúng theo chiều cách mạng vừa hấp dẫn, lôi cuốn con người vươn tới một cuộc đời cao quý hơn, tô điểm bởi những nghệ phẩm dồi dào, nồng hậu, rung cảm sâu xa hơn. Vì trong khuôn khổ lịch sử hiện đại mà những phong trào cách mạng đang sôi nổi ở khắp nơi. Nghệ thuật không cách mạng ở trong phạm vi hình thức cũng như tinh thần, sẽ mất đất sống, hết nhựa sống thành ra cằn cỗi dễ đi lặn vào chỗ chết.

Chủ trương nghệ thuật nói trên đây sẽ không đi đến chỗ bóp chết tự do sáng tác ; nó đề cho các xu hướng nghệ thuật tùy điều kiện xã hội mà phát triển với những tính chất đặc biệt của nó. Nghệ thuật Việt-nam thỏa mãn nhu cầu nghệ cảm của công chúng Việt-nam. Nó là kết quả của một cái cây bám rễ từ ngàn xưa trên trái đất này nhưng sống trong khung cảnh lịch sử hiện đại bằng một phần lớn của những đồ bón tưới của các xã hội bên ngoài đưa tới. Nó có tinh thần Việt-nam đề rung cảm trước nhất công chúng Việt-nam, nó có tinh thần đại chúng và cách mạng đề hợp và giúp vào sự tiến hóa chung của xã hội. Về phương diện hình thức, kỹ thuật, nó phải hướng theo nghệ thuật Tây phương lại phải vượt lên nữa đề khỏi kim hãm sáng tác mà còn giúp cho nó thêm dồi dào, sâu sắc, mạnh mẽ nữa.

Phát triển được đầy đủ, nghệ thuật nói trên đây, giúp một phần rất đắc lực vào việc cải thiện xã hội, việc gây lại một thể quân binh rộng rãi đề xã hội tiến hóa một cách dễ dàng, chắc chắn. Như vậy, nó tự tạo ra cho mình một khoảng đất sống bao la, đầy triển vọng. Như vậy, tới chỗ vị nghệ thuật thì đồng thời nó cũng tới chỗ vị nhân sinh với cái nghĩa đầy đủ, rộng rãi của danh từ *nhân sinh*.

Nghệ thuật có theo con đường này thì mới mong theo kịp thời đại, đề tạo ra cho mình một đà tiến mạnh mẽ. Cuộc đời mới này của nghệ thuật đã báo hiệu đó đây giữa những phong trào cách mạng đang lên ở Âu-châu, Mỹ-châu cũng như ở Trung-hoa, Việt-nam.

Nó đã đặt những bước đầu vào một khoảng rộng vô biên dành cho sáng tác, và đang đi tới những chân trời chưa từng thấy bao giờ trong lịch sử nghệ thuật.

( Trích *Thi văn hiện đại*, số 1, 1-6-1949 )

1) Danh từ nghệ thuật thường được nghĩ theo hai nghĩa. Theo nghĩa rộng, *nghệ thuật* bao hàm ý nghĩa dùng tài năng khéo léo đề thực hiện sự vật gì (thuật nấu ăn, thuật nói chuyện). Theo nghĩa hẹp, *nghệ thuật* bao hàm ý nghĩa dùng tài năng khéo léo đề thực hiện cái gì hay, đẹp, nghệ thuật có nghĩa mỹ thuật (hội họa, ca nhạc, nhảy múa. . .) Đó là thông thường của danh từ nghệ thuật. Ở đây, danh từ nghệ thuật được dùng với ý nghĩa sau này, hoặc dùng đề chỉ các tác phẩm nghệ thuật. Tất nhiên khi nói vấn đề nghệ thuật một cách tổng quát là đã nói đến các phương diện của văn chương.

---

# PHAN THANH PHƯỚC

## 1916 — 1947

---

**P**HAN THANH PHƯỚC là tên thật, sinh năm 1916 tại Huế (mất ngày 16 tháng 5 năm Đinh-hợi, nhằm ngày 4 tháng 7 năm 1947), chính quán ở Nam-phần.

Ông là con của cụ Phan thanh Kỳ (đồng đội Phan thanh Giản), Chương-ly Tòa Thượng-thẩm Huế, và là anh của Luật-sư Phan thanh Hy, hiện ở Sài-gòn.

Thuở nhỏ ông học ở Quảng-trị, rồi Faifo (Hội-an), tiếp đây ông ra Huế học trường Bình-linh (Pellerin). Sau khi tốt nghiệp bằng Cao-đẳng Tiều-học, ông được bổ làm Thừa-phái của Chính-phủ Nam-triều. Trước biến cố ngày 19-12-1946, ông được điều động ra Đồng-hới (Quảng-bình) và mất tại đó trong một cuộc tâm sớng.

Ông có vợ là Nguyễn thị Ngọc-Đài ; khi người vợ sinh hạ cô Phan thanh Minh-Châu rồi mất nhân vụ sinh nở đó.



« Phước là một người rất yêu thơ, chỉ sống say mê vì thơ, nhưng thể chất lại quá yếu đuối, mỗi lần sáng tác xong một bài thơ, có khi làm chưa xong thì đã ngã xuống đau liệt giường suốt mấy hôm liền. Tình tình lại rất đa sầu đa cảm, chỉ một chút gì cũng đủ đau khổ hằng tuần. Đối với bạn, rất chân thành, nhưng muốn ai cũng luôn luôn đoán được những gì mình muốn và làm theo như thế.

Phước cũng luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết. Hồi chưa lập gia đình, Phước mới ngoài hai mươi tuổi, nhưng kể mỗi khi bị đau là coi như mình có thể chết và nhân gặp bạn bè đến để dặn dò những việc phải làm cho mình.

Có thể nói là sau khi người vợ bất hạnh quá cố thì Phước không còn muốn sống nữa. Cho nên có người nghĩ rằng khi chết đuối ở Đòng-hới, không phải là Phước đã kiệt sức mà có lẽ là không muốn kéo dài một cuộc sống mà Phước không thấy còn sinh thú nữa. » (1)

Thơ ông được đăng trên nhiều báo chí. Những bài thơ sau đây rút trong tập thơ Vương hương, chưa xuất bản.




---

1) Theo tài liệu của thi sĩ Phan văn Dật, bạn của Phan thanh Phước.

**T**HẬT chán nản cho những ai khi phải làm công việc của con dã tràng. Thật vui sướng làm sao khi thu lượm được kết quả của công việc mình theo đuổi.

Chúng tôi cũng ngỡ sẽ « chịu chết » với đơn độc bài thơ *Đêm Tần* của thi sĩ Phan thanh Phước trong quyển *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh — Hoài-Chân. Nó là bài thơ trích trong tập *Vương hương* của Phan thanh Phước, chưa được xuất bản.

Luận về một tác phẩm chưa chào đời đã là việc khó cho người sưu tầm tài liệu ; càng khó khăn khi thi sĩ đã chết đột ngột và thương tâm vào năm 1947, khiến các sáng tác phẩm như bầy trều bị mất người chăn. Thất lạc tứ tán !

Hai mươi một năm qua ! Bụi thời gian đã phủ mờ dấu vết tinh thần của người thơ văn số. Sự thê đã đưa chúng tôi đến ngã ba đường sưu tầm. Mù mịt như đêm tối ! Băn khoăn, ngơ ngác nhìn vào khoảng không gian trống rỗng của dĩ vãng, tâm trạng khách lữ hành trên đường sưu tầm bỗng nhiên cảm thấy bơ vơ, lạc lõng ; cứ trông chừng một tia sáng nào lóe lên ở chân trời để làm mục tiêu tiến bước.

Chúng tôi tự nghĩ, có lẽ chính lòng tín nhiệm của bạn đọc và trách vụ của kẻ gánh vác đã nung nấu chí nhẫn nại ; chúng tôi cố công tìm, và cuối cùng, chúng tôi được đãi ngộ công lao là tìm gặp những bài thơ do thủ bút cổ thi sĩ Phan thanh Phước viết trên những mảnh giấy rời, nét chữ đã nhòa.

Nhìn dấu tích người xưa, chúng tôi có cảm tưởng như bóng dáng thi sĩ hiện về. Đây là lần đầu tiên được đặt dưới mắt chúng tôi những di thảo của một cổ thi sĩ thời tiền chiến. Một thế hệ gần tàn, hai con người ở hai đầu thế hệ như được những di vật bắc lại nhịp cầu « thần giao cách cảm ». Không gian không làm cách ngăn hai linh hồn , thời gian như bị gạt ra ngoài giao cảm.

Trên bốn mươi thi bản được trình bày dưới mắt chúng tôi là gần một nửa sự nghiệp thi ca mà cổ thi sĩ Phan thanh Phước định cho in vào tập *Vương hương*. Nó là di vật tinh

thần mà thi sĩ trân trọng hơn bản thân ; khi người gần là đời đã ân cần dặn lại bào đệ cố gắng xuất bản tập thơ ấy. Nó là tiếng lòng của thi nhân muốn gọi lại hậu thế. Nhưng rồi, chiến tranh cứ sôi sục mãi trên đất nước đã là lý do không thuận tiện cho việc thực hiện ước muốn cuối cùng của thi nhân. Nếu có gì thái quá trong phần thi tuyển, chúng tôi cũng xin quý bạn đọc mở rộng lòng đón tiếp những sáng tác ấy để chúng tôi có dịp đáp tạ lòng mong ước của người thơ bất hạnh.



Bây giờ chúng ta thử xuyên qua tình cảm và tư tưởng của thi nhân chứa đựng trong tác phẩm.

Tại sao thi nhân coi việc cho ra đời tiếng thơ của mình là một nhu yếu trong đời sống tinh thần ?

Phải chăng nó là sự giao hợp của những hình ảnh ngoại giới và cảm xúc nội tâm mà thi nhân đã vận dụng cảm giác mãnh liệt của mình khi tiếp nhận từ vạn vật ?

Ta có thể nói Phan thanh Phước là nhà thơ sử dụng cảm giác đến cường độ cực cao, cho nên mỗi lần sáng tác xong một bài thơ, cơ thể như rũ liệt vì đã dùng xúc cảm quá độ.

Dưới đây, chúng tôi xin trích lời của thi sĩ Phan văn Dật, bạn thân của Phan thanh Phước, nói về thể chất của nhà thơ :

*« Phước là một người nhất sinh yếu đuối cả về thể chất lẫn tinh thần, luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ chết chóc. Ngay từ hồi chưa lập gia đình, lâm lúc tôi đã phải hết sức bực mình vì cứ nhận được thư anh mời sang nhà nói những lời trời trăn và cậy tôi làm những việc này việc kia sau khi anh chết. Và có thể nói, cứ làm xong một bài thơ là anh ốm liệt giường đi mấy hôm . . . Tâm hồn anh yếu đuối như một người đàn bà yếu đuối nhất . . . »*

Khảo sát thi bản, chúng tôi thấy thi nhân đã đem cảm giác của mình khống chế vũ trụ. Mọi sự vật diễn biến trước mắt thi nhân là những phản ảnh trung thành của cảm giác, nó là một thứ nô lệ mà cảm giác con người mới là chủ nhân ông của vạn hữu.

Đặt trước cảm giác con người, cũng một dòng sông, có lúc chúng ta thấy nó uy hùng như mãnh thú, trước mình chấp nối không gấu, có lúc chúng ta lại thấy u buồn, tàn nhẫn ngấn đôi niềm thương nhớ.

Một con tàu tách bến ra khơi, có phải chẳng luôn gieo vào lòng người niềm ly hận ? — Không, tại sao ta không bảo nó sẽ nối lại muôn vạn tình thương đang ấp ủ bên kia bờ đại dương ?

Tất cả đều do cảm giác mà có ? Và muốn diễn tả cảm giác của con người, ta không thể chỉ dùng ngôn ngữ, mà phải dùng đến tấm gương phản chiếu mới thấy được trọn vẹn ; tấm gương đó chính là vạn vật chung quanh chúng ta.

Bởi vậy, đọc thơ Phan thanh Phước, chúng ta không thấy thi nhân, mà chỉ thấy một bầu vũ trụ hoạt động quanh cảm giác con người : người thơ. Bầu vũ trụ ấy không hoang vu, nhưng chúng ta đừng mong tìm bóng dáng con người. Theo thi nhân, con người chỉ là một thể chất trơn hèn dùng để sai khiến, còn cảm giác mới là linh hồn của tạo vật.

Cũng đừng hỏi cảm giác do đâu mà có. Một luồng gió thổi đến rồi tan đi. Ai biết luồng gió ấy từ đâu đến, và tan vào ở hư không nào ? Cảm giác con người là một hiện tượng mung lung, chan hòa trong vũ trụ, ai cũng cảm nhận được nó, nhưng không ai biết hình trạng nó ra sao, sức mạnh đến bậc nào.

Nếu ở phần lý trí, các bậc anh hùng dân tộc vận dụng sức mạnh tinh thần để bảo vệ danh dự quốc gia ; hy sinh cá nhân, nói lên chí khí bất khuất như cụ Phan thanh Giản thời xưa tự hủy mình không chịu làm nô lệ thực dân Pháp.

*« Phan thanh Giản ngậm hờn pha thuốc độc  
Bởi xâm lăng bất nhượng nước Nam này. »*

(T. P.)

Thì hôm nay, Phan thanh Phước, con cháu cụ, lại không giống tổ tiên, không vận dụng sức mạnh lý trí, mà vận dụng sức mạnh cảm giác.

Cảm giác ! Sống với cảm giác, con người sẽ trở thành nhu nhược ư ? Không ! Theo thi nhân, nếu người đời thấy kẻ đa cảm là một sinh vật yếu đuối thì chẳng qua đó là một nhận xét về thể chất. Thể chất không mạnh, không yếu ; chỉ có cảm giác làm cho con người trở nên mạnh yếu mà thôi.

Khung trời bát ngát, ánh sao bàng bạc của một đêm không trăng. Nếu chúng ta cảm nghĩ đó là cảnh huyền diệu của thú êm đềm, chúng ta sẽ hân hoan trăm mình trong bóng đêm mơ hồ dễ say sưa cùng nội cỏ ngàn cây. Ngược lại, nếu chúng ta cho đó là vực thẳm của bóng tối, chúng ta sẽ run sợ, tìm chui vào một ánh lửa để xóa tan mọi cảm giác hãi hùng. Thế thì nhu nhược hay hùng tráng đâu phải hoàn toàn do thể chất con người ?

Thi nhân không muốn dùng đến năng lực lý trí, cái mà do tư tưởng con người suy diễn, tìm kiếm. Hãy sống với cảm giác, nói lên những thực tế trong con người chúng ta. Đem cảm giác rải vào vũ trụ, biến vũ trụ thành thế giới của cảm giác, tại sao lại bảo là nhu nhược ? Cảm giác có một sức mạnh vạn năng.

Đây, chúng ta nghe niềm cảm xúc của thi nhân ;

*Canh khuya sương dẫn phiền về,  
Buồn thao thức đọng bốn bề nghiêm lâu.  
Sân mê ngậm bóng cây sầu,  
Liều nghiêng tóc rũ trước lầu gió se.*

Hỡi những nàng phi Tần cô đơn, lạnh lẽo, đêm đêm chờ bóng quân vương ! Các người có cảm giác gì khi đọc lên những câu thơ ấy ?

Trăng khuya không dẫn đến các người một hình bóng huy hoàng của mong đợi mà chỉ đem đến các người những u buồn đê rỗi những u buồn ấy đọng mãi quanh lâu, thao thức cùng cô phụ. Mà ngoài kia sân lâu ngủ mê với bóng cây, nào đề ý gì đến rặng liễu đứng ủ rũ trước từng cơn gió lạnh !

Khi đem cảm giác phô diễn vào lòng đời, nhà thơ Phan thanh Phước đã cố vận dụng từ ngữ, nhân cách hóa vũ trụ,

đưa cảm giác đến chỗ cùng độ ; cho nên đọc thơ Phan thanh Phước, chúng ta thấy hình bóng lúc nào cũng nhẹ nhàng, sâu sắc.

Thơ đã là tiếng nói cô đọng, nhưng ở đây thi sĩ Phan thanh Phước hoàn toàn dùng hình bóng thay tiếng nói nên thơ ông lại càng cô đọng hơn. Chúng ta không thể dùng lời nói để diễn tả hết một trạng thái, mà thi nhân đã dùng trạng thái thay cho tiếng nói của tâm hồn :

*Tà sương thoáng lạnh mặt hoa che,  
Gió nhỏ trong veo thu lạc về.  
Mây nhẹ áng trời sao sóng lụa,  
Thơ say bút nhọn thoáng tay đề*

Nếu không có sức mạnh ở lãnh vực cảm xúc, chẳng bao giờ thi nhân tạo ra được những vần thơ phong phú, súc tích như vậy.

Mùa thu thoáng về với thi nhân bằng một màn sương mà thi nhân cảm thấy như một tà áo mang theo ít nhiều hơi lạnh. Cánh hoa ngai ngừng kéo tà áo sương che mặt. Gió không lạnh, bầu vũ trụ như một đại dương, những áng mây nhẹ và thoáng mỏng như khung lụa đang gợn lên từng lượn sóng . . . trong đó, những cánh én tung hoành như những nét chấm phá của ngọn bút đang đề thơ . . .

Còn gì đẹp đẽ và súc tích hơn khi mùa thu len lỏi vào lòng thi nhân với những hình ảnh êm ả đó !

Rồi cũng mùa thu, thi nhân cảm thấy chua xót :

*Áo khói vờn che bến mất tro,  
Hận mây buông thấp lạnh khoang dò.  
Hắt hiu lòng nước chèo câm lệ . . .  
Thu bắc cầu hương tím đọng bờ.*

Cũng với màn sương thu, nhưng lúc buồn thi nhân không cảm thấy êm dịu như tà áo tơ óng ánh nữa, mà trở thành màn khói . . . và bến mất xanh thẳm kia biến thành bến nước màu đục, xám như tro . . . Ôi, làm sao chúng tôi có thể dùng tiếng nói tầm thường diễn đạt hết cái huyền diệu trong cảm giác con người ?

Thi nhân nói rất ít, nhưng ý thì nhiều, chúng ta nên hiểu thi nhân bằng cảm giác. Đứng trước một cảnh trời mưa :

*Đài cao trán lạnh phất diêm mây,  
Xào xạc đông về xe én quay.  
Xổn mắt bụi hồng mi cửa khép,  
Tang trùm đất ngạt nặng vai cây.*

Vũ trụ cử động theo chiều cảm giác của thi nhân, và hình ảnh ấy chuyển vào cảm giác chúng ta bằng lối giao cảm. Khi đến với Phan thanh Phước có nghĩa là chúng ta đến trước một vũ trụ tình cảm của người. Hay nói một cách đùa cợt, chúng ta vào một mê hồn trận, mà người lập trận không xuất hiện. Chúng ta chỉ thấy những nét ảo thuật của trận đồ :

*Lệ chao tình đậm lá trang hoe,  
Gió thổi cơn run trời tắt đèn.  
Mỗi giọt châu tan đàn ngực nức  
Mộng lòng tuôn chảy huyết chân đen.*

Hỡi những kẻ đa sầu ? Có bao giờ các người đứng trước một cơn mưa, tưởng tượng những mảnh lá ướt là những trang thơ nhòa lệ ? Có bao giờ các người thấy cơn run rẩy của cảnh vật khi bị chìm trong bóng đêm ? Có bao giờ các người tưởng tượng tấm chăn mình đắp là một đáy huyết mà u buồn tuôn chảy vào đấy ?

Thơ Phan thanh Phước đã đưa chúng ta đến sắc thái dị biệt này. Là nhà thơ nặng về cảm giác, chúng ta thấy thi nhân có ít nhiều chán nản khi cảm thấy đời người chỉ là cái trạm chắt chứa ưu sầu. Thi nhân bảo :

*Rượu tình hồn gởi cho thơ,  
Mộng xanh là trạm gần ngư say buồn.*

Tuy nhiên, cảm giác con người không giữ nguyên một trạng thái. Có lúc thi nhân bừng lên ý sống :

*Tình nở đứng trên một cành hy vọng,  
Bướm xôn xao gió rợn nắng giăng tơ.  
Hương vương hương rớt rít cả trời thơ,  
Nhạc nổi nhạc reo vui tràn đất mộng.*

. . . . .  
 Hường yêu đi, và huệ, cúc, và mai,  
 Cúc ngàng dậy, mai đừng gầy yếu nữa.  
 Giao duyên đi, cá chim nhiều đôi lứa,  
 Mùa đến rồi, thời tiết có riêng ai !

Chúng ta thấy ở thi nhân một sức sống rạo rức và yêu đời, khác hẳn với lúc thi nhân gieo sầu, chuốc oán.

Cũng có lúc chí trai nổi dậy, chúng ta lại thấy ở thi nhân một tâm hồn hùng tráng :

Chớp mắt mi reo lời gió nước,  
 Gối đầu mộng tỏa ánh trăng sao. . .  
 Giật cương khoát sóng triều xanh lướt,  
 Ý sáng trên lòng mạch vút cao.

Ai bảo con người sống bằng cảm giác là nhu nhược ? Khi hùng khí con người chỗi dậy, cảm giác sẽ đưa con người đến chỗ tuyệt đỉnh của nó :

Chim xanh không thiết ngậm khăn hồng,  
 Hương của hồn trai hương của núi sông.

Và thi nhân cảm thấy mình như trở thành chiến sĩ :

Ta đi trong đời hay trên mây ?  
 Vó ngựa sơn hà nhúng rượu say.  
 Quan đi trập trùng quan đi tiếp . .  
 Khói sương đậu lại, chí ta bay.

Đâu đây ta thấy liễu không còn khóc sương, tóc huyền không còn là mảnh lưới ràng buộc chí trai nữa :

Khóc liễu tan ngời sương biệt ly,  
 Tóc huyền thôi vướng chéo nhung y.  
 Lòng xanh nở ánh trời mây rắng,  
 Má ửng phù dung hướng ngựa phi.

(Mùa hạ)

Vạn vật như muốn theo đà cảm giác của thi nhân bay cùng nhịp sống kiêu hùng :

Tiếng hát rung dào suối lặng nghe,  
 Lời không lạnh ướt gợn dề mê,



*Nhạc lừa điệu sống ngân cây thắm  
Chuyền bánh chim ngàn sáng đậm quê. . .*

Nhưng rồi, con người sống với cảm giác ấy không theo đuổi mãi chỉ hướng. Ta thấy thi nhân lại quay về với trầm buồn, mơ mộng :

*Trăng khuya vàng trải đầu giường,  
Nàng thơ rú tóc đêm trường ngồi ru.  
Hồn xuân chưa ngã bóng thu,  
Đau thương cảm thề sương mù chóng tan.*

Đã không sống bằng lý trí, tại sao buộc thi nhân phải nuôi một chí hướng ? Không ! Thi nhân là người trung thành với cảm giác, có quyền buồn vui theo cảm giác của mình. Trăng lên đem đến thi nhân niềm nhớ nhung, thì trăng tà cũng đem đến thi nhân những gì cô đơn :

*Nguyệt xế riêng còn ta với ta  
Quạnh hiu bóng chiếc gió sương là.  
Tâm tư tơ vương vàng đôi sợi.  
Gối nặng say hồn hương với hoa.*

Nếu người ta bảo « *Tạo-vật đố hồng nhan* » thì Con Tạo cũng không thương gì nhà thơ hay dùng cảm giác đề « sai khiến » vũ trụ. Đối với một sinh vật đã dùng cảm giác thao túng vũ trụ, thì Định-mệnh sắp đặt bởi Con Tạo lại cơ cầu đưa đẩy đến hoàn cảnh cho phải tận dụng kiệt quệ cảm giác. Đó là cái ngày tiêu hao nhiều nhất cảm giác, đau khổ nhất đời thi nhân ; ngày người bặt tình lìa đời.

*Gió huyền thổi rụng tờ xanh,  
Nàng hăm sáu tuổi đã thành người xưa.  
Năm năm hương lửa đâu vừa  
Mà trời thu đổ gió mưa ngập lòng.  
Ngày ấy ta thấy thi nhân âu sầu ôm đau cùng chấn gối ;  
Có ai hiểu thấu nỗi này đâu !  
Ngay thảng tìm quanh chỉ thấy sầu.  
Mặt lạt cháo cơm đành nuốt khổ,  
Ngửa nghiêng chấn gối phải ôm đau.*

Vườn xưa nuôi tiếc tình thơm đẹp,  
 Nhà cũ ưu phiền nghĩa đậm sâu.  
 Sợ gọi con thơ buồn nhớ nữa,  
 Gạt thềm giọt lệ viết dâm câu.

( Góa vợ, 20-4-1940 )

Tàn nhẫn thay cảnh huống ! Con người là vật bé nhỏ trong vụn vụn, nhưng đối với thi nhân, vật bé nhỏ ấy lại được coi như trung tâm điểm của vũ trụ. Nhất đán, điểm li ti ấy bị hủy diệt, thi nhân nhìn vạn hữu như hư không :

Vắng má hường Em, bông hết tươi,  
 Chim không đua hót vắng Em cười.  
 Còn gì đâu nữa ! Trời râm tối. . .  
 Vắng bóng hình Em đất hết người.

Nhìn vào màn đen thẫm của cảnh huống, cảm giác con người bị ngất lịm trong đau thương, hồn thê dật dờ như hồn thu chết :

Anh nhìn thấy mái cảnh thâm đen  
 Nằm lịm ngâm trong gió rĩ rên.  
 Thờ thẩn anh ngờ thu trở lại  
 Lén trên xuân thắm rải ưu phiền.

Ôi ! thật đáng bi thương ! Cảm giác con người bị thảm bại dưới bàn tay tàn bạo của Định-mệnh. Nhưng không vì sự thảm bại ấy mà con người không « cảm giác » được cái ngày bại trận của mình. Thi nhân đã linh cảm trước cái ngày thê thiết ấy và đã ghi lại lời « tiên liệu » trong thi bản sau đây :

### Tập chia rẽ

Hôm nay ngồi xa một chút em !  
 Ngó nhau ít ít, gắng làm nghiêm ;  
 Bớt trong lời nói vài ba chữ,  
 Mình quá thuộc lòng mớ những đêm.  
 Rồi mai rồi một xa xa thêm,  
 Nghiêng đôi khuôn mặt tránh êm dềm ;  
 Một lời xằng xớm, hay im lặng,  
 Sẽ giữa hai ta nặng thả rềm. . .

*Vì đen, màu áo cưới của tình,  
 Biệt ly là nhựa gắn đôi tim,  
 Thời mình phải tập dần chia rẽ  
 Để lúc phân kỳ được tự nhiên.*

( 1940 )

Như thế, cho ta một nhận định, sự thảm bại của cảm giác con người Phan thanh Phước là sự bại trận trong vinh dự.



Đọc thơ Phan thanh Phước chúng ta cảm thấy buồn, nhưng cái buồn không đến nỗi quá bi quan, hoặc cuồng loạn ; nó chỉ làm cho chúng ta ray rứt nỗi lòng. Nếu chúng ta cần đi sâu vào cảm giác thì thơ Phan thanh Phước chính là nguồn suối bất tận, tuôn chảy từ địa hạt cảm giác vào lòng đời, đưa chúng ta đến những nơi sâu xa nhất của thế giới ấy.

( 3-12-1968 )



## Thi luận

### Trai tráng

Chớp mắt mi reo lời gió nước,  
 Gối đầu mộng tỏa ánh trăng sao. . .  
 Giật cương khoát sóng triều xanh lướt,  
 Ý sáng trên lòng mạnh vút cao.  
 Ta đi trong đời hay trên mây ?  
 Vó ngựa sơn hà nhúng rượu say.  
 Quan ải trập trùng quan ải tiếp. . .  
 Khói sương đậu lại, chí ta bay.  
 Chim xanh không thiết ngậm khăn hồng ;  
 Hương của hồn trai hương núi sông.  
 Ta hát trên thành long phượng múa,  
 Khải hoàn vang dậy nhạc mệnh mộng.  
 Áo tuổi sẫm màu trong bụi đỏ ;  
 Ngựa lòng choáng rượu phi trên mơ.  
 Chuông mai giống tiếng vàng kim cở,  
 Trang sử anh hùng rung ý thơ.

( Đầu thu, năm 1945 )



### Võ vàng

Tà sương thoáng lạnh mặt hoa che,  
 Gió nhỏ trong veo thu lạc về.  
 Mây nhẹ áng trời xao sóng lụa,  
 Thơ say bút nhọn thoáng tay đề.  
 Trắng phau mới hận rượu tàn canh  
 — Ngựa ký ngày nao đập mấy thành ?  
 Gươm múa vu vơ tàu lá sắt  
 Khải hoàn héo hắt địch khuya xanh.

Vóc mai ý động ý trình xưa,  
 Điện ngọc trắng gầy xiêm áo tơ ;  
 Nến bạc tương tư lòng mộng chảy,  
 Tàn tranh cung bậc đổi bao giờ.  
 Bao giờ xuân được mãi thanh xuân  
 Tình đẹp bình yên vững ái ân  
 Bến sông căng luôn buồm mạnh trẻ  
 Lệ vàng không một lá trôi sân ?

( 1946 )



### Mộng xanh

Rượu tình hồn gửi cho thơ,  
 Mộng xanh là trạm ngàn ngư say buồn. . .  
 — Trán hiền gió lộng mây tuôn,  
 Hồn người không ghé hương luồn trên không  
 . . . Dặm trường cho cách núi sông,  
 Rượu bầu hàn kín men nồng giữ nguyên  
 Mộng xanh say lạnh lóc huyền,  
 Hồn lo không biết hồn chuyền đến đâu ?

( 1945 )



### Tình Thơ

Chẳng phải lâu hoa chẳng gác hương,  
 Đây là phòng lạnh ủ đau thương,  
 Nàng thơ không ngại buồn xiêm áo  
 Đến viếng ân tình qua gió sương.  
 Trăng khuya vàng trải đầu giường,  
 Nàng thơ rủ tóc đêm trường ngồi ru ;  
 « Hồn xuân chưa ngã bóng thu,  
 Đau thương cầm thề sương mù chóng tan ;  
 Vui đi anh, ngủ đi chàng !  
 Tóc tơ em đã héo vàng theo anh.

Đêm nay chim mộng hót nhanh,  
 Chốc rồi trăng nhạt ta đành xa nhau ;  
 Tình thơ cạn trút đêm thâu,  
 Hứa anh, em sẽ xây lầu hương hoa. . . »  
 Nguyệt xế riêng còn ta với ta,  
 Quạnh hiu bóng chiếc gió sương là,  
 Tâm tư tơ vương vàng đôi sợi,  
 Gửi nặng say hồn hương với hoa. . .

(Tại Bệnh viện Huế, đêm 6.6-44)



### Hương buồn

Tặng Hoàng vân Nghi

Mây huyền vây bủa phương nao,  
 Gió đâu hiu hắt lệ trào mi ai ?  
 Nén khuya giọt vẫn giọt dài,  
 Hương buồn tỏa đậm quanh dài tương tư.  
 Thơ sầu ngấm lạnh án thư,  
 Mực se sẽ gợn, bút từ từ rơi ;  
 Hồn bay — cánh mộng a say rồi,  
 Tơ vương nẻo ấy mấy đời trở lui !  
 Hương buồn đã tụ trong lời,  
 Người ơi ! có địch đạo trời tương tư. . .

( 1912 )



### Đôi mùa

Thu ai hương cháy đất xuân tôi ?  
 Phấn bướm theo dòng hương tím trôi.  
 Gió ý xanh xao vây mộng thắm,  
 Tơ trắng bàn bạc rã quanh người.  
 Có mây buồn rợn lướt qua môi,  
 Thêm một niềm yêu lịm nữa rồi !  
 Điệu nhạc băng khuâng lời ngọc sượng,  
 Chim huyền nơi cánh khóa sân trời. . .

— Em có làm sao ? bạn nhỏ ơi ?  
 Chắc em đang khóc, ngõ anh cười.  
 Hãy nhìn phần bướm ngâm hương tím,  
 Thu đã trong lòng xuân chế đôi.



### Thu đậu trên người

Lệ ướt mi xanh lá liễu dài,  
 Má gầy trắng lạnh đất bi ai,  
 Lờì chim nhỏ tốt hương môi nhạt,  
 Tóc rơi buông huyền mây phủ vai.  
 Cánh thu duyên kiếp đậu trên người !  
 Tình bước theo mùa nhịp hết tươi ;  
 Hồn nuôi buồn trinh tìm đáy lạnh  
 Xây mờ sương gió tuổi hai mươi.  
 Trên má gò cao bóng liễu xanh,  
 Lệ mi xe ngọc hiển môi lành. . .  
 Lờì hương nhạc nở hoa bừng sáng,  
 Thu muốn xa người, mây vén nhanh.

( Tháng 8-1944 )



### Qua mộng tình đi

Gió thu huyền thời mau,  
 Lạc vàng rung canh thâu.  
 Mộng hồn nghiêng gối nhạt ;  
 Nền lạnh rung rung châu.  
 Mi xanh sầu man mác. . .  
 Ngựa trắng đã qua cầu  
 — Tránh buồn cho liễu yếu,  
 Chàng đi trong đêm sâu —  
 Khói sương lồng nước kiệu.  
 Mộng vỡ cánh bờ câu. . .  
 Giật mình hương yêu điếu,  
 Tóc mây phất cửa lầu.

( 1945 )



### Tình thu

Vóc mai giá động óng xiêm trinh  
 Dưa trắng tay sương thu rợn mình.  
 Trăng mỏng vườn thưa canh mộng lạc,  
 Hoa nghiêng lá rụng úa tâm tình.

Gió qua ngang trời tấu nhạc đen  
 Trần duyên dứt nhớ nơi trong quên.  
 Ngón đàn vượt tóc sầu trôi liễu ;  
 Thơ sưỡi hồn đau nhóm lửa men.

Áo khói vờn che bến mắt tro  
 Hận mây buồn thấp lạnh khoan dò ,  
 Hắt hiu lòng nước chèo câm lệ. . .  
 Thu bắc cầu hương tím dạng bờ.

( 1964 )



### Trong gió xanh rừng

Trong gió xanh rừng cánh nhạc bơi,  
 Chim gieo tiếng ngọc chuyền hương trời.  
 Sân vàng suối bạc cười trong trẻ  
 Quanh hướng dương nòng bướm gấm phơi  
 Rèm mây huyền sáng tuyết lau bay,  
 Nàng liễu nghiêng nghiêng lạnh nét mây.  
 Chén rượu nghìn thu không ráo mộng,  
 Tuý-lan-ông vẫn nặng mùi say.

Sử xanh ai chép đá rêu phong ?  
 Thục nữ ngày xưa má ửng hồng  
 — Trên cánh anh đào — mơ trắng sĩ  
 Hậu đình hoa mạnh sắc bào nhung.

Phù dung rục rở phấn vừa thoa,  
 Đạo mạo mai quàng áo lão gia ;  
 Cỏ mớ vương tôn hài lá lướt,  
 Nhài trinh e lệ nép thân ngà.



Hồ sen Tịnh-đế nổi hoa thêu :  
 Thắm biếc son thơm gót sóng đều ;  
 Tay vãn tơ hồng chân vướng huệ,  
 Bích đào thạch lựu sánh vai yêu.  
 Trường vi tử muội chị em nhà  
 Thương dáng thu sầu cúc bạn xa ;  
 Đời ví trường sinh thiên tuế ấy,  
 Hải đường phú quý chẳng bốn ba.  
 Dưa gổc từ bi rợp bóng hiền,  
 Mành tương trúc ngăn lệ thuyền quyên ;  
 Tầng cao thiên lý sao hoa xuống  
 Diêm lục thêm ngời ánh tóc tiên.  
 Trong gió xanh rừng cánh nhạc bơi ..  
 Ru hồn hoa cỏ ngọc đưa lời.  
 Nước non thơ mộng tình muôn vẻ  
 Mong giữ hương màu luôn thắm tươi.

Làm xong ngày

Việt-nam tuyên bố Độc-lập

( Dương lịch ngày 11 tháng 8 năm 1945 )



## Hân hoan

Tình nở đứng trên một cành hy vọng. . .  
 Bướm xôn xao gió rộn nắng giăng tơ,  
 Hương vương hương rớt rít cả trời thơ;  
 Nhạc nổi nhạc reo vui tràn đất mộng.  
 Đây là ngày đã muôn năm trông ngóng  
 Của người ta héo hắt với nghìn loài,  
 Chính hôm nay ái ân mầm nức sống,  
 Áo lá buồn úa rụng dưới xanh vai.  
 Hường yêu đi, và huệ, cúc, và mai !  
 Cúc ngừng dậy, mai đừng gầy yếu nữa.  
 Giao duyên đi, cá chim nhiều đôi lứa !  
 Mùa đến rồi, thời tiết có riêng ai.

Hỡi cô gái đẹp ! hỡi chàng xinh trai !  
 Tuổi mở rộng, lòng trần mây sạch vén ;  
 Môi đỏ thêm cho tay ngà bớt thẹn ;  
 Trầm đầy lư và nhụy sẵn cương đài.



### Sáng trời

Má rượu dâng hường ửng trán mây,  
 Rèm mi liễu sáng nhạc chim say.  
 Yêu kiều nét ngọc cười rung ánh,  
 Rực rỡ tà hương yều điệu bay.  
 Thơ đẹp vẽ trên tay gió hoa,  
 Áo thơm còn đậu lệ sương sa ;  
 Dịch gầy giọng héo sầu đêm trước  
 Nhập cánh oanh vàng nđi điệu ca.  
 Cây hoẵng nghiêng đầu roi vút ngang,  
 Bóng hùng tráng sĩ vượt quan san ;  
 Người đi lòng rạn tình non nước,  
 Đá sỏi reo cuồng vó ngựa vang.  
 Sông núi nghiêng mình ngực nở xanh,  
 Sáng trời rộng thở khí tinh anh.  
 Hồn xưa trở thắm ngời trong nắng,  
 Hận vất lưng đời khối mộng manh.

( 1916 )



### Hương gió thoảng

( Tặng Đồi Mắt Đẹp )

Hoa ngậm hương trinh gió phụng thờ,  
 Tình em cánh trắng nụ trong mơ ;  
 Hồn anh vương vít quanh mi đẹp,  
 Bông gập em nhìn, anh hóa thơ.  
 Tình đã căng buồm trên bề mặt,  
 Thuyền đi bến vắng nước thu trôi. . .  
 Liễu bờ ngấm nặng sương sầu biếc,  
 Chim mới ngấm thơ, mộng biển rời.

Hương tan gió mãi bồi hồi,  
 Lệ nàng chảy suốt thơ tôi muôn vơi.  
 Lá vàng thu trái buồn sân,  
 Lời vàng thêm đề băng khuâng lòng màng.  
 ( Cuối thu 1943 )



### Màu dâu xưa

( Tặng I'han văn Dật )

Nẻo vàng hút mắt tà xanh  
 Con tầm khéo đời dâu xanh tơ vàng  
 Quay tơ lòng nhớ đến chàng  
 Nôm xưa cắt vó qua làng về dâu ?  
 Phất phơ áo diệp màu dâu  
 Bóng xanh xa khuất bờ dâu mơ nàng. . .  
 Dâu xanh đã hóa tơ vàng.  
 Dâu xanh trông ngóng tơ vàng ngóng trông.



Áo xanh sương gió phai màu  
 Bờ dâu âu cũng dải dàu nắng mưa  
 Hỏi ai tầm đã chín chưa  
 Quay tơ còn nhớ người xưa qua làng ?  
 Long câu gió gửi quan san,  
 Một nhìn qua lá muôn vàn ái ân  
 Tình giao không ngại Sở Tần,  
 Áo xanh dàu đã ngã dàu màu tơ. . .  
 ( 1942 )



### Nẻo nùng

( Tặng Ngọc-Đài )

Mây cao sẽ sẽ đưa hài,  
 Cây trưa nắng đứng bóng mai sát chân ?  
 Gió hiu nhóm mộng bần thần,  
 Giờ đây im lặng xa gần rõ nhau. . .

Ai nức nở sau rèm châu,  
 Chim chi một chiếc bên lầu kêu thương ?  
 Ưu tư lệ bốc qua tường,  
 Hồn chim héo hắt dặm trường theo chim.  
 Ai sừng sốt bước ra thềm,  
 Đưa tay bủn rủn đón niềm tái tê !  
 Thấy lòng bỗng ngún hương thề  
 Ngờ xe sầu chuyển tình về đâu đây. . .  
 Tơ phương đông vương phương tây,  
 Đông tây chàng thiệp nhìn mây hỏi trời.  
 Nắng phai chim khản giọng rồi,  
 Cô miên lờng nhẹ vào đôi chấn phiến.  
 ( 1941 )



### Ai oán

Ai cưỡng hoa trinh xẻ lấy đường,  
 Ép lòng sen hững nhựa yêu đương ?  
 Ai đem vòng tím khung gương mắt,  
 Ai nhả mây tang quẩn khắp vườn ?  
 Sao ngằm bấn nét đau thương ;  
 Hoa cong mình trẻ em dừng gót vui ;  
 Nhìn đâu cho dịu bởi hời  
 Tránh đâu cho khởi tơ bởi cánh xuân.  
 Ai nỡ làm dây mỏng tằm thân ?  
 Mất tơ không trẻ được hai lần  
 Dấu dao bén quá, tình nhanh quá.  
 Cánh héo người tan ủ mặt trần.  
 ( 1938 )



### Nhớ Tây-Thi

Ở Tây-Thi, Ói Vương-phi ;  
 Nhớ thương vò vớ hồn đi mấy lần. . .  
 Tình ân ái mộng ái ân,  
 Sương khuya ứa lệ khóa sân liễu châu.  
 Tương tư ngập quá mái lầu,  
 Hương khanh xa vắng trầm sâu mênh mông ;  
 Phút ngóng trông đốt thâm cung,  
 Lửa diên ngún giữa lạnh lùng vây quanh  
 Đông Tây-Thi trắng nhợt xanh,  
 Giếng Ngô-Vương Tinh sầu xanh giữa lòng  
 Cô-tô bắc lãng rượu nồng,  
 Men yêu ngơ ngác mỗi gần môi xa. . .  
 Nhớ thương mộng vướng trắng tà,  
 Hồn nghiêng tình nặng là đà thâu canh.



### Gỡ mái tóc sầu

Tay thơ nâng dịu mái sầu,  
 Lược duyên chờ sẵn với đầu yêu đương  
 Thơ chuyền từ ngọn sóng Tương  
 Gió đưa kịp tới vờ sương ngập trời  
 Nghiêng đầu dừng chường, Tình ơi,  
 Đình mây hướng lạnh sương phơi trắng rồi  
 Gút sầu lược gỡ đầu bôi  
 Tư huyền suôn mượt hương trôi xuống lòng.

( 11-1942 )



### Nòng xuân

Ngực nấng lên đòn hoa nữ vui  
 Tuổi cười đời sáng giữa môi tươi.  
 Tóc ngời duyên đẹp reo lưng suối  
 Nhạc dậy cảnh thơ gấm mộng phơi.

*Bướm quạt chim lòng hương thấm bay  
 Chồi tơ mở áo rượu trôi tay.  
 Bước trần sải mạnh ngân bờ sóng  
 Buồm ý căng trời má đỏ hây.  
 Gió trẻ say thời xưa Á-đông ;  
 Hào quang xuân núi tuyết xuân sông ;  
 Hiên ngang nét lửa vàng trang lá,  
 Đất đội mùa trai nhíp gót hừng.  
 ( 1946 )*



**Tài hoa cánh rượu**

( Nhớ Phạm-Hầu, cảm xúc mà viết )

*Ngón sương vượt chén bờ đào,  
 Bờ môi sóng gió nghiêng chao rượu thần.  
 Cánh xuân nở rợn xiêm tằm ;  
 Lật pho hùng sử huyết gấn ngập trang.  
 Nắng ong đốt áo hương vàng  
 Vòng tơ ánh nguyệt thất làn mơ xanh  
 Móng đời ngắt quả tình anh,  
 Những con tuần mã bằng thành vẽ không.  
 Máu đào chúc rượu non sông,  
 Hồn trai xao động tình dong cánh hường.  
 Trời xem mùa gặt có thương  
 Tài hoa chín gục khắp vườn trần ai ?  
 ...Men thơm nức chén thiên thai.  
 Rượu thần lại xuống trần vai chén người.  
 Bờ môi sóng gió reo cười.  
 ( 1946 )*



## Hoa đen

( Tặng Em dữ khuất )

Vườn thơ hoa sầu lên hương đen  
 Trời chim ngưng đàn cung mây hoen ;  
 Châu lòng mênh mông trôi sương bờ  
 Mi huyền vầy tang hồ thu mơ.  
 Tình buồn ngày xanh chìm đêm nhung  
 Thời gian tương tư chùng tơ khung. . .  
 Âm ty tay gầy đây tay quen  
 Vườn thơ hoa sầu lên hương đen.  
 Vườn thơ say bầm hương hoa đen  
 Âm ty môi tàn môi không quên.  
 Trần duyên bay hoài tên đau thương  
 Chia phôi còn nhiều đôi uyên ương.  
 Phòng xuân vui chi nhìn sân thu  
 Trang thư chưa đầy nghiêng trăng lu !  
 Đèn lòng thôi kêu ngậm khuya men  
 Vườn thơ say bầm hương hoa đen.  
 ( Mùa đông 1946 )



## Người nở tường vi

Ngơ ngác hương lòng vọng ngã ba  
 Gió xe lặc hướng mộng trắng tà ;  
 Đêm huyền rơi tóc hờn mây lộng. . .  
 Say ánh trời duyên đỏ tiếng gà.  
 Người nở tường vi ngát bụi đường,  
 Sầu thơm bên cạnh áo đau thương.  
 Tuổi trần sáng ấm đời trưa cháy  
 Ai rước tình đi chiều bốn phương ?  
 Đất ngậm ngùi hoa rụng gió cành  
 Ta buồn nhân loại héo thời xanh.  
 Hương tàn đêm quạnh trắng tìm bóng  
 Mộng vỡ mai hường rộn yếm anh.  
 ( 1916 )



## M ư ơ

Đài cao trán lạnh phất diễm mây  
 Rào rạt đông về xe én quay ;  
 Xổn mắt bụi lông mi cửa khép  
 Tang trùm đất ngọt nặng vai cây.  
 Lệ chao tình đậm lá trang hoen  
 Gió thổi cơn run trời tắt đèn.  
 Mỗi giọt châu tan đàn ngực nức  
 Mộng lòng tuôn chảy huyết chấn đen.  
 Nghiêng mái lầu hoa xác ngọc trôi  
 Đờn hương một gửi kiếp pha phôi !  
 Thơ huyền trầm bốc tương tư rộng  
 Thương nhớ mệnh mông khóc núi đồi.  
 Rượu môi đóng giá lửa tay bầm  
 Da rợn thân chìm áo cõi âm,  
 Ngồi đứng trần ai gầy bóng lạng,  
 Đầy rèm ôm đại cả mùa thâm.

( 1946 )



## Xuân phú quý

( Tặng Xuân-Tâm )

— Mây rách rèm che, nhận lơ làng  
 Xóc buồn lên cánh rudi xa ngàn —  
 Nay đời lịch sự hoa đặng gấm,  
 Vai liễu oanh treo những thỏi vàng.  
 Điệu sống lồng trong sương loáng bay  
 Cao rao Xuân-chúa giáng hôm nay  
 Giữa trần rục rờ xây cung điện,  
 Lại chọn trên người đặt chiếc ngai.  
 Loạn giá xên xang bóng rợp đường,  
 Kiểu ru trên gấm ngựa phong hương ;  
 Tung hô lời mạnh, vàng lên nhạc ;  
 Đào ngự cung thơm đến bộ hường.



( Là má hây hây giữa cảnh vui ) ;  
 Ngọc dâng rặng ánh, rượu dâng môi,  
 Một tòa ngà ấm căng nhung lụa  
 Nghênh Chúa Xuân vào lẩn nắng tươi.

( 1940 )



### Thơ son tình son

( Lời một chinh phụ )

Rượu đào em chúc ánh tươi môi,  
 Má đỏ quên thì óng lả lời ;  
 Bề mặt triều say lai lảng huyết  
 — Thơ son dòng thấm gợn lưng trời.  
 Ý chàng cao vút sáng ngời,  
 Lời yêu men thấm mấy đời cho phai.  
 Tơ hường quấn chặt đôi vai,  
 Tình son còn đậm muôn bài thơ duyên.  
 Hồn em ngã ngã nghiêng nghiêng,  
 Nhưng chàng là rượu em diên cũng dành.  
 Uống thêm cho liểu bớt xanh  
 Đều con tuấn mã bên thành rudi dong. . .  
 Rượu đào tràn ngập non sông,  
 Thơ son xin gửi mệnh mông theo tình.



### R ằ m

Có buồn du tử già trên sóng  
 — Hồn bướm phiêu diêu cánh trắng phau —  
 Nguyên vẹn tình trắng môi rợn đón,  
 Đường hoa hương dậy gió run châu.  
 Sương giá lòng cây lá bạc rơi,  
 Mái xanh cần cối dưới trăng phơi ;  
 Tóc huyền mây tuyết vương đôi gốc  
 Mắt giương mi lên chói một trời.  
 Đêm nay nàng đẹp sáng ngời. . .  
 Canh tàn bóng xế mộng rời tơ trắng !  
 Tình tôi vừa mất thẳng bằng,  
 Duyên người theo vết xe Hăng dong khơi.



**Trời xưa**

( Tặng Trần thanh Bạch )

Gió hiền chim dọn cánh thêu,  
 Đất thơm dãi nhạc cảnh đeo ngọc vàng.  
 Người thơ bỏ lửng thời gian,  
 Ngõ đương dầm bút trầm lan bến thần . . .  
 Trời xưa thả một dòng ngân  
 Dịu mang bướm lụa Ái-ân dong miền ;  
 Mạn ngà dựa ấm lưng tiên,  
 Sánh quàn thạch lựu cạnh xiêm bồ đào,  
 Tóc hương phượng thờ ngạt ngào,  
 Phù dung ửng sáng liễu giao nét ngài.  
 Duyên tươi nụ hương Thiên-thai,  
 Hồn si theo vọng trần ai mỗi mồn.



**Sầu**

Tương tư đầu vị bạch.

( Cỗ thi )

Trời thâm đông lệ mấy sông rồi,  
 Cánh quạ sao vờn luôn mắt tôi ?  
 Tôi nghiệp tay mê vừa ngoắc gió,  
 Triều sương dâng ngập lạnh vây đời.  
 Ôi ! có hình lau gầy xác xơ  
 Nghiêng nghiêng vọng nét liễu xa mờ ;  
 Tình cao mái tuyết đơm trính bạch  
 Chờ gửi mây ngàn hiển tóc thơ . . .



Vườn nở tiên qua sáng nẻo hường ;  
 Chao ơi ! hương nặng lướt xiêm nường.  
 Người tôi từ ấy trên sông vắng,  
 Hồn bạc đầu ghi một vết thương.

( 1941 )



## Hương mầu

Tặng Nguyễn Đình Thu

*Duyên vàng tơ xuống trời cao,  
Hoa trinh tuổi biếc ngọt ngào lên hương.  
Tơ vàng vẫn cánh uyên ương,  
Hương xanh lòng đắm nẻo vườn tâm tư.*



*Chao ôi ! mây vướng . . . Đây chừ  
Uyên ương lẻ cánh tương tư dặm huyên.  
Hoa trinh đầu cúi tang viên  
Hương xanh úa tím vườn phiến ngàn ngơ.*

( 1941 )



## Duyên thắm

*Má em đỏ lấm em ơi !  
Anh nhìn tưởng ửng cả trời mệnh mông ;  
Hồn anh bỗng nhuộm sắc hồng,  
Môi anh loáng ướt rượu nồng tình xuân.*



*Chao ôi ! má đỏ phai màu  
Sao em nỡ để lệ sầu dẫm lên ?  
Yêu nhau mình hứa lâu bền,  
Này anh lên thác xuống ghềnh theo em.*



*Má em tôi đỏ lại rồi,  
Cõi trần buồn thắm bỗng ngời sáng vui ;  
Lụa hường rủ khắp phương trời,  
Nhạc đào rảng tiếng giục mời ái ân.*



**Nét hương**

Vườn xanh chim nhả tiếng vàng,  
 Bước phơi hoạt gấm và nàng . . . thơ ngây.  
 Hoa trinh cánh mỏng hương gầy,  
 Nắng duyên chưa thắm phấn bay xa vời.  
 Ngần ngơ bướm nhớ dong khơi,  
 Dòng tương tư chảy mắt ngời lệ trời.  
 . . . Tay người lạnh giữa tay tôi,  
 Gió lòng rộng lối đường môi chật lời.  
 Hương lên mảnh khảnh lưng trời,  
 Ngón trần run giữ không rời cánh trinh.  
 (Cuối năm 1944)



**Dưới trăng nhớ trăng**

Trăng vàng trải rộng niềm yêu,  
 Bóng sầu khép nép đầu hiu lặng nhìn.  
 Rằm xưa còn một lòng tin  
 Rằm nay chán nản hồn vịn gió đời.  
 Nàng đi trăng khuyết mắt rời  
 Nàng đi tôi chỉ đứng ngời trong mây.  
 Vàng trăng lạnh chảy qua tay  
 Ánh tình thơm đẹp tôi say trọn đời.  
 Trăng xưa còn đọng sáng ngời  
 Tim tôi dù vỡ bóng người còn nguyên.  
 Trăng nay âu chỉ trăng huyền  
 Cách sầu ngơ ngác chim uyên lạc trời.  
 Trăng xưa ai cuốn xa vời  
 Áo vàng ai mặc đi chơi một mình !  
 Bồng con thơ, níu áo tình,  
 Vàng trăng đồ xuống hồn trinh thoát đời.  
 Con khóc một, tôi khóc mười  
 Tìm đâu cho thấy bóng người trong trăng ?  
 Ngọc-Đài ngời sáng như băng  
 Sao em nở đềm dưới trăng anh mờ !  
 Bóng em sáng rực trong thơ,  
 Ngoài thơ anh thấy vẫn vợ trăng huyền.  
 (15-5-1916)



### Vắng em

Anh nhìn thấy mãi cảnh thâm đen  
 Năm lịm ngâm trong gió rĩ rên.  
 Thờ thẩn anh ngờ thu trở lại  
 Lén trên xuân thắm rải ưu phiền.  
 Sao rải ưu phiền tận đáy tim  
 Khấp vờn ân ái tuổi xanh êm ?  
 Sao dương nồng mặn mà ly biệt  
 Sao đề anh buồn khóc hờ Em ?

Chừ một mình anh hai trẻ thơ  
 Đời ôi ! quạnh quẽ con bơ vơ  
 Ấp sầu một núi tàn y lạnh  
 Phiền gối canh trường kỷ niệm xưa.  
 Vắng má hường Em, bông hết tươi  
 Chim không đưa hót vắng Em cười.  
 Còn gì đâu nữa ! Trời râm tối . . .  
 Vắng bóng hình Em đất hết người.

(16-4-1946)



### Mộng thấy nàng

Màu xanh nước biển áo ngày nào  
 Nay mặc về đây gợi khát khao . . .  
 Ôm bóng xinh tươi lòng ủ rĩ  
 Gặp nhau rào rạt cõi chiêm bao.  
 Nàng bảo : « Cùng nhau một bữa thôi,  
 Ngày mai Em lại phải đi rồi ! »  
 Hàn huyên chưa kịp nguôi thương nhớ  
 Gà giục ngoài song, Nàng vội xuôi.  
 Bao giờ mới lại gặp Nàng đây ?  
 Canh lệ đầy vơi sầu gối tay.  
 Xin nối chiêm bao, xin trả Bóng . . .  
 Ngheñ ngào tâm sự ngậm chua cay.

(24-4-1946)



Mùa lạ

. . . . .  
 . . . . .  
 Xôn xao quạt bướm tung rèm mộng,  
 Non nước reo tình hương múa say.  
 Khóc liễu tan ngời sương biệt ly,  
 Tóc huyền thôi vướng chéo nhung y.  
 Lòng xanh nở ánh trời mây ráng,  
 Má ửng phù dung hướng ngựa phi.  
 Tiếng hát rung đèo suối lặng nghe,  
 Lời không lạnh ướt gợn đê mê,  
 Nhạc lùa điệu sống ngân cây thắm  
 Chuyện bánh chim ngàn sáng dậm quê. . .  
 Đây phải mùa xuân đến giữa thu  
 Hay mùa hy vọng của chính phu ?  
 Hay mùa trần tục thay xiêm áo ?  
 — Mùa lạ buồn thơ muốn viễn du.



Khuya mưa nhớ tình

Nửa giấc mơ màng ánh mộng xưa  
 Giật mình đề gió lại rơi mưa.  
 Xê chắn tưởng ấp hình dung cũ.  
 Xịch gởi đành ôm bóng dáng lưa.  
 Duyên đẹp năm canh còn phượng phất  
 Tình thơm sáu khắc vẫn dây dưa.  
 Ôi thôi người vắng đời cô lạnh  
 Mưa rụng cành xanh gió thắm chưa.

( 17-4-1946 )



### Lá xanh rụng

Gió huyền thỗi rụng tờ xanh,  
 Nàng hăm sáu tuổi đã thành người xưa.  
 Năm năm hương lửa đâu vừa  
 Mà trời thu đổ gió mưa ngập lòng.  
 Con thơ đứ đai đất đứ đai bằng  
 Tìm quanh nhà vắng vườn không ưu phiền.  
 Canh trường ấp bóng cô miên,  
 Gối chẵn xô lệch tình diên vọng tình.  
 Ái ân khởi tự hờn trinh  
 Nàng tôi như bóng với hình không xa.  
 Khi sáng sớm lúc chiều tà,  
 Trời phơi cửa ảm, trăng là rèm vui.  
 Dây vịn đứng, dây dựa ngồi  
 Dây di sánh bước, dây cưỡi ngắm môi.  
 Cầm hạnh phúc, mặc mây trôi  
 Biết đâu tâm gãy bình rơi thế này !  
 Nào nùng chợt tỉnh chợt say,  
 Ôm con nhường ấp trong tay bóng Người. . .  
 Gió than mưa lệ tôi bồi  
 Trên mờ xanh rử một trời thâm u  
 Đời tôi mây buộc tang thu  
 Đời hai con cũng sương mù vây quanh.  
 Chao ôi ! sâu chấy suốt lành  
 Cây trần sớm rụng tờ xanh gió huyền.

(21-4-1946)



### Đêm tàn

(Tặng Vương Xương Linh)

Canh trắng sương dẫn phiến về,  
 Buồn thao thức đọng bốn bề nghiêm lâu,  
 Sân mê ngậm bóng cây sầu :  
 Liễu nghiêng tóc rủ trước lâu gió se.  
 Dịch rầu giọng kéo lê thê  
 — Thơ ai khuya lạnh ngã đề tương tư ? —  
 Nến hao lệ ứa từ từ,  
 Ngần ngơ tựa gối nàng như mắt hờn.

(Vương hương)



---

## LAN-SON

---

**L**AN-SON là hiệu, tên thật là Nguyễn Đức Phòng; sinh ngày 11 tháng 4 năm 1912 tại Hải-phòng, chính quán phủ An-sơn (Nghệ-an). Thuở nhỏ ông học qua các trường Hải-phòng, trường Tourane, kế tiếp là trường Báo-hộ Hà-nội. Sau đó, ông làm việc ở sở Công-chính Hải-phòng.

Ông viết giúp cho các báo :

- Hải-phòng tuần báo
- Phong hóa
- Ngày nay
- Tinh hoa

Thi phẩm đầu tiên Anh với em được xuất bản năm 1934.



Có lẽ tim lòng của thi sĩ Lan-Sơn đã bị hai vết rạn nứt : một, khi mất người mẹ thân yêu ; hai là cuộc tan vỡ mộng tình.

Một mùa thu lạnh lẽo, một mùa thu đầy thống trách, một mùa thu tàn bạo, một mùa thu tang thương đã cướp mất người mẹ ngập tràn ân nghĩa đối với thi nhân.



*Thêm cách những đêm mưa lạnh lòng,  
Con nằm ấm áp ở trong phòng,  
Hạt mưa ru nựng con yên ngủ,  
Lặn lội trên đường mẹ gắng công.*

Hình ảnh một người đàn bà can đảm chống chọi với giá buốt đang lao đảo xuyên mình trong làn mưa thu mà từng luồng gió quật như gia tăng trọng lượng của hạt mưa, thổi tạt phũ phàng vào chiếc thân gầy guộc của mẹ hiền, có lẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức Lan-Son.

Người mẹ gầy yếu ấy đã tận tụy với thiên chức, phò bầy trong sáng như gương cái tình mẫu tử, mà đối tượng là nguồn vui bất diệt của lòng bà. Bà đã vui lòng trả giá rất đắt bằng cách đem sinh mệnh của mình làm miếng mồi cho bệnh suyễn, một thứ bệnh dai dẳng như mang phải bản án khổ sai mà hình phạt tàn bạo là cơn ho rũ liệt như xé phổi đã giết lần mòn tế bào trong cơ thể, dẫn đường nạn nhân chết tàn rũ với thời gian.

Ôi ! cao đẹp thay tấm lòng hy sinh không bờ bến của người mẹ.

Lan-Son đã khóc ; khóc nhiều.

Bao nhiêu mùa lá rụng là bấy nhiêu lệ lòng của thi nhân. Từ cái ngày ly cách, cứ mỗi độ thu sang, gió thu nhẹ rít trong cành lá như thổi sự rét mướt tận tâm can, khơi động lại vết thương lòng theo từng chu kỳ của ngày tháng.



Phác họa một trong hai nét đời của thi sĩ Lan-Son, tuy có mang tính chất buồn thương, nhưng nó là một lẽ đương nhiên trong cái vòng sinh tử của con người. Bước đường cùng của mọi sinh vật đều phải đến bên bờ vực thẳm của cõi Chết, và ta chỉ có độc nhất con đường là... bước xuống. Cho nên, với ngày tháng phôi pha, người học trò Nguyễn đức Phòng dần lớn, nhận định được sự sống chết của con người. Vết thương lòng mất mẹ ngày nào dần khóa lấp, thì vết thương tình lại vỡ toang.

Đời tình ái của Lan-Sơn dịu hieu nhiều hơn là vui sướng. Ít có thi bản nào mà không lưu lại đôi nét nhăn đau. Ngay đến bài *Bình minh* là gọn nhẹ nhất cũng vẫn mang một sắc thái của niềm hy vọng mong manh. Tình yêu ở đây không là một bản tình ca hòa nhịp mà là một sự thấp thỏm dề van xin :

*Cho anh có một đ non bé nhỏ.  
Anh đã chịu cả một trời sương gió,  
Mà em giờ là ánh sáng bình minh.  
— Hãy rũ lòng, hãy đón lấy đời anh.*

Hy vọng mong manh nên chóng tan rã. Tình của Lan-Sơn mất hẳn tính chất thực tế, yêu hồ mộng hão, quay quần theo một bóng yêu mà không lần nào được đối thoại với người yêu như sự chu tuần cô độc và miên viễn của chiếc vệ tinh trong khoảng thái không. Ta hãy nghe « vết thương lòng » bắt đầu rạn vỡ :

*Nắng sớm, em ngồi tựa thủy tiên,  
Hồn em say đắm cảnh thiên nhiên.  
Bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng  
Em đã vô tình vội ngừng lên.  
Em vội ngừng tay, vội ngó ra,  
Dao cằm sầy chạm tới giò hoa ;  
Giò hoa ngày lụi, màng hoa úa,  
Hoa đã vì em chịu xót xa.*

( Vết thương lòng )

Cái bóng thấp thoáng ấy là hình ảnh của thi nhân, và cũng chỉ vì xuất hiện không phải chỗ mà bị chiếc dao tình « vót » một nhát gây thành « vết thương lòng » :

*Tim anh chung phận với hoa này,  
Cùng bởi vì em đã sầy tay,  
Đã vội mãi trông bao cảnh đẹp,  
Vết thương mang nặng vẫn còn đây.*

Trong các thi bản của Lan-Sơn, ta có thể lấy những dòng thơ trên làm ranh giới cho sự đắm tình của thi nhân.

Nó là tỷ lệ nhịp nháy cao nhất của con tim và cũng là một hồi chuông báo hiệu mệnh lệnh đóng cửa lâu yêu để thi nhân âm thầm chôn chặt mối tình trong cổ đơn, buồn tủi.

Mối tình đầu đã cướp mất đi nhiều nhựa sống và nhiệt tình của tuổi trẻ. Từ đây dường như thi nhân kinh sợ ái tình, thả lỏng giạt trôi trên nghìn trùng vô định mà không dám tìm một bến nào để ghé đỗ thuyền yêu. Càng e chề, thảm nảo hơn khi so sánh một quá khứ với hiện tại. Quá khứ là cái gì lộng lẫy, rực rỡ, có thể là một cô gái đang độ ngây thơ, trong trắng, mộng đời xinh tươi, vị đời ngọt lịm; thi nhân đã quyến theo hương tình khi lòng xuân vừa bùng nổ :

*Khởi pháo say người rượu ái ân,  
Cởi lòng thả nở một vườn xuân.  
Nàng thơ năm ấy cười mê đắm,  
Trong mắt em Nhung hiện giữa trần.*

Đến, hiện tại thì, ôi thôi !

*Nhưng tháng, năm qua, vẫn thể thôi.  
Ước mơ tàn lữa với thân đời,  
Tiết trinh bán hết cho sương gió,  
Làm điếm hai mươi tám tuổi trời.*

Thi nhân lý luận :

*Nên đến bây giờ gặp các em,  
Gặp ngày xuân tới, bạn xưa quen ;  
— Em Nhung, em Tuyết hay ngày Tết —  
Rượu hả hơi rồi hết vị men.*

Những cảm giác cuồng say của tình xưa, những ý tưởng tuân phục dưới chân thần tượng, nguyện nô lệ cho ái tình, giờ thì đã phai nhạt, ái tình giờ đây đã « thoảng vị cơm ôi » chua lợm. Nếu có tiếc thương chẳng cũng chỉ đôi khác thả mộng hồn về quá khứ gọi lại giây phút yêu đầu, những hồi tim lòng rộn rã theo khúc nhạc . . . . . độc tấu buồn tênh :

Lòng ta buồn, sương đêm gieo lạnh lẽo  
 Toàn thân như lòng giá buốt hơn băng,  
 Lòng ta buồn, nỗi tiếc thương dày xéo,  
 Nỗi tiếc thương nhắc nhở mãi không ngừng.  
 Nén tim đau, ta lại ngồi trên ghế.  
 Trông ra vườn ướm át đứng trơ vơ  
 Khóm hồng tàn bên gốc đào long rẽ,  
 Cảnh tiêu điều khóc phút ái ân xưa.

Nói đến đoạn tình đầu, thi nhân xem tựa như một khung trời vừa hé mở, ánh sáng chợt lóe lên, liền tắt phụt, đời thi nhân chìm ngập trong cõi thâm u của một linh hồn tàn rũ như chiếc giò hoa thủy tiên thọ thương dưới lưỡi dao vô tình sây chạm, cho nên đoạn hậu cuộc đời, thi nhân tỏ ra hờ hững, lạnh nhạt, đôi khi gượng ép gần như bị cưỡng bách đối xử với ái tình khi lòng mình đã rã rời, chán nản. Thời gian sau, thi nhân coi như quãng đời thừa thãi vì đã tiêu ma bao xuân sắc vào giấc mộng hồ :

Ngồi nhìn thân thê trôi thê thảm  
 Trên bề đời như mảnh gỗ thừa.  
 Óc nhụt, chí mòn, lòng chán nản,  
 Anh hờn môi thắm sắc hơn xưa.

Não nề quá! Đến như thế thì còn gì là sinh thú ở đời!

Trong *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh — Hoài-Chân, thi sĩ Lan-Sơn đã yêu cầu trích đăng bài *Đám ma đi* như đề đánh dấu một cái tình chết ;

*Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá,  
 Đi trên đường và đập xéo lòng tôi.  
 Đám ma kéo lê thê trong lòng lạnh giá  
 Dem chôn đi những kỷ niệm lâu rồi,  
 Đám ma đi trong mưa phùng thê thảm quá,  
 Đi hàng ngày chưa tới huyệt lòng tôi.*

Thật là một sự giá rét dai dẳng của cõi lòng chưa từng nhận được sức ấm áp của tình yêu !

(10-1968)



## Thi tuyên

### Lá thu

( Tặng hương hồn mẹ tôi )

Tới thu, lá vàng rơi trước sân,  
 Lá vàng rơi, đã sắp sang năm,  
 Lá rơi, năm hết, con thêm lớn,  
 Thêm cách ngày con còn hai thân.  
 Thêm cách những đêm mưa lạnh lùng,  
 Con nằm ấm áp ở trong phòng,  
 Hạt mưa ru nựng con yên ngủ?  
 Lặn lội trên đường mẹ gắng công. . .  
 Nhưng lúc học xa về thăm nhà?  
 Tá sao xiết nỗi Mẹ vui mừng:  
 Tiền tấu đi, phải lo vay nữa,  
 Mẹ vẫn vui vì đỡ nhớ mong.  
 Mẹ vẫn vui vì trông thấy, con  
 Một ngày một lớn, Mẹ yêu đương  
 Gọi con: « Anh Cả », tuy con vẫn  
 Quấn quít bên mình tựa trẻ con.  
 Mẹ gọi « Anh » vì con lớn rồi,  
 Và ngày Mẹ mệt yếu, than ôi!  
 Con nên người, Mẹ không còn nữa,  
 Mẹ khuất, con làm báo nghĩa ai?  
 Con vẫn cầu Trời, Trời cho con  
 Một ngày ẵm học một tinh khôn,  
 Dề khi bóng xế con thờ Mẹ,  
 Muôn một non đền báo Mẫu-ân.  
 Nhưng một đêm kia, đêm lạnh lùng,  
 Hơi ôi, hiu hắt ở trong phòng,  
 Âm thầm mình Mẹ cùng cơn siêng,  
 Mẹ ốm vì chúng cố gắng công.

Mẹ ốm vì chưng cơn gió thu,  
 Phù phàng đã khiến Mẹ dâm ho,  
 Vì chưng lặn lội khi mưa nắng,  
 Mẹ đã cho nhà được ấm no. . .

Ôi gió thu, ôi lá vàng,  
 Nỡ nào cướp mất đấng Yêu-Đương.  
 Lá kia là lệ con rơi nữa  
 Cũng chứa khuây lòng trẻ nhớ thương. . .

( Chuyện đời, 28-5-38 )



### Bình minh

Trời đẹp lắm ! lòng anh tươi sáng quá !  
 Nặng dăng rồi ! xuân mới đã bừng khai !  
 Em, kia trông ! nụ sớm giát muôn chồi,  
 Hoa hy vọng nở trong niềm ân ái.  
 Chim bé nhỏ ca ngày vui trở lại  
 Trên lời thương, trên miệng thắm em anh.  
 Ngát trời yêu, hai tâm trẻ chân thành,  
 Xây hạnh phúc trong vườn lòng tin tưởng.  
 Em, hãy nhận mạch đời muôn nét gọn  
 Trên hồn anh thắm lại với hương yêu.  
 Em của anh ! anh trông đợi rất nhiều  
 Cho anh có một đờ non bé nhỏ.  
 Anh đã chịu cả một trời sương gió,  
 Mà em giờ là ánh sáng bình minh.  
 — Hãy rửa lòng, hãy đón lấy đời anh.

( Bạn gái, số ra mắt 1940 )



### Vết thương lòng

Nắng sớm, em ngồi tựa thủy tiên,  
 Hồn em say đắm cảnh thiên nhiên,  
 Bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng,  
 Em đã vô tình vội ngẩng lên.

Em vội ngừng tay, vội ngó ra,  
 Dao cặm sầy chạm tới giò hoa ;  
 Giò hoa ngày lụi, màng hoa úa,  
 Hoa đã vì em chịu xót xa.

Rễ tuy trong trắng, lá xanh tươi,  
 Mầm, nhánh đều xinh, đẹp mấy mươi !  
 Nếu chẳng vì em hoa phải lụi,  
 Trời xuân sao chẳng nhớn như cười !

Nhớn như cười với cảnh xuân sang,  
 Với cả bao nhiêu khách rộn đường,  
 Cùng với muôn hoa đua sắc thắm,  
 Vì ai ? đành chịu kém mùi hương !

Mùi hương đã kém, sắc rồi phai,  
 Rồi cũng cùng ai, cũng với ai,  
 Cùng chịu vì em chung số phận,  
 Cùng nhau chết đứng đề hiên ngoài.

Tim anh chung phận với hoa này,  
 Cũng bởi vì em đã sầy tay,  
 Đã vội mãi trông bao cảnh đẹp,  
 Vết thương mang nặng vẫn còn đây.

Còn đây năm cũ vết thương lòng  
 Ghi lấy tình em chẳng thủy chung,  
 Một phút lòng em mơ bạn mới,  
 Yêu anh sao nữa cũng bằng không.

( Anh với em )



### Tết và người qua

Những cô con gái rất ngây thơ  
 — Những mộng xinh tươi bé bỏng xưa —  
 Ta nhớn nhao ! rồi quen biết quá !  
 Nhìn nhau giờ hết vẻ say sưa !

. . . . .

Thở bé tôi đeo chiếc khăn vàng,  
 Quần áo sê dưng, áo hàng lam.  
 Chân đi hai đớ, tay thu pháo,  
 Nhận cả nhà lên tiếng hát vang !  
 Muôn màu tươi sáng, phấn, hoa, hương,  
 Đờ ngọt ngào như có vị đường.  
 Tôi sống, tôi say và mỗi Tết  
 Lòng tơ thêm động chút yêu đương.  
 Khói pháo say người rượu ái ân,  
 Cõi lòng thắm nở một vườn xuân.  
 Nàng thơ năm ấy cười mê đắm  
 Trong mắt em Nhung hiện giữa trần.  
 Nhưng tháng, năm qua, vẫn thể thôi ▶  
 Ước mơ tàn lữa với thân đời,  
 Tiết trinh bán hết cho sương gió,  
 Làm điếm hai mươi tám tuổi trời !

. . . . .  
 Nên đến bây giờ gặp các em,  
 Gặp ngày xuân tới, bạn xưa quen :  
 — Em Nhung, em Tuyết hay ngày Tết —  
 Rượu hả hơi rồi ! hết vị men.

( Ngày nay )



### Chiều xuân

Có những buổi chiều xuân yên lặng quá  
 Mây ngừng bay, chim vắng quanh hiu trời,  
 Cây lặng thình, gió không đùa với lá  
 Lòng ta buồn tưởng nhớ khách xa khơi.  
 Lòng ta buồn, sương đêm gieo lạnh lẽo  
 Toàn thân như lòng giá buốt hơn băng,  
 Lòng ta buồn, nỗi tiếc thương giầy xéo,  
 Nỗi tiếc thương nhắc nhở mãi không ngừng.



Nén tim đau, ta lại ngồi trên ghế.  
 Trông ra vườn ướm át đứng trơ vơ  
 Khóm hồng tàn bên gốc đào long rẽ,  
 Cảnh tiêu điều khúc phút ái ân xưa.  
 Đời đi vắng như ngày thu mờ xóa,  
 Sương lạnh rơi, lá rụng gió kêu than.  
 Ôi chiều buồn ! sao bỗng yên lặng quá !  
 Với sương chiều lòng những muốn rơi tan !  
 ( Hà-nội báo, số 48, 2-12-36 )



### Anh ngồi...

Anh ngồi chằm thuốc bên song cửa  
 Em tới cười nô chiêm ý anh.  
 Phút qua điếu thuốc tàn còn nửa  
 Tiếc rỏ anh nhìn điếu thuốc xanh.  
 Muốn hút nhưng em nào có cho,  
 Em rằng : « Anh hút thuốc sinh ho. »  
 Chiều em, anh nựng hôn môi thắm,  
 Thuốc cháy sau còn một tí tro  
 Em ơi, điếu thuốc ấy tài anh,  
 Lăn lữa ngày qua phí tuổi xanh,  
 Chẳng đề anh theo đời lặn đặng,  
 Miệng cười em giết chết tình anh.  
 Ngồi nhìn thân thê trôi thê thảm  
 Xuyên bề đời như mảnh gỗ thừa.  
 Ốc nhụt, chí mòn, lòng chán nản,  
 Anh hờn môi thắm sắc hơn xưa.  
 ( Chuyện đời, 28-5-38 )



### Đám ma đi

Có những buổi mưa phùn thê thảm quá,  
 Cảnh vật trùm trong tấm vải chôn người,  
 Mảnh gỗ chèn thay kính cửa vỡ rồi,  
 Không chắn nổi gió ngoài hơi lạnh giá.

Có những buổi mưa phùn thê thảm quá,  
 Gội lên trên cổ ván chôn người,  
 Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá,  
 Đi trên đường và đập xéo lòng tôi.  
 Đám ma kéo lê thê trong lòng tôi lạnh giá  
 Dem chôn đi những kỷ niệm lâu rồi,  
 Đám ma đi trong mưa phùn thê thảm quá,  
 Đi hàng ngày chưa tới huyết lòng tôi.

( Thơ của một đời )



### Mưa tạnh

Cây rùng mình đứng run đầu gió ?  
 Rũ ngọc reo trên hồ nước trong.  
 Sương vẫn — khăn choàng thây kẻ khó  
 Lạnh lùng rủ xuống khắp dòng sông.  
 Mờ xóa trong sương dãy núi xa,  
 Cánh bướm nâu lướt — bóng yêu ma  
 Trong sương khuất hẳn. Điều lo ngại  
 Ủ rũ lan trên nước lững lờ.  
 Muôn thú không lời vật nín thình,  
 Mọi người trông đợi bóng Bình Minh,  
 Thì trong một vũng chan hòa máu  
 Lúc mặt trời tươi vụt Giáng-sinh

( Tĩnh hoa, số 10  
 ngày 15-5-1937 )





---

## HỒ - DZẾNH

---

**HỒ-DZẾNH** tên thật là Hà triệu Anh, sinh khoảng năm 1919.

Về lai lịch của nhà thơ có hai dòng máu Việt-Hoa này, ông Mai.Thảo, trong Nghệ thuật tuần báo số 4, 30-10-1965, ghi lại sau đây :

« . . . Một buổi chiều kia rêu rầu úa héo trên thềm thiếp, quê cũ chẳng dung người, quê cũ đã phụ rồi, vòm trời mây trắng bao la của nước Trung-hoa lạ lùng đã in cái hình bóng bé nhỏ li ti di động của một người Tàu nghèo khổ bỏ một nước Tàu nghèo khổ mà lên đường. Đi qua Vân-nam. Đi từ Dương-tử đi tới Hồng-hà. Đi từ Trung-hoa đi tới Việt-nam. Và từ cuộc gặp gỡ trong mưu sinh buồn rầu bên đất khách giữa một người Tàu bán thuốc dọ và một cô lái đò Việt trên một dòng sông Thanh-hóa đã có một gã làm thơ Hồ-Dzếnh minh hương... » (Mai-Thảo)

Cái tên Hồ-Dzếnh phải chăng là sự kiêu cách, lập dị? Không, nó là một sự thành thật và giản dị. Tên Hà triệu Anh nếu phát âm theo người Quảng Trung-hoa là : Hời-tsiu-Ding ; giản dị bỏ bớt chữ «tsiu», còn là Hời-Ding hay Hồ-Dzếnh cũng thế.

Đề hiểu rõ hơn, hoàn cảnh nào đã kết hợp mỗi tình Việt-Hoa nói trên, chúng tôi xin trích đăng thiên hồi kỷ Ngày gặp gỡ (trong Chân trời cũ) do Hồ-Dzếnh thuật lại ; và ở Thiên truyện cuối cùng (cũng trong Chân trời cũ), quý bạn đọc sẽ hiểu thêm lai lịch của nhà thơ và thường thức một lối hành văn nhẹ nhàng và điều luyện, chứng tỏ một khả năng dồi dào trong văn xuôi của họ Hồ.

Sự xuất hiện tiếng thơ Hồ-Dzếnh rục rờ ra sao, ở phần đầu thiên khảo luận dưới đây sẽ cho chúng ta biết. Bấy giờ thử kiểm điểm văn nghiệp của nhà thơ Minh-hương này đã đóng góp vào nền văn học nước nhà.

Tác phẩm đã xuất bản :

- Quê ngoại (thơ, gồm những thi bản góp nhặt từ năm 1935 đến 1942, xuất bản năm 1943).
- Hoa xuân đất Việt (thơ, gồm 15 thi bản, xuất bản năm 1945).
- Chân trời cũ (tập Hồi-kỷ, xuất bản năm 1942 và do nhà Hoa tiên Sài-gòn tái bản năm 1968)
- Một chuyện tình 15 năm về trước (tiểu thuyết, ký bút hiệu Lưu thị Hạnh)
- Hai mối tình (hay Tiếng kêu trong máu) truyện dài, ký Lưu thị Hạnh.
- Dĩ vãng (đoạn thiên tiểu thuyết)
- Những vành khăn trắng (tiểu thuyết, ký bút hiệu Lưu thị Hạnh).
- Đường kẻ Mảnh (truyện ngắn, Trung Bắc chủ nhật, số 187, 12-12-1943)
- Nhà nhiều con (truyện ngắn, Trung Bắc chủ nhật, số 206, 11-6-1944)



**V**AO thời tiền chiến, có một tập thơ ra đời, tập *Quê ngoại* của Hồ-Dzếnh. Chùng ấy cái tên người cũng đủ làm người ta lưu tâm. Và nhà Á-châu ấn cực đã ưng ý tác phẩm khi giới thiệu cùng độc giả những lời sau đây :

*« Lần đầu tiên thi ca Việt-nam được tổ diêm một cách trau chuốt bằng ngọn bút linh diệu của một nhà thơ ngoại quốc. »*

Sự giới thiệu của nhà Á-châu ấn cực ta ngỡ đâu là lời quảng cáo một ấn phẩm vừa xuất bản, nhưng thực chất của tập *Quê ngoại* không làm cho độc giả thất vọng khi báo *Tri tân* viết như sau :

*« Tên tuổi của người Minh-hương ấy, văn học quốc ngữ không nề hà gì mà chẳng đón tiếp như đã đón tiếp bao nhiêu nhà văn hữu tài. »*

*Quê ngoại* của Hồ-Dzếnh đã thử thách qua sự chấp nhận xuất bản của Á-châu ấn cực và lời phê bình của tuần báo *Tri tân*, một tạp chí chuyên bình luận văn học lúc bấy giờ, ta còn tìm gặp diêm hình một độc giả trẻ tuổi ưa thích Hồ-Dzếnh tức nhà văn Mai-Thảo ngày nay, khi Mai-Thảo ghi lại cảm nghĩ mình thuở vừa tiếp xúc tiếng thơ của họ Hồ những dòng sau đây :

*« Trong cái thế giới ngột ngạt bí bùng tức thở của những tháp ngà tiền chiến như những phần mộ lạnh buốt, thơ Hồ-Dzếnh hơn cả Xuân-Diệu, và theo tôi, hơn cả Nguyễn-Bính đầu mùa, là những xâu chuỗi lạnh lạnh nhạc vàng gỡ vui từng nhịp nắng trên mệnh mông dài trán thanh niên. Tôi nhớ mỗi cái cảm giác của tôi, 20 tuổi, tiếp nhận một tập thơ còn trẻ hơn hơn mình phơi phới, một tập thơ cổ non lá lá, một tập thơ côm mới đậm đà, một tập thơ mười tám cái xuân đầy, đọc mỗi câu tưởng như có mặt có đường ngọt trong cò. Thơ Hồ-Dzếnh tiền chiến là cái trạng thái ngu ngơ trong suốt nhất của một tiếng thơ mà chủ đề là tình yêu và ánh sáng. Ngó thật kỹ, Quê ngoại không hẳn một nếp nhăn. Với tôi, một tập thơ đầu tay phải như thế. Phải có cái khí thế vạm vỡ của sông như một lao vào, cái vóc dáng của yêu như một kín trùm dào dạt. »*

*(Đầu cho lơ cả thiên đường  
Thì xin một nửa tấc vườn vắng hoa.)*

Hồ-Dzếnh không làm thơ đâu. Thơ đã có, đâu đó, trên mây, trên cành, trong nước chảy dưới chân cầu, trong không khí, thơ một thuyền đầy, thơ một chuyến lớn chở Hồ-Dzếnh đi vào thành thang tiếng nói. »

Nhận xét của Mai-Thảo quả không xa thực tế. Tiếng thơ của Hồ-Dzếnh bằng bạc trên khung trời nghệ thuật. Muốn khám phá hồn thơ ta hãy chăm chăm đi vào từng khía cạnh của hồn người.

Hồ-Dzếnh gần Xuân-Diệu trong tâm hồn khao khát yêu đương, nhưng lại khác hẳn sắc thái với sự đòi hỏi tận hưởng tình yêu của Xuân-Diệu :

*Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,  
Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.*

*( Phải nói — Xuân-Diệu )*

Hồ-Dzếnh nhìn tình yêu bằng đôi mắt thèm thùng, khao khát, hay quá độ hơn, được tha thiết yêu đương là đã thỏa nguyện mộng lòng mà đứng khi nào đưa thi nhân đến cuối đường yêu, vì nơi đây mọi vẻ đẹp trước kia sẽ bị thời gian phơi bày tro trên cái mặt thật tàn tạ thể lương của nó.

Quan niệm ái tình « mong manh như nắng lụa » nên trong tác phẩm của Hồ-Dzếnh ta khó bắt gặp cái tình nào trọn vẹn, mặc dù trái tim của thi nhân đã sống gần, hết đời nó cũng chỉ vì yêu.

Như đề giải tòa tình yêu chất chứa chực nổ tung ra ngoài cơ thể mà tránh được sự va chạm với thực tế, nhà thơ đã cố tạo cho mình những cái tình yêu « giần dỉ », « hồ hững », « ngập ngừng », cái tình « nước chảy chân cầu », cái tình « lơ đãng » của một kẻ đến sau khi người con gái đi lấy chồng . . . Ngàn ấy thứ đã trùm kín thi ca Hồ-Dzếnh bằng một màn khăn liệm buồn thương, và chính Hồ-Dzếnh cũng bằng lòng sống trong bể bàng, dang dở, cách ngăn, để cho cõi lòng lẫn lộn trong chờ mong dằng dặc, cho nhớ nhưng miễn man bi thiết, cho tâm hồn khơi dậy được niềm đau để thi nhân tận hưởng « cái thú đau thương » của ái tình.

Nếu lòng người là một cõi chứa đựng nỗi đắng cay của xã hội thì lòng người cũng là một vườn hoa gieo đầy mầm sống tươi đẹp của thế gian.

Ở đây chúng tôi không giới thiệu cái cay đắng mùi đời mà chỉ muốn đưa các bạn viếng vườn hoa nhiều màu sắc lạ.

Luyện ái quan của Hồ-Dzếnh thoát đầu gần cái lãng mạn của Xuân-Diệu. Thi nhân đóng vai một sinh vật đang đứng trước vẻ đẹp thiên nhiên :

*Trời đẹp như trời mới tráng gương,  
Chim ca, tiếng sáng rộn chân tường.*

Giữa cảnh đẹp trời xuân, mầm sống vươn lên trong nắng mới, thi nhân mở rộng giác quan nhìn vào vạn vật ; thị giác, khứu giác bắt gặp ngay hương vị ái tình :

*Có ai bên cửa ngời hong tóc  
Cho chảy lan thành một suối hương. . .*

Khi mà tình xuân chớm nở, ta thấy Hồ-Dzếnh đồng nhãn quang với Xuân-Diệu khi hai thi nhân đứng trước màu sắc thiên nhiên, Xuân-Diệu thấy lòng vui :

*Vườn cười bằng bướm, hút bằng chim ;  
Dưới nhánh, không còn một chút đêm.  
Nhưng tiếng tung hô bằng ánh sáng  
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.  
( Xuân-Diệu )*

hay :

*Hoa cúc dường như thôi ăn dật ;  
Hoa hồng có vẻ bận soi gương.  
( Xuân-Diệu )*

thì Hồ-Dzếnh cũng thấy sự giao hòa của vạn vật ; màu thì cười màu, cảnh thì liền cảnh, hồ nước trong xanh đang mở lòng chờ bắt bóng, chim đang bay lững ở khung trời bồng trêu cánh khi nhận được ý xuân :

*Sắc biếc giao nhau, cảnh bắt cảnh,  
Nước trong, hồ ngợp thủy tinh xanh.  
Chim bay cánh trêu trong xuân ý. . .*



Còn lòng người thì sao ? Con người là vạn vật chi linh lẽ nào không biết trời xuân đang thắm, nhưng họ kín đáo hơn:

*. . . Em đợi chờ ai, khuất bức màn ?*

Một mớ tóc huyền của giai nhân đang chảy lan trong khung cửa, bốc lên thành suối hương, một thứ hương thoát tiết từ cơ thể khát khao đang bẽn lẽn tìm kiếm nhạy yếu. Đó không phải là hình ảnh của ý sống, của kẻ đang chờ sống ư ?

Sức sống đang nhò mằm ; xin ai đừng tàn nhẫn phá hủy ý sống mà làm buồn nhân gian. Hãy mở ra cho hương đời xông lên từ mằm sống ấy.

Hồ-Dzếnh ? Một con người đứng trước trời xuân, lòng tuy rạo rức yêu đương, nhưng còn đắn đo, do dự . . . Tại sao thế ?

Thời gian ! Phải, thi nhân đã lấy thời gian làm cái trục xoay của muôn vật. Thời gian sẽ giết chết mằm sống. Thời gian sẽ đầu độc tình yêu. Đó chính là tâm lý đã khiến linh hồn đang khát yêu ấy ngần ngại trước cứu cánh của ái tình.

Xuân-Diệu thì bất cần, nên đã liều lĩnh lao vào ái tình, quyết uống tận cùng độ ngọt của mật yêu mà không còn biết đến trời đất là gì nữa :

*Tôi không biết, không biết gì nữa cả,  
Chỉ yêu nhiều là tôi biết mà thôi.*

( Xuân-Diệu )

thì Hồ-Dzếnh cũng nhận chân tình yêu là đẹp đẽ, là quyến rũ, là đắm say, nhưng vì cái nghĩa thời gian kia đã giết chết tim lòng thi nhân khi người thú nhận :

*Giữa một giờ thiêng, tình rất đẹp,  
Rất buồn và rất... rất thanh thanh.*

Nhưng cuối cùng, linh hồn cũng sa ngã đề đầu phục ái tình :

*Mày ai bán nguyệt, người ai nhỏ,  
Em ợ, yêu nhau, chết cũng đành !*

Nghĩa yêu này còn bộc lộ trong thi bản *Giữ gìn*. Đối với thi nhân, ái tình là khúc nhạc buồn vui lẫn lộn. Ta hãy nghe nỗi vui của thi nhân khi ai nhắc đến yêu đương :

*Một câu ấy nói lên là lá rụng,  
Là mây chìm, là gió sẽ thay xanh,  
Là cây tươi sẽ nở nụ trên cành  
Và chim chóc sẽ bồi hồi nghe ngóng.*

rồi cũng mang luôn cả nỗi buồn thương :

*Một câu ấy nói lên là tuyệt vọng.  
Cây chính mùa nhưng lá đã quên xanh,  
Bướm đương vui nhưng bướm sẽ xa cành.  
Một câu ấy nói lên là . . . hết sống.*

Thèm sống, khát yêu, nhưng nhận chân được thực tế phũ phàng khi chạm thẳng với ái tình, Hồ-Dzẻnh bắt đầu tìm cho mình một mảnh đất để nuôi dưỡng tình yêu.

Không quá công phu như một Đường Minh-Hoàng du Nguyệt-diện để tìm lẽ huyền diệu của ái tình ; đã hiểu ái tình mà thực hiện toàn vẹn trên thực tế thì chóng tan rã ; nhưng lòng khao khát yêu đương thì sao ?

Người thi nhân của chúng ta mới nghĩ cách bảo vệ tình yêu trong mộng tưởng. Ở cõi siêu hình, thời gian như chờ đợi, không gian không làm cách ngăn ; mọi vật giữ được màu tươi nhuận, ái tình cũng thế. Thi nhân muốn thuyền yêu đừng khi nào đến bờ bến ; nửa đường mộng thôi ! Ở những lúc lòng luyện ái dăng cao tuyệt đỉnh, đứng ở đó, để cho nó chông chênh giữa vời, rồi khắc ghi hình ảnh yêu đương vào tâm khảm, lưu giữ trạng thái tâm hồn say sưa mê đắm trong thương yêu cho đến nghìn đời, và sống mãi với kỷ niệm tuyệt đẹp bất diệt ấy. Ý niệm này được thi nhân xác nhận qua dòng thơ sau đây :

*Tình mất vui khi đã vẹn câu thề,  
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở.*

Thì ra cái đẹp của thi nhân là cái đẹp dở dang. Quan niệm ái tình như thế, chẳng trách chúng ta ngạc nhiên khi thi nhân có ý nghĩ lạ lùng sau đây :

*Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé !  
 Đều lòng buồn tôi dạo khắp trong sân.  
 Ngó trên tay, thuốc lá cháy lụi dần. . .  
 Tôi nói khẽ, gồm, làm sao nhớ thế !*

Và có lẽ người yêu của thi nhân càng ngạc nhiên hơn trước thái độ ái tình kỳ quặc ấy.

Thế thì yêu để làm gì ? Tại sao lại bất tuân định luật sinh lý của tạo hóa ? Phải chăng tình yêu đã đạt đến chỗ tình khiết tinh thần, trong trắng thê xác ?

Mọi thắc mắc trên đều được thi nhân giải thích :

*Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé !  
 Em tôi ơi ! tình có nghĩa gì đâu,  
 Nếu là không lưu luyện buổi sơ đầu ?  
 Thuở ân ái mong manh hơn nắng lùa.  
 Hoa bướm ngập ngừng, cỏ cây lẫn lữa,  
 Hẹn ngày mai mùa đến, sẽ vui tươi,  
 Chỉ ngày mai mới đẹp ngày mai thôi !  
 Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé !*

Ái tình ơi ! Người đừng khi nào đi đến tận cùng đường yêu, vì tận cùng là già nua, là tàn tạ !

Cho nên ái tình của Hồ-Dzếnh chỉ sống nửa vời, rồi lơ lửng, thế thôi. Viết một bức thư cho người tình cũng phải dở dang, chờ một thuyền yêu cũng đừng mong tìm bến đỗ.

*Thư viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ  
 Cho nghìn sau... lơ lửng.. với nghìn xưa.*

Sẵn xuôi một bóng yêu cũng phải để cho ngăn sông cách núi mới tỏ ra tận tụy với người yêu :

*Nhà em ở cách hai sông  
 Muốn qua bên ấy phải vòng phía non.*

Đôi khi phải đóng vai kẻ « lơ dờ », phải bền lòng chờ chuyển khác, phải thấp thỏm ngóng trông, bởi hồi chờ đợi như vậy mới sáng tỏ được nghĩa yêu :

*Em ơi, anh lơ chuyển dờ,  
 Chuyển dờ thứ nhất, chuyển dờ đời anh.*

Nếu không biết được định ý của thi nhân, khách bàng quan nhìn thấy một người cô độc ngồi chờ trên bến ái vì đã lỡ chuyển đồ tình thì không khỏi rủ lòng thương cảm.

Nhưng không, đừng tưởng thi nhân sẽ khổ đau ! Đó là hình ảnh đẹp đẽ của yêu đương, những kỷ niệm êm dịu nghìn đời mà thi nhân vừa gạt hái được để áp ủ lấy nó làm một thức dinh dưỡng cho sức sống của tâm hồn.

Nước chảy qua cầu, một hình ảnh phối pha, bạc bẽo. Chân cầu không thể cầm được tình nước cũng như con người không thể giữ mãi được thời gian. Nhưng thi nhân, trái lại, bằng lòng với cảnh tình phụ bạc ấy :

*Mây nước vô tình lạnh đậm trôi,  
Tình không giống nước, tình không xuôi.  
Bao lần gió thổi xuôi theo nước,  
Nước chảy tình duyên ở với người.*

Thi nhân bằng lòng với hình ảnh ly tan, cách biệt. Tại sao thế ? Thì ra, khi nhận thức được con người là bé nhỏ, bất lực trước thời gian và không gian, thi nhân đã tìm được cách bảo vệ những kỷ niệm lưu luyến của ái tình trong tâm não :

*Chân cầu cầm giữ ngày ly biệt,  
Mây nước vô tình lạnh đậm trôi. . .  
Nước chảy mây tan, tình bất diệt ;  
Tình theo bước khách bốn phương trời.*

Lấy kỷ niệm chia ly làm miên viễn cho cái tình cầu nước.

Lấy nhớ nhung, luyến tiếc làm trường tồn cho cái tình bất diệt của con người.

Thời gian ! Ai bảo mí là mầm ung độc của tàn tạ ?

Không, đối với thi nhân, thời gian áp ủ được tình thương, giữ mãi mầm vu ái. Thời gian không làm nhạt phai. Nó sẽ phong kín trong tâm khảm con người những kỷ niệm ấm êm của con tim yêu. Nếu không nhờ thời gian thì không sao nếm được mùi thương nhớ.

Một mối « tình xưa » dang dở đã chôn sâu vào ký vãng, ai bảo tàn phai ? Thi nhân dùng thời gian phong kín mãi kỷ niệm tươi đẹp vào lòng :

*Em nhớ không em mỗi độ nào  
Dem cành cây chiết cạnh bờ ao.*

*. . . . .  
Tóc liễu xanh xanh vẫy tóc người ;  
Tay em cầm nhẹ lấy tay tôi . . .  
Lần đầu ân ái trao bằng mắt,  
Rồi để tình thương đến trọn đời.*

Thời gian qua ! Thời gian dù có mài giũa nét xuân xanh ; phong trần sương nắng có hủy hoại, tàn phá hình hài, nhưng không sao làm héo úa được tình yêu trong lòng người :

*Anh đã già rồi em vẫn xuân,  
Đời anh đầu dãi bốn phong trần,  
Đôi phen ở bước đường đau khổ  
Anh vẫn mơ về chốn ái ân.*

Chẳng những vui với « tình xưa » mà còn giữ mãi kỷ niệm rười rượi nhớ nhung kẻ đã sang ngang để lại sự cô độc cho lòng người ; thế mà không hờn trách lại còn tỏ ra bằng lòng với số phận :

### Buồn Chiêu-Quân

*Hôm nay Em lấy chỒNG đây,  
Gấp tư tờ lịch, nhớ ngày Em đi.  
Bây giờ mới biết mình si,  
Đời yêu thêm một bài thi « Lấy chỒNG ».  
Chúc cho má ấy thêm hồng,  
Cho duyên ấy đẹp, cho lòng ấy tươi.  
Chúc cho người ấy quên tôi,  
An vui số phận trong đời âm con.  
Chiều nào, nghe xuống hoàng hôn,  
Tôi rười rượi nhớ, quay hồn về mơ.  
Chiêu-Quân biệt Hán sang Hồ  
Có buồn cũng đến như là... thế thôi !  
( Mùa gặt mới 1 )*

Nếu thời gian không làm nhạt phai kỷ niệm êm đềm của thi nhân thì không gian cũng chẳng gây cho nhân thế hận biệt ly vì khoảng cách. Tâm tư con người phá vỡ thời gian, không gian đề biệt lập lấy đời mình. Trong xa cách, trong dỏ dang, ái tình vẫn luôn đáp lời khi nghe tiếng gọi :

*Em trở về đây đáp lại lời  
Anh từng buông gọi giữa xa xôi.  
Nghìn trùng non nước đìu hiu nhớ,  
Dù vọng hờn anh đến cuối trời.*

Phủ nhận thực tế tàn tạ của con người, ái tình âm i sống trong ký vắng ; khi cần, nó vượt không gian, không chờ đợi thời gian, nó đủ khả năng phổ trương một hình sắc tươi morn của chiếc hoa tần :

*Anh đã chờ và cây đã xanh,  
Lừng mùa bay dậy tiếng mây thanh.  
Em về, mắt đẹp ngời như thuở  
Em chửa theo chồng, vẫn mến anh.*

và vẫn còn giữ được vẻ trinh nguyên :

*Em đã về đây, em vẫn nguyên  
Ngày như trăng nước chớm tơ duyên.  
Bao năm xa cách đời chửa nhạt,  
Màu tóc song thu, ánh mắt huyền.*

Mỗi lần tái ngộ, lòng yêu của thi nhân trời dậy tung bừng. Vạn vật cũng vang dội niềm vui :

*Anh hát mừng em khắp thế gian.  
Trập trùng mây núi tiếng ngân vang,  
Thơ yêu khôn ngớt trong thiên hạ  
Và cả Non Sông gợn sóng đàn.*

Trong những phút sống yêu vũ bão như thế, thi nhân cho là hưởng được tuyệt đích của ái tình, là bất diệt của nguồn yêu. Đắc thắng trong cái tình mộng tưởng, thi nhân thấy cần ghi lưu cho hậu thế đôi phút đắm say :

*Mời em ngồi lại bên sông xanh,  
Mây cũ muôn năm chiều dáng lạnh.  
Ta viết lòng ta cho hậu thế  
Đọc hoài không chán : Em và Anh.*

Chúng ta đừng trách oán thi nhân là người sống trong ảo mộng. Ảo mộng mà thỏa mãn được khao khát yêu đương, nó vẫn hơn khi thực tế đã phủ phàng chối bỏ.

Ảo mộng còn cung cấp được những phút thỏa ước trong cái tình vụn vặt, cái tình không quen biết, nhưng đối với thi nhân, nó vẫn đẹp đẽ, long lanh :

*Tình vụn vặt, tên người yêu chắc đẹp,  
 Nàng và tôi xa quá đổi muôn trùng.  
 Tôi với người chưa một giấc mơ chung,  
 Đời viễn xứ nên tình không thấu hết,  
 Hoài mong cho tin, nghi ngờ dễ biết,  
 Hỡi nàng duyên, nàng xa cách muôn trùng ;  
 Đến bao giờ nằm ngủ giấc mơ chung  
 Cho thơ sáng diệu quanh hồn thắm thiết.  
 Hỡi người đẹp chưa bao giờ quen biết !  
 Mắt người lo, hay đôi mắt người buồn ?  
 Tóc tơ dài hay dáng bước thôn thôn  
 Người có khóc những khi trời rất đẹp ?*

Ý nghĩ kỳ lạ chưa ! Tại sao thi nhân lại muốn người yêu khóc khi trời đẹp ?

— Thì ra, chỉ vì thi nhân đã lo cho người mình yêu chẳng bao giờ hiểu cạn nghĩa yêu khi người quan niệm ái tình chỉ đẹp khi còn dang dở, bẽ bàng. Những giọt nước mắt long lanh khóc cho tình yêu tan rã chính là lúc ái tình đã đạt đến cao độ. Thế rồi, tuy chỉ là cái tình mộng tưởng, nhưng thi nhân bỗng đang tay đầu độc tình yêu bằng một dòng đau đớn :

*Rồi một buổi nghe tin nàng bỗng chết ! . . .*

Giết chết tình yêu là muốn giữ cho tình bất diệt để tận hưởng cái thú đau thương. Rồi người ta thấy thi nhân bi thiết: trái lòng yêu của mình trước tài thề của ái tình :

*. . . . .  
 Rủ hồn sầu trong một thoáng mong manh  
 Tôi về đây, đường ngập bóng thu xanh,  
 Dem thơ thắm ủ thiên tình bất diệt.*

*Tôi hỏi hết lòng sầu hay mất đẹp ?  
 Xưa tuy xa nay lại quá muôn trùng !  
 Hỡi người duyên, nàng thương nhớ tôi không ?  
 Tôi yêu lắm, dấu tình chưa giải hết.  
 Và... tôi khóc những khi trời rất đẹp.*

Tìm kiếm ái tình đau thương giữa chốn nhân gian, ái tình vỡ lẽ trong ảo mộng, người thi sĩ đa tình của chúng ta đã nhòa lệ khi theo đuổi cái tình mà đối tượng yêu đã gác bỏ sự đời, gởi hồn về với Chúa.

Mặc ! Càng từ chối yêu đương bao nhiêu, ái tình càng nồng nàn thấm thiết bấy nhiêu. Cuộc yêu đương của họ bắt đầu bằng một sự bi đát, nhưng vẫn không làm sao đánh mất nét lộng lẫy đối với thi nhân :

*Lệ nền đêm qua ứa mấy dòng,  
 Chín hồi chuông nguyện khóc trên không.  
 Nàng đi êm lặng như nàng sống,  
 Tóc vẫn thơm nguyên, má vẫn hồng.*

Người yêu từ giả cõi đời về bên kia cõi siêu thoát ; nơi ấy ái tình có lẽ không tàn tạ, thi nhân nghĩ thế :

*Sao khuya chứng giám giờ ly biệt,  
 Bóng lạnh lòng nghe tiếng ngậm ngùi,  
 Đời ở ngoài kia êm ấm quá !  
 Từng đoàn, đôi lứa hẹn nhau vui.*

Nàng chết ! Biết lấy gì tiễn hồn nàng đây ? Một tràng hoa ? Vài câu chia buồn ? Đôi giọt lệ tiếc thương ?

Ồ ! Nó trần tục làm sao ! Phải có cái gì xứng đáng với lòng nàng. Thi nhân bỗng nghĩ :

*Hay ta se cả đời ta lại  
 Dem chếp đưa ai khúc nhạc sầu ?*

Rõ lần thân ! Tránh cái tầm thường rồi lại rơi vào cái tầm thường. Hoa, thơ, nhạc v. v. . . dù là mỹ phẩm của con người, nhưng vẫn là vật chất trần thế, sợ e làm bần hèn trình, thi nhân vội phủ nhận :



*Không ! Không ! Tất cả đều nhân thế.  
Tất cả thơ, hoa : mỹ phẩm đời,  
Mà áng trinh xưa không muốn dề  
Linh hồn vô giá bợn màu tươi.*

Nhưng chẳng lẽ không gì tiền nàng ư ? Tâm hồn nàng thì băng tuyết ; mà đời mình chẳng có gì xứng đáng, thì nhân đã đau xót :

*Ta nỡ lòng nào dề tội nhau,  
« Nhưng hồn băng tuyết vốn hay đau »  
Bằng muôn thức quý, đời ta mọn,  
So với trời hoa vĩnh viễn màu.*

Vậy thì đem cái gì cao cả nhất của tình yêu là tấm lòng thủy chung. Trong đôi lời thệ nguyện giữ lòng son sắt, thi nhân vắng vắng nghe tiếng gọi của yêu đương :

*Chuông nguyện thương ai khóc dưới đời ?  
Trước hàng nền trắng, khóm hoa tươi,  
Ta nghe tiếng gọi từng mây vắng :  
« Em đợi anh lên hát Lẽ Trời ! »*

Trên đây là tiêu biểu tâm hồn đã đắm chìm trong phong trào lãng mạn trữ tình khi người trai ấy nói lên tiếng lòng của mình trong mùa hương dấy. Hồ-Dzếnh nói rất nhiều yêu, nhưng không vì đấy mà thi nhân giải thích dễ dàng tâm hồn khao khát của mình.

Cũng như Xuân-Diệu không làm sao giải thích được tình yêu :

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu,  
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều;  
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,  
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu.*

( Vì sao — Xuân-Diệu )

thì Hồ-Dzếnh, con người đa tình ấy cũng bí tỉ khi ai hỏi :  
« Yêu là gì ? »

Hồ-Dzếnh, áp úng đáp bằng quơ :

*— Yêu là khó nói cho xuôi,  
Bởi ai hiểu được sao trời lại xanh.  
( Lặng lẽ — Hồ-Dzếnh )*

Kêu gào, khát vọng yêu đương, ta ngỡ đầu linh hồn yêu đuối ấy mãi miết sa ngã trong nhung lụa ái tình ; nhưng không, tiếng súng thể chiến bùng nổ đã thức tỉnh thể hệ thanh niên khi Tờ-quốc chuyển mình phá tung xiềng xích nô lệ :

*Ôi Nam-Việt, ôi hồn Non-nước nhức,  
Tám mươi năm đau xót, tám mươi năm,  
Một giang sơn lầy lụa dẫu thương tâm,  
Cả thế kỷ vẫn đen màu bại liệt,  
Niên thiếu hơi, hơi hồn trai đất Việt,  
Đứng lên đi, vì Tờ-quốc Vinh-quang.*

Khác hẳn các nhà thơ lãng mạn đã âm thầm chuyễn mạch thơ mình theo hồn nước, Hồ-Dzẻnh thẳng thắn đánh dấu dứt khoát bằng những vần thơ tuyên thệ ly khai với ái tình. Ở giai đoạn chuyễn hướng, ta thấy tiếng thơ họ Hồ thành thật đến dễ yêu, hồn thơ thấm thía vào lòng người.

Đây, ta hãy nghe con người thơ can đảm đoạn tuyệt với dĩ vãng uơu hèn, trả lại mọi thứ yên vui về quá khứ :

*Ta trả lại cho đàn, cung nhớ tiếc,  
Cho mùa thu, những xác lá vàng rơi ;  
Ta trả lại cả u hoài, thống thiết,  
Khi xuân về bừng sáng nền cây tươi.*

Nhìn về chân trời mới của quê hương đang vùng lên, lòng người trai sôi sục, gác bỏ chuyện ái ân, kiên cố xây dựng lại cuộc đời :

*Ta nghiêng kính trước xuân hồng dất nước,  
Lừa yêu đời thiếu cháy chuyện ngày xưa,  
Như sóng cả tràn lan niềm mộng ước,  
Ta kiên cố xây lại thảng năm thừa.*

Hình ảnh bi lụy của ái tình trước kia, nay bị lu mờ bởi ánh rực rỡ của hồn nước. Khúc ái ân xưa đã tắt lịm ở lòng trai ; thánh giác chỉ còn nghe điệu tiếng gọi quật khởi của dân tộc. Ôi ! đẹp đẽ thay, hùng tráng thay hình ảnh của nhưng chàng trai cương quyết gạt bỏ niềm riêng, nốc cạn rượu sơn hà, cất bước ra đi :

*Đây là lúc ánh gương linh bén chớp,  
Ta màng chi mà liễu cuốn phong ba,  
Nếu rượu mạnh lên đường ta cạn hớp  
Đề say sưa nghe dội tiếng sơn hà.*

Trong cơn chuyền mình của đất nước, tiếng thơ của Hồ-Dzếnh thoát thiết tha, thoát trầm hùng. Người mong tò quốc sớm vinh quang, người thúc giục :

. . . . .  
*Bừng sáng mau lên xuân  
Cho vinh quang quét sạch hết phong trần  
Cho non nước sáng tươi ngày trẻ mãi  
Và giang sơn, giang sơn, thiên vạn đại  
Trước khi tàn ta muốn thấy người vui  
Hỡi vô cùng yêu dấu nước ta ơi  
Máu chảy xuân thơm mắt lệ người  
Vú mẹ đã khô nguồn sữa cũ  
Tình con còn lại bấy nhiêu thôi  
Hoa Xuân đất Việt nghìn thu nở  
Gương cũ muôn đời rặng rờ soi  
Ước nhỏ như xưa mà nũng nịu ;  
« Coong lo coong mẹ mẹ coong ơi ! »*



Nói chung, tiếng thơ Hồ-Dzếnh biểu thị một tâm hồn khao khát yêu đương.

Những cái bóng hồng ần hiện rồi mất hút của Huy-Thông để lại bao niềm luyến tiếc ; người con gái bạc mệnh của Nguyễn-Bính đã gieo vào lòng người một mối sầu như ngày như đại ; người yêu mà ái tình đã nuôi dưỡng mười năm nay bỗng sang ngang đã xây cho Vũ hoàng Chương một nấm mồ « mười hai tháng sáu » ; và còn bao con tim đã giã giụa khi tình chết, thì ta thấy Hồ-Dzếnh như đứng đứng trước trạng huống khổ đau quần quại dưới móng vuốt của ái tình, trái lại còn tỏ ra là một linh hồn thích ứng với những thú đau thương.

Ái tình mà chưa chết, thi nhân sẽ giết chết ái tình để tạo cho mình những cảm giác đón đau ; ái tình đang trong thực tế sẽ được chuyển sang thế giới mộng tưởng, ở cõi vô hình này thi nhân sẽ nuôi dưỡng tình yêu để trở thành bất diệt. Cho nên ta thấy Hồ-Dzếnh có một luyện ái quan khác lạ : không đòi hỏi cái tình nhục dục như Xuân-Điệu vì dễ tàn phai, không hư ảo như Lưu Trọng Lư vì quá mỏng lung, ta bắt gặp đa số thi bản Hồ-Dzếnh những cái tình hồi tưởng, đôi khi cũng mơ tưởng những bóng sắc ở « muôn trùng ». Nhưng dù hồi tưởng hay viễn tưởng, then chốt yêu cũng phải là dở dang, ngăn cách, đồ vỡ để ghi lấy hình ảnh rực rỡ nhất của ái tình.

Trong giai đoạn đất nước vươn mình, bản sắc tiếng thơ Hồ-Dzếnh long lanh nhiều vẻ đẹp đáng yêu. Hồn thơ được này nở tốt độ.

« Quê ngoại », người đã sống tha thiết trong bầu sữa mẹ Việt-nam.

Quê nội, người cũng trải được « lòng đau nhớ nước qua người chị dâu », tưởng về giải đất hồ nước bao la của xứ Giang-tây bên Tàu. Người còn mơ về dĩ vãng kiêu hùng ngày nào :

*Ai đã sống như ta thời chói lói,  
Lưỡi gươm vàng đâm suốt bản đồ Âu,  
Khúc chiến thắng cao lừng trời vọi vọi,  
Cờ Nguyên-nhung mừng đón gió Tây-châu.*

\*

Ngày nay mặc dù dòng cảm nghĩ của Hồ-Dzếnh đã ngừng bật, nhưng ta không làm sao quên được tiếng thơ đã đọng trên thi đàn.

(10-1968)

\*

## Thi tuyển

### Quê hương

Ngày xưa tôi sống vui êm  
 Trong khu làng nhỏ kề bên sông đào.  
 Chị tôi giặt lụa cầu ao,  
 Trời trong, nắng ửng, má đào gheo duyên.  
 Tôi say nước thấm, mây huyền  
 Nước mơ đáng cũ, mây truyền đáng xưa ...  
 Đời lành : nắng nhạt, mưa thưa,  
 Sầu hôm nổi sáng, buồn trưa tiếp chiều  
 Có lần tôi thấy tôi yêu  
 Mắt nhung, cô bé khăn điều cưới thôn.  
 Lâu rồi, tôi đã... hơi khôn,  
 Biết cô hàng xóm có còn nhớ nhau ?  
 (Quê ngoại)



### Mùa thu năm ngoái

Trời không nắng, cũng không mưa  
 Chỉ hiu hiu rét cho vừa nhớ nhung.  
 Chiều buồn như mối sầu chung,  
 Lòng im nghe thoảng tơ trùng chốn xa.  
 Đâu hình tàu chậm quên ga,  
 Bâng khuâng, gió nhớ về qua lá dầy.  
 Tôi đi lại mãi chốn này,  
 Sầu yêu nối nhịp với ngày tôi sang.  
 Dưới chân, mối lối (1) thu vàng,  
 Tình xa lấm lấm, tôi càng muốn yêu.  
 (Quê ngoại)



(1) Có bản chép là : lúc.

### Lũy tre xanh

Làng tôi thất đáy lưng... tre  
 Sông dài, cỏ mượt đường dê tứ mùa  
 Nhịp đời định sẵn từ xưa :  
 Ươm tơ tháng sáu, lên chùa tháng giêng.  
 Chợ làng mỗi quý, mười phiên,  
 Đông ngô, đòi gạo, trang tiền bằng khoai.  
 Trong làng lắm gái, thừa trai  
 Nên thường có luật chổng hai vợ liền.  
 Làng gần đô thị, tuy nhiên  
 Mắt trong vẫn giữ được niềm sắt son  
 Lâu rồi, truyền tử lưu tôn  
 Mầu duyên ân ái mây còn thoáng bay.  
 Tôi yêu... nhưng chính là say  
 Tình quê Nam-Việt bàn tay dịu dàng.  
 Thơ tôi : để thắm, bướm vàng,  
 Con sông be bé, cái làng xa xa.  
 (Quê ngoại)



### Mưa

Tôi nhớ ngày năm xưa  
 Mái nhà vang tiếng mưa,  
 Đương ngày mà hóa tối,  
 Nước chảy át lời thưa.  
 Gió tung đầu ngọn mít,  
 Gió nghiêng thân cây dừa,  
 Tôi và Hiền ở cách  
 Vèn vện một giàn dưa.  
 Tay tôi làm loa miệng,  
 Hỏi : Hiền ăn cơm chưa ?  
 Chừng nghe không rõ tiếng  
 Hiền đáp : hai giờ trưa !

Trời mưa rồi trời mưa  
 Sân nhà đầy bong bóng  
 Hai tôi ngồi mơ mộng  
 Đến mãi vẫn dương thừa.

Bây giờ tôi đã lớn,  
 Ít lúc trông trời mưa,  
 Như tôi, Hiền cũng lớn,  
 Má đỏ không như xưa.

Bong bóng tàn theo mộng,  
 Nhân duyên dần hết mùa.  
 — Ai như Hiền áo trắng  
 Loáng thoáng qua hơi mưa ?

(Quê ngoại)



### Buổi hẹn

Nắng vàng em mới lại  
 Ôi, ngóng trông sao buồn.  
 Tôi đi và đứng mãi,  
 Mắt tìm xa xôi luôn. . .  
 Tôi mơ chân trên đường,  
 Áo màu trong lá thắm,  
 Đường và cây mát lắm,  
 Riêng lòng tôi đau thương.  
 Tôi không hề yêu đương,  
 Sao sầu tôi vương vương  
 Sao tình tôi bát ngát  
 Sao hồn tôi thể lương ?  
 Nhẽ nào trên Hà-nội,  
 Ngày vàng chia sáng, tôi  
 Không thấy nắng bay reo,  
 Em quên giờ đến nỗi ?  
 Dây em tôi dây rồi  
 Màu áo mơ da trời.  
 Mùa xuân bừng môi tươi,  
 Nắng dần theo gót bước.

Đôi mắt long lanh cười.  
 — Ói, đời hôm nay vui,  
 Chim gió đừng mách nhé,  
 Ta xé thơ đi rồi. . .

(Quê ngoại)



### Trong nắng trưa

Em ạ, lòng tôi, tôi ngỡ đâu  
 Đã dâng em hết tuổi xuân đầu  
 Trời xưa huyền lộng màu hoa, nắng,  
 Trong thoáng thơ vàng, len ý đau. . .  
 Tôi là đứa trẻ ngủ trong nôi  
 Bừng tỉnh, vì ghen mộng vắng lời,  
 Đất bỗng thêu hoa, tôi bỗng lớn  
 Mong tìm lúa bạn, sánh duyên đôi.  
 Tôi bước vào đời, tự ngỡ xưa,  
 Nôi hiu gió sớm, xé buồn trưa,  
 Thuyền tre nằm ngủ trong mơ trúc.  
 Buông ,...g chiều mi, lớp bóng vừa.  
 Nôi giải sông hiền ngầy nước da  
 Cửa người em gái chốn niên hoa  
 Bâng khuâng, nghe thoáng lời yêu mới,  
 Say rộn hồn vui lẫn bóng tà. . .  
 Em đến tôi còn nhớ áo xanh,  
 Miệng cười : thơ sáng, mắt long lanh,  
 Tóc mây vắt lỏng niềm duyên đáng  
 Che nửa phong ba, nửa mát lành.  
 Em đi, tất cả mùa hoa thắm,  
 Tôi vén rèm mây, ngó bốn trời  
 Bụi trắng... Thời gian lên sắc trắng,  
 Giặt mình : gà gáy nắng trưa, rơi. . .  
 ( Quê ngoại )





## Người thơ

Có những người thơ rất dỗi thơ,  
 Ốc thường đi vắng, mắt theo mơ,  
 Chân đi ắt hẳn không cần đất,  
 Giữa cõi trần gian, bước hững hờ.  
 Chàng ta làm toán đề mơ duyên  
 Dầu sắc thường hay đánh dấu huyền,  
 Lắm lúc thơ về không kịp viết,  
 Văn « e » bỗng hạ xuống .. văn « uyên ».

Bốn khóa thi liền hỏng mất năm,  
 Cuộc đời khó quá, tình đời thâm.  
 Ra về mẹ hỏi : « Con thi đậu ? »  
 — Thừa dạ ! Vì con trót... viết nhăm !

Thầy giáo thường khen tự buđi đầu :  
 « Anh này không khéo hỏng về sau ! »  
 Nhưng chàng trai ỷ tin mình lắm :  
 Thăm nhủ : Đời ai thiết sự giàu.

Chàng trai năm trước vẫn như nay  
 Vì vẫn lơ mơ suốt cả ngày,  
 Có lẽ tên mình không nhớ nữa,  
 Vẫn tìm khăn mặt vắt trên... tay.

(Quê ngoại)



## Trưa vắng

Hồn tôi dấy : căn trường nho nhỏ,  
 Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non.  
 Lâu rồi, còn thoảng mùi thơm,  
 Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ.  
 Sâu rộng quá những giờ vui trước.  
 Nhịp cười say trên nước chưa trôi  
 Trưa hè thường thấy hai tôi,  
 Ném đầu chim chích, bắt đuổi chuồn chuồn.

Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp ?  
 Trang sách đầu chép hết giây mơ.  
 Ngả mình trên bóng nhung tơ,  
 Tôi nguyện : Sau lớn làm thơ suốt đời !  
 Cỏ mấy bận xanh rồi lại tẻ,  
 Gió lùa thu trong lá bao lần. . .  
 Bạn trường những bóng phù vân,  
 Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.  
 Hồn xưa đây, chim cành động nắng,  
 Lá reo trên hồ lặng lẽ trong.  
 Trưa im im đến nẻo nùng,  
 Tôi ngờ trống học trong lòng trưa vắng. . .  
 (Quê ngoại)



### Muôn trùng

Tình vụn dậm, tên người yêu chắc đẹp,  
 Nàng và tôi xa quá đổi muôn trùng ;  
 Tôi với người chưa một giấc mơ chung,  
 Đời viễn xứ nên tình không thấu hết.  
 Hoài mộng cho tin, nghi ngờ đê biết,  
 Hời người duyên, người xa cách muôn trùng ;  
 Đến bao giờ nằm ngủ giấc mơ chung  
 Cho thơ sáng diễn quanh hồn thắm thiết ?  
 Hời người đẹp chưa bao giờ quen biết  
 Mất người lo hay mất cửa người buồn ?  
 Tóc tơ dài hay dáng bước thôn thôn  
 Người có khóc những khi trời rất đẹp ?  
 Rồi một buổi nghe tin nàng bỗng chết !  
 Rủ hồn sâu trong một thoáng mong manh  
 Tôi về đây, đường ngập bóng thu xanh,  
 Dem thơ thắm ở thiên tình bất diệt.

Tôi hỏi hết lòng sầu hay mắt đẹp ?  
 Xưa tuy xa nay lại quá muôn trùng !  
 Hỡi người duyên, người thương nhớ tôi không ?  
 Tôi yêu lắm, dấu tình chưa giải hết.  
 Và... tôi khóc những khi trời rất đẹp.  
 ( Quê ngoại )



### Cảm xúc

Cô gái Việt-nam ơi !  
 Từ thuở sơ sinh lận đận rồi,  
 Tôi biết tình cô u uất lắm,  
 Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi.  
 Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa,  
 Má hồng mỗi tiết mỗi phôi pha  
 Khi cô vui thú, là khi đã  
 Bồng bề con thơ, đón tuổi già !  
 Cô gái Việt-nam ơi !  
 Ngọn gió thời gian đổi hướng rồi,  
 Thế hệ huy hoàng không đủ xóa  
 Nghìn năm vắng vặc ánh trăng soi.  
 Tôi đến đây tìm lại bóng cô,  
 Trở về đường cũ, hái mơ xưa.  
 Rau sam vẫn mọc chân rào trước,  
 Sơn sắt, lòng cô vẫn đợi chờ.  
 Dãi lúa cô trồng nay đã tươi,  
 Gió xuân ỷ nhị vít bông cười. . .  
 Ai hay lòng kẻ từng chăm lúa,  
 Trong một làng con, đã héo rồi !  
 Cô gái Việt-nam ơi !  
 Nếu chữ hy sinh có ở đời,  
 Tôi muốn nạm vàng muôn khờ cực  
 Cho lòng cô gái Việt-nam tươi.  
 ( Quê ngoại )



### Màu cây trong khói (1)

Trên đường về nhớ đầy  
 Chiều chậm đưa chân ngày  
 Tiếng buồn vang trong mây...  
 Chim rừng quên cất cánh  
 Gió say tình ngây ngây  
 Có phải sầu vạn cổ  
 Chắt trong hồn chiều nay?  
 Tôi là người lữ khách  
 Màu chiều khó làm khuây  
 Ngơ lòng mình là rừng,  
 Ngơ hồn mình là mây,  
 Nhớ nhà chầm điếu thuốc  
 Khói huyền bay lên cây...



### T h u

Suốt trời hôm ấy thê lương quá,  
 Tóc liễu bờm sơm, sóng võ hồ,  
 Mây rơi trên trời, cây rơi lá,  
 Giường cô xuân nữ gối chằng xó.  
 Đây là tất cả một mùa thơ,  
 Tất cả lều tranh, cả khói mờ,  
 Cả gió may đưa, buồn lắng xuống,  
 Cả lòng tôi với cả lòng cô.  
 Có một nghìn cây rũ rượi buồn,  
 Một nghìn sông rét, vạn hoàng hôn.  
 Dăm thân thiếu nữ gầy như trúc  
 Đứng chịu tang trời đồ bóng đơn.  
 Thu xa bằng gió, bằng mây,  
 Không gian thờ nhẹ, buồn vầy chìm chìm...  
 Lòng không ai cấm mà im,  
 Không đứng bằng nhớ, không tìm bằng mong.  
 Nơi tôi còn ít lá lòng,  
 Chiều nay rơi nốt vào trong lá rừng.

( Quê ngoại )

1) Nhan đề bài thơ này còn được gọi là *Chiều*. Đã được nhạc sĩ Dương Thiệu Tước phổ nhạc.

## Giản dị

Em ăn, em nói, em cười,  
 Kiếp này không có hai người như em.  
 Kia thành : quần nhiều, hàng len,  
 Em tôi : áo trắng, quần đen sơ sài.  
 Ai mà đề ý vào ai,  
 Quần đen lẫn bóng, áo gai lẫn màu.  
 Trên đời hai đứa yêu nhau,  
 Quần đen hóa đẹp, áo sần hóa vui  
 Tình là hạnh phúc chia đôi,  
 Hương len kẻ lá, trắng soi dặm trường.  
 Đừng mong ước cả Thiên-dường,  
 Hãy xin lấy nửa tấc vườn vắng hoa.  
 Tình người bướm lại, ong qua,  
 Tình tôi con nước, canh gà hắt hiu.  
 Sầu tôi bờ bến bao nhiêu  
 Nếu đời em đề sắc điều gây lên...  
 ( Quê ngoại )



## Lời chuông nguyện

Tặng vong hồn Sœur Pauléna

*O vierge immaculée  
 O lys de la vallée  
 Fleur près de qui nos fleurs  
 Perdraient de leurs couleurs.*  
 ( Turquety )

*Trình tiết trong ngời  
 Hoa huệ của đời,  
 Bên Người, một đóa hou Trời  
 Bao nhiêu hoa thế rã rời hết hương.*  
 ( Hồ-Dzếnh )

Lệ nền đêm qua ứa mấy dòng,  
 Chín hồi chuông nguyện khúc trên không,  
 Nàng đi êm lặng như nàng sống,  
 Tóc vẫn thơm nguyên, má vẫn hồng.

Sao khuya chứng giám giờ ly biệt,  
 Bóng lạnh lòng nghe tiếng ngậm ngùi,  
 Đồi ở ngoài kia êm ấm quá !  
 Từng đoàn, đôi lứa hẹn nhau vui.

Ta lấy gì đây để khóc nhau ?  
 Hoa buồn mấy đóa nhớ đôi câu ?  
 Hay ta se cả đời ta lại  
 Để chép đưa ai khúc nhạc sầu ?

Không ! Không ! Tất cả đều nhân thế.  
 Tất cả thơ, hoa : mỹ phẩm đời,  
 Mà áng trịnh xưa không muốn để  
 Linh hồn vô giá bợn màu tươi.

Ta biết tuy nàng chỉ muốn ôm,  
 Bó mùa tươi sáng chỉ mê hôn,  
 Đôi bàn chân chúa, và mong uống,  
 Tất cả đau thương của suối hờn.

Ta nở lòng nào để tủi nhau,  
 < Những hồn băng tuyết vốn hay đau >  
 Bằng muôn thức quý đời ta mọn,  
 So với trời hoa vĩnh viễn màu ?

Chuông nguyện thương ai khóc dưới đời ?  
 Trước hàng nền trắng, khóm hoa tươi,  
 Ta nghe tiếng gọi từng mây vắng :  
 < Em đợi anh lên hát lễ Trời ! >

( Trung Lạc chủ nhật, số 179 - 17-9-1943 )



### Tưởng chuyện ngàn sau

Năm dâu, tưởng chuyện ngàn sau  
 Lung linh nền cháy hai đầu áo quan.  
 Gió lìa cánh lá không vang,  
 Tin ta vĩnh quyết trần gian hững hờ !  
 Bao nhiêu đáng ảnh tôn thờ,  
 Xa nhau lâu quá bây giờ lạnh nhau.

Người về gởi rét, nằm đau  
 Nghe trên thước đất phai màu nhớ thương.  
 Chiều nào mây vọng hồn chuông,  
 Ngừng chân đôi kẻ trên đường mái mê,  
 Nghe tin ta lỗi câu thề,  
 Nghìn thu xa vắng, ra về trước ai,  
 Ngậm ngùi nhớ trắng rừng mai  
 Cảm thương sông nước, ghi bài điệu tang.  
 Ngựa gầy bóng gió mênh mang,  
 Cờ đen lối cũ, cây vàng nẻo xa. . .  
 Ta nằm trong ván trôi ra,  
 Tủi thân vì thấy người hoa vẫn cười !  
 Ta toan .. giận đời xa đời  
 Chợt hay : khăn liệm quanh người vẫn thơm !  
 Nát thân, không nát nổi hồn,  
 Làn trong cái chết vẫn còn cái đau !  
 ( Trung Bắc chủ nhật, số 182 — 7-10-1943 )



### Sang thu

Hiu hiu gió gửi mây về,  
 Nửa thu sang đó, nửa hè còn đây. . .  
 Bóng mờ xuống lặn chân cây  
 Non cao vắng vẻ, sông đầy như mong.  
 Cô hồn rù dáng trên không,  
 Giờ nghiêng cánh nhớ trong đồng tịch liêu.  
 Xe đi, tiếng rộn qua chiều,  
 Lửa thôn thấp thoáng mái lều ngàn ngơ.  
 Mênh mông, xanh thắm phai tờ,  
 Chân đi vương vấn lời thơ ngậm ngùi. . .  
 Thu về gió nó lời thôi. . .  
 ( Trung Bắc chủ nhật, số 179 — 17-9-1943 )



## Xuân ý

Trời đẹp như trời mới trảng gương,  
 Chim ca, tiếng sáng rộn ven đường,  
 Có ai bên cửa ngời hong tóc  
 Cho chảy lan thành một suối hương. . .

Sắc biếc giao nhau, cành bắt cành,  
 Nước trong, hồ ngợp thủy tinh xanh.  
 Chim bay, cánh trêu trong xuân ý  
 Em đợi chờ ai, khuất bức màn ?  
 Giữa một giờ thiêng, tình rất đẹp,  
 Rất buồn và rất.. rất thanh thanh.  
 Mà ai bán nguyệt, người ai nhỏ ?  
 Em ạ, yêu nhau, chết cũng đành !

( Giai phẩm Đời Nay, 1943 )



## Tình xưa

Em nhớ không em ? Mới độ nào  
 Đem cành cây chiết cạnh bờ ao,  
 Cây tươi trong lúc người lơ đãng,  
 Thăm thoát ngày qua nhánh trở đào.  
 Tóc liễu xanh xanh vẫy tóc người,  
 Tay em cầm nhẹ lấy tay tôi. . .  
 Lần đầu ân ái trao bằng mắt  
 Rồi đề tình thương đến trọn đời.

Anh đã già rồi, em vẫn xuân,  
 Đời anh dẫu dài bốn phong trần,  
 Đôi phen trên bước đường đau khổ,  
 Anh vẫn mơ về chốn ái ân.

Anh vẫn mơ về kiếm bóng em,  
 Cho lòng ấm lại ánh xuân thiên,  
 Không gian bàng bạc sầu yêu cũ,  
 Em khác xưa rồi, em đã quên.



Em mời anh viết, thì anh viết  
 Viết đầy trên mảnh giấy trao em,  
 Anh viết những gì anh chẳng biết,  
 Hình như anh viết chuyện chiêm bao.  
 ( Què ngoại )



### Phong - châu

Ngày xưa xa rồi, lòng ngổng hết  
 Người xưa xa rồi, tình xưa không chết,  
 Ngàn năm trắng sáng đất Phong-châu,  
 Duyên cò còn mơ vạn cò sầu,  
 — Nàng là Hoa tươi đất Việt,  
 Chàng là Tinh-túy trời Ngô,  
 Tình thâm anh, dòng thể phiệt,  
 Chỉ hồng duyên thấm xe tơ.  
 — Ngờ đâu, trước cảnh biển bao la  
 Gươm sắc chia lìa con với cha.  
 Trung nghĩa ai hay trung nghĩa... tận  
 Một thiên bạc mệnh úa trời hoa.  
 Giếng vàng, ánh ngọc nghìn xưa,  
 Gió trang sách cũ, hương thừa còn bay.  
 Mà sao người đó ta đây,  
 Tình duyên phảng phất như ngày đã xa.  
 Người về, ta mới nhớ ra  
 Yêu là thế ấy, mơ là thế thôi.  
 ( Què ngoại )



### Hờ hững

Cũng tưởng chỉ cần trông thấy thôi  
 Là em hiểu rõ lòng anh rồi  
 Mới tình chan chứa trong đôi mắt  
 Anh biết làm sao nói những lời  
 Không có khi nào gặp gỡ em

Mà anh giữ được về điếm nhiên  
 Dáng anh bẽn lẽn lời anh ngượng

. . . . .  
 Anh tưởng là em đã biết rồi  
 Những câu trò chuyện giọng đùa vui  
 Những thư thăm hỏi lời vợ vờ  
 Những sách anh đưa nói chuyện mình  
 Những buổi trời mưa những buổi chiều  
 Lòng nghe rưng rức nỗi đưu hiu  
 Những khi hỏi gió nghe trăng sáng  
 Nhẹ thồi vào lòng cơn mẫn yêu  
 Và những đêm khuya giấc nặng đào  
 Mơ màng bên gối gặp chiêm bao  
 Anh yêu, anh nhớ, anh thăm trách  
 Em chẳng lòng nào cảm động sao ?



### Xuân đôi ta

Em trở về đây, đáp lại lời  
 Anh từng buông gọi giữa xa xôi.  
 Nghìn trùng non nước đưu hiu nhớ  
 Dù vọng hờn anh đến cuối trời.  
 Anh đã chờ và cây đã xanh,  
 Lờng mùa bay dậy tiếng mây thanh,  
 Em về, mắt đẹp ngồi như thuở  
 Em chữa theo chờng, vẫn mẫn anh.  
 Anh đợi chờ em suốt bấy lâu,  
 Nhủ thăm : xuân thăm chả phai đâu,  
 Một khi xuân thăm là mong nhớ,  
 Và cả thiên thu : vĩnh viễn sầu !  
 Áo em sáng dệt trời xuân gấm,  
 Sông cũ, nguồn xưa rộn rã về. . .  
 Ngõ hạnh, mấy mùa quên nét thăm,  
 Nữ bưng, khi thoáng bóng hoa lê.

Em đã về đây, em vẫn nguyên  
 Như ngày trăng nước chớm tơ duyên,  
 Bao năm xa cách, đời chưa nhạt  
 Màu tóc sông thu, ánh mắt huyền.  
 Anh hát mừng em khắp thế gian,  
 Trập trùng, mây núi tiếng ngân vang,  
 Thơ yêu khôn ngớt trong thiên hạ,  
 Và cả Non Sông gợn sóng đàn.  
 Mời em ngồi lại bến sông xanh,  
 Mây cũ muôn năm chiếu dáng lành.  
 Ta viết lòng ta cho hậu thế,  
 Đọc hoài không chán : Em và Anh.



### Giữ gìn

Một câu ấy nói lên là lá rụng,  
 Là mây chìm, là gió sẽ thay xanh,  
 Là cây tươi sẽ nở nụ trên cành  
 Và chim chóc sẽ bời hời nghe ngóng.  
 Anh sẽ thấy một chiều thu xao động,  
 Anh mờ màng vịn nặng mái mây cao.  
 Trời trở buồn — ai hiểu nghĩa làm sao ? . . .  
 Mây lạc nẻo, tìm nghe chừng thất vọng.  
 Một câu ấy nói lên là rợn sóng  
 Cả một màu mây kín bốn phương xa.  
 Trên bao lơn của năm tháng sầu qua  
 Anh ngậm miệng về chết dần theo mộng.  
 Một câu ấy nói lên là tuyệt vọng  
 Cây chính mùa, nhưng lá đã quên xanh  
 Bướm đương vui nhưng bướm sẽ xa cành  
 Một câu ấy nói lên là . . . hết sống.



## Lỡ đò

Nhà em ở cách hai sông,  
 Muốn qua bên ấy, phải vòng phía non.  
 Lúa xanh, sóng lúa reo cồn,  
 Cây xanh dẫn lối, lối mòn cỏ tươi.  
 Chân đi, mắt ngoảnh trông trời,  
 Khấn thầm : « Thượng-đế phù tôi kịp đò. »  
 Cho tôi mang tấm tình thơ  
 Gửi người xa mấy lần đò ngóng trông.  
 Sông xuân hẹn chờ hết lòng  
 Đò xuân đem hết chờ mong tới bờ.  
 Em ơi, anh lỡ chuyến đò,  
 Chuyển đò thứ nhất, chuyển đò đời anh !  
 Sông xuân thao thiết màu xanh  
 Sông xanh... xanh quá, lòng anh lại tàn...  
 ( Quê ngoại )



## Rằm tháng giêng

Ngày xưa còn nhỏ . . . ngày xưa  
 Tôi đeo khánh bạc lên chùa dâng nhang,  
 Lòng vui quần áo xênh xang,  
 Tay cầm hương, nển, đỉnh vàng mới mua.  
 Chị tôi vào lễ trong chùa,  
 Hai chàng trai trẻ khấn đũa hai bên :  
 — « Lòng thành lễ vật đầu niên,  
 Cầu cho tiều được ngoài giêng đất chõng ! »  
 Chị tôi phụng phịu má hồng  
 Vòng vắng suýt nữa quên bồng cả tôi.  
 Tam-quan ngoài mái chị ngồi,  
 Chị nghe đoán thế, chị cười luôn luôn.  
 Quê thần, thánh mách mà khôn :  
 — Số nàng chõng đất, mà con cũng nhiều !  
 Chị tôi nay đã xế chiều,  
 Chắc còn nhớ mái nhỡng điều chị mơ.

Hằng năm, tôi đi lễ chùa,  
 Chuông vàng, khánh bạc ngày xưa vẫn còn.  
 Chỉ hơi thấy vắng trong hồn  
 Ít nhiều hương phấn khi còn ngây thơ.  
 Chân đi đếm tiếng chuông chùa,  
 Tôi ngờ năm, tháng thời xưa trở về.



### Ngộ ngừng

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!  
 Đề lòng buồn tôi dạo khắp trong sân.  
 Ngó trên tay, thuốc lá cháy lại dần...  
 Tôi nói khẽ: Gớm! làm sao nhớ thế?  
 Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!  
 Em tôi ơi! tình có nghĩa gì đâu?  
 Nếu là không lưu luyến buôi sơ đầu?  
 Thuở ăn ái mong manh như nắng lụa.  
 Hoa bướm ngộ ngừng, cỏ cây lặn lừa,  
 Hẹn ngày mai mùa đến sẽ vui tươi,  
 Chỉ ngày mai mới đẹp, ngày mai thôi!  
 Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!  
 Tôi sẽ trách — cố nhiên! — nhưng rất nhẹ  
 Nếu trót đi, em hãy gắng quay về,  
 Tình mất vui khi đã vẹn cầu thề,  
 Đời chỉ đẹp những khi còn đang dở.  
 Thư viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ  
 Cho nghìn sau... lơ lửng... với nghìn xưa

.....  
 ( Quê ngoại )



### Duyên ý

Đừng buồn nhưng cũng đừng vui,  
 Êm êm nắng nhẹ qua trời rợn mưa.  
 Hơi người, tôi nói gì chưa?  
 Ta dương sắp nói, hay vừa nói ra?

Trời đừng cho búp lên hoa,  
 Cho khi gần đến, tôi xa mãi nàng.  
 Cho tôi thoáng cảm mùi nhang,  
 Hình dung xa vắng cung đàn rồi thôi.  
 Chập chờn bướm nửa, hoa đôi  
 Tình nên chỉ mộng khi đời sẽ thơ.  
 Ước gì bạn mãi là cô  
 Đều duyên hai đứa bao giờ cũng tươi.  
 Đừng buồn nhưng cũng đừng vui  
 Êm êm nắng nhẹ qua trời rộn mưa. . .  
 ( Quê ngoại )



### Nước chảy chân cầu

Quê em xa thăm màu mây gió,  
 Buồn vút không gian, mắt định kỳ.  
 Em có mơ về năm tháng cũ,  
 Âm thầm nghe tiếng phút giây đi ?  
 Nước chảy đôi dòng cuốn sóng mau,  
 Bao phen lá úa rụng chân cầu,  
 Lá theo dòng nước, ngày theo tháng  
 Lặng lẽ như mang nỗi cảm sâu.  
 Mây nước vô tình, lạnh đậm trôi,  
 Tình không giống nước, tình không xuôi.  
 Bao lần lá thắm xuôi theo nước  
 Nước chảy, tình duyên ở với người.  
 Chân cầu cầm giữ ngày ly biệt,  
 Mây nước vô tình, lạnh đậm trôi. . .  
 Nước chảy mây tan, tình bất diệt,  
 Tình theo bước khách bốn phương trời.  
 ( Quê ngoại )



### Phút linh cầu (1)

Phút linh cầu mãi không về,  
 Phân vân giấy trắng, chưa nỡ mực đen.  
 Khói trầm bén giấc mơ tiên,  
 Băng khuâng trắng rã qua miền quạnh hiu.  
 Tô-châu lớp lớp phù kiều,  
 Trăng đêm Dương-tử, mây chiều Giang-nam.  
 Rạc rời vó ngựa quá quan  
 Cờ treo ý cũ, mây đàn mộng xưa.  
 Biền chiều vang tiếng nhân ngư.  
 Non xanh thao thiết, trời thu rượi sầu.  
 Nhớ thương bạc nửa mái đầu,  
 Lòng nương quán khách, nghe màu tà huân  
 Buồn Tư-Mã, nhớ Chiêu-Quân,  
 Nét hoa thấp thoáng, ý thần đê mê.  
 Phút linh cầu mãi không về,  
 Phân vân giấy trắng, chưa nỡ mực đen . . .  
 ( Quê ngoại )



### Tư hương

Phương thảo thê thê Anh-vũ châu . . .  
 (Thôi-Hiệu)

Ta nhớ màu quê, khát gió quê,  
 Mây ơi, ngưng cánh đợi ta về.  
 Cho ta trông lại từng xanh thắm,  
 Ngâm lại bài thơ : « Phương thảo thê . . . »  
 Đất Thánh trời Đông, mẹ Á-châu,  
 Anh hoa ngàn thuở rạng phong hầu,  
 Chín cung thăm thẳm hồn hương khói,  
 Danh vọng vang lừng mây gió Âu.

1) Có bản chép Đợi chờ.

Liễu Động-đình thơ chuyện hảo cầu,  
Tóc thề che mướt gái Tô-châu,  
Bâng khuâng trăng sáng trời Viên-Hán  
Một giải Giang-nam nước rợn màu.

Ai hát mà nay gió vẫn thơ ?  
Ai đau, non nước nào âm đờn ?  
Chiêu-Quân nếu mãi người cung Hán  
Thì tứ tìm đâu nét túi hờn ?

Mây ơi ! Nếu tạt về phương Bắc,  
Chăm chăm cho ta gửi mấy lời :  
Từ nhỏ ly hương ta vẫn nhớ...  
Nhưng tình... xa lắm... gió mây ơi.

( Hoa xuân đất Việt )



### Mùa xuân mới

Non sông dương lúc bùng bùng dậy,  
Khí vũ hiên ngang đờn mọi lòng...  
Bút hơi, thiêng liêng, Người hãy cháy,  
Kiếm thần lia ánh lên từng không

Ta đứng nơi đây nguyện một lời :  
— « Non kia dù lở, bãi kia bồi,  
Đất thiêng không để dành hai giống,  
Linh khí trời Nam đúc một nòi.  
Đây, nửa đời đau thấy dáng xuân,  
Đất hoa thở mạnh, gió thơ gần,  
Ta quàng tay nhỏ ghi Non Nước,  
Như gã si tình say ái ân.

Người hãy cùng ta dạo cảnh xuân  
Yêu nhau cho bỏ lúc phong trần,  
Nhịp đời lên mạnh, hờn ta đẹp,  
Thơ ý rung mùa vang dưới chân.

( Hoa xuân đất Việt )





## Ta không muốn

Ta không muốn nấn cung đàn  
 Đêm xưa dạo dưới trăng vàng đợi Em.  
 Bền gì mấy thoáng hương duyên ?  
 Đẹp gì mấy sợi mây huyền gọi mơ ?  
 Thơ dâng ngùn ngụt sắc cờ,  
 Máu tươi hoen ở những giờ ái ân.  
 Quên chân là khách dương trần  
 Trái tim đau xót bao lần vì yêu.  
 Bình minh vẽ, ánh cao siêu  
 Lên thay lửa Sống tiêu điều ngày xưa.  
 Ta cười thấy cháy duyên mơ,  
 Hân hoan khi xé những tờ... rất thơm.  
 Ý thiêng choán hết linh hồn,  
 Còn đâu gió nhớ cung buồn mà ca.  
 Lần đầu trước bóng Em xa,  
 Không nghe run trái tim và... rất vui !  
 ( Hoa xuân đất Việt )



## Mái lều tranh

Mẹ tôi sống lặng trong làng nhỏ,  
 Đâu biết thời gian đời mới rồi,  
 Lòng vẫn đau buồn thiên vạn cỏ,  
 Nào hay Non Nước hãy reo vui.  
 Mồ hôi cứ thấm từng thân áo,  
 Lưng mãi còng trên lớp bụi đời.  
 Mẹ vẫn điềm nhiên trong dáng... lão  
 Vun trồng mấy luống bắp, khoai tươi.  
 Ngoài kia Niên Thiếu ca Xuân mới,  
 Trong lũy tre xanh đời vẫn buồn.  
 Ai biết đề lòng yêu một buổi,  
 Bay về thăm giếng mái cổ thôn ?

*Bao giờ cho sáng lều tranh nhỏ,  
 Mẹ Việt-nam mừng nước Việt-nam ?  
 Hay vẫn đau buồn thiên vạn cớ  
 Những người không biết ánh Vinh-quang ?*  
 ( Hoa xuân đất Việt )



### Trang sách xưa

*Giở lần trang sách xưa  
 Nhớ thời áp bức  
 Giang-sơn ơi ! lòng Người nguội đau chưa ?  
 Mộng đợi Người đã thức  
 Cõi trần ai đêm nay ta bơ vơ  
 Giật mình cảm xúc . . .  
 Hận muốn thoát ra thơ  
 Tình tan vào uất ức.  
 Hồn đau run mờ tường bóng cờ  
 Ghi dấu những ngày quốc nhục.  
 Bừng sáng mau lên Xuân,  
 Cho Vinh-quang quét sạch hết phong trần.  
 Cho non nước sáng tươi ngày trẻ mãi,  
 Và Giang-sơn . . . Giang-sơn, thiên vạn đại  
 Trước khi tàn ta muốn thấy Người vui  
 Hỡi vô cùng yêu dấu nước ta ơi !  
 Máu chảy xuân thơm mắt lệ người  
 Vú mẹ đã khô nguồn sữa cũ,  
 Tình con còn lại bấy nhiêu thôi.  
 Hoa xuân đất Việt nghìn thu nở,  
 Gương cũ muôn đời rạng rỡ soi.  
 Ước nhỏ như xưa mà nũng nịu.  
 « Coong là coong mẹ, mẹ coong ơi ! »  
 ( Hoa xuân đất Việt )*



### Tiếng sơn hà

Ta trả lại cho dân cung nhớ tiếc,  
 Cho mùa thu, những xác lá vàng rơi.  
 Ta trả lại cả u hoài, thống thiết,  
 Khi xuân về bừng sáng nền cây tươi.  
 Ta nghiêng kính trước xuân hồng đất nước,  
 Lửa yêu đời thiêu cháy chuyện ngày xưa,  
 Như sóng cả tràn lan niềm mộng ước,  
 Ta kêu căng xây lại thảng năm thừa.  
 Đây là lúc ánh gương linh bén chớp,  
 Ta màng chi mà liễu cuốn phong ba,  
 Nếu rợp mạnh lên đường ta cạn hớp  
 Đề say sưa nghe dội tiếng sơn hà ?  
 Hỡi người bạn mà hồn thôi muốn trẻ,  
 Mất tin yêu, lăm lặc giữa tình đau.  
 Người hãy dậy nghe hồn thiêng thế hệ  
 Khắp non sông vang hát buổi xuân đầu.  
 Ân phúc cả sẽ tung bùng, vạn đại,  
 Lòng muôn dân rào rạt sóng Tin Yêu,  
 Trang Lịch Sử từ nay thom ngát mãi  
 Tiếng ca thần vang bóng quốc kỳ reo.  
 ( Hoa xuân đất Việt )



### N o n

Lửa Thơ bùng cháy giữa đời,  
 Tình Thơ thấm thiết cho người bán mua.  
 Ý thiêng người thiếu, ta thừa,  
 Nghìn kho ân lộc, trăm mùa mạnh xuân.  
 Khinh nẻo hẹp, ghét nơi gần,  
 Mắt xa thăm hỏi muôn lần dặm băng.  
 Đầu tàn trên đỉnh Kiều Căng,  
 Còn hơn muôn thước ao băng ngọn cây.

Thơ về : nắng sáng lừng bay,  
 Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra.  
 Cõi trần vắng tiếng Thiên-nga,  
 Thơ không tuổi, ý không già : muôn năm.  
 Gối lên Bắc-đầu ta nằm  
 Nghe rung chân lạ, thơ thần mười phương.  
 Non cao nên đáng non buồn  
 Tuyết sương thấm mãi linh hồn quạnh hiu.  
 Non tuy run rét bao chiều,  
 Vãn đêm Cao Cả, Tiêu Điều gọi Mây. . .  
 ( Hoa xuân đất Việt )



### Giang-tây

Chị về làm dâu nhà tôi,  
 Từ ngày má chị hồng đôi trứng gà.  
 Nắng trần chưa nhuộm màu da,  
 Chị còn giầy nhiều, quần hoa như ngày  
 Chị người ở mãi Giang-tây,  
 Thi thuyền kết lá, chằng dây đèn cầu.  
 Nhưng từ chị về làm dâu,  
 Da tơ nắng sạm, mái đầu rớt giăng.  
 Ôm tôi, chị bảo luôn rằng :  
 « Chắp trăm Hà-nội chưa bằng quê ta ! »  
 Giang-tây hờ, đất bao la,  
 Non ngậy nước tớc, màu da rợn trời.  
 Quan hà, từ nhấp ly bôi,  
 Lòng đau nhớ nước qua người chị dâu  
 Năm năm mơ hội đèn cầu !. . .  
 ( Hoa xuân đất Việt )



### Hoa xuân đất Việt

Ta biết Người là Hoa xuân đất Việt,  
 Tuổi xanh thắm nhưng lòng sôi chính huyết,  
 Tóc bồng bồng nhưng ngút chí Non Sông,  
 Người thêm say vũ bão, khát xung phong,  
 Mơ chinh chiến vỡ tung lòng túi cục.

Ôi Nam-Việt, ôi hồn Non Nước nhục,  
 Tám mươi năm đau xót, tám mươi năm,  
 Một giang sơn lầy lụa máu thương tâm,  
 Cả thế kỷ vằn đen màu bại liệt,  
 Niềm thiếu hơi ! Hơi hồn trai đất Việt  
 Dứng lên đi, vì Tờ Quốc Vinh-quang,  
 Máu người bồi lên lớp máu lênh lang,  
 Đời người họa nhịp đời thêm mãnh liệt.  
 Mùa xuân sáng bừng reo trong khí tiết,  
 Ánh lê minh chói lợi nạm sơn hà,  
 Người đứng lên, làn mắt đăm phương xa,  
 Tim rung động, tay lăm trang sử đẹp. . .

Người phải chết, người cần tha thiết chết,  
 Trở về chi ? Hoa bướm rụng từ lâu !  
 Sau lưng người, rền rĩ vụn mồ đau,  
 Gót đã trở, đây là giờ Đoạn-tuyệt.

Niềm thiếu hơi ! Hơi hồn trai đất Việt !  
 Ta cầu mong một buổi sáng tình sương,  
 Nến chập chờn, hoa lạnh suốt âm dương  
 Dem cung kính đặt lên mồ chiến sĩ.  
 Nghe phời phới khắp năm đời Chính-khí  
 Tiếng Sơn-hà vang nhịp khúc Quân-ca,  
 Vì máu thần Người tưới đã lên hoa,  
 Mùa Vinh-hạnh kết khung trời rực rỡ.  
 Ta đứng lặng, mỉm cười trong lệ nhỏ,  
 Lòng băng khuâng thăm vọng bóng ai xa. . .  
 Mắt rung rinh ánh đẹp của Sơn-hà.

( Hoa xuân đất Việt )



### Hận chinh phu

Ai đã sống như ta thời chói lọi,  
 Lưỡi gươm vàng đâm suốt bản đồ Âu.  
 Khúc chiến thắng cao lừng trời vởi vởi,  
 Cờ Nguyên-nhung mừng đón gió Tây-châu.  
 Thuở ấy, quân Nguyên áo giáp nhung,  
 Tay vung hoa kích, đẹp vô cùng,  
 Ngựa phi nuốt chửng ngày trăm dặm,  
 Nắng cháy mồ hôi loáng khắp lưng.  
 Tướng Nguyên mồm thét ra hơi lửa,  
 Tay chỉ thành xa, kiếm rạch trời.  
 Giặc mộng chinh biên hùng máu đỏ  
 Tâm hồn nung nấu vạc dầu sôi.  
 Sa mạc mênh mông, người thấy đâu,  
 Gió sương lạnh lẽo, giá băng sâu,  
 Muôn hồn chiến sĩ trơ như đá,  
 Đem quăng ân tình xuống vó câu.  
 Trăng lạ bao lần soi cảnh lạ,  
 Mây vàng quan ải, gió biên cương.  
 Lòng kiêu tham vọng, tràn cao cả  
 Vãn rơi huy hoàng, mộng bá vương.  
 Vua Nguyên trong chín lần cung cấm  
 Đốt nển, người xem bức cáo thư.  
 Mơ ước quan quân ngoài vạn dặm  
 Vang lừng ngựa hí gió Ba-tur. . .  
 < Chiến sĩ một đi không trở lại >  
 Chiến mã một đi không hề về,  
 Giáo chỉ dường xông, tên vút lởi,  
 Hồ đông máu tím, lạnh ngời tê. . .  
 Khúc hát chinh phu rộn khắp đường :  
 < Ta say trời lạ, khát trùng dương,  
 Tay ta vúi cả và thiên hạ  
 Chặn dưới gai rờng một Bắc phương ! >  
 Nhưng. . khúc quân ca bỗng chốc ngừng,  
 Chiến kỳ vấy máu đập bính nhung,  
 Phải chặng sông Bạch, trời Âu hẹp,  
 Không đủ gươm thần rộng lóc vung ?

( Hoa xuân đất Việt )



## Ngày gặp gỡ

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,  
Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi đó . . .

Ngày nhỏ, mỗi lần chán chúng bạn, tôi vẫn hay lại bên mẹ tôi, cầu khẩn người kể lại sự cưới xin giữa người và ba tôi, rồi đề tôi đem thuật lại với hàng xóm. Tôi còn nhớ nơi mẹ tôi ngồi kể chuyện là một cái hè đất nện trước nhà. Từ đó, tôi vừa nghe chuyện, vừa nhìn ánh nắng chiều nghiêng xế, và những bóng lá lung linh. Có khi đương giữa câu chuyện, tôi véo má mẹ tôi mà hỏi :

— Đố mẹ biết bao giờ đến Tết ? Đố mẹ biết con được bao nhiêu tiền phong bao ?

Mẹ tôi khẽ gỡ tay tôi ra, lặng lẽ nói tiếp, và lặng lẽ ru tôi ngủ mất lúc nào. Tuy nhiên, trong giấc mơ kỳ dị tôi vẫn hình dung cả đám cưới, chú rể là ba tôi, cô dâu là mẹ tôi và . . . . . tôi là người dự lễ ! Dần dần tôi lớn lên. Qua màu đời sum họp của hai người sinh ra tôi, tôi nhận thấy một định mệnh khe-khắt, một duyên phận tăm tối và buồn rầu. Vì thế tôi được sự thật cho biết rằng phần nhiều, hay tất cả cũng được, những bà mẹ Việt-nam — tôi nói những bà mẹ đáng là mẹ đều phải đau khổ ngay từ lúc lọt lòng. Mọi sự do Trời định, các tâm hồn đó chỉ biết vâng theo một cách nhẫn nhục, một cách lặng lẽ, một cách chua xót vô cùng ! Bao nhiêu thế kỷ rồi những tiếng thở dài mất tăm trong đêm tối, những mái đầu bù rối nghiêng xuống bồn phận hằng ngày, tầm thường và nhỏ mọn. Cuộc hôn nhân của mẹ tôi, đến nay, tôi mới thấm thía được hết cái đơn giản, mới biết suy ngẫm trước sự lẽ nghi của nó.

Và đến ngày nay, tôi mới hiểu mẹ tôi hơn lúc nào hết, người con gái lái đò trên sông Ghép ngày xưa, người mẹ Việt-nam một cách dịu-dàng và cao trọng . . . . .



Cách đây hơn năm mươi năm.

Một buổi chiều mùa hè vàng rực.

Trên bờ sông Ghép lặng lẽ của tỉnh Thanh-hóa, dân làng Ngọc-giáp bỗng thấy mọc lên bóng một người ngoại quốc, tay xách một gói vải xanh và va-ly, và đầu chụp chiếc mũ rơm đã vàng ố.

Người khách lạ có chiếc trán rất lạ : nó nhỏ nhưng nhô ra một cách bướng bỉnh. Nhất là đôi mắt, sắc như dao, bén như nước, nhìn vật gì thì như hút lấy vật ấy. Hai cái đặc điểm đó nhất định không được tạo bằng thủy thò Việt-nam mà là bằng tinh hoa của một dân tộc khác. Một vẻ gì xương xương, rắn rần độn khắp mình người khách, biến cái thân thể thoạt trông thì gầy kia ra sự chịu đựng khó nhọc, ở đây, một nghị lực bền vững tiềm tàng.

Khách mặc một bộ quần áo bằng lĩnh Quảng-đông, nguyên màu đen, nhưng sau khi trải nhiều phong trần, đã đổi sang màu xám kẹch. Y phục ấy gợi được trong lòng người gặp, bao nhiêu là cảm giác thanh thú, hương vị xa xôi. Từ đằng xa, những gợn lụa phơ phất như những gợn gió trùng dương, và khi lại gần thì gió trùng dương lại chỉ toàn xông lên một mùi cá mậu !

Linh hồn Trung-quốc phát lộ ra trong từng bước đi, điệu đứng, trong sự trầm tư, trong tim, trong cả cách đưa năm đầu ngón tay có móng dài vẫn ghét lên gãi sồn sột chiếc đầu gàn như húi trọc tếch.

Đêm về trong những bước nhẹ, hắt hiu bốc hơi lên mặt sông. Nắng tắt dần dần chỉ còn ánh vàng pha sắc tím. Hoàng hôn ở đây không như hoàng hôn của Giang-tây, Hồ-bắc, hoàng hôn ở đây u hoài như một chinh phụ nhớ chồng.

Và như một gã giang hồ trạnh lòng khóc nước.

Tuy nhiên, đôi mắt trong và sáng kia không hề vẫn bởi màu sắc thê lương, vẫn quắc lên nhìn những đợt sóng nhuyển nhàng bò quanh mấy con thuyền ngái ngủ. Cử chỉ lạnh lẽo đó thật là trái hẳn với cảnh sông nước buồn rầu, cái cảnh tâm thường nhưng đã làm chuyền rời bao nhiêu cuộc đời ngang dọc.



Khách ngồi xuống vệ cỏ, không hề ngắm cảnh chiều tang tóc, mà đề tháo cái gói vải từ bao lâu vẫn đeo ở tay, lấy trong đó ra một gói cơm nắm. Rồi không dao, không đũa, khách bẻ ngoắt nửa nắm cơm, đưa lên miệng, trong khi mấy ngón tay lăn gờ từng miếng cá khô. Đôi lúc khách ngừng nhai, chếp miệng cho thấm xuống đáy lòng cái hương vị đậm đà của cơm lưu lạc.

Chỉ sau mười phút không còn một miếng cơm, một khúc cá nào sót lại trên mảnh lá chuối héo. Tất cả lương thực ngọt ngào trôi qua cổ họng, đảo lộn trong cái dạ dày vô bệnh, để biến thành những dòng máu hùng cường luân lưu nuôi mạch sống, và nuôi lớn mãi cái chí nguyện giang hồ.

Ăn xong, khách xoa tay đứng dậy, bước xuống bến sông rửa mặt và vốc nước uống, rồi lại trở lên nằm, đầu gối trên bọc hành lý. Tất cả những công việc ấy như đã được ấn định theo một phương pháp, nên có mạch lạc và quy củ hẳn hoi. Khách nằm rất bình tĩnh, tay chân ruỗi thẳng, mắt hướng lên không gian, tâm thần nhập định. Nhưng nếu đề ý, ta sẽ thấy loáng trên bụng khách một lưỡi dao nhọn như lá bùa hộ mệnh đặt ở đấy từ bao giờ.

Trời quang lấp lánh sao, hứa một đêm phẳng lặng. Gió sông lên đầy. Làng mạc, xa xa, chìm mờ trong bóng tối, đôi lúc đề lọt ra vài tiếng chó sủa ma. Mấy diêm đèn hạt đậu run trên sông như những con mắt buồn từ kiếp trước. Bỗng, giữa khoảng triền miên rộng rãi, ngân đưa một điệu hát lơ lửng bay trên dòng nước, một điệu hát đờ đưa, trầm trầm, lặng lẽ :

Muốn sang nhưng ngại vắng thuyền,  
Muốn về bên ấy nhưng duyên lỡ rồi !

Nhịp hát gần lại và xa đi theo chiếc thuyền nhỏ, cô độc, ảo não, trong sự tỏ bày kín đáo của một tấm lòng thương nhớ mệnh mỏng.

Ở trên bờ sông bên này, người khách đứng dậy, tay nắm chuôi dao, mắt nhìn cái vệt lửa của chiếc thuyền đặt mờ trên mặt nước.

Thuyền hình như lại gần, vì sóng vỗ vào mạn dò mỗi lúc một mạnh.

Và sau khi nhận đúng là một chiếc dò chở khách, người lữ hành của đất nước Trung-quốc hò lên.

— Tồ ui ! ( Đò ôi ! )

Sóng nước trả lời lại cái giọng kêu quái gở bằng một bóng vang lạnh lẽo. Tiếp đến tiếng dưới sông vọng lên, cái tiếng nhỏ nhẹ của người con gái xứ Trung bộ.

— Ai gọi dò ?

Một phút yên lặng. Người khách lạ khó nhọc lắm mới kiếm được câu trả lời :

— Ng ... ô ... ! « tui tấy ! » ( A tôi đây ! )

Nói xong khách xăm xăm bước xuống dò, trước vẻ ngạc nhiên vô cùng của thiếu nữ.

Đò quay mũi, thiếu nữ yên lặng chèo. Tiếng sóng khua, làm rộn vào lòng nàng một nỗi lo sợ kín đáo. Vừa chèo nàng vừa liếc nhìn người khách lạ mà thoạt trông, nàng có cái cảm tưởng hãi hùng như gặp một tên giặc cướp tàu ở ghê gớm.

Đò đã ra giữa sông. Một làn gió thổi mạnh. Người khách lạ lúc này đã như rời bỏ những tư tưởng riêng, bắt đầu ngoảnh lên nhìn thiếu nữ. Đó là một cái nhìn rất lạ, nhưng rất chắc, cái nhìn vẽ rõ ra một sự quyết định, khiến thiếu nữ bậm môi lại, và tuy trong bóng sao mờ mờ, e thẹn nhìn lảng ra ngoài xa . . . . Một thoáng cười chạy qua môi khách, làm dịu hẳn vẻ hung tợn vừa rồi khiến thiếu nữ sợ hãi.

Là vì lần đầu tiên trong đời, nàng chịu cái nhìn sắc mác đó. Nó không chú tâm ở người nàng những điểm đẹp đẽ, mà chỉ cốt khám phá những điều kiện cần thiết cho sự gây dựng hạnh phúc gia đình, sự vững bền của nòi giống. Và biết đâu, trong khi nghĩ đến những gương cần mẫn đã từng lấp lánh phản chiếu cái đẹp huyền bí, thần thánh của góc trời phương Đông, người lữ hành kia đã không quan niệm người đàn bà Việt-nam như đã quan niệm người đàn bà Trung-quốc ?

Cho nên, dưới bóng sao đêm ấy, trên dòng sông khuya, người con gái Việt-nam đã che đôi má ửng hồng trước mặt người khách lạ và cùng lúc, không hiểu sao, nàng thấy ngậm ngùi chua xót . . . . .

— Nhà « nị » ở đâu ?

Người con gái ngơ ngác một lúc lâu, rồi mới hỏi :

— Nị ? Nị là gì ? Tôi không hiểu.

Người khách cũng ngần cười trong vài phút, mới tìm được cách cắt nghĩa :

— Nị là . . . . nị ! Là . . . . .

Một ngón tay, theo câu hỏi bỏ dờ, chỉ thẳng vào thiếu nữ khiến nàng không nhịn được cười :

— A, nị là cô ?

Khách lộ vẻ sung sướng đột ngột như người học trò không thuộc bài vừa được bạn nhắc :

— Cô ở đâu ?

Thiếu nữ mỉm cười, đưa tay chỉ một cái xóm nhỏ gần đấy, nơi hắt hiu sáng vài chấm đèn dầu lạc loáng thoáng qua hàng rào tre thưa mỏng. Trong đêm, vắng đưa tiếng chày giã gạo, đều đều rơi vào giữa sự tĩnh mịch như kéo giãn những thời khắc buồn bã không bao giờ tàn.

Đò ghé bến.

Người khách toan đưa đồng xu cầm sẵn trong tay cho thiếu nữ bỗng lại ngần ngại :

— Cho « tui » ngủ một đêm ở nhà cô nhé ?

Thiếu nữ đặt con sào lên thành đò, ấp úng :

— Ông hỏi mẹ tôi ấy. Tôi không biết !

Nói đoạn, nàng bước vội đi trước, nhưng đôi lúc chậm chân lại, vì biết người khách đương rào theo.

Đến một cái ngõ tre, thiếu nữ cất tiếng gọi :

— Mẹ này, có ông khách « tâu » xin ngủ trọ.

Một bà cụ trạc năm mươi tuổi, tay cầm chiếc đèn con, từ trong nhà đi ra :

— Ai ? Ai mà trọ mới ngủ ?

Người khách lạ cúi đầu chào bà cụ một cách kính cần. Bà cụ đáp lễ xong, quay lại bảo người con gái :

— Con xem dọn nhà trên, rồi nhường cái giường cho ông ấy nằm.

Bà cụ nói vừa dứt, cô gái đã vùng chạy vào bóng tối, đem theo cái mặt chắc là phải đỏ hơn ban nãy nhiều.

Trong khi ngồi tiếp chuyện khách, bà cụ thành thực hỏi :

— « Chú » đã xơi cơm chưa, đề tôi bảo cháu nó nấu ?

« Chú » khách cũng thành thực trả lời :

— « Tui » ăn cơm rồi. Tui ăn ở ngoài bờ sông !

Câu trả lời tự nhiên và ngờ ngạc đó khiến bà cụ mỉm cười và khiến cô gái đương ngồi đun nước gần đấy cũng sặc cười theo.

Nhìn cả hai miệng cười cùng một lúc, người khách ngơ ngác đưa mắt liếc hai bà con chủ nhà :

— Cười ? Cười « tui » ?

Bà cụ đỡ lời :

— A, cháu nó thấy ông lạ.

Đêm ấy, là đêm đầu tiên trong cuộc đời giang hồ, người lữ khách đặt lưng trên chiếc giường tre ẽo ọt, giữa những tiếng và hình khác hẳn với cái quen biết ở quê hương.

Mái nhà tranh lợp sơ sài, đề chày xuống mặt khách một dòng ánh trắng hạ tuần, và ngừng lại ở đấy thành những đồng hào mới long lanh.

Gió thổi trong vườn cau xào xạc.

Tịch tịch dễ làm đuối lòng người. Lữ khách, lúc này, đã thấy chết chớ phiêu lưu, bốn tâu, đề cảm khái trong sự thương nhớ, trong giây phút trạnh lòng tưởng đến một mảnh đất xa xôi.

Lữ khách ngạc nhiên ghé tai vào sự yên lặng, cái yên lặng mệnh mông và u uất, không bị phá bởi một tiếng sủng bản cướp nào như ở quê hương.

Mấy tiếng tù và khuya rúc lên, mơ màng bay vào gian nhà vắng. Láng biết mọi người đã ngủ yên cả, vị thần

từ của giang sơn Trung-quốc, vật chôn chử ngũ, khe khe ngấm một bài thơ cò, qua nỗi xúc động đột nhiên tự lại trong người :

Uyt loọc, vú thày, xương mụn thìn,  
 Coóng phống, di phồ, tui sậu mìn,  
 Cú-xú sèng ngòi Hồn-Sán si.  
 Dề pun, chống sén tâu hát sin.  
 (Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,  
 Giang phong ngư hỏa, đối sầu miên,  
 Cô-Tô thành ngoại Hàn-San tự,  
 Dạ bán, chung thanh đảo khách thuyền . . . . .)

Ngay lúc ấy, từ gian buồng bên nổi lên mấy tiếng gì như chuột rúc. Lữ khách, thấy đứt mạch cảm hứng, cầu nhàu trong bóng tối :

— Cấm tố si a ! Tiu a má ! (Lắm chuột thế !)

Nhưng đó không phải là tiếng chuột rúc. Đó là tiếng người con gái chớ đồ ban tối cười qua hai làn môi kín đáo khép lại.

(Trích trong *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh)



### Thiên truyện cuối cùng

Nghĩ cho cùng ra, ở đời ai cũng ích kỷ cả.

Tôi là một người ích kỷ nhất, vì tôi viết văn. Vì tôi đi lên những cái đau khổ của người khác để làm này cái đau khổ của tôi, và dùng nó làm cái bàn đạp đưa mình lên sự nổi tiếng. Nghệ thuật văn chương và nghệ thuật chiến tranh, hai cái đó đều là đáng ghét ; dùng máu mủ của người đời để tăng màu rực rỡ của danh vọng tư kỷ.

Anh Cả tôi chết đi, không để lại chút gì lưu truyền hậu thế. Anh chỉ là một người, một hạt bụi, một phế nhân vì bàn đèn, dọc tàu. Ấy thế mà, bên cạnh cái xác khô héo gầy guộc của anh, người anh đáng thương hơn là đáng quý, một cây bút đang mê đắm tìm những chi tiết cái chết thể thảm, trên môi nở một nụ cười, khi nghe những rung động

thiêng liêng của nghề trước tác. Nhiều lần tôi rùng mình, hồ thẹn tưởng đâu cái linh hồn thân thích đương chau mày nhìn tôi, soi mói vào những ý định bất chính của cây viết, những ý định mà người đời gọi là tài năng, là nghệ thuật. Anh ơi, anh Cả ơi, nếu sau này phải có một di chúc cho con cháu, thì câu đầu tiên, câu duy nhất của em nói với chúng nó sẽ là : « Đừng bao giờ nên làm văn sĩ hết ».

Nhưng em thương anh lắm, anh Cả ạ, em thương anh, nghẹn ngào và tức tưởi, bằng những dây nhò nhất của cảm giác em, bằng những hơi thở âm u nhất của lá phổi em. Em thương anh như thế thì linh hồn anh có mát mẻ không, hơi người anh mà cuộc đời chỉ là ngông cuồng và đau đớn, mai mĩa và hờn oán, hơi người anh vô cùng nghệ sĩ đã không thêm làm bài toán cho con đường mình.

Cả nhà không ai biết anh chết vào hôm nào cả. Có lẽ là hôm . . . tháng . . . năm . . . dương lịch. Em chỉ nhớ là anh chết chừng hơn hai mươi hôm sau ngày nước Việt-nam độc lập. Mẹ nghe tin anh chết thì khóc nhiều lắm, khóc mãi đến bây giờ và bao giờ mới hết khóc ? Anh nhỉ, lúc này linh hồn anh đã sạch những tội lỗi, anh có thấy rằng người mẹ Việt-nam đáng giá gấp bao nhiêu lần số châu ngọc của thế giới hợp lại ? Mẹ thương anh, dẫu khi sống, anh chỉ làm khổ mẹ, và trước khi chết anh còn làm nhơ nhục nhiều người. Nhưng được cái anh rất chân thành khi phạm tội, dưới sự sai khiến của những cơn nghiện quật người, làm long lở hết thần trí. Ở thế gian, có cái gì không sạch dẫu anh, thiên lương loài người là cái sáng mãi, cả trong những lúc bùn nhơ, ô uế nhất ở cõi đời. Trước bài vị anh, em chỉ có trần một lòng thương cảm một sức rung động tha thiết vì loài người.

Anh ạ, khi nắp áo quan của anh khép chặt lại, em mới giật mình trước cái rõ ràng phán định của hai thế giới, em ở, anh về. Nhưng anh về hơi vội, giữa lúc em vô tình đi theo sự nghiệp, đi theo cái bất hạnh, cái bạc bẽo của nghề văn chương, quên rằng anh đau khổ lắm, tủi nhục lắm, trên đường đời.

Sinh ra trong vàng son, gấm vóc, được ôm ấp bởi muôn ngàn yêu thương của một gia đình sung túc, từng ăn những con yến quí nhất ở đảo Hải-nam, nuốt những chất sâm Cao - ly thượng hạng, vận những hàng tơ đẹp nhất Giang-châu, anh có bao giờ ngờ rằng một ngày kia, đôi mắt anh vào một giờ cuối cùng không được bàn tay nào khép hộ ? Anh có ngờ rằng nhân loại vắng mặt ở cái phút anh thực ăn năn dốc lòng cầu xin một cái nhìn âu yếm ?

Còn biết làm sao lường được số mệnh, khi chính số mệnh đó dắt anh, từ một nơi phồn hoa náo nhiệt về nhấm mắt ở chốn vắng ngắt loài người ?

Cả nhà không ai dám thuật lại cái chết của anh. Bởi vì đó là cái chết của một người bạc mệnh. Bởi vì đó là một tình trạng chua xót, thê thảm chỉ nên để nằm ngủ trong giấc quên. Em thì nghĩ khác. Em cho rằng có viết cái chết đó ra, cái khối hồn oan ở linh hồn anh mới tan rã, cái đau đớn ở em mới dịu dàng. Em viết ra cho bao nhiêu người như anh còn đương đợi chết, những số phận bầu vú lấy cái thể lương, tìm vui trong lạnh lẽo, rùng rợn nhớ đến cái vô định ngày mai. Cuộc đời anh là một bài học đáng giá. Sự sống của anh là một tấn bi kịch đáng tiền, một bài văn tuyệt tác.

Khi anh bỏ nhà ra đi, em biết rằng anh chỉ có một ý nghĩ : trốn cái hắt hủi của gia đình, của bạn hữu. Những người này không tin cậy ở anh một chút gì nữa . . . Cái xã hội mà anh từng bồi nhem bằng khói thuốc phiện đã nhìn anh bằng tất cả sự rẻ rúng khinh lờn. Mà anh, anh chỉ cần sống cho anh, cho những cơn thèm thường hút xách, miễn là lấp được cái đòi hỏi, còn nhân cách, còn thiên lương, cái đó không nặng hơn một làn gió mát ! Và chính em, em ruốt anh, một đôi khi em cũng thấy dậy lòng khinh miệt. Còn nói chi người ngoài ! còn nói chi thiên hạ ! Em thấy anh khổ sở quá, bần tiện quá, em thấy anh không đáng là anh của em nữa. Áo anh rách, và mặt thì xanh, người anh thì khô đét. Anh đi gõ cửa từng nhà, giơ ra cả kiếp người ươn hèn, bĩ ời. Và ba năm như thế, anh đã kéo theo sau anh bao nhiêu lời nguyện rửa. Rồi một ngày kia cõi đời không thêm nguyện rửa anh nữa : anh đi.

Giữa lúc hoàn toàn thất vọng đó, anh nghĩ đến một nơi đây thuốc phiện, nơi còn sống một người bạn thân của anh từ thuở nhỏ : viên tri châu Lang Chánh. Thuốc phiện ! Thuốc phiện thơm ran, thuốc phiện chảy nhựa, phong phú, tràn trề trên những thân cây mọc tự do trong những khu rừng trinh tiết ! Thì ra, cũng như một thi sĩ chạy theo ảo mộng thiên thần, một thủy thủ giang hồ mơ màng Bông-lai hạ giới, anh tưởng tượng một giải đất bình yên, « khu vườn ô-liu của bà Chúa sám ». Và anh chạy lại nơi đó, hơi thở yếu trào hết ra trên môi, sự sống lung lay vắng dần ra khỏi những bước. Anh chạy đến, và reo hò, và mừng rỡ, quên rằng anh chạy đến một. . . . nắm mồ ! Tiếng anh kêu vang cả khu rừng quanh quẩn. Thiên nhiên giật mình nhìn thẳng điên đi tìm tở ngà voi bí mật.

Tiếng anh đưa cao rồi dần dần đuối :

— « Hỡi thuốc phiện ! Thuốc phiện ! Thế giới say quên ! Tình duyên huyền ảo ! Hãy nhận ta vào lòng yêu vô cùng của Người, mà nhân gian đã từ bỏ, mà thần thích rẫy ruộng ! Có thấy không, những cung bực nãi nễ của tiếng gọi, hơi khói xanh mê lòng người muôn thuở, hơi Yên sĩ ngàn năm ! Ta góp lại ba ng. . . dây gân nơi cổ họng cùng lúc dội lên lời cầu cứu tha thiết và câu hoan hô đắm đuối ! Nhân gian đuổi ta về với Người, cho ta trọn một sự phụng thờ duy nhất. Gió ơi, đưa mau ta lại, để ta nuốt, ta nhai, ta nghiền tan những giờ ái ân vô đối ! ».

Nhưng đối với anh, bà Tiên Nâu đã lạnh lùng cùng khi loài người lạnh lẽo ! Anh yêu bà nhưng bà không yêu anh, bà mời đón những tình nhân khác ! Anh đứng chân trên một cái vực thẳm. Em thấy mặt anh tan nát vì những đường cày ghê gớm.

Anh cắn môi trào máu, anh cào mặt cho toác da ! Đời anh bắt đầu hiện rõ. Nhưng con đường đưa anh trở lại quê hương đã mất dấu ! Mà anh thì cô đơn, mà đời thì bạc bẽo ! Sương chiều bắt đầu xuống ! Tiếng vợ vừa nổi lên ! Mây âm u giải dài cuối rừng, hình dung một đám tang huyền ảo. Hơi sống của anh chỉ còn mấp máy ở cổ họng. Từ chi anh



ran lên một cơn nóng đột ngột ; cơn sốt thương hàn ! Nếu được một liều thuốc phiện ! Trời ơi ! Chỉ một viên nhỏ xíu, một chất đen tăm thường, một liều thuốc hồi phục !

Lúc đó, anh có nghĩ gì đến mẹ, đến vợ, con, đến em, đến... thân thể ? Nếu anh được khóc thì bao nhiêu tiếng khóc cho vừa, nếu anh biết làm thơ thì bao nhiêu bài thơ mới đủ.

Anh ngồi xuống bờ cỏ. Đầu đầy có tiếng suối róc rách, cái tiếng gọi thêm của anh cơn khát bốc lửa ! Anh thêm nước ! Anh đói thuốc phiện. Anh lê dần, lê dần xuống dốc, mệt mỏi, đau lòng. Suối vẫn chảy. Trên đầu lưỡi anh, đọng lại những cảm giác thêm khát. Anh lê nữa, tất cả ý nghĩ căng thẳng về một hớp nước, bất luận là sạch hay nhơ, lạnh hay độc, miễn là nó làm dịu được cơn khát điên cuồng của anh. Trong người anh, bệnh thương hàn bốc lên cái độ 41. Sự sống tan dần theo hơi thở nóng bỏng. Anh không đói thuốc phiện, anh không gào nước nữa ; đường xuống suối còn xa, đường về quê đã biến. Số mệnh đã muốn cầm ở giây phút đó một cuộc hành trình điên dại của kiếp người. Anh thở dài một tiếng, lòng trắng giãn ra và chiếm đầy mắt. . . . Anh nấc lên một tiếng nhỏ. Anh gục đầu xuống một bụi rậm. Có cái gì thổi tha đưa lên sau mông đít. Cảnh gai yếu ngã xuống làm anh gục theo. Một con chim kêu lên đầu đó. Rừng và núi. Núi và rừng.

Xác anh được phơi cho đến ngày những bộ hành người Mường khó chịu về thổi tha, làm phức vùi tằm anh xuống đất. Vợ anh, con anh đi tìm dấu vết người chết. Những người thân thích của anh đã tìm thấy cái gì ? Họ đã tìm thấy. . . một đám đất bị lở. . . họ đã tìm thấy một con rùa ; phải, một con rùa, thấy động lúi lũi từ cái đám đất kia chui ra. . . họ đã tìm thấy, trời ơi, làm sao lúc này em muốn khóc quá ! — họ đã tìm thấy một bộ xương, một chiếc hoa cái trắng phếu, họ đã tìm thấy cái tàn của một kiếp người, họ đã tìm thấy hình ảnh nhân loại, ý nghĩa những cơn say mê, kết quả những ngày điên dại !

Anh ơi, anh rất đáng thương của em ơi, họ đã tìm thấy. . . anh rồi !

— Em thấy anh có những bạn hữu nghệ sĩ bẽ tha, những linh hồn nghiện ngập. Anh giúp đỡ họ, thương yêu họ, sao anh không thương yêu những người đau khổ khác có lẽ còn cần ta giúp đỡ hơn.

— Lòng yêu thương gửi đi không bao giờ muốn được phân tách. Trong mỗi hành vi nhân từ đều có ngụ một ý nghĩa. Có thể là sự sám hối, ăn năn, có thể là lòng rung động gửi ý sang một người khác. Em không vào sâu trong những cảm giác phức tạp của nghệ sĩ, em không biết rằng chính họ mới là những người đáng thương và đáng mến. Anh không trụy lạc đó là một cái may, nhưng nếu có phải trụy lạc ra, anh tránh sao được. Anh không bao giờ muốn trác táng, nhưng anh không vô lý khinh miệt sự trác táng như em. Có cái gì ở đời này không đau đớn? Yêu nhau và thương nhau là điều cần hơn hết. Đó là bồi thêm ý nghĩa cho sự sống, để bớt thấy mình lạnh lùng. Đó còn là cả một triết lý mệnh mông của đời, cái đời nhỏ nhen tầm thường và ích kỷ.

( Hà-nội, cuối Thu 1946 )





# HẰNG - PHƯƠNG

## NỮ SĨ

---

**H**ẰNG-PHƯƠNG tên thật là Lê hằng Phương, sinh năm 1908 tại làng Báo-an, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam (Trung phần).

Bà là trưởng nữ của cụ Sở-Cường Lê Du, một nhà chí sĩ đã từng bốn ba ở Trung-hoa và Nhật-bản nhiều năm. Bà gọi cụ Phan Khôi là cậu ruột.

Thuở nhỏ bà học bảy tám năm chữ Hán, sau theo chương trình Pháp đến lớp nhất.

Năm 19 tuổi, bà kết hôn với nhà văn Vũ ngọc Phan, tác giả bộ Nhà văn hiện đại, Trên đường nghệ thuật, cùng một số sách dịch như Tiều-Nhiên Mị-Cơ, Lâu đài họ Hạ v. v. . .

Vốn sinh trưởng trong một gia đình thắm nhuần giáo lý Không Mạnh, lại là con một nhà thâm nho, nên bà Hằng-Phương rất thấu hiểu Nho học.

Bà đã từng diễn thuyết tại Hội Truyền-bá Quốc-ngữ, cộng tác trong phần thi văn với các báo : Phụ nữ tân văn, Hà-nội tân văn, Ngày nay, Đàn bà, Tri tân . . .

Năm 1943, Hằng-Phương cho in một số sáng tác của mình vào tập Hương xuân, chung với ba nữ sĩ Mộng-Tuyệt, Anh-Thơ, Vân-Đài.

**H**ÀNG-PHƯƠNG đã đóng góp tiếng thơ của mình trong phong trào thi ca lãng mạn một cách thần nhiên ; nó đứng cách biệt hẳn ảnh hưởng của những trận bão tình. Hồn thơ của Hàng-Phương là hồn quê, luôn luôn hướng vọng về nơi sơ sinh và trường thành của mình. Cho dù sau này, sống trong khung cảnh quấy rủ của đô thị rục rờ muôn hình sắc, hướng thơ của nữ sĩ vẫn trung thành như cây kim chỉ nam luôn quay mũi về đồng nội. Nơi ấy, một người con gái đang lớn dần với ngày tháng trong nếp sống yên lành ở miền khoáng dã ; tâm hồn lâng lâng như những thoáng mây mỏng nhẹ trôi trên nền trời trong những buổi chiều tà ; thê chất trong trắng chưa gợn một tí bợn trần ai, đã khiến nàng ngỡ mình đang được nuôi dưỡng ở một vùng thiên thai nào đó.

Thế rồi, một ngày kia, có chàng trai trẻ xuất hiện như vị thiên thần tình ái, mang theo chiếc đàn lòng, rung lên âm thanh huyền diệu làm thay hẳn đời sống bình thường của nàng. Hồn nàng liền quỵện theo nhạc điệu ái ân, cao bay về chốn trời mây nước lạ :

*Yêu anh, em hóa yêu đời,  
Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.*

Sinh ra nơi thảo dã, lớn lên trong khi núi gió rừng, nàng không khỏi ngậm ngùi lưu luyến khi biết rằng :

*Anh đưa em đến vườn đào,  
Màu tươi, sắc thắm, em nào dám chê.  
Nhưng em lưỡng nặng lòng quê,  
Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non.  
Nhớ nơi làng xóm con con,  
Nhớ hương cây quế chon von trên đời,  
Bạn xưa, nhớ yển tha mời,  
Cành xưa, em đã trong hời còn thơ. . .  
Đường xa, ngoảnh lại ngần ngự,  
Trông theo mây trắng thẫn thờ mắt xanh. . .*

Nó là một thứ tâm tình muôn thuở trong lòng người phụ nữ. Ta không thấy Hằng-Phương xa cách khi Ngân-Giang nữ sĩ vẫn tương tư mãi thôn Hương-dương. Cũng như Văn-Đài đã không cầm giữ được lòng say sưa quyến luyến khi thấy lại đảo Cát-bà.

Ngoài những thi bản như khơi động lại tình quê, Hằng-Phương còn những sáng tác theo cung trầm của những tâm hồn thích ghi lại mỗi xúc cảm do sự hiện hữu của thi nhân trước cảnh vật, chúng tôi bắt gặp vài biến điệu : một ít mệt mỏi trong *Có đôi mắt*, cảnh bụi ngùi ly biệt mang theo đôi chút trống khí trong *Quán cũ trong sương*. Đến *Phật tụng*, Hằng-Phương cho sáng tác của mình hàm súc triết lý Phật giáo và một niềm ước vọng tận diệt được sự phân tranh của con người để cho họ hòa vui trong cuộc sống.

Nói chung, tiếng thơ của Hằng-Phương là một nhạc điệu du dương, êm êm, không thiết tha, không sôi nổi, nhưng không đến nỗi tẻ nhạt.

(10 - 1968)



## *Thi tuyên*

### Lòng quê

( Tặng V n. Phan )

Xưa kia em ở bên trời,  
 Ngây thơ chưa rõ cuộc đời là chi,  
 Mặc cho ngày tháng trôi đi,  
 Tóc mây nào biết có khi bạc đầu !  
 Chim non ở chốn rừng sâu,  
 Quanh mình chỉ thấy một màu xanh xanh  
 Bình minh buổi ấy gặp anh,  
 Rủ em ra chốn đô-thành xa khời.  
 Yêu anh, em hóa yêu đời,  
 Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.  
 Anh đưa em đến vườn đào,  
 Màu tươi, sắc thắm, em nào dám chê.  
 Nhưng em lưỡng nặng lòng quê  
 Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non  
 Nhớ nơi làng xóm con con,  
 Nhớ hương cây quế chon von trên đồi,  
 Bạn xưa, nhớ yến tha mời,  
 Cảnh xưa, em ở trong hồi còn thơ. .  
 Đường xa, ngoảnh lại ngàn ngơ,  
 Trông theo mây trắng thả thờ mắt xanh. . .

( Là-nội tâm vầu )



## Tết xưa

Sáng mồng một, tôi mặc quần áo mới,  
 Theo mẹ tôi mừng Tết các nhà quen ;  
 Lạy bàn thờ xong cổ Tết bùng lên ;  
 Nào nem, bưởi, bánh in, rồi bánh tét.  
 Lại cho trẻ gói giấy phong đỏ loét,  
 Tôi ra về, túi rủng rẻng đầy xu.  
 Đàn trăm dây; gió ngoài nội vi vu,  
 Nhạc muôn điệu, chim trên cành ca hát.  
 Vòng lối xóm, gặp những người tuổi tác,  
 Xoa đầu tôi, họ ha hả cười tươi :  
 « Con bé này lớn như thời chẳng chơi  
 « Hễ có rượu phải nhớ mời lão nhé ! »  
 Tôi đỏ mặt, còn mẹ tôi vui vẻ,  
 Vội đứng chân đáp lễ chúc nhiều câu. . .  
 Những ngày vui sao chẳng được bao lâu,  
 Vừa mới đó, cuộc đời đã khác trước !  
 Vĩ có cánh, tôi bay theo chim Phượng,  
 Tới Bồng-lai, xem mẹ ở nơi nao,  
 Và quay đầu về dãy núi cao cao,  
 Tìm quê cũ dưới nắng xuân rực rỡ.  
 ( Hương xuân, 1943 )



## Trăng lên

Bên sông vừa ló bóng vàng  
 Liễu soi tóc rối, nước tràn gương trong,  
 Mây ngừng gió chẳng ruidong,  
 Từ từ cảnh vật tằm trong suốt ngà.  
 Chuông chùa đồng vọng xa xa,  
 Theo làn ánh bạc lọt qua song cài.  
 Sáng trưng mái ngói nhà ai,  
 Đôi chim ngơ buổi ban mai, giật mình !  
 ( Hương xuân, 1943 )





### Trên đò Suối

Hôm nay lại chẩy chùa Hương  
 Lênh đênh đò Suối mành sương còn đầy !  
 Thuyền mơ năm trước đâu đây ?  
 Nhớ cô yếm thắm hây hây má hồng.  
 Tiều phu chân núi lưng còng,  
 Xo ro ngư phủ giữa dòng buông câu.  
 Mây luồn đáy nước qua cầu,  
 Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo.  
 Tuyết vời bức họa ai treo,  
 Đưa hồn du tử bay theo gió ngàn.

( Hương xuân, 1943 )



### Từ cố hương

Mòn mỏi ngày đêm trông lại trông,  
 Cố hương xa cách mấy từng sông !  
 Mũi tên tình ái từ đeo đàng,  
 Buộc chặt chân chim sợi chỉ hồng.  
 Lá rụng bay về dưới gốc cây  
 Buồn nhìn lá rụng chạnh niềm tây :  
 — Lá ơi ! ta lại không bằng lá  
 Chôn chặt hồn quê ở chốn này.  
 Mây chạy về đâu ? quá vội vàng !  
 Đề cho hồn nhỏ luống hoang mang.  
 Trông theo mờng tượng chân mây ấy,  
 Làng xóm xanh um, sông nước tràn . . .

( Hương xuân, 1943 )



### Bình minh

Sương đêm còn đọng trên cành  
 Rưng rưng hạt ngọc long lanh nhìn trời.  
 Sẻ sàng chiếc lá vông rơi,  
 Thương tâm ngành liễu tươi bờ lệ sa.

Bên hiên chúm chim nụ trà  
 Vừng đông vừa ló, ngoài ra mỉm cười,  
 Cánh hồng dài điểm khoe tươi,  
 Đường như mới gặp được người tình xưa.  
 Góc đào đứng trước giậu thưa,  
 Trách đông đến chậm, nắng mưa dài đầu.  
 Nách tường đôi lúá chim sâu,  
 Nằm trong tờ ấm thò đầu nhón nhơ . .  
 ( Hương xuân, 1943 )



### Nhớ mẹ

Đêm qua mưa nặng hạt  
 Ngoài thềm rơi thánh thót ;  
 Bên nương quốc gọi hè,  
 Giật mình, lòng tôi tê . . .  
 Nhớ thuở trong luỹ tre.  
 Chơi đùa bên gốc me,  
 Sớm tối mẹ nâng giấc  
 Ốm đau mẹ vuốt ve . . .  
 Gió Nam thổi thánng năm,  
 Cùng mẹ đứng bên sông,  
 Thuyền ai xa lướt sóng ?  
 Mắt mẹ lệ đôi dòng !  
 Thánng mừìi hơi gió may,  
 Trước sân lá vàng bay,  
 Đất con mẹ tựa cửa,  
 Đường xa cát bụi đầy . . .  
 Năm qua, lại thánng qua  
 Ngõn ngang nổi nước nhà,  
 Phưng trời mù bóng nhạn,  
 Nhìn con mẹ xót xa.

Ngây thơ con biết gì !

Mẹ khóc, con cười khì,

Ra vào quanh dưới gối,

Mẹ khuây nỗi biệt ly. . .

Ngày nay bên khóm trúc,

Em thơ khóc rưng rức ;

Tìm mẹ biết tìm đâu ?

Trời xanh, xanh một màu

( Hương xuân, 1943 )



### Tịch tịch

Màn đêm bao phủ khắp trời

Núi sông yên lặng không lời thở than

Gió im cây đứng bê bàng,

Mái tranh ủ dột bên giàn không hoa.

Nặng nề thời khắc trôi qua,

Dường như vũ trụ thở ra nghẹn ngào.

Vô tư lòng cũng nao nao,

Lặng mơ chinh chiến xông xáo bên trời.

( Hương xuân, 1943 )



### Chiều hè đứng bên sông

Cấm sào thuyền ghé bên sông

Thần thờ chú lái mắt trông xa vời. . .

Rủ thuyền, thuyền chẳng cùng trôi ;

Xuôi dòng nước chảy ngậm ngùi theo mây,

Tà dương đỏ rực trời tây,

Hồng hồng đáy nước bóng cây chập chờn.

Xanh xanh một giải tràng sơn,

Hồn quê sực tỉnh, cô đơn ngàn trùng. . .

( Hương xuân, 1943 )



## Tiêu-Nhiên Mị-Cơ

(Trích vài đoạn đầu trong truyện  
Tiêu-Nhiên Mị-Cơ hằng thơ)

Hỡi các ngài giàu lòng sầu cảm,  
Có muốn nghe buồn thảm chuyện này ;  
Truyện tình trăm đắng ngàn cay,  
Rồi cùng sống thác một ngày với nhau.  
Ấy là truyện Mị Cơ hoàng hậu  
Với Tiêu-Nhiên mã thượng anh hùng.  
Chữ tình dốt dạ tôi trung,  
Chữ tình xui khách thâm cung quên mình.

. . . . .

( Bị thương nặng sau khi chiến đấu, Tiêu-Nhiên nằm  
một mình trên thuyền với cây đàn trời trên mặt biển )

. . . . .  
Chàng xin một cây đàn ôm ấp,  
Đề giải phiền muộn dặm viễn khơi.  
Gió thu là rặng tơ bời,  
Đưa người ra chốn nước trời mệnh mông.  
Đỗ-viển-Năng đứng trông trên bến,  
Cầu Trời toàn tính mệnh trò yêu.  
Thuyền không buồm, cũng không chèo,  
Lênh đênh theo lớp thủy triều đầy đưa.  
Tiêu-Nhiên nhùng say sưa với nhạc,  
Nhìn trời cao ánh sáng mà vui.  
Anh hùng đâu có ngậm ngùi,  
Coi thường sinh tử hơn người là đây.  
Thuyền trôi nổi bảy ngày rồng rã,  
Rồi đêm kia bến lạ tới gần ;  
Tiếng tơ mặt nước vang ngân,  
Thanh âm réo rắt như gợn như xa . . .

1) Bản phỏng tác Tiêu-Nhiên Mị-Cơ ( Tristan et Isolt )  
của Vũ Ngọc Phan,

Dân chài lưới sớm ra trông nắng,  
 Thấy ngoài khơi nước lóng như gương ;  
 Tiếng đàn tã khắp bốn phương,  
 Thuyền trôi thấp thoáng trong sương mờ mờ. . .  
 Báo nhau : « Áy, ngày xưa xưa xưa,  
 Mặt biển im như sữa trắng ngần ;  
 Tiếng đàn muôn điệu vang ngân  
 Là thuyền đưa thánh Bằng-Đặng về trời. . . »

. . . . .

( Hương xuân, 1943 )



### Thu, nhớ quê nhà

Thu về, nhớ trái lòn non,  
 Nhớ ngày ăn quả, em còn ngây thơ ;  
 Mà nay muôn dặm đợi chờ,  
 Thu tàn, quả rụng bao giờ không hay !  
 Chiều thu, hiu hắt gió thu,  
 Trông về cửa Đại mịt mù trong sương,  
 Đi đâu ? Hỡi khách viễn phương ?  
 Dừng chân gửi chút nhớ thương bên lòng.  
 Trời thu nhuộm ánh tà dương,  
 Gió thu trong quặng canh trường nỉ non  
 Trăng thu soi bóng cô thôn,  
 Hỏi người lữ thứ mộng hồn về đâu ?

( Hương xuân, 1943 )



### Phật tụng

Nam mô Phật, Quan-thế-âm-bồ-tát  
 Phật từ bi, tự giác nhi giác tha,  
 Phật vô biên, vô lượng A-di-đà,  
 Phật Tam Thế trên tòa sen thơm ngát,  
 Xin chúng giám cho lòng trần khao khát,  
 Nước càn dương mong giải thoát trần duyên

Kiếp luân hồi, đây ai xứ Ưu-phiên,  
 Lòng dục vọng triển miên không bờ bến ;  
 Tham lam quá ! Lòng tham đâu có lự !  
 Muốn thu tròn Vũ-Trụ cả trong tay,  
 Muốn cho trăng giữ mãi vẻ tròn đầy,  
 Muốn cho gió luôn êm ngày dơng thổi  
 Muốn nhan sắc trăm hoa đừng hiển đời,  
 Cả bốn mùa là chỉ một mùa Xuân,  
 Ngày tháng đi nhưng sự sống không ngừng,  
 Trăm năm hết, tóc trên đầu chưa bạc,  
 Lòng bình thản, không hờn ghen tráo chác  
 Trong muôn người, in như tạc một người  
 Sống êm đềm sự sống rất vui tươi,  
 Cho xứng đáng đứng đầu trong vạn vật.  
 Nhưng chẳng biết vì đâu ? Trăm lạy Phật,  
 Trước mắt phàm, rặt những cảnh thương tâm.  
 Bỗng tự dưng sấm chớp nổi âm âm,  
 Cho hoa rụng, hoa tàn, trong chốc lát  
 Rồi Buồn-nản, Ốm-đau, cùng đói khát,  
 Liềm thời gian cắt đứt tóc mây xanh  
 Rồi hay hèn lại nổi cuộc phân tranh,  
 Cho đầu rụng máu rơi đầy mặt đất !  
 Thế thân quá, hoang mang hồn muốn ngất  
 Cúi đầu xin lạy Phật nhờ lòng thương.  
 Phật đã từng thấy những nỗi tai ương  
 Sinh, Lão, Bệnh của kiếp người trần thế  
 Rồi thân chết xóa mờ muôn hình thế,  
 Như guồng quay, lại sinh hóa không ngừng  
 Xin Phật ngăn lòng Dục-vọng có chừng ;  
 Phật gieo rắc đức nhân từ cho rộng,  
 Cho được thấy chút vui trong sự sống  
 Vượt sinh linh chìm đắm bể trầm luân,  
 Đè trần gian được ca ngợi vui mừng  
 Nhưng phép lạ đấng Từ-bi cứu thế.

( Hương xuân, 1943 )



### Khúc nhạc bên đường

Vài tiếng động vang vang trong hộp gỗ,  
 Rồi lời ca cảm dỗ khách qua đường.  
 Điệu Nam-ai đầy những vẻ bi thương,  
 Nhịp cung Bắc chứa chan bao tình tứ,  
 Ru lòng kẻ tâm can đầy tư lự,  
 Gội nắng mưa chống cự với nghèo nàn ;  
 Cầm tay xe dưới trời nắng chang chang,  
 Lắng khúc nhạc để mơ màng giây phút  
 Vai gánh nặng bỏ hôi tuôn như trút,  
 Dừng lại đây, hưởng một chút dư âm,  
 Hồn hiu hiu theo tiếng nhạc thăng trầm,  
 Quên một phút, trăm ngàn điều lo lắng.  
 Hời tiếng nhạc ! say sưa và nồng mặn,  
 Véo von trong im lặng của trưa hè...  
 Kẻ giàu sang chẳng muốn đề tai nghe,  
 Nhưng rung động bao tâm hồn chất phác.  
 Xin cứ đàn ! cứ ca ! và cứ hát,  
 Cho lòng ai chốc lát được vui khuây,  
 Cho hồn ai tươi tỉnh trong vài giây,  
 Quên những nỗi lăm than bày trước mắt.  
 ( Tri tân, số 71, 4-11-1942 )



### Quán cũ trong sương

Đờng không sương sớm chưa tan,  
 Trường đình quán cũ bên đàng trơ trơ.  
 Đây là chốn nên thơ bao vẻ  
 Cửa người xưa chia sẻ biệt ly ;  
 Nước non ngàn dặm ra đi,  
 Đâu đây tráng sĩ nhung y rõ ràng,  
 Hải xanh biếc lâu trang mấy kẻ,  
 Lặng nhìn nhau khôn hé môi hồng ;  
 Dừng đàng khi thấy vừng đông,  
 Kẻ về gác phượng, người tung biên thành.

Rồi những khách trăm anh thế phiệt,  
 Nấu sử kinh dày biết bao công,  
 Vẫy vùng gặp hội mây rồng  
 Trưông-an dong rudi, hề đồng một hai ;  
 Dón vó ngựa, đây vài thân hữu,  
 Tiễn đưa nhau chén rượu men nồng :  
 « Chúc nhau phi chí tang bồng,  
 Áo thay sắc tía, tên lồng bằng son. . .  
 Cũng có kẻ héo don hình sắc,  
 Ghé vào đây nhắp chén ly hôi ;  
 Vợ con nhà cửa xa xôi,  
 Đưa nhau cũng khách quê người thương nhau. . .  
 Lại có kẻ râu rầu nét mặt,  
 Nhưng ngang tàng khí sắc ai đưông,  
 Lời ngay nên nổi tai ương,  
 Một lòng trung trực, coi thường lợi danh ;  
 Vâng sắc chỉ biên thành lưu thú,  
 Dừng lại đây tạm rữ phong sương ;  
 Sương tan rồi lại lên đưông,  
 Cỏ cây là bạn, bốn phương là nhà. . .



Bao thế sự xóa nhòa rêu phủ,  
 Còn lại đây quán cũ vài gian,  
 Trong sương lặng đứng mơ màng,  
 Gợi lòng cho khách qua đàng nhớ nhung. . .

( Tri tân, số 74, 25-11-1942 )





### Cố đôi mắt

Cố đôi mắt nhìn đời lâu mỗi quá  
 Cùng rủ nhau : « Bạn ạ, nghỉ đi thôi !  
 « Ta sáng soi hơn ba mươi năm rồi  
 « Mà sau trước cuộc đời âu cũng thế !  
 « Đã bao thuở ta tuôn đôi hàng lệ  
 « Khóc thế tình sông núi vẫn trơ trơ  
 « Đắm trong bùn, châu ngọc cũng phai mờ  
 « Thà nghỉ quách ! làm lơ cho rảnh xác ! »  
 Mắt nói vậy, rồi không cần bàn bạc  
 Nhắm liền liền cho ánh sáng phải ghen,  
 Và cho người quên những cảnh bon chen,  
 Sống tĩnh mịch với cuộc đời lý tưởng...

( Tri tân, số 61, 26-8-1942 )



---

## T Ú M Ỡ

---

**T Ú M Ỡ** là bút hiệu, tên thật **HỒ** trọng **KHIẾU** (hiệu **Nguyên-Trực**), sinh ngày 14 tháng 3 năm 1900 (tức ngày 14 tháng 2 năm **Canh-tí**) tại phố hàng **Hòm Hà-nội**.

Lên năm tuổi, ông học võ lòng Hán văn với nội tổ. Vừa học hết pho **Tam tự kinh**, sang pho **Dương tiết** thì nội tổ mất. Thân phụ ông mới bắt đầu cho học **Pháp-văn** đầu tiên với cụ giáo **Quý** phố hàng **Mành**. Được một năm, ông được thầy cho chuyển vào học trường nhà nước tức trường hàng **Bông**; tiếp đây là trường hàng **Vôi**, ông học hết lớp nhất và thi đậu bằng **Sơ-học Pháp Việt** năm 1914.

Năm 1915, ông vào học trường **Bưởi**; nơi đây ông tỏ ra là người học trò ranh mãnh, nghịch ngợm. Nghịch ngợm và ham chơi nên chỉ trong một năm, ông bị mất học bổng.

Năm 1916, ông bắt đầu « mắc bệnh » làm thơ. Năm ấy ông học triết với cụ **Phèn (Dufresne)** chung với **Hoàng ngọc Phách** và **Nguyễn Pho**. Hai anh này là tay giỏi quốc văn nhất lớp, thường hay bắt chước cái dáng vẻ « phi-lô » của thầy **Dufresne** nên **Tú Mỡ** và người bạn tên **Quế** thường làm thơ nhảm nhí để châm chọc.

Năm 17 tuổi (1917), người học sinh trường **Bưởi Tú Mỡ** bắt đầu yêu một cô gái 15 tuổi ở hàng **Bông**. Nó chỉ là thứ tình yêu vơ vẩn, nhưng **Tú Mỡ** cũng cố nặn ra mấy vần thơ « **Tương tư** » rồi nhờ **Hoàng ngọc Phách** chữa hộ. Bài thơ « đứng đắn » đầu tiên của **Tú Mỡ** như sau ;

### Tương tư

Vì ai nên nỗi nhớ cùng thương  
 Một mối tơ tình dạ vấn vương  
 Sáu khắc mơ màng hình hạc ngọc  
 Năm canh tưởng nhớ bóng người vàng  
 Ruột tâm chín khúc vò tơ rối  
 Giấc điệp năm canh diễn khắc trường  
 Muốn nhắc cùng ai, ai nhắc hộ  
 Mòn đôi con mắt giải sông tương.

Ý tứ bài thơ được Hoàng ngọc Phách sửa chữa, phê bình (1). Từ đây Tú Mỡ dám ra mền phục Hoàng ngọc Phách, một người vừa giỏi vừa hiền nhiều.

Sang năm thứ tư (1918), Tú Mỡ bắt đầu mê thơ Tân-Đà ; lại thích cả thơ Tú Xương, hầu như bài nào đăng trên Nam phong đều được Tú Mỡ học thuộc cả. Có thể nói Tú Xương là ánh đuốc dẫn đường cho Tú Mỡ. Ông dùng bút hiệu Tú Mỡ là để tỏ sự biết ơn đối với nhà thơ của dòng sông Vị.

Trong thời kỳ ái tình chi phối đời sống tình cảm và tinh thần, ảnh hưởng của Tân-Đà vẫn không lu mờ trong văn thơ Tú Mỡ, như trong bài Sầu tình có những câu :

Lòng còn đeo nặng khối tình con  
 Đôi ngọn đèn khuya gợi mối buồn  
 Ngọn bút tình này khôn tỏ nỗi  
 Biết cùng ai giải tấm lòng son. (2)

Sau này ông góp nhặt thành tập thơ cho mang tên Câu cười tiếng khóc, lấy ý trong câu : « Cuộc nhân thế câu cười tiếng khóc » của Nguyễn khắc Hiếu. Tập thơ này không xuất bản.

1) Hoàng ngọc Phách cho bài thơ trên là số Toàn bài có thể nói là khá, « Mơ màng hình hạc ngọc » đối với « Nhớ tưởng bóng người vàng » là chính lắm. Chữ « sáu khắc » và « năm canh » cũ quá, nên sửa là « tựa gối » và « thấy trăng ». Hai câu ngũ, lục, Phách cho đã lấy ý trong một quyển thơ. (quả đúng thế).

2) Mỗi câu thơ có một tên sách (xếp chữ đứng.)

Cuối năm 1918, ông đổ bằng Thành-chung, ra trường vào làm sở « Phi-năng » (Finance : Sở Tài-chính). Sau hai năm của đời cạo giấy, những điều chướng tai gai mắt đã làm nảy nở ý hài hước của ông vốn sẵn có từ bản chất. Bài thơ hài hước đầu tiên là Bốn cái mong của thầy Phán, sau này đăng trên tạp chí Việt-nam thanh niên.

### Bốn cái mong của thầy Phán

Làm nghề thầy ký với thầy thông  
 Sống ở trên đời có bốn mong ;  
 Mong tháng chóng qua, tiền chóng lĩnh  
 Mong giờ mau hết, việc mau xong  
 Mề đay mong được năm mười chiếc  
 Lương bổng mong tăng sáu bảy đồng  
 Hãy tạm thời nay mong thế thế  
 Còn bao mong nữa xếp bên lòng.

Bài thứ hai là bài Phú thầy Phán được Nguyễn tường Tam sao lục đăng trên Nam phong ; vì Tú Mỡ giấu tên mình nên sau này có nhiều người lầm tưởng là của Tú Xương, nhưng xét kỹ nội dung có nhiều sự kiện mà thời đại Tú Xương không có.

Sau đây, ông tiếp tục đăng sáng tác phẩm trên Việt-nam thanh niên và Từ dân tạp chí.

Ngày tháng bình dị trôi, cho đến 1932, năm bắt đầu biến cố văn học. Vốn quen biết nhau từ lúc cùng làm tại Sở Tài-chính, Nguyễn tường Tam mới cùng Tú Mỡ và Nguyễn tường Long (tức Thạch-Lam, em của Nguyễn tường Tam) sáng lập tờ báo trào phúng Phong hóa. Mấy tháng sau mới có sự gia nhập của Khái-Hưng, và một năm sau nữa, của Thế-Lữ.

Nguyễn tường Tam phân công theo khả năng từng người. Đôi khi Tú Mỡ muốn chuyển sang viết loại khác hơn là làm thơ hài hước, thì Nguyễn tường Tam khuyên Tú Mỡ nên chuyên một lối ; và Tú Mỡ đã thành công trên địa hạt này. Có thể nói Nguyễn tường Tam là người đã tạo ra Tú Mỡ vậy.

Sự thành công của Tú Mỡ cũng nhờ ảnh hưởng những thi sĩ trào phúng Boileau, René Buzelin (làm thơ châm biếm cho báo Canard enchainé). Anh em thường gọi đùa Tú Mỡ là Buzelin Việt-nam, Buzelin là Tú Mỡ tây...

Những thơ trào phúng sau này anh biên thành hai tập :

1. Giòng nước ngược, tập I
2. Giòng nước ngược, tập II

Ngoài ra ông còn đặt thành văn vần những truyện cổ tích Việt-nam hoặc Tây-phương. Ông đã viết xong tập Công chúa Bạch Tuyết và bảy người lùn gồm hơn một nghìn câu thơ.

Phê bình về sự nghiệp văn chương của Tú Mỡ, ông Lê Thanh trong quyển Thân thế và văn chương Tú Mỡ (xuất bản năm 1942 tại Hà-nội) viết như sau :

« . . . Tú Mỡ . . . »

Nhưng cái cười của ông không phải là cái cứu cánh mà là cái phương tiện. Cái cứu cánh là : sửa chữa.

Như vậy, không nói gì về giá trị văn chương, riêng về công dụng của thơ ông, ông đã phân biệt một cách rõ rệt với những nhà thơ trào phúng Cao bá Quát, Yên-Đỗ, và phân biệt được về một vài phương diện với nhà thơ trào phúng Tú Xương rồi.

Bài thơ của Cao bá Quát, Yên-Đỗ tôi nhắc lại làm ra đề châm biếm, mục đích tạo lấy một cái cười trong chốc lát, bài thơ của Tú Xương ngâm lên đề thay một lời than cay đắng, bài thơ của Tú Mỡ làm ra đề cười, đề châm biếm và cuối cùng đề đem lại cho mọi người một cái gì.

Từ một mục đích vụn vặt tầm phào, một mục đích có tính cách cá nhân, đến một mục đích có tính cách triết lý và xã hội.

Cái giá trị văn chương và tư tưởng của sự nghiệp Tú Mỡ so sánh với sự nghiệp của tiền nhân là thế. Và cái địa vị của Tú Mỡ trong văn chương Việt-nam ngày nay, ta có thể nhận rõ được ở sự so sánh ấy vậy.

Sau này, chúng ta có viết bộ Văn-học-sử của ta, trong chương văn thơ khôi hài và trào phúng, nói đến Cao bá Quát, Yên-Đỗ, Tú Xương, ta sẽ không bỏ qua được Tú Mỡ.

Không những thế, ngay bây giờ trong cái Hội Tao-đàn Việt-nam, bên những bậc tiền bối, Tú Mỡ có thể chiếm được một chỗ ngồi mà không bẽn lẽn, và đó là một danh dự rất xứng đáng với cái văn nghiệp của ông. »

**K**HÔNG là tiếng ve sầu rả rích trong mùa hạ, cũng không là dòng suối róc rách triền miên nhà nhạc trên núi đồi, đây chỉ một nụ cười của thế nhân.

*Khóc than vô ích, can chi khóc,  
Cười ngất làm vui, cứ việc cười,  
Muốn cuộc sinh tồn hăng hái mạnh,  
Cười lên ha hả !! Cười đi thôi !!*

Nhà thơ Tú Mỡ thích cười, và cười rất lớn trước cái sống của con người. Cười không để chán đời, cũng không để yêu đời. Cười để mà sống.

Đặt nụ cười vào lẽ sống, vươn lên tất cả mọi thường tình của thế sự, nhà thơ Tú Mỡ đã có một nhân sinh quan dị biệt.

Gần với Tú Xương, Hồ xuân Hương, nhưng lại không là Tú Xương hay Hồ xuân Hương ; nụ cười Tú Mỡ là một « dòng nước ngược », xoáy tròn theo dòng luân lưu của thời gian, quỳn theo từng nhịp sống của nhân thế. Rồi từ đấy, nó dậy lên những gợn sóng, không phải lăn tăn như nước mặt hồ qua hơi gió thu phe phây, cũng không ồ ạt như mặt trùng dương trong cơn bão tố. Đây là gợn sóng của tâm tư qua cái nhìn của một con người trước xã hội con người.

Những gợn sóng ấy tạo thành cung bậc của âm thanh trầm bổng phồ vào lòng thế hệ.

Ai từng phủ nhận trong đời mình đã không một lần nở trên môi một nụ cười Tú Mỡ. Ai dám bảo cười là gây thiệt cảm với đời. Tú Mỡ hiến cho đời từng chuỗi cười ; có khi chứa đựng đủ mùi vị, càng nếm càng thấm thía, đôi lúc nó phô bày tro trên mặt thực càng nhìn càng chán ngán, ề chề.

Không khóc để khỏi nhục, không rên để khỏi hèn, không cảm để khỏi mang tiếng khờ dại, Tú Mỡ đã dùng nụ cười nói lên sự hiện hữu của mình trong một thế hệ.

Đề tựa tập thơ *Gìong nước ngược*, Khải-Hưng đã tặng Tú Mỡ một danh hiệu : « Nhà thơ bình dân ».

Khái-Hưng viết :

« Cũng như nhiều nền văn chương kim cò, văn chương nước ta có rõ rệt hai dòng : dòng bác học và dòng bình dân.

Dòng bác học, ta có thể ví với con sông, hai bên bờ có đê kiên cố đê làn nước không tự do tràn ra đồng bằng được, phải lặng lẽ theo dòng sông mà chảy thẳng ra biển. Chỗ nào ngòng ngoèo quá thì người ta đào lạch cho nước thông mau, chỗ nào nông quá thì người ta khơi sâu thêm cho nước dễ thoát.

Trái lại dòng bình dân chỉ ví như cái suối chảy trong vùng đồi núi hoang vu, quanh co, lượn khúc cạnh rừng lau mọi rợ, hai bên bờ rậm đầy cỏ sắc hoa dại, có khi thì thẳm róc rách trong khe, có khi ầm ầm đổ xuống thành ngàn thành thác, lại có khi gặp tảng đá lớn ngáng giữa dòng, hung tợn vọt ngược lên cao.

Đê và lạch, đối với con sông, cũng như đối với nền văn chương bác học, những luật lệ qui tắc nhất định mà các văn nhân đạo mạo tự bắt buộc phải theo ở nước ta, tuy không có những sách văn pháp như ở bên Thái-tây, song đời đời người ta cứ lễ lối cũ của Tàu mà bắt chước không hề làm suy suyền : văn sách, kinh nghĩa phải thế nào, thi phú, từ khúc phải thế nào, đặt câu bằng bằng trắc trắc ra sao; làm bài phú thừa luận kết ra sao, nhất nhất không dám mảy may thay đổi.

Văn chương bình dân thì chẳng mấy khi theo luật lệ, qui tắc. Khi nào miễn cưỡng theo, cũng hục hặc phá phách như con ngựa bất kham vì dùng văn thất niên, thất luật be bét, dùng chữ và tiếng nói sai nghĩa lung tung — Song, chính nhờ đó mà nền quốc văn đã có lâm chữ mới và lối văn mới, đặt rất bạo, thí dụ như thổ ngữ, những thi ca lục bát, song thất lục bát, tứ tự, càng là các lối về có văn ở giữa câu. »

(Tựa Giông nước ngược, tập I)

Đưa Tú Mỡ vào khuynh hướng thi ca bình dân, Khái-Hưng minh định hai tính chất văn chương bình dân và bác học. Hai tính chất ấy được Khái-Hưng hình dung bằng hai dòng nước, một dòng khép mình trong đê, lạch, một dòng tự do chảy như con suối hoang vu . . .

Thực ra, chẳng riêng đối với Khái-Hưng, giữa phong trào thơ mới đang lên ở thế hệ 1932-1945, nhiều nhà chuyên khảo cứu văn học cũng đã nói đến. Văn chương bình dân quả có một đặc tính mà văn chương bác học không thể nào có được.

Nếu ở lãnh vực văn chương bác học, các thi nhân nặng về điền tích; thường dùng những sáo ngữ, gói kín tình cảm trong ngôn từ hoa mỹ, thi ở lãnh vực bình dân, văn chương không bóng bầy, hào nhoáng, mỹ lệ, nó thật giản dị, mộc mạc, đôi khi trắng trợn, nhưng trung thành với tình cảm con người.

Khái-Hưng viết :

*« . . . Khi bọn bình dân gặp một sự gì trái ngược với tính tình và nguyện vọng của họ, họ liền mạnh bạo thốt ra những lời văn oán trách chẳng chút rụt rè che đậy bằng những ý tri mập mờ, bóng bầy, cao xa . . . »*

*Lỗi văn thành thực giản dị mà táo bạo và ngộ nghĩnh ấy không hề thấy có trong văn chương bác học, tuy văn chương bác học cũng nhiều khi nhiễm tư tưởng trào phúng — cái trào phúng nặng nề đầy điền tích và nhút nhát rụt rè đối với kẻ có quyền thế. »*

Với quan niệm trên, Khái-Hưng quả đã thấu đáo được tính chất bình dân.

Bình dân là lớp người không có địa vị xã hội. Cờ họ thấp, mồm họ bé, nhưng ý nghĩ và lời nói của họ lại thẳng thắn, không sợ sệt, rụt rè, không thiên vị, nịnh hót. Tình cảm của họ không là tình cảm của cơm áo; sự thương ghét của họ không phải để tranh đoạt quyền chức. Họ chỉ cần sống một cuộc sống bình thản; không lợi dụng ai mà chẳng muốn ai lợi dụng mình. Do đó, tiếng nói của họ rất trung thực với lòng họ, không cần ai khen chê, cũng chẳng cần ai đề ý.

Họ là kẻ bị nặng áp lực nhất, nhưng cũng là kẻ có tinh thần bất khuất nhất. Trời đất, thánh thần, vua chúa đối với họ chỉ là biểu tượng khôì hài. Nhan nhân trong văn chương



binh dân, chúng ta thấy không một uy quyền nào có thể làm cho họ kính nể. Thần hoặc có bị đe dọa, giày xéo, họ chỉ oặt oại uốn khúc rồi cũng bật lên những phản ứng mĩa mai trào lộng. Dưới đây là điển hình ngọn đòn quật khởi của thứ văn chương bất khuất ấy :

*« Có quan hùng dũng Nguyễn công Nhân,  
Hùng dũng nhưng mà lại nhất gan.  
Giặc tới Bến-tranh run lập cập,  
Tàu vô Cửa Tiều chạy bỏ càng.  
Mưu thần chước qui ngang sông chắn ;  
Kể dư sao toan đóng cũi hàng. . . »*

( Học Lạc )

Chúng ta đặt Tú Mỡ vào thi giới bình dân cũng chỉ vì Tú Mỡ đã sống với tâm trạng của con người bình dân.

Trước đây, Lê-Thanh trong tập phê bình Tú Mỡ, đã chia thi tính của Tú Mỡ làm hai phần : khôi hài và trào phúng.

Lê-Thanh viết :

*« Tú Mỡ là một nhà thơ khôi hài và trào phúng.*

*Trước khi nghiên cứu và bình luận thơ của ông, tôi hãy thử định nghĩa thế nào là thơ khôi hài, thế nào là thơ trào phúng.*

*Từ trước đến giờ ít nhất trong văn chương ta, người ta không phân biệt hai thể thơ khôi hài và trào phúng, vì đặc sắc của thể thơ này thường lẫn vào thể khác.*

*Đặc sắc của thể thơ khôi hài là cái vui, một cái vui phần nhiều thẳng thắn, không phạm sâu đến đối tượng của cái cười.*

*Cái vui có khi hồn nhiên, không biết đến từ chỗ nào và từ lúc nào . . .*

*. . . Nhà thơ khôi hài tìm tài liệu ở cái ngu xuẩn, cái vô ý thức, cái ngông của người đời. Nhà thơ trào phúng tìm tài liệu ngoài những nguồn trên, còn ở những thói xấu, những cái róm của người.*

*Nhà thơ khôi hài cười đề mà cười, nhà thơ trào phúng cười đề mà sửa chữa. Vì cái mục đích sau này khó đạt hơn, những phương tiện nhà thơ dùng phải chặt chẽ hơn.*

*Lời lẽ khi chua cay, khi mai mỉa. Một chữ dùng không phải là một cỗ xe chờ chắt cưỡi mà còn là cái bao gói chất độc. . . ném vào đích để phá hoại. . . »*

Quan niệm trên đây của Lê Thanh không phải không đúng. Mỗi thi nhân có một nhân sinh quan. Sự khác biệt về quan điểm đưa thi nhân đến nhiều khuynh hướng. Cái cười không phải ai ai cũng giống nhau. Có cái cười để giải trí, cái cười để châm biếm, cái cười để tự đại tự cao, thì cũng có cái cười dùng để răn đời. Mà cái cười để răn đời mới chính là cái cười đáng nói, vì nó là cái cười tha thứ, cái cười cõi mờ, cái cười hướng thượng ; nó cũng chứa đựng nhiều màu sắc xã hội, và xã hội rất cần đến nó qua tình cảm của con người.

Một áng mây chiều lơ lửng trên trời xanh với ánh nắng vàng nhạt, ta cảm khái thấy lòng lảng lảng trước cảnh vật. Nhưng khi chúng ta vì một cảnh huống xã hội đầy ta đến một mối u buồn thì ráng mây chiều không còn gọi cho lòng ta thích thú nữa. Một nụ cười có ý nghĩa; hợp tình hợp cảnh cũng đủ khả năng giải tỏa cho voi đi những hẳn học, bút rứt.

Vậy ai dám bảo văn chương hài hước, trào phúng thiếu giá trị nghệ thuật và nhân sinh ? Giá trị nghệ thuật của nó là biết dùng những trực từ nhằm vào đối tượng để phô diễn uẩn khúc của lòng mình ; giá trị nhân sinh là biết dùng một hình thức nhẹ nhàng để làm thoải mái con người lúc bị trò đời đen bạc, lúc bị chà đạp lên quyền sống con người, lúc tâm sự đầy voi không người giải tỏ.

Sống trong thế hệ 1932 — 1945, Tú Mỡ là một trong những chiến sĩ tiên phong của nhóm *Tự lực văn đoàn*, chủ trương tờ *Phong hóa*, đánh đổ nề nếp nho phong, giải phóng những tư tưởng bị gò bó bởi tập tục cò truyền. Tuy nhiên, Tú Mỡ lại không là Thế-Lữ. . . hay những nhà thơ khác quyện theo cơn trốt ái tình lãng mạn. Đó không phải không có lý do. Trong lúc ngọn trào lãng mạn Tây-Âu bủa mạnh

vào ven bờ Đông-Á, mọi khuynh hướng bắt buộc phải đòi chiều, thì Tú Mỡ, một nhà tân học, lẽ ra phải cùng với nhịp bước trào lưu, thế mà Tú Mỡ lại đi vào con đường rẽ đi biệt : ngã rẽ bình dân.

Con đường dân tộc đã hân hoan đón nhận bước chân một nhà thơ của thế hệ, cái thế hệ hoàn toàn bị ảnh hưởng ngoại lai, vậy mà Tú Mỡ đã không hề mất bản sắc dân tộc.

Khi đặt tâm hồn trước dân tộc, đem văn chương phụng sự cho lớp người bình dân, Tú Mỡ đã nói lên tiếng nói mà chúng ta ít được nghe trong giới trí thức đương thời ; tuy nhiên, giá trị tiếng nói ấy hẳn không là mong manh.

Đề hiệu Tú Mỡ, ta thấy con người của thi nhân không quá thiên lệch. Một mặt ông bài bác lối sống cô lỗ không hợp thời, một mặt lại chăm biếm những ai đua đòi theo ánh sáng lạ, làm mất dân tộc tính.

Phần trào phúng của Tú Mỡ chúng ta có chia làm ba loại chính : một loại chăm biếm quan chức, một loại đả phá hủ tục và chăm biếm tình đời, một loại tranh thủ tư tưởng với bạn bè.

Vậy, chúng ta hãy lợi « giòng nước ngược » thử phân tích ba tính chất ấy trong thơ Tú Mỡ.

### 1. Loại chăm biếm quan chức.

Bắt nguồn từ tư tưởng cấp tiến, nhưng gần gũi với lớp người bình dân, Tú Mỡ đã dùng thơ trào phúng xía xói vào thế giới quyền chức đương thời, từ các quan thượng thư đến các ông nghị, ông tham, ông phán. . .

*Nước Nam có hai người tài ;  
Thứ nhất sừ Vĩnh, thứ hai sừ Quỳnh,  
Một sừ béo múp rung rinh,  
Một sừ lều đều như hình cò hương ;  
Không vốn liếng, chẳng ruộng nương,  
Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu,  
Bây giờ đang xía xói nhau.  
Người câu lập-hiến, kẻ câu trực-quyền ;  
— « Thừa các ngài thực vi tiên,  
Muốn xem chiến đấu, quăng tiền vào đây !*

( Nam hải dị nhân )

( Phong dao mới )

Nếu chúng ta thường nghe trong thôn xóm có những câu ca dao, câu vè của dân chúng chằm biếm thầy hương, thầy lý phát xuất tự lòng người bình dân, thì tinh chất trào phúng ở đây của thơ Tú Mỡ cũng nằm trong trạng thái ấy.

Là người dân, không bao giờ họ ganh tị ; vì ganh tị để làm gì khi mình chỉ là người dân. Tuy nhiên, không vì thế mà người dân chối bỏ cuộc sống của mình. Cuộc sống của họ gói gắm vào tâm tư trầm lặng, và hiện diện trong xã hội bằng những lời phê phán mộc mạc, rất giản dị và cũng rất mỉa mai.

Cũng trong bài tựa *Giòng nước ngược*, Khái-Hưng viết :

*« . . . Muốn biết tập quán, phong tục trong dân về thời nào, không gì bằng đọc văn bình dân, nghĩa là những ca dao tục ngữ của thời ấy. Đó là những cái gương phản chiếu tinh tinh và nguyện vọng của cả một thời đại. Hát một câu ca dao hay, ta biết cỡ nhân vui hay buồn, sung sướng hay khổ sở. Ta ngầm ngùi rằng tác giả không để tên tuổi lại hậu thế. Song đó cũng là một tinh cách bình dân ; sống không ai biết đến, có danh vọng cũng không cần ai hay. Những áng văn về danh kia đời đời ta truyền khẩu cho nhau, không bao giờ ta để mai một đi, như thế cũng đủ làm hài lòng bọn bình dân rồi, vì họ đã lưu được cái linh hồn chân thật của cả một nòi giống. »*

Quan niệm trên, Khái-Hưng muốn nói văn chương bình dân không có cái « ta ». Văn chương bình dân là linh hồn của dân tộc, là của chung của mọi người.

Ca tụng văn chương bình dân, chúng ta không phải ca tụng một cá nhân, một thiên tài, mà ca tụng cái tinh chất bất khuất, cái tâm hồn hòa hợp với trạng huống tâm tư chung của từng thế hệ. Vậy nhà thơ bình dân khi sáng tác không phải riêng cho mình. Tâm hồn của họ là tâm hồn của thế hệ, tư tưởng của họ là phản ảnh của nếp sống đương thời.

Chúng ta không thể xem sự chằm biếm của Tú Mỡ đối với Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh là tinh cách cá nhân, mà chính là sự phê phán của toàn thể lớp người bình dân

đang sống trong thời ấy. Thật vậy, đầu riêng về hai chính trị gia Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh, Tú Mỡ còn nói đến những ông nghị :

### Nhấn nhủ ông nghị

Áo sa, khăn nhiễu, giày ban,  
 Kính trắng gọng vàng, tay cặp cặp da,  
 Ấy là ông nghị vùng ta,  
 Súng sa súng sính đi ra hội đồng.  
 Mấy lời nhấn nhủ cùng ông  
 Có ra hội đồng thì miệng phải to.  
 Xin đừng khúm núm co ro,  
 Nói không ra tiếng họ cho rằng dãn.  
 Cũng đừng ngần mặt tẽn ngần,  
 Ngồi nghe diễn thuyết ngủ dãn thiu thiu.

( Phong dao mới )

Coi xã hội loài người như một tấn tuồng trên sân khấu, Tú Mỡ vốn là thông phán Sở Tài-chính, nhưng vẫn thấy cái hư hèn trong giới mình, và không tiếc lời đùa cợt :

Sở có một thầy ;  
 Mặt mũi khô ngô,  
 Hình dung chững chạc,  
 Quần là ống sớ, áo vận khuy vàng,  
 Khăn lượt vành dây, ô che cán bạc.  
 Bảnh bao lắm một, trời nắng mưa : giày nọ giày kia ;  
 Lịch sự đủ vành, mùa rét, nực : mũ này, mũ khác ;  
 Ra phết quan thông quan phán, đưa ngón phong lưu,  
 Dập dìu tài tử giai nhân, diêm màu dài các  
 Trong dóm ngoài duốc, trông ra màu mỡ riêu cua.  
 Tiếng cả nhà thanh, xét kẻ thân hình pháo xác.  
 Cuối tháng ba mươi, ba một, giấy bạc rung rinh,  
 Qua ngày mười một, mười hai, ví tiền rỗng toác. . .

( Bài phú thầy Phán, Giòng nước ngược I )

Đối với Tú Mỡ, những cái lèo loẹt ở bên ngoài, cái bộ cánh hào nhoáng không tạo nên giá trị con người, mà chính nó sẽ gây khổ tâm cho những ai lên mặt phong lưu.

Con người bình dân thích giản dị, thực tế, nên đời sống của họ không bị đời dập trong sóng gió vật chất.

Với quan niệm ấy, Tú Mỡ đã đem so sánh giá trị của một quan Hàn với một ông « hàn » nời :

Ông thì hàn. . ., ông thì Hàn. . .  
 Kém chi ai, anh cũng tiếng ông thì Hàn,  
 Tuy rằng anh không chức trọng quan sang trên đời,  
 Nói phăng ngay, anh có sợ ai cười,  
 Anh chỉ hàn mồm, hàn chảo, hàn nời, hàn xanh ;  
 . . . . .  
 Ké ít người nhiều, anh thâu chút vi thành,  
 Rồi ai muốn tốt muốn lành, anh cũng hàn cho.  
 Mỡ túi càn khôn, anh lấy cái hồng lô,  
 Ra tay anh hàn gắn khắp cho mọi người,  
 Anh thóa cái lương tâm giúp ích cho đời,  
 Được niêu canh dẻo, được nời canh ngon.  
 Anh nghĩ cái hàn anh mới thực đáng tôn.  
 Bởi chung nó là hàn thực, chính môn gia truyền,  
 Còn hơn ai, hàn hảo hàn huyền,  
 Ra luồn vào cúi, mất tiền mua danh.

Ới chị em ơi, chớ coi rẻ ông Hàn nời. . .

( Ông Hàn, hát xẩm — G. N. N I )

Khi đã bới móc những xấu xa trong giới quan trường, Tú Mỡ cũng không dề yên những xấu xa trong dân chúng.

## 2. Loại đả phá hủ tục, châm biếm tình đời.

Trạng thái xã hội lúc bấy giờ là đeo đòi ánh sáng văn minh, nhưng cũng nhân đấy đưa con người đến tư tưởng lãng mạn trụy lạc. Tú Mỡ không phản đối sự tiến bộ, mà chỉ kích bác những sa đọa, hư hỏng. Bởi vậy cùng một lúc Tú Mỡ đả phá hủ tục và trào lộng luôn cả những lối lãng, hư hèn.

Về phần đá phá hủ tục, Tú Mỡ nói đến lớp người mê tín trong bài. . .

### Kiệu boy

*Đám rước làng ta đã tới dền,  
Vía bà động cựa, tốc bay lên.  
Các cô chân kiệu siêu lơ chạy.  
Mấy cụ đồng quan lẻo đẻo rên.  
Pháo nổ, nhang bay mù đảo địa,  
Con công, cái bán lễ huyền thiên.  
Thánh bà mới biết linh thiêng thật,  
Gặp cái ô-tô. . . kiệu đứng liền !*

(Giọng nước ngược !)

Thật mỉa mai ! Thánh thần cũng sợ chết, sợ xe đụng ! Tú Mỡ muốn vạch trần khối óc hủ bại, lạc hậu của kẻ mê tín và lột mặt những kẻ giả danh thần thánh lừa gạt dân lành.

Và trong bài *Tú Mỡ với quan Ôn* :

*Xuân đã sang hè, trời nắng rát,  
Trong xóm, thấy mấy ông « kỳ nát »  
Lục tục kéo nhau đi quỳn tiền,  
Đề mà sắm sửa lễ « kỳ yên »,  
Dứt lớt quan Ôn khởi tác ác.*

. . . . .  
*Nào cờ, nào biển, nào thuyền rồng,  
Vấn minh thêm khâu súng thần công !  
Voi ngựa rống lòng, thuyền thủng đá,  
Thần công tắc tị, bánh không chạy.  
Các ông man trá cả quỷ thần.  
Phúc chả thấy đâu, tội vào thân ! . . .*

Đi sâu hơn, với ý tưởng đá phá cở tục, Tú Mỡ nhắm thẳng vào vị học giả tên tuổi Nguyễn văn Tố. « Ông Nguyễn văn Tố tuy là một nhà Tây học uyên thâm, nhưng tính lại nệ cở, giữ riết cái búi tóc, cho như quốc túy quốc hồn. Báo *Phong hóa* muốn triệt hạ cái búi tóc của ông nên thường nói đến cái « Tồ cháy » rờng rã mấy tháng. Về sau ông Tố phải chuyền lòng, cắt búi tóc vậy. »

Đây ta hãy nghe giọng điệu của Tú Mỡ trong bài :

## Ông Nguyễn văn Tố té búi tóc

Ngày mùng 6 tháng 11 năm Bảo - Đại thứ 7... khổ chủ  
Nguyễn văn Tố quỳ trước di hài búi tóc khóc mà than rằng :

Than ôi !  
Ta với người ;  
Nghĩa nặng thiêng liêng !  
Tình thân mật thiết !  
Đội đức mẹ cha,  
Cùng chung khí huyết.

Kề từ thuở oe oe tiếng khóc, đã cùng nhau duyên  
nợ vãn vương ; trải bao năm thắm thoảng cuộc đời, vẫn  
một mực tóc tơ khẳng khít.

Bé con cái chòm, đỉnh sọ phất phơ ;  
Lớn lên túp bờm, sau lưng rời rít.

Nào sữa, nào nuôi, nào chải, nào chuốt, nào ve, nào  
vuốt, công trình kẻ biết mấy mươi !

Khi vò, khi gội, khi rội, khi xoa, khi bới, khi xòa,  
chăm chút thôi đã khôn xiết !

Thánh nhân đã dạy, của mẹ cha nào dám hủy thương ;  
Thời thế đổi thay, hồn quốc túy vẫn toan giữ riết.

Cũng tưởng ;

Rung chằng rời, lay chằng chuyền, được cùng nhau  
bền chặt trăm năm ;

Sống thời dề, chết mang đi, ở với bạn vẹn tròn  
một kiếp.

Nào hay đâu ;  
Gặp buổi nhớ nhăng,  
Bị phùng quý quyết,

Lời ong, tiếng én, cứ nhè ta khúc khích bông cười ;  
Nét bút, câu văn, thù chi bạn hăm hề muốn triệt.

Bỏ thì thương, vương thì tội, nhưn như chi ta lưỡng  
nhưng bùì ngùi ;



Riêu càng tệ, chế càng già, dai tựa đĩa họ càng thêm ray riết.

Âu cũng là số phận xui nên,  
 Cục chẳng đã lòng ta phải quyết. . .  
 Bốn mươi năm, duyên nợ dở dang,  
 Ba nhất kéo, ta người vĩnh biệt !  
 Dứt lòng tơ, người hân oán, hân hờn,  
 Rơi hạt lệ, ta những thương những tiếc.

Ôi thôi !

Đừng oán hận, tiếc chi đời tở chảy bị nam nhi hất  
 hủi rầy ruộng.

Hãy hoan hùỵ hóa làm kiếp đuôi gà, dề phụ nữ nâng  
 niu quẩn quýt !

Ô hô !

Thương thay !

Rõ ràng Tú Mỡ có một ý thức canh tân mạnh mẽ.

Nhưng canh tân không có nghĩa là vươn mình đến sa  
 đọa, hư hèn. Tú Mỡ đã dùng ngòi bút trào phúng mỉa mai  
 các cô thiếu nữ tân thời :

### Vợ chồng đời nay

Bây giờ thời buổi văn minh  
 Phu phụ chí tình có vẻ khác xưa.  
 Mợ tham mợ đốc nhờn nhờn,  
 Lấy chồng ngồi rồi, ăn nhờ chiếc lương.  
 Suốt ngày son phấn điểm trang,  
 Tiêu khiển đêm trường : nhà hát, tở tở.  
 Con thời sẵn vú nuôi ôm,  
 Nước, cơm sẵn bếp tận mồm bưng lên.  
 Phong lưu chồng vợ là tiên,  
 Hễ cậu kém tiền, giờ luật coi duyên  
 Tung hô « nam nữ bình quyền » !

Thế lực kim tiền gieo rắc vào tinh thần con người  
 những bại hoại. Đến nỗi tình duyên cũng không còn phát  
 xuất ở tình yêu thuần túy nữa :

Em là con gái nhà quê,  
 Người làng dạm hỏi, em chê ngu dần.  
 Một em giỗi, hai em giãn,  
 Thầy bu khuyên dỗ, em rằng em không. . .  
 Lấy chồng cho đáng tấm chồng,  
 Em chỉ bằng lòng lấy cậu phán thôi.

( Lấy chồng ông phán — G. N. N. I )

Thật ra cái lòe loẹt bên ngoài, cái phong lưu vay mượn không phải không có tác dụng đối với bản năng dục vọng con người. Tuy nhiên công dụng của những lớp vỏ bao giờ cũng tạm bợ, cho nên thực tế đánh đổ mộng đời của nàng :

Từ ngày em lấy cậu thông,  
 Tưởng rằng sang trọng nên ông nên bà.  
 Không ngờ người chớ phần hoa,  
 Mẽ ngoài bóng bầy, cửa nhà rỗng không !  
 Bởi chồng chơi đại chơi nông,  
 Kiếm được một đồng lại muốn tiêu hai.  
 Mình em giặt gấu vá vai,  
 Mà xem cậu nó ra người vô tư.  
 Giận thế, lấy phải chồng hư. . .

( Lấy chồng ông phán — G. N. N. I )

Tuy nhiên, con người chỉ đau khổ khi đã nếm mùi thất bại, và chỉ thấy chua cay khi chính mình là người đương cuộc.

Tục ngữ có câu :

« Con cá trong lò đồ ngoe con mắt,  
 Con cá ngoài lò ngúc ngoắc muốn vô. »

Cuộc sống hào hoa, tuy bên trong không có gì tươi đẹp, nhưng đứng ngoài nhìn vào người ta vẫn ước ao, mong muốn. Và Tú Mỡ lại có dịp châm biếm :

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,  
 Nhớ cô quần trắng, áo điều khăn san.  
 Năm giờ, buổi giãy chưa tan,  
 Bóng hồng tha thướt bên hàng cây xanh.  
 Gió chiều bệ cánh phong phanh,

*Lạng thang vợ vẫn cô mình đợi ai ?  
Thưa rằng : « Đã mấy ngày giờ  
Em chờ cậu phán là người tình nhân  
Bây giờ kinh tế khó khăn.*

. . . . . »

Tình đời đuổi theo cơm áo ! Cơm áo chi phối cuộc sống con người. Cuộc sống lại tạo ra những thần tượng hôn nhân giả dối. Chức vị, danh vọng của ông tham, cậu phán đã làm giới quần thoa điếu đứng : ngược lại cũng có những ngọn đôn trả ngọn mục, giới quần thoa cũng lợi dụng tiền bạc cớp nhóp để xỏ mũi cậu phán ông tham :

*Mẹ tây kia trở về già  
Vợ anh phán kiết la cà kết duyên.  
Anh thời say chị lắm tiền,  
Chị mê anh trẻ, có duyên mận mà.  
Trúc mai sum họp một nhà,  
Rõ ràng trúc một, mai già sánh đôi.*

( *Duyên con vò* — G. N. N. 1 )

Nhưng rồi những gì vờ vĩnh, ngụy tạo cũng có lúc phơi bày bề trái sống sượng. Nợ đời có vay có trả. Những ai khéo lợi dụng tình đời, dùng tường tình đời cứ mãi là dụng cụ sai khiến trung thành của mình :

*Chị thời võ đức lang quân,  
Sớm cho xe ngựa áo quần bánh bao.  
Ngờ đâu anh thẳng bộ vào  
Anh đi sớm mận tối đào lung thiên.*

Tiền bạc lung lạc được ái tình, nhưng không mua chuộc được ái tình. Tú Mỡ đã moi móc bộ mặt của ái tình qua sức mạnh của tiền bạc trong bài. . .

### Phụ bạc

*Nhớ xưa còn thuở hàn vi,  
Chàng thời đi học thiếp đi chạy hàng.  
Sớm hôm đầu đội vai mang,  
Yên phận hàn hàn, kiếm gạo nuôi nhau.*

Lăn hồi bữa cháo bữa rau,  
 Chàng lo học tập mai sau thành tài.  
 Công danh tiến bước kịp người,  
 Mỡ mặt với đời thiếp cũng hiền vinh.  
 Bây giờ chàng đã nên danh,  
 Chê thiếp vụng dại, nỡ đành phụ công.  
 Khi nghèo còn vợ còn chồng,  
 Đến khi phú quý, chẳng đông vợ đôi.

( Giòng nước ngược 1 )

Thật trớ trêu ! « Giàu đời bạn, sang đời vợ ». Tư tưởng con người từ hàn vi đến phú quý trải qua nhiều uẩn khúc, cũng như lòng người không có đáy để thăm dò. Nó dễ bị méo mó, chênh vẹo vì cái phong lưu nguy tạo của cuộc sống. Cái phong lưu giả tạo ấy chính là một kích thích tố vụn vãng. Khi đắc thời thì ngất ngưỡng say sưa trong hương vị ngọt ngào, ca tụng cuộc sống hiện hữu là hoa là mộng ; lúc thất thế thì chửi rủa, mặt sát những xấu xa, như bản của tình đời, muốn ném quách cái thế giới thúï tha :

### Hỏi khách chán đời

Nghe nói anh xưa tính chán đời,  
 Bồng-lai suýt nữa định qua chơi.  
 Bây giờ mỗi tháng lương trăm bạc,  
 Ước hỏi anh còn chán nữa thôi.

( Giòng nước ngược 1 )

Cuộc đời đã sống trên vật chất thì tiền bạc là yếu tố cần thiết cho lẽ sống. Người ta than nghèo, người ta sợ cái nghèo, người ta khinh cái nghèo cũng chỉ vì cuộc sống vật chất mà ra :

### Nghèo

Vạn tội chẳng bằng nghèo,  
 Không tiền cực đủ điều ;  
 Họ hàng nào kẻ đỏi,  
 Bạn bè cóc ai theo.  
 Trò chuyện nghe buồn rứt ;  
 Tình duyên cũng nhạt phèo.  
 Xưa nay thẳng áo rách,  
 Đến chó cũng không yêu.

(Giòng nước ngược 1)

Tuy nhiên, màu sắc xã hội không chỉ rờng những lớp sơn phết bên ngoài. Cái sân khấu đời ấy đôi khi cũng lóe lên một vài ánh sáng lạ. Nó là sự chân thành của con người chưa bị thời gian làm phôi pha, chưa bị vật chất xa hoa mê hoặc, chưa bị thế giới bên ngoài tác động. Trong lúc chán chê mọi đen bạc của tình đời, Tú Mỡ cũng nhận thấy được những nét tồn tại trong con người hồn nhiên sau lũy tre xanh, khuất dưới cơn dông bão của lòng nhân thế :

*Hỡi anh mặc áo rách vai,  
Thương anh gió trúc mưa mai lạnh lòng*

. . . . .

*Em là con gái thôn quê,  
Ưa khăn mỏ quạ, chẳng hề quần « san ».  
Người em mộc mạc, xềnh xoàng,  
Áo mùi chẳng xứng đồ hàng « bông bay ».*

. . . . .

*Nhà tranh với tấm lòng vàng,  
Lòng quê em chỉ mơ màng thế thôi.*

(Một tấm lòng vàng G. N. N. I)

Ngoài việc đem ngòi bút trào phúng mổ xẻ tình đời, gần gũi với Tú Xương, Tú Mỡ còn chịu ảnh hưởng một số nhà văn Pháp, thích làm thơ ngũ ngôn, nhân cách hóa một vài con vật để soi mói. Trong loại này có những bài như Gà chọi, Ba kiếp con bú dũ.

### 3. Loại tranh thủ tư tưởng với bạn bè.

Loại này Tú Mỡ đứng trên lập trường báo Phong hóa đề tranh thủ với đồng nghiệp. Thực ra chỉ là lối thơ khôi hài, diễu cợt, không có tính chất độc đáo cá nhân. Chúng ta có thể kể những bài châm biếm Tản-Đà :

*Trên chợ trời có anh bán Hũ,  
Hàng bày ra có đủ các khò khuôn ;  
Cái phình phình, cái lại thôn thôn,  
Cái nhớn, cái nhỏ, cái con thôi đủ cả.*

. . . . .

(Anh bán hũ)

Tú Mỡ còn chia mũi dùi châm chọc vào những Tú Tiến (ông Đông-Châu Nguyễn hữu Tiến), Tú Mục (ông Nguyễn đồ Mục) Tú Sơn (biệt hiệu của ông Phan Khôi) v. v. . .

Dù hải hước, chỉ đề chọc cười, nhưng Tú Mỡ cũng đã vận dụng công phu khá nhiều trong lối xếp đặt, trình bày, khiến người đọc không thể khinh thường nghệ thuật. Bài « Văn tế Phong hóa tuần báo viếng An-nam tạp chí » Tú Mỡ đã làm xôn xao một số lớn độc giả thời ấy.

Một tờ báo chết là một cái tang buồn cho làng báo, Tú Mỡ đã dùng cái chết của tờ báo đồng nghiệp chọc giận cả làng, nhất là Tản-Đà :

*Ngày 12 tháng năm dư năm Quý-dậu :*

*Ngu hữu « Phong hóa tuần báo » đứng trước linh vị  
« An-nam tạp chí »*

*Hậm hực mà than rằng :*

*Đình non Tản mây đen mù mịt, quần bằng tang lộng  
lẽ âu sầu,*

*Giải sông Đà nước xám lờ đờ, cuộn dòng lệ rền rì  
buồn bã.*

*Than như không mà khóc cũng như không,*

*Im cũng dờ mà nói ra cũng dờ.*

*Nhớ bạn xưa :*

*Giấy trắng mực đen,*

*Nhà không tiếng cả,*

*Dựng tiêu nghiệp văn chương đất Bắc, kẻ sinh nhai  
khen đã cố công thay !*

*Lấy đại danh tạp-chí nước Nam ; tuyên chủ nghĩa  
thực đà to chuyện quá.*

. . . . .

Tú Mỡ tuy nhiễm Tây học, song lối làm văn tế và phú đặc hình như sở trường, nên bài nào cũng độc đáo. Chẳng những rành rẽ về đối đáp, chỉnh đốn niêm luật mà còn vận dụng được những ý tứ ngộ nghĩnh nữa. Như những câu :

*Nhồi độc giả năm pho kinh cở, nhai lại chi, hồ, giả,  
dã, rõ cơ quan tiến thủ giật lùi.*

*Ru quốc dân một mớ thơ sầu, mơ màng tiên cuội,  
trời, trăng, khiến niên thiếu liên miên bả lá.*

*Ố kim, nệ cở, đã từng phen năm đuôi ngựa  
Phan Khôi,*

*Chết cợt, chê cười, còn nhớ trận vượt râu hàm  
Phong Hóa.*

*Dằng dai như đĩa dối, chết đi sống lại bao lần,  
Xiêu bạt tựa vệt trời, nay đó mai đây mấy thửa,*

*Về vang thay ra nghìn rười số in  
Hân hạnh lắm được một trăm độc giả.*

(Giòng nước ngược I)



« Giòng nước ngược » của Tú Mỡ còn dài, chúng ta lợi nữa vẫn chưa đến nguồn. Tuy nhiên, đến đây chúng ta cũng đã thấy được những nét chính yếu của nguồn thơ bình dân ấy.

Đề kết luận, chúng ta phải thừa nhận ở Tú Mỡ một thực tài, con người đã tự vạch cho mình một đường hướng về thi ca bình dân mà các thi nhân đương thời không ai đề ý đến.

Tú Mỡ không thể đem so sánh với Tú Xương, nhưng Tú Mỡ vẫn là một ngôi sao lạ, một ánh sao chói sáng ở một góc trời mà lịch sử văn học hiện đại không thể không nói đến.



## Thi tuyên

### Tự thuật

( thất ngôn thập bát cú )

Ở sở « phi năng » có một thầy,  
 Người cao dong dỏng lại gầy gầy.  
 Mặc thường xoàng xĩnh, ưa lành sạch,  
 Ăn chi thều thào, thích tịnh chay.  
 Tom chất quanh năm vài bốn bận,  
 Sạy sưa mỗi tháng một đôi ngày.  
 Tính vui trò chuyện cười như phá,  
 Lòng thẳng cảm hờn nói toạc ngay.  
 Liêm sỉ vào tay hơi khá khá,  
 Ở ăn thì nết cũng hay hay !  
 Yêu người chân thật, người hào hiệp,  
 Ghét kẻ chui luồn, kẻ quất quay,  
 Vỡ vế hay làm văn Quốc-ngữ,  
 Xi xở ít nói tiếng Âu-tây.  
 Bạ mà bàn đến thi cùng cử,  
 Thời vội van luôn : Tớ lạ mà ! . . .  
 Bời tánh ngang phè như nhánh búa,  
 Già đời chẳng được cái mẽ đay.

( Phong Hóa tuần báo, số 14, ngày 22-9-1932,  
 sau đăng trong « Giòng nước ngược », tập I )



### Chương trình của Tú Mỡ

Tớ nghĩ nát óc mấy hôm ròng rã,  
 Được bản chương trình cũng khá hay hay.  
 Nếu may ra, tớ trúng cử phen này,  
 Xin cả quyết dúng tay làm việc.  
 — Tớ sẽ yêu cầu lấp quách cái Hồ Gươm xanh biếc  
 Nước đục ngẫu đã trái phép vệ sinh.



Lại làm mờ cho biết bao nữ tú, nam thanh  
 Dem kết liễu cái đời tình cay đắng. . .  
 Cái hồ ỷ, khi đã thành đất phẳng,  
 Tớ sẽ xin dựng một trường « Cao-Đẳng Đẳng-Xinh ».  
 Rước những ông du học tài tình,  
 Dạy những món văn minh nghệ thuật.  
 Cho dân ta biết thế nào là « sa-lếch-tôn », là  
 « van-sờ », là « tăng-gô », là « phốc-tuốt » (1)  
 Học lấy nghề nhảy nhót cho ngoan.  
 Rún rày cho ăn nhíp cung đàn  
 Ấy là triệu chứng dân an, quốc thái. . .  
 Đã hay vậy, cái chương trình vĩ đại.

Nhưng, muốn thi hành tất phải có nhiều xu.  
 Kinh tế này các bạn hẳn lo,  
 Nó sẽ bị xé, vò, quăng sọt giấy.  
 Thừa rằng : tớ đã nghĩ, rồi đâu có đấy,  
 Có lo gì cái vật ỷ mà lo.  
 Muốn xây cho công quỹ món tiền to.  
 Tớ sẽ xin nhà nước đặt cho thuế mới.  
 Bỏ cho các đàn bà, con gái  
 Đóng công sur hai đồng rưỡi đồng niên,  
 Chị em hô « nam nữ bình quyền »  
 Ất hẳn được phi nguyện ao ước !  
 Thật là bản chương trình lợi dân, ích nước,  
 Tớ sẽ thi hành kỳ được mới nghe.  
 Đơn thỉnh cầu, tớ sẽ đặt thành vè,  
 Cho ai nấy dễ nghe và dễ nhớ.  
 Hỡi các cử tri ! Nên bầu cho tớ,  
 Ổn tác thành, Tú-Mỡ dám đầu quên.  
 Nếu phen này trúng cử nghị viên,  
 Hứa : Sẽ thắt anh em châu. . . phở. . .

(Giọng nước ngược, tập 1)



(1) Sa-lếch-tôn (charleston), van-sờ (valse), tăng-gô (tango), phốc-tuốt (fox-trot) là mấy điệu nhảy đầm.

### « Phở » đức tụng

Trong các món ăn « quân tử vị »,  
 Phở là quà đáng quý trên đời.  
 Một vài xu, nào đắt dờ mấy mươi,  
 Mà đủ vị : ngọt, bùi, thơm, béo, bở.  
 Này bánh cuốn, này thịt bò, này nước dùng sao  
 nhánh mỡ.

Ngon rau thơm, hành củ thái trên,  
 Nước mắm, hồ tiêu cùng giấm, ớt diêm thêm,  
 Khói nghi ngút đưa lên thơm điếc mũi. . .  
 Như xúc động tới ruột gan bàn phôi. . .  
 Như giục khơi cái đói của con tì.  
 Dầu sơn hà, hải vị khôn bì,  
 Xơi một bát, thường khi chưa thích miệng.

Kẻ phú quý cho chí người bần tiện,  
 Hỏi ai là đã ném chẳng ưa.  
 Thầy thông, thầy phán đi sớm về trưa,  
 Diêm tâm phở, ngon σ và chắt dạ.  
 Cánh thuyền thợ, làm ăn vất vả,  
 Phở xơi no cũng đỡ nhọc nhằn.  
 Khách làng thơ, đêm thức viết văn,  
 Được bát phở cũng đỡ bần khoản óc bí. . .  
 Bọn đào kép, con nhà ca kỹ,  
 Lấy phở làm đầu vị giải lao.  
 Chúng chị em sớm muộn, tối đào,  
 Nhờ có phở cũng đỡ hao nhan sắc.  
 Phở là đại bở, tốt bằng mười thuốc Bắc,  
 Quế, phụ, sâm, nhưng chưa chắc đã hơn gì. . .  
 Phở bở âm, dương, phở, thận, can, tì,  
 Bở cả ngũ tạng, tứ chi, bát mạch. . .  
 Anh em lao động đồng tiền không rúc rích,  
 Coi phở là môn thuốc ích vô song.  
 Các bậc vương tôn, thường chả phượng, nem công,  
 Chưa chén phở, vẫn còn không đủ món.  
 Chớ khinh phở là đồ ăn hèn mọn.  
 Dầu sao thành Ba-lê còn phải đón phở sang,

Cùng các cao lương vạn quốc phô trương,  
 Ngon lại rẻ phở thường tranh quán giải,  
 Sống trên đời, phở không ăn cũng dại,  
 Lúc buông tay ắt phải cúng kem.  
 Ai ơi, nếm thử kéo thêm. . .

(Giòng nước ngược, tập I)



### Xoay hòn đất

Có một anh,  
 Biếng lười như hủi.  
 Cờ bạc như tinh,  
 Rượu chè như quí.  
 Trai gái như ranh,  
 Mà cứ muốn,  
 Làm giàu làm có,  
 Nên giá nên danh.  
 Sinh con gái tốt,  
 Để con trai lành.  
 Nghĩ đến câu,  
 Tất tưởi tất ta,  
 Lật đà lật đật.  
 Thấy địa cố tìm,  
 Mồ cha lo cắt.  
 Có người bà con,  
 Mách ông thầy khách.  
 Anh liền rước về,  
 Thầy bên thử thách :  
 Ăn nói đả đơ,  
 Nước cơm hạch sách.  
 Thôi thì,  
 Rượu nồng, dê béo,  
 Của ngon vật lành.  
 Món xào đồ nấu.  
 Cháo lòng, tiết canh

Cung lão địa lý,  
 Quá ông thân sinh,  
 Âu no lời kèn,  
 Uống say nứt ruột,  
 Thầy tỏ lời khen  
 « Anh này bụng tốt »  
 Cảm tấm lòng thành  
 Cho ngôi đất sộp  
 Tán hươu tán vượn,  
 Nào hễ, nào rồng,  
 Về sau kết phát,  
 Hân quá ước mong.  
 Giàu to danh lớn,  
 Con đàn cháu đông.  
 Lo xoay ngôi mộ  
 Trả xong công thầy  
 Chứa chan hy vọng  
 Mong mỗi đêm ngày  
 Cho hèn đất phát,  
 Đợi thời vận hay.

Thế mà :

Đông đi xuân lại,  
 Tháng trọn ngày qua,  
 Vẫn trần như nhộng,  
 Vẫn xác như vờ.  
 Cô độc cô quả,  
 Cầu bắt cầu bơ. . .  
 Người đời, ngu dại,  
 Nghĩ mà ngùi thương !  
 Loàn vụn thân xác  
 Hòng nhờ nắm xương.  
 Đào lên chôn xuống,  
 Đật dọc xoay ngang,  
 Đề cầu phú quý,  
 Khéo truyện hoang đường.

( Giòng nước ngược I )



### Mười thương

Một thương tóc lệch đường ngôi,  
 Hai thương quần trắng, áo mùi, khăn san.  
 Ba thương hôm sớm điềm trang,  
 Bốn thương răng ngọc hai hàng trắng phau.  
 Năm thương lược Huế cài đầu,  
 Sáu thương ô lục ngả màu thanh thiên.  
 Bảy thương lấm bạc nhiều tiền,  
 Tám thương động tí nữ quyền giở ra.  
 Chín thương cô vẫn ở nhà,  
 Mười thương... thôi đề mình ta thương mình. . .

(Giòng nước ngược 1)



### Hết chán đời

Tớ vốn khi xưa tính chán đời,  
 Từ khi có việc đủ ăn chơi.  
 Mới hay đời vẫn chưa nên chán,  
 Hiền triết đời nay chỉ thể thôi.

(Giòng nước ngược 1)



### Ông cụ non

Nhớ thuở còn hàn vi,  
 Chưa nên danh phận gì.  
 Trí anh to tát lạ,  
 Chẳng thẹn tiếng nam nhi.  
 Bàn tính những công cuộc,  
 Lợi dân cùng ích nước.  
 Lưu danh với núi sông,  
 Mới thỏa lòng ao ước.

Nay ngoáp chiếc lương to,  
 Yên thân được ấm no.  
 Đa quặng chí nguyện cũ,  
 Khởi ốc như thò lò.

Nghiêm nhiên mặt trưởng giả,  
 Thờ chủ nghĩa nhân hạ,  
 Đội mũ ni che tai,  
 Việc đời thầy kệ cả !

Ngày bốn buổi đi về,  
 Ăn no lại ngủ khè.  
 Ngoài câu truyện bếp nước,  
 Chẳng thiết đề tai nghe.

Làm bạn với non bộ,  
 Ưốn cảnh cây cỏ thụ.  
 Hết trưa lại đến chiều,  
 Làn thần như ma số.

Uống rượu rồi ngâm thơ,  
 Say sưa khéo phờn phờ.  
 Khác chi đỡ cỏ hủ,  
 Xác sống mà hờn mơ.

Người ta khi phú quý,  
 Càng phải phẫn tâm trí.  
 Anh mới nếm phong lưu,  
 Cớ sao vội chết dí !

Non bộ kia nên xếp,  
 Chơi gì cảnh nhỏ hẹp,  
 Nọ giang sơn Việt-nam,  
 Mới thật là xinh đẹp

Túi thơ thất lại thôi,  
 Nậm rượu quặng cho rồi,  
 Cái thứ dùi rung này,  
 Chờ khi sáu bảy mươi.

(Giòng nước ngược !)



## Khuyên ai kén vợ

### I

Lấy vợ khuyên ai kén vợ hiền,  
Kén người đức hạnh, bậc chân chuyên,  
Tốt duyên gặp được người như nguyệt,  
Giá nợ nhà vàng đức cũng nên.

### II

Lấy vợ khuyên ai kén vợ xoàng,  
Cần chi giàu có với quan sang.  
Quý hồ nội trợ tề gia giỏi,  
Cái cảnh gia đình mới vẻ vang.

### III

Lấy vợ khuyên ai cốt chữ tình,  
Xin đừng vụ lợi với ham danh,  
Mấy người tiêu kỹ vì danh lợi,  
Khó trọn cùng nhau nghĩa tử sinh.

### IV

Lấy vợ không nên kén vợ giàu,  
E rằng ý của lại khinh nhau,  
Hờ thay ! cái tiếng nhờ lưng vợ !  
Tiếng ấy anh hùng há chịu đâu !

### V

Lấy vợ không nên lấy ở đâu,  
Hoa tàn, nhị rữa, tiết còn đâu.  
Chỉ quen nghề nghiệp nhà son phấn,  
Chẳng trách phương ngôn đã có câu... (1)

### VI

Lấy vợ không nên lấy vợ nhiều,  
Một bà thôi cũng đủ thương yêu.  
Ai về nhắn nhủ phường tham thối,  
Cả lẽ làm chi, tỏ ý eo. . . !



(1) Phương ngôn rằng : « Lấy quan, quan cách, lấy khách, khách về Tàu, lấy nhà giàu, nhà giàu hết cửa. »

### Đón cậu phán

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,  
 Nhớ cô quần trắng, áo điều khăn san.  
 Năm giờ buổi giấy vừa tan,  
 Bóng hồng tha thướt bên hàng cây xanh.  
 Gió chiều bộ cánh phong phanh,  
 Lang thang vợ vẫn cô mình đợi ai ?  
 Thưa rằng : « — Đã mấy ngày trời,  
 Em chờ cậu phán là người tình nhân.  
 Bây giờ kinh tế khó khăn,  
 Còn dăm châu hát, khát lặn làm lơ.  
 Thân em đã xác như vờ.  
 Sơn mòn, phán hết biết sờ. . . vào đâu ? »  
 (Giòng nước ngược 1)



### Duyên con vồ

Me tây kia trở về già,  
 Vợ anh phán kiết la cà kết duyên.  
 Anh thời say chị lắm tiền,  
 Chị mê anh trẻ, có duyên mận mà.  
 Trúc mai sum họp một nhà,  
 Rỡ ràng trúc một, mai già sánh đôi.  
 Mình mình với lại tôi tôi,  
 Anh làm cho chị tưởng đời còn xuân.  
 Chị thời võ đức lang quân,  
 Sắm cho xe ngựa áo quần bánh bao.  
 Ngờ đâu anh thẳng bộ vào,  
 Anh đi sớm mận tối đào lung thiên.  
 Một lần chị đề anh yên,  
 Hai lần chị nời cơn ghen tam bành.  
 Ba lần chị phát lời đình,  
 Lót tay là chị lời anh phú về. . .  
 (Giòng nước ngược 1)





### Lấy chồng ông phán

Em là con gái nhà quê,  
 Người làng dạm hỏi, em chê ngu dăn.  
 Một em giỏi, hai em giần,  
 Thầy, bu khuyên dỗ, em rằng : em không . . .  
 Lấy chồng cho đáng tấm chồng,  
 Em chỉ bằng lòng lấy cậu phán thôi.  
 Ông tư cũng khéo chiêu người,  
 Se duyên em được như lời ước mong.  
 Từ ngày em lấy cậu thông,  
 Tưởng rằng sang trọng nên ông nên bà.  
 Không ngờ người chớn phồn hoa,  
 Mẽ ngoài bóng bầy, cửa nhà rỗng không !  
 Bởi chồng chơi đại chơi nông,  
 Kiếm được một đồng lại muốn tiêu hai.  
 Minh em giết gấu vá vai,  
 Mà xem cậu nó ra người vô tư.  
 Giận thân phải lấy chồng hư . . .



### Trời dày Nguyễn-khắc-Hiếu

Trong phòng khách cụ Trời,  
 Cậu nhỏ đứng van bôi.  
 Sầy tay đánh rơi vớ :  
 Nguyễn-khắc-Hiếu ra đời !  
 Từ khi Hiếu xuất thế,  
 Vẫn nhớ cảnh thiên tiên :  
 Bữa cơm thường phải rượu,  
 Nhưng túi lại rỗng tiền.  
 Liền xoay nghề văn chương,  
 Viết bữa bán phố phường.  
 Thơ chạy tha hồ uống,  
 Say khướt suốt đêm trường.

Rượu ngon thức nhắm ngon.

Giọng vẫn lại càng giòn ;

Khởi tình con, tình lớn,

Giấc (mộng) lớn, mộng con.

Thích chí nằm ngâm nga,

Tiếng động vang ngân hà

Trời hỏi : « — Ai ngâm thế ? »

Muôn tâu : « — Ấy Tản-Dà. »

Trời nổi giận lôi đình,

Răng : « — Cái thẳng tiên ranh.

Ta đây xuống hạ giới,

Đề hấn chịu nhục hình.

Ai ngờ hấn vẫn nhàn,

Ngày tháng ngâm thơ tràn.

Các người ai có cách,

Bất hấn phải gian nan.

Chư tiên đồng thanh nói :

« — Tội nặng nhất trần phàm.

Là bắt anh Khắc-Hiếu,

Làm chủ báo An-Nam »

(Giòng nước ngược I)



### Sư ông trúng số

(Năm 1933, có mở cuộc xổ số để lấy tiền dựng  
Đông dương học xá tại Bà-lê nước Pháp, người  
trúng số độc đắc là một ông sư Cao-mên)

Rõ khéo ! Trời chơi lăm vợ nông,

Tình cờ hai vạn hiến Sư Ông.

Năm xưa biết thế ta tu quách,

Trúng số rồi sau sẽ lộn vòng.

Trời ơi đời thừa nhà ai,

Sư Ông đánh số trúng hai vạn đồng.

Trách trời chơi ác, chơi nông,

Nỡ đem bạc trắng thử lòng nhà Sư.

Nhà Sư, vì lẽ đường tu,  
 Bề lối bề từ, vớt mở quảng kinh.  
 Làm cho quả phúc tan lành,  
 Cái tội tày đình trời buộc cho ai ?

(Giòng nước ngược 1)



### Phong dao mới

Cụ kia đầu tóc bạc phơ  
 Gần kề miệng lỗ, còn chưa trót đời.  
 Già nua trống bỏi còn chơi,  
 Còn đi rước lấy một người vợ hai.  
 Hom hem thở chẳng ra hơi,  
 Hãy còn chuốt lấy nợ đời làm chi ?  
 Bảy mươi, mười bảy duyên gì ?  
 Ra đường thiên hạ, thăm thì : « cháu ông ! »



### Làm đóm

Cô kia vừa xấu vừa già,  
 Còn hay làm đóm, thật là thêm dơ.  
 Mặt thời cạo nhẵn trơ trơ,  
 Lông mày đánh tít, lơ mờ sợi dây.  
 Kem bôi da mặt lựa lấy,  
 Phấn trét thật dày như thề quét vôi.  
 Vàng đeo, lựa đắp, cô ơi,  
 Càng trang diêm lấm, càng lời xấu ra.  
 (Giòng nước ngược 1)



### Sét ty tự đọi

Bởi lòng thương bọn bần nhân,  
 Phải bỏ tiền ra để đờ đần.  
 Một chớ làm tin cho đúng luật,  
 Hai người báo lãnh gọi an tâm.

Chàng qua buồn bạc ăn đồng lái,  
 Nào phải lên người ních nặng phân.  
 Ngán nỗi con đen lòng bạc bèo,  
 Qua cầu túng bấn đã vong ân !

(Giòng nước ngược I)



### Cười đi thôi... !

Đời người mấy chốc chị em ơi !  
 Ủ rũ làm chi, sống cũng hoài !  
 Đau dẫu chau mày đừng vội mếu,  
 Chết dù đến cò vẫn còn tươi.  
 Khóc than vô ích, can chi khóc,  
 Cười ngất làm vui, cứ việc cười,  
 Muốn cuộc sinh tồn hãy hái mạnh,  
 Cười lên ha hả ! ! Cười đi thôi ! !

(Giòng nước ngược I)



### Tết đoàn ngộ hay là Tết dị đoàn

I

Tháng năm ngày mừng năm,  
 Ta ăn Tết đoàn ngộ.  
 Duyên do bởi từ đâu ?  
 Nào mấy ai đã rõ !  
 Ngày xưa chú Khuất - Nguyên,  
 Làm quan ở nước Sở.  
 Cũng bởi cái vạ mồm,  
 Bị nhà vua trách quở.  
 Đày ra xứ Trằng-Sa,  
 Đề cho chừa nói giở,  
 Đang ông hóa ra thặng.  
 Quan Khuất mới biết khờ,  
 Ngán đời đực, mình trong.

Bài thơ tình thờ lộ,  
 Rồi đắm đầu xuống sông.  
 Cùng nước trong muôn thuở,  
 Chú khách ở bên Tàu.  
 Thác từ đời tam tồ . .  
 Can chi dân Việt-nam,  
 Nay còn nhớ ngày giỗ ?  
 Nhà khó cũng chuỗi xôi,  
 Nhà giàu thì bàn cỗ.  
 Nhưng chẳng cúng Khuất-Nguyên,  
 Chỉ cúng đấng tiên tồ  
 Doan ngọc tết dị đoan,  
 Ta theo thực là lối.

II

Tục dẫu, tục lạ lòng !  
 Mê sao, mê khờ sớ !  
 Áo dẫu trấn tà ma,  
 Bùa tua trừ quái cồ.  
 Bảnh mắt mới sáng ngày,  
 Đua nhau giết sâu bọ.  
 Đang dạ dối lòng không,  
 Hốc mận xanh, dưa đỏ.  
 Sâu bọ chết, thấy đâu ?  
 Sấn, run sinh hàng ò.  
 Mừng năm khỏe ăn càn,  
 Mừng sáu ốm nhẩn nhớ.  
 Có nhớ chết bỏ đời,  
 Lại kêu là tại sớ.  
 Lại có kẻ dã man,  
 Theo tục lằng mọi rợ :  
 Nhân ngày tết ăn càn,  
 Dem thuốc độc đi bỏ.  
 Việc ác mà xong xuôi.  
 Thần hoàng mới phù hộ.

Dân trí, ôi tối tăm !  
 Tục lệ theo cò hủ,  
 Khư khư giữ quốc hồn,  
 Kiếp nào dân ngóc cò ? !



## Gà chọi

( Ngụ ngôn )

Chú gà chọi, cựa to lông trụ  
 Da vớ mào đỏ ối như vang  
 Một hôm ngất nghều lang thang,  
 Sang sân hàng xóm, gặp đàn gà nuôi.  
 Nghênh cao cổ nhìn xuôi, nhìn ngược,  
 Bộ kiêu căng láo xược nông nghênh,  
 Con nào không tránh cho nhanh,  
 Liền cho cái đá lặn kền, ác chơi.  
 Rồi vỗ cánh thị oai, cất tiếng :  
 « Cúc cù cu ! » vang chuyền nơi xa.  
 Rằng : « Bay phải biết oai ta,  
 Anh hùng vô địch ai mà dám đương ?  
 Đờ chúng bay, một tuồng khốn khổ,  
 Sống trên đời, xấu hổ họ kê ?  
 Người cho ăn uống no nê,  
 Đến khi béo tốt, ngày kia người thời,  
 Còn ta đây, được người hậu đãi,  
 Chỗn vỡ trường từng trái hiền vinh »  
 Đàn gà nghe nói mần thính,  
 Láng xa rồi mới phàm bình cùng nhau :  
 « Thói kiêu hãnh, đời sao lắm kẻ,  
 Rờm làm sao ! Rờm thể là cùng.  
 Váo vênh, lên mặt anh hùng,  
 Gà chung một giống đá cùng lặn nhau.  
 Được thua cũng toạc đầu gãy cẳng  
 Hay ho gì, hiểu thẳng vong thân !  
 Diễn trò chiến đấu thương tâm.  
 Đờ đem hiến lư vô nhân cuộc đời ».

(Giống nước ngược I)



## Bốn lần đi thi

(Tả cảnh một ông phán làm việc ở tỉnh xa, 4 lần về Hà - thành thi tham biện.)

Lần đầu về thi tại Hà-thành,  
 Anh em tấp nập đến tiễn hành,  
 Tiệc rượu linh đình thực vui vẻ,  
 Chén thù chén tạc chúc công danh.  
 Đi về tốn bao tiền phí lộ,  
 Thế mà thi cử lại cóc đở  
 Lời chúc hôm xưa chẳng đặng thành,  
 Anh em an ủi chia buồn hộ.  
 Cách một năm sau lại về thi,  
 Được tiệc trà xoàng tiễn chân đi.  
 Bạn rằng : « Khoa trước anh đã rùi,  
 Chắc hẳn công danh đến khóa nhì. »  
 Tại mình, tại trời, hay tại số,  
 Mà đến khóa này lại vô bờ ?  
 Bạn lại hỏi thăm chi lắc đầu,  
 Không ai chê cười mà xấu hổ.  
 Năm sau, đi thi lần thứ ba.  
 Được vài bốn anh tiễn ra ga.  
 Suông tình đưa mấy lời chúc tụng,  
 Mất cả tiệc rượu lẫn tiệc trà.  
 Khoa này tưởng khác hai khoa trước,  
 Chẳng may trời làm trượt vẫn trượt,  
 Giờ về, bạn hỏi thi thế nào ?  
 Cay đắng đáp rằng : « Tở lại bước ! »  
 Đến bận thứ tư về Hà-thành,  
 Bạn hỏi làm gì nói giầu quanh  
 Không tiệc không trà không kẻ tiễn  
 Một mình lủi thủi lối công danh.

Một mình đi thi, một mình biết,  
 Chẳng khiến ai mừng cùng ai tiếc...  
 Con đường danh lợi đường chông gai,  
 Phen này có bương dờ tha thiết.

**Kết luận :**

Cái cuộc đua ganh khó lạ thường,  
 Thấy ai lộn độn nghĩ mà thương,  
 Vinh hoa là bả cho người thật !  
 Một bước công danh, bước đoạn trường.

(Giòng nước ngược I)



**Ông nghị đi hội đồng về**

— Ông ơi ! ông đi đâu về,  
 Có vẻ phơn phè, phấn chấn hơi ông ?  
 — Rằng tôi đi họp hội đồng,  
 Mỗi năm một bận hết lòng vì dân.  
 Gật gù nghe đọc diễn văn.  
 Vì dân rần sức mấy lần vỗ tay,  
 Trăm công nghìn việc, nặng thay !  
 Vì đâu nên phải đêm ngày miên man.  
 Bao chương dự toán luận bàn,  
 Vì đâu sái cổ gặt tràn bao phen.  
 Nhờ trời công việc đã yên,  
 Vì đâu phải xuống Khâm-thiên giải sầu,  
 Quản gì thức mấy đêm thâu,  
 Vì đâu khai trí mấy châu tở tôm.  
 Mỗi năm vất vả mười hôm,  
 Một bầu nhiệt huyết vẫn ôm kè kè.

(Giòng nước ngược I)





## Ba kiếp con bú dù

( Ngũ ngôn )

Con « bú dù » vốn loài tinh quái,  
 Khi bỏ đời xuống dưới âm cung.  
 Đọa đây mãn hạn lao lung,  
 Dầu đơn lên chốn bụi hồng tái sinh.  
 Diêm-vương xét công minh chí lý,  
 Rằng : kiếp xưa thặng khi tinh ranh,  
 Kiếp này cho nó tái sinh,  
 Làm con lợn ý nặng mình ngu si.  
 Nghĩ dao thớt lương ghê cùng sợ  
 Khi ta bèn nhắc nhớ kêu ca.  
 Rằng : « Tôi, Tạo-hóa sinh ra,  
 Xưa nay vốn tựa người ta hình hài.  
 Bây giờ phải đầu thai kiếp khác,  
 Thôi cũng xin cho được như người,  
 Thân hình chẳng giống thời thôi,  
 Giống người giọng nói tiếng cười cũng cam ».

Diêm-vương mới cho làm kiếp vẹt,  
 Lại phú cho nói hết như người,  
 Từ khi khi vẹt ra đời,  
 Lầu son gác tía được người chẵn nuôi.  
 Bất chước chủ, tiếng cười, giọng nói,  
 Hóm mình rằng kém cõi chi ai ?  
 Chẳng may cái số ngắn đời.  
 Mèo vô cần chết, lại rời cõi dương.  
 Xuống âm phủ, Diêm-vương liền mắng :  
 « Mà xưa kia bộ dạng giống người.  
 Tưởng rằng khôn khéo bằng ai.  
 Dè đâu mặt nôm, cả đời chỉ nhắc  
 Cho mà giống lời ăn tiếng nói,  
 Cũng tưởng rằng sành sỏi khôn ngoan.  
 Ngờ đâu chỉ biết nói càn,

Thiên hô bách sát nói chàn cung mây.  
 Kiếp sau sẽ bắt mày làm hến,  
 Đè mày cầm cái miệng cho rời ! »  
 Khi bèn năn nỉ hết lời,  
 Yêu cầu làm thử kiếp người một phen.  
 Diêm vương lại cho lên dương thế,  
 Bắt làm anh thuyết sỹ nửa mùa.  
 Đua đòi mở múa, môi khua,  
 Bạ đâu cũng đọc « dít cua » tì tì. . . .  
 Miệng soen soét khác gì con vẹt,  
 Bộ múa may lại hết khi già,  
 Thực là khỉ vẹt tinh hoa ? . . . .



### « Điều » đức tụng

Người Việt-nam phải lấy thuốc làm quốc túy,  
 Còn thú vị nào hơn thú vị yên vân !  
 Từ vua, quan, đến hạng bình dân,  
 Ai là chẳng bận thân với điều. . .  
 Từ ông Thừa trở lên cụ Thiếu  
 Đi ngoài đường phi điều bắt thành quan.  
 Ngồi công đường, vin xe trúc nghênh ngang,  
 Hút mỗi thuốc, óc nhà quan thêm sáng suốt  
 Nhà thi sĩ gọt câu văn cho chuốt,  
 Tất phải nhờ điều thuốc gọi hờn thơ.  
 Lại những khi óc mỗi mắt mờ,  
 Nhờ điều thuốc mới có cơ tỉnh tởm. . .  
 Dân thuyền thợ, thức khuya dậy sớm,  
 Phải cần dùng điều dóm làm vui.  
 Khi nhọc nhằn lau trán dẫm mồ hôi,  
 Vợ lấy điều, kéo một hơi thời cũng khoái.  
 Dân cày cấy, mưa dầm, nắng dãi,  
 Bận tâm giao với cái điều cày,

Lúc nghỉ ngơi, ngồi dưới bóng cây.  
 Rút mỗi thuốc, say ngây say ngất.  
 Rồi ngã lưng trên đám cỏ tươi xanh ngất.  
 Đề thiu thiu một giấc êm đềm,  
 Bọn nhà binh canh gác thâu đêm,  
 Nhờ điều thuốc mới khỏi lim dim ngủ gật.  
 Nội các thức say sưa nghiên ngập,  
 Ngẫm mà coi thứ nhất thuốc lao.  
 Nghiện thuốc lao là cái thú thanh tao,  
 Chẳng hại tiền của mà chẳng hao sĩ diện.  
 Chốn phòng khách anh em khi hội kiến,  
 Có thuốc lao câu truyện mới thêm duyên.  
 Khi lòng ta tư lự không yên,  
 Hút mỗi thuốc cũng giải phiền đôi chút.  
 Nghe tiếng diều kêu ròn, nhìn khói bay nghi ngút,  
 Nỗi lo buồn theo khói vút thẳng thiên.  
 Cái diều cùng ta là bạn chí hiền,  
 Từ thiên cờ tơ duyên chặt kết.  
 Cũng có kẻ muốn rút tình khăng khít,  
 Vui diều đi cho hết da mang.  
 Nhưng nổi nhớ nhung bứt rứt tấm gan vàng,  
 Chút nghĩa cũ, lại da mang tận tụy.  
 Cho nên : bảo điều thuốc lao là quốc túy,  
 Thật là lời chí lý không ngoa.  
 Thuốc lao, ta hút điều ta  
 Điều ta thọ với sơn hà muôn năm.

( Giọng nước ngược )



## Phong dao hội lim

(Hội Lim nổi năm mở vào ngày 13 tháng giêng tại làng Lim (Bắc-nh). Đặc sắc của hội là cuộc hát « Quan họ », con trai, con gái họp nhau trên đồi với trầu nhau rồi hát thi đối đáp, theo một điệu riêng. Cuộc hát thường khi kết cục bằng cuộc nhân duyên l'ợn « công-tử bột » Hà-thành và các tỉnh lân cận thường nhân dịp hội đó để trêu hoa ghẹo nguyệt. Hội Lim cũng vì thế mà thành ra một hội « chim gái »)

### Công-tử Hà-nội

Tiết xuân gặp buổi hôm nay  
 Mấy khi hồ để tới đây gặp mình,  
 Ta ra vườn sản tự tình  
 Hội hè tấp nập linh đình mặc ai.

### Tiểu-thư cầu Lim

Thoạt nghe lời nói êm tai  
 Xin mời chàng hãy tạm xơi khầu trầu  
 Này trầu này vỏ này cau  
 Không trầu trò chuyện lấy đâu mượn nong.

### Công tử Hà-nội

Nàng mời, muôn cảm ơn lòng  
 Con trai Hà-nội vốn không ăn trầu  
 Thực tình chẳng dám chê đâu  
 Gối khăn xin giữ miếng trầu làm duyên.

### Tiểu-thư cầu Lim

Trầu này tự tay em tằm  
 Trầu vàng, vỏ tía, cau mềm lại tươi  
 Khuyên mời cốt để chàng xơi  
 Kéo mai trầu héo, cau ôi ích gì.

### Công-tử Hà-nội

Thấy nàng mời mọc năn nỉ  
 Lòng ta lưỡng nhỡng nề vì lấm thây  
 Không ăn sợ nàng tủi tay  
 Ăn vào thời lại sợ say dữ dữ...

**Tiểu-thư cầu Lim**

Yêu nhau xin chớ chối từ  
 Chàng còn ngần ngại ngần ngừ nỗi chi ?  
 Hay trầu têm vụng chàng chê ?  
 Hay là sợ có bùa mê ngại ngừng.

**Công-tử Hà-nội**

Khéo sao ! Lời nói lạ lòng !  
 Chẳng là không xét tằm lòng cho nhau  
 Bùa mê nào ở đâu trầu  
 Ở đôi con mắt dao cầu lẳng lơ !

**Tiểu-thư cầu Lim**

Thôi đừng tán tỉnh phất phơ  
 Ngẫm xem lời nói Ơn ờ khó nghe  
 Chúng em là gái thôn quê,  
 Có đâu cặp mắt bùa mê hơi chàng ?

**Công-tử Hà-nội**

Nàng đừng nói nhún nữa nàng  
 Chẳng tình cũng tiếng gái làng cầu Lim  
 Chỉ vì đôi mắt lim dim  
 Mỗi năm mỗi nhớ hội Lim mờ về.

**Tiểu-thư cầu Lim**

Chúng em ở chốn thôn quê  
 Quanh năm công việc nặng nề luôn tay  
 Ngày xuân gặp buổi hôm nay  
 Mỗi năm mới được một ngày tìm hoa.

**Công-tử Hà-nội**

Hữu tình ta lại gặp ta  
 Trầu ăn đó thắm, hẳn là tri âm  
 Nói xa chi nữa nói gần  
 Cùng nàng muốn tính trăm năm vương trờn.

### Tiểu-thư cầu Lim

Ví bằng thực tấm lòng son  
 Trăm năm kết ngãi thôi còn chi hơn  
 Cùng nhau gắn bó keo sơn  
 Đùng như con bướm chờn vờn lại bay.

**Công-tử Hà-nội và tiểu-thư cầu Lim cùng hát :**

Một lời vâng tạc dạ này  
 Hãy về hỏi mẹ cùng thầy xem sao  
 Bao giờ cửa vẫn tay trao  
 Bấy giờ ta sẽ đời dào ái ân.

(Giòng nước ngược, tập I)



### Hỏi khách chốn đời

Nghe nói anh xưa tính chán đời,  
 Bờng lai suýt nữa định qua chơi.  
 Bây giờ mỗi tháng lương trăm hạc,  
 Ước hỏi anh còn chán nữa thôi.

(Giòng nước ngược, tập I)



### Đàn chấy và ông Đỗ Thận

(Ngu ngôn)

Ông Tổ đã thiên phăng búi tóc.  
 Đàn chấy kèm mắt tổ bơ vơ.  
 Kéo nhau lặn độn lò mò,  
 Đi tìm chốn khác ấm no nương mình.  
 Suốt một buổi bờ quanh bờ quần  
 Tìm đến đâu Đỗ Thận tiên sinh,  
 Là nhà thủ cụ trứ danh,  
 Đầu còn búi tóc củ hành trơ trơ.  
 Bèn hớn hở giờ khoa hát tán  
 Rằng : « Kính chào cụ lớn nghìn thu !  
 Trông Ngài tướng mạo trượng phu,  
 Uy nghi bệ vệ tựa hổ đường quan.

Mặt phúc hậu, khôn ngoan, lanh lợi,  
 Diềm râu rồng càng nổi oai linh.  
 Xinh xinh búi tóc củ hành,  
 Rơ ràng biểu hiệu đàn anh trên đời,  
 Biết cự lớn là người đại độ,  
 Sẵn lòng thương đến lũ con dân.  
 Chúng tôi phận mọn, thân hèn,  
 Xiết mong núp dưới cửa huyền nương thân »  
 Nghe lời tấn, hả tâm khoái trí,  
 Đỡ phủ hàm chẳng nghĩ xa xôi,  
 Đề cho đàn chấy nó bầu,  
 Nó sinh nó hóa trên đầu như rươi !

**Kết luận :**

Đời chẳng có những người ưa phỉnh  
 Nghe lọt lời siểm nịnh viên vong.  
 Thời sao giống ký sinh trùng  
 Được nơi ấm cất no lòng thảnh thơi.  
 (Giòng nước ngược, tập I)



**Cái dây kim tòng**

Làng kia có bác kỳ hào,  
 Kề trong thứ vị cũng vào bực trung.  
 Nhưng khi đi họp hội đồng,  
 Thường đeo cổ áo lòng thông sợi dây.  
 Hân là ân tứ chi đây,  
 Kim tiền, kim khánh, mẽ đay, thẻ ngà.  
 Đầu dây lẫn dưới áo là,  
 Đố ai biết được nó là cái chi :  
 Người đoán lại kẻ đoán đi.  
 Có người kết luận ; thường khi dây . . vờ.  
 Một anh ba rọi Ơm ờ.  
 Kéo dây nửa thực nửa đùa đời xem.  
 Kim tòng vừa mới kéo lên,  
 Đầu râu chỉ thấy còn... đồng kền năm xu.  
 (Giòng nước ngược, tập II)



## Quý thần

Người Nam-Việt ta thờ thần, thờ thánh  
 Là cốt lõi dựng các ngài như cánh con buôn  
 Có việc cần họ cúng vái tứ phương,  
 Không có việc một nén hương không mất.  
 Kê thì cầu buôn may bán đắt,  
 Thánh phải chững phùng đất mới hàng.  
 Kê thì cho thánh là một thầy lang,  
 Dùng nước thái, tân nhang chữa bệnh.  
 Không chữa bệnh họ nhờ chữa mệnh.  
 Cúng vàng hương, họ cầu cạnh quàng xiên  
 Họ tưởng chừng thánh cũng đảo diên  
 Xoi cửa dứt, rồi thay tên đổi số  
 Cho những kẻ đã đến ngày tận số,  
 Khỏi phải về địa phủ với diêm vương.  
 Kê không con nôi dơi tông dường.  
 Đi khắp đền phủ tìm phương cầu tự.  
 Há chẳng biết thánh nào có dự,  
 Đến việc gây nời tuồng ngu phụ, ngu phu !  
 Kê máu ...cờ bạc lu bù,  
 Đòi lần quần canh thua, canh gờ  
 Đến cửa thánh kêu nài phù hộ  
 Độ chi cho phận đồ, cơ may  
 Thần thánh nào có tựa lư quất quay !  
 Các ngài nào phải là tay bịp bạc.  
 Mà lần quất các sòng đồ bác,  
 Giúp cho xoay cái bát quân bài.  
 Có kẻ không may mất cửa lạc người,  
 Cũng dẫn lẽ tới đền đài khẩn khứa.  
 Cả đến những vị anh linh cứu quốc công thần  
 Như hai đức thánh họ Trần, họ Phạm,  
 Cũng bị đồng cốt bày ra đạo nhám  
 Sai khiến các ngài trị đám tà ma,  
 Họ chuyên môn dối trẻ lừa già,  
 Che mắt tục, bày ra trò lục số ;



Nào nhá bát, nào xiên linh, nào rạch mồm, nào  
thắt cổ.

Đề mê hoặc lòng một lũ ngu dân.

Nghĩ buồn thay cho các ông thánh ông thần,

Ở một nước dân ngu dẫn mê muội,

Họ sùng bái một là vì lợi,

Hai vì sợ vía các ngài như tại chốn dương gian.

(Giòng nước ngược, tập II)



### Tâm bát lão

Ủa tứ năm nay bốn một rời

Xuân xanh tướng mới đẹp. . . vài mươi

Soi gương đầu tóc còn đen nhánh.

Xoa mép, râu ria chữa tủa dài

Thăng cánh cuộc vườn gân còn dẻo.

Gò lưng cưỡi ngựa sức còn dai.

Mắt nhìn son trẻ tinh ranh lắm,

Miệng tán ba hoa lém linh hoài,

Vấn về ốm ờ chưa lẩn cảnh,

Tính tình bằng bột cứ vui tươi

Tháng ngày vô lý đi mau quá,

Nên tứ không theo kịp tuổi trời.

(Giòng nước ngược, tập II)



### Vua Bà sợ Thần lửa

Một hôm ngày vía vua Bà

Mỵ đồng lễ lạy bày ra tưng bừng

Điện thờ đèn nến sáng trưng

Khói hương nghi ngút tưởng chừng mây bay.

Cung vấn đàn ngọt múa hay,

Véo von : bà đẹp, bà hay chín nghìn !

Mỵ giả nhầy múa huyền thuyên,

Nói năng éo ọe phán truyền ba hoa,

Đồng lên đến giá vua bà,  
 Áo điều khăn đỏ úi chào oai to !  
 Bà múa may, bà chèo đờ  
 Bà bơi lên cạn nhịp hồ hồ khoan  
 Một tay bà nắm bó nhang,  
 Khua vang khua vít làm than bật hồng,  
 Bén lên nón mã cháy bùng.  
 Bật mồi ngọn lửa bùng bùng lém nhanh,  
 Bốc lên tới mái nhà tranh,  
 Chỉ trong chớp mắt gây thành hỏa tai  
 Bấy giờ trong điện rơi bời,  
 Ai nhanh thì chạy lấy người thoát thân,  
 Đầu tiên là bác cung vãn,  
 Vác đàn chạy lấy « cái cần câu cơm »,  
 Rồi thì đến bọn con hương,  
 Xô nhau túi bụi ra đường kêu la,  
 Chậm chân sau đến... Vua Bà,  
 Khăn châu áo ngự xông ra ngoài đường,  
 Thất thanh kêu xóm kêu làng,  
 Trị giũn, zhần lửa phũ phàng ra tay,  
 Thì ra tâu lạy các ngài,  
 Ngài lên đồng chỉ làm oai lõe đời.

.....

(Giòng nước ngược, tập II)





---

## T Ế - H A N H

---

**T Ế - H A N H** tên thật là Trần tế Hanh, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1921 tại làng Đông-yên, phủ Bình-sơn (Quảng-ngãi — Trung-phần), chính quán là làng Giao-thủy, cách làng kia một con sông.

Thảo nhỏ học ở trường nhà đến sơ học, rồi ra Huế học trường Khải-định ; nơi đây ông quen biết với Huy-Cận và được nhà thơ này chỉ dẫn nên sáng tác của ông ảnh hưởng ít nhiều.

Ông viết giúp cho báo Ngày nay. Thơ ông thiên về cảm giác chủ nghĩa, ghi nhận những rung động của tâm hồn.

Thi phẩm Nghẹn ngào đã được giới khuyến khích của Tự lực văn đoàn trao tặng năm 1939. (Thành phần ban giám khảo giới văn chương này gồm những nhà văn, nhà thơ : Nhật-Linh, Khái-Hung, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam, Thế-Lữ, Tú-Mỡ).

Tế-Hanh còn tập thơ Hoa niên và Hoa mùa thi.

**Đ**ỒNG hạng với nữ thi sĩ Anh-Thơ trong giải khuyến khích của *Tự lực văn đoàn* năm 1939, Tế-Hanh được giới yêu thơ mến tiếng qua tập thơ *Nghẹn ngào*:

*Nghẹn ngào* chứa đựng hai thi bản xuất sắc của Tế-Hanh: *Quê hương* và *Vu vơ* (khi gọi dự thi, bài thơ này mang tên *Những ngày nghỉ học*). Nó đem đến cho tác giả — một thiếu niên hay « rụt rè ngượng nghịu như chàng rề mới » — chiếc ghế ngồi trên thi đàn Việt-nam khi nhà văn Nhất-Linh, một trong ban giám khảo, viết đôi lời khen tặng như sau :

« . . . Có thể gọi là hai bài thơ (*Quê hương* và *Vu vơ*) hay của thi ca Việt-nam và hai bài có đủ xác định giá trị của nhà thơ Tế-Hanh. »

Với hai thi bản trên, chúng ta có đủ yếu tố cần thiết để khảo sát thực chất của nhà thơ này.

Khác với một Xuân-Tâm hay ao ước gieo tình ra ngoài nghìn dặm ở những chân trời xa lạ, Tế-Hanh tỏ lòng gắn bó với tình quê, nơi mà ấn tượng sinh hoạt của dân làng đã in sâu vào ký ức của tác giả lúc còn trẻ. Ngọn bút và tâm hồn của Tế-Hanh đã làm sống lại trong văn thơ những cảnh trí quê nhà. Chẳng có gì quyến rũ lắm đâu, một xóm chài lưới mộc mạc, nghèo nàn ở một bến sông xa xa trong đất liền, một xóm vựa chài bé nhỏ, tất cả họ lập nghiệp mưu sinh trên mảnh đất không đủ nuôi sống, họ đã phải trông cậy vào biển cả, vào từng cơn gió nhẹ, vào những buổi trời trong. Họ sống lệ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên ; và cứ mỗi bình minh ửng hồng ở phương đông, báo hiệu buổi trời êm bề lặng là họ đã vội vã :

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.  
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang  
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió . .*

Tế-Hanh ví cánh buồm trắng như « mảnh hồn làng » đã làm tăng thêm sinh khí của nó ; thật là một hình ảnh sống

động, vì cả khối người quê ấy trông chừng hễ cánh buồm vôi giương lên như báo hiệu sẽ đem đến cho họ nguồn sống từ biển cả. Họ đặt niềm tin vào đấy như gởi trọn tâm hồn.

Có lẽ trong quý bạn, không ai đã không một lần khoan khoái thở nhẹ như trút gánh nặng sau khi hoàn tất mỹ mãn một công tác. Họ cũng thế :

*« Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe »,  
 Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.  
 Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,  
 Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.*

Thế mà, trong cái sương thòà của con người, Tế-Hanh đã tỉnh tã lắng nghe được chất muối mặn đang ngấm dần vào thớ cây của mạn thuyền :

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm  
 Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Thời gian đã xa xôi lắm rồi, vậy mà mỗi lần trông thấy cánh buồm vôi, dù ở phương trời nào, đang nhấp nhô trên mặt nước xanh, gợi lại tác giả lòng tưởng nhớ băng khuâng chôn quế hương nước mặn như trẻ con nhớ lại từng bầu sữa mẹ lúc ấu thơ :

*Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,  
 Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !*



Đến cái thú thuở nhỏ trong những ngày nghỉ học, Tế-Hanh thường tới sân ga ghi nhận từng chuyến tàu đến, tàu đi ; dần hiện rồi dần khuất theo cái vòng lẩn quẩn tẻ nhạt như những chuyến tàu của Huy-Cận :

*« Quanh quẩn mãi giữa vài ba dáng điệu  
 Tới hay lui vẫn chừng ấy mặt người  
 Vì quá thân nên quá đổi buồn cười.  
 Mối nhắc lại chỉ có ngần ấy chuyện.  
 Đời tẻ nhạt như tàu không đời chuyển ! »*

(Quanh quẩn — Huy-Cận)

Nhưng dưới mắt Tể-Hanh, sự tẻ nhạt của con tàu đi, về, nhường chỗ cho tình thương mấy chiếc toa hàng hi hục vì chở nặng nề, thở phì phịch khói vì mỗi một. Chốc chốc rúc lên một hồi còi vang dội vào hồn kẻ ở người đi. Họ cố níu lại đôi chút lòng vẩn vương, quyến luyến. Tể-Hanh đã để hồn mình ngàn ngơ theo dõi những sợi tơ tình còn ràng buộc trước cảnh phân ly.



Con người thơ vốn nặng tình quê đến thế ắt hẳn cũng không hờ hững xem nhẹ tình yêu. Đa tình là bản chất nghìn đời của thi sĩ. Tâm hồn của Tể-Hanh đã quyến theo hương tình một cách say sưa đắm đuối đến độ đầu phục ái tình. Đây, ta hãy xem người thơ ngưỡng mộ thần tượng :

*Kìa em, lên ! rục rờ bốn phương trời ;  
Đôi mắt to ném lửa sáng nơi nơi ;  
Vầng trán rộng, hào quang lòa chói rục  
Ta thấy sáng ! hồn phiêu diêu thoát tục,  
Lòng lâng lâng không muốn ước mơ chi,  
Mắt lim dim đầu cúi gục chân quỳ. . .*

Nếu có những tình trai áp a áp úng như trả bài không thuộc trước sắc đẹp tôn thờ, Tể-Hanh rút rề, ngáy đần cả người đã khiến đối tượng yêu hiểu lầm là kẻ vô tình lạnh nhạt. Sự bị nghi oan đã làm nảy sinh tư tưởng táo bạo và tàn nhẫn, người thơ muốn một sự thề bi đát xảy ra để cho người có dịp giải lòng yêu ; người . . .

### Ao ước

*Anh là kẻ say mê nhưng nhút nhát,  
Không hiểu giùm em lại nỡ cho anh  
Là không yêu, là một kẻ vô tình ;  
Anh tức quá đem lòng ao ước tặc ;  
Nếu em chết ! chắc là anh có thề  
Tỏ mối tình lạng lẽ, quá thâm sâu ;  
Anh tìm nơi em nghỉ giấc ngàn năm  
Ngồi diên đại, sầu như cây liễu rũ.*

Anh không uống, không ăn, không ngủ,  
 Anh khóc than, than khóc đến bao giờ  
 Nước mắt anh lây lội cả năm mờ,  
 Nhỏ từng giọt xuống thân em lạnh lẽo  
 Rồi anh chết, anh chết sầu, chết héo ;  
 Linh hồn anh thất thểu dơi hồn em.  
 — Và ở đâu kia, ở cõi đời đêm  
 Chắc em chẳng nghi ngờ tình anh nữa . .  
 (Nghẹn ngào)

Ta thấy lời hứa hẹn có ít nhiều « thậm xưng », nhưng cũng chứng tỏ được một chân tình thiết thạc.



Hoài-Thanh — Hoài-Chân trong *Thi nhân Việt-nam* đã kỳ vọng ở tương lai rực rỡ của Tế-Hanh khi hai tác giả viết :

« Nhưng tôi chưa muốn nói nhiều về Tế-Hanh. Tế-Hanh còn trẻ lắm và cũng mới bước vào làng thơ, chưa có thể biết rõ những con đường người sẽ đi. »

Nhưng so sánh những sáng tác tiếp nối của Tế-Hanh năm 1940, chúng tôi thấy hồn thơ của thi nhân này dường như đã vượt lên tuyệt đỉnh nghệ thuật trong những thi bản mà Tự lực văn đoàn đã trao giải khuyến khích năm 1939.

(12 - 1968)





## *Thi tuyên*

### Quê hương

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới :  
 Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông  
 Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,  
 Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.  
 Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã  
 Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang  
 Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
 Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ  
 Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.  
 « Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe »  
 Những con cá tươi ngon thân bạc trắng  
 Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,  
 Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;  
 Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm  
 Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  
 Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,  
 Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,  
 Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

( Nghẹn ngào )



### Lời con đường quê

Tôi, con đường nhỏ chạy lang thang  
 Kéo nổi buồn không dạo khắp làng.  
 Đến cuối thôn kia hơi cỏ vương,  
 Hương đồng quyển rủ hát lên vang.

Từ đây mình tôi cỏ mọc đây,  
 Dọc hàng hoa dại ngát hương lây.  
 Tôi ôm đám lúa, quanh nương sẵn,  
 Bao cái ao rêu nước đục lây. . .

Những buổi mai tươi nắng chói xa  
 Hồn tôi lóng lánh ánh dương sa,  
 Những chiều êm ả tôi thư thái  
 Như kẻ nông phu trở lại nhà.

Tôi đã từng đau với nắng hè :  
 Da tôi rạn nứt bởi khô se,  
 Đã từng điêu đứng khi mưa lụt :  
 Tôi lở, thân tôi rã bốn bề.

San sẻ cùng người nổi ấm no  
 Khi mùa màng được, nổi buồn lo,  
 Khi mùa màng mất, tôi ngây cả  
 Với những tình quê buổi hẹn hò.

Tôi sống mê man tránh tế buồn  
 Miệt mài, hề hã đắm say luôn,  
 Tôi thâu tê tái trong da thịt  
 Hương đất, hương đồng chẳng ngớt tuôn.

( Hoa niên )



### Vu vơ

Những ngày nghỉ học tôi hay tới  
 Đón chuyến tàu đi, đến những ga.  
 Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt,  
 Lòng buồn đau xót nỗi chia xa.

Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu  
 Ngàn đời không đủ sức đi mau :  
 Có chi vướng víu trong hơi máy,  
 Mấy chiếc toa đẩy nặng khổ đau.

Bánh nghiêng lặn lặn quá nặng nề,  
 Khói phì như nghẹn nổi đầu tê,  
 Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ :  
 Lòng của người đi rẻo kẻ về.  
 Kẻ về không nói bước vương vương . . .  
 Thương nhớ lan xa mấy dặm trường.  
 Lẽo đẽo tôi về theo bước họ,  
 Tâm hồn ngỡ ngàng nhớ muôn phương.  
 ( Nghẹn ngào )



### Người hà tiện

Tôi là triệu phú rất nhiều yêu,  
 Buồn nhớ mùa thu với buổi chiều . . .  
 Nhưng cả đời nghèo nàn, túng thiếu,  
 Bởi vì tôi chẳng dám chi tiêu.  
 Cảnh đẹp người tươi chẳng dám trông ;  
 Sự lòng xao động, nổi say nồng ;  
 Thoáng yêu ý nhớ vô tình đến  
 Đã vội ; người kia có biết không ?  
 Tay dè lên đóng cửa vô biên ;  
 Mắt ngó thao thao sợ mất tiền ;  
 Ngơ ngác như người đi lạc lối ;  
 Người cho kiêu cách, kẻ cho diên.  
 Nhưng mặc ! Tôi riêng chỉ biết tình ;  
 Ai cười ai nói cũng làm thình.  
 Tôi dành vàng ngọc cho người ấy ;  
 Tôi có tiêu đâu lấy một mình.  
 ( Ngày nay số 220, 10-8-1940 )



## Trao đòi

Tôi dư một ít lời thơ  
 Tôi dư thương sớm, sẵn ngơ ngàn chiều ;  
 Chết chen xa lạ, cô liêu ;  
 Trần đây sương gió, rất nhiều mùa thu. . .  
 Nhưng tôi nghèo lắm ! than ôi  
 Đó đây lẻ chiếc, trọn đời bơ vơ !  
 Tủi thân chỉ gặp hững hờ ;  
 Lòng đơn lạnh lẽo nay chờ mai trông.  
 Bạn ơi ! đây của, đây lòng  
 Xin đem tặng bạn, — tặng không đủ rồi.  
 Có chăng mong mời đôi hời  
 Bạn cười tôi với, ngó tôi ít lần.

( Ngày nay số 272, 21-8-1940 )



## Sống vội

Trong tôi vắng vắng dư vang  
 Diệu buồn của lá phai vàng rơi thưa  
 Trong khi thoang thoảng hương đưa  
 Cỏ hoa tàn cũ, mộng xưa vẫn sầu.  
 Mây trời nhuộm bóng thương đau,  
 Lá hoa héo rũ, nắng nhàu mình tơ.  
 Hơi sương nhỏ lạnh lòng thơ,  
 Tôi nghe rợn ngợp nước mờ nao nao. . .  
 Biệt ly tự hợp thời nào,  
 Thương vương khắp nẻo, nhớ bao tứ bề. . .  
 Thu đi lâu quá không về !  
 Lòng chờ vội sống giữa hè ít thu. . .

( Ngày nay số 220, 10-8-1940 )



### Chất chứa

Mùa thu đã đến... cả người tôi  
 Hoảng hốt như thu đã hết rồi :  
 Lo lắng giờ thay cho ngóng đợi.  
 Thu làm tôi cực quá đi thôi !  
 Mắt mở to luôn, chứa chứa nhiều  
 Những hình ảo lá, sắc xiêu xiêu ;  
 Tai thêm linh thính lo thâu góp  
 Những điệu ly sầu, tiếng tịch liêu.  
 Lồng ngực phồng to rán hít vào ;  
 Phổi gò không khí đến nôn nao.  
 Da tê xúc động niềm thương nhớ ;  
 Mùi động hương thu sắc bớt dào...  
 Đi mãi ngoài không, chẳng ở nhà,  
 Dầu trần, áo mỏng đề lời da :  
 Hơi thu mơn trớn như hơi thịt ;  
 Tôi dựa vào thu dịu lấm mà.

( Ngày nuy số 223, 31-8-1940 )



### ... Nhớ (1)

Nghìn năm trước, tôi sinh bên khóm liễu  
 Nhớ nhung nhiều, cúp ngọn hiến xa xôi  
 Trong gian nhà ao ước mộng song đôi  
 Cúi gửi bóng chạy theo dòng nước yếu.  
 Dáng dười dưới ngày qua như lẻ thiếu,  
 Sắc trời buồn, mây bạc ngăn ngợ trời.  
 Hương thiếu hơi, tiếng chẳng có âm hồi.  
 Sắc mắt thắm, cùng nhau luôn họa điệu.

(1, 2) Hai bài này đăng ở tuần báo *Thanh niên*, số 28, 11-3-1944, có ghi : « Rút trong tập *Từ Nhớ đến Thương* sắp xuất bản. Trước kia nhan vấn : *Nghẹn ngào*, và khi xuất bản (*Đời nay*, 1945) nhan lại là : *Hoa niên* (1938 1941). »

Chiều chiều đến tựa người bên cửa sổ  
 Dợi hồn nào trở lại vãn vơ sông  
 Hay nghe ngóng ý về trong tiếng gió  
 Tôi dần dần khô héo với chờ mong. . .  
 Đến bây giờ, than ôi ! Tôi vẫn nhớ  
 Vẫn thấy gì thiếu thốn ở trong lòng !



... Thương (2)

Dâu người em của thuở duyên thơ ?  
 Dâu buổi lòng ta trống hững hờ  
 Bóng tối ý buồn em lối đến  
 Tìm người san sẻ bớt bơ vơ ?  
 Người có mơ màng một vẻ tiên :  
 Thân lơ lửng dáng, trán mơ huyền,  
 Lung linh đôi mắt cười tình nghịch  
 Buồn ần xa xôi, thoáng dịu hiền. . .  
 Không khí xung quanh hóa nhẹ nhàng,  
 Nỗi buồn bứt rứt bỗng tiêu tan  
 Khi từ cái miệng xinh tươi ấy  
 Những tiếng ngây thơ tỏa dịu dàng.  
 Ta thấy lòng ta bớt thiết tha :  
 Chỉ thương nhè nhẹ, mến ôn hòa  
 Bụi ngùi ta nghĩ : vì sao nhỉ ?  
 Người chẳng là người em gái ta ?

(Hoa niên)



Dễ thương

Sao vẻ đôi nhà quá dễ thương !  
 Buồn vương trước ngõ, nhớ bên vườn.  
 Cũ càng mái rợp quen mưa nắng  
 Bơ ngỡ khêu hoài nỗi vấn vương. (3)

(3) Trong tập *Hoa niên*, tác giả chỉ giữ bốn câu này và bỏ  
 bốn câu trùng ở đoạn tư,

Cảm giác êm êm khẽ động vờ  
 Lan từ bóng lá ủ ê đưa  
 Âm thầm cửa hé trong xa vắng  
 Như lúc đầu thu những buổi trưa.

Người khách vu vơ ngóng đợi thăm  
 Dịu dàng thấp thoáng bóng giai nhân  
 Thói nhà khép nép trong cây lá  
 Thôn thức thăm xem truyện Tố Tâm.

1941

(Tuần báo Thanh niên  
 số 11, ngày 13-11-1943)



### Viết lên trên cát

Tặng Phan Ngô

Ngồi viết tên yêu trên bãi cát  
 Kỹ càng, chậm rãi, rõ như kêu :  
 Ngón tay ấn mạnh mấy đường kẻ  
 Cho thắm mong chờ, sâu mến yêu  
 Bỗng thấy lòng đau nhẹ khác thường  
 Hình như yêu, ghét, giận, hờn, thương  
 Bấy lâu chất chứa trong tim nặng  
 Đã chảy tràn lan xuống kẻ đường.  
 Cả nỗi niềm riêng chẳng một lời  
 Chiều nay trên cát nhẹ bày phơi :  
 Gió hoa tình sẽ bay lên núi. . .  
 Nước lớn, lòng trôi đến biển khơi. . .  
 Từ thuở nào đâu vẫn lặng thình  
 Yên vui ai có rõ tâm tình.  
 Cục lòng đi kiếm quên trên cát  
 Cát nhẹ xa đi nói chuyện mình.

(Hoa niên)



### Có những con đường

Có những con đường ta đã đi  
 Thần thơ qua lại rất nhiều khi,  
 Nhà người yêu mến ngang qua đấy.  
 Vắng mặt nên lòng thấy biệt ly.

Ta gửi tình ta ở khoảng đường ;  
 Bước này tưởng nhớ, bước này thương,  
 Tay đưa ngược nghju, hàng mi chớp,  
 Ngực đánh đồn thêm, chân vẫn vương.

Đi mãi không hề biết mỏi xa,  
 Đi sông không dám ngó vô nhà.  
 Đường thường bỗng hóa trung tâm điếm,  
 Lắm có xui mình phải bước qua.

Ta tưởng bao giờ có thể quên  
 Con đường như một mối tơ duyên  
 Ai ngờ khúc ruột tương thân ấy  
 Cũng phải buồn đau chuyện chẳng bền.

Ấy lúc lòng ta hết với người  
 Hay là yêu mến dỗi dờ nơi  
 Con đường bị bỏ trong quên lãng  
 Sầu tủi nằm thương dưới bụi đời.



### Tắm lịch đời

Tôi muốn đem ngày tôi  
 In thành một tắm lịch,  
 Để tôi gờ tờ đời  
 Tùy theo hồi sở thích

Tôi sẽ đề thật lâu  
 Nhưng tờ ghi hạnh phúc,  
 Và vôi bỏ tờ sầu  
 Không theo giờ, đợi lúc,



*Khi vắng mặt người yêu  
Thì giờ không muốn chết  
Tôi sẽ gờ thật nhiều ;  
Đề chi ngày cách biệt ?*

(Hoa niên)



### Vườn cũ

*Cánh cổng đi vào rún rầy đưa ;  
Lối đi cỏ rậm phủ che vừa.  
Ngôi nhà mái cũ rêu in lớp  
Hé bức rèm đơn dờ nắng trưa.  
Nắng nhớ rung rung chớp lệ mờ,  
Mây buồn đôi mảnh vẫn lơ thơ.  
Cỏ cây im lặng như từ thuở  
Đôi lúa xa nhau vẫn đợi chờ.  
Cây ổi, cây xoài vẫn đứng đây ;  
Cây lê vẫn ngã ở bên này.  
Ngoài kia hàng chuối thân trơn mát  
Đôi lúa hay ôm áp má dầy. . .  
Đôi má tròn xinh của tuổi đương  
Mê ăn mê ngủ sống như thường  
— Một mình trở lại bên cây chuối  
Áp má vào cây thấy cắn xương.*



### Độc óc

Còn gì sướng cho bằng trông cặp mắt  
 Êm như nhung, sưng tím, lệ tràn trề ;  
 Ngắm bộ ngực tròn xinh đau quặn quại  
 Nặng nề buồng từng hơi thở đê mê !  
 Nguồn vui thú hãy tìm trong tiếng khóc  
 Rách đau thương như lụa xé, tơ rời ;  
 Trên cặp môi đỏ tươi như vết máu  
 Kiếm nụ cười héo hắt tựa hoa rơi.  
 Vì ta quá yêu em — nhưng thất vọng !  
 (Ngàn muôn năm yêu chỉ nghĩa là điên)  
 Nên ta mong lấp vùi lòng đau đớn  
 Trong những giờ vui thú nhọn như kim.  
 (Hoa niên — 1938-41)



### Mua hoa

Anh mua bó hồng tươi  
 Tặng người anh gặp gỡ  
 — Người ta bỏ tôi rồi ;  
 Tôi mua làm chi nữa ?

Anh dùng bó huệ trắng  
 Biểu một kẻ tương thân.  
 — Tôi có một người bạn  
 Nhưng may chẳng được gần.

Đừng hỏi nữa người ơi !  
 Tôi chẳng thích hoa tươi.  
 Người bán giùm hoa héo  
 Đề tôi tặng lòng tôi.

(Hoa niên — 1938-41)



## Những đêm tối

Những đêm tối là giờ lo tĩnh tọa,  
 Những chiều im là buổi ráng cầu kính,  
 Ta đắm say mê, tín đạo Ân-tình.  
 Đọc câu kệ : « Yêu em anh nhớ quá ! »  
 Với mong mới thiết tha thành chánh quả ;  
 Hồn mong manh trực tiếp với người yêu.  
 Miệng lâm râm, ta tụng niệm thật nhiều,  
 Tay cung kính khoanh đê trên ngực sợ,  
 Mắt chẳng thấy vật chi tuy vẫn mở,  
 Tai bưng im góc bỏ chuyện bên mình ;  
 Ta thành tâm chờ đợi phút anh linh  
 Im lặng đến, không biết gì. không nghĩ. . .  
 Kia em lên / rực rỡ bốn phương trời,  
 Đôi mắt to ném lửa sáng nơi nơi,  
 Vòng trán rộng hào quang lửa chói rực  
 Ta thấy sáng, hồn phiêu diêu thoát tục  
 Lòng lâng lâng không muốn ước mơ chi  
 Mắt lim dim, đầu cúi gục, chân quì  
 Mở hết cửa tâm hồn chờ thanh nhập.

(Hoa niên — 1938-41)



## Tâm sự (1)

(Tặng Nguyễn Văn Bổng)

Khi đại chúng tiến nhanh hài bảy dặm:  
 Vươn gót lên tình đẹp, ý thom đời,  
 Ta quanh quần giữa kiêu căng vực thẳm ;  
 Con ốc nằm nghe sóng vỗ xa khơi.  
 Cây cao đứng yên nhìn dòng nước chảy.  
 Ngựa tứ dừng, trông đôi bánh xe quay.  
 Đem tự phụ ta chìm, khi cả thấy  
 Đất nhau đi tin tưởng giữa ban ngày.

Đỉnh trí thức phượng rờng tuồng trẻ nhỏ,  
 Đáy tâm tư vàng ngọc cũng trò chơi.  
 Ta vẫn tưởng ta bị đời quên bỏ,  
 Nhưng chính ta, ta đã bỏ quên đời.



### Những con chim (2)

Các em đến, vườn hờn ta đón đợi,  
 Những con chim tư tưởng ở phương trời.  
 Vượt trùng dương, các em đến xa khơi,  
 Làn gió mới thổi lồng trang giấy trắng.

Đón đợi vườn ta, mấy mùa bỏ vắng ;  
 Ý sương mờ rêu phủ gốc cây tang ;  
 Những lá khô, trái thối, những hoa tàn ;  
 Pho sách bịt bùng, cái tôi kín mít.

Bầy chim yến sớm trưa chiều thút thít,  
 Giếng qua đời mờ mịt bóng hoàng hôn.  
 Những đường cong quanh quần chạy trong hờn  
 Đưa bề tấc đến bờ sâu vực thẳm.

Các em đến, hời bầy chim ý thắm !  
 Vườn hờn ta trở dậy khúc sinh ca,  
 Cả không gian đắm ấm khí dương hòa,  
 Trong nắng mới reo sắc màu lá trở.

Cựa mồm sinh hân hoan lòng đất mở ;  
 Hoa tâm tư ngào ngọt tỏa hương thơm,  
 Tròn tay ôm trầu nặng ngọt mùa hờn.  
 Ta thay đời con người nhìn cuộc sống.  
 Thép thực tế đẹp hơn vàng ảo mộng ;  
 Ta dí tay vào trán vạch con đường ;  
 Mến yêu thêm, san sẻ tấm tình thương,  
 Hòa giọt nước cá nhân trong bốn bề.

Em yêu mến, hơi bầy chim thế hệ !  
 Ta yêu em say đắm cả lòng say.  
 Mỗi tình tri âm khăng khít cả đêm ngày,  
 Trang sách chung giường, ngọn đèn chung bóng.  
 Những trưa nắng gió hè đưa đầy vông,  
 Những mai xuân hy vọng mặt trời xinh,  
 Những đêm thu vắng vặc ánh trăng tình,  
 Những chiều đông tỉ tê mưa gió lạnh,  
 Em mớm cho ta những dòng nhựa mạnh ;  
 Ta tin vui hương sắc kết hoa đời.  
 — Hơi bầy chim tin tưởng của ta ơi !




---

1) và 2) Chúng tôi trích hai bài thơ trên đây làm tiêu biểu sự chuyển biến của Tế - Hanh từ giai đoạn thơ hồn quê qua lãng mạn trữ tình. và đến đây, ta thấy hồn thơ như bừng sống bởi một sinh khí mới.

---

## THAO - THAO

---

**T**HAO - THAO là bút hiệu, tên thật Cao bá Thao, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1908 ở làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh (Bắc-phần).

Năm 1931, dạy học tư.

Năm 1936 trở đi, ra viết báo. Lần lượt làm phóng viên cho các báo : Việt báo, Tin mới, Tia sáng.

Bắt đầu làm thơ 8 chữ từ năm 1934 và vạch một con đường mới làm một loại thơ một câu, lời ít mà tứ nhiều.

Đã tự lực xuất bản :

- Dưới trăng
- Bờ suối
- Thuyền mơ
- Duy tân
- Ải Bắc (thiên anh hùng ca bất hủ Việt-nam, viết xong ngày 20-12-1941, nhà Lê Thăng Hà - nội xuất bản năm 1950).
- Quán biên thù (kịch thơ, tục bản nghìn thứ ba do nhà Lê Thăng Hà - nội xuất bản năm 1950).
- Người mù đạo trúc (kịch thơ ba màn đã diễn hai lần tại Nhà Hát Lớn và nhiều lần tại các tỉnh, và các vùng quê trước năm 1946 ; được tục bản do nhà Phúc Thăng Hà-nội ấn hành 1950).

*Nghe xa xa rùng thông đang to nhỏ  
Cùng gió mây như ngủ giấc buồn đau.*

(Dưới trăng)

**T**IẾNG thơ của Thao-Thao vang dội tự thuở nào — trong thời tiền chiến.

Đã một lần Thế-Lữ phê bình *Dưới trăng* là tập thơ đầu của Thao-Thao trong tuần báo *Phong hóa* số 136 ra ngày 15-2-1935. Tập thơ chỉ vón vẹn 16 trang mà Thế-Lữ đã chế diễu :

« *Thao - Thao thì phải bất tuyệt chứ ! Nhưng ở đây chỉ thao thao có 16 trang giấy nhỏ thôi. Thực đáng phàn nàn vì đây không theo phải là một cuốn thơ dở.* »

Thời tiền chiến phong trào thơ mới ò ạt đầy tâm tư lớp người trẻ vào khúc quanh lằng mạp trên lịch sử văn học, nhưng Thao-Thao một mặt không thủ cựu, một mặt cũng không đề dòng thời gian lồi vào những trụy lạc ái tình. Thao - Thao đã tìm cho mình một hướng đi, một ngã rẽ, hay nói cách khác, một địa vị tuy không được ca tụng, nhưng cũng không đề tiếng thơ mình bị phũ phàng.

Là một nhà thơ hoài cổ, thiết tha với hồn dân tộc, nhưng Thao-Thao không đi quá xa vào cõi siêu tưởng như Chế Lan-Viên, chìm ngập trong hình ảnh ma quái, bói móc những viên gạch rụng trong những cờ tháp của dân Hời. Thao-Thao cũng không là những nhà thơ sáo, lấy những tư tưởng khí phách cũ kỹ làm nơi giải thoát tâm hồn. Tiếng thơ của Thao-Thao đi từ tình cảm đích thật của con người, vượt lên khỏi cái « ta » mà trong thế hệ 1932 — 1945, đa số thi nhân đã dùng nó để ngự trị tình cảm.

Cuộc đời thơ của Thao-Thao có một cái gì khác ngoài trước mọi biến cố lịch sử nhân loại — chúng tôi muốn nói đến hoài bão của thi nhân trên hồn dân tộc.

Nếu bảo dân tộc là một con thuyền mà thế giới loài người là mặt đại dương, thì mặt đại dương là nơi gây phong ba, bão tố để nhận chìm những con thuyền bé bỏng mong manh không đủ sức chống đỡ những trận cuồng phong ấy.

Con thuyền dân tộc và đại dương của thế giới loài người là hai sức đối kháng tiềm tàng, mãnh liệt gây thành lịch sử nhân loại.

Cảm giác ấy đã tác động vào hồn thơ thi nhân :

*Chiếc bè trôi lênh đênh trên mặt biển,  
Có một người yếu rũn tay chèo,  
Vì đói lá mà sóng biển gặm reo.  
Mây đen sẫm, trận cuồng phong kéo đến.*

(Người vượt biển)

Nếu con người là tiềm lực đấu tranh với thiên nhiên, thì dân tộc cũng là tiềm lực đấu tranh với nhân loại.

Vì sự sống động đương nhiên của vũ trụ, vũ trụ không tạo ra phong ba bão táp để riêng hại loài người, mà loài người phải chết vì phong ba bão táp. Vũ trụ cũng không sinh ra nhân loại để sát hại lẫn nhau, thế mà con người lại trở thành nạn nhân của nhân loại.

Hỡi loài người ! tình cảm là gì ? phải chăng tình cảm là những ưa thích, những ước vọng vươn lên, đưa cuộc sống con người đến chỗ Chân, Thiện, Mỹ ? Vậy, loài người có cảm giác thế nào khi thấy một chiếc bè lênh đênh giữa đại dương, mà người vượt biển đói lá, rũ tay chèo, trong lúc sóng biển gặm reo, mây đen mù mịt, trận cuồng phong nổi dậy :

Và :

*Gió tung hoành. Sóng dào dạt. Bè nghiêng  
Người nhào theo, nhưng ngó ngoi cố bám.  
Bè trào qua. Giữa sóng reo tựa sấm.*

(Người vượt biển)

Hay loài người đổ lỗi cho người vượt biển không lượng sức mình, không thủ phận thấp hèn, lại làm cái việc mạo hiểm điên cuồng ấy ?

Không !

Thi nhân không nghĩ thế, và cũng chẳng gọi nạn nhân của xã hội loài người là một sinh vật ngu đần !



Thật vậy, theo thi nhân, lịch sử xã hội loài người là một trạng thái tranh đấu tự tồn, một quốc gia yếu hèn, một dân tộc nhược tiểu cần phải vươn lên để tự tại. Năng lực tự tại ấy là tâm hồn, là bản lĩnh, là cảm giác trước mọi nguy cơ.

Trước phong ba bão táp, con thuyền có thể bị đắm, người vượt biển có thể bị sóng nhận chìm tận đáy nước, nhưng tâm hồn của nạn nhân không vì thế mà im hơi, nghẹt thở, không thốt ra một tiếng kêu gào :

*Tiếng người kêu ! Ôi ! hồn nước linh thiêng !*  
(Người vượt biển)

Tiếng kêu gào ấy là gì ? Nó là tình cảm, là khát vọng vươn lên để tìm Chân, Thiện, Mỹ.

Tiếng kêu ấy khi được đặt trong lãnh vực thi ca nó trở thành nghệ thuật, thoát ra ngoài những tiếng kêu than thường tình của con người — chúng tôi muốn ám chỉ con người của xác thịt.

Gọi lên tiếng rên của hồn nước, khơi vào lòng người một đóm lửa tâm tư, thi nhân đã từ « người vượt biển » đi thẳng về phía biên thùy « Ải Bắc », sáng tạo những vở kịch « anh hùng ca ».

Cho nên tiếng kêu cứu của « người vượt biển » cũng là tiếng kêu cứu của « Hội-nghị Diên-hồng ».

*Hỡi các người ! Ta trung cầu ý kiến*  
*Hỡi các người ! Nên hòa hay nên chiến ?*  
*— Nên chiến ! Nên chiến ! Chiến đến kỳ cùng !*  
*Tiếng reo hò rung chuyển điện Diên-hồng.*

(Ải Bắc)

Tình cảm của thi nhân hòa vào tình cảm nguy vong của dân tộc, mà lập trường của thi nhân là chiến đấu, san bằng những bất công trong xã hội loài người.

*Chi nay mai là chúng vượt biên thùy,*  
*Chúng tràn sang là nước mắt, dân nguy !*  
*Chúng sẽ chặt, chặt đầu hàng vạn !*

Sẽ bầm vằm, sẽ phân thây nhan nhản !  
 Sẽ đào mồ, sẽ đẩy má, quật lẳng. . .  
 Ói ! tàn hại ! Còn tàn hại nào bằng ?

(Ái Bắc)

Tại sao thi nhân tự tìm cho mình một ngã rẽ, đào sâu trong cuộc sống loài người những hình ảnh hung tàn, những tiếng kêu nghệt thở như vậy ? Đó chính là thi nhân đi tìm một khuynh hướng nghệ thuật. Thi nhân coi đời chỉ là trạng thái đương nhiên :

Vùng trời cảnh mộng  
 Duyên gì đâu bao mộng đẹp tiêu tan ?  
 Vì loài người ưa xương phơi gò đống  
 Chém giết nhau để rồi dài ngắn thở than.  
 (Người mù đạo trúc)

Trước những bất công của loài người, thi nhân cảm thấy cần phải chống chọi để giữ chỗ đứng. Tuy nhiên, tâm tư con người chỉ là sản phẩm của nội thức, mà ngoại vật diễn biến là qui luật chung của vũ trụ. Nếu từ tiếng thơ « Ái Bắc » thi nhân khơi lên một đóm lửa tranh hùng tập thể, thì ở tập « người mù đạo trúc » hoặc « quán biển thù » thi nhân đã đưa tâm hồn mình đóng khuôn vào lãnh vực « anh hùng cá nhân » và đi vào yếm thế.

Một Kinh-Kha xách gươm mạo hiểm sang Tần biết đâu không là tâm trạng của thi nhân khi thấy tiếng kêu cứu của « người vượt biển » và « Hội-nghị Diên-hồng » chỉ là tiếng gió thoảng trong xã hội mà thi nhân đã diễn tả :

Lửa dục vọng bùng bùng vang sông núi,  
 Niềm oán sầu ngùn ngụt tỏa trời mây !  
 Trời lồng lộng vang hoài lời khóc tủi,  
 Đất riêng mang phủ mái máu hồng say. . .  
 (Người mù đạo trúc)

Và thi nhân oán trách xã hội loài người càng lắm than càng cảm điếc trước cảnh tàn nhẫn :

*Cõi trần này nghĩ bao nhiêu thêm oán  
 Tranh giành nhau, thù, oán, hận, mờ mây.  
 Ước hiệp nhau, mưu diệt nhau tàn nhẫn  
 Sống bàng hoàng bên xương vụn máu đầy.*  
 (Người mù đạo trúc)

Tiếng gọi của quốc hồn cứ vang lên mãi, nhưng rồi có lúc thi nhân cảm thấy như bị lạc loài, cô độc ; gào không tiếng vang, kêu không đáp ứng, những khi như thế, tâm hồn bị thương ấy thường hay thả lỏng để theo đuổi một bóng trăng soi :

*Canh khuya đuổi bóng dậm trường  
 Hằng-nga trông thấy giữa đường đuổi theo.  
 . . . . .  
 Bóng tôi, tôi bóng, chùng chình  
 Bên đường làn nước rung rinh ánh vàng.*  
 (Đuổi bóng)

hay mơ màng theo một tiếng sáo Tiêu-lang đi về cõi u uất xa xưa :

*Ôm hồn thu, hồn vỗ cánh bay cao  
 Theo tử thần lướt gió với dề mây.*  
 (Tiêu lang)

Nhưng rồi con người chưa đựng tâm hồn dân tộc ấy khi nghe tiếng sáo của Tiêu-lang thì bỗng liên tưởng ngay đến tiếng sáo uất hồn của Cao Tiệp-Ly :

*Nợ non sông, non sông còn vướng nợ  
 Vay ngày nào ? Đòi trả ? Viền vông chưa ?  
 Lòng kiêu căng muốn lừng vang muôn thuở  
 Mọc che thân, dùng mãi tự nghìn xưa.  
 Lưỡi kiếm thần dù binh không đủ cật  
 Hãy dề lên, sôi nổi khí kiêu căng.  
 Không tu tiên, nhưng lòng trần xưa đây  
 Cùng núi rùng, cao cả nhẹ lâng lâng. . .*  
 (Quán biên thù)

Tiếng sáo uất hờn, yếm thế của Cao Tiệm-Ly có lẽ là nơi gói gắm tâm tư của thi nhân khi tiếng gọi của lòng mình không được đáp ứng :

*Trong trần ai, hiểu nhau đời mấy kẻ ?  
 Đời sống không tri kỷ, sống bằng không !  
 Bạn hiền xa, cuộc đời như vắng vẻ  
 Lòng nặng mang tâm sự, lưỡng chờ mong !*  
 (Người mù đạo trúc)



Cũng với chủ trương đi tìm một nhân sinh quan dị biệt, Thao-Thao cũng đã tự sáng tạo một thể thơ khác lạ gọi là thơ một câu.

Bài thơ chỉ vồn vẹn một câu thôi :

*Bề mặt mừng  
 cát vàng nhạt  
 trắng soi.*

hay :

*Một tiếng quấy  
 im lìm  
 bờ bụi tối.*

hoặc :

*Sông nước mờ  
 hơi sương  
 chấm lửa buồn*

và :

*Trời nước lặng  
 mơ hồ  
 cá đớp trắng*

Cũng như Nguyễn Vỹ làm thơ mười hai chân, sáu chân, hoặc bốn chân chẳng hạn. . . Nói chung là tạo ra một cái gì mới mẻ trong thi ca Việt-nam. Tuy nhiên, thơ một câu của Thao-Thao không thành công và ít người chú ý đến, vì nó không đáp ứng và thích hợp cho một lối diễn tả nào cả.

Tóm lại, cuộc đời thơ của Thao-Thao có thành công một phần nào trên chiều hướng sáng tác, nhưng thi nhân lại không khai thác triệt để chiều hướng của tâm tư mình, cho nên thi phẩm bị rời rạc trở thành như vụn vặt.



## Thi tuyên

Chúng tôi xin ghi lại những điểm chính yếu trong thi  
phẩm trường thiên *Ái Bắc* :

### Ái bắc

Cuối năm Giáp-thân, đời Trần Nhân Tôn  
Tính đến ngày nay sáu trăm năm hơn  
Vua Thế-tổ nhà Nguyên : Hốt-Tất-Liệt  
Muốn gôm thâu lấy nốt cả nước Việt  
Bèn truyền cho Thái-tử là Thoát-Hoan  
Cùng Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi một đoàn,  
Thống xuất năm mươi vạn quân Mông-cò  
Thăng Việt-nam do hai đường thủy bộ  
. . . . . 30 dòng . . . . .

Với đạo binh hai trăm nghìn tướng sĩ  
Quân Mông-cò như hung thần, ác quỷ  
Như cuồng phong nổi sấm chớp tung hoành.  
Từ đất Mông tới Vạn-lý Trường-thành.  
Vạn-lý-thành nổi tiếng là kiên cố  
Dân Trung-hoa đời đời chuyên dụng võ  
Nào binh thư, nào chiến lược lấy lòng  
Nào danh thần, nào danh tướng oai hùng  
Nhào đờ tất ! than ôi ! nhào đờ tất.  
. . . . . 11 dòng . . . . .

Quân Mông-cò hung tàn như thế ấy  
Nay lại thêm lửa hờn đang bùng cháy  
Vì Sài-Thung, quan lễ-bộ thượng-thư,  
Tới Nam-quan bị quân ta bắn mù.  
Nhục thiên sứ, hẳn là Hốt-Tất-Liệt  
Phải trả thù, phải diệt trừ nước Việt.  
Thối hung tàn căm chắc phải hơn nhiều  
Phải muôn phần khùng khiếp đến tiêu điều

. . . . . 4 dòng . . . . .

Trúng chọi đá sao hằng giờ trước hầy  
 Phái sứ thần mau mau ra biên ải  
 Xin lui binh. Rồi sắp sẵn ngựa voi,  
 Sừng tê và châu báu và đời mỗi  
 Và nho sĩ và thợ thuyền, thầy bói  
 Và lang y, kén những người tài giỏi  
 Cống thiên triều và giữ lệ ba năm  
 Yên can qua và tránh khỏi ngoại xâm.

. . . . . 4 dòng . . . . .

Nhưng . . . nhưng Hưng-Đạo Vương Trần-quốc-Tuấn  
 Thét vang lên, mặt bừng bừng sắc giận :  
 — Không được đâu ! Bàn thế không được đâu,  
 Có nhẽ nào hèn nhất cả như nhau.

. . . . . 4 dòng . . . . .

Quân Mông-cò là những quân tàn bạo  
 Khát máu người, hung hăng như hổ, báo  
 Chỉ lấy điều chém giết làm vui tay  
 Phỏng tha chi dân nước Việt-nam này ?  
 Chúng tìm cứ đánh Chiêm-thành mượn lối  
 Nước Chiêm-thành hỏi làm chi nên tội ?  
 Chẳng qua là lập mẹo lừa lừa nhau  
 Đề chiếm thành, đề cướp nước cho mau  
 Ta nào mắc ? Còn ta đây nào mắc ?

. . . . . 25 dòng . . . . .

Vương tâu vua xin lấy điện Diên-hồng  
 Dùng làm nơi hội họp cho thật đông  
 Các bô lão trong dân làng đủ mặt —  
 Lấy ý nghĩa là giang san còn, mắt  
 Kẻ làm dân có trách nhiệm dự phần —

. . . . . 5 dòng . . . . .

Vua chuẩn tấu rồi y ngày hội nghị  
 Các bô lão trong làng được chỉ  
 Từ bốn phương nhắm thẳng lối Thăng-long.

. . . . . 11 dòng . . . . .

Điện Diên-hồng đủ vấn vớ bách quan  
 Dủ đại diện của toàn quốc dân gian  
 Vua cảm động, tả tình hình quân giặc  
 Đang hằm hè, hò vang trên ải Bắc.  
 Chỉ nay mai là chúng vượt biên thù,  
 Chúng tràn sang là nước mất dân nguy !  
 Chúng sẽ chặt, chặt đầu ngàn vạn !  
 Sẽ băm vằm, sẽ phanh thây nhan nhản !  
 Sẽ đào mồ, sẽ đẩy mả, quật lảng. . .  
 Ôi ! tàn hại ! Còn tàn hại nào bằng ?

. . . . . 12 dòng . . . . .

Hỡi các người ! Ta trưng cầu ý kiến  
 Hỡi các người ! Nên hòa hay nên chiến ?  
 — Nên chiến ! Nên chiến ! Chiến đến kỳ cùng !  
 Tiếng reo hò rung chuyển điện Diên-hồng.

. . . . . 25 dòng . . . . .

Trở gương sang, Thoát-Hoan đầy tức giận :  
 — Dám ngăn đường cản lối, quân Nam-man !  
 Được bao hơi, lũ chuột chết to gan ?  
 Tướng ta đâu, còn đợi chờ chi nữa ?  
 Tướng Phàn-Tiếp vội vung thương phi ngựa  
 Bên Việt quân, Phạm-Ngũ-Lão xông ra  
 Múa thanh siêu như gió táp mưa sa  
 Cùng Phàn-Tiếp tung hoành vòng kịch chiến.

. . . . . 77 dòng . . . . .

Mấy ngày liền không thấy giặc tấn công  
 Hương-Đạo Vương đang ngờ vực trong lòng

. . . . . 22 dòng . . . . .

Mấy hôm sau do lối tắt đường rừng  
 Quân Thoát-Hoan lại kéo tới điệp trùng  
 Vây Chi-lăng ba bốn vòng thật chặt  
 Luôn ngày đêm khởi thế công gay gắt.

. . . . . 22 dòng . . . . .

Chợt nhớ đến thứ muôn phần tàn hại  
 Mỗi khi dùng đề phá thành, phá ái  
 Thì tiếng vang như sấm nổ tung hoành  
 Thành bật tung, ái nát, vỡ tan tàn.

Ấy là thứ chế ra rất mới lạ  
 Từ Nguyên-chúa đề gồm thâu thiên hạ.  
 Nay Việt-quân giữ mãi, phá không xong  
 Ấu là thử đem dùng thứ. . . thần công.

. . . . . 4 dòng . . . . . ;

Súng thần công quay đầu nhằm quan ái  
 Quân châm mỗi hai tai nút bông vải  
 Lửa cháy loang. . . một tiếng nổ chuyền trời  
 Ái rung rinh, gạch nát vụn, tơi bời. . .

. . . . . 37 dòng . . . . .

Thấy quân Mông đang ngày đêm rông rở  
 Vua Nhân-Tôn bàn với Hưng-Đạo-Vương :  
 — Xét tình hình thế giặc mạnh quật cường  
 E rằng t : cứ dằng dai chống mãi  
 Chi hao binh thêm dân gian tàn hại  
 Hay hàng đi ? Hay nghe trẫm hàng đi !  
 Đề cứu dân. Đề thoát khỏi hiểm nguy. . .

Vương quỳ tâu : Bệ hạ muốn hàng giặc  
 Là vì dân, là vì lòng nhân đức  
 Nhưng bệ hạ quên xã tắc, tôn lãng  
 Đề giặc tàn, đề giặc phá đi chẳng ?  
 Muốn đầu hàng, xin chém đầu thần đã  
 Đầu thần còn thì, muôn tâu Bệ-hạ,  
 Xã tắc còn, xin Bệ-hạ đừng lo  
 Quyết bại Mông, thần sắp sẵn mưu cơ.

. . . . . 4 dòng . . . . .

Vương hạ lệnh chiêu binh rồi thảo hịch  
 Lẽ tồn vong, Vương đem ra khuyến khích.



. . . . . 147 dòng . . . . .

*Dặm trường khuya hơn hai mươi vạn quân  
Đều một lòng diệt giặc báo quân ân  
Trên cánh tay mỗi hờn cầm bao quát  
Nỗi hân lên hai chữ chàm « Sát Đát ».*

*Buổi tiễn đưa đoàn cảm tử lên đường  
Các bô lão, nặng một lòng quân vương  
Trở gậy nguyên : « Nếu trời kia không tựa  
Giang sơn tan, thù quân vương không rửa  
Thì thân già sống nữa mà làm chi ?  
Muôn ngàn năm, trời hỡi ! hận mang đi ! »*

*Lời ông cha như nấu nung lửa giận  
Tình phu thê thêm nặng lời căn dặn :  
— Nếu phen này không diệt được quân kia  
Thì từ đây chớng vợ hân phân chia,  
Vì thua thì phu quân bị giặc giết,  
Vợ phu quân khó chu toàn danh tiết,  
Đành chết thôi ! Nhục nhā đành chết thôi ! »  
N hư xé gan tráng sĩ buổi chia phôi !*

. . . . . 21 dòng . . . . .

*Dồn thủy trại được non nghìn chiến thuyền  
Hưng-Đạo-Vương bèn hội đồng chư tướng  
Sai Nguyễn-Khoái, Yết-Kiêu và Dã-Tượng  
Linh binh thuyền làm hữu đội thủy quân ;  
Làm tả đội, Vương sai Lê-Phụ-Trần  
Nguyễn Địa Lô và tướng quân Ngũ-Lão  
Hai cánh quân, dứt lời Vương khuyên bảo  
Dạ vang sông, chèo cuộn sóng tơi bời.*

. . . . . 14 dòng . . . . .

*Thuyền cách nhau độ chừng vài ba sải  
Rừng gươm dao đã chan chất va nhau ;  
Trên mặt sông đã dềnh máu đỏ ngầu  
Của đầu rụng, của người rơi theo xuống.*

. . . . . 260 dòng . . . . .

Y theo diệu kế của Hoài Văn-Hầu,  
 Trần-Quang-Khải cùng Ngũ-Lão dẫn đầu  
 Một đại đội chiến thuyền vượt Nam-hải  
 Vòng vào sông Phú-lương nhằm thủy trại  
 Của Thoát-Hoan do A-Thích canh phòng.

. . . . . 53 dòng . . . . .

Tới Tràng-an, Hưng-Đạo-Vương dừng lại  
 Trao mật thư cho thượng tướng Quang-Khải  
 Sai đóng nhiều bè gỗ và bè tre  
 Chặt thật nhiều lá vụn lên trên bè  
 Rồi thuận dòng, từ thượng lưu chảy xiết  
 Thả cho trôi, trôi theo dòng biển biệt.

Quân theo sau, gần đến bến Đại-hoàng  
 Nghe xa xa trống trận nổi vang vang  
 Là sắp sẵn đề chờ giờ quyết liệt. . .

Theo sau ' ẽ trên dòng sông chảy xiết  
 Đoàn thủy quân do Quang-Khải dẫn đầu  
 Đang mãi nhìn những bè trôi rất mau  
 Bỗng giật mình vì tiếng loa vung vẫy. . .

Lệnh truyền quân của Quang-Khải vang dậy :  
 — Hỡi thủy quân ! Sắp giáp trận đến nơi !  
 Vì ta nghe mé hạ lưu xa xôi

Có tiếng trống, tiếng hò reo hỗn độn.  
 Ta độ chừng tặc binh đang khốn đốn  
 Bởi thủy quân của Võ-Vương, Nhượng-Vương  
 Từ hạ lưu đánh lên, mạnh phi thường ;  
 Lại thêm có tướng tài rất lão luyện  
 Trong bao lâu danh lừng về thủy chiến  
 Là Dã tướng-quân và Yết tướng-quân  
 Họ Phần kia, phen này khó thoát thân !

Đúng như lời của thượng tướng Quang-Khải  
 Mé hạ lưu, Việt-quân rất lợi hại  
 Đang đánh lên, mỗi lúc một quật cường.  
 Quân Phàn-Tiếp chống đánh gần cạn đường  
 Bỗng hậu quân thành linh dâm rối loạn  
 Thuyền xô nhau đắm chìm và đứt đoạn.  
 Vì bè đá. . . bè đá cứ xô vào . . .  
 Ngăn không nổi, quân Phàn-Tiếp xô xao.  
 Rồi giữa lúc tiến, lui không đường lối  
 Quân Quang-Khải theo bè, đánh tràn tới.  
 Vỡ tan binh. . . Phàn-Tiếp vỡ tan binh. . .  
 Chạy thoát thân. . . Việt-quân chiếm thủy dinh.  
 . . . . . 153 dòng . . . . .

Bị Việt-quân, sau lưng, cố đuổi giết  
 Bắn tên theo, quân mình ngã la liệt  
 Lý-Quán sợ tên bay trúng Thoát-Hoan  
 Trúng tên độc, tính mệnh khó chu toàn.  
 Vội ghé tai : Lúc này xin Thái-tử  
 Dòng lá ngọc cành vàng phải gìn giữ  
 Tạm quyền nghi, chui vào trong ống đồng  
 Không, quân kia trông thấy thì khó lòng !

Chiếc ống đồng nằm trong có Thái-tử  
 Do Lý-Quán chạy theo sau gìn giữ  
 Chạy thâu đêm, gần đến châu Tư-minh  
 Đang mừng thầm sắp qua bước điều linh  
 Bỗng giết mình vì Việt-quân sau núi,  
 Muôn ngàn tên cùng bắn ra tui bụi.  
 Tướng Lý-Quán bị trúng tên chết liền  
 Riêng Thái-tử Thoát-Hoan, số thần tiên,  
 Trong ống đồng ung dung nằm, thoát nạn.  
 . . . . . 46 dòng . . . . .

Thoát về Tàu với đoàn quân bị thương  
 Nghĩ bao nhiêu Thoát-Hoan càng kinh hãi. . .  
 Đất Việt-nam không bao giờ trở lại.

( Ai Bắc )

## QUÁN BIÊN THÙY

## HỒI THỨ NHẤT

## MÀN I

Quán Biên-thùy ; ba gian nhà tranh  
 bên cạnh đường thẳng Yên - Triệu.  
 Chung quanh bao la rừng, núi . . .

CAO TIỆM LY, một mình

*Lòng lâng lâng, không mấy may vương víu  
 Xa bụi trần, gần rừng núi hoang vu  
 Nong gió trắng, quán ba gian êm dịu  
 Rượu vơi bầu, ngâm điệu trúc âm u.*

(Cảm. trúc vừa tiến đạo  
 thì Kinh Kha về.)

## MÀN II

(Cao Tiệm Ly, Kinh Kha)

## KINH KHA

*Cao hiền khuynh ! Vui chi ngân điệu trúc ?  
 Rượu vơi bầu. . . Không bạn cũng say sưa !  
 Ngày tháng nhàn, lâng lâng niềm trần tục  
 Đường lên tiên, chùng nghĩ tới hay chưa ?*

## CAO TIỆM LY

*Dường lên tiên, mộng ngày đêm khăng khít  
 Mộng trời mây năm sắc, gặp thần tiên.  
 Xa trần gian, nơi bụi bay mù mịt  
 Nơi mênh mông, sầu, oán, hận vô biên. . .*

## KINH KHA

*Huynh mơ tưởng xa trần gian mờ bụi  
 Xa trần gian, nơi sầu oán miên man  
 Hận đầy vơi, ngày đêm căm với tủi  
 Luôn tranh giành, xâu xé bao nguy nan ?  
 Huynh mơ tưởng vì đời không vương vấn  
 Không oán, sầu, căm, tủi, hận đầy vơi !  
 Đời tranh giành, đứng đưng không chút bận  
 Đời xô nhau, xâu xé, nhờn như chơi !*

Gác sự đời huynh ngày đêm mơ tưởng  
 Mơ trời mây năm sắc đẹp say sưa  
 Rẽ mây hồng, hạc lưng trời bay xuống  
 Mời huynh lên tiên giới, mộng nghìn xưa !

Lòng cũng muốn say, mơ đời như mộng :  
 Mộng thần tiên ! Mộng ấy, mộng vô song !  
 Nhưng nghĩ lại, giận thân dài, vai rộng  
 Kiếm thần đeo chưa trả nợ non sông.

#### CAO TIỆM LY

Nợ non sông ! Nợ non sông, đèn sách !  
 Nợ bút nghiên ! Nợ hồ hải, kiếm cung !  
 Nợ áo cơm... Nợ... làm sao phân tách  
 Kề cho cùng những món nợ mung lung ?

Vì rủi ro, rủi ro không xong nợ ?  
 Thân không toàn, bao chí nguyện dở dang !  
 Vui xương tèn, nghìn thu nơi bùn cỏ. . .  
 Hận bao người. . . Vì trần thế đa mang !

Nợ non sông ! Non sông còn vương nợ !  
 Vay ngày nào ? Đòi trả ! Viền vông chưa ?  
 Lòng kiêu căng muốn lừng vang muôn thuở  
 Mộc che thân dùng mãi tự nghìn xưa !

Lưỡi kiếm thần, dù linh, không đủ cậy  
 Hãy đề lên, sồi nôi, khí kiêu căng.  
 Không tu tiên nhưng lòng trần xưa đây  
 Cùng núi rừng cao cả, nhẹ láng láng. . .

Kìa rừng khuya đang xa xôi tiếng dội  
 Núi điệp trùng mơ đuổi ánh trăng xanh ;  
 Gió lườn khe, buồn âm u thăm hỏi :  
 — Nước về đâu, vàng dậu, chảy thâu canh ?

Nước từ nguồn, mệnh mang ra bề thăm  
 Bề bao la, chứa đựng : nước, trời, mây,  
 Cả trăng sao, cả cù lao nghìn dặm  
 Núi chạy dài. . . Rừng mời cánh chim bay.

Bao nhiêu cảnh rừng núi xa bề cả  
 Cảnh non Bồng, nước Nhược chốn thiên nhai  
 Cảnh muôn năm, mây trời trăm vẻ lạ  
 Hoa đón chào, chim mừng hát vang tai.  
 Bao nhiêu cảnh đẹp thiên nhiên chờ đợi  
 Lấp bụi trần, không thấy, thiệt thòi chưa ?  
 Rẽ bụi trần, đường lên tiên mau tìm tới  
 Nơi muôn năm vui mãi mộng say sưa.  
 Kính hiền huynh ! Hiền huynh sao lặng lẽ ?  
 Hay say sưa theo dõi mộng chân mây ?  
 Miền non Bồng đẹp muôn hình, muôn vẻ  
 Hoa đón chào, vùng nước Nhược vui thay !  
 Nơi thiên nhai, muôn năm ta ở mãi  
 Ta ngâm thơ, ta dạo trúc ngâm nga  
 Ngày tháng dài, cảnh vui say, mê mãi  
 Ngó trần gian, cười mỉm, một đôi ta . . .  
 Ta đi thôi ! Còn dùng dằng chi nữa ?  
 Trăng chờ ta, rừng núi lặng nghe ta . . .  
 Kìa ! Xa xôi . . . xa xôi . . . mờ ánh lửa . . .  
 Phải Đào-nguyên thuyền lững lờ trôi xa ?

## KINH KHIA

Cao hiền huynh ! Mộng thần tiên kỳ lạ  
 Nghe hiền huynh mô tả lưỡng mê say ?  
 Miền non Bồng . . . mây hồng trôi êm ả  
 Hoa đón chào, vùng nước Nhược vui thay !  
 Nơi Đào-nguyên, thuyền ai lơ lửng đợi  
 Lửa mờ trong sương phủ, ôi ! nên thơ !  
 Cảnh nên thơ, nơi xa xôi . . . vởi vởi . . .  
 Nơi cuốn lôi hồn mộng . . . nhìn ngàn ngơ . . .  
 Thả hồn trôi, trôi theo, lòng những muốn  
 Cảnh non Bồng, nước Nhược mãi say sưa . . .  
 Ngày tháng dài, mộng miền man lơi cuốn  
 Nhưng, lánh đời, đời đáng lánh hay chưa ?

*Đời gió bụi . . . Đời mênh mông sâu túi . . .*

*Đời tranh giành, xâu xé, bao nguy nan !*

*Nhưng, thân đã nhăm sinh đời gió bụi*

*Nhẽ tìm lui vì nhứt trí, non gan ?*

*Phải đứng lại : Phải bền gan đứng lại*

*Phải vững mình đời gió bụi xông pha*

*Kiểm thần vung, chém phăng loài tàn hại*

*Thối tranh giành, xâu xé, chẳng dung tha !*

*Lưỡi kiếm thần, huynh coi, bừng lửa sáng*

*Từ bao đời gìn giữ, vật trao tay*

*Cầm soi lên, muôn hào quang loang loáng*

*Nom rừng mình, ánh : non, nước, trời, mây. . .*

*Trao kiếm thần, tỏ phụ căn dặn :*

*Kiểm thần đây, từng cứu nạn, phù nguy*

*Từng tung hoành, từng đánh dư trăm trận*

*Từng trừ gian, từng diệt nịnh, vang uy !*

*Bao kẻ thù, danh vang lừng cường dưng*

*Kiểm vung lên là phách lạc, hồn bay*

*Là máu tuôn, là đầu đầu rơi rụng*

*Là xương phơi đồng nội, hận mờ mây. . .*

*Vì kiếm thần lia qua rừng gươm giáo*

*Như rạch bùa, như rẽ nước, dịu êm ..*

*Thêm hào quang, ánh lạnh lừng huyền ảo*

*Nom gai ghê rừng rợn như sương đêm. . .*

*Nhận kiếm thần với lòng thành, kính cần*

*Mong thời cơ tỏ rạng kiếm anh linh*

*Kiểm thần hơi ! Linh thiêng nghe lời khẩn :*

*Quyết chờ phen cho quý khiếp, thần kinh !*

*Cao hiền huynh ! Mộng thần tiên kỳ lạ !*

*Nghe hiền huynh mô tả lưỡng mê say !*

*Nhưng kiếm thần ! Nhưng kiếm thần vô giá*

*Biết tìm ai đáng mặt để trao tay !*

*. . . . . Có tiếng nhạc ngựa.*

## HỒI THỨ BA

## MÀN I

Sông Dịch-thủy

Hương án, tán, quạt... trong  
sương khuya, buồn rủ. Một  
con thuyền đậu ven sông,  
quanh co dòng nước chảy  
lạnh lùng...

KINH KHA, dừng bước

Đây phải chăng là bên bờ sông Dịch  
Nơi triều Yên sắp sửa tiễn đưa chân ?  
Tiễn đưa ta sang Hàm-dương hành thích  
Giết bạo Tần để cứu vớt muôn dân ?  
Phải đây rồi ! Vì cầu kia đang đợi  
Mé chân cầu cờ xí phất phơ bay  
Hương án tỏa trầm hương, mờ mịt khói  
Quân trang nghiêm, gươm giáo ánh lòa mây.

Phải đây rồi ! Đây là bờ sông Dịch  
Nơi triều Yên sắp sửa tiễn đưa chân  
Ta dừng lại ngắm non sông tịch mịch  
Trời Yên bang sâu ly biệt cố nhân !

Sông Dịch-thủy vời trông sao quạnh quẽ ?  
Nước về đâu mờ mịt lạnh lùng trôi ?  
Ta sắp sửa sang sông, buồn ngán nhẽ :  
Sông còn đây mà khách tận xa xôi !

Ủa ! Kìa ai ? Men sông đang chạy tới  
Nom quen quen ? Ở ! Phải ! Kìa ! Bạn ta !  
Cao Tiệm Ly ! Cao Tiệm Ly bạn hời !  
Quán Biên-thùy không quản nghìn dặm xa . . .

CAO TIỆM LY

Kính hiền huynh ! Dặm nghìn tìm đến bạn  
Và nghe tin bạn sắp biệt Yên bang ?



## KINH KHA

*Qua Hàm-dương, vì Yên bang rửa hận  
Sông Dịch này sắp sửa lúc sang ngang.*

## CAO TIỆM LY

*Ngao ngán nhẽ ! Bao nhiêu ngày cách biệt  
Giờ gặp nhau sắp sửa lúc xa nhau !  
Sông Dịch-thủy, nước lạnh lòng chảy xiết  
Quán Biên-thùy trơ đó, bạn bầu đâu ?*

## KINH KHA

*Quán Biên-thùy, nơi chia đôi cương giới  
Triệu một bên, Yên hồ hững một bên,  
Nâng chén rượu, chiều chiều nghe gió thổi  
Sương mờ mờ bao phủ, hận vô biên.  
Hận vô biên vì tài không chỗ dụng  
Kiếm thần đeo hoen rỉ, tháng ngày qua  
Tê, Ngô, Vệ dậm ngàn, không chỗ đứng  
Đất Yên nhìn . . . hôm sớm . . . núi mờ xa . . .  
Rượu đầy voi . . . âm thầm nghe điệu trúc  
Trúc ngân buồn, rừng núi trĩu lệ sương  
Vỗ kiếm ca . . . lưng trời lờ lờ đục . . .  
Lời buồn than vương vấn ở biên cương . . .*

## CAO TIỆM LY

*Buồn mênh mang, ước ao buồn thể mãi  
Buồn cùng nhau hơn phú quý xa nhau !  
Sông Dịch-thủy, một đi khôn trở lại  
Quán Biên-thùy ếp ủ nỗi buồn đau !*

## KINH KHA

*Đành vậy thôi ! Biết thôi ! Đành thế vậy !  
Nén bi thương ! Hãy cố nén bi thương !  
Đấng anh hùng không tung hoành vang dậy  
Lẽ ơn thâm tri ngộ chẳng tở vương ?*

## CAO TIỆM LY

*Chẳng tơ vương ! Phải đến ơn tri ngộ !  
 Phải báo đền kỳ xứng với ơn thâm !  
 Ơn chừng nào mà hy sinh quá độ  
 Nỡ dứt tình, không doái tiếc tri âm ?*

*Trở lại thôi ! Cùng nhau ta trở lại  
 Quán Biên-thùy êm ái đón chờ ta  
 Cảnh chờ ta . . . Ta say sưa, mê mải  
 Rượu với bầu, dạo trúc, vang lời ca.*

*Ca nổi lòng cùng núi rừng man mác  
 Hòa trúc theo cho mây gió ngàn ngơ  
 Hai nước liền, lắng tai nghe, bàn bạc :  
 Tiên hay trần ? Sự thế coi thờ ơ !*

*Coi thờ ơ cuộc đời thay, đời, xóa  
 Nhục rời vinh, bao vinh nhục nối đuôi  
 Người đắc thắng rung đùi cười hề hã  
 Kẻ bại vong ôm hận biết bao nguôi ?  
 Thành hay bại ? Bàn chi cho nhọc trí ?  
 Nhục hay vinh ? Nghĩ lắm, lắm ưu tư !  
 Tốt non cao, rượu ngon say túy lúy  
 Vang lời ca, hòa tiếng trúc âm u.*

*Trở lại thôi ! Quán Biên-thùy êm ái  
 Miền núi rừng, bao cảnh lạ nên thơ  
 Sông Dịch-thủy, một đi, không trở lại  
 Phụ tri âm ngày tháng buồn ngàn ngơ.*

## KINH KHA

*Phụ tri âm ? Lòng nào đành nỡ phụ !  
 Nhưng việc người trót đã nhận ra tay  
 Quán Biên-thùy, cảnh say sưa vui thú. . .  
 Thành Hàm-dương muôn rúi, một phần may !  
 Cùng tri âm bao nhiêu lâu khăng khít  
 Khi trèo non, khi lội suối vui chân  
 Quán Biên-thùy chiều chiều sương mờ mịt  
 Rượu đầy với, ca hát, trúc vang ngân. . .*

Mộng thần tiên đang say sưa mê mãi  
 Đang muốn dài năm tháng cảnh non tiên  
 Cùng bạn hiền lều tranh sum họp mãi.  
 Nhưng lòng còn canh cánh hận không yên.  
 Hận không yên vì xưa kia tở phụ  
 Trái bao thu làm tướng quốc Tề bang  
 Buồi loạn ly phải trốn sang nước Lỗ  
 Lỗ không dung, thân phiêu bạt, lang thang.  
 Sang nước Ngô, được vua Ngô trọng đãi  
 Miền Chu-phương ấm chỗ chưa bao lâu  
 Sở Linh-vương kéo quân sang tàn hại  
 Tở phụ giờ hờn lằn quắt nơi đâu ?  
 Tở phụ xưa phải lang thang, phiêu bạt  
 Thân ngày nay cũng phiêu bạt, lang thang  
 Thù tở phụ, nợ giang san man mác  
 Nghĩ bao nhiêu thêm lụy nhỏ hai hàng. . .

#### CAO TIỆM LY

Nghĩ bao nhiêu thêm hờn căm vô tận  
 Nhưng cuộc đời thăng, giáng. . . hận phiền chi ?  
 Óm thù mãi chỉ tăng bao lửa giận  
 Giận không tan, ngày tháng nặng sầu bi. . .  
 Hãy tìm quên ! Cuộc đời như ảo mộng  
 Cùng núi rừng cao cả, nhỡn như chơi  
 Trăng dọi soi nơi không gian lồng lộng  
 Buông lòng theo điệu trúc vắng xa xôi. . .  
 Rượu đầy vơi. . . cùng nhau giơ chén cạn  
 Thơ, hứng tình, xướng họa, gặt gù ngâm  
 Cờ bày xóa, được, thua, không chút hận,  
 Đủ căm, kỳ, thi, tửu. . . giữa sơn lâm. . .  
 Kề bao nhiêu, băng khuông, lòng những tủi  
 Xa tri âm, rừng núi chẳng buồn coi !  
 Bầu nhật rượu, trúc lâu ngày đầy bụi  
 Quán buồn tênh, gió thoảng, ánh trăng soi. . .

KINH KHA

Công muốn lui. . . lui về miền rừng núi  
 Quán Biên-thùy ôm lại thú vui xưa !  
 Nhưng nghĩ lại. . . thân giang hồ gió bụi  
 Kiếm thần đeo, chưa tắm máu say sưa !  
 Nghề bí truyền trải bao thu rèn luyện  
 Nhẽ phụ nghề ? Đành để ường công phu ?  
 Sinh nhằm thời khắp non sông biển chuyền ?  
 Kiếm thần đeo đành để rỉ hoen ru ?

Hướng sang nước Tần

Nhìn quân Tần rợp góc trời cờ xí  
 Nhìn quân Tần dồn dập lãn Yên bang  
 Máu nổi sôi như giục người tráng sĩ  
 Kiếm vung lên chém Tần tặc tan hoang.

Hướng về kinh thành Yên bằng khoáng. . .

Kinh thành Yên nghe nổi lòng chua xót  
 Nghĩ chạnh thương Thái-tử, phận « con út ».  
 Thành Hàm-dương bao năm trời ủ dột  
 Nhìn Yên bang, mờ mịt núi sương in. . .  
 Muốn tìm về thành Yên bao tưởng nhớ  
 Nhưng Hàm-dương khôn nổi lọt tròn kim  
 Lệnh Tần vương : Muốn quay về xứ sở  
 Phải chờ khi đầu quạ trắng lông chim. . .  
 Nghe lệnh truyền, Thái-tử Đan ngao ngán  
 Thở dài kêu, luồng oán khí xông lên :  
 Đầu quạ trắng. Thành Hàm-dương bàn tán  
 Nhưng Tần vương vẫn hờ hững như quên.  
 Đành cải dạng, hủy hình dung lãn trốn  
 Hàm-cốc-quan thoát khỏi mới yên tâm  
 Về đất Yên, ngày đêm mong chinh đồn  
 Nhưng binh thua, không thoát khỏi ngoại xâm.

CAO TIỆM LY

Lãn Yên bang, vì quân Yên thua, yếu,  
 Vua, tôi hèn, nước mất, thở than chi ?  
 Mặc Tần vương mang quân sang quấy nhiễu  
 Mặc Tần đuổi, chém, giết, ra uy. . .

Cho chur hầu, mơ màng, bưng tỉnh giấc  
 Cho chur hầu, dựa dẫm, kíp lo thân  
 Kíp sửa soạn đương đầu cùng cường tặc  
 Đủ cậy mình mới xứng đáng trị dân !

## KINH KHA

Kẻ lâm nguy đã dốc tâm cầu khẩn  
 Nhẽ thờ ơ, không cứu vớt cho đang ?  
 Phụ lòng người trăm năm thêm nỗi hận  
 Phụ ơn người, nhắm mắt nợ còn mang.  
 Thái-tử Đan đem giang sơn giao phó  
 Nước mất còn, trông cậy kiếm anh linh  
 Nghề bí truyền bao lâu chờ thi thố  
 Giết Tần vương cho quý khiếp, thần kinh !  
 Như nhớ lại

Vị ân nhân Điền-Quang đâm cò chết  
 Phàn Ô-Kỳ kháng khái chặt đầu dâng  
 Hai anh hùng oán Tần vương cấu kết  
 Nhờ kiếm này, thù nợ rửa lằng lằng . .  
 Tuốt kiếm

Kiểm thần hơi ! Bưng lên muôn lửa sáng  
 Bay vung lên, nhắm thẳng mặt Tần vương  
 Giết phăng giống tham tàn cho lênh láng  
 Cho chan hòa máu chảy đẫm Hàm-dương. . .

( Quán Biên Thùy )



## NGƯỜI MÙ DẠO TRÚC

### MÀN III

#### LÝ THỪA TUỞNG

Tâu Đại-đế : Thần vâng lệnh dẫn vào  
 Người mù đạo trúc. . .

TẦN THỦY HOÀNG bảo Cao Tiệm Ly  
 Người đờn tuyệt giỏi

Trẫm thường nghe và Trẫm thường ước ao  
 Mong sao ngươi đem nghề đờn tuyệt diệu  
 Truyền lại cho .. một cung nữ được không ?

CAO TIỆM LY

*Tâu Đại-đế : Xin tuân lệnh, nhưng liệu  
Cung nữ nào có chịu vui lòng  
Dùng lá ngải hun mù đôi mắt ngọc ?*

TÀN THỦY HOÀNG

*Sao lại phải hun mù ?*

CAO TIỆM LY

*Không chịu mù*

*Thì tâm trí ngửa nghiêng, dù có học  
Tới trăm năm cũng đến ồng công phu !*

TÀN THỦY HOÀNG

*Trăm không dè nghề chơi công phu thế ?  
Thôi đành vậy ! Con người đẹp ngọc ngà  
Mà hai mắt tối bùng thì mất vẻ !  
Giờ, Trăm muốn cùng người đi thật xa :  
Một con thuyền lênh đênh trên sóng nước ?*

CAO TIỆM LY

*Dạ.*

TÀN THỦY HOÀNG

*Thâu canh nghe đồn hát du dương ?*

CAO TIỆM LY

*Dạ.*

TÀN THỦY HOÀNG

*Đào nguyên trôi về nơi mơ ước ?*

CAO TIỆM LY

*Dạ.*

LÝ THỪA TƯỚNG

*Tâu Đại-đế : Đại-đế . . . dễ thường  
Bỏ ngai vàng ? Bỏ triều thần, trăm họ ?  
Có lý nào !*

TÀN THỦY HOANG

*Trăm tạm bỏ một đêm !  
Và thỉnh thoảng, lại một đêm tạm bỏ !  
Thử xem đời hờ hải có êm đềm  
Có gì hơn đời dọc ngang đế, bá ?*

LÝ THỪA TƯỚNG

*Dại-dễ đã quyết đi xin truyền cho  
Thần được phép cử người đi hộ giá ?*

TẦN THỦY HOÀNG

*Trẫm ưng cho, nhưng phải xa xa bờ  
Chớ sát gần ? mắt tự do của Trẫm !*

LÝ THỪA TƯỚNG

*Xin tuân lệnh ! (vào)*

TẦN THỦY HOÀNG nhìn trời rồi nói :

*Đang sáng bỗng tối sầm  
Một bóng mây lướt qua, trắng ảm đạm. . .*

CAO TIỆM LY bỗng trở tay

*Tráng sĩ nào kia ?*

TẦN THỦY HOÀNG nhìn quanh

*Đâu ? Người trông nhầm !*

*Có ai đâu ? Mà . . . người trông sao được ?*

CAO TIỆM LY

*Đây kia thôi !*

TẦN THỦY HOÀNG nhìn sững giấy lát rồi  
lùi lại :

*Ủa ! Tráng sĩ Kinh Kha ?*

*Và . . . mụ nào kia nữa ?*

Hồn Kinh Kha và hồn vợ Cao Tiệm Ly  
cùng hiện ra một lúc.

CAO TIỆM LY hét to :

*Bớ Tần tặc !*

Đồng thời dang thẳng cánh đập  
cây đờn trúc vào đầu Tần Thủy Hoàng  
nhưng Tần Thủy Hoàng né sang một  
bên, cây đờn đập vào cột rồng kêu  
choang một tiếng, vỡ tan từng mảnh.

TẦN THỦY HOÀNG tuốt kiếm, dí mũi  
kiếm vào người Cao Tiệm Ly :

*Mi là ai ? nói ?*

CAO TIỆM LY

*Là kẻ mù lòa.*

TÀN THỦY HOÀNG

*Ai sai mi vào đây ?*

CAO TIỆM LY

*Cả thiên hạ !*

*Cả thiên hạ cầm thù !*

TÀN THỦY HOÀNG

*Là những ai ?*

CAO TIỆM LY

*Là những người nhà cửa bị đốt phá  
Là những người sống vợ vật hôm mai  
Là những người gia đình bị tan nát  
Là những người chồng vợ phải chia ly  
Là những người mẹ cha phải cách mặt...  
Những người đó sai ta giết mi ! ...*

TÀN THỦY HOÀNG

*Hai mắt mù, với chiếc đàn bằng gỗ  
Đòi giết ta ! Mi không thấy ngu sao ?*

CAO TIỆM LY

*Ta chỉ cốt cho mi thấy rõ  
Lửa oán thù của thiên hạ ngút cao !*

*Mĩa-mai :*

*Chỉ chém giết, không cần thi ân đức  
Tha hồ mi xây Vạn-lý Trường-thành  
Đứng sao vững với lòng dân uất ức ?*

TÀN THỦY HOÀNG

*Những kẻ gây ra thảm họa chiến tranh  
Như Bốt-Vi, như Ủy-Liêu thừa tướng  
Những người dân, những kẻ sách hưng Tần  
Ta đã xa và không hề đối tượng  
Và chính ta đã hối hận vô ngần. . .*



CAO TIỆM LY *mĩa mai :*

*Mi hối hận ?*

TÀN THỦY HOÀNG

*Ta hối hận !*

CAO TIỆM LY

*Hối hận !*

*Vì tại mi chém giết chưa thỏa lòng ?*

*Vì xóm làng, gần xa, chưa cháy nhẫn ?*

*Vì loài người sống sót hã còn đông ?*

TÀN THỦY HOÀNG

*Ta hối hận, đời người như ảo mộng*

*Được bao lâu ? Mà tham vọng không cùng !*

*Ta tạo nên một cuộc đời sâu nảo*

*Một cuộc đời toàn máu lửa, hải hùng. . .*

*Đời riêng ta, ôi ! Vô cùng tẻ nhạt !*

*Có gia đình mà có cũng như không !*

*Con ta, khiếp sợ ta, không đàn mặt !*

*Vợ, nhìn ta bằng đôi mắt lạnh lùng !. . .*

*Ta tới đâu, mọi người đều xa lánh*

*Đều coi ta như ác quỷ, hung thần !*

*Nhìn quanh ta, cõi đời, ôi ! hiu quạnh !*

*Tóc hoa râm mà cõi thọ sắp gần. . .*

CAO TIỆM LY

*Tin được không ?*

TÀN THỦY HOÀNG

*Nếu người người được hồn giậu*

*Ta và người cùng từ biệt Tần đô ?*

CAO TIỆM LY

*Biệt Tần đô, cùng gã mù kết bạn ?*

TÀN THỦY HOÀNG

*Ta cùng người thành đôi bạn giang hồ !*

CAO TIỆM LY

*Tin làm sao ! Phải ! Một đêm tạm bỏ !*

TẦN THỦY HOÀNG

*Ngươi không tin, ta sẵn sàng xin thề ?*

LÝ THỪA TUỞNG bước vội ra

*Xin Đại-đế hãy nghe thần bày tỏ :*

*Việc quốc gia đang gặp lúc bốn bề*

*Thái-tử xa, chư hầu đang nghiêng ngửa*

*Vạn-lý-thành đang xây đắp dở dang.*

*Đại-đế mà xuất bôn thì binh lửa*

*Sẽ tràn lan khắp kinh khuyết, xóm làng*

*Mà mình rồng cũng có phen lo nghĩ*

*Xin Đại-đế hãy thận trọng xét suy ?*

TẦN THỦY HOÀNG lặng thinh

LÝ THỪA TUỞNG nói tiếp :

*Bốn phương, lửa căm hờn đang âm ỉ*

*Ngồi một nơi còn chưa hết hiểm nguy !*

*Nửa là đi ? đi là sa vào lưới !*

*Lưới quân thù tứ phía sẽ bủa vây !*

*Mình Đại-đế làm sao mà chống nổi ?*

*Chống lại sao được quân giặc tràn đầy ?*

*Cánh thành trì một mai bị san phẳng*

*Cánh quân thù giày xéo lên miếu lẫm*

*Cánh hoàng gia nơi pháp trường bỏ mạng*

*Cánh vua tôi phải quì gối xin hàng. . .*

*Cánh tan hoang, cánh hải hùng, tàn nhẫn*

*Ta gây ra tại Yên, Triệu vừa rồi*

*Thì nay mai, vua Triệu, Yên chắc chắn*

*Lại gây ra tại Tần quốc cho coi ! . .*

CAO TIỆM LY

*Ta khen ngươi khéo dùng lời mê hoặc*

*Mi nói đâu ra đấy, thật tài tình !*

*Một mình mi gây bao nhiêu tội ác :*

*Mi xui vua xây Vạn-lý Trường-thành*

Ngăn rợ Hồ, vịn vào câu thần bí  
 « Vong Tăn giả Hồ ». Hồ là rợ Hồ !  
 Rợ Bắc Hồ sẽ thay Tăn cai trị !  
 Mi xui vua về lại bản địa đờ.

Đem thiên hạ chia thành băm sáu quận  
 Cho thế là nhất thống cả san hà  
 Cho thế là dân gian hết nhìn nhận  
 Nào biên thù, nào bờ cõi gần xa ?

Mi xui vua thâu bạc vàng thiên hạ  
 Đúc người vàng xây dựng cung A-phòng  
 Hàng vạn thợ phải nhọc nhằn vất vả  
 Cho thế là Tăn giàu mạnh vô song !

Mi xui vua ngầm sai người nghe ngóng  
 Ai tình nghi là có ý khuynh Tăn  
 Bất giải về thành Hàm-dương chôn sống  
 Vu cho là bọn mê hoặc ngu dân !

Đã hết đâu ! còn bao nhiêu sách vở  
 Mi xui đem chắt đốt đống ra tro  
 Nói đề chi thứ yêu thư, loạn ngữ ?  
 Mi tưởng thế là tuyệt được mối lo ?

Nhà Đại-Tăn muôn ngàn năm tồn tại !  
 Ngu làm sao ? Chỉ biết có nhà Tăn !  
 Vun vén cho nhà Tăn giàu lên mãi.  
 Tăn càng giàu, chư hầu càng nghèo dần . . .

Sự chênh lệch sẽ gây nên thù oán  
 Tăn lẻ loi, càng ngày càng lẻ loi  
 Một sớm mai chư hầu cùng nổi loạn  
 Thì nhà Tăn còn mất thấy ngay rồi !

Nhà Tăn mất, thân mi yên sao nổi ?  
 Mi lẽ đâu không biết thế hay sao ?  
 Ta khuyên mi nên mau mau sửa lỗi  
 Thì tội mi may giảm được phần nào . . .

LÝ THỪA TƯỚNG nói với Tần Thủy Hoàng :  
*Tên mù này, tay sai của địch quốc  
 Lọt vào đây dề lung lạc vua, tôi  
 Tôi Đại-đế : Không giết tên này trước  
 Thần e rằng : Lòng người biến đến nơi !*

## TẦN THỦY HOÀNG

*Đem giết gã cũng không tan mằm loạn !  
 Lửa cầm thù âm i khắp gần xa ! . . .*

## LÝ THỪA TƯỚNG

*Hãy giết gã rồi dần dần tính toán  
 Còn dùng dăng... e tai nạn khó qua !*

## TẦN THỦY HOÀNG

*Trẫm bị gã mù này lung lạc thật !  
 Thôi, giết đi !*

## LÝ THỪA TƯỚNG hăm hờ :

*Không giết dề làm chi ?*

## CAO TIỆM LY

*Vua tôi mi, quá u mê, chấp nhất  
 Hồ bại vong trước mắt có xa gì ?*

( Người mù đạo trúc )





---

# ĐÌNH HÙNG

1920 — 1967

---

**Đ**ÌNH HÙNG là tên thật, sinh ngày 3 tháng 7 năm 1920, tại làng Trung-phụng, kế cận Hà-nội, chính quán là làng Phượng-dực, tỉnh Hà-đông (Bắc-phần).

Đình Hùng là con út cụ Hàn Phụng (Hàn-lâm thị-độc), trưởng huynh là Đình Lân và 4 chị là Loan, Yến, Hồng, Oanh.

Thuở nhỏ Đình Hùng theo bậc tiểu học trường Sinh Từ, rồi trung học trường Bảo-hộ tức trường Bưởi Hà-nội; đậu bằng Cao-đẳng Tiểu-học (Diplôme d'Études primaires supérieures) hạng bình thứ và được học bằng theo ban chuyên khoa đề thi ra bằng Tú-tài Bản-xứ. Ta hãy nghe Vũ hoàng Chương nói về một đoạn đời Đình Hùng :

« . . . Nhưng thần Ái-tình đã hiện đến cùng một lúc với sự thành công đầy hứa hẹn nói trên, ngay ở ngưỡng cửa bậc chuyên khoa của trường Bưởi.

Cố chàng mang lòng thương  
Đi dạo muốn con đường  
Một hôm dừng trước mộ  
Yêu nàng tên Kiều-Hương.

( ĐVTS trang 31 )

Kiều-Hương ! Đó là tên thật của một thiếu nữ Hà thành, nhưng mỗi tình của nhà thơ họ Đinh chỉ là « tình cảm », một mối tình lý tưởng : Người trong cuộc chỉ yêu đề mà yêu như Lamartine đã nói, chứ không phải yêu đề chiếm đoạt hay lập gia đình. Có lẽ vì vậy mà sau này Kiều Hương đi lấy chồng, Đinh Hùng cũng không nhớ tiếc, và khi cho in tập *Đường vào tình sử* hơn 20 năm sau, Hùng e rằng có gây bất tiện cho « nàng » chăng, đã tự ý thay chữ « Kiều » bằng chữ « Tần », một cái tên tưởng tượng :

*Tần-Hương ôi Tần-Hương*  
*Tên nàng như hoa đẹp*  
*Chàng là bướm tơ vương*  
*Nên chàng là Hoài-Điệp. (1) »*

( ĐVTS trang 32 )

Năm 1943, song thân mất, Đinh Hùng chung sống với chị Thục Oanh (hơn Đinh Hùng một tuổi). Cũng năm này, Đinh Hùng cho xuất bản tập văn xuôi *Đám ma tôi* (nhà Tân Việt xuất bản) và đăng thơ trên tạp chí văn học : Hà-nội tân văn (của Vũ ngọc Phan), *Giai phẩm Đời Nay* (của Tự-lực Văn-đoàn) v. v. . .

Năm 1944, Vũ hoàng Chương cưới Thục Oanh về Nam-định, Đinh Hùng ở lại Hà-nội (Bạch-mai), ít lâu sau cho ấn hành *giai phẩm Dạ đài* cùng một số bạn trẻ : Trần Dzàn, Trần mai Châu, Vũ hoàng Địch, Vương Thanh v. v. . .

Năm 1946, tản cư theo báo Cứu quốc.

Năm 1948, cùng vợ mới, là Nguyễn thị Thanh, về Thái-bình dạy học. Vũ hoàng Chương và Thục Oanh cũng đang tản cư về đó.

Cuối 1949, sinh con trai đầu lòng giữa cơn khói lửa tràn đến Thái-bình ; rồi hồi cư về Hà-nội.

Cho ấn hành *giai phẩm Kinh-đô* văn nghệ (1952) và *Mê hồn ca* (do nhà Tiếng Đông-phương Hà-nội xuất bản năm 1954).

1) Sau này ông lấy bút hiệu Hoài-Điệp Thứ-Lang.

Tháng Tám năm 1954, di cư vào Sài-gòn, chủ trương nhật báo Tự do cùng Tam Lang, Mặc-Đỗ, Mặc-Thu, Như-Phong.

Năm 1955, nhật báo Tự do đình bản, Đinh Hùng hợp tác với đài phát thanh Sài-gòn, giữ mục Tao đàn, cho đến lúc nhắm mắt. Trong khoảng thời gian này, Đinh Hùng còn viết truyện dã sử tiểu thuyết như Cô gái gò Ôn-khâu, Người Đào-phủ thành Đại-la ký tên Hoài-Điện Thứ-Lang, và làm thơ trào phúng trên báo Tự do và Ngôn luận (Sài-gòn) ký tên Thần-Đấng.

Năm 1961, Đinh Hùng cho in thi tập Đường vào tình sử gồm 60 thi bản. Tác phẩm này được trao tặng giải thưởng Văn-chương Toàn-quốc về Thi-ca năm 1962.

Năm 1967, Đinh Hùng (chủ nhiệm kiêm chủ bút) cùng Phê-Đức (thư ký tòa soạn) chủ trương tờ Tao Đàn thi nhân, tuần báo thuần túy thi ca, số ra mắt ngày 8-5-67, phát hành đến số 2 thì. . .

Ngày 24 tháng 8 năm 1967 (hồi 5 giờ sáng tại Bệnh-viện Bình-dân Sài-gòn) là ngày bi đát cho thi giới, định mệnh khắt khe đã tước đoạt một thiên tài thi ca để lại đài thơ Việt-nam một khoảng trống khó lấp.

Tác phẩm kế tiếp sau cái chết của Đinh Hùng là Ngày 66 có em. . . (nói đến : những bóng dáng đàn bà trong đời Bích-Khê) do nhà Giao Điểm Sài-gòn xuất bản ngày 16-10-1967.

Tác phẩm chưa xuất bản :

- Tiếng ca bộ lạc (thơ)
- Lạc lối trần gian (kịch thơ)
- Phan thanh Giản (kịch thơ)
- Cánh tay hào kiệt (kịch thơ)
- Tiếng ca đầu súng (hồi ký)
- Dạ lan hương (văn xuôi)
- Sử giả (tùy bút)
- Văn điệu giao tình (cảo luận)



## Đôi nét đời của Đinh Hùng qua . . .

nhà văn MẶC-ĐỒ :

« . . . Nhận định trời nhất tôi luôn luôn giữ được cho tới nay là Đinh Hùng con người tài hoa. Từ vóc dáng, nét bút tới giọng nói, từ tuổi nhỏ cho tới ngày lìa đời. Đinh Hùng không ngớt biểu lộ tư chất tài hoa. Những ma chiết của đời sống cũng giúp cho con người biểu lộ tài hoa nữa !

Ngạc nhiên đầu tiên — sau này trở thành ấn tượng — Đinh Hùng đem lại cho tôi là những tập báo học trò anh một tay biên soạn, trình bày cho chúng tôi chuyên tay đọc dưới gầm bàn. Nội dung những tập báo từ những ngày xa xưa đó tố cáo tuổi ngây thơ của chúng tôi và không hề hứa hẹn một Đinh Hùng thật sự của sau này. Những màu chọc cười, những tranh hí họa . . . Nhưng đặc biệt nhất là những truyện bằng tranh. Tuy không có vẽ mạch lạc, điều luyện của những loại comics, những bandes dessinées của thời cơ khí bây giờ, cũng không có hoàn hảo của bức minh họa Tàu, những truyện bằng tranh của Đinh Hùng thời đó mang cái lờ lợt đặc biệt của những tranh bình dân của ta ngày xưa. Những màu lục, màu hồng tươi dối, đập vào mắt nhưng cũng làm mát mắt khi ngắm kỹ, ngắm lâu. Tôi mang mãi trong đầu những trang báo học trò rục rờ đó đề không ngớt thán phục bàn tay tài hoa của bạn. Có một thời tôi ao ước và cố gắng cầm bút vẽ cho tới thành nghề — nhưng không thành ! — chắc chắn bởi ảnh hưởng của sức thôi thúc do những đường nét và màu sắc Đinh Hùng hồi nhỏ.

Tôi không thành người vẽ nhà nghề đã đành, nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi sau đó gặp lại Đinh Hùng. Hồi đó Đinh Hùng đã nghỉ học bắt đầu sống rất tài tử tại một căn gác vùng Hồ Tây. Có một anh bạn chung đang mê mải với ban nhạc rủ tôi tới chơi Đinh Hùng đề nhân thể nói chuyện với Hùng về một buổi hòa nhạc giúp một đêm tất niên tại một trường trung học tư thục ở đường Hàng Đẫy. Hùng kéo vĩ cầm trong ban nhạc. Tôi hết sức ngạc nhiên, sau nhiều năm không gặp, khi tới căn gác của Đinh Hùng không thấy một bức tranh nào của anh trên tường, mà chỉ toàn những

thơ bướm ép. Nét bút tài hoa của Đinh Hùng hiện hiện trên những bài thơ viết bay bướm bằng bút lông trên những tờ giấy lớn dán lên tường. Thời đó Đinh Hùng ký tên dưới những bài thơ là Hoài-Điện. Ngạc nhiên của tôi vì không thấy Đinh Hùng thành họa sĩ như tôi hằng đinh ninh không thôi thúc tôi chú ý tới thơ của anh. Nhưng tôi hết sức chú ý tới cái bừa bãi của căn gác hẹp với những đồ vật ít gặp ở nơi khác, chẳng hạn như chiếc đầu lâu người để trên bàn. Cũng có những bài thơ được lồng kính kèm theo một hai con bướm ép tô điểm. Khung cảnh đặc biệt của căn gác, câu chuyện hàn huyên khi gặp lại và cuộc thảo luận giữa Đinh Hùng và anh bạn về buổi hòa nhạc, càng in sâu hơn nữa trong đầu tôi hình ảnh con người tài hoa với bàn tay nhiều cái khéo khác nhau. Tôi có dự đêm tất niên có ban nhạc với Đinh Hùng kéo vĩ cầm. Nhưng tôi không tin Đinh Hùng sẽ thành nhạc sĩ như tôi tin ngày xưa rằng anh sẽ thành họa sĩ.

... Nhưng tôi thực sự « nhìn thấy » thi sĩ Đinh Hùng khi một ngày cuối mùa Thu 1945 tôi có mặt ở Hà-nội và trông thấy Đinh Hùng ở ngoài đường, trong khoảnh khắc toa xe điện chạy qua khúc quanh từ Hồ Hồ xuống Hàng Gai. Mái tóc dài phơ phất trước gió, chiếc áo bành-tô màu sậm, một cái « carton » khá lớn cặp dưới nách : tôi nhìn thấy rõ hình ảnh nhà thơ tượng trưng Pháp Rimbaud mà Đinh Hùng hằng chịu ảnh hưởng. Con người tài hoa không riêng trong hoạt động mà còn muốn biểu hiện tư chất tài hoa trong lối sống. Có so sánh cái không khí ở ngoài phố thời 1945 và con người Đinh Hùng — Rimbaud đứng ở góc hè mê mãi ngó ra Hồ Gươm mới thấy tất cả sự cách biệt giữa con người thi sĩ và cuộc đời. »

*nhà văn TẠ-TY.*

« ... Có những đêm đông Hà-nội, tôi đến thăm Hùng tại căn nhà cổ nằm sâu trong ngõ hẹp ở cửa Ô-cầu-Rèn, chẳng cách xa phường Dạ-lạc là bao. Cái ngõ đó với từng phiến gạch gỗ ghè trơn trượt dưới lớp bùn quánh đặc. Tiếng giấy âm ướt kéo lê trong vũng tối nghe thê thiết lạ lùng.

Đi qua chiếc sân đất rộng đầy cây cảnh hiện sừng sững với hình thù độc, nặng vì thiếu ánh sáng. Hương nha phiến thoảng ngát trong không gian. Tôi bước lên thềm cao, căn nhà trống trải âm u dưới ngọn dạ đăng cháy leo lét ở một góc chỉ vừa đủ soi sáng một khoảng nhỏ. Tiếng kêu xè xè của nhựa thuốc thiêu trên ngọn lửa làm tôi thấy nôn nao. Đã nhiều đêm tôi ngồi bên đê nhìn các bạn chung vui, nhưng mỗi lần gặp lại, tôi vẫn mang cảm giác rờn rợn như mình vừa gặp yêu nữ. Tôi mến Đinh Hùng cũng như Vũ hoàng Chương trong thi ca, nhưng tôi biết không thể nào du nhập vào thế giới của họ được, phần chính là do bản chất thích phóng khoáng không muốn dầy ải vào nhà ngục do chính mình tạo nên.

Tôi đứng yên ở mái hiên nhìn vào. Trước mắt tôi, dưới làn khói mỏng manh tựa tơ, Đinh Hùng nằm nhỏ nhoi như đứa bé. Mái tóc nặng nề lẫn vào bóng tối. Đôi mắt tinh anh không còn nữa, nó mở nửa dài dài. Tôi biết Đinh Hùng đang nhập mộng. Chừng một phút sau, Đinh Hùng nhòm dậy, cầm ấm trà màu gạch cua rót vào chiếc chén hạt mít trắng muốt đưa lên môi. Tôi cất tiếng — Hùng ơi ! Hùng mở chừng mắt nhìn bóng tối. Giọng nói âm đục vọng ra — Tỵ hà, cậu đến từ lúc nào vậy ? Tôi đi về phía giường. Mùi ẩm mốc quện vào đầu óc làm khó thở. Biết tính tôi, Hùng không bảo tôi nằm xuống như nhiều bạn khác, chỉ mời ngồi, rồi Hùng lại thản nhiên nằm nghiêng đối diện với ngọn dạ đăng đỏ khè ngọn bắc.

... Vì dẫn thân quá sớm, nhất là dẫn thân vào một địa hạt phức tạp đầy dẫy ưu phiền, Đinh Hùng đốt cháy thân phận chẳng những trên đầu ngọn bắc mà còn ở men rượu và thú cầm ca sênh phách. Đinh Hùng hủy hoại hoa niên trong những đêm dài Dạ-lạc qua các cửa Ô, cũng như đắm chìm tâm tư vào đáy ly cay đắng. Ở tuổi hoa niên, tôi quen nhiều bạn biết uống rượu nhưng tôi chưa thấy ai uống hào bằng Đinh Hùng và Văn Cao. Riêng Đinh Hùng có thể uống hai lít đế, không cần đồ nhắm. Vì thế, Hùng mới có gan đối ẩm với Tán-Đà hàng nửa ngày trời.»

nhà văn MAI-THẢO thuật :

« ... Bằng những lời thuật lại trong lá thư chữ đỏ ( LNS: lá thư Đinh Hùng gửi cho Huyền-Kiều ) — tôi được biết là sau ngày người con gái mang tên Liên từ trần, Đinh Hùng bỏ đi. Thi sĩ lạc đến một cửa quan. Một huyện đường nào đó ở vùng Hải-dương. Đây là phần đời sống đáng nói đến nhất của Đinh Hùng. Vì hoang mang, tuyệt vọng và điên cuồng nhất. Vượt Hồng-hà, bỏ Hà-nội, chàng trẻ tuổi khóc ngất, không mang theo gì hết ngoài nỗi đau đớn và một tấm hình. Đó là di vật cuối cùng của Liên, sự được nhìn thấy duy nhất còn lại của người nằm dưới mộ. Liên mất rồi nhưng tôi không chịu tin như vậy. Không. Nghìn lần không. Cái chết của hoa và ánh sáng, ngày và mặt trời, nơi tôi là vĩnh viễn hoài nghi và phủ nhận. Bởi tôi vẫn ghen tuông ghê gớm như khi nàng còn sống. Tấm hình đặt trên một mặt bàn dạy học, tôi sẽ giết chết những kẻ nào động chạm tới. Tôi úp sấp tấm hình xuống cho ngoài tôi, không một kẻ thứ hai được nhìn thấy mặt trời. . . » (Lời Đinh Hùng)



**N** G U Ồ I ta thường bảo : « Bao nhiêu con người, bấy nhiêu vũ trụ. »

Đó là vũ trụ của tâm tư, của cảm giác, của nội thức con người, mà chúng ta muốn len lỏi vào đó cần có nhiều chìa khóa để mở cánh cửa tâm hồn.

Mỗi tâm hồn là một không gian, một khoảng chứa đựng hình ảnh dị biệt, nhất là tâm hồn nhà thơ, những nghệ sĩ này thường có những biến thái đột ngột đến kinh dị.

Đành rằng trong mỗi người chúng ta đều có một nhân sinh quan khác biệt, nhưng không vì sự khác biệt ấy mà không tìm đến những chân trời xa lạ.

Kìa, một ánh sao sa tận cuối trời !

Đóm lửa lạc loài ấy rụng về đâu ?

Biến mất ? Không ! Chúng ta có thể tìm thấy nó trong tâm tư của mỗi con người. Ở đấy ánh sao không còn là đóm lửa màu vàng, mà trở thành muôn ngàn hình tượng.

Có thể nó là một chiếc đầu lâu trắng hếu rơi rụng vào vực thẳm hư không. Có thể nó là nàng tiên đang thướt tha múa khúc Nghệ-thường giữa bầu vũ trụ ! Có thể nó là một trời hoa đang vẽ lên màn đêm bằng vệt ánh sáng rực rỡ... và, tất cả...

Các bạn,

Tôi muốn nói đến thế giới siêu tưởng, thế giới riêng của mỗi tâm tư, đứng ngoài thực tại.

Loài người có thể dùng sức mạnh bắt buộc muôn vật phải phục tùng. Tạo-hóa có thể dùng uy lực buộc con người vào định mệnh. Tuy nhiên loài người cũng như Tạo-hóa đều bất lực trước thế giới tâm tư, cái mà mỗi người có quyền tuyệt đối.

Tâm tư đưa con người từ thực tại đến hư ảo, từ thực tưởng đến siêu tưởng, và tâm tư tạo cho mỗi chúng ta một thế giới riêng biệt.

Trong lãnh vực siêu tưởng, tâm hồn chúng ta không là của vũ trụ hiện hữu, mà của vũ trụ suy tư. Cho nên chúng

ta không thể đem một cảm nghĩ thông thường định nghĩa một cảm nghĩ bất thường. Vì, khi đã bất thường thì không còn ở trong qui tắc nào cả.

Nhưng, tại sao tâm tư con người tìm vào siêu tưởng, chối bỏ thực tại ?

Nhà tâm lý học có quyền cho đó là trạng thái lẩn trốn. Khi mong tìm về chốn siêu thoát, kẻ chán đời đã thấy mọi đau khổ ở đời ! Khi muốn gửi tâm tư vào chốn lạ, kẻ siêu tưởng đã thấy thực tại không còn là nguồn sống của tâm tư nữa.

Sở dĩ chúng tôi phải dài dòng như thế là vì ở đây nhà thơ Đinh Hùng sắp đưa chúng ta vào một thế giới xa lạ — thế giới siêu tưởng.

Thời gian biến đổi không gian. Ngày nay và ngày xưa chỉ là một khoảng cách, thi nhân muốn đem tâm tư đi ngược thời gian, tìm lại thực tại của dĩ vãng.

Dĩ vãng ! Một thế giới nguyên thủy, thế giới của tiền sử, của hoang sơ, của man dã, nhưng nó là chốn yên tĩnh của tâm hồn. Loài người đã mất gốc, đã chối bỏ chốn yên tĩnh ấy để dấn thân vào dòng thời gian trôi mãi đến vô biên. Thi nhân không trôi theo dòng thời gian, mà chỉ đứng ngoài lẽ nhìn nhân loại bập bênh trên sóng nước.

Nhưng khổ thay ! Trong lớp người nổi trôi trên mặt thời gian ấy lại có nàng — người tình của thi nhân.

Bởi vậy, một ngày nào đó, khi thấy lòng mình bỗng đứng đấy động :

*Lòng đã khác ta trở về Đô-thị,  
Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa.  
Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ,  
Và chân bước nghe chuyền rung đời xuôi.  
Là cỏ sắc vương đầy trên tóc rối,  
Ta khoác vai manh áo dầm hương rùng.*

(Bài ca man rợ — M.H.C.)

Rời bỏ thế giới nguyên thủy, cỏ sơ, lội phăng theo dòng thời gian tìm bóng dáng người yêu, nhưng khi đuổi kịp

thời gian thì thực tế đánh đổ lòng háo hức của thi nhân. Thế giới nguyên thủy không phải là thế giới hiện hữu, xã hội hiện tại không còn nhận ra con người từ một quá khứ vạn đại đã trở tràng vừa về đến :

*Rời ta đi, khi núi bốc trên lưng,  
Mắt hung ác và hình dung cổ quái.  
Trông thấy ta cả cõi đời kinh hãi,*

*Ngươi và vật nhìn ta không dám nói,  
Chân lạnh xa, từng cặp mắt e dè.*

*Ta ngần ngại nhìn theo bóng ngựa xe,  
Nhìn theo mãi đến khi đời lánh cả.*

(*Bài ca man rợ — M.H.C.*)

Thế giới văn minh, không còn nhận ra con người hoang dại đã bị lạc loài, rơi rụng sau bước tiến của họ (họ nghĩ thế), mặc dầu hình bóng hoang dại kia chính là tiền thân của họ.

Hỡi loài người ! Còn gì mĩa mai hơn khi không còn nhận ra chân tướng của mình, khi đã trút bỏ được cái vỏ cở lỗ của thân phận trước kia.

Thi nhân thở than :

*Ôi ngựa ngác một lũ người vong bản,  
Mất tinh thần từ những thuở xa xôi !  
Ta về đây lạ hết các người rồi,  
Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách sống.*

(*Bài ca man rợ — M.H.C.*)

Tình cảm con người không còn là của vũ trụ thiên nhiên. Thế giới văn minh vật chất đã lôi cuốn họ xa dần gốc rễ.

Đâu là tình thương ? Đâu là bản tính của nhân loại ?

Trước mặt thi nhân — con người nguyên thủy — chỉ thấy cái mà loài người đang ca tụng, đang áp yêu, đang bám sống với cả thê xác lẫn tâm hồn, toàn là những giá đối phản phúc.

Với bản tính con người hồn nhiên, thi nhân không sao chịu nổi:

*Ta xót thương, ta căm giận, hung cuồng,  
Ta găm thét, rung mảy trời thể sự.  
Rời dờ tợn, ta vùng đi khắp xứ,  
Năm hai vai người tục khách qua đường  
Lòng lạ lòng tìm ánh với tìm hương,  
Nhưng lẫn lộn chỉ thấy màu xiêm áo.*

(Bài ca man rợ — M. H. C.)

Thi nhân muốn thử tìm trong con người văn minh kia còn lưu đọng được đôi nét tình cảm nào của chân tướng chẳng? Nhưng thất vọng! Vì, tất cả những gì chân thật của con người đều bị lớp áo ngoài bao phủ. Thi nhân ngậm ngùi:

*Trán thì phẳng — ôi đâu là kiêu ngạo?  
Đâu hồn nhiên trên nét vẽ râu mày?*

(Bài ca man rợ — M. H. C.)

Lòng tức tối và hoang mang khi không còn tìm ra một con người giống con người của mình nữa.

*Ta ghì người tắt thở ở trong tay,  
Miệng quát hỏi: có phải người là bạn?*

(Bài ca man rợ — M. H. C.)

Không tìm được người bạn trong xã hội hiện hữu của loài người, nhưng thi nhân cũng phải nén lòng nhẫn nại để tìm một người — người yếu đã rời bỏ thế giới nguyên thủy chạy về đây:

*Ta về đây lạ hết các người rồi,  
Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách sống.  
Trong bờ ngõ duy lòng còn chút mộng,  
Ta đi tìm người thiếu nữ ngày xưa*

(Bài ca man rợ — M. H. C.)

Thời gian! Không gian! Ôi, quả các người là thứ độc được đáng kinh tởm. Chạm vào người có nghĩa là nhiễm phải thuốc hóa chất vạn năng, mi biến cải hình hài, mi thay đổi tâm tính. Thế chất và tâm hồn để trở thành thứ



nó lệ cho người sai khiến. Từ vạn dặm của không gian, từ vạn kỷ của thời gian, ta về đây để mong tìm gặp một người, một người thôi, một người của ta yêu, rồi dù cho cái thế giới hiện tại của loài người có đồ nát, điều tàn, có tan thành tro bụi ta cũng chẳng màng. Nhưng, hỡi ôi ! Ta làm sao có thể ngờ được, khi . .

*Ta mỉm cười, bỗng thấy nàng che mặt,  
Ta giơ tay, nàng khiếp sợ lùi xa,  
Ta lại điên rồ, đau đớn, xót xa.  
Trong cô độc, thấy tình thương cũng mất*

(Bài ca man rợ — M. H. C.)

Một sự cô độc trong buồn đau, trong tê dại, trong một tâm tư chết điếng. Thi nhân đem cái chân thân của con người nguyên thủy trình diện dưới mắt của con người hiện kim, nhưng, tất cả họ đều chối bỏ cái quá khứ thô tục trước kia ! Cái mà họ cho là thực tại, đối với thi nhân, chỉ là ảo mộng ! Bởi vì sự thật của con người chỉ có ở chân tướng thôi. Suy nghiệm thế, thi nhân mới đem tâm tư trở về thế giới nguyên thủy để sống với chân tướng ấy. Và khi con người hòa hợp được với chân tướng mình, thì cả thế giới văn minh hiện hữu, trước mắt họ, chỉ còn là một thế giới kinh tởm. Đây, ta hãy xem tâm tư diễn biến của một linh hồn chối bỏ thực tại :

*Và ta thấy hiện nguyên lòng sơn dã ;  
Cảnh sắc này bỗng nhuộm máu tà dương.*

( Bài ca man rợ — M. H. C. )

Họ xa lạ với con người cở sơ, họ phủ nhận chân tướng chính vì họ đã lạc vào giấc mộng đời ! Nhìn vào cảnh mê hồn ấy, thi nhân căm hờn, uất hận, rồi trở nên giận dữ điên cuồng :

*Ôm Nhan-sắc với hai bàn tay sắt,  
Ta nhìn ai — ôi khốe mắt ta nhìn !  
Em có là ma, là quỷ, là tiên ?  
Em có mấy linh hồn, bao nhiêu mộng ?*

*Em còn trái tim nào đang xúc động ?  
Em có gì, trong xác thịt như hoa ?  
Lạc thiên nhiên đến cả bọn đàn bà,  
Với những vẻ dung nhan kiều diễm nhất.  
( Bài ca man rợ — M. H. C. )*

Trong thế giới mê hồn của loài người, con người nguyên thủy cảm thấy hoàn toàn xa lạ, cả đến người yêu cũng thế ! Khác lạ đến nỗi thi nhân không còn hiểu được những gì đang chứa đựng trong cái xác thịt như hoa kia ; cả đến những tấm thân kiều diễm nhất cũng bị biến thù.

Nhưng, cái gì đã làm đổi khác con người ? Văn minh hay man rợ ? Không cần biết ! Thi nhân chỉ thấy đau đớn đến bất loạn tâm thần, buông ra những chuỗi cười ngầy dại của một kẻ cuồng si :

*Ta lao đảo vùng đứng lên cười ngất,  
Chì chặt nòng cho chết giữa mê ly.  
( Bài ca man rợ — M. H. C. )*

Không giữ lại được người yêu, một con người, và cũng chỉ vì một con người ấy mà thi nhân phải trải qua cuộc viễn trình từ tiền sử về đây. Rồi thất vọng ! Sự tuyệt vọng ấy thúc đẩy lòng bi phẫn dâng lên cực độ, tràn ngập tâm tư, nung nấu uất hận, tạo thành một sức phá hoại khủng khiếp. Và sau đấy, người ta thấy cả thế giới văn minh hiện hữu của nhân loại bỗng nhiên bị hủy hoại dưới gót giày xéo và bàn tay tàn phá điên cuồng :

*Rồi giày xéo lên sông núi đô kỳ,  
Bên thành quách ta ra tay tàn phá,  
Giữa hoang loạn của lâu đài, đình tạ,  
Ta thần nhiên, đi trở lại núi rừng.  
Một mặt trời dẫm máu xuống sau lưng.  
( Bài ca man rợ — M. H. C. )*

Thi nhân phá vỡ thế giới loài người, giết chết cả người yêu chỉ vì nó đã trở thành một thế giới mê hồn, người yêu đã hóa ra ma quỷ, yêu tinh, và đã nô lệ cho thế giới ma mị ấy.

Từ bỏ một thế giới hiện hữu, tìm về một thế giới thuở sơ khai, tạo dựng một không gian mới cho tâm tư, thi nhân không sống bằng thực tại, mà sống bằng nguồn siêu tưởng.

Do đâu ? Bài ca man rợ, mở đầu tập *Mê hồn ca*, đã bóc trần cho chúng ta thấy sự hèn học của thi nhân đối với cuộc sống hiện tại. Loài người đã không hiểu được thi nhân, người yêu đã phụ bạc thi nhân. . . Tất cả những yếu tố ấy đưa thi nhân vào đường siêu tưởng để tìm một lẽ sống cho tâm tư. Cho nên ta không lạ gì khi thấy thi nhân điên cuồng đập đổ một thế giới, ra đi, không may mắn luyện tiếc, mặt ngảnh về một thế giới khác, bỏ lại sau lưng « một mặt trời đẫm máu » giữa hoàng hôn.

*Khi Miếu-đường kia phá bỏ rồi,  
Ta đi về hướng sao rơi.  
Lạc loài theo dấu chân cặm thú,  
Từng vệt dương sa mọc khắp trời.*

( *Những hướng sao rơi* — M. H. C. )

Thi nhân dẫn tâm tư trở về cuộc sống nguyên thủy, xa lánh thực tại. Vì thực tại đối với thi nhân chẳng có nghĩa gì cả. Nó chỉ là một bến mê ! một cái mê hồn trận !

Nằm trong vùng nguyên thủy, chốn yên tĩnh của tâm hồn, ấy thế mà cứ thường đêm thi nhân hay bị quấy rầy bởi những hồn ma rấm rức khóc than như đồng tình luyện tiếc cái thời sơ cổ :

*Rời những đêm sâu bỗng hiện về,  
Vượn lâm tuyền khóc rợn trăng khuya.  
Đâu đây u uất hồn sơ cổ,  
Từng bóng ma rùng theo bước đi.*

( *Những hướng sao rơi* — M. H. C. )

Thì ra không chỉ riêng thi nhân chán ghét thế giới mê hồn, mà cả muôn loài vật cũng đau khổ khi bừng tỉnh cơn ác mộng của cuộc sống bị mê hoặc ấy, những hồn ma mò mẫm theo vết chân thi nhân trở về với thế giới hoang sơ.

Nếu trong đời người không có giấc mộng nào không tan biến, thì thế giới mộng ảo của con người cũng chỉ là tạm bợ. Thi nhân hài lòng với định mệnh của mình khi đã tìm thấy trong nguồn siêu tưởng một chốn yên tĩnh cho tâm hồn :

*Từng buổi hoàng hôn xuống lạ kỳ,  
Ta nằm trên cỏ lắng tai nghe. . .  
Thêm ăn một chút hoa man dại,  
Rồi ngủ như loài muông thú kia.*

( *Những hướng sao rơi* — M. H. C. )

Con người của thế giới sơ cồ, theo thi nhân, vẫn chứa đựng một tình thương. Hoài bão yêu đương bỗng sống lại trong lòng, đã bắt thi nhân nhớ lại thuở ân ái ban đầu :

*Nàng lớn lên giữa mùa xuân hoa cỏ,  
Nửa linh hồn u ám bóng non xanh.  
Ngoài thiên nhiên nở bừng thân mỹ nữ,  
Nàng yêu ta, huyền hoặc mối kỳ tình.*

( *Người gái thiên nhiên* — M. H. C. )

Tình yêu của nhân loại phát xuất tự nhiên. Nó chân thật, không che giấu, không mê hoặc, không giả dối như con người mất gốc trong thế giới mê hồn. Thi nhân đã say đắm với tình yêu ấy :

*Chúng tôi gặp nhau bên dòng suối ngọt,  
Làm đôi người cô độc thuở sơ khai :  
Nàng băng khuônng đốt lửa những đêm dài,  
Ta từng buổi bơ tìm bộ lạc.*

( *Người gái thiên nhiên* — M. H. C. )

Có ai tưởng tượng được mối tình đầu tiên của đôi trai gái thời sơ cồ khi gặp nhau? Huyền hoặc ư ? Chúng ta đừng đổ kỹ, cứ đi vào tâm tư của thi nhân trở về với thế giới sơ sây ấy để nghe nói lên tâm trạng đam mê của con người siêu tưởng :

Nàng là Gái-Muôn-Đời không đời khác :  
 Bộ ngực tròn nuôi cuộc sống đương xuân,  
 Ta đến đây làm chủ hội phong trần,  
 Lấy hoa lá kết nên Tình Thái Cổ

(Người gái thiên nhiên — M. H. C.)

Thế giới sơ cồ không có thời gian. Vạn vật muốn đời không biến đổi. Đó là chốn hằng cửu của con người, của tình yêu. Và thi nhân đã sống tràn đầy trong tình yêu ấy :

Rừng buổi đó vang tiếng cười man rợ,  
 Quả tơ duyên đỏ thắm sắc trên cành.  
 Chúng ta đi, lặng ngắm núi đồi xanh,  
 Bước trên cỏ dề nghìn sau in dấu.

(Người gái thiên nhiên — M. H. C.)

Chưa hết, kỷ niệm êm đềm buổi hoang sơ còn khắc ghi vào tâm khảm của thi nhân bằng những phút để mê cả tâm hồn lẫn thể xác :

Trong tay Nàng ta ngả mình ngây ngất,  
 Nghe rõ ràng trên thịt ấm, da xuân.  
 Ngực dâng cao, hơi thở đã mau dần,  
 Mùi cỏ lá bỗng thoảng hờn mong nhớ.

(Người gái thiên nhiên — M. H. C.)

Ở thế giới sơ khai, có quả thật tình yêu con người đã đạt đến độ đắm say như thế chăng ? Nào ai biết được ! Chúng ta chỉ đi tìm hương vị yêu đương trong tâm giới siêu tường của thi nhân. Và theo thi nhân, tình yêu vẫn thắm thía, da diết, đắm đuối trong con người cồ sơ.

Rồi cũng như mọi trạng thái hoan lạc, sau cái sướng thỏa nhục dục, thường dẫn đến nỗi u hoài. Thi nhân ngửa nhìn đôi mắt người yêu :

Ta ngàng lên, mắt Nàng buồn muôn thuở,  
 Ngắm hoa sao lay động dưới khe nguồn  
 Chung mối sầu, thơ thần với trăng sông,  
 Bên sườn núi có con hươu vàng diệp.

(Người gái thiên nhiên — M. H. C.)

Tại sao Nàng buồn ? Sự lay động của trăng sao, tiếng róc rách chảy của nguồn suối. . . tất cả những biến động báo hiệu thời gian không đứng yên, vạn vật đang bị thời gian thúc đẩy mà biến đổi. Và, mối tình tha thiết của đôi gái trai thời cở sơ cũng đang bị dòng thời gian trôi đi.

Tất cả mọi vật không tồn tại, chỉ có thế giới tâm linh của con người mới không bị thời gian xóa đi mà thôi. Thi nhân là người đã sống trong cái thế giới tâm linh ấy, trong lúc người yêu vẫn bị thời gian cuốn phăng theo dòng đời, chỉ còn lưu lại trong tâm tư thi nhân hình bóng của một « Dã hoa ».

*Thế kỷ thanh bình nước nở qua,  
Ta nhìn nhau khóc tuổi trăng già.  
Buồn lên, Cõi Đất chưa than thở,  
Em đã ca sầu — ôi Dã Hoa !*

(*Hoa sử — M. H. C.*)

Tâm tư khác biệt, kẻ vui với thế giới cở sơ, người theo thời gian lạc bước đến vũ trụ mê hồn, thi nhân nhìn cảnh vật, buồn nhớ thương :

*Sầu gửi nguyệt, lửa chiều say, ta ngủ,  
Mộng xưa quen — ôi ! xứ mộng không hình !  
Em hỏi trăng, đón bàn tay tâm sự,  
Ta bỗng ngờ gió thoảng, nét mây linh.*

(*Hoa sử — M. H. C.*)

Nhưng, đó chỉ là huyền ảo ! Người yêu đâu còn trở lại thế giới cở sơ để cùng ai nói lại nhịp đàn xưa. Thi nhân đành phải đi vào thế giới mộng ảo để mong tìm gặp lại hình bóng yêu đương :

*Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ,  
Em ! kìa Em ! đừng gọi thức hư không !  
Hãy quỳ xuống đọc bài kinh ái mộ :  
Hồn ta đây, thành tượng giữa Vô Cùng.*

(*Trời ảo diệu — M. H. C.*)

Trời mộng ảo bao trùm cả tâm tư, thi nhân chỉ còn biết gửi tình qua xứ mộng, và chỉ còn cách tìm lẽ sống trong xứ mộng ấy :

*Ta nhớ xưa : đêm thu rụng tiếng gà,  
Trăng vnh viễn khóc thời gian tình tự*

. . . . .

*Theo lối mộng, đi về Ân-ái cũ,  
Em nghe ta, cùng mê hoặc thân hình.*

(Trời ảo diệu — M. H. C.)

Dù vậy, thi nhân cũng không khỏi đượm buồn :

*Lệ in bóng núi, mờ nhân ảnh,  
Mây đó về đâu, có gặp mình ?  
Thương Nước vô danh, Người mộng ảo,  
Ta cười một nét, vẽ hư linh.*

(Trời ảo diệu — M. H. C.)

Như thế, có nghĩa là thi nhân đã bỏ thế giới hoang sơ của tâm tư để đi vào ảo mộng.

Vậy thế giới mộng ảo ấy là đâu ?

Đó là cõi sống của con người ! Nơi mà thi nhân đã chối bỏ. Đem tâm tưởng hướng về chốn cũ tìm lại kỷ niệm xưa, tìm khát vọng của tâm tư đã bị mất, người cho đó là con đường mộng ảo. Và như vậy chứng tỏ thi nhân đi tìm ảo mộng trong hiện thực. Hay cũng có thể nói theo quan niệm của thi nhân là đi tìm cái thực trong cái ảo.

*Ta thường có từng buổi sầu ghê gớm  
Ở bên Em — ôi biên sắc rừng hương !  
Em lộng lẫy như một ngàn hoa sớm,  
Em đến đây như đến tự thiên đường.*

(Kỳ nữ — M. H. C.)

Về với cái mộng và đắm mình trong hoan lạc chơi vơi, thi nhân ví mình như kẻ sống giữa biên rừng sắc dục, đem yêu đương dệt thành mộng ảo, để tìm những gì đã mất trong thế giới mộng ảo ấy :

*Những buổi đó, ta nhìn em kinh ngạc,  
Hồn mắt dần trong cặp mắt lưu ly,  
Ôi mắt xa khơi ! Ôi mắt dị kỳ !  
Ta trông đó thấy trời ta mơ ước.*

(Kỳ nữ — M. H. C.)

Lối mộng quả là nơi giải thoát của tâm hồn ; niềm khát khao ái ái đã được thi nhân cởi mở trong vùng mộng tưởng :

*Thấy cả bóng một vầng đông thuở trước,  
Cả con đường sao mọc lúc ta đi,  
Cả chiều sương mây phủ lối ta về,  
Khắp vũ trụ bằng vô cùng thương nhớ.*

(Kỳ nữ — M. H. C.)

Chỉ nhìn vào đôi mắt giai nhân, nhà thơ hình dung cả một vũ trụ — vũ trụ của ảo mộng.

Và trong ảo mộng, thi nhân vốn là khách đa tình, không thề nào tự chủ được trước sắc dục của Chúa-tê Ái-tình :

*Ta run sợ, cho yêu là mệnh số,  
Mặc tay em định hộ kiếp ngày sau  
Vì người em có bao phép nhiệm màu,  
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc.*

(Kỳ nữ — M. H. C.)

Khi chìm đắm vào ảo tưởng, đề tâm tư tràn ngập bởi khát vọng yêu đương, thề xác bỗng trở nên ươn hèn, úy mị, không còn sức chống chọi mong manh, nó ngoan ngoãn tuân phục mệnh lệnh của thần tượng điều khiển bởi sắc dục :

*Buổi em về, xác thịt dẫm hương hoa,  
Ta sống mãi thờ lấy hồn trinh tiết.  
Ôi cám dỗ ! cả mình em bằng tuyết,  
Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân,  
Ta gần em, mê từ ngón bàn chân,  
Mắt nhắm lại đề lòng nguôi gió bão.*

(Kỳ nữ — M. H. C.)

Đem nữ sắc đặt lên ngôi thần tượng, thi nhân tìm trong yêu đương một sắc thái mới lạ của dục vọng. Tuy nhiên, tình ái vẫn là bản nhạc trập trùng, có khi ta chơi vui trên tuyết đỉnh thoát trần, có lúc bị nhận chìm sâu tuyết mù của hố thẳm. Rồi nào đề mê, say đắm, oán hờn, uất hận, đau thương... trợn trạo trong con người, dẫn đến một trạng thái điên cuồng, tê dại ; cảm giác lý trí không còn ở trong con người, mà thề chất như biến thành một thứ vô tình, vô giác :



Tất cả em đều bắt ta khờ nảo,  
 Và oán hờn căm giận tới đau thương,  
 Và yêu say, mê mệt tới hưng cuồng,  
 Và khát vọng đến vô tình, vô giác.  
 Hỡi Kỳ-nữ ! Em có lòng tàn ác,  
 Ta vẫn gần — Ói sắc đẹp yêu ma !  
 Lúc cuồng si, nguyện rửa cả đàn bà,  
 Ta ôm ngực nghe trái tim trào huyết.  
 Ta sẽ chết, sẽ vì em mà chết !  
 Một chiều nào tất thờ giữa môi hôn.

(*Ac mộng* — M. H. C.)

Hỡi thi nhân ! Con người của tiền sử ! Mặc dù trong  
 siêu trường, nhưng khi đã chối bỏ thực tại, chối bỏ thế  
 giới hiện hữu, tạo một thế giới xa lạ cho tâm tư, thì  
 những yêu đương cuồng nhiệt ấy chẳng có gì khác lạ  
 hơn «thế tục» sao ? Thi nhân đã đem cả tâm huyết hiến  
 cho những cảm giác nhục dục gần như mất cả lẽ sống :

Ta muốn điên vì khước miệng em cười,  
 Ta cuồng dại bởi nghìn câu em nói.

.....  
 Ta quên hết ! Ta sẽ làm Bạo Chúa,  
 Sống nghìn năm, ngự trị một lòng em.  
 Cuộc ân tình ghê rợn suốt muôn đêm.

.....  
 Tay mới ôm sẽ dầy vò nhung lụa,  
 Phấn hương nhàu, tan tác áo xiêm bay.

(*Ac mộng* — M. H. C.)

Rồi trong khát vọng ái tình, ở thi nhân cũng như bao  
 kẻ khác, sau sức sống cuồng nhiệt đam mê vẫn chưa tìm  
 thấy thỏa mãn. Mà ái tình có bao giờ thỏa mãn đâu !  
 Thi nhân buồn, than :

Những người gái vẫn cùng ta gặp gỡ,  
 Cũng như em, giấu kín mộng linh hồn.  
 Cũng đắm tình trong mắt liếc, môi hôn,  
 Lòng chưa ngộ cũng sẵn sàng ân ái.

(*Hương trinh bạch* — M. H. C.)

Những cành hoa dại không đem đến thi nhân hương vị nồng nàn. Càng đi tìm những mát mát càng nhận thấy bị mát mát nhiều hơn. Hoan lạc không đem đến cho thi nhân những gì nồng thắm của ái tình chân thật. Nói cách khác, mộng không đem đến sự thật bao giờ. Thi nhân thú nhận :

*Ta mê muội giữa một bầy yêu quái,  
Biết cười vui, nói những giọng êm đềm  
Và than ôi ! tàn nhẫn cũng như Em,  
Từng nhan sắc ngàn ngơ hay kiêu lệ.*

(Hương trinh bạch — M. H. C.)

Tuy thế, thi nhân vẫn không tự chủ được, mà chịu làm kiếp nô lệ cho dục vọng :

*Ta đau đớn mà yêu chưa kịp nghĩ,  
Cả thịt xương mòn mỏi nhớ thương ai.*

hoặc :

*Em giống ai ? Ta điên rồi, không biết !  
Nụ hôn đầu tê dại đến tâm can.  
Ta nhìn theo hình bóng những năm tàn,  
Tay sáng sốt vôi ôm ghì xuân sắc.*

(Hương trinh bạch — M. H. C.)

Còn gì phũ phàng hơn khi lẽ sống con người bị ái tình đùa cợt, tâm huyết con người đem cung phụng cho tình yêu ? Thi nhân đã bị thế giới siêu tưởng ám ảnh, mà thế giới ấy lại chứa đựng toàn những hình bóng của truy lạc. Cho nên, qua những phút giây hoan lạc, tâm hồn thi nhân cảm thấy trơ vơ, lạc lõng, bị bỏ rơi, mất hẳn chỗ nương tựa :

*Đời bỏ ta nằm trong tay Nữ Sắc,  
Đêm hãi hùng nghe vắng bước thời gian.  
Bóng thể lương rờn rợn ghé bên màn,  
Ta gục khóc, tưởng Tình Xưa ngồi cạnh.  
Em đã đi như bao người gái lạnh.*

(Hương trinh bạch — M. H. C.)

Mãnh lực nào đã đưa thi nhân đến khung trời sa đọa ấy ? Đó là mối tình đầu ! Mối tình đã bắt thi nhân ném mùi thất vọng, và từ chỗ thất vọng thi nhân đổ kỹ cả cuộc sống của loài người.

Thất vọng nung thành ngọn lửa hờn. Ngọn lửa ấy bùng cháy, tàn phá chẳng những đối với mối tình hàng ấp ủ, mà cả trong tâm hồn và ngoài thể xác của thi nhân nữa. Thi nhân đã làm gì khi ngọn lửa căm hờn ấy cứ ngùn ngụt trong tâm tư. Thi đây :

*Ôi gác ca lâu, rèm buông, lửa đỏ !  
 Ôi mộng xuân là lướt những đêm tình !  
 Cốc rượu hồng, hy vọng sáng rung rinh,  
 Mùi son phấn khác gì hương trinh bạch.*

(*Hương trinh bạch — M. H. C.*)

Tuy nhiên cái hiện có không thể thay thế cho cái đã mất. Sau cùng, thi nhân lại chán chê xứ mộng :

*Tình truy hoan, ta vẫn là sấu khách,  
 Mảnh hồn đau lạc lợng dưới trăng tà.*

(*Hương trinh bạch — M. H. C.*)

Thi nhân không tìm được trong thế giới truy hoan hình bóng chân thật của tình yêu. Mặc dù thi nhân đem tâm tư trải vào hoan lạc, nhưng cuối cùng đành phải khép cánh của lòng, tìm về dĩ vãng.

Chỉ có thế giới siêu tượng mới là nơi thi nhân gởi gắm ít nhiều khổ đau của đời mình.

Dĩ vãng là cái gì đã mất, mà cũng là cái gì còn lưu lại trong tâm tư. Thi nhân đào sâu nắm mộ thời gian để an ủi :

*Trời cuối thu rồi — Em ở đâu !  
 Năm bên đất lạnh chắc em sầu ?  
 Thu ơi ! đánh thức hồn ma dậy,  
 Ta muốn vào thăm năm mộ sâu.*

(*Gửi người dưới mộ — M. H. C.*)

Nắm mộ tượng trưng cho sức tàn phá của thời gian đối với thể xác con người. Nhưng, tâm hồn, có phải chẳng nguồn bất diệt ấy bị tan biến ? Thi nhân đi sâu vào nắm mộ thời gian ấy để truy tìm nguồn an ủi vĩnh cửu ấy.

Em mộng về đâu ?  
 Em mất về đâu ?  
 Từng đêm tôi nguyện, tôi cầu,  
 Đây màu hương khói là màu mắt xưa.  
 ( Gửi người dưới mộ — M. H. C. )

Thề chắt chỉ là hư ảnh, tâm linh mới là bất diệt. Tuy nhiên, từ tâm linh thi nhân lại liên tưởng đến thề chắt :

Ta gọi bài thơ anh linh,  
 Hỏi người trong mộ có rùng mình ?  
 Năm xương khô lạnh còn ân ái ?  
 Bộ ngực bi thương vẫn rợn tình ?  
 ( Gửi người dưới mộ — M. H. C. )

Phải chăng thi nhân quá nặng về tình ái, dù trong thế giới siêu tưởng, tâm tư vẫn không thoát khỏi địa hạt ái tình. Đôi khi thi nhân lại muốn hóa thân làm cây cỏ để được tự tình cùng người yêu dưới đáy mộ sâu :

Hỡi người tuyết trinh !  
 Hỡi người tuyết trinh !  
 Mê em, ta thoát thân hình,  
 Nhập hồn cây cỏ, đá tình mỗi đêm.  
 ( Gửi người dưới mộ - M. H. C. )

Hoặc, có lúc mến tiếc vẻ đẹp của thề chắt :

Thần chết cười trong bộ ngực diên,  
 Ta nghe em thở tiếng ưu phiền.  
 ( Gửi người dưới mộ — M. H. C. )

Dù thế, những khi thoát ngoài thế giới hoan lạc, ta thấy tâm tư thi nhân có ít nhiều quang đảng :

Xa tục phố, đây bức tranh thần họa,  
 Lấn sâu, vui, ai nhớ tuổi sông hồ ?  
 Ta biến hình, thoát khỏi trái tim xưa,  
 Quên tâm sự, chắc đau lòng cõi Đất ?  
 . . . . .

Này Biên Giác : mây trời nghiêm nét mặt,  
 Cây Từ Bi hiện đóa Ác Hoa đầu,

Hồi gặp Hồn, ai biết thiện căn đâu ?  
 Xuân phương thảo cũng như Xuân tùng bách.  
 Xin Thần Nữ tin lòng tôi trinh bạch,  
 Đốt kỳ thư còn mộng nét văn khôi.  
 Giữa hư không tìm lại vết chân Người,  
 Ôi xứ Đạo có bao mùa tình tự.

(Tìm bóng tử thần — M. H. C.)

Con đường giải thoát tâm tư của thi nhân vẫn lần  
 quần trong nẻo « luân hồi » ! Chỉ có « luân hồi » mới tìm  
 lại gặp gỡ, mới xóa tan những u uất trong lòng người. Thi  
 nhân trở về với cõi mơ :

Lời nói im, ta nằm chờ siêu thoát,  
 Mơ Hoàng Thành dựng lại bản thanh âm  
 Mươi ngón tay nhưng  
 Mở cửa để cầm  
 Ôi kiến trúc một chiêm bao thần hí !

(Mê hồn ca)

Khi đã kết thúc nhân thế với quan niệm luân hồi, thi  
 nhân cũng kết thúc mối hận lòng qua thế sự. Cho nên cuối  
 « mê hồn ca » thi nhân đã vượt hẳn những khắc khoải của  
 tâm tư, vươn lên một ánh sáng lạ, ánh sáng của đạo lý :

Lạc âm cung, ngần ngơ hồn lệ quỳ,  
 Ta nằm trong di tích cuộc tang thương.  
 Khóc thâu đêm cho thấy lại thiên đường,  
 Thuở hưng phục — ôi ! cõi lòng hoang phế !

(Mê hồn ca)

Tuy nhiên, thế giới siêu thực là thế giới của tâm tư,  
 mà thế giới hiện thực là thế giới khách quan của vạn hữu.  
 Dù muốn dù không, thời gian, không gian vẫn biến đổi, và  
 tâm trạng của con người không thể dùng thực thể chủ quan  
 chối bỏ thực thể khách quan được.

Bởi vậy, cuộc đời thơ — chúng tôi muốn nói sự nghiệp  
 thi ca — của thi nhân vẫn phải theo đà biến đổi ấy.

Nếu tập *Mê hồn ca* mang nặng tính chất siêu tưởng thì  
 ở tập *Đường vào tình sử*, Đinh Hùng đã đem khúc nhạc lòng

minh phò vào lòng đời như một kẻ khát tình, và chúng ta không còn thấy tính chất siêu tưởng nữa. Chúng ta thấy ở đây một tâm hồn thiết tha, khát vọng ái tình hầu như không bờ bến :

*Xin hãy yêu tôi, những lòng thiếu nữ !*

*Tôi chép thơ ca tụng miệng hoa cười.*

*Ôi những nàng như liễu, mắt xa xôi !*

*Yêu tôi nhé, tôi vốn người mê đắm !*

(*Xin hãy yêu tôi* - Đ. V. T. S.)

Nếu nhân sinh quan của nhà thơ là vũ trụ luân hồi thì cuộc đời thơ của thi nhân quả đã đi theo cái vòng tròn ấy. Từ thực thề yêu đương, thi nhân vượt lên siêu tưởng, đó kị hiện hữu, để rồi quay về với thực thề yêu đương :

*Đời của tôi là giấc mộng ban chiều,*

*Tôi lấy bút vẽ con đường vũ trụ.*

hoặc :

*Xin hãy yêu tôi, những lòng hoa thắm !*

*Xuân đã hồng, thu biếc, tôi làm thơ.*

*Cửa phòng tôi giăng lưới nhận mong chờ,*

*Buồn phơ phất mới trông chiều, ngóng gió.*

(*Xin hãy yêu tôi* - Đ. V. T. S.)

Đường vào tình sử của Đinh Hùng tuy màu sắc có khác *Mê hồn ca*, nhưng tính chất vẫn không có gì mới lạ. Tất cả đều là những cung bậc của đam mê mà thi nhân đã vận dụng năng lực tình cảm phò vào dòng đời mình.

Tính chất đam mê ấy được thi nhân gói ghém, nuông chiều, và mỗi hình tượng, mỗi biến động trong cảm giác đều được khai thác triệt để qua lãnh vực tình ái. Nói cách khác, thi nhân đã biến vũ trụ hiện hữu thành vũ trụ yêu đương.

*Tôi nhìn cặp mắt trong xanh ấy*

*Đề thấy hồn tôi trong mắt xanh.*

(*Hương* - Đ. V. T. S.)

Người thơ cần tìm những hình ảnh đề ký thác tâm hồn, cho dù là một hình ảnh tầm thường cũng có thể trở thành quan trọng :

*Tôi nghe em nói bằng yên lặng,  
Bằng dáng nghiêng nghiêng động nét mày ;  
Bằng cả mệnh mang chiều lắng đọng,  
Nụ cười em gửi gió thu bay.*

( Hương — Đ. V. T. S. )

Vì mãi chạy theo cảm giác ấy, có lúc thi nhân cảm thấy tâm hồn mình mệt lả, rồi thở than :

*Ói ! nếu đời ta ngừng bước lại,  
Một giờ, một buổi, một mùa thu !  
Lòng tôi hóa bướm tình si mất  
Cánh mỏng u hoài là giấc mơ.*

( Hương — Đ. V. T. S. )

Đã biết yêu đương là giấc mơ dài, nhưng con đường tình cảm vẫn không sao dừng lại được. Thi nhân tự thấy mình sẽ biến thành kẻ tình si nếu tình cảm ấy bị dồn ép mãi trong tư. Vì vậy, sự phổ diễn đề tình cảm thoát ra ngoài vũ trụ là yếu tố cần thiết trong cuộc sống của thi nhân. Cho nên ta thấy hình bóng yêu đương thường phát xuất từ tâm tư đi ra ngoài cảnh nhiều hơn là từ ngoài cảnh đi ngược lại :

*Chưa gặp em, tôi vẫn nghĩ rằng :  
Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng,  
Mắt xanh là bóng dĩa hoang dại,  
Thăm thẳm nhìn tôi, không nói năng.*

( Tự tình dưới hoa — Đ. V. T. S. )

Đem khát vọng yêu đương biến ngoài cảnh thành khát vọng tâm tư chưa đủ, thi nhân còn bắt ép ngoài cảnh phải phục vụ tâm tư mình :

*Nói đi em, từng ý nhỏ mà say,  
Từng rạo rục cánh lòng hoa đang mở.  
Từng xao động vô cùng trong nhịp thở,*

*Từng mê ly qua một thoáng môi cười.  
Cả rạt rào thương nhớ đấy, em ơi !  
Cả thao thức mạch đời trong tiếng nhẹ.*

hoặc :

*Xin hãy để cả mình em thôn thức  
Trên tay này mở sẵn đón thân hoa.  
Gió ân cần trợn lẫn tóc hai ta,  
Gió dằm thắm giúp đôi hờn phôi phất.*

( *Ấn linh dạ khúc* — Đ. V. T. S )

Thi nhân muốn mạch đời lúc nào cũng réo rắt như tiếng lòng mình, nhưng thực tại chẳng bao giờ phù hợp với ước mơ, ngoại cảnh chẳng bao giờ thỏa mãn được nội tâm, vì thế thi nhân băn khoăn tìm kiếm mãi hương vị của ái tình :

*Từ già hoàng hôn trong mắt em,  
Tôi đi tìm những phố không đèn.  
Gió mùa thu sớm bao dư vị  
Của chút hương thềm kia mới quen.*

(*Một tiếng em* — Đ. V. T. S.)

Không chịu bỏ sót một cử động nào của ngoại vật khả dĩ khai thác được tình cảm : một nụ cười thoáng qua, một ánh mắt xanh hờ hững, đôi khi trở thành một đề tài cho tâm tư. Thi nhân mơ ước :

*Rời đây, trên những lối đi này,  
Ta sẽ cùng ai tay nắm tay. . .  
Nhịp bước năm cung đàn ảo tưởng  
Buông chìm tâm sự nửa đêm nay.*

(*Một tiếng em* — Đ. V. T. S.)

Một bóng sắc hiện hữu đã đành, mà cả mùi vị cũng gieo vào lòng thi nhân những cảm giác luyến ái :

*Nhẹ bước chiêm bao tưởng lạc đường,  
Rưng rưng mùi phấn bồng ngùi thương.  
Sương dằm vật áo mong manh lệ,  
Sao rưng bay vào tóc dạ hương.*

(*Một tiếng em* — Đ. V. T. S.)



Từ một con đường, một bóng cây, từ một mùi hương thoảng, một ánh sao rơi. . . đâu đâu cũng phổ trương hình ảnh của yêu đương, của mơ ước. Thậm chí ngay phòng ngủ của thi nhân cũng trở thành bến đợi, sông chờ :

*Tôi ngủ băng khuông một gối buồn,  
Giường lênh đênh nổi giữa băng sơn.  
Xoay mình, giận mảnh chấn hờ hương,  
Tuyết phủ, sương dâng một nửa hồn.  
Cá lẽ Tình đi lạc mất nhà,  
Lặng nằm tưởng đến một tên hoa.  
Ngần ngơ thương mãi vắng trăng lặn,  
Hoài vọng nghe rung một tiếng gà.  
Ai đến đây buồn chơi với ta ?  
Ngọn đèn tâm sự thấp trong nhà.  
Trời gần mái ngói hay xa nhỉ ?  
Truyện nở ân tình, đêm nở hoa.*

(*Chớp bề mưa ng òn - Đ. V. T. S.*)

Đó chỉ là những khát vọng, những mong chờ của tâm hồn luôn luôn đòi hỏi ở ngoài cảnh một đáp ứng. Tuy nhiên, nhân thế là thực thể khách quan, lúc nào cũng mâu thuẫn với tâm tư. Cho nên thi nhân nhiều lúc thấy tâm hồn cô đơn trống trải :

*Si tình thế vậy mà hieu quạnh mãi !  
Yêu tôi với ! tôi làm thơ ân ái  
Đề yêu người và cũng đề người yêu.  
Đề các em qua từng bước diễm kiều  
Trong cảnh nước non tình tôi xếp đặt.*

(*Xin hãy yêu tôi - Đ. V. T. S.*)

Cảm nhận cái trống lạnh của thân đơn, khách đa tình thường tự cho mình là thiếu nguồn sống. Sự thiếu thốn ấy tuy chỉ trong cảm giác, nhưng lúc nào đó, cảm giác sẽ biến thành thực tiễn, nghĩa là cảm giác đòi hỏi ở thi nhân những hành động có tính chất thoải mái khả dĩ đưa cảm giác đến thỏa vọng. Do đó, người thi sĩ chúng ta đã tìm đến với nàng tiên nâu :

*Trong im lặng, tôi rùng mình nín thở,  
Cầm tay em, nâng từng ngón tay hoa.  
Tình yêu tràn trong thớ thịt, làn da,  
Tình yêu rợn tự đầu mày chân tóc.*

(Giáp mặt phù dung — Đ. V. T. S.)

Cái ngào ngạt tê mê của hương yên, cái hình tượng uyển chuyển thướt tha của làn khói quyện, cái giao tiếp đến điên ngây đầu lưỡi với vị đắng thoát trần của nhựa đã được thi nhân chuyển hóa thành sự đung chạm sáng khoái với ái tình. Đây, ta hãy xem sự thọ hưởng một khoái cảm đã biến tướng trong người thi nhân :

*Em băng khuông hé nửa cặp môi hồng,  
Mắt nhắm nghiền và sóng ngực rung rung,  
Hơi thở ấm nồm nùng hương phấn đại.  
Mặt giáp mặt đè hai lòng tê tái,  
Tôi điên rồ uống hết vị hoài nghi.*

*Tôi xót thương từ sợi tóc thơm nồng.  
Em là người như một cánh hoa rung,  
Tôi khăng khít — ôi cõi đời tiêu tán !*

(Giáp mặt phù dung — Đ. V. T. S.)



Đề kết luận về Đinh Hùng, chúng tôi có ý nghĩ sau đây :

Lấy chủ đề là ái tình, lại hay nuông chiều cảm giác, tiếng thơ của Đinh Hùng bắt đầu dẫn chúng ta từ trạng thái chới bỏ hiện hữu, chới bỏ đến phá phách, đập đổ để trở về bản chất tình yêu thiên nhiên. Nhưng, cái hy vọng mong manh của ái tình chân thật trong tiền sử bị thực tại phủ nhận, đánh đổ, Đinh Hùng tạo dựng cho mình một thế giới siêu tưởng, một thế giới thoát ra ngoài thực tại để điều hành mọi khát vọng theo bản ngã. Nhưng chính ở trong cõi siêu tưởng ấy, thi nhân bỗng thấy rợn lên một nỗi cô độc, cô độc đến lạnh lẽo của một con người bơ vơ trong cái thế giới hồng hoang. Không kham mãi với lòng băng giá, thi nhân mới tìm về sức ấm áp của tình yêu trong ảo mộng ; như vậy, vô hình trung đã đưa tâm tưởng xích

lại gần thực tại, chứng tỏ một tâm hồn đang khao khát thực tại. Tập *mê hồn ca* phủ trùm chúng ta bằng bầu khí huyền siêu thực, bằng một « trời ảo diệu », bằng một « màu sương linh giác », bằng một khúc « lạc hồn ca », bằng một đất « Nước vô danh », bằng con « Người ảo mộng ». Nói chung, nó là một cõi « mê hồn ».

Qua thi phẩm thứ hai, một cảm giác đến ngay với chúng ta như một con người vừa bừng tỉnh sau khúc « mê hồn ca ». Chúng ta đang thong dong trên con « đường vào tình sử ». Tình yêu ở đây bằng bạc khắp trời, quá rõ rệt, hiển hiện là một thực tại không thể chối cãi. Và chúng ta thường xuyên thấy bóng dáng thi nhân thấp thỏm trong tiếng nói ái ân. Bao nhiêu ngôn ngữ và hình bóng trong « tình sử » được thi nhân vẽ lên bằng những màu sắc tương tự của một khát vọng triển miên.

Tóm lại, cuộc đời thơ của Đinh Hùng ( 1961 ), chúng ta có thể ví như dòng nước có hai đoạn. Một đoạn uốn khúc trong núi rừng hoang dã, có khi tuôn chảy ào ào như bạo lực, có lúc lại chui mình dưới khe đá âm u như đáy mộ. Một đoạn chảy ra bình nguyên, dòng thơ lai láng, tràn trề dưới một trời quang đãng. Tuy nhiên, dù phân chia hai đoạn, một đoạn phục vụ cho cảm giác siêu tưởng, một đoạn phục vụ cho cảm giác thực tại của con người, nhưng cũng vẫn chung cùng một nguồn nước.



## Thi tuyển

### Bài ca man rợ

Lòng đã khác ta trở về Đô-thị,  
 Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa.  
 Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ,  
 Và chân bước nghe chuyền rung đời xuôi.  
 Lá cỏ sắc vương đầy trên tóc rối,  
 Ta khoác vai manh áo dầm hương rừng,  
 Rồi ta đi, khí núi bốc trên lưng,  
 Mắt hung ác và hình dung cổ quái,  
 Trông thấy ta, cả cõi đời kinh hãi,  
 Dòng sông con nép cạnh núi biên thù,  
 Đường châu thành quặn quại dưới chân đi,  
 Xao động hết loài cỏ hoa đồng nội.  
 Người và vật nhìn ta không dám nói,  
 Chân lảng xa, từng cặp mắt e dè.  
 Ta ngằn ngơ nhìn theo bóng ngựa xe,  
 Nhìn theo mãi đến khi đời lánh cả.  
 Và ta thấy hiện nguyên lòng sơn dã :  
 Cảnh sắc này bỗng nhuộm máu tà dương.  
 Ta xót thương, ta căm giận, hung cuồng,  
 Ta gầm thét, rung mảy trời thế sự.  
 Rồi dữ tợn, ta vùng đi khắp xứ,

1) Chúng tôi trích một số ít thơ của Đinh Hùng ở hai tập *Mé hồn ca* và *Đường vào linh sử* vừa đủ cho phần biên soạn. Quý bạn nào muốn có toàn tập thơ Đinh Hùng, xin mua *Mé hồn ca* vừa được tái bản dưới hình thức VĂN UYÊN số 4 tháng 8 năm 1968.

*Đường vào linh sử* đang chờ tái bản.

Ngoài ra, cổ thi sĩ Đinh Hùng còn trên 100 bài thơ đang được gia đình gom góp cho in thành sách.

Nắm hai vai người tặc khách qua đường.  
 Lòng lạ lòng tìm ảnh với tìm hương,  
 Nhưng lẫn lộn chỉ thấy màu xiêm áo.  
 Trán thì phẳng — ôi đâu là kiêu ngạo ?  
 Đâu hồn nhiên trên nét vẽ râu mày ?  
 Ta ghì người tất thờ ở trong tay,  
 Miệng quát hỏi : Có phải người là bạn ?  
 Ôi ngờ ngác một lũ người vong bản,  
 Mắt tình thần từ những thuở xa xôi !  
 Ta về đây lạ hết các người rồi,  
 Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách sống.  
 Trong bờ ngõ duy lòng còn chút mộng,  
 Ta đi tìm người thiếu nữ ngày xưa.  
 Nàng không mong, ta đi đến không ngờ,  
 Giây phút ấy thật mắt nhìn tận mắt.  
 Ta cười mỉm, bỗng thấy nàng che mặt,  
 Ta giơ tay, nàng khiếp sợ lùi xa,  
 Ta lại điên rồ, đau đớn xót xa.  
 Trong cô độc, thấy tình thương cũng mất.  
 Ôm Nhan-sắc với hai bàn tay sắt,  
 Ta nhìn ai — ôi khóc mắt ta nhìn !  
 Em có là ma, là quỷ, là tiên ?  
 Em có mấy linh hồn, bao nhiêu mộng ?  
 Em còn trái tim nào đang xúc động ?  
 Em có gì, trong xác thịt như hoa ?  
 Lạc thiên nhiên đến cả bọn đàn bà,  
 Với những kẻ dung nhan kiêu diễm nhất.  
 Ta lão đảo vùng đứng lên cười ngất,  
 Ghì chặt nàng cho chết giữa mê ly.  
 Rồi dầy xéo lên sông núi đô kỳ,  
 Bên thành quách ta ra tay tàn phá,  
 Giữa hoang loạn của lâu đài đình tạ,  
 Ta thản nhiên đi trở lại núi rừng.  
 Một mặt trời dẫm máu xuống sau lưng.

( Mê hồn ca )

## Những hướng sao rơi

Khi Miếu-đường kia phá bỏ rồi,  
 Ta đi về những hướng sao rơi  
 Lạc loài theo dấu chân cặm thú.  
 Từng vệt dương sa mọc khắp người.  
 Sau trái cô sơn, ngày lại ngày,  
 Hồn kinh kỳ h ẹn dưới chân mây.  
 Đôi tay vò xé loài hoang thảo,  
 Dỏ máu cặm hờn trên cỏ cây.  
 Rồi những đêm sâu bằng h ẹn về,  
 Vượn lâm tuyền khóc rợn trăng khuya-  
 Dâu đây u uất hờn sơ cớ,  
 Từng bóng ma rừng theo bước đi.  
 Ta đến sườn non rẽ cỏ gai  
 Sống đây ghi trước mảnh di hài-  
 Lấn trong kiến trúc tòa vân thạch,  
 Hồn cỏ ngời chung, mộng vẫn dài.  
 Từng buổi hoàng hôn xuống lạ kỳ,  
 Ta nằm trên cỏ lắng tai nghe . .  
 Thêm ắn một chút hoa man dại,  
 Rồi ngủ như loài muôn thú kia.

( Mò hồn ca )



## Người gái thiên nhiên

Nàng lớn lên giữa mùa xuân hoa cỏ,  
 Nửa linh hồn u ám bóng non xanh.  
 Ngoài thiên nhiên nở bừng thân nữ nữ,  
 Nàng yêu ta, huyền hoặc mỗi kỳ tình.  
 Ói bí mật của tấm lòng đề ngõ !  
 Đã ai vào dò xét truyện rừng sâu ?  
 Trái sông nước, vượt qua từng châu thổ,  
 Ta đến đây nghe vượn núi kêu sầu.

Cảnh diễm lệ ngàn ngơ hờn cầm thú,  
 Thôi đừng chôn, xem Nhan Sắc lên ngàn.  
 Nỗi vui mừng nở trắng ý phong lan,  
 Chiều hương lạ, mộng rừng về nghi ngút.  
 Chúng tôi gặp nhau bên dòng suối ngọt,  
 Làm đôi người cô độc thưở sơ khai :  
 Nàng băng khuâng đốt lửa những đêm dài,  
 Ta từng budi bơ vơ tìm bộ lạc.  
 Nàng là Gái-Muôn-Đời không đời khác :  
 Bộ ngực tròn nuôi cuộc sống dương xuân,  
 Ta đến đây làm chủ hội phong trần,  
 Lấy hoa lá kết nên Tình Thái Cồ  
 Rừng budi đó vang tiếng cười man rợ,  
 Quả tơ duyên đỏ thắm sắc trên cành.  
 Chúng ta đi, lặn ngắm núi đồi xanh,  
 Bước trên cỏ dề nghìn sau in dấu.  
 Ôi ! giữa trời Thơ, những đêm hiền hậu,  
 Con chim nào kêu vắng tiếng trần ai  
 Mấy thu xanh dòng thác lệ u hoài ?  
 Thời xa vắng mở hương lòng trái đất.  
 Trong tay Nàng ta ngã mình ngây ngất,  
 Nghe rõ ràng trên thịt ấm, da xuân.  
 Ngực dâng cao, hơi thở đã mau dần,  
 Mùi cỏ lá bỏng thoảng hờn mong nhớ.  
 Ta ngàng lên, mắt Nàng buồn muôn thưở,  
 Ngắm hoa sao lay động dưới khe nguồn.  
 Chung mối sầu, thơ thần với trắng sương,  
 Bên sườn núi có con hươu vàng diệp.

( Mê hồn ca )



### Trời ảo diệu

Đi lên, em ơi ! đường kính thanh,  
 Nhìn trăng, ta hát điệu vong tình.  
 Bốn mùa chuyền dáng, xuân thu động,  
 Mây núi buồn nghiêng mái tóc xanh.  
 Đây hoa cỏ thoát hình hài ảo mộng,  
 Ta ngắm Nàng trút bỏ áo xiêm Thơ.  
 Em đừng bước, bài thơ Tình in bóng,  
 Cảm hồn trời, bao dãy núi trầm tư !  
 — Hơi non thắm ! trước thời gian xao động,  
 Đá băng khuôn, màu thạch nhũ phai mờ ;  
 Mấy xuân thu người đứng nhìn sao rụng ?  
 Ta tìm trên tuyết trắng dấu Người Xưa.  
 Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ,  
 Em ! kìa Em ! đừng gọi thức hư không !  
 Hãy quì xuống đọc bài kinh ái mộ :  
 Hồn ta đây, thành tượng giữa Vô Cùng.  
 Mùa ảo diệu chuyền giao đường tình tú,  
 Em biết Xuân, còn để lại hoa dung.  
 Ta cười xuống kẻ tình nhân tục phở :  
 — Tay cầm tay lòng có thấu chăng lòng ?  
 Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ.  
 Đôi hồn người tưởng gặp bóng cô đơn.  
 Rượu trường sinh : ta uống mắt em buồn,  
 Sầu mấy kiếp, giấc ngủ say bừng đỏ ?  
 Quên đi em, hãy sống đời cây cỏ,  
 Từng linh hồn đan díu với hương hoa.  
 Ta nhớ xưa đêm thu rụng tiếng gà,  
 Trăng vịnh viễn khốc thời gian tình tự.  
 Mây hay gió động nổi niềm phong vũ,  
 Bầy xứ Tình che lấp dáng kính thanh.  
 Theo lối mộng, đi về Ấn-ái cũ,  
 Em nghe ta, cùng mê hoặc thân hình.  
 Khuya sớm tìm sang lối tuyết trinh,



Lầu Xuân, hoa dựng ngọc liền thành.  
 Lệ in bóng núi, mờ nhân ảnh,  
 Mây đó về đâu, có gặp mình,  
 Thương Nước vô danh, Người mộng ảo,  
 Ta cười một nét vẽ hư linh.  
 Áo thơ đã ở màu tang hải,  
 Em thoát xiêm đi, hiện dáng Tình.  
 ( Mê hồn ca )



### Kỳ nữ

Ta thường có từng buổi sầu ghê gớm  
 Ở bên Em — ôi biên sắc, rừng hương !  
 Em lộng lẫy như một ngàn hoa sớm,  
 Em đến đây như đến tự thiên đường.  
 Nhưng buổi đó, ta nhìn em kinh ngạc,  
 Hồn mắt dần trong cặp mắt lưu ly,  
 Ôi mắt xa khơi ! Ôi mắt dị kỳ !  
 Ta trông đó thấy trời ta mơ ước.  
 Thấy cả bóng một vầng đông thuở trước,  
 Cả con đường sao mọc lúc ta đi,  
 Cả chiều sương mây phủ lối ta về,  
 Khắp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ.  
 Ta run sợ, cho yêu là mệnh số,  
 Mặc tay em định hộ kiếp ngày sau.  
 Vì người em có bao phép nhiệm màu,  
 Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc.  
 Ta dắt em lên ngai thờ Nữ Sắc,  
 Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da.  
 Buổi em về, xác thịt tầm hương hoa,  
 Ta sống mãi thờ lấy hồn trinh tiết.  
 Ôi cảm dỗ ! cả mình em băng tuyết,  
 Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân,  
 Ta gần em, mê từ ngón bàn chân,  
 Mắt nhắm lại để lòng nguôi gió bão.

Khi sùng bái, ta quì nằng nếp áo,  
 Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang nghiêm  
 Ta khàn cầu từng sớm lại từng đêm,  
 Chưa tội lỗi đã thấy tràn hơi hận.  
 Em dài các, lòng cũng thoa son phấn,  
 Hai bàn chân kiêu ngạo dẫm lên thơ.  
 Ôi vô lương ! Trong một phút không ngờ,  
 Ta đã muốn trở nên người vô đạo.  
 Tất cả em đều bắt ta khổ não,  
 Và oán hờn căm giận tới đau thương,  
 Và yêu say, mê mệt tới hung cuồng,  
 Và khát vọng đến vô tình, vô giác.  
 Hỡi Kỳ-nữ ! Em có lòng tàn ác,  
 Ta vẫn gần — ôi sắc đẹp yêu ma !  
 Lúc cuồng si, nguyện rửa cả đàn bà,  
 Ta ôm ngực nghe trái tim trào huyết.  
 Ta sẽ chết, sẽ vì em mà chết !  
 Một chiều nào tắt thở giữa môi hôn,  
 Ta hái trong em lấy đóa hoa hôn.  
 ( Mè hồn ca )



### Hoa sử

Vì đâu em hát niềm thương nhớ ?  
 Ta đã nghe từ thuở nguyệt lên.  
 Sáng sớm, Hồn Thơ ra ngự trị,  
 Tịch dương bùng sáng lửa đoàn viên.  
 Thơ ôi ! Lạc bước vào Hoa-sử,  
 Ta dựng lầu Xuân, chấp mối duyên.  
 Đồi áo sông hồ thơm huyết mạch,  
 Chiều nay xin đốt áng hương nguyện.  
 Xưa mạch đất dẫu nghìn xuân vũ trụ,

Ta lãng du, chợt gặp cỏ hoa tình.  
 Mừng phong cảnh bốn mùa về hội ngộ.  
 Em gọi tên hồn non nước sơ sinh.  
 Sầu gửi nguyệt, lửa chiều say, ta ngủ,  
 Mộng chưa quen — ôi ! xứ mộng không hình  
 Em hỏi trăng, đón bàn tay tâm sự,  
 Ta bỗng ngỡ gió thoảng, nét mây linh.  
 Trăng với lệ, em cùng anh.  
 Đêm xưa ai hiểu tiếng hoa Quỳnh ?  
 Vì lòng cầm tú,  
 Hiện trời tinh anh.  
 Thương ai, trái đất nghiêng mình ?  
 Tha thướt Đài Hương khép mở . . .

Con sóc trên cành  
 Gọi bầy ca vũ,  
 Ta nghe cầm thú  
 Vào hội đồng thanh.  
 Hồn nhạc mong manh  
 Kề lời châu thờ.  
 Ôi điệu u tình  
 Là lướt rừng xanh.

Thế kỷ thanh bình nước nở qua,  
 Ta nhìn nhau khóc tuổi trắng già.  
 Buồn lên, Cõi đất chưa than thở !  
 Em đã ca sầu — ôi Dã Hoa !

( Mê hồn ca )



### Ác mộng

Niềm khát vọng, ta ghi vào huyết sử,  
 Dưới chân em, Thơ lạc mất linh hồn.  
 Ta đau xót trong mỗi giờ tình tự,  
 Ta khóc nhiều cả những lúc trao hôn.

Đời tàn tạ, em đừng ca hát nữa :  
 Hội thanh bình, cuộc sống gương vui thối.  
 Ta muốn điên vì khước miệng em cười,  
 Ta cưỡng đại bởi nghìn câu em nói.  
 Nhan Sắc ấy chớ nên tàn nhẫn với,  
 Tình mắt rồi ! oán hận đã mệnh mông.  
 Chớ thờ ơ ! Ta nổi giận vô cùng,  
 Nhiều ác mộng hằng len vào giấc ngủ.  
 Ta quên hết ! Ta sẽ làm Bạo Chúa,  
 Sống nghìn năm, ngự trị một lòng em.  
 Cuộc ân tình ghê tợn suốt muôn đêm,  
 Nào ai tiếc thương gì thân mỹ nữ !  
 Tay mới ôm sẽ giày vò nhưng lụa,  
 Phần hương nhàu, tan tác áo xiêm bay.  
 Ta bắt em cười, nói, bắt em say,  
 Ta đòi lấy mảnh linh hồn bờ ngõ.  
 Ói ! ly rượu em dâng toàn huyết đỏ,  
 Ta uống cùng dòng lệ chảy đêm xưa,  
 Đề ưu tư, hồn giận với nghi ngờ  
 Về hiện hiện bóng ma kề bên gối.  
 Bao hoan lạc ! sau những giờ tội lỗi,  
 Một mình Em sừng sốt đứng bên giường,  
 Ngắm ta nằm say giấc ngủ đau thương,  
 Trong run sợ bỗng thấy lòng tê tái.  
 ( Mê hồn ca )



### Hương trinh bạch

Những người gái vẫn cùng ta gặp gỡ,  
 Cũng như em, giấu kín mộng linh hồn.  
 Cũng đắm tình trong mắt liếc, môi hôn,  
 Lòng chưa ngờ cũng sẵn sàng ân ái.  
 Ta mê muội giữa một bày yêu quái,  
 Biết cười vui, nói những giọng êm đềm.  
 Và than ôi ! tàn nhẫn cũng như Em,  
 Từng nhan sắc ngần ngợ hay kiêu lệ.

Ta đau đớn mà yêu chưa kịp nghĩ,  
 Cả thịt xương mòn mỏi nhớ thương ai ?  
 Đời hưng vong — ôi thành quách, lâu đài  
 Tự thiên cớ đứng buồn soi đáy nước !  
 Vườn Lạc Hoa ngày nay không quen thuộc,  
 Ta ngủ trong tường vọng Đóa Hồng xưa.  
 Bước chân em đánh thức dậy tình cờ  
 Đề trông thấy buổi chiều về tiêu diệt.  
 Em giống ai ? Ta điên rồi, không biết !  
 Nụ hôn đầu tề đại đến tâm can.  
 Ta nhìn theo hình bóng những năm tàn,  
 Tay sáng sốt vôi ôm ghì xuân sắc.  
 Lời em nói, ta chưa hề nghĩ hoặc,  
 Tiếng em cười, ta vẫn khát khao nghe.  
 Ta van xin từng phút mộng vai kề,  
 Lòng tín ngưỡng cả núi hương phản trắc.  
 Đời bỏ ta nằm trong tay Nữ Sắc,  
 Đêm hãi hùng nghe vắng bước thời gian,  
 Bóng thê lương rờn rợn ghé bên màn,  
 Ta gục khóc, tưởng Tình Xưa ngồi cạnh.  
 Em đã đi như bao người gái lạnh;  
 Vẫn cùng ta gặp gỡ những đêm buồn.  
 Say vô cùng dư vị cặp môi son,  
 Thoảng xiêm áo, nhớ mùi hương da thịt.  
 Ta không biết, em ơi, không dám biết,  
 Ai hưng hờ, ai mộng với ai say ?  
 Nhưng ai kẻ môi ân ái với đây,  
 Nhưng ai nói, ai cười như hứa hẹn ?  
 Quên Tình Ái, ta phá tàn cung điện,  
 Đi ngoài sao thăm lặng khóc trời xanh.  
 Xa mắt em, xa ánh sáng kinh thành,  
 Mỗi bước chậm xót thương hờn đường phố.

Ói gác ca lâu, rèm buồng, lửa đỏ !  
 Ói mộng xuân là lướt nhỡng đêm tình !  
 Cốc rượu hồng, hy vọng sáng rung rinh,  
 Mùi son phấn khác gì hương trinh bạch ?  
 Tình truy hoan, ta vẫn là sầu khách,  
 Mảnh hồn đau lạc lõng dưới trăng tà.  
 Kìa, xiêm đào thương nữ thoáng như hoa . .  
 ( Mê hồn ca )



## Mê hồn ca

### I

Lời nói im, ta nằm chờ siêu thoát,  
 Mơ Hoàng Thành dựng lại bản thanh âm.  
 Mười ngón tay nhung  
 Mở cửa để cầm,  
 Ói kiến trúc một chiêm bao thần bí !  
 Ta lạc hồn giữa lâu đài kỳ dị,  
 Suốt muôn đời không hiểu dây hành lang.  
 Dưới hiên tây từng thế kỷ điêu tàn,  
 Gạch ngói cũ nghe hoa thềm rụng cánh.  
 Ngày tê tái đợi luân hồi về cạnh,  
 Giữa ân tình đứng lặng tượng giai nhân,  
 Dáng thiên thu kêu gọi một đêm tân.  
 Lạc âm cung, ngàn ngơ hồn lệ quý,  
 Ta nằm trong di tích cuộc tang thương.  
 Khóc thâu đêm cho thấy lại thiên đường,  
 Thừa hưng phục — Ói ! cõi lòng hoang phế !  
 Hồn hơi hồn ! xưa chết chìm dưới bề,  
 Hãy vùng lên, cười một tiếng bí ai.  
 Máu ta say không chảy thoát hình hài,  
 Hằng kinh động chốn ǎn năm vĩnh viễn.  
 Trăng huyết dụ xương bên đài kỷ niệm,  
 Lầu gác xưa nghiêng bóng lấp thời gian.

Biết chẳng ai ? trong giấc ngủ hoang tàn,  
 Hồn gỗ đá nặng nề vừa tỉnh giấc.  
 Cuối trời loạn, thương một vùng sao mọc,  
 Ta hát lên, chân nhịp bước thần kỳ.  
 Trở về đây xơ xác mảnh tàn y,  
 Giữa hoang địa hiện hồn tòa u ngục.  
 Bùng mắt dậy lửa hồi sinh đỏ rực,  
 Thịt xương về trong cỗ mộ xông xao.  
 Hóa thiêu rồi ! làn tử khí lên cao,  
 Chiều tái tạo băng khuâng từng ngọn cỏ.  
 Hoa thanh quý nở bùng trong diễm sử,  
 Thiên tiên đâu ! về tắm nước sông đào.  
 Ta nghiêng mình làm một trái non cao  
 Và nghe tan vỡ  
 Tâm tình trăng sao . . .

Chiều mù sương lẫn trong tiền kiếp lạ,  
 Mỗi năm tàn ước vọng một bông hoa.  
 Diêu Hương em !  
 Trăng xuân rụng, nguyệt thu già,  
 Dây thề chắt lạt loài đi nước nở.  
 Ói hư vô ! đừng gọi lòng ta nữa,  
 Ta phá tan hư ảnh, lại điên cuồng.  
 Mộng hoàng vương đâu ? hơi mộng hoàng vương !  
 Đêm phản trắc đầy chiêm bao lưu huyết.  
 Ta đang nghe Thành Lạc Hồn kiến thiết.

## II

Phất tay áo, tìm bắt hương Hồ Diệp,  
 Ta thoát hồn về nhập xác em xưa.  
 Trong giấc mộng hai lần giai nhân đẹp,  
 Cùng một đêm biển ảo trăng xuân thu.  
 Dây bài hát đã đi qua tiền kiếp,  
 Giữa tơ đàn xao động cánh hư vô.

Ta chung khóc cuộc điêu tàn Nha Điền,  
 Bản ca trường dựng lại mái trời tây.  
 Trong đông tổ, hồn ly dân cầu nguyện,  
 Nhạc bình sa theo gió tới chân mây.  
 Thuở cô độc, hồ trầm tư nỗi sóng,  
 Gọi hồn ta về núi Vọng Phu xa.  
 Lời Thần Nữ mê diên ngoài cửa động,  
 Đêm áo kỳ bay lạc tiếng thiên nga,  
 Ói ! vũ trụ muôn đời thoi thóp sống,  
 Ta gục quỳ bên những bản cầm ca  
 Bụi chiều đến, sầu lên Kim Tự Tháp,  
 Bóng ta đi hoài cảm góc trời này.  
 Từ cố đô, hồn lạc xứ về đây,  
 Bao hài cốt nổi trôi bờ biển khác  
 Thủy triều xuống, hiện lên tòa Vân Các,  
 Chúng ta cùng sống lại — Phế Vương ôi !  
 Ngủ một giấc, đời nhuộm màu kim cở,  
 Ta mỉm cười nên thế sự suy vong,  
 Mau vùng lên giữ lại Thái Dương hồng ;  
 Trời lâm nạn, thôi ! hành tinh tan vỡ !  
 Hồn lệ sầu ơi !  
 Đâu những vùng trời  
 Không làm thương nhớ ?  
 Ta dẫn lối về đây đoàn ca vũ,  
 Tự bốn mùa địa ngục vắng âm thanh,  
 Chúng ta khóc như một bầy thú dữ,  
 Lòng dơ man nghe trái đất tan tành.  
 ( Mè hòa ca )





## Lạc hồn cơ

### Đời anh hoa

#### I

Ta dề Nguồn Hương nhộp xác này,  
 Hồn như phong vũ đã xa bay,  
 Mè đi chín kiếp luân hồi nữa,  
 Vỡ gập nhân tình hát ở đây,  
 Đâu biết tin Xuân còn điểm ảo  
 Mà thương huyền sử bắt đầu thay !  
 Vì ta đời áo thiên duyên mộng,  
 Người gái Giao Đài mới biết say.

#### II

Trăng bỏ ta đi, trăng ảo huyền !  
 Mấy trùng biền lạ nhớ bình nguyên ?  
 Sầu ta động khắp trường giang thủy,  
 Vào cuộc tuần du lại đắm thuyền.  
 Ta hát lên trời muôn thừa trước,  
 Giờ đây còn lặng khúc giao duyên.  
 Hỷ thần lưu lạc về sông núi,  
 Người gọi hồn ai ? hơi đổ quyền !

#### III

Hãy thoát thân đi, đuổi bắt hình,  
 Hồn ơi ! đừng lạc xứ U-minh.  
 Ai tìm ta đó trong đêm loạn ?  
 Có gặp Thơ về, Nhạc hiền linh ?  
 Ta gọi thiên tai, cưỡi mệnh số.  
 Đây lời hoan lạc viết nên kinh.  
 Đời anh hoa trước nghe thần mộng,  
 Còn giữ nguyên trang sách điểm tình.



**Huyền sử****IV**

Thời đại Hoàng Kim đã phục hồi,  
 Ta mừng Bạo Chúa sắp lên ngôi.  
 Tìm thơ vương giả, xuân lưu huyết,  
 Mê dấng cung phi, nước ngậm cười  
 Nhìn suốt hư linh vừa thấy Mộng,  
 Thiện tâm về àn chốn nào vui ?  
 Buồn riêng một bóng trăng tiền sử,  
 Sao Thái Hòa xưa rụng xuống người.

**V**

Hãy ra sa mạc, cõi Thơ Vàng,  
 Vào trận cuồng phong, loạn hỗn mang.  
 Nghìn lá cờ ma sấu địa chấn,  
 Hát lên, ôi dòng máu Bình Vương !  
 Người đi, cát chuyền đường qua núi,  
 Ta mất biên thù, lạc thái dương.  
 Lập bề danh truyền, quên sự tích.  
 Trở về, xin mộng giấc hiền lương.

**VI**

Ta đến nghe đời sắp mệnh chung,  
 Giữa đêm về viếng mộ anh hùng.  
 Nghiêng trời hiện bóng đường xa mã,  
 Vượt nước in hình mái thùy cung.  
 Trở giấc bơ vơ hồn lạc quốc,  
 Lạ dòng, trôi nổi bến phù không.  
 Người ôi ! tỉnh dậy, đừng oan thác,  
 Lam khí bay lên lấp cứu trùng.



**Vô thường****VII**

Tàn ác, Thời-gian giục có câu,  
 Minh ta lạc mộng, đứng trong sầu.  
 Ngàn ngơ tình tứ, lòng hoang dại,  
 Mờ ảo dung quang, tóc dôi màu.  
 Xuân buđi thanh bình rung sừ lệ  
 Hội đêm phong kiến loạn vương hầu.  
 Người xưa đạo đến cười trong mộ,  
 Hờ hững, ta đi khuất nguyện cầu.

**VIII**

Ai ở mà say hội lý đào ?  
 Trắng mù du ấy tuổi là bao ?  
 Núi non dựng lại toàn cung cấm,  
 Cường đại ta mê thị trấn nào ?  
 Yên tiệc đi, về, quên lối mộng,  
 Tựa từ, Thơ lạc vận tiêu tao.  
 Ý trời, tay viết lên bàn thạch,  
 Bày ván cờ tiên thử thấp cao.

**IX**

Đọc sách mười năm, học lấy quên,  
 Ta, đêm Hồng Thủy dọn con thuyền.  
 Giận công trác tuyết Trời khai thác,  
 Tay cuốn dòng sông, sừ sóng lên.  
 Ruộng đất đã người lòng thảo dã,  
 Mặc ta rừng núi khóc lam tuyền  
 Thơ đâu ? chẳng nói lời yêu hoặc,  
 Vô mặt sầu nhân, nét bút diên ?

**Hồi sinh****X**

Bộ lạc ta xưa mất hải tần,  
 Buồn nghiêng nội địa, cháy tà huân.  
 Đêm thiêng thồn thức hồn du mục,  
 Te vọng lên non tiếng ác thần.

Cửa ngục sông hồ rung ánh lửa,  
 Trăng mê màu huyết loạn hồng vân.  
 Hoang sơ, tuổi đá bùng cơn mộng,  
 Cúi mặt u huyền, khép áo xuân.

## XI

Nhạc khúc cầm dài nghẹn khúc ca,  
 Trần gian chuyển dáng mộng giao hòa.  
 Gió trắng ngư uyển buồn xuân sắc :  
 Thử bước vào xem cung điện Ma I  
 Xiêm áo tôn nghiêm còn lạ chủ,  
 Nửa chừng hoan lạc nép mình hoa.  
 Hỡi ơi ! Hồn lệ mờ nhân thế,  
 Văn cuộc lười sinh, ai đợi ta ?

## XII

Hồn phách thanh tuyên dáng áo hương,  
 Băng khuâng thần chủ lạ thiên đường.  
 Cơn trong nhân ảnh màu hư cấu,  
 Lạc thờ hồng lên tuổi thái dương.  
 Thức ngủ huyền vi, diễm ngọc sáng,  
 Lửa đầu hoài niệm Đất phong vương ?  
 Hiện thân động mái chèo kim cở,  
 Nửa mặt phù sinh nép hậu trường.



### Đường vào tình sử

Khi tóc mùa xuân buông dài trước cửa,  
 Khi nắng chiêm bao khế chợp hàng mi,  
 Khi những con thuyền chờ mộng ra đi,  
 Giấc mộng phiêu lưu như bầy hải diều,  
 Kỳ niệm trở về, nắm tay nhau hiền dịu,  
 Ngón tay thơm vàng phấn bướm đa tình,  
 Anh sẽ tìm em như tìm một hành tinh.  
 Mực trái đất sắp tan vào mộng đẹp.

Trên đường ta đi,  
 Những đóa hoa nở mặt trời xích đạo,  
 Những làn hương mang đông tố bình sa,  
 Những sắc cầu vồng nghiêng cánh chim sa,  
 Và di vãng ngũ trong hồ cầm thạch  
 Cửa đôi mắt sáng màu trắng mặc khách,  
 Thời gian qua trên nét mi dài.  
 Núi mùa thu buồn gợn sóng đôi vai,  
 Dòng sông lạ trôi sâu vào tâm sự.

Chúng ta đến nghe nổi sầu tinh tú :  
 Những ngôi sao buồn suốt một chu kỳ,  
 Những đám tinh vân sắp sửa chia ly,  
 Và sao rụng biếc đôi tay cầu nguyện  
 Ôi cặp mắt sáng trắng xưa hồ hẹn,  
 Có nghìn năm quá khứ tiễn nhau đi.  
 Anh vịn tay số kiếp dẫn em về,  
 Nhìn lửa cháy những lâu đài mặt biển.

Phơi phới thuyền ta vượt bến,  
 Từ đêm hồng thủy ra đi.  
 Lòng ta dao cắt  
 Chia đôi  
 Biên thù,  
 Dòng máu kinh hoàng chọt tình cơn mê.  
 Chúng ta đi vào lá hoa Tình Sử,  
 Hơi thở em hòa sương khói Đường thi.  
 Anh đọc cho em những dòng cổ tự  
 Ai Cập và Cờ La Hy  
 Anh viết cho em bài thơ nho nhỏ  
 Bài thơ xanh ánh mắt hẹn tình cờ  
 Có những chữ Hoa yêu diệu,  
 Không phải đại danh từ.  
 Nét uốn đơn sơ  
 Lưng mềm óng ả  
 Những chữ hoa không thiếu phù hiệu,

Những chữ hoa không biết phất cờ.  
 Một bài thơ  
 Có tiếng thở dài đôi hồn tình tự,  
 Văn điệu dịu nhau đi trong giấc mơ,  
 Sông núi trập trùng lượn theo nét chữ,  
 Những chữ thương, yêu  
 Những chữ đợi chờ,  
 Đẹp như  
 Dáng em e lệ chiều xưa.

Anh sẽ tìm em, chiều nào tận thế  
 Khi những sầu thương cất cánh xa bay.  
 Khi những giận hờn, khi những mê say,  
 Khi tất cả hiện nguyên hình ảo mộng :  
 Giọt lệ hoa niên, cung đàn hoài vọng,  
 Và những hương thơm tình ái trao duyên.  
 Những không gian thăm thẳm mắt u huyền,  
 Những vật áo bông trở màu sông biển.  
 Chúng ta đến, mùa xuân thay sắc diện,  
 Chúng ta đi, mùa hạ vụt phai nhòa,  
 Gương mặt mùa thu phút chốc phôi pha,  
 La dừng gót, chợt mùa đông tàn phế.

Em hát mong manh bài ca Tuổi Trẻ,  
 Bướm bay đầy một âm giai.  
 Khúc nhạc lang thang như hồn Do Thái,  
 Đại dương cồn sóng gọi tên ai ?  
 Vời vợi tiếng em lướt qua Hồng-hải,  
 Liếng hát nhân ngư tuyệt vọng than dài.  
 Chúng ta thờ những hơi nũng nhiệt đới,  
 Nghe mưa xuân nẩy lộc rợn trên vai.  
 Có những giấc mơ lên vào quá khứ,  
 Có những chiêm bao đi về tương lai  
 Anh gặp em anh từ thửa nào ?  
 Mênh mang sóng mắt  
 Ngờ biên dẫu.

Núi non nhìn ta vữa nghiêng đầu

Hình như hội ngộ

Từ ngàn thu.

Ta tình hay mơ ? Chiều nay trăng khép

Hàng mi ầu

Hay tà dương thu

Mưa rơi mau ?

Em ơi ! Vết nắng phù kiều uốn mình ở trước,

Ta, suốt đời ngư phủ,

Thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh.

Ôi chao đi vắng ! Đi Vắng thần linh !

Một phút, một giây, nhìn ta ngàn kiếp !

Thăm gọi cỏ hoa sang tự tình.

Lời nói băng khuâng, bàn tay duyên nghiệp.

Anh nhìn em như chiêm ngưỡng một hành tinh.

( Đường vào tình sử )



### Ân tình dạ khúc

Đem thân ái cố muốn hoa hồng nở,

Em tới đây tình tự một đôi lời.

Hồn phong hương trăm tuổi mộng hai mươi,

Ta nói khế đủ hai lòng nghe rõ.

Tình chẳng xa xôi mà lời trăng gió

Đến làm chi thêm nhạt giấc mơ này ?

Nói đi em, từng ý nhỏ mà say,

Từng rạo rục cánh lòng hoa đang mở.

Từng xao động vô cùng trong nhịp thở,

Từng mê ly qua một thoáng môi cười.

Cả rạt rào thương nhớ đấy, em ơi !

Cả thao thức mạch đời trong tiếng nhẹ

Ôi bất ngát trái tim hồng nhỏ bé

Nghe làm sao ân ái điệu rung trời ?

Nói đi em, cho từng mảnh sao rơi,

Từng vũ trụ tốt dẫn trong lòng ngực.

Xin hãy để cả mình em thồn thức  
 Trên tay này mở sẵn đón thân hoa.  
 Gió ăn cần trộn lẫn tóc hai ta,  
 Gió dằm thắm giúp đôi hờn phơ phất.  
 Anh say ngắt tình em trong khóa mắt  
 Say hương thắm trên mái tóc tơ nhung.  
 Cặp môi em, xuân thắm nét hoa rùng,  
 Anh mê ửng nhụy thơm tràn vị ngọt.  
 Nói đi em, lời tự tình thánh thót,  
 Hẹn ngàn năm trong một phút êm đềm  
 Lời tự tình, em hãy nói đi em  
 Lời tình tự cũng là lời bơ ngỡ.  
 Đêm thân ái có muôn hoa hồng nở,  
 Phấn hương bay phơ phới báo duyên lành.  
 Thơ ân tình, anh chuốt lựa mong manh  
 ( Đường vào tình sử )



### Gióp mặt phù dung

Trong ii. Ặng, tôi rừng mình nín thờ,  
 Cầm tay em, nâng từng ngón tay hoa.  
 Tình yêu tràn trong thớ thịt, làn da,  
 Tình yêu rợn từ đầu mề, chân tóc.  
 Thoáng nét sương, nụ cười in khuôn ngọc,  
 Em băng khuôn hé nửa cặp môi hồng,  
 Mắt nhắm nghiền, và sóng ngực rung rung,  
 Hơi thở ấm nồm nùng hương phấn đại.  
 Mặt giáp mặt đề hai lòng tề tái  
 Tôi điên rồ ửng hết vị hoài nghi  
 Trên môi em — Hai dòng lệ dằm đĩa,  
 Hai ngực ép tới vô cùng đau đớn.  
 Tôi e ngại từ nét mi sâu gọn,  
 Tôi xót thương từ sợi tóc thơm nồng.  
 Em là người như một cánh hoa rung,  
 Tôi khăng khít — đi cõi đời tiêu tán !



Khi tỉnh lại, trông thấy trời xán lạn,  
 Con đường đi bưng nở ánh muôn hồng.  
 Em tuyệt trần đã mở lối thiên cung  
 Tôi sững sốt hái nụ tình phong nhụy.  
 Từ buổi ấy, mê một làn hương quý,  
 Tôi ra đi, chưa biết sẽ về đâu ?  
 Thấy quanh đây toàn xác thịt âu sầu  
 Toàn những dáng hoa phai buồn ủ rũ.  
 Ôi hương sắc một thân hình nương tử !  
 Cặp mắt thu và đôi má mùa xuân.  
 Ôi ánh thiên hương một buổi yêu gần ?  
 ( Đường vào tình sử )



### Xin hãy yêu tôi

Xin hãy yêu tôi, nhưng lòng thiếu nữ !  
 Tôi chép thơ ca tụng miệng hoa cười.  
 Ôi những nàng như liễu, mắt xa xôi !  
 Yêu tôi nhé, tôi vốn người mê đắm !  
 Xin hãy yêu tôi, nhưng lòng hoa thắm !  
 Xuân đã hồng, thu biếc, tôi làm thơ.  
 Cửa phòng tôi giăng lưới nhện mong chờ,  
 Buồn phơ phất mới trông chiều, ngóng gió.  
 Tôi vẫn ở một phòng sâu bé nhỏ,  
 Riêng một đèn, một gối, một tình yêu.  
 Đời của tôi là giấc mộng ban chiều,  
 Tôi lấy bút vẽ con đường vũ trụ.  
 Em có má hồng dạo lòng qua đó,  
 Bởi vô tình không biết đấy mà thôi :  
 Trời của tôi mà Thu cũng của tôi,  
 Đề em tới em làm người khách lạ.  
 Miệng kia xinh sao tình lơ đãng quá !  
 Lôi không yêu sao có má em hồng ?  
 Tôi không buồn sao có mắt em trong ?  
 Tôi không mộng sao có lòng em đẹp ?

Nay đến trước xin yêu, hôn khép nép,  
 Tự trời xanh rọi xuống đề gài em.  
 Một tờ hoa đính ước gửi tờ kèm,  
 Si tình thế vậy mà hiu quạnh mãi !  
 Yêu tôi với ! tôi làm thơ ân ái  
 Đề yêu người và cũng đề người yêu.  
 Đề các em qua từng bước điểm kiêu  
 Trong cảnh nước non tình tôi xếp đặt.

Ngày hôm nay cánh bướm vàng phơ phất,  
 Các em đi tha thướt, áo màu hoa.  
 Đồi đua vui, tôi buồn ở trong nhà,  
 Tình chếp mãi, thơ sầu như châu lệ.  
 Các em dịu dàng sao tận nhẫn thế ?  
 Mà lòng tôi hoài vọng cứ đa tình.  
 Hãy yêu tôi vì tôi biết em xinh,  
 Tôi biết khóc đề cho Tình cảm động.  
 Hãy yêu tôi vì tôi làm nên mộng.  
 Hãy yêu tôi vì tôi dệt nên trời.  
 Em đi trong trời mộng đó, em ơi !  
 Theo áo nhẹ, bay cao hôn vũ trụ  
 Xin hãy yêu tôi những lòng thiếu nữ !  
 Một hôm nay Tình ghé bến Thu Hồng,  
 Lôi khờ rồi, em có thấy yêu không ?

( Đường vào tình sử )



### Cánh chim dĩ vãng

Anh trở lại con đường lên núi biếc,  
 Thương mây bay từ đó vẫn cô đơn  
 Nhưng bông hoa còn có nửa linh hồn,  
 Nhưng lá cỏ nghiêng vai tìm mộng ảo.  
 Ôi nắng cũ nhạt mùi hương đá thảo !  
 Lạnh màu rêu, tảng đá như chân đi.  
 Nhưng cánh chim từ quá khứ bay về,  
 Tà áo mỏng chập chờn phai sắc bướm.

Bài thơ nhỏ hôm xưa hồng nắng sớm,  
 Trên môi em, gió núi đã gieo vần.  
 Mùa hạ nào thơm mái tóc hoài xuân ?  
 Hơi phấn thoảng còn ướp say hình bóng.  
 Giấc em ngủ, thơ anh về báo mộng,  
 Nhấn sao khuya soi lên nụ hôn đầu.  
 Ôi sườn non, mây lụa quấn vai nhau !  
 Mỗi bậc đá nâng cao từng ước vọng.  
 Em chuyền bước, tròng dương nào cuộn sóng  
 Dưới bàn chân ? — Hỡi hộp biển cây xanh.  
 Hương phất phơ chùm hoa mộng đầu cành,  
 Gò má thẹn một màu hồng hợp cần.  
 Hay dừng lại hơi mùa hoa hồng phấn !  
 Máy hoàng hôn, mái tóc đã sang thu ?  
 Trữ hàng mi, lá úa rụng tình cờ,  
 Tờ thư lạnh, gió sương bay dòng chữ.  
 Thương tâm sự, mưa sa vành nón cũ,  
 Anh ngờ em mang cả núi non đi.  
 Hoa quay đầu, cánh bướm cũng vu quy,  
 Nhòa nắng xẻ, nụ cười mây khói tỏa.  
 Ai trao gửi lời thề trên xác lá,  
 Dề văng trắng tìm mãi dấu chân xưa ?  
 Ngôi sao buồn lên đỉnh núi bơ vơ.  
 Cành trính nữ, thu xanh màu tóc lạ.  
 Lời ước hẹn dư âm truyền vách đá,  
 Em vội đi, hờn giận tiếng non cao.  
 Em đi rồi ! Then khóa cả chiêm bao,  
 Gãy vóc mộng, gói tròn manh áo nhớ.  
 Nhắc làm chi ! Ôi ! nhắc làm chi nữa ?  
 Em đi rồi, mưa gió suốt trang thơ.  
 Mây lìa ngàn, e lệ cánh chim thú,  
 Con bướm ép thoát hồn mơ giấc ngủ.  
 Anh trở gót, hương đưa về núi cũ,  
 Theo mây bay, tìm mãi hướng trắng thề.  
 Nhắc làm chi ? Còn nhắc nữa làm chi. . ?  
 ( Đường vào tình sử )

## Khi mới nhón

Khi mới nhón, tuổi mười lăm, mười bảy,  
 Làm học trò, mắt sáng với môi tươi.  
 Ta bước lên, chân vẫn dạo bên người,  
 Ngoài cặp sách, trần ai xem cũng nhẹ.  
 Đời thấp thoáng qua học đường nhỏ bé,  
 Phố phường vui, cuộc sống mới lên hoa  
 Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa,  
 Hồn lơ đãng mộng ra ngoài cửa lớp.  
 Năng thừa đó khiến lòng ta hời hợt,  
 Ta nhìn cao mới rõ bị giam cầm ?  
 Ói tiếng nào vang bốn bức tường cầm ?  
 Không khí nặng, mơ hồ thầy với bạn  
 Ta nhón lên, bước đường không giới hạn,  
 Có lẽ đâu tìm giờ bởi tay người ?  
 Tuổi hoa hồng — kiêu hãnh của ta ơi !  
 Tình đã hẹn ở trên đường nắng mới.

Ta ném bút, dẫm lên Sầu một huổi,  
 Xa vở bài, mở rộng Sách Ham Mê.  
 Đã từng phen trèo đồng bỏ trường về,  
 Xếp đạo đức dưới bàn chân ngạo mạn.  
 Đời dỗi mới từ ngày ta dấy loạn,  
 Sớm như chiều hư thực bóng hoa hương,  
 Ta ra đi, tìm lớp học thiên đường,  
 Và khi đó thì mẹ yêu ngồi khóc. . .

Ói khoái lạc của những giờ trốn học,  
 Những bình minh xuân đẹp, những chiều thu !  
 Bao cảnh nước mây dầm thấm hẹn hò,  
 Khi biếng gặp, nhớ nhung pha màu áo.  
 Hơi thành đờ với linh hồn Bạch Thảo !  
 Còn nhớ ta, chàng tuổi trẻ tóc bay,  
 Làm học trò nhưng không sách cầm tay,  
 Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ.

Riêng ta nhớ những trưa hè sắc đỏ,  
 Đường hoàng lan nắng động : lối đi quen  
 Nghìn bóng cây chen bóng mộng hư huyền,  
 Ta đến đó lần đầu nghe rạo rục  
 Thấy phảng phất hình đôi vai, bộ ngực,  
 Làn môi tươi in một nét son hồng  
 Cặp má nào phơn phớt ánh phù dung,  
 Đầu lá lướt mái tóc dài sóng gợn ?

Ta ngây ngất cả tấm thân vừa nhớn,  
 Bỗng rùng mình thở vội ánh hương qua,  
 Tưởng hương thơm một da thịt đàn bà.

( Đường vào tình sử )



### Cung đàn tưởng niệm

Khi anh chết, các Em về đây nhé,  
 Vị chút tình lưu luyến với nhau xưa  
 Anh muốn thấy các em cùng nhỏ lệ,  
 Tay cầm hoa, xoa tóc đứng bên mồ  
 Em là lướt, Em là Buồn cố kết,  
 Tự ngày anh ra sống kiếp trần ai  
 Em khóc cho anh nỗi hận tình dài,  
 Em nói cho anh tấm lòng cô lẻ  
 Và em nữa, ôi Sầu-Hoài-Thương-Nữ !  
 Anh thường mê tiếng hát của Em xưa.  
 Nhưng ngày vui bóng mộng mất không ngờ,  
 Em thân ái vẫn cùng anh tưởng nhớ  
 Anh quên đây : còn người em duyên số,  
 Em đã về chưa nhi ? hơi Đau Thương !  
 Nhớ cùng em đối bóng mấy canh trường,  
 Tự đêm ấy cầm tay nhau không nói . . .

Anh tưởng niệm các Em về một buổi,  
 Ở bên mồ, cỏ úa sắc chiều rơi.  
 Ngược Sông Mê, bằng bạc nẻo luân hồi,  
 Sầu rũ tóc, ngậm ngùi in khóe mắt.  
 Anh đã thấy dáng Em buồn cúi mặt,  
 Anh cảm lòng vì lệ của Thương Đau  
 Các Em sang vĩnh biệt tấm thân sâu,  
 Các Em khóc, các Em buồn lắm nhĩ ?  
 Phải xa anh, từ đây đường nhân thế,  
 Các Em đi phiêu bạt giữa thời gian.  
 Và từ đây trong khe núi, bên ngàn,  
 Các Em dạo, làm những hồn oan khổ.  
 Anh bơ vơ lạc trên đường thiên cổ,  
 Lạnh tâm tư, mờ tỏ ánh tinh cầu  
 Mắt anh rời, các Em sẽ về đâu ?

( Đương vào tình sử )



### Hoa bay về ngàn

Em đi, rừng núi vào Xuân,  
 Áo thiên thanh dệt trắng ngàn hoa bay.  
 Búp lan dài mượt ngón tay,  
 Cả lâm tuyền nhớ gót giày phong hương.  
 Nghe như đàn lá cung thương,  
 Bầy chim bên suối soi gương tự tình  
 Cỏ thơm nếp lụa đồng trinh,  
 Mây giăng cánh bướm cho mình lên non.  
 Sông rừng uốn khúc lưng thon,  
 Nụ cười hoa dại nét son nào nung,  
 Tình vương xóm Mán trập trùng,  
 Lòng như xuân tỏa hồn rừng hoang vu.  
 Cầu treo nối nhịp tương tư,  
 Lặng trong cây lá, giấc mơ về ngàn.

Nắng soi ấm mái nhà sàn,  
 Hơi xuân ủ cánh phong lan nở nà  
 Óng vàng mái tóc tiên sa,  
 Có đời chài phớt lược ngà buông lơ.  
 Nhớ về Bán nhỏ lưng trời,  
 Xuân đi, còn lần nụ cười trong mây.  
 (Đường vào tình sử)



### Xuân ấm hương rừng

Thương em, trăng xế nửa vầng,  
 Mùa xuân thổi ấm hương rừng trên vai  
 Giàng tay ôm bóng núi dài,  
 Đã thiên sơn có hờn ai tạc hình ?  
 Tiếng vang chim lạ gọi mình,  
 Huyền âm chín cõi u minh truyền về.  
 Sao chìm đáy mắt sơn khê,  
 Màu đêm đã thú hôn mê tóc rừng  
 Lửa sàn linh loạn hoa dung,  
 Núi nghiêng vai áo cầm nhung đời màu.  
 Hồn nào ngủ thiếp bóng lau,  
 Bạc thời gian, cánh bướm sâu ngàn xưa.  
 Chập chờn khe liếp trăng mưa,  
 Bên Em, mùi phấn giao mùa còn say ?  
 Nửa vầng trăng, nét xuân gầy,  
 Ta mơ giấc ngủ còn ngây hồn rừng.  
 Em đi, sâu núi chắt từng,  
 Gót chân từ thạch buồng trùng sóng hoa.  
 Mây bay ánh mắt trăng tà,  
 Nồng hương cỏ dại, sương pha áo ngàn.  
 Người đi vào giấc mơ tan,  
 Ta soi dòng suối đêm tàn tìm nhau.  
 (Đường vào tình sử)



## L ờ i b ạ t

Khi chưa xong, cứ mãi miết trâm mình vào việc làm ; hôm nay hoàn tất thì lòng lại hồi hộp lo âu.

Giá là việc riêng của cá nhân, thành hay bại nào có nghĩa gì ! Tưởng chỉ làm thỏa ý mình, nào ngờ hóa ra việc chung của đại thể.

Cái làm á ngại nhất, sẽ có người gọi chúng tôi là nhà phê bình. Gọi đùa hay thật, chúng tôi đều không dám đưa tay nhận.

Sao lại gán cho danh từ to tát thế ?

Nếu với chủ đích ra làm nhà phê bình thì ca thì bộ *Việt-nam thi nhân tiền chiến* này không bao giờ thành hình.

Phê bình gì mà chỉ toàn là lời khen tặng ? Còn cái dở của họ đâu ? Sao thì tuyền lại nhiều thế ? Có phải đều là những bài hay ? Phê bình gì mà chẳng có đường lối nào, chẳng sắp xếp trật tự ra sao cả ? Phê bình gì mà chỉ luận phiến diện tình cảm thi nhân, còn cái nghệ thuật sáng tác sao không nói đến ?

Chúng tôi thú thật không sao bao hàm hết những ý nghĩ phê bình về một phê bình gia.

Làm thế nào có cái can đảm hoặc liều lĩnh để nhận mình là nhà phê bình để bình luận về một thể hệ tiền thế hệ của mình. Việc làm ấy chúng tôi xin nhường lại những người của thế hệ tiền chiến hiện còn đang sống không ít ở miền Nam này, vì chính họ là kẻ đã tham dự trong thời đại. Việc làm của họ sẽ có giá trị hơn, chính xác hơn sự hiểu biết lờ mờ của chúng tôi. Buổi chợ đang họp, họ đã hiện diện ; chúng tôi còn ở xa ; buổi chợ tan, chúng tôi mới đến. Yếu tố thời gian bị mất, ưu thế của người đồng thời chúng tôi không được hưởng.



Chúng tôi là kẻ trẻ chợ được thời gian thương hại « nhường » lại một ít « thực phẩm » để tạm lót dạ.

Vậy thì làm sao chúng tôi có đủ tư cách để nói buổi chợ ấy đã có thức gì ngon, thức gì dở. Âu hãy lấy cái của được nhường làm ngon vậy.

Chúng tôi có cái cảm giác ngại ngùng của một thực khách tham dự buổi tiệc mà không có giấy mời.

Vì thế mà tiểu sử, hình ảnh và thi thơ góp nhặt được chưa hẳn đã nói hết thực chất của nó.

Là kẻ đi sau, với sự ghi chép đơn sơ về tiểu sử thi nhân của Hoài-Thanh — Hoài-Chân đã làm khó khăn chúng tôi khi muốn hiểu thêm những gì hơn nữa. Sự kiện đã khiến ông Lam Giang trong quyển *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX* xuất bản ngày 15-11-1967 (trang 171), than phiền việc làm của hai soạn giả này không hơn nhân viên phòng căn cước.

Nói thế, chúng tôi không ý trách cứ Hoài-Thanh — Hoài-Chân, mà muốn minh chứng nỗi khổ tâm của người đi sau vì thiếu thốn tài liệu. Chúng tôi cũng hiểu hai soạn giả chỉ làm trong phạm vi khả năng của mình.

Chúng tôi còn khổ tâm hơn khi nói đến những thi nhân thời tiền chiến chưa được quyển sách văn học nào đề cập. Nhưng không phải vì không đề cập mà họ không tồn tại. Qua sự thử thách của thời gian, qua sự nhận xét của công luận quần chúng, sáng tác phẩm của họ đương nhiên sống mạnh trong lòng người, như Hồ-Dzếnh, Ngân-Giang, Mộng-Sơn Hồ văn Hào, Khổng-Dương v. v... Lại còn những thi nhân mà tác phẩm chỉ ghi lại một số ít bài thơ như Mộng-Huyền, Xuân-Tâm, Yến-Lan, Nguyễn đình Thư, Lan-Sơn, Thúc-Tề v. v... .

Đối với những thi nhân này, chúng tôi góp nhặt tài liệu hẳn là thiếu sót ; nhưng cứ hãy đặt cho họ yên vị trên thi đàn, rồi lên tiếng kêu gọi sự trợ giúp của bạn đọc bốn phương để phần biên soạn của họ được phong phú trong kỹ sách tái bản.

Chúng tôi cũng nhìn nhận sự sắp xếp thi nhân già trẻ không theo thứ tự niên kỷ, hoặc thời gian nhập cuộc trước sau.

Vậy xin thưa ra đây : Chúng tôi cố nắm đầu mối dây của cuộc cách mạng thi ca là Phan Khôi, kế tiếp, những người hưởng ứng trước tiên là Lưu Trọng Lư, Nguyễn thị Mạnh-Manh (1), rồi đến sự đóng góp liên tục của các thi tài để thành hình một nền thơ mới. Ngoài sự tháo gỡ đầu dây, sự đặt đề trước, sau, hay Thượng, Trung, Hạ không có nghĩa minh định giá trị tuyệt đối và thời gian xuất hiện của thi nhân. Chúng tôi bị lệ thuộc rất nhiều trong việc thu nhặt được tài liệu sớm hay muộn.

Điều quan trọng nhất là chúng ta nên nghiêng mình cảm tạ công lao của những nhất búa khai sơn phá thạch cho nền thơ mới, thứ đến là tán thưởng những thi tài đã gieo những vần thơ làm rung động lòng ta, đã làm cảm xúc ta bừng sống, họ còn khám phá cho ta biết những bí ẩn của tâm linh qua thi ca.

Chúng tôi cũng không chia khuynh hướng của họ, vì Huy-Thông mang cả hai tính chất trữ tình và hùng tráng. Chế Lan-Viên nếu xếp vào hoài vọng quốc, sau khi bị một ít dư luận gán tiếng thơ hay thương vay khóc mướn, liền ly dị văn điệu « Điều tàn », chuyển mạch tư tưởng về tôn giáo trong *Vàng sao*. Thế-Lữ mà ai cũng bảo đã chạy theo cái tình mơ mộng, hư hư thực thực lại nổi tiếng với nỗi uất ức cảm hờn của con hổ. Thâm-Tâm, Trần-Huyền-Trần, Nguyễn-Bính thì rung lên nhưng đầy du dương tình ái, rồi lại những dây trâm buồn yêu nước. Có những thi nhân mà tài liệu chỉ còn đôi bài thơ, chúng ta không làm sao chia khuynh hướng của họ được. Cho nên chúng tôi chỉ ghi lại tiếng lòng của thi nhân theo dòng đời. Họ vui theo cái tình đến, họ buồn theo cái tình đi ; quan niệm nhân sinh vì đó

---

1) Xin xem V. N. T. N. T. C. quyển Thượng, ấn bản kỹ sbl, 1965.

mà đổi thay, khuynh hướng thơ vì đó mà biến đổi. Việc làm này sẽ dành riêng cho quyển *Khuynh hướng thi ca tiền chiến* (một biến cố văn học thế hệ 1932-1945) sẽ xuất bản nối tiếp quyển Hạ V. N. T. N. T. C.

Đã nói, chúng tôi cũng bọc bạch một thẻ.

Nguyên nhân nào đã thúc đẩy chúng tôi biên soạn bộ *Việt-nam thi nhân tiền chiến*.

Là một đơn vị trong cái muôn triệu của đại chúng, chúng tôi đã đau thương bởi chiến cuộc tàn khốc kéo dài trên hai mươi năm nay. Thẻ chất con người luôn bị đe dọa trước đạn nỏ bom rơi, tâm hồn luôn luôn ở trong trạng thái hãi hùng của khói lửa. Chiến tranh cắt đứt tình thương yêu đồng loại, ly tán gia đình, hoang phế ruộng nương, thiêu hủy tài sản, cơ hàn thống khổ ngạo nghễ ngự trị trên mảnh đất tan hoang này.

Sự sụp đổ vật chất bi thảm thế đấy ! Còn tinh thần thì sao ?

Hễ nói đến tinh thần thì phải đề cập ngay văn hóa dân tộc.

Chiến tranh là hình ảnh kinh tởm của nhân loại. Nó tàn phá, giết chóc ; mạng sống con người chẳng ra gì, hồ hống là văn hóa. Luân lý cò truyền bị lật đổ, thuần phong mỹ tục không còn được gìn giữ như xưa, nó chạy lạc như những đứa con hoang dại. Nói chung, cái căn bản xã hội của dân tộc bị hủy hoại tận gốc rễ, long lở cả nền tảng.

Văn học là yếu tố quan trọng để gây dựng văn hóa dân tộc, cũng bị chịu ảnh hưởng bi đát của chiến họa.

Được thụ hưởng ánh sáng rực rỡ của thi văn thời tiền chiến, tâm hồn và kiến thức chúng tôi được nuôi dưỡng trong bầu sữa tiền chiến, một thế hệ văn học đã vươn mình một cách ngoạn mục và đầy hãnh diện.

Chiến tranh gieo thảm họa !

Nhìn thấy kho tàng văn học đất nước dân hủy diệt, tâm hồn chúng tôi đón đau, lòng chúng tôi ngậm ngùi luyến tiếc.

Muốn tìm kiếm vài tác phẩm tiền chiến mà mình yêu thích còn khó khăn hơn tìm vàng.

Ở các thư viện quốc gia ? — Hời ôi ! sách bị mất mát quá nhiều. Có lần chúng tôi tìm gặp một tập thi tuyển của năm tác giả tiền chiến, lòng mừng khắp khởi, nhưng chúng tôi liền thất vọng ! Hợp tuyển có 15 bài thơ mà đã bị xé mất 13 bài. Đây là tai họa cho các thư viện quốc gia mà không sao ngăn ngừa được. Họ là những người ưa văn hóa mà không thương văn hóa. Bị những sâu mọt như thế nên các thư viện tư nhân đành phải khóa chặt. Người sưu tầm văn học luôn luôn đứng trước những cánh cửa khép. Họ hoàn mới may mắn được đón tiếp một cách dè dặt.

Đây là nói chung việc khó khăn đi tìm tài liệu, tuy nhiên chúng tôi không bao giờ phủ nhận sự giúp đỡ của những bạn văn cùng chung lý tưởng thiết tha với nền văn học đất nước.

Sự thề đã trình bày là lý do khiến chúng tôi có ý nghĩ biên soạn bộ *Việt-nam thi nhân tiền chiến*.

Nhưng, tại sao chúng tôi viết thi ca trước ?

Hỏi thế, chúng tôi phải tách đôi đề trả lời : *Thi nhân và Tiền chiến*.

Trước, hãy nói *Thi nhân*.

Không phải vì phụ rẫy văn nhân mà không đề cập. Chúng tôi nghĩ, văn chương đã đào tạo cho mình nền kiến thức ; việc ấy chúng tôi không bao giờ quên.

Còn thi ca đã nuôi dưỡng cho chúng tôi tình cảm. Trong đời sống hàng ngày, đôi khi trí não đờ đẫn, thề chất mỗi như, chúng tôi thường hay bồi dưỡng bằng thi ca. Nó tác động ngay vào tâm hồn, làm sáng khoái lại tinh thần, tươi nhuận lại mạch sống. Cái « tình thi ca » vì đây mà kháng khí với hồn chúng tôi, lưu ở lòng chúng tôi một niềm yêu mến, nhớ nhung. . .

Thứ đến, xin nói *Tiền chiến*.

Đang âm ỉm vui sống trong ánh sáng huy hoàng của nền văn học tiền chiến, thế rồi, khói lửa phủ mờ đất nước,

tài liệu thi ca bị hủy dần. . . Chúng tôi ngậm ngùi buồn thương cho số phận thi ca đã một thời biết nương theo đà cuộc vươn mình của biển cả văn học thế hệ 1932 — 1945, bồng sông mảnh liệt sau cuộc chiến thắng cam go với nền thơ cũ.

Về tác phẩm văn chương, chúng ta thấy sự hiện diện thường xuyên của bộ *Nhà văn hiện đại* của Vũ ngọc Phan và bao nhiêu văn phẩm được lần lượt tái bản ; thì bên thi ca ta thấy có quyền *Thi nhân Việt-nam hiện đại* của Phạm-Thanh, quyền *Thi ca Việt-nam hiện đại* của Trần tuần Kiệt, nhưng hai quyền này chỉ ghi sơ lược tiêu sử và trích một ít thi tuyển nên không sao thỏa mãn lòng khao khát của giới yêu thơ, lẽ dĩ nhiên trong ấy có cả chúng tôi nữa.

Nếu đem hai quyền sau này để so sánh giá trị biên soạn, chúng ta thấy quyền *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh — Hoài-Chân vẫn hơn, mặc dù thời gian có trôi đi hơn hai mươi năm. Tiếc thay, khả năng của *Thi nhân Việt-nam* có giới hạn, không sao cung ứng sung mãn cho trào lưu ái mộ thi thơ ngày nay.

Nói thế, sẽ có người bảo rằng, cho ra đời bộ *Việt-nam thi nhân tiền chiến* ắt hẳn sẽ làm hơn quyền *Thi nhân Việt-nam* chẳng ?

Thưa không ! Mỗi đường lối biên soạn đều có sự khác biệt của nó. Riêng, chúng tôi chú trọng vào sự phong phú tài liệu và đưa tâm tình bạn đọc theo dõi tiếng lòng thồn thức của thi nhân để các bạn có đôi giờ giải trí thanh tao và lượng được thế nào là sức xán lạn của một thời đại thi ca.

Vì lẽ trên, chúng tôi mạo muội vượt ngoài khả năng, làm việc theo tiếng lòng ấp ủ là bảo tồn trong muôn một sự nghiệp thi ca của giai đoạn lộng lẫy nhất trong lịch sử văn học đất nước, mà không có ý nghĩ gì để trở thành một nhà phê bình văn học.

Sài-gòn, ngày 20 tháng 1 năm 1969

Soạn giả

NGUYỄN TẤN LONG

## *Đôi lời cáo lỗi*

---

Phàm khi sắp in xong một ấn phẩm, công việc trước tiên của tác giả là kiểm điểm lại những lỗi lầm ấn loát để làm một bảng đính chính.

Hành động này có hai ý nghĩa :

1. Biểu thị sự thận trọng và tinh thần trách nhiệm của tác giả đối với tác phẩm của mình.

2. Chứng tỏ thói độ tác giả không xem thường độc giả.

Bắt được nhịp cầu cảm thông như thế, tác giả sẽ trút bớt nỗi băn khoăn, ray rứt của lương tâm. Bảng đính chính được kèm trong tác phẩm là lời « hối lỗi » của tác giả trước độc giả, là lòng kính trọng đại chúng cũng như lòng tự trọng đối với bản thân.

Tôi đã nhận thấy điều kiện thiết yếu ấy.

Nhưng tại sao tôi không làm bảng đính chính cho bộ « Việt nam thi nhân tiền chiến » ?

Tự đặt cho mình một câu hỏi khó trả lời như trên, lương tâm tôi bỗng dậy lên một sự phá phách đau đớn !

Phải chăng nó là soạn phẩm hoàn toàn ?

Không ! Tôi cần phủ nhận ngay rằng : Không !!

Quyển Thượng V. N. T. N T. C. ấn bản kỳ đầu 1967 đã gieo vào tâm hồn tôi một cơn bão an hận. Lăm lăm tôi tự hỏi thẹn khi cầm nó như nắm lấy những lỗi lầm mà không biết thờ lộ cùng ai !

May thay ! Nó nhận được mọi sự tha thứ của bạn đọc. Nó được tái bản ! Nó được chấp nhận cùng tôi một sự chuộc tội những lỗi lầm. Tôi đã vui rộn lên ; tôi đã phấn chấn tung ra mọi nỗ lực vào việc sửa chữa và tăng bổ tài liệu và đã hoàn thành trong một thời gian mà chính tôi cũng nghi ngờ về khả năng của mình.

Nhưng tai hại thay ! Sự lỗi lầm trong ấn phẩm ở một hoàn cảnh mà những tinh hoa của ngành ấn loát hiện nay suy giảm rõ rệt giá trị đáng quý của nghề nghiệp đã đưa tôi vào những lỗi lầm của cõi vòng lẩn quẩn. Tôi đã để lại những sai lầm khác, như :

#### Quyển Thượng ấn bản kỳ nhì 1968

Trang	Dòng	In sai	Xin chữa
58	chót	khách	khánh
128	chót	mẫu cầu	vô cầu
628	17	ngưỡng hư vô	ngưỡng cửa hư vô
763	2	Vương kiều n	Vương kiều Ân v. v.

#### Quyển Trung 1967

92	đầu	25 tuổi	24 tuổi
100	12	tôi	đầu
178	16	nhìn nhau thức	nhìn nhau thồn thức
218	14	Cứu lấy quê hương	Cứu lấy thanh niên
267	5	Phạm	Phạm Thái
304	15	hăng mơ	hăng say v. v. . .

#### Quyển Hạ 1969

41	8	bấy năm	bỏy năm
270	12	lòng thăm	thăm lòng
307	chót	Đoạn trường tân thanh	Cung oán ngâm khúc
328	24	Đẹp	Đẹp
336	20	than bí	thần bí
406	24	gió nghia heo may	gió heo may
443	2,3,4	nồng cốt	nồng cốt v. v. . .
595	dòng 23 đến 29	(từ chữ « Máu chảy.. coong ơi », dư 7 câu vì là của bài khác).	

Thưa quý bạn đọc,

Với những nỗi lo âu, với một lương tâm luôn ray rứt, tôi tự kiểm điểm việc làm để hôm nay trình bày cùng bạn đọc đôi chút tâm tình.

Việc biên soạn bộ V.N.T.N.T.C. là ý nghĩa này ra cấp thời của một tác lòng thiết tha gìn giữ cho văn học nước nhà một số sáng tác phẩm của giai đoạn thi ca rực rỡ nhất, đùng mạnh nhất ; và cũng vì thế mà tôi lao mình vào công việc biên khảo văn học.

Biên soạn một tác phẩm văn học trong cái bát nháo của thời chiến, trong cái khiếm khuyết thời gian chuẩn bị tài liệu, trong cái không khí xô bồ của sinh hoạt đang thôi thúc, trong cái đòi truy của tinh thần trách nhiệm, lắm lúc khiến tôi nản lòng với thân phận bị thụ động.

Nhưng cái gì đã giúp tôi vượt qua chướng ngại vật ?

Tôi không ngần ngại nói ngay, chính là Lòng Tha Thứ của bạn đọc. Nó là mảnh lực kỳ diệu đã thường xuyên nâng đỡ tinh thần tôi phấn khởi trong công tác.

Hôm nay, viết mấy dòng này, tôi cũng chỉ mong mọi ở quý vị đọc giả Lòng Tha Thứ ấy. Và riêng tôi, tôi cũng tự nguyện sẽ cố gắng tránh bớt những lỗi lầm trong những soạn phẩm kế tiếp.

Chúng tôi lại còn một lỗi trọng đại là đã thất hứa với bạn đọc. Ở quyển Trung nơi mục « Đôi lời » chúng tôi có nói sẽ đăng hình ảnh các thi nhân, nhưng vì hiện tình đất nước không cho phép, vậy xin hẹn lại trong một cơ hội thuận tiện hơn.

Mong bạn đọc tha thứ.

Sài Gòn ngày 20 tháng 1 năm 1969

Soạn giả

**NGUYỄN TẤN LONG**





## *Bức thư tâm tình*

Kính gửi quý vị Sở Hữu Chủ

« Việt-nam thi nhân tiền chiến »

Quyền Thượng, ấn bản kỳ nhất 1967

*Thưa Quý Vị,*

Chúng tôi có chi án hận là đặt vào tủ sách của quý vị một tác phẩm còn non ngày tháng ; cho mãi đến bây giờ vẫn còn lảng vảng ý nghĩ đã phạm tội xem nhẹ độc giả. Tất cả đều qui vào trong soạn phẩm đầu tay của chúng tôi.

May thay ! Dường như cảm thông được với kẻ có đức đi chấp nhặt từng bài thơ rải rác nơi nơi trong hoàn cảnh lửa đỏ của đất nước, rồi bỏ một thời giờ nghỉ ngơi ngắm cho ra, hay chẳng ra gì, về một tâm tình, một tư tưởng của những kẻ ở xa hàng một phần ba thế kỷ trước.

4.000 quyển Việt-nam thi nhân tiền chiến Thượng 1967 đã hết !

Đó là lời tha thứ hùng biện đầy an ủi cho chúng tôi. Chúng tôi xin nghiêng mình cảm tạ.

Để đáp lại tấm lòng rộng lượng của quý vị độc giả, chúng tôi đã nỗ lực sửa chữa và tăng bổ tài liệu để giá trị Quyền Thượng ấn bản kỳ nhì 1968, được tương xứng về phẩm và lượng đối với hai quyển Trung và Hạ.

Một khi quý vị đã có Quyền Thượng ấn bản kỳ nhì 1968 để thành bộ với quyển Trung và Hạ Việt-nam thi nhân tiền chiến, thì chúng tôi mới yên lòng là đã trao đến quý vị một soạn phẩm không bị sát mẻ, chênh lệch.

Kính mong quý vị lượng thứ.

Sài-gòn, ngày 20 tháng 1 năm 1969

Soạn giả

NGUYỄN TẤN LONG



# MỤC LỤC

XẾP THEO THỨ TỰ A, B, C...

Á-Nam Trần tuấn Khải	9	—	Bích-Khê	303
Đình - Hùng	727	—	Đoàn văn Cừ	269
Đỗ huy Nhiệm	219	—	Đông - Hồ	27
Đông-Xuyên	133	—	Hàn - Mặc - Tử	381
Hàng - Phương	613	—	Hồ - Dzénh	557
Hồ văn Hào	91	—	Lan - Sơn	545
Mộng - Huyền	377	--	Mộng - Sơn	349
Mộng - Tuyết	67	—	Nam - Trân	283
Nguyễn đình Thư	295	—	Phạm đ. Bách	251
Phan thanh Phước	513	—	Phan v. Dật	113
Tế-Hạnh	677	—	Thái Can	191
T. Thao	695			
Trần Huyền - Trần	153	—	Tú Mỡ	627
Xuân Thu Nhã Tập (Đoàn phú Tứ, Phạm văn Hạnh, Nguyễn xuân Sanh, Nguyễn lương Ngọc, Nguyễn đồ Cung, Nguyễn xuân Khoát)	443.			
Xuân - Tâm	341	—	Yến - Lan	181



Bức thư ngỏ . . . . .	7
<b>Á-NAM TRẦN TUẤN KHÀI.</b> . . . .	<b>9 — 26</b>

Tiến chân Anh Khóa (trang 14), Mong Anh Khóa (15), Gửi thư cho Anh Khóa (17), Hai chữ nước nhà (18), Tráng sĩ hành (22), Tạm biệt báo giới (23), Xem hội Tây (23), Vịnh Thủy-hử (23), Thu (24), Bến sông đêm ngồi cầu (24), Bên sông chiều đất khách (25), Tiến bậu đi xa (26).

<b>ĐÔNG-HỒ</b> . . . . .	<b>27 — 66</b>
--------------------------	----------------

Giấc mộng tỉnh (trang 34), Giấc mộng Thiên-thai (35), Lệ chiến (36), Chuỗi ngọc (37), Chinh chiến (38), Xuân lạc lối về (39), Đông-hồ phú (43), Khóc Linh-Phượng (50), Cô gái xuân (50), Tuổi xuân (52), Bốn

cái hôn (55), Mua áo (57), Tết còn trinh trắng (58), Vườn ngự Bến-thành (58), Đợi mùa xuân lớn (59), Trinh trắng (60), Thiên địa gian (61), Đêm liêu trai (62), Đêm lại liêu trai (62), Vội vàng (63), Chuông vàng (64), Vết hạn (65), Xuân bất tận (66).

### MỘNG - TUYẾT . . . . . 67 — 90

Làm cô gái Huế (trang 76), Em bị cười (79), Em trả thù (79), Dương liễu tân thanh (80), Vì anh Thọ-Xuân (81), Mười khúc đoạn trường : 1. Giá gạo Tràng-an (82), 2. Tin miền Bắc (82), 3. Hồng-hà không phải sông vô định (82), 4. Những linh hồn bơ vơ (83), 5. Xẻ cháo nhường cơm (83), 6. Hấp hối đợi chờ (84), 7. Cấm yên (84), 8. Ai đắp diêm (84), 9. Đúc chuông (85), 10. Nạn đói nước Ngô (85), Tương tư lá đỏ (86), Nguyên tiêu tương tư (86), Bốn bức tranh xuân : 1. Chiếc áo Tết (87), 2. Bước tình sương (87), 3. Hoa bất tuyết (87), 4. Nón Gò-găng (87), Dưới cờ (87), Chiếc lá thị thành (88), Em xấu hổ (88), Đợi gió (89), Chữ thập hồng (90).

### HỒ VÂN HẢO . . . . . 91 — 111

Ly biệt (trang 93), Yêu (95), Ngại ngủ (99), Tình không (99), Dĩ vãng (99), Gió bắc (100), Hương (100), Có lẽ nào (101), Ngày xưa (102), Tiếng nhạc bên lầu (102), Cung đàn đất khách (103), Tiên thê (104), Bị đày (105), Bến tàu (106) Thanh niên (105), Trên đường (107), Giang hồ (108), Thành thị (108), Vô tội (109), Nguyễn Du (109), Về thành (110).

### PHAN VĂN DẬT . . . . . 113 — 132

Tình suông (trang 116), Phạm tục (117), Phút chia tay (119), Chiều mưa trên mộ địa (121), Tráng sĩ hành (122), Dò la (123), Huyền ảo (124), Tình mây nước (124), Ngón tay tiên (125), Kỷ niệm (125), Ước vọng (126), Đợi cô độc (127), Về với nàng thơ (127), Khuyên lớn (128), Tuổi vàng (128), Lạc lõng (129), Tình quê (130), Cho địa chỉ (130), Một chốn quê hương (131).

### ĐÔNG-XUYỀN . . . . . 133 — 152

Nhớ Lương-sơn (trang 139), Cười (139), Buổi chiều sang đò (141), Thăm chùa Bé (141), Mừng lễ Quốc-Bình (141), Gửi Phạm gia Phong (142), Gửi Liên-Giang (142), Thu buồn (142), Những ngày luân lạc (142), Thuyền thơ (143), Hạt cát sông Thao (144), Than mình

(144), Ta và non nước (145), Đêm sao đóm (146), Thơ giấy (147), Xuân nhân (148), Đẻ (148), Yêu trúc (149), Xóm thu đều sáo (149), Hoa xuân (150), Ra khơi (150), Thông cảm (150), Hương (151), Quốc kêu (151), Xuân đi (151), 60 tuổi tự đề (152).

**TRẦN-HUYỀN-TRẦN . . . . . 153 — 180**

Mười năm (trang 156), Một người đã sống (157), Thừa bà (15\*), Gửi Thâm-Tâm (159), Mẹ con (160), Độc hành ca (163), Tha hương (164), Khúc hát tương tư (165), Có dăm cánh lá (165), Em là... (165), Những cánh thư vàng (166), Đàn tôi (166), Hết cố nhân (167), Từ biệt Lê Văn Trương (168), Lòng chiến sĩ (168), Giao thừa (171), Ngõ trúc (171), Hải-phòng 19-11-1946 (171), Một chiều mưa (174), Khóc Tân-Đà (175), Khi đã về chiều (176), Thơ của Em (177), Nhớ mùa đông ấy (178), Giao mùa (179), Mộng uống rượu với Tân-Đà (180).

**YẾN-LAN . . . . . 181 — 196**

Bến My-làng (trang 185), Nhớ (186), Ngựa qua từng chuyển (186), Nghe con đàn chảy (187), Đường xuân ngập gió (188), Một mối thất tình (189).

**THÁI-CAN . . . . . 191 — 218**

Dưới bóng trăng tà (trang 202), Trên sông Hương (204), Mấy vần huyền diệu (206), Tây Thi giặt lụa (207), Bồn hồ (207), Thuyền mơ (208), Cảnh đó người đâu (209), Chiều thu (209), Trông chồng (210), Anh biết em đi (211), Cảnh đoạn trường (212), Nghị luận: Lý Bạch và Khuất-Nguyên có phải nịnh thần không? (215).

**ĐỖ HUY NHIỆM . . . . . 219 — 250**

Điu hiu (trang 220), Say (232), Xuân hoài (233), Vạn vật (234), Lỡ lẽ (234), Đồi ta (235), Kiếp gió mây (236), Tuổi thơ (241), Con én liệng (243), Nhớ (244), Truyện thần tiên (246), Hoa túi (248), Bất đền (248), Khóc thắm (249).

**PHẠM ĐÌNH BÁCH . . . . . 251 — 267**

Từ đây (trang 253), Lâu đài trên không (259), Hận không gian (261), Hồ Tĩnh-tâm (262), Chim họa khoáng (263), Thu tứ (264), Thu cảm (265), Khử lưu vị định (265), Xuân tác (265), Thu hoài (266), Đồi mùa (266), Hương-bình tức cảnh (266), Thất thủ (267), Thừa thức (267).

**ĐOÀN VĂN CỪ . . . . . 269 — 281**

Chợ Tết (trang 274), Tết (275), Trăng hè (276). Đám cưới mùa xuân (277), Đám hội (278), Ngày xuân chơi đồng quê (280).

**NAM-TRẦN . . . . . 285 — 294**

Đẹp và thơ (trang 288), Huế, ngày hè (288), Huế, đêm hè (289), Mùa đông (289), Trước chùa Thiên-mụ (290), Giận khúc Nam - ai (290), Nắng thu (291), Ngự - bình (291), Hồ Tĩnh-tâm (292), Núi Ngự, sông Hương (292), Sông bạc tình (293), Huế, Đẹp và Thơ (294), Ngại ngừng khi bước chân ra (294).

**NGUYỄN ĐÌNH THU . . . . . 295 — 302**

Đến chiều (trang 299), Saug ngang (299), Tống biệt (300), Thiệt thà (300), Vương tình (301).

**BÍCH-KHÊ . . . . . 303 — 339**

Đề bia trước mộ (trang 309), Năm mộ (324), Cưỡi thu (324), Nghe nhà láng giềng gầy đờn (325), Hàn-Mặc-Tử (325), Với cả tình hấp dẫn vị bằng trình (327), Duy tân (328), Làng em (329), Tiếng đầu mưa (330), Xuân tượng trưng (330), Gõ hồn (331), Lý bà (332), Mộng-Cầm ca (333), Ảnh ấy (333), Hoàng hoa (334), Đồi mắt (335), Nghệ thường (338)

**XUÂN-TÂM . . . . . 341 — 348**

Ngủ hè (trang 342), Xa lạ (344), Hận Nguyễn Trãi (345), Nhỏ neo (346), Lời tim non (346), Tiền đưa (347), Đem nay (347), Chiều về (348), Xa xa (348).

**MỘNG-SƠN . . . . . 349 — 376**

Chia tay (trang 354), Thuyền trăng (355), Sớm (355), Lòng mẹ (362), Chiều về (364), Lá thu (364), Ai đường bên sông (366), Tình xuân (367), Chiều (368), Sớm thu (368), Qua đền Kiếp (368), Giỗ mẹ (369), Ca rừng (369), Nhớ tù Côn-đảo (369), Còn gì đâu (370), Trong mơ (370), Nhớ nhà (371), Tóc sương (371), Lời chinh phụ (dịch, 371), Đổ bến sông Hoài (dịch, 372), Vọng phu (372), Chìm lẫn ngàn xanh (373), Hỡi linh hồn thi sĩ (374), Viếng mộ lữ khách (376).

**MỘNG-HUYỀN . . . . . 377 — 379**

Vườn hoang (trang 379).

**HÀN-MẶC-TỬ . . . . . 381 — 442**

Buồn thu (trang 292), Trăng vàng trăng ngọc (399), Đêm không ngủ (413), Gái ở chùa (413), Chùa hoang (413), Bến lèn (414), Tình quê (414), Đà-lạt trăng mờ (415), Thời gian (415), Huyền ảo (416), Đây thôn Vỹ-dạ (417), Đòi ta (417), Những giọt lệ (418), Lưu luyến (418), Hây nhập hồn em (419), Sầu vạn cổ (420), Trường tương tư (420), Muốn năm sầu thăm (422), Ngủ với trăng (422), Một miệng trăng (423), Trút linh hồn (424), Biên hồn ta (424), Hồn là ai (425), Cô liêu (425), Sáng láng (426), Hồn lia khỏi xác (426), Siêu thoát (428), Ngoài vũ trụ (428), Nguồn thơ (429), Phan-thiết! Phan-thiết (430), Chơi giữa mùa trăng (trích văn, 432).

**XUÂN THU NHÃ IẬP . . . . . 443 — 512**

(Văn thơ hồn hợp) : Quan niệm về thơ (trang 449), Quan niệm về sống (450), Quan niệm về vũ trụ và nhân sinh (451), Quan niệm về trí thức (452), Quan niệm về nhạc (456), Quan niệm (462), Thanh khí (464), Thiên chức (467), Tư (470), Sống và vẽ (479), Tĩnh tự (482), Giọt sương hoa (483), Màu thời gian (485), Tủi (488), Ánh trăng (488), Bình tàn thu (490), Buồn xưa (491), Mười xuân (491), Hồn ngàn mùa (494), Người có nghe (494), Thư thơ . . (495) ; Bình luận : Nghệ thuật Việt-nam đi đâu (của Tam-Ich, 498), Căn bản vấn đề nghệ thuật (của Triều-Sơn, 505).

**PHAN THANH PHƯỚC . . . . . 513 — 544**

Tập chia rẽ (trang 525), Trai trắng (525), Vỡ vàng (525), Mộng xanh (526), Tình thơ (526), Hương buồn (527), Đói mùa (527), Thu đậu trên người (528), Qua mộng tình đi (528), Tình thu (529), Trong gió xanh rừng (529), Hàn noan (530), Sáng trời (531), Hương gió thoảng (531), Màu dầu xưa (532), Nỗ nùng (532), Ai oán (533), Nhớ Tây-Thi (534), Gỡ mái tóc sầu (534), Nồng xuân (534), Tài hoa cầm rượu (535), Hoa đen (536), Người nở tương vị (536), Mưa (537), Xuân phú quý (537), Thơ sơn tình sơn (538), Rằm (538), Trời xưa (539), Sầu (539), Hương màu (540), Duyên thăm (540), Nét hương (541), Dưới trăng nhớ trăng (541), Vắng em (542), Mộng thấy nàng (542), Mùa lạ (543), Lá xanh rụng (544), Đêm Tần (544).



**LAN-SƠN . . . . . 545 — 555**

Lá thu (trang 550), Bình minh (551), Vết thương lòng (551), Tết và người qua (552), Chiều xuân (553), Anh ngồi (554), Đám ma đi (554), Mưa tạnh (555).

**HỒ-DZÉNH . . . . . 557 — 611**

Buôn Chiêu-Quân (trang 566), Quê hương (574), Mùa thu năm ngoái (574), Lũy tre xanh (575), Mưa (575), Buổi hẹn (576), Trong nắng trưa (577), Người thơ (578), Trưa vắng (578), Muôn trùng (579), Cảm xúc (580), Màu cây trong khói (581), Thu (581), Giản dị (582), Lời chuông nguyện (582), Tưởng chuyện ngàn sau (583), Sang thu (584), Xuân ý (585), Tình xưa (585), Phong-châu (586), Hồ hững (586), Xuân đôi ta (587), Giữ gìn (588), Lễ đồ (589), Rằm tháng giêng (589), Ngập ngừng (590), Duyên ý (590), Nước chảy chân cầu (591), Phút linh cầu (592), Tư hương (592), Mùa xuân mới (593), Ta không muốn (594), Mái lều tranh (594), Trang sách xưa (595), Tiếng sơn hà (596), Non (596), Giang-tây (597), Hoa xuân đất Việt (598), Hận chính phu (599), Mồi ký: Ngày gặp gỡ (600), Thiên truyện cuối cùng (606).

**HÀNG-PHƯƠNG . . . . . 613 — 626**

Lòng quê (trang 616), Tết xưa (617), Trăng lên (617), Trên đò Suối (618), Từ cố hương (618), Bình minh (618), Nhớ mẹ (619), Tích tịch (620), Chiều hè đứng bên sông (620), Tiểu-Nhiên Mi-Cơ (621), Thu nhớ quê nhà (622), Phật tụng (622), Khúc nhạc bên đường (624), Quán cũ trong sương (624), Có đôi mắt (626).

**TÚ MỞ . . . . . 627 — 675**

Tương tư (trang 628), Bốn cái mong của thầy phán (629), Nhân nhũ ông Nghị (638), Kiệu bay (640), Ông Nguyễn văn Tố tế búi tóc (641), Vợ chồng đời nay (642), Phụ bạc (644), Hỏi khách chân đời (645), Nghèo (645), Tự thuật (649), Chương trình Tú Mở (649), Phở đức tụng (651), Xoay hòn đất (652), Mười thương (654), Hết chân đời (654), Ông cụ non (654), Khuyên ai kén vợ (656), Đón cậu Phán (657), Duyên con vò (657), Lấy chồng ông Phán (658), Trời đầy Nguyễn khắc Hiếu (658), Sư ông trứng số (659), Phong dao mới (660), Lầm đóm (660), Sét-ty tự đại (660), Cưới đi thôi (661), Tết đoan ngo hay là Tết dị đoan (661), Gà

chơi (663), Bốn lần đi thi (664), Ông Nghị đi hội đồng về (665), Ba kiếp con bú dù (666), Điều đực tung (667), Phong dao hội Lim (669), Đàn chấy và ông Đỗ Thận (671), Cái giấy kim tông (672), Quý thần (673), Tâm bất lão (674), Vua Bà sợ thần lửa (674).

**TẾ-HANH . . . . . 677 — 694**

Ao ước (trang 680), Quê hương (682), Lời con đường quê (682), Vu vơ (683), Người hà tiện (684), Trao đổi (685), Sống vội (685), Chết chừa (686)... Nhớ (686), ...Thương (687), Dễ thương (687), Viết lên trên cát (688), Có những con đường (689), Tám lịch đời (689), Vườn cũ (690), Độc ác (691), Mua hoa (691), Những đêm tối (692), Tâm sự (692), Những con chim (693).

**THAO-THAO . . . . . 695 — 725**

Ái Bắc (trang 702, trích lược toàn truyện), Quán Biên - thủy (709, trích Hồi thứ I, màn I, và Hồi thứ III, màn I), Người mù đạo trúc (718, màn chót).

**ĐÌNH HÙNG . . . . . 727 — 784**

Bài ca man rợ (757), Những hương sao rơi (759), Người gái thiên nhiên (759), Trời ảo diệu (761), Kỳ nữ (762), Hoa sử (763), Ác mộng (.64), Hương trinh bạch (765), Mê hồn ca (767), Lạc hồn ca (770), Đường vào tình sử (773), Ân tình dạ khúc (776), Giáp mặt phù dung (777), Xin hãy yêu tôi (778), Cảnh chim dĩ vãng (779), Khi mới nhón (781), Cung đàn tưởng niệm (783), Hoa bay về ngàn (783), Xuân âm hương rừng (784).

**LỜI BẠT . . . . . 785**



# KHUYNH HƯỚNG THI CA TIỀN CHIẾN

## Là Gì ? ?

— Là quyển sách đúc kết một thế hệ thi ca của biến cố văn học Việt-nam 1932 — 1945.

Nếu tú sách quý bạn đã có bộ VIỆT-NAM THI NHÂN TIỀN CHIẾN thì không thể bỏ sót quyển :

### KHUYNH HƯỚNG THI CA TIỀN CHIẾN

Nguyễn Tấn Long — Phan Cảnh

vì quý bạn cần có đề hiểu :

- ✦ Tại sao thi nhân tiền chiến lại dậy lên phong trào lãng mạn ? Nguyên ủy nào đã đưa họ đến sự lãng mạn ?
- ✦ Phong trào lãng mạn của thơ mới phá vỡ thế nào thành trì phái thơ cũ ?
- ✦ Những cuộc khẩu chiến và bút chiến giữa phái thơ cũ, thơ mới ra sao ? Ai thắng ? Thắng cách nào ? Sau chiến thắng, thế hệ trẻ đã hối hận ra sao ?
- ✦ Tại sao lại gây ra cuộc tranh luận giữa phái « nghệ thuật vị nghệ thuật » và « nghệ thuật vị nhân sinh » ?
- ✦ Những cây bút cừ khôi nào đã tham gia cuộc tranh luận sôi nổi này ? Họ chấm dứt tranh luận ra sao ? gặt hái được kết quả gì ?

Tất cả những thắc mắc trên đây quý bạn sẽ được giải đáp trong quyển sách cô đọng một thời đại thi ca là quyển

### KHUYNH HƯỚNG THI CA TIỀN CHIẾN

Qua sự tín nhiệm của bạn đọc đối với bộ VIỆT-NAM THI NHÂN TIỀN CHIẾN, chúng tôi sẽ liên tục cố gắng hiến những tài liệu quý báu với phần sưu tầm và khảo luận công phu.

**KHUYNH HƯỚNG THI CA TIỀN CHIẾN****Nguyễn Tấn Long — Phan Canh**

là một quyển sách văn học, nhưng với phương pháp biên soạn mới mẻ, tác phẩm sẽ gây cho bạn đọc thích thú bằng những câu văn hoa mỹ, lời lẽ thâm trầm, ý tưởng cao siêu, lý luận sắc bén của những cây bút nổi tiếng thời ấy.

ĐỌC KHUYNH HƯỚNG THI CA TIỀN CHIẾN quý bạn sẽ bỏ thành kiến « sách văn học dễ nhàm chán ». Quý bạn sẽ không ngờ nó là quyển sách bồi bổ kiến thức, giải trí thanh cao bằng những tư tưởng thâm thúy, sâu sắc đã vét từ não tủy của các bậc thâm nho cũng như của các mầm tinh hoa Tây - học.

# Việt-Nam Thi Nhân Hiện Chiến

do Nguyễn Tấn Long biên soạn

Là tác phẩm ghi lại giai đoạn quá độ của thể hệ thi ca lãng mạn 1932 — 1940, hay là một chuyên đoạn của nền thơ mới 1940 — 1945.

Sau khi chiến thắng thơ cũ, thơ mới vẫn còn nặng mang tính chất lãng mạn trữ tình, thì đất nước chúng ta bị lâm vào vòng khói lửa, nền thơ mới liền biến chất, chuyển hướng đấu tranh giành độc lập sau 80 năm bị xích xiềng đô hộ Pháp.

Các thi sĩ với tinh thần chiến đấu như :

..... Sơn-Khanh, Việt-Châu, Vũ-Anh-Khanh, Lam-Giang, Chim Xanh, Trúc Khanh, Ái-Lan, Thăm-Thệ Hà, Anh Huy, Tất-Vinh, Ninh-Huy, Hương-Hoa, Hoàng Tố-Như, Đăng-Phương, T. P., Thanh-Hữu, Liên-Chớp, Mộc Lan-Châu, Phạm-Từ Quyên, Tô-Phong v. v... và những thi phẩm vô danh mà nội dung của nó không làm sao ta quên được niềm uất hận và ý chí giải thoát khỏi gông cùm nô lệ của dân tộc.

Ở quyền Trung « *Việt-nam thi nhân tiền chiến* », chúng tôi định cống hiến bạn đọc những văn thơ khói lửa, nhưng vì tình trạng đất nước hiện nay và muốn tiếng thơ ở giai đoạn này không mất nhiều bản sắc đấu tranh, chúng tôi xin hẹn :

**VIỆT-NAM THI NHÂN HIỆN CHIẾN**

sẽ ra mắt bạn đọc trong một cơ hội thuận tiện hơn

Trân trọng giới thiệu một tác phẩm có giá trị do kết quả công phu sưu tập nhiều năm:

★ **CỔ  
VĂN  
TRUNG QUỐC**

— do Nguyễn Hiến-Lê  
sưu tập và chủ thích

— GIÁ: \$15.00

Với nội-dung:

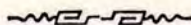


- Gồm 101 bài văn thơ trích trong kho tàng Cổ Văn Trung-Quốc trải qua các thời-đại: Xuân-Thu, Tần, Hán, Tấn, Đường, Tống, Minh.
- Những ông văn kiệt-tác của các văn-nhân nổi tiếng như MẠNH-TỬ, TRANG-TỬ, TƯ-MÃ-THIÊN, HÀN-DŨ, BẠCH-CU-DỊ, TỐ-THỨC, VƯƠNG-AN-THẠCH, v. v...
- Nguyên văn đã hay, văn dịch cũng không kém phần chính-xác, sáng-sủa, lưu-loát, ý văn lại càng nổi bật qua các lời chú-thích.
- Đầy đủ nguyên-tác bằng Hán-văn có phiên-âm để tiện tra cứu tham-khảo.

● **CÓ BÁN Ở CÁC HIỆU SÁCH LỚN TOÀN QUỐC** ●







1. Việt-Nam thi nhân tiền chiến (Thượng)
2. Việt-Nam thi nhân tiền chiến (Trung)
3. Việt-Nam thi nhân tiền chiến (Hạ)
4. Khuynh hướng thi ca tiền chiến
5. Thi Ca Bình Dân Việt - Nam 1  
(NHÂN SINH QUAN)
6. Thi Ca Bình Dân Việt - Nam 2  
(XÃ HỘI QUAN)
7. Thi Ca Bình Dân Việt - Nam 3  
(VŨ TRỤ QUAN)
8. Thi Ca Bình Dân Việt - Nam 4  
(SINH HOẠT THI CA)

